

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

★★★★★★★★

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH TIẾNG TRUNG QUỐC**  
**(NGỮ VĂN TRUNG QUỐC)**

**Mã ngành: 52.22.02.04**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – 2016**

# MỤC LỤC

*TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 2 năm 2015*

# **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

(Ban hành tại Quyết định số .....ngày.....tháng.....năm..... của Hiệu trưởng Trường Đại học  
Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP.HCM)

- Tên chương trình: **Giáo dục đại học**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Ngữ văn Trung Quốc**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy**
- Mã ngành đào tạo: **52.22.02.04**
- Trưởng nhóm dự án: **PGS.TS. Nguyễn Đình Phúc**

## **1. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH**

Chương trình Cử nhân Ngữ văn Trung Quốc hướng đến đào tạo những cử nhân hoàn thiện cả về mặt kiến thức chuyên môn lẫn kỹ năng xử lý và có tinh thần, thái độ phục vụ tốt để đáp ứng tốt yêu cầu của công việc liên quan đến đất nước, con người Trung Quốc. Chương trình đào tạo Cử nhân ngữ văn Trung Quốc được thiết kế theo các định hướng : Văn hoá ngôn ngữ Trung Quốc, Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc, Tiếng Trung Quốc trong lĩnh vực kinh tế thương mại, với mục tiêu:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về khoa học xã hội và nhân văn, về tiếng

Việt, về đất nước và con người Việt Nam.

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại về đất nước, con người Trung Quốc.

- Giúp sinh viên nắm bắt và vận dụng được kiến thức lý luận về tiếng Trung Quốc từ mức cơ bản tới nâng cao, sử dụng thành thạo tiếng Trung Quốc trong giao tiếp (tối thiểu đạt mức tương đương cấp 5 HSK hoặc trình độ C1 theo khung tham chiếu châu Âu), đồng thời hiểu và sử dụng được các thuật ngữ ở những chuyên ngành khác nhau.

- Rèn luyện và phát triển cho sinh viên khả năng vận dụng lý thuyết liên quan vào thực tiễn nghề nghiệp và các kỹ năng làm việc cơ bản.

- Cung cấp nguồn nhân lực có trình độ tiếng Trung Quốc cao, có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, tôn trọng nghề nghiệp, có khả năng tiếp tục tham gia học tập ở các bậc học cao hơn.

## 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thông qua quá trình học tập và các hoạt động ngoại khóa, sinh viên tốt nghiệp Cử nhân ngành Ngữ văn Trung Quốc được mong đợi sở hữu và phát huy các kiến thức, kỹ năng và thái độ sau:

### - *Kiến thức*

✓ Tích lũy đủ khối lượng kiến thức tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

✓ Nắm vững những kiến thức chuyên ngành về tiếng Trung Quốc (văn tự, ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp,...); nắm được bản chất, chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, văn hoá, văn học Trung Quốc để có thể phân tích, tổng hợp, so sánh với những trường hợp ở Việt Nam.

✓ Nắm vững và sử dụng những kiến thức cơ bản, hiện đại về đất nước, con người Trung Quốc (triết học, lịch sử, văn hoá, xã hội, văn học, kinh tế, chính trị,...); có hiểu biết về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá, để giao tiếp, vận dụng, ứng dụng thành công trong môi trường thực tế, môi trường giao tiếp liên văn hoá.

✓ Có kiến thức sâu về phiên dịch và biên dịch để thực hiện công việc phiên dịch, biên dịch trong nhiều lĩnh vực khác nhau (hành chính, kinh doanh, thương mại, văn chương, học thuật, du lịch, ngoại giao...)

### - *Kỹ năng*

### **+ Kỹ năng chuyên môn:**

✓ Sử dụng thành thạo tiếng Trung Quốc ở năm kĩ năng nghe, nói, đọc, viết (tối thiểu đạt mức tương đương cấp 5 HSK hoặc trình độ C1 theo khung tham chiếu châu Âu).

✓ Đọc, lý giải chính xác và soạn thảo được các thể loại văn bản chức năng bằng tiếng Trung Quốc trong các lĩnh vực thông thường phù hợp văn phong tiếng Trung Quốc.

✓ Có kỹ năng phát biểu ý kiến, tham gia thảo luận, thuyết trình bằng tiếng Trung Quốc một cách chính xác, mạch lạc, rõ ràng và thuyết phục.

### **+ Kỹ năng mềm:**

✓ Có khả năng quản lý thời gian, kĩ năng thích ứng, kĩ năng phát hiện, phân tích, tổng hợp và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị.

✓ Có năng lực phát triển nghề nghiệp. Biết sáng tạo, dẫn dắt và phát triển nghề nghiệp thông qua khả năng tự học, phát triển các kiến thức và kỹ năng cần thiết và khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của thực tế.

✓ Có khả năng giao tiếp xã hội hiệu quả..

✓ Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

### **- Thái độ**

✓ Trung thực trong nghề nghiệp, tuân thủ các quy tắc đạo đức trong khoa học và tôn trọng sự khác biệt. Tôn trọng quyền riêng tư và đảm bảo bí mật những thông tin của tổ chức, đối tác hoặc khách hàng khi tiến hành các hoạt động biên phiên dịch.

✓ Năng động trong công việc, chịu khó, kiên nhẫn trong học tập, nghiên cứu.

✓ Có thái độ nhiệt tình, hợp tác, tương trợ và thân thiện với đồng nghiệp; có ý thức học hỏi, cầu tiến.

### 3. NỘI DUNG KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NGỮ VĂN TRUNG

Stt	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ	Số tiết	Ghi chú		
			Tổng cộng		Lý thuyết	Thực hành	
<b>1.KH ỔI KIẾN</b>	46 tín chỉ,						
	không						
<b>THỨ C GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG NG</b>	kể 2 môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng						

<b>1.1</b>	10	5	5				
<b>Các môn lý luận chính trị</b>							
1	DAI001	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê nin 1	2	1	1	45	
2	DAI002	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê nin 2	3	1	2	60	
3	DAI003	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3	2	1	45	

4	DAI00 4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1	1	45	
<b>1.2</b>	14						
<b>Các môn khoa học xã hội</b>							
					<b>Nh óm họ c ph ần bá t bu ộc (12 TC )</b>		
1	DAI03 6	Phươn g pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1	45	
2	DAI02 5	Pháp lệnh đại cương	2	1	1	45	



3	DAI01 3	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	2	0	30	
4	DAI01 5	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	2	0	30	
5	DAI01 2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0	30	
26	DAI01 4	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	2	0	30	
	<b>Nhóm học phần tự chọn (4-5 TC)</b>						
1	DAI02 4	Nhân học đại cương	2	2	0	30	

2	DAI02 1	Logic học đại cương	2	1	1	45	
3	DAI02 2	Xã hội học đại cương	2	2	0	30	
4	DAI03 0	Tôn giáo học đại cương	2	2	0	30	
5	DAI02 3	Tâm lý học đại cương	2	2	0	30	
6	DAI02 9	Chính trị học đại cương	2	2	0	30	
7	DAI01 6	Lịch sử văn minh thế giới	3	3	0	45	
8	DAI01 7	Tiến trình lịch sử Việt Nam	3	3	0	45	
<b>1.3</b> <b>Ngoại</b> <b>ngữ 2</b>	15	15					

<b>1.4</b> Các môn khoa học tự nhiên	7	6	1				
1	DAI00 5	Thống kê cho khoa học xã hội	2	2	0	30	
2	DAI00 6	Môi trường và phát triển	2	2	0	30	
3		Tin học đại cương	3	2	1	45	
<b>1.5</b> Giáo dục thể chất	5						
<b>1.6</b> Giáo dục quốc phòng	8						

<b>2. KHỐI KIẾN THỨ C GIÁO DỤC CHU YÊN NGHI ỆP</b>	<b>94 tín chỉ + 20 tín chỉ tự chọn (bắt buộc)</b>											
	<b>2.1</b>	<b>Tổn g số TC</b>	<b>Tổn g số TC</b>	<b>TC lý thuy ết</b>	<b>TC lý thuy ết</b>	<b>TC thực hành</b>	<b>TC thực hành</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Số tiết</b>			
	<b>Môn kiến thức cơ sở ngành (bắt buộc)</b>	<b>D1 50</b>	<b>D4 41</b>	<b>D1 24</b>	<b>D4 26</b>	<b>D1 27</b>	<b>D4 16</b>	<b>D1</b>	<b>D4</b>			
	1	NVT0 35 (D4) NVT0 62 (D1)	Ngữ pháp sơ cấp 1	3	3	1	2	2	1	75	60	
	2	NVT0 36 (D4), NVT0 63 (D1)	Ngữ pháp sơ cấp 2	4	3	2	2	2	1	90	60	

3	NVT0 37 (D4) NVT0 64 (D1)	Ngữ pháp trung cấp 1	3	3	1	2	2	1	75	60	
4	NVT0 38 (D4), NVT0 65 (D1)	Ngữ pháp trung cấp 2	3	3	1	2	2	1	75	60	
5	NVT0 54	Ngữ pháp trung cấp 3	3	0	2	0	1	0	60	0	
6	NVT0 05 (D4) NVT0 56 (D1)	Dịch sơ cấp 1	3	3	1	2	2	1	75	60	
7	NVT0 06 (D4) NVT0 57 (D1)	Dịch sơ cấp 2	4	3	2	2	2	1	90	60	
8	NVT0 07 (D4) NVT0 58 (D1)	Dịch trung cấp 1	3	3	1	2	2	1	75	60	

9	NVT0 08 (D4) NVT0 59 (D1)	Dịch trung cấp 2	3	2	1	2	2	1	75	45	
10	NVT0 50	Dịch trung cấp 3	2	0	1	0	1	0	45	0	
11	NVT0 10	Đọc hiểu sơ cấp	2	1	1	45					
12	NVT0 11	Đọc hiểu trung cấp	2	1	1	45					
13	NVT0 19	Khẩu ngữ sơ cấp 1	2	1	1	45					
14	NVT0 20	Khẩu ngữ sơ cấp 2	2	1	1	45					
15	NVT0 21	Khẩu ngữ trung cấp 1	1	0	1	30					
16	NVT0 22	Khẩu ngữ trung cấp 2	1	0	1	30					

17	NVT0 29 (D4) NVT0 60 (D1)	Nghe sơ cấp 1	2	2	0	1	2	1	60	45	
18	NVT0 30(D4 ) NVT0 61 (D1)	Nghe sơ cấp 2	3	2	1	1	2	1	75	45	
19	NVT0 31	Nghe trung cấp 1	2	2	0	30					
20	NVT0 32	Nghe trung cấp 2	2	2	0	30					
<b>2.2</b>	<b>Tổng</b>	<b>Lý</b>	<b>Thực</b>								
<b>Môn</b>	<b>số</b>	<b>thuyết</b>	<b>hành</b>								
<b>kiến</b>		<b>t</b>									
<b>thức</b>											
<b>chung</b>											
<b>ngành</b>											
<b>chính</b>											
<b>(bắt</b>											
<b>buộc)</b>											
	<b>18</b>	<b>10</b>	<b>8</b>								

1	NVT0 26	Kỹ năng viết 1	2	1	1	45	
2	NVT0 27	Kỹ năng viết 2	2	1	1	45	
3	NVT0 34	Ngữ pháp cao cấp	3	2	1	60	
4	NVT0 04	Dịch cao cấp	3	2	1	60	
5	NVT0 46	Văn ngôn	2	1	1	45	
6	NVT0 28	Nghe nhìn	2	1	1	45	
7	NVT0 17	Khẩu ngữ cao cấp 1	2	1	1	45	
8	NVT0 18	Khẩu ngữ cao cấp 2	2	1	1	45	
<b>2.3</b>	<b>13</b>	<b>8</b>	<b>5</b>				
<b>Môn chuyên sâu ngành chính (bắt buộc)</b>							



1	NVT0 25	Kỹ năng phiên dịch	3	2	1	60	
2	NVT0 24	Kỹ năng biên dịch	3	2	1	60	
3	NVT0 48	Văn học Trung Quốc	2	1	1	45	
4	NVT0 33	Ngữ âm	2	1	1	45	
5	NVT0 47	Văn tự - Từ vựng	3	2	1	60	
<b>2.4</b>	<b>20</b>						
<b>Môn kiến thức bổ trợ (SV chọn học 20TC)</b>							
1	NVT0 01	Chỉnh âm	2	2	0	30	
2	NVT0 14	Hán tự 1	2	2	0	30	

3	NVT0 15	Hán tự 2	2	2	0	30	
4	NVT0 12	Giao tiếp sơ cấp	1	0	1	30	
5	NVT0 02	Đất nước học	2	1	1	45	
6	NVT0 03	Địa lý nhân văn Trung Quốc	2	2	0	30	
7	NVT0 40	Phân tích lỗi ngữ pháp thườn g gặp	2	2	0	30	
8	NVT0 09	Độc báo Trung Quốc	2	1	1	45	
9	NVT0 16	Khái lược lịch sử Trung Quốc	3	3	0	45	
10	NVT0 39	Nhập môn văn hoá Trung Quốc	2	1	1	45	

11	NVT	Chuyên đề ngữ pháp	2	1	1	45	
12	NVT0 13	Giáo học pháp	2	1	1	45	
13	NVT0 42	Tiếng Hán du lịch – khách sạn	3	2	1	60	
14	NVT0 43	Tiếng Hán thương mại	3	2	1	60	
15	NVT0 44	Tiếng Hán văn phòng	3	2	1	60	
16	NVT 045	Tu từ	2	1	1	45	
<b>2.5</b>	3	0	3	<b>90</b>			
<b>Thực tập thực tế NVT0 41</b>							

2.6	10			150					
<b>Khoá luận tốt nghiệp p (tùy chọn theo nguyện vọng, nếu làm KLTN sẽ trừ đi 10TC các môn kiến thức bổ trợ tự chọn)</b>									
<b>TỔNG CỘNG</b>				150	141				

*D1: thi đầu vào bằng tiếng Anh; D4: thi đầu vào bằng tiếng Trung Quốc*

*Ngoại ngữ 2: sinh viên tự tích lũy tín chỉ theo yêu cầu của nhà trường*

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

**PGS.TS. Nguyễn Đình Phúc**

Chương trình đào tạo chuyên ngành của khoa xác định rõ ràng kết quả học tập dự kiến đạt được người học, đó là:

### **1. Về kiến thức**

K1: Kiến thức - kỹ năng thực hành tiếng Trung từ bậc A1 (sơ cấp) đến bậc C1 (cuối trung cấp) theo Khung Tham chiếu ngoại ngữ Châu Âu CEFR, bao gồm các kỹ năng Nghe hiểu, Đọc hiểu, Viết, Vấn đáp và kiến thức về từ vựng, ngữ pháp

K2: Kiến thức nền tảng trong các lĩnh vực văn học, ngôn ngữ học, văn hóa, du lịch, lịch sử, kinh tế, thương mại, chính trị và xã hội

K3: Kiến thức tiếng Trung hướng nghiệp và những kiến thức bổ trợ cho nghề nghiệp hoặc tu nghiệp nâng cao ở bậc học cao hơn (Thạc sĩ, tiến sĩ)

K4: Trang bị cho người học các kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ dịch nói -khẩu ngữ, biên phiên dịch, rèn luyện khả năng xử lý các tình huống trong công tác biên phiên dịch ...Cung cấp những thuật ngữ và các kiến thức về biên phiên dịch thương mại, văn phòng, du lịch, khách sạn, văn hóa ngôn ngữ...Có đầy đủ kiến thức để vận dụng trong công việc, dạy học hoặc nghiên cứu khoa học.

### **2. Về Kỹ năng**

#### **2.1 Kỹ năng cứng**

S1: Kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung qua tiếp xúc trực tiếp hoặc qua thư từ văn bản trong các tình huống giao tiếp xã hội thông thường hoặc trong công việc, kể cả giao tiếp liên văn hóa

S2: Có kỹ năng áp dụng nền kiến thức rộng kết hợp sâu sắc với những khái niệm lý thuyết và kỹ năng chuyên môn.

S3: Có kỹ năng phát hiện, thu thập, phân tích, tổng hợp và xử lý thông tin bằng tiếng Trung từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau

S4: Có khả năng tham gia giảng dạy, hoặc nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực công tác

S5: Kỹ năng vận dụng linh hoạt và phù hợp kiến thức để thực hiện, xử lý các vấn đề thực tiễn trong công việc.

#### **2.2 Kỹ năng mềm**

S6: Quản lý tốt thời gian cá nhân, tự đánh giá kết quả công việc, hoàn thành công việc đúng hạn.

S7: Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, trao đổi, truyền đạt thông tin và chuyển giao kiến thức tốt.

S8: Có kỹ năng tự học, tự phát triển bản thân, tự trau dồi kiến thức và phát triển nghề nghiệp.

### **3. Về Thái độ**

A1: Có lối sống lành mạnh văn minh, có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng

A2: Thái độ ứng xử thân thiện, khiêm tốn, nhiệt tình và hòa đồng với đồng nghiệp.

A3: Thái độ làm việc khoa học, không ngừng học hỏi và bồi dưỡng chuyên môn, kiến thức, kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp.

# MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Tên môn học: **Chỉnh Âm**

Mã môn học: NVT001

*ThS. Trương Phan Châu Tâm*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Ngữ Âm là một bộ phận vô cùng quan trọng trong bất kỳ loại ngôn ngữ nào. Ngữ Âm trong tiếng Hán cũng là một phần không thể thiếu đối với người học tiếng Hán. Ở cấp độ Sơ Cấp, người học chỉ cần nắm bắt các kiến thức cơ bản về Ngữ Âm trong tiếng Trung, như các Thanh mẫu, Vận Mẫu, Thanh Điều, v.v... và cách pháp âm chúng.

Môn Chỉnh Âm là môn học cơ bản về kỹ năng, làm nền cho môn Ngữ Âm. Trọng tâm của môn học này là giới thiệu sơ lược về hệ thống phiên âm tiếng Hán, phân loại và luyện đọc cụ thể từng Thanh mẫu, Vận mẫu, Thanh điều, sau đó thực hành luyện tập ghép âm, đọc thành câu. Ngoài ra, môn học còn cung cấp một số kiến thức cơ bản về các biến thanh, các trường hợp đặc biệt trong Ngữ Âm. Môn học cũng kết hợp với các bài tập nghe (chủ yếu là nghe âm của các từ, cụm từ, câu) để tăng ấn tượng với các âm chuẩn, từ đó giúp sinh viên phát âm chuẩn hơn.

Sau khi nắm bắt cách đọc, sinh viên tiến hành luyện tập trên lớp và giảng viên sẽ chỉ ra những lỗi sai (nếu có) và đưa ra cách chỉnh sửa cụ thể.

2. Tên môn học: **Đất nước học Trung Quốc**

Mã môn học: NVT002

*TS. Cái Thi Thủy, ThS. Võ Ngọc Tuấn Kiệt*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Nội dung chính của Đất nước học Trung Quốc học chủ yếu là tìm hiểu xã hội và văn hóa Trung Quốc. Nội dung môn học phong phú, các chủ đề đa dạng, từ các phương diện địa lý, lịch sử, tư tưởng, văn hóa, chính trị, kinh tế... hệ thống khái quát và phân tích sơ lược các đặc điểm xã hội và văn hóa đặc thù Trung Hoa.

### 3. Tên môn học: **Địa lí nhân văn Trung Quốc**

Mã môn học: NVT003

*ThS. Cao Thị Quỳnh Hoa*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Thông qua địa lí từng vùng, sinh viên sẽ được tìm hiểu về phong tục, tập quán, danh lam thắng cảnh, công trình kiến trúc, ẩm thực, đồ mĩ thuật truyền thống của từng vùng miền.

Phần mở đầu sẽ học khái quát về đất nước, con người Trung Quốc, ví dụ như địa lí, diện tích, địa hình, sông ngòi, dân tộc, chữ viết v.v...

Phần tiếp theo sẽ đi vào nội dung cụ thể từng vùng, khu vực hay thành phố như Bắc kinh, Tây An, Hàng Châu, Tô Châu, Nam Kinh, Quảng Tây, Tân Cương. Ví dụ học về thủ đô Bắc Kinh sẽ về tìm hiểu về Bắc Kinh xưa và nay, kiến trúc Cố cung, Di Hoà Viên, Tứ hợp viện, Kinh kịch, đồ thủ công Cảnh Thái lam, một số món ăn đặc trưng như vịt quay Bắc Kinh; các món ăn vặt, món ăn đường phố v.v...

### 4. Tên môn học: **DỊCH CAO CẤP**

Mã môn học: NVT004

*ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Đây là môn học bắt buộc đối với tất cả các sinh viên khi bước vào học kỳ thứ 6 (học kỳ 2, năm III). Môn học gồm 6 bài cụ thể, mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khoá, bài tập trên lớp, bài tập về nhà.

- Từ mới là những từ trích dẫn từ bài khoá, đa phần là những từ thường dùng, tần số xuất hiện cao. Mỗi bài có khoảng 50 đến 70 từ mới.

- Phần bài khoá là những bài có độ dài khoảng trên dưới 3000 từ, trong đó có những bài đã được cải biên để phù hợp với trình độ của sinh viên, có những nguyên tác của các nhà văn nổi tiếng Trung Quốc, nội dung các bài khoá phản ánh cuộc sống xã hội đương đại được chắt lọc từ báo chí, internet và từ những tác phẩm văn học.



- Phần bài tập thường chú trọng vào việc thực hành dịch xuôi, dịch ngược. Yêu cầu sinh viên dịch các mẫu câu dài, có độ phức tạp lẫn lộn nhất định, trong đó có những từ trọng điểm và dịch bài khoá sang tiếng Việt. Ngoài ra, khi gặp phải các điểm ngữ pháp quan trọng, người dạy cũng sẽ đưa ra các câu tiếng Việt yêu cầu sinh viên vận dụng các điểm ngữ pháp ấy để dịch sang tiếng Hoa. Tuy nhiên, tùy theo tính chất từng môn học mà mức độ chú trọng và tập trung vào mỗi phần của bài học có sự khác biệt. Nội dung học cụ thể sẽ được đề cập đến trong 13 - “Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể”.

#### 5. Tên môn học: **Dịch sơ cấp 1 (D4)**

Mã môn học: NVT005

*ThS. Huỳnh Nguyễn Thùy Trang*

#### **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Đây là môn học bắt buộc đối với tất cả các sinh viên năm thứ nhất khi bước vào học kỳ đầu tiên (học kỳ 1, năm I). Môn học gồm 25 bài cụ thể, mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khoá, ngữ pháp, bài tập. Môn học rèn luyện kỹ năng dịch Việt – Hán, Hán – Việt, giúp sinh viên vận dụng thông thạo các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng đã học trong dịch thuật Việt – Hán, Hán – Việt, đồng thời tạo kiến thức nền để sinh viên tiếp tục học chương trình Dịch sơ cấp 2.

Giáo trình chính của môn học gồm:

[1] ??? (2006), ??????(???) (?)(???), ??????????, ???

[2] ??? (2006), ??????(???) (?)(???), ??????????, ???

[3] ??? (2006), ??????(???) (?)(???), ??????????, ???

Thông qua môn học, sinh viên có thể nắm được những kỹ năng cơ bản về dịch thuật và từ vựng trong quá trình học; dịch được những câu, đoạn văn cơ bản (từ tiếng Trung sang tiếng Việt và ngược lại); phân tích và đánh giá được những câu văn, đoạn văn đã dịch sẵn; áp dụng những kỹ năng và vốn từ đã học vào bài tập cụ thể và thực tiễn cuộc sống.

#### 6. Tên môn học: **Dịch sơ cấp 2 (D4)**

Mã môn học: NVT006

*ThS. Hàn Hồng Diệp*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Rèn luyện kỹ năng dịch từ tiếng Việt sang tiếng Hán và từ tiếng Hán sang tiếng Việt cho sinh viên năm 1 chuyên ngành Ngữ văn Trung Quốc.

Vận dụng các điểm ngữ pháp và từ mới của mỗi bài để dịch các câu đơn giản, tập dịch ngược và xuôi các bài khóa. Trong giai đoạn này bắt đầu làm quen tư duy bằng ngôn ngữ đích.

7. Tên môn học: **DỊCH TC1 (D4)**

Mã môn học: NVT007

*ThS. Trần Tuyết Nhung*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** hướng dẫn lý thuyết và luyện kỹ năng dịch từ tiếng Việt sang tiếng Hán hoặc từ Hán sang Việt các câu, đoạn văn.

- Mục tiêu môn học: giúp sinh viên năm 2 nâng cao kỹ năng dịch Việt – Hán và Hán - Việt. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể đạt được vốn từ vựng khoảng 3000 từ. Có kỹ năng dịch những câu tương đối phức tạp, các đoạn văn tương đối khó.

- Trình độ: dành cho sinh viên năm thứ 2, khối D4.

- Nội dung bài giảng bao gồm các phần:

- ❖ Từ vựng: Giải thích từ ngữ, từ chuyên môn, thành ngữ, tục ngữ và các ngữ cố định, mở rộng từ.
- ❖ Từ pháp: giảng dạy cách sử dụng từ ngữ, phân biệt cách dùng của những từ cận nghĩa. Người dạy đưa ra các câu tiếng Việt yêu cầu sinh viên dịch sang tiếng Hoa. Sinh viên cũng có thể tự đặt câu.
- ❖ Bài khóa: Sinh viên đọc dịch bài khóa sang Tiếng Việt. Nội dung các bài khóa phản ánh cuộc sống xã hội đương đại Trung Quốc được chắt lọc từ báo chí, internet. Người dạy hướng dẫn sinh viên dịch những đoạn văn khó một cách lưu loát, phù hợp với văn phong tiếng Việt.

- ❖ Bài tập: Đọc, dịch các đoạn văn ngắn. Thực hành dịch xuôi, dịch ngược. Yêu cầu sinh viên dịch các mẫu câu dài, phức tạp từ tiếng Hoa sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng Hoa.

#### 8. Tên môn học: **DỊCH TC2 (D4)**

Mã môn học: NVT008

*ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Đây là môn học bắt buộc dành cho sinh viên năm 2 khối D4, học kỳ 4. Môn học bao gồm 10 bài, được thiết kế đầy đủ các phần: bài khóa, từ vựng, bài tập luyện dịch trên lớp và bài tập về nhà.

- Từ vựng: là những từ mới xuất hiện trong bài khóa. Ở mỗi bài có khoảng từ 40 đến 60 từ vựng bao gồm cả hư từ và thực từ. Bổ sung thêm vào lượng từ vựng mà sinh viên đã tích lũy từ trước.
- Bài khóa: là những bài văn được trích dẫn từ báo chí Trung Quốc, hoặc những tác phẩm văn học nổi tiếng của Trung Quốc, phản ánh chân thật đời sống, văn hóa, xã hội... của người dân Trung Quốc. Giúp sinh viên có kiến thức nền tảng, hỗ trợ cho việc dịch thuật.
- Bài tập luyện dịch: giáo viên sẽ dựa trên những từ vựng trọng điểm ở mỗi bài để xây dựng những bài tập nâng cao trình độ dịch thuật của sinh viên từ câu văn sang đoạn phức tạp.

Môn Dịch TC2 sẽ là tiền đề để sinh viên tiếp tục học Môn Dịch Cao Cấp sau này.

#### 9. Tên môn học: **ĐỌC BÁO TRUNG QUỐC**

Mã môn học: NVT009

*ThS. Cao Thị Quỳnh Hoa*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Đọc báo Trung Quốc là môn học rèn luyện kỹ năng đọc hiểu với các thể tài báo chí có nội dung đề cập mọi lĩnh vực đời sống Trung Quốc đương đại như ngoại giao, cải cách mở cửa, kinh tế, môi trường, giáo dục, việc làm, giao thông, thanh niên, phụ nữ, hôn nhân, ...

Trọng điểm giảng dạy học tập tập trung vào các nội dung: từ ngữ, kết cấu - mẫu câu, ngữ đoạn, thể loại, kỹ năng đọc hiểu.

#### Phần 1. Những nội dung giảng dạy về từ ngữ

- 1.1 Từ ngữ cơ bản thường dùng trong báo chí
- 1.2 Thuật ngữ chuyên ngành: chú trọng những từ ngữ chuyên môn mới xuất hiện, khó hiểu hoặc những từ ngữ có nội hàm văn hóa cao.
- 1.3 Thành ngữ và các ngữ cố định.
- 1.4 Những từ ngữ rút gọn, các cách diễn đạt văn tắt
- 1.5 Cách dùng các hư từ

Phần 2. Các loại câu thông dụng trong báo chí: câu thường dùng trong báo chí có 3 đặc điểm: câu dài, câu khó, câu phức tạp. Trong khóa học này, chú trọng các loại câu sau: câu vị ngữ động từ, câu thường dùng trong văn ngôn và câu nhiều thành phần. Luyện tập rút gọn câu dài thành các câu cơ bản, phân tích kết cấu câu để hiểu chính xác ý nghĩa câu (không chú trọng luyện tập đặt câu).

Phần 3. Các đoạn văn: hướng dẫn phương pháp đọc hiểu chính xác từng đoạn và bài văn: tìm ý nghĩa chủ đề của từng đoạn văn, mối quan hệ ngữ pháp của các câu trong đoạn văn và giữa các đoạn với nhau, vai trò của từng đoạn văn trong cả bài, khái quát ý nghĩa của cả bài. Phân tích bố cục của bài báo để nâng cao khả năng đọc hiểu báo chí.

Phần 4. Sinh viên thực hành: sinh viên chia thành các nhóm, mỗi nhóm tự tìm các bài báo có tính thời sự, tóm tắt nội dung và phân tích trước lớp, các nhóm tiến hành thảo luận và tự đánh giá tổng kết dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

10. Tên môn học: **Đọc hiểu sơ cấp (D1)**

Mã môn học: NVT010

*ThS. Vũ Thị Hương Trà, TS. Hoàng Tố Nguyên*

**Mô tả văn tắt nội dung môn học:**

Đây là môn học bắt buộc dành cho sinh viên ở học kỳ 2/ học kỳ hè năm thứ nhất. Môn học nhằm hướng dẫn, rèn luyện cho sinh viên nắm vững các kỹ năng đọc hiểu; từng bước trau dồi khả năng đọc hiểu độc lập cho sinh viên. Giáo trình chính dành cho môn học là ??????( ?????? ), do Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh biên soạn, tác giả ??? chủ biên. Giáo trình này cung cấp cho người học vốn từ vựng đa dạng, phù hợp trình độ; các bài đọc có nội dung phong phú thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như: kinh tế, văn hóa, ẩm thực, đời sống xã hội, hôn nhân và gia đình...; Thông qua những bài đọc này, SV bên cạnh việc nắm bắt được những kiến thức kỹ năng ngôn ngữ cần thiết, còn có thể mở rộng thêm sự hiểu biết của mình về đất nước và con người Trung Quốc ở nhiều khía cạnh khác nhau. Môn học cũng sẽ giúp sinh viên củng cố và nắm chắc hơn các cấu trúc ngữ pháp cũng như ý nghĩa của một số từ ngữ khó trong từng ngữ cảnh cụ thể... Mỗi đơn vị bài trong sách được phân thành 4 đoạn đọc (trung bình SV sẽ học 3 đoạn/5 tiết) có nội dung thống nhất với chủ đề chính của toàn bài. GV khi lên lớp sẽ giới thiệu những từ ngữ, cấu trúc trọng tâm, hướng dẫn SV đọc bài, tìm thông tin và thực hiện phần bài tập sau mỗi đoạn đọc để sinh viên rèn kỹ năng đọc và hiểu rõ nội dung của từng bài học.

#### 11. Tên môn học: **ĐỌC HIỂU SƠ CẤP (D4)**

Mã môn học: NVT010

*ThS. Vũ Thị Hương Trà, TS. Hoàng Tố Nguyên*

#### **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Nội dung môn học chủ yếu hướng dẫn, rèn luyện cho sinh viên nắm vững được các kỹ năng đọc hiểu như: đọc lướt 400 từ trong 3 – 3.5 phút để tìm ý chính của bài hoặc các thông tin cần thiết, đọc và đoán nghĩa của từ mới trong bài, phân tích bài đọc, tóm tắt nội dung của bài đọc; đồng thời làm đúng các bài tập cũng như các đề thi về phán đoán đúng sai, điền từ... Mục tiêu của môn học này là củng cố và nâng cao vốn từ vựng của sinh viên, giúp sinh viên nắm vững các cấu trúc phức tạp của câu, đồng thời rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đọc hiểu các bài đọc với nhiều chủ đề khác nhau như: gia đình, xã hội, tự nhiên, văn hóa, văn học, công nghệ thông tin...

GV khi ở trên lớp sẽ giới thiệu những từ vựng chính, hướng dẫn SV hiểu các cấu trúc câu

quan trọng trong bài và hiểu ý chính của bài, sau đó cho SV đọc lướt nắm thông tin và làm bài tập theo thời gian quy định, cuối cùng GV sửa bài và cho SV đọc kỹ lại để hiểu bài hơn; hoặc GV đặt câu hỏi thảo luận có liên quan đến bài học và cho SV tóm tắt bài khóa, trình bày và nêu ý kiến về bài học.

## 12. Tên môn học: **Độc hiểu trung cấp (D1)**

Mã môn học: NVT011

*ThS. Cao Thị Quỳnh Hoa*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Thông qua các kỹ năng đọc, người học sẽ tiếp xúc với các văn bản phù hợp với trình độ và từng kỹ năng đọc.

Người học sẽ được học về các thành ngữ, cách phân tích các mẫu câu, các đoạn văn và cả văn bản. Tùy theo yêu cầu của bài tập từng văn bản, người học sẽ học các kỹ năng về đọc như đọc kỹ, đọc lướt hoặc đọc tìm thông tin. Sau đó sẽ hoàn thành các bài tập theo văn bản.

Nội dung bài học sẽ thay đổi tùy theo từng khoá học, nhưng cũng chỉ xoay quanh các chủ đề như là: Giáo dục, Cuộc sống, Đất nước con người, Kinh tế xã hội, Bảo vệ môi trường, Khoa học kỹ thuật v.v....

## 13. Tên môn học: **Độc hiểu trung cấp (D4)**

Mã môn học: NVT011

*ThS. Cao Thị Quỳnh Hoa*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Thông qua các kỹ năng đọc, người học sẽ tiếp xúc với các văn bản phù hợp với trình độ và từng kỹ năng đọc.

Người học sẽ được học về các thành ngữ, cách phân tích các mẫu câu, các đoạn văn và cả văn bản. Tùy theo yêu cầu của bài tập từng văn bản, người học sẽ học các kỹ năng về đọc như đọc kỹ, đọc lướt hoặc đọc tìm thông tin. Sau đó sẽ hoàn thành các bài tập theo văn bản.

Nội dung bài học sẽ thay đổi tùy theo từng khoá học, nhưng cũng chỉ xoay quanh các chủ đề như là: Cuộc sống của sinh viên, Giao tiếp trong xã hội, Văn hoá ẩm thực, du lịch, Bảo vệ môi trường,

Mua sắm, Sức khỏe, Phong tục tập quán v.v....

#### 14. Tên môn học: **Giao tiếp sơ cấp**

Mã môn học: NVT012

**ThS. TRẦN TUYẾT NHUNG**

##### **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

- Nội dung môn học chủ yếu cung cấp cho sinh viên đủ từ vựng, cấu trúc câu, khả năng nghe hiểu để giao tiếp cơ bản thành công. Đồng thời thực hành để rèn luyện vận dụng kiến thức môn học vào các tình huống giao tiếp cơ bản hằng ngày. Thông qua môn học sinh viên nắm được cách thức và phương pháp khi tiến hành giao tiếp trong những tình huống khác nhau.
- Chủ đề giảng dạy xoay quanh các vấn đề : ẩm thực, quan điểm về nghề nghiệp lý tưởng, giao tế , mua sắm – trả giá, nói về sở thích cá nhân...
- Nội dung bài giảng bao gồm các phần:
  - ❖ Từ vựng: Các từ ngữ cơ bản thường dùng trong giao tiếp, từ chuyên môn, thành ngữ, tục ngữ và các ngữ cố định.
  - ❖ Mẫu câu: Mẫu câu cơ bản sử dụng cho những tình huống giao tiếp theo chủ đề khác nhau.
  - ❖ Hội thoại: bao gồm các mẫu hội thoại theo chủ đề. Sinh viên tiến hành đọc, dịch và thực hành giao tiếp dựa trên nội dung bài học.
  - ❖ Bài tập: Thực hành đặt câu với các từ ngữ cho sẵn, căn cứ vào những câu cho sẵn để hoàn thành đàm thoại. Đọc và thực hành các đoạn đàm thoại ngắn.
  - ❖ Thực hành nói theo chủ đề. Sinh viên chia thành nhóm thực hành nói theo chủ đề trước lớp. Giáo viên đánh giá bài nói, phân tích lỗi sai về ngữ pháp, cách thức biểu đạt, cách vận dụng từ ngữ, nội dung của bài nói.

#### 15. Tên môn học: **Giáo học pháp**

Mã môn học: NVT013

*ThS. Bùi Thị Hạnh Quyên*

**Mô tả văn tắt nội dung môn học:**

Môn học hướng dẫn những phương pháp giảng dạy các nội dung chủ yếu khi học tiếng Trung Quốc như phương pháp giảng dạy về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, chữ viết, đồng thời cũng hướng dẫn phương pháp giảng dạy những kỹ năng cơ bản như nghe, nói, đọc, viết. Ngoài ra người học còn được luyện tập xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình giảng dạy, cách đánh giá, khen thưởng hoặc phê bình. Tham gia môn học này, người học sẽ thực hành soạn giáo án nội dung giảng dạy, thao giảng trên lớp, đóng góp ý kiến, thảo luận để rút ra kinh nghiệm từ bản thân và từ những người học khác.

16. Tên môn học: **HÁN TỰ 1**

Mã môn học: NVT014

*TS. Trương Gia Quyên*

**Mô tả văn tắt nội dung môn học:**

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chữ Hán, để người học có một cái nhìn khái quát về loại chữ hình tượng này. Nội dung chủ yếu bao gồm: Nguồn gốc hình thành chữ Hán, tại sao chữ Hán không đi theo con đường latin hoá; Kết cấu chữ Hán; Chữ Hán được tạo ra bằng cách nào; cung cấp kiến thức bộ thủ, quy tắc bút thuận, giúp người học dễ nắm, dễ nhớ, dễ viết chữ; cung cấp một số văn hoá qua chữ Hán, từ đó phân biệt những từ có hình dạng gần nhau, hay nhầm lẫn...Đồng thời, môn học còn giúp người học tìm hiểu những văn hoá ẩn chứa bên trong hình thể của chữ, từ đó, người học sẽ hiểu được tại sao chữ này lại viết như vậy, có ý nghĩa gì, âm đọc như thế nào?...

Thông qua môn học, người học hiểu được chữ Hán được hình thành như thế nào, vận dụng được những kiến thức đã học vào trong việc học, nhớ, viết chữ, từ đó cảm thấy hứng thú hơn với việc học chữ Hán, tiếng Hán, góp phần nâng cao trình độ tiếng Hán.

17. Tên môn học: **HÁN TỰ 2**



Mã môn học: NVT015

*PGS.TS Nguyễn Đình Phúc, ThS. Diệc Thế An*

**Mô tả văn tắt nội dung môn học:**

Môn học này tiếp nối môn Hán tự 1, tiếp tục cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chữ Hán, tập trung chủ yếu vào 05 khía cạnh sau:

- Nguyên lý diễn biến hình thể của chữ Hán
- Chữ Hán giản thể và cuộc cải cách văn tự ở Trung Quốc
- Chữ Hán trong Hán tự giản hóa phương án và Giản hóa tự tổng biểu
- Phương pháp giản hóa chữ Hán
- Nguyên tắc đối ứng giữa chữ giản thể và phồn thể
- Bài tập ứng dụng, thuyết trình

Thông qua chuyên đề này, người học nắm chắc nguyên tắc chuyển đổi giữa hai hệ thống chữ viết, tạo thuận lợi cho việc tác nghiệp sau khi tốt nghiệp.

18. Tên môn học: **Khái lược lịch sử Trung Quốc**

Mã môn học: NVT016

*GVC Võ Mai Bạch Tuyết*

**Mô tả văn tắt nội dung môn học:**

Giới thiệu khái quát lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc Trung Hoa và nước Trung Quốc theo chiều dài lịch sử và thành tựu văn hóa của nước đó qua các thời kỳ.

19. Tên môn học: **Khẩu ngữ cao cấp 1**

Mã môn học: NVT017

*TS. Tống Thị Quỳnh Hoa*

**Mô tả văn tắt nội dung môn học:**

Thuyết trình, thảo luận theo các chủ đề nhằm nâng cao kỹ năng khẩu ngữ của người học. Nội dung bài khóa phong phú, gần gũi, liên quan đến những vấn đề nổi bật trong đời sống xã hội

thực tế. Người học trình bày ý kiến cá nhân, thảo luận nhóm, trao đổi ý kiến hoặc tranh luận đa chiều, vừa nâng cao kỹ năng khẩu ngữ, vừa bổ sung kiến thức xã hội, nâng cao tinh thần làm việc theo nhóm....

Nội dung chủ yếu gồm có:

Phần 1, giới thiệu các kỹ năng biểu đạt.

Phần 2, các bài khóa chính bao gồm nội dung về tình yêu hôn nhân, bình đẳng nam nữ, giáo dục gia đình, kinh tế, môi trường sinh thái, quan niệm sống, sự nghiệp ....

Phần 3, thực hành: chia nhóm thảo luận hoặc cá nhân thuyết trình. Trao đổi thảo luận, trình bày xoay quanh các vấn đề liên quan đến bài khóa. Giúp người học nắm rõ nội dung bài khóa, đồng thời trên cơ sở đó phát triển mở rộng nội dung thảo luận, trao đổi ý kiến, rèn luyện kỹ năng diễn đạt.

20. Tên môn học: **Khẩu ngữ cao cấp 2**

Mã môn học: NVT018

*ThS. Hàn Hồng Diệp*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Các bài khóa với chủ đề phong phú, gần gũi với thực tế, đưa ra nhiều luồng ý kiến khác nhau đan xen để người học có thể tiến hành thảo luận xung quanh các vấn đề nổi bật của xã hội ngày nay. Mỗi một đề tài đều có khoảng 3 bài khóa nói về các quan điểm theo từng đề tài, sinh viên thuyết trình xoay quanh vấn đề và các quan điểm được đề cập trong đề tài để làm rõ vấn đề. Sau đó các nhóm chia nhau từng vấn đề cụ thể để triển khai và đưa ra quan điểm của nhóm mình. Giáo viên và sinh viên cùng góp ý để làm rõ vấn đề chưa được giải quyết.

21. Tên môn học: **Khẩu ngữ sơ cấp 1 (D1)**

Mã môn học: NVT019

*TS. Hoàng Tố Nguyên, ThS. Huỳnh Nguyễn Thùy Trang*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Nội dung môn học chủ yếu hướng dẫn cho sinh viên mới bắt đầu học tiếng Trung những kiến thức cơ bản về chữ Hán, cách phát âm, hệ thống phiên âm, ngữ âm, ngữ điệu, đồng thời cung cấp cho sinh viên từ vựng, cấu trúc câu, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đàm thoại ở mức độ sơ cấp.

Thông qua môn học, sinh viên có thể nắm vững được các quy tắc về phát âm, vận dụng tốt các câu nói cơ bản trong cuộc sống hàng ngày; sử dụng thuần thục những từ ngữ, mẫu câu và ngữ pháp đơn giản để có thể giao tiếp suôn sẻ; phát âm chính xác, nghe hiểu các đoạn hội thoại đơn giản và có khả năng giao tiếp lưu loát những câu đàm thoại cơ bản trong cuộc sống hàng ngày.

Giáo trình chính của môn học gồm:

[1] ??????(???) (?)(???), ???, ??????????, 2006 ??

[2] ??????(???) (?)(???), ???, ??????????, 2006 ??

[3] ??????(???) (?)(???), ???, ??????????, 2006 ??

Nội dung chi tiết môn học: tổng cộng học 9 buổi, 5 tiết / buổi. Mỗi bài bao gồm sáu phần: bài khóa, từ mới, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp, bài tập.

GV hướng dẫn SV hiểu rõ nghĩa và phát âm chính xác các từ mới và nắm vững các điểm ngữ pháp chính, chú thích, các mẫu câu đàm thoại, đoạn văn trong bài khóa. Sau khi hoàn thành xong phần từ mới, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp, bài khóa, GV cho SV làm bài tập theo giờ quy định, sau đó chỉnh sửa và cuối cùng cho SV thực hành đàm thoại, đọc lưu loát nội dung bài khóa, bài đọc thêm; đồng thời GV đặt các câu hỏi có liên quan đến bài học cho SV trả lời.

22. Tên môn học: **Khẩu ngữ sơ cấp 1(D4)**

Mã môn học: NVT019

**TS. Khưu Chí Minh**

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Khẩu ngữ sơ cấp 1 (D4) là môn học rèn luyện kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung, kết hợp với kiến thức ngữ pháp và kỹ năng dịch của môn Ngữ pháp sơ cấp 1 (D4) và Dịch sơ cấp 1 (D4). Môn học gồm khoảng 1000 từ vựng, với nhiều chủ điểm về nhiều lĩnh vực trong đời sống hàng

ngày, có ghi âm mẫu của người bản xứ với phát âm chuẩn xác.

Giáo trình chính của môn học:

[1] ??????(???) (?) (???), ???, ??????????, 2006 ??

[2] ??????(???) (?) (???), ???, ??????????, 2006 ??

[3] ??????(???) (?) (???), ???, ??????????, 2006 ??

Qua môn học sinh viên có thể phát âm đúng các thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu trong hệ thống phiên tiếng Trung Quốc, có thể giao tiếp đơn giản trong các chủ đề thông thường, diễn tả được ý của mình trong nhiều hoàn cảnh khác nhau, hiểu biết hơn về đất nước và con người Trung Quốc, vận dụng được những kiến thức ngữ pháp cơ bản vào thực tế giao tiếp.

23. Tên môn học: **Khẩu ngữ Sơ cấp 2 (D1)**

Mã môn học: NVT020

**TS. CÁI THI THỦY**

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Đây là môn học bắt buộc đối với tất cả các sinh viên năm thứ nhất khi bước vào học kỳ thứ 2 (học kỳ 2, năm I). Nội dung môn học chủ yếu cung cấp cho sinh viên từ vựng, cấu trúc câu, rèn luyện khả năng giao tiếp, nghe hiểu cho sinh viên ở mức độ cao hơn.

24. Tên môn học: **Khẩu ngữ sơ cấp 2(D4)**

Mã môn học: NVT020

**ThS. Hàn Hồng Diệp**

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Đây là môn học bắt buộc đối với tất cả các sinh viên năm thứ nhất khi bước vào học kỳ thứ 2 (học kỳ 2, năm I). Nội dung môn học chủ yếu cung cấp cho sinh viên từ vựng, cấu trúc câu, rèn luyện khả năng giao tiếp, nghe hiểu cho sinh viên ở cấp độ cao hơn sơ cấp. Sinh viên bước đầu làm quen tư duy bằng ngôn ngữ đích, thực hành nói và giao tiếp với các đề tài xoay quanh cuộc sống hằng ngày như: đi học, đi mua sắm, chuyện nhà, chuyện bạn bè, v.v

Sinh viên tự trình bày một đề tài nào đó, các bạn khác tham gia đặt câu hỏi và tiến hành thực hiện giao tiếp xoay quanh đề tài vừa trình bày.

25. Tên môn học: **Khẩu ngữ trung cấp 1 (D1)**

Mã môn học: NVT021

*ThS. Nguyễn Minh Thúy*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Tổng cộng 6 bài với 6 chủ đề lớn, qua luyện tập, sinh viên đạt được trình độ nhất định về khả năng giao tiếp trong cuộc sống, có thể diễn đạt mạch lạc theo nội dung của 6 bài nghe, qua đó bày tỏ được quan điểm của bản thân, ngoài ra còn có thể tranh luận với mọi người về một đề tài theo bài học. Sinh viên trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình, áp dụng vào cuộc sống với những kiến thức cung cấp trong giáo trình, sinh viên phát triển kỹ năng nói-nghe hiểu theo từng câu, đoạn, từ đó đối đáp và cư xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp.

- a. Lên lớp: 24 tiết
- b. Thực hành làm bài tập
- c. Tự học, tự nghiên cứu: tự rèn luyện thêm kỹ năng nghe, nói
- d. Thảo luận nhóm, thuyết trình: 6 tiết
- e. Các hình thức khác: đi thực tế để thực hành giao tiếp

26. Tên môn học: **Khẩu ngữ trung cấp 1 (D4)**

Mã môn học: NVT021

*ThS. Nguyễn Minh Thúy*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Tổng cộng 6 bài với 6 chủ đề lớn, qua luyện tập, sinh viên đạt được trình độ nhất định về khả năng giao tiếp trong cuộc sống, có thể diễn đạt mạch lạc theo nội dung của 6 bài nghe, qua đó bày tỏ được quan điểm của bản thân, ngoài ra còn có thể tranh luận với mọi người về một đề tài theo bài học. Sinh

viên trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình, áp dụng vào cuộc sống với những kiến thức cung cấp trong giáo trình, sinh viên phát triển kỹ năng nói-nghe hiểu theo từng câu, đoạn, từ đó đối đáp và cư xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp.

- a. Lên lớp: 24 tiết
- b. Thực hành làm bài tập
- c. Tự học, tự nghiên cứu: tự rèn luyện thêm kỹ năng nghe, nói
- d. Thảo luận nhóm, thuyết trình: 6 tiết
- e. Các hình thức khác: đi thực tế để thực hành giao tiếp

## 27. Tên môn học: **Khẩu ngữ trung cấp 2 (D1)**

Mã môn học: NVT022

*ThS. Nguyễn Minh Thúy*

### **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Tổng cộng 6 bài với 6 chủ đề lớn, qua luyện tập, sinh viên đạt được trình độ nhất định về khả năng giao tiếp trong cuộc sống, có thể diễn đạt mạch lạc theo nội dung của 6 bài nghe, qua đó bày tỏ được quan điểm của bản thân, ngoài ra còn có thể tranh luận với mọi người về một đề tài theo bài học. Sinh viên trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình, áp dụng vào cuộc sống với những kiến thức cung cấp trong giáo trình, sinh viên phát triển kỹ năng nói-nghe hiểu theo từng câu, đoạn, từ đó đối đáp và cư xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp.

- a. Lên lớp: 24 tiết
- b. Thực hành làm bài tập
- c. Tự học, tự nghiên cứu: tự rèn luyện thêm kỹ năng nghe, nói
- d. Thảo luận nhóm, thuyết trình: 6 tiết
- e. Các hình thức khác: đi thực tế để thực hành giao tiếp

28. Tên môn học: **Khẩu ngữ trung cấp 2 (D4)**

Mã môn học: NVT022

*ThS. Nguyễn Minh Thúy*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Tổng cộng 6 bài với 6 chủ đề lớn, qua luyện tập, sinh viên đạt được trình độ nhất định về khả năng giao tiếp trong cuộc sống, có thể diễn đạt mạch lạc theo nội dung của 6 bài nghe, qua đó bày tỏ được quan điểm của bản thân, ngoài ra còn có thể tranh luận với mọi người về một đề tài theo bài học. Sinh viên trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình, áp dụng vào cuộc sống với những kiến thức cung cấp trong giáo trình, sinh viên phát triển kỹ năng nói-nghe hiểu theo từng câu, đoạn, từ đó đối đáp và cư xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp.

a. Lên lớp: 24 tiết

b. Thực hành làm bài tập

c. Tự học, tự nghiên cứu: tự rèn luyện thêm kỹ năng nghe, nói

d. Thảo luận nhóm, thuyết trình: 6 tiết

e. Các hình thức khác: đi thực tế để thực hành giao tiếp

29. Tên môn học: **Kỹ năng biên dịch**

Mã môn học: NVT024

*GVC/ThS Trần Thị Mỹ Hạnh*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Môn học gồm 6 chuyên đề dịch viết hai chiều Hán – Việt và Việt – Hán trong các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, kinh tế, thương mại, văn hóa, xã hội, du lịch. Cụ thể như Sau:

Chuyên đề I: Biên dịch hợp đồng thương mại (bao gồm hợp đồng mua bán, hợp đồng xuất nhập khẩu, hợp đồng BOT, hợp đồng chuyển giao kỹ thuật...)

Chuyên đề II: Biên dịch hợp đồng dân sự (gồm hợp đồng thuê phương tiện vận chuyển, hợp đồng thuê tài sản, hợp đồng dịch vụ pháp lý, hợp đồng lao động)

Chuyên đề III: Biên dịch các loại văn bản, chúng từ thường dùng trong doanh nghiệp, trong hoạt động xuất nhập khẩu. bản tin kinh tế

Chuyên đề IV: Biên dịch các văn bản pháp quy (trích đoạn luật đầu tư, luật thương mại, các nghị định chi tiết thi hành luật trong lĩnh vực kinh tế)

Chuyên đề V: Biên dịch văn bản chính trị, ngoại giao (thư từ, công văn, tuyên bố trong ngoại giao)

Chuyên đề VI: Biên dịch tài liệu văn hóa, du lịch.

Các văn bản dịch đều là văn bản ứng dụng trong thực tiễn, đảm bảo tính chính xác về ngôn ngữ và đa dạng về thể loại. Tài liệu chính là giáo trình “Kỹ năng biên dịch” do giáo viên phụ trách môn học biên soạn và thường xuyên cập nhật sát với tình hình thực tế. Trong mỗi chuyên đề, giáo viên sẽ kết hợp giảng lý thuyết và hướng dẫn thực hành theo những những vấn đề cơ bản của quy trình dịch theo các bước như sau:

1. Từ mới và cấu trúc ngữ pháp trọng điểm
2. Các bước căn bản trong quy trình biên dịch.
  - 2.1 Phương pháp xác định cấu trúc câu (câu đơn, câu phức, câu phức nhiều tầng)
  - 2.2 Lựa chọn phương án thích hợp chuyển dịch cấu trúc giữa hai ngôn ngữ
3. Thực hành dịch, nhận xét các phương án dịch
4. Ký xảo trong dịch thuật: tập sử dụng các thủ thuật như tách câu, ghép câu, cải biên.
5. Ký xảo trong dịch thuật: tập sử dụng các thủ thuật như thêm bớt từ ngữ, tỉnh lược.
6. Nguyên tắc chú thích trong dịch thuật

30. Tên môn học: **KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH**

Mã môn học: NVT025

**ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng**

**Mô tả văn tắt nội dung môn học:**

Phần lý thuyết: Môn học truyền thụ lý luận phiên dịch qua các mẫu câu thường gặp trong những tình huống cụ thể, giúp người học vận dụng thành thạo lý luận phiên dịch vào thực tiễn phiên dịch thông qua việc thực hành dịch thực tế.



Phần thực hành: Môn học đề cập đến các lĩnh vực như chính trị, ngoại giao, kinh tế thương mại, xã hội, văn hóa, giáo dục v.v., rèn luyện cho sinh viên biết nắm bắt cấu trúc câu khi nghe thông tin, từ đó diễn đạt phù hợp, dịch nói lưu loát.

31. Tên môn học: **KỸ NĂNG VIẾT VĂN 1**

Mã môn học: NVT026

**ThS. Trương Phan Châu Tâm**

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Viết là một trong những kỹ năng quan trọng khi học ngôn ngữ, và môn Kỹ năng viết văn 1 là môn bắt buộc cho các sinh viên khi vào năm 2. Môn này cung cấp các kiến thức cơ bản về kỹ năng viết từ một câu đến một đoạn văn trong tiếng Hán. Nội dung cơ bản của môn học này như sau:

- Học cách phân biệt và viết đúng các dấu câu trong tiếng Trung Quốc.
- Củng cố văn phạm để diễn đạt các ý tưởng ở dạng câu đơn đúng ngữ pháp.
- Giúp sinh viên có thể soạn thảo các mẫu thư tín xã giao, các đơn từ trong hành chính...
- Giúp sinh viên làm quen và phát triển kỹ năng viết độc lập, sáng tạo và logic qua việc quan sát sự việc hoặc hình ảnh.

Môn học này trọng tâm nghiêng về kỹ năng viết nên sinh viên luyện viết trên lớp và sẽ được các bạn, giảng viên đóng góp ý kiến để bài viết của mình hoàn chỉnh hơn.

32. Tên môn học: **Kỹ năng viết văn 2**

Mã môn học: NVT027

**TS. TRƯƠNG GIA QUYỀN**

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Môn học hướng dẫn người học cách viết văn tự sự; Cách viết văn miêu tả người; Cách miêu tả tâm lý và hành động, ngôn ngữ của nhân vật. Ngoài ra, môn học còn cung cấp các kiến thức về từ vựng, về câu mẫu, về đoạn văn mẫu, về bài văn mẫu, từng bước tuần tự hướng dẫn người học viết được 01 bài hoàn chỉnh.

Người học sau khi học môn Kỹ năng viết văn 2 sẽ có được các kiến thức về kỹ năng viết văn tự sự, văn miêu tả người; Áp dụng được những kiến thức này vào trong công việc, trong cuộc sống; Có cái nhìn đúng đắn về viết văn, kỹ năng viết văn... đều có những kiểu mẫu, công thức nhất định, không khó và khô khan như mọi người nghĩ.

### 33. Tên môn học: **Nghe nhìn**

Mã môn học: NVT028

*ThS. Nguyễn Minh Thúy*

#### **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Tổng cộng 5 bài với 5 chủ đề lớn rất phổ biến với tình hình thực tế hiện nay, cung cấp cho sinh viên kiến thức về kinh tế, văn hóa, lịch sử của nước bản địa, rèn kỹ năng và thực hành nghe nói, qua việc thưởng thức những đoạn phim ngắn, giúp sinh viên nâng cao phản xạ nghe nói, nắm bắt các mẫu câu mang tính khẩu ngữ cao, trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình. Sinh viên phát triển kỹ năng nghe nói, để từ đó có thể diễn đạt chính xác hơn và tự nhiên hơn.

- a. Lên lớp: 30 tiết
- b. Thực hành làm bài tập: 10 tiết
- c. Tự học, tự nghiên cứu: tự rèn luyện thêm kỹ năng nghe
- d. Thảo luận nhóm, thuyết trình: 5 tiết
- e. Các hình thức khác: đi thực tế để thực hành giao tiếp

### 34. Tên môn học: **Nghe sơ cấp 1 (D4)**

Mã môn học: NVT029

*ThS. Võ Ngọc Tuấn Kiệt, ThS. Phan Thị Hà*

#### **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Nội dung môn học: từ bài 1- bài 10 quyển 2 trong bộ giáo trình nghe (?????????, ???, ????????, ?, ??????????, 2004 ??) với ba nội dung chính là: Phần luyện nghe và lý giải; phần nghe mở rộng;

phần luyện tập ngữ âm ngữ điệu.

1. Phần nghe và lý giải có ba dạng luyện tập chính gồm:

Nghe câu và chọn đáp án đúng, nghe đoạn đối thoại và chọn đáp án đúng; nghe những hội thoại và đoạn văn ngắn phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi hoặc thuật lại nội dung; nghe và điền từ vào chỗ trống.

2. Phần nghe mở rộng gồm: nghe 2 hoặc 3 đoạn văn ngắn và trả lời các câu hỏi.

3. Phần luyện tập ngữ âm ngữ điệu gồm các bài luyện phân biệt âm và ngữ điệu, luyện tập trọng âm của câu như: 1. Nghe và đối chiếu với những câu cho sẵn xem có giống nhau không? 2. Nghe và đọc diễn cảm. 3. Nghe và chọn đáp án đúng...

Sau mỗi 5 bài sẽ có bài ôn tập củng cố các kiến thức đã học.

35. Tên môn học: **Nghe sơ cấp 2 (D4)**

Mã môn học: NVT030

*ThS. Võ Ngọc Tuấn Kiệt, ThS. Phan Thị Hà*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Đây là môn nghe dành cho sinh viên năm 1 khối D4 Khoa Ngữ văn Trung Quốc học vào đầu học kỳ 2, với giáo trình nghe Hán ngữ (?????) quyển 3, chủ biên Dương Ký Châu (???), nhà xuất bản: Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2000.

Sinh viên sẽ học môn này trong 12 tuần, mỗi tuần học 4 tiết, mỗi buổi sẽ học trung bình 1 bài, như vậy sinh viên sẽ học 12 bài trong giáo trình này. Mỗi bài học gồm có 2 phần chính đó là phần nghe hiểu và phần nghe bổ sung.

Phần nghe hiểu có 2 phần nhỏ, phần đầu là nghe và chọn đáp án đúng gồm có 10 bài tập nhỏ, sinh viên sau khi nghe băng sẽ chọn 1 đáp án trong 3 đáp án có sẵn, phần thứ 2 sinh viên sẽ được nghe một đoạn văn sau đó sẽ căn cứ theo nội dung đoạn văn đã nghe để làm các bài tập như chọn đáp án đúng sai, chọn trắc nghiệm ABC, điền vào chỗ trống, nối câu tương ứng, trả lời câu hỏi...

Phần nghe bổ sung mỗi phần có 2 đoạn văn khác nhau với nội dung tương đối khó hơn đoạn văn của phần nghe hiểu, vì vậy giáo trình chỉ yêu cầu sinh viên nắm nội dung chính của phần

này mà thôi, bài tập của phần này thường là chọn đáp án đúng hoặc sai.

36. Tên môn học: **Nghe trung cấp 1(D1)**

Mã môn học: NVT031

*ThS. Nguyễn Minh Thúy*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Tổng cộng 6 bài nghe với nhiều chủ đề cung cấp cho sinh viên kiến thức về kinh tế, văn hóa, lịch sử của nước bản địa, rèn kỹ năng và thực hành nghe, qua luyện tập sinh viên nghe hiểu được câu, đoạn có nội dung rõ ràng quen thuộc với tốc độ chậm vừa cho đến bình thường, giúp sinh viên có thể nắm bắt được đại ý của các hội thoại thông thường trong khi giao tiếp với tốc độ bình thường. *Sinh viên phát triển kỹ năng nghe hiểu câu, đoạn, từ đó đối đáp và cư xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp.*

- a. Lên lớp: 24 tiết
- b. Thực hành làm bài tập
- c. Tự học, tự nghiên cứu: tự rèn luyện thêm kỹ năng nghe
- d. Thảo luận nhóm, thuyết trình: 6 tiết
- e. Các hình thức khác: đi thực tế để thực hành giao tiếp

37. Tên môn học: **Nghe trung cấp 1(D4)**

Mã môn học: NVT031

*ThS. Nguyễn Minh Thúy*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Tổng cộng 6 bài nghe với nhiều chủ đề cung cấp cho sinh viên kiến thức về kinh tế, văn hóa, lịch sử của nước bản địa, rèn kỹ năng và thực hành nghe, qua luyện tập sinh viên nghe hiểu được câu, đoạn có nội dung rõ ràng quen thuộc với tốc độ chậm vừa cho đến bình thường, giúp sinh viên có thể nắm bắt được đại ý của các hội thoại thông thường trong khi giao tiếp với tốc độ bình thường. *Sinh viên phát triển kỹ năng nghe hiểu câu, đoạn, từ đó đối đáp và cư xử phù hợp trong những tình huống giao*

*tiếp.*

- a. Lên lớp: 24 tiết
- b. Thực hành làm bài tập
- c. Tự học, tự nghiên cứu: tự rèn luyện thêm kỹ năng nghe
- d. Thảo luận nhóm, thuyết trình: 6 tiết
- e. Các hình thức khác: đi thực tế để thực hành giao tiếp

38. Tên môn học: **Nghe trung cấp 2(D1)**

Mã môn học: NVT032

*ThS. Nguyễn Minh Thúy*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Tổng cộng 6 bài nghe với nhiều chủ đề cung cấp cho sinh viên kiến thức về kinh tế, văn hóa, lịch sử của nước bản địa, rèn kỹ năng và thực hành nghe, qua luyện tập sinh viên nghe hiểu được câu, đoạn có nội dung rõ ràng quen thuộc với tốc độ chậm vừa cho đến bình thường, giúp sinh viên có thể nắm bắt được đại ý của các hội thoại thông thường trong khi giao tiếp với tốc độ bình thường. *Sinh viên phát triển kỹ năng nghe hiểu câu, đoạn, từ đó đối đáp và cư xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp*

- a. Lên lớp: 24 tiết
- b. Thực hành làm bài tập
- c. Tự học, tự nghiên cứu: tự rèn luyện thêm kỹ năng nghe
- d. Thảo luận nhóm, thuyết trình: 6 tiết
- e. Các hình thức khác: đi thực tế để thực hành giao tiếp

39. Tên môn học: **Nghe trung cấp 2(D4)**

Mã môn học: NVT032

*ThS. Nguyễn Minh Thúy*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Tổng cộng 6 bài nghe với nhiều chủ đề cung cấp cho sinh viên kiến thức về kinh tế, văn hóa, lịch sử của nước bản địa, rèn kỹ năng và thực hành nghe, qua luyện tập sinh viên nghe hiểu được câu, đoạn có nội dung rõ ràng quen thuộc với tốc độ chậm vừa cho đến bình thường, giúp sinh viên có thể nắm bắt được đại ý của các hội thoại thông thường trong khi giao tiếp với tốc độ bình thường. *Sinh viên phát triển kỹ năng nghe hiểu câu, đoạn, từ đó đối đáp và cư xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp*

- a. Lên lớp: 24 tiết
- b. Thực hành làm bài tập
- c. Tự học, tự nghiên cứu: tự rèn luyện thêm kỹ năng nghe
- d. Thảo luận nhóm, thuyết trình: 6 tiết
- e. Các hình thức khác: đi thực tế để thực hành giao tiếp

40. Tên môn học: **NGỮ ÂM**

Mã môn học: NVT033

**TS. Khưu Chí Minh**

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Môn học gồm các nội dung chính như âm thanh, ngữ âm, phiên âm quốc tế, nguyên âm, phụ âm, âm tố, âm vị, các loại thanh mẫu và vận mẫu, hiện tượng biến âm, khinh thanh, er hóa, biến điệu và ngữ điệu. Khác với các môn Khẩu ngữ sơ cấp và Khẩu ngữ trung cấp, ngoài chú trọng phát âm và chỉnh âm ra, môn Ngữ âm còn trang bị thêm các kiến thức mang tính lý luận. Về mặt lý luận, môn học chú trọng các nguyên lý phát âm của tiếng Phổ Thông và các kiến thức ngữ âm đã nêu; về thực tiễn, chú trọng chỉnh sửa phát âm thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu và ngữ điệu.

Giáo trình chính của môn học: ??(2002), ??????, ????????????

Qua môn học sinh viên hiểu được các nguyên lý phát âm của tiếng Phổ Thông, nắm vững quy luật phát âm của hệ thống phiên tiếng Trung Quốc, phát âm tốt các thanh mẫu, vận mẫu, khinh thanh, er hóa, thanh điệu, ngữ điệu và có kiến thức cơ bản về phiên âm quốc tế.

41. Tên môn học: **NGŨ PHÁP CAO CẤP**

Mã môn học: NVT034

**ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng**

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

*Đây là môn học bắt buộc đối với tất cả các sinh viên khi bước vào học kỳ thứ 5 (học kỳ 1, năm III). Môn học gồm 5 bài cụ thể, mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khoá, bài tập trên lớp, bài tập về nhà.*

*- Từ mới là những từ trích dẫn từ bài khoá, đa phần là những từ thường dùng, tần số xuất hiện cao. Mỗi bài có khoảng 50 đến 70 từ mới.*

*- Phần bài khoá là những bài có độ dài khoảng trên dưới 3000 từ, trong đó có những bài đã được cải biên để phù hợp với trình độ của sinh viên, có những nguyên tác của các nhà văn nổi tiếng Trung Quốc, nội dung các bài khóa phản ánh cuộc sống xã hội đương đại được chắt lọc từ báo chí, internet và từ những tác phẩm văn học.*

*- Phần bài tập thường chú trọng vào việc thực hành vận dụng những điểm ngữ pháp đã học trong bài, đồng thời xen kẽ ôn lại toàn bộ những kiến thức ngữ pháp đã học trong các năm I, II. Cụ thể như: Tìm từ cận nghĩa, phối hợp từ ngữ, giải thích từ khóa, dùng từ khóa đặt câu, v.v..*

*Tuy nhiên, tùy theo tính chất từng môn học mà mức độ chú trọng và tập trung vào mỗi phần của bài học có sự khác biệt. Nội dung học cụ thể sẽ được đề cập đến trong 13 - “Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể”.*

42. Tên môn học: **Ngữ pháp sơ cấp 1(D4)**

Mã môn học: NVT035

**ThS. TRẦN TUYẾT NHUNG**

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Nội dung môn học chủ yếu về kiến thức ngữ pháp cơ bản kết hợp so sánh với tiếng Việt thông qua các bài hội thoại, điểm ngữ pháp và bài tập dịch câu, điền chỗ trống, đặt câu, thay thế từ, sửa câu sai, hoàn thành đối thoại...

Mục tiêu môn học: Môn học chủ yếu nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết và thực hành cơ bản về ngữ pháp tiếng Trung, giúp sinh viên trong giai đoạn đầu học tiếng Trung hiểu và sử dụng đúng các cấu trúc ngữ pháp đơn giản cũng như áp dụng đúng và nhuần nhuyễn vào các tình huống giao tiếp thực tiễn. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể đạt được kỹ năng áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng thành thạo tiếng Trung cơ bản.

- Nội dung bài giảng bao gồm các phần:

- ❖ Từ vựng: Giải thích từ ngữ và các ngữ cố định, mở rộng từ.
- ❖ Ngữ pháp: giảng dạy các điểm ngữ pháp cơ bản. Yêu cầu sinh viên vận dụng các điểm ngữ pháp để đặt câu, sửa lỗi sai cho sinh viên.
- ❖ Bài khóa: Hướng dẫn sinh viên đọc dịch bài khóa sang Tiếng Việt. Người dạy hướng dẫn sinh viên những điểm ngữ pháp tương đối khó xuất hiện trong bài khóa.
- ❖ Bài tập: Liên kết từ, dùng từ cho sẵn để đặt câu, sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh, sửa câu sai.

43. Tên môn học: **Ngữ pháp sơ cấp 2 (D4)**

Mã môn học: NVT036

**TS. Khưu Chí Minh, ThS. Huỳnh Nguyễn Thùy Trang**

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Nội dung môn học chủ yếu về kiến thức ngữ pháp tiếng Trung cơ bản (ý nghĩa và cách sử dụng các phó từ, liên từ, kết cấu cố định...) kết hợp so sánh với tiếng Việt thông qua các bài hội thoại, điểm ngữ pháp và các dạng bài tập (dịch câu, điền chỗ trống, hoàn thành câu, đặt câu, sửa câu sai, hoàn thành đối thoại...).

Giáo trình chính của môn học:

[1] ???(2006), ???(???) (?)(??), ??????????, ???

[2] ???(2006), ???(???) (?)(??), ??????????, ???

Thông qua môn học, sinh viên có thể nắm vững được những kết cấu ngữ pháp cơ bản để ứng dụng trong các loại hình diễn đạt khác nhau, vận dụng linh hoạt những từ vựng và cấu trúc



ngữ pháp đã học để bước đầu diễn đạt bằng tiếng Hán, có khả năng áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng thành thạo tiếng Trung cơ bản.

44. Tên môn học: **Ngữ pháp TC1 (khối D4)**

Mã môn học: NVT037

**ThS. TRẦN TUYẾT NHUNG**

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Tiến hành giảng dạy các điểm ngữ pháp, các cấu trúc ngữ pháp cơ bản.

- Mục tiêu môn học: giúp sinh viên năm 2 nâng cao kỹ năng dịch Việt – Hán và Hán - Việt. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể đạt được vốn từ vựng khoảng 3000 từ. Có kỹ năng dịch những câu tương đối phức tạp, các đoạn văn tương đối khó.
- Trình độ: dành cho sinh viên năm thứ 2, khối D4.
- Trọng điểm giảng dạy tập trung vào các nội dung: từ vựng, từ pháp, bài khóa, bài tập luyện dịch.
- Nội dung bài giảng bao gồm các phần:
  - ❖ Từ vựng: Giải thích từ ngữ, từ chuyên môn, thành ngữ, tục ngữ và các ngữ cố định, phối hợp và mở rộng từ.
  - ❖ Từ pháp: giảng dạy cách sử dụng từ ngữ. Người dạy chú trọng vào việc hướng dẫn sinh viên phân biệt cách dùng của những từ cận nghĩa. Yêu cầu sinh viên vận dụng từ ngữ đã học trong phần ngữ pháp để đặt câu, sửa lỗi sai cho sinh viên.
  - ❖ Bài khóa: Hướng dẫn sinh viên đọc dịch bài khóa sang Tiếng Việt. Nội dung các bài khóa phản ánh cuộc sống xã hội đương đại Trung Quốc được chắt lọc từ báo chí, internet. Người dạy hướng dẫn sinh viên những điểm ngữ pháp tương đối khó xuất hiện trong bài khóa.
  - ❖ Bài tập: Liên kết từ, dùng từ cho sẵn để đặt câu, sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh. Phần bài tập thường chú trọng vào việc sử dụng và phân biệt từ loại của từ, cách dùng của từ cận nghĩa.

45. Tên môn học: **Ngữ pháp TC2(khối D4)**

Mã môn học: NVT038

**ThS. TRẦN TUYẾT NHUNG**

**Mô tả văn tắt nội dung môn học:** Tiến hành giảng dạy các điểm ngữ pháp, các cấu trúc ngữ pháp nâng cao.

- Mục tiêu môn học: giúp sinh viên năm 2 nâng cao kỹ năng dịch Việt – Hán và Hán - Việt. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể đạt được vốn từ vựng khoảng 3000 từ. Có kỹ năng dịch những câu tương đối phức tạp, các đoạn văn tương đối khó.

- Trình độ: dành cho sinh viên năm thứ 2, khối D4.

- Nội dung bài giảng bao gồm các phần:

- ❖ Từ vựng: Giải thích từ ngữ, từ chuyên môn, thành ngữ, tục ngữ và các ngữ cố định, phối hợp và mở rộng từ.
- ❖ Từ pháp: giảng dạy cách sử dụng từ ngữ. Yêu cầu sinh viên vận dụng từ ngữ đã học trong phần ngữ pháp để đặt câu, sửa lỗi sai cho sinh viên.
- ❖ Bài khóa: Hướng dẫn sinh viên đọc dịch bài khóa sang Tiếng Việt. Nội dung bài khóa gồm các bài viết được chắt lọc từ báo chí, internet, hoặc các đoạn trích từ những nguyên tác của các nhà văn, nhà soạn kịch nổi tiếng Trung Quốc.
- ❖ Bài tập: Liên kết từ, dùng từ cho sẵn để đặt câu, sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh, điền từ vào chỗ trống trong câu, điền từ vào chỗ trống trong đoạn văn và thuật lại đại ý của đoạn văn ấy. Phần bài tập thường chú trọng vào việc sử dụng và phân biệt từ loại của từ, cách dùng của từ cận nghĩa, đặt câu, điền từ, tóm tắt bài khóa.

46. Tên môn học: **Nhập môn văn hóa Trung Quốc**

Mã môn học: NVT039

**TS. Tống Thị Quỳnh Hoa**

**Mô tả văn tắt nội dung môn học:**

Giới thiệu khái quát văn hóa truyền thống và phong tục tập tục Trung Quốc.

Trung Quốc là một trong những chiếc nôi của văn minh nhân loại. Những thành tựu rực rỡ của nền văn minh ấy được kết tinh trong nhiều lĩnh vực như kỹ thuật, kiến trúc, điêu khắc, triết học, tôn giáo, văn học, hội họa.... “Nhập môn văn hóa Trung Quốc” giúp người học đã có trình độ tiếng Hán nhất định hiểu thêm về những thành tựu rực rỡ này. Nội dung trình bày chủ yếu gồm tư tưởng truyền thống, quan niệm đạo đức truyền thống, văn học, nghệ thuật truyền thống (hội họa, thư pháp, âm nhạc, vũ đạo, hý kịch), văn vật, kinh tế, khoa học kỹ thuật, kiến trúc, nhân sinh, tín ngưỡng, lễ nghi, lễ tết, nghề truyền thống, ẩm thực, trang phục, võ thuật, y học....

#### 47. Tên môn học: **PHÂN TÍCH LỖI NGỮ PHÁP THƯỜNG GẶP**

Mã môn học: NVT040

**ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng**

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn học sẽ giới thiệu những lỗi sai về ngữ pháp, từ pháp thường gặp của sinh viên trong quá trình học tập tiếng Trung. Toàn bộ các lỗi sai được chọn lọc từ chính những bài viết văn của sinh viên năm thứ 2, 3 qua nhiều khóa học để làm ví dụ minh chứng, đồng thời tiến hành phân tích sâu những lỗi sai này, qua đó chỉ ra cho sinh viên hướng sửa sai và nắm rõ vấn đề để trả lời câu hỏi: Tại sao phải diễn đạt như thế này mà không phải như thế kia?

#### 48. Tên môn học: **THỰC TẬP THỰC TẾ**

Mã môn học: NVT041

**TS. Khưu Chí Minh**

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Đây là học phần bắt buộc đối với những sinh viên sắp ra trường. Môn học đòi hỏi sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên ngành đã học vào trong thực tế, cụ thể là đến làm việc thực tế tại một công ty, cơ quan hoặc trường học trong thời gian ít nhất là một tháng. Sau khi hoàn tất một công việc thực tập, sinh viên sẽ rút ra được nhiều bài học quý báu bổ sung cho vốn kiến thức và kỹ năng của mình. Từ đó giúp sinh viên xác định và có những chọn lựa tốt nhất cho nghề nghiệp tương

lai. Đây chính là bước khởi đầu cho con đường nghề nghiệp của các sinh viên khi ra trường.

49. Tên môn học: **Tiếng Hán du lịch – khách sạn**

Mã môn học: NVT042

**TS. Trương Gia Quyên**

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức về ngành du lịch, và nghề hướng dẫn viên du lịch (chủ yếu là inbound), hướng dẫn cho người học quy trình chuẩn bị đón đoàn cho đến lúc tiễn đoàn, cung cấp cho người học cách giải quyết xử lý tình huống cũng như cung cách phục vụ, chăm sóc khách hàng. Ngoài ra, người học còn được học thêm những kỹ năng mềm như: Hướng dẫn quy trình và sử dụng dịch vụ khi lưu trú khách sạn, hướng dẫn lễ nghi khi ăn tiệc – tiệc buffet... Môn học còn cung cấp những vốn từ, mẫu câu chuyên dùng trong ngành du lịch – khách sạn giúp người học có thể ứng dụng trong nghề.

Thông qua môn học, người học có được các kiến thức cơ bản về ngành du lịch và nghề hướng dẫn viên du lịch. Có được kỹ năng hướng dẫn du khách và chăm sóc khách du lịch. Áp dụng được những kiến thức, kỹ năng này vào trong công việc sau này. Có cái nhìn đúng đắn về nghề hướng dẫn viên du lịch, góp phần định hướng nghề nghiệp cho người học.

50. Tên môn học: **Hán ngữ thương mại**

Mã môn học: NVT043

**GVC/ThS Trần Thị Mỹ Hạnh**

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Môn học thuộc chuyên ngành ngoại thương với tài liệu và ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy và học tập là tiếng Hán. Nội dung môn học xoay quanh các kiến thức về lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, giúp sinh viên nắm vững các kỹ năng về giao dịch, đàm phán, soạn thảo, ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu ở các doanh nghiệp có hoạt động mua bán với thương nhân sử dụng tiếng Hán, cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết của

hoạt động xuất nhập khẩu. Bên cạnh đó, sinh viên có thể soạn thảo được các chứng từ trong giao dịch mua bán hàng hóa quốc tế thông thường bằng tiếng Hoa, sử dụng tiếng Hoa thực hiện các bước của quy trình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Môn học gồm 6 nội dung sau:

?????????

1.1 ?????????? 1.2 ?????????? 1.3 ?????? 95

1.4 ????????

????????????????

2.1 ?????? 2.2 ?????? 2.3 ?????? 2.4 ?????? 112

?????????

3.1 ?????? 3.2 ?????? 3.3 ?????????? 3.4 ??????????

3.5 ??????????

???????????????

4.1 ?????? 4.2 ?????????????????? 4.3 ????????????????

4.4 ?????????????????? 4.5 ????????????????

????????????? 5.1 ?????? 5.2 ?????????? 5.3 ????

5.4 ?????? 5.5 ?????? 5.6 ????????????

???????????????

6.1 ?????? 6.2 ?? 6.3 ?????? 6.4 ??

51. Tên môn học: **TIẾNG HÁN VĂN PHÒNG**

Mã môn học: NVT044

*ThS. Hàn Hồng Diệp*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

- Đây là môn học tự chọn đối với tất cả các sinh viên khi bước vào học kỳ thứ 6 (học kỳ II, năm 3). Môn học gồm 8 bài cụ thể, mỗi bài được thiết kế với các nội dung khác nhau về các kiến thức cơ bản của nghiệp vụ văn phòng. Trong mỗi bài khóa chia làm bốn phần với bốn kỹ năng cơ bản là Đọc, Nghe, Nói và Viết.

- Từ mới là những từ trích dẫn từ bài khoá, đa phần là những từ thường dùng trong nghiệp vụ thương mại và giao tiếp trong công sở với tần số xuất hiện cao. Mỗi bài có khoảng 50 đến 70 từ mới.

- Phần Đọc và phần Nghe là quá trình tiếp nhận kiến thức chung, bao gồm một bài đọc có độ dài khoảng trên dưới 500 từ và các kết cấu câu thường dùng trong giao tiếp thương mại. Phần nghe cũng gồm một bài nghe khoảng 1000 từ và các kết cấu câu. Sau mỗi phần đều có bài tập tương ứng nhằm củng cố kiến thức đã học.

- Phần Nói và Viết là quá trình kiểm tra kiến thức. Phần Nói sẽ là những đề tài có liên quan đến phần Đọc và Nghe, SV sau khi nắm vững các từ chuyên môn ở phần Đọc và phần Nghe, sẽ vận dụng vào bài thuyết trình hay bài hội thoại của mình. Phần Viết sẽ giúp SV biết cách vận dụng văn phong thương mại cho văn bản của mình.

Tuy nhiên, tùy theo tính chất từng bài học mà mức độ chú trọng và tập trung vào mỗi phần của bài học có sự khác biệt. Nội dung học cụ thể sẽ được đề cập đến trong 13 - “Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể”.

52. Tên môn học: **Tu từ**

Mã môn học: NVT045

*ThS. Hàn Hồng Diệp*

**Mô tả văn tắt nội dung môn học:**

Nội dung môn học chủ yếu cung cấp cho SV những kiến thức về tu từ trong tiếng Hán. Giúp SV hiểu và nắm được các biện pháp tu từ thường gặp trong tiếng Hán như: So sánh, ẩn dụ, đối ngẫu, v.v. Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản trong tu từ tiếng Hán và vận dụng lý thuyết phân biệt được các biện pháp tu từ và nêu được tên gọi của nó. Tiến hành phân tích 1 bài văn để tìm ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong đó sau đó giải thích, phân tích lý do sử dụng biện pháp tu từ đó.

53. Tên môn học: **Văn ngôn**

Mã môn học: NVT046

## **TS. TRẦN ANH TUẤN**

### **Mô tả văn tắt nội dung môn học:**

Văn ngôn là học phần tiếng Hán, giai đoạn trước phong trào Ngũ tứ 1919 ở Trung Quốc.

Môn học giúp người học hiểu rõ cách sử dụng từ ngữ (văn tự, ngữ âm, từ vựng) và cấu trúc ngữ pháp, kể cả tu từ của tiếng Hán trong một giai đoạn lịch sử như đã nói.

Trên cơ sở những bài khóa (bao gồm các đoạn văn trích tuyển từ những trước tác tiêu biểu), trình bày một hệ thống từ (bao gồm thực từ và hư từ) với ngữ âm, ngữ nghĩa và ngữ pháp mang tính kế thừa – truyền thống trong ngôn ngữ Hán. Từ đó hướng dẫn người học các thao tác mang tính rèn luyện kỹ năng phân tích, dịch thuật đối với Hán cổ, có so sánh đối chiếu với Hán hiện đại. Các slide trình chiếu trên mỗi tiết học luôn hướng đến việc củng cố và mở rộng nội dung môn học.

Kết quả môn học ngoài việc trang bị các kỹ năng và kiến thức tiếng Hán như đã trình bày, môn học còn giúp người học thực hành tốt kỹ năng đọc hiểu và hành văn tốt đối với tiếng Hán hiện đại về phương diện văn viết (???)

Thông qua các bài khóa, người học cũng được trang bị kiến thức sơ đẳng về triết học, văn học ... của Trung Quốc, ở một thời kỳ vàng son nhất trong lịch sử.

54. Tên môn học: **Văn tự - từ vựng học**

Mã môn học: NVT047

**TS. Trương Gia Quyên, ThS. Hàn Hồng Diệp**

### **Mô tả văn tắt nội dung môn học:**

Phần một: Khái lược về quá trình hình thành, đặc điểm, tính chất của chữ Hán. Mô tả kết cấu của chữ Hán, cách tạo chữ, phân tích hình dạng của chữ Hán, âm đọc, ngữ nghĩa, từ đó nêu lên mối quan hệ giữa hình – âm – nghĩa của chữ Hán, qua đó thấy được hướng phát triển của chữ Hán; nêu bật được mối quan hệ giữa ngôn ngữ Trung Quốc và văn tự.

Phần hai: Từ vựng tiếng Hán hiện đại: môn học trang bị những tri thức cơ bản và kỹ năng thực hành các vấn đề về từ vựng tiếng Hán hiện đại trong chức năng diễn đạt nghĩa của chúng. Ngoài ra, môn học cũng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cách cấu tạo từ,

cách sử dụng và phân biệt các từ đồng nghĩa, phản nghĩa, ... các vấn đề về từ vựng và ngữ nghĩa của tiếng Hán hiện đại. Kết thúc môn học sinh viên được yêu cầu nắm vững phương thức cấu tạo từ, ngữ nghĩa của từ vựng tiếng Hán hiện đại.

Thông qua môn học, người học có được các kiến thức về văn tự, từ vựng một cách hệ thống, khái quát nhất, giúp người học có cơ sở để giải thích, vận dụng những kiến thức lý thuyết này vào việc học các môn thực hành tiếng, cũng là nền tảng cơ sở cho người học chuẩn bị những kiến thức ngành để học lên bậc cao hơn. Người học sẽ có cái nhìn bao quát, tổng quan về hệ thống chữ viết, âm đọc, ý nghĩa của ngôn ngữ tiếng Hán.

55. Tên môn học: **Văn học Trung Quốc**

Mã môn học: NVT048

**PGS.TS. Nguyễn Đình Phúc**

**Mô tả văn tắt nội dung môn học:**

Với chất liệu là ngôn từ nghệ thuật, tác phẩm văn học trước nay luôn được xem là nơi ẩn chứa thế giới tâm linh sâu sắc nhất của dân tộc Trung Hoa. Môn học này ngoài trang bị cho sinh viên lượng kiến thức cơ bản về văn học Trung Quốc, còn hướng dẫn họ cách phân tích và nắm bắt hàm ý từ các ngôn bản nghệ thuật, nâng cao kỹ năng giao tiếp ở mảng ngôn ngữ văn hóa, tạo thuận lợi cho việc tác nghiệp chuyên môn sau khi ra trường., tạo thuận lợi cho việc tác nghiệp chuyên môn sau khi ra trường.

56. Tên môn học: **Dịch TC3 (D1)**

Mã môn học: NVT050

**TS. Khưu Chí Minh**

**Mô tả văn tắt nội dung môn học:**

Nội dung môn học chủ yếu hướng dẫn lý thuyết dịch và luyện kỹ năng dịch từ tiếng tiếng Trung sang tiếng Việt và ngược lại. Mỗi bài học gồm năm phần trọng tâm là bài khóa chính, từ vựng, kết hợp và mở rộng từ ngữ, ví dụ và giải thích ngữ pháp, bài tập. Bài khóa chính và bài khóa



phụ có nội dung đa dạng và thú vị, là ngữ liệu giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng dịch. Phần ngữ pháp giúp sinh viên hiểu rõ ý nghĩa và cách dùng của những từ ngữ, kết cấu phức tạp, làm cơ sở để phát triển kỹ năng dịch.

Giáo trình chính của môn học : ??(2003), ?? — ??????????(?), ??????????

Qua môn học sinh viên củng cố và tích lũy thêm những kiến thức dịch thuật ở trình độ trung cấp, có thể thực hiện các hoạt động dịch thuật ở trình độ tương ứng, làm cơ sở cho môn dịch cao cấp.

57. Tên môn học: **Ngữ pháp TC3 (D1)**

Mã môn học: NVT054

**TS. Khưu Chí Minh**

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Nội dung môn học chủ yếu về kiến thức ngữ pháp tiếng Trung ở trình độ trung cấp. Mỗi bài học gồm năm phần trọng tâm là bài khóa chính, từ vựng, kết hợp và mở rộng từ ngữ, ví dụ và giải thích ngữ pháp, bài tập. Phần kết hợp và mở rộng từ ngữ trình bày những kiểu kết hợp khác nhau của từ vựng, giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các quy tắc kết hợp từ ngữ. Phần ngữ pháp giải thích một cách hệ thống cách dùng của những từ ngữ, cụm từ cố định sinh viên dễ mắc lỗi cùng những ví dụ minh họa.

Giáo trình chính của môn học : ??(2003), ?? — ??????????(?), ??????????

Qua môn học sinh viên củng cố và tích lũy thêm những kiến thức ngữ pháp ở trình độ trung cấp, có thể phân tích các điểm ngữ pháp và vận dụng chúng vào thực tế giao tiếp và các hoạt động dịch thuật ở trình độ trung cấp.

58. Tên môn học: **Dịch sơ cấp 1 (D1)**

Mã môn học: NVT056

**ThS. Huỳnh Nguyễn Thùy Trang**

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Đây là môn học bắt buộc đối với tất cả các sinh viên năm thứ nhất khi bước vào học kỳ đầu tiên (học kỳ 1, năm I). Môn học gồm 35 bài cụ thể, mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khoá, ngữ âm, ngữ pháp, bài tập. Môn học rèn luyện kỹ năng dịch Việt – Hán, Hán – Việt, giúp sinh viên vận dụng thông thạo các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng đã học trong dịch thuật Việt – Hán, Hán – Việt, đồng thời tạo kiến thức nền để sinh viên tiếp tục học chương trình Dịch sơ cấp 2.

Giáo trình chính của môn học gồm:

[1] ??? (2006), ??????(???) (?)(???), ??????????, ???

[2] ??? (2006), ??????(???) (?)(???), ??????????, ???

[3] ??? (2006), ??????(???) (?)(???), ??????????, ???

Thông qua môn học, sinh viên có thể nắm được những kiến thức cơ bản về dịch thuật, ngữ âm và ngữ pháp trong tiếng Hán (trình độ sơ cấp); hình thành và từng bước hoàn thiện kỹ năng dịch thuật cơ bản; có khả năng dịch một số câu và đoạn văn đơn giản (từ tiếng Trung sang tiếng Việt và ngược lại); áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng thành thạo tiếng Hán cơ bản.

59. Tên môn học: **Dịch sơ cấp 2 (D1)**

Mã môn học: NVT057

*ThS. Trương Phan Châu Tâm*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Nối tiếp môn Dịch sơ cấp 1, môn học này tiếp tục cung cấp từ vựng, các điểm ngữ pháp cơ bản cho sinh viên.

Đây là môn học bắt buộc đối với tất cả các sinh viên năm thứ nhất khi bước vào học kỳ thứ 2 (học kỳ 2, năm I). Môn học gồm 28 bài cụ thể, mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khoá, ngữ pháp, bài tập.

Môn học rèn luyện kỹ năng dịch Việt – Hán, Hán – Việt, giúp sinh viên vận dụng thông thạo các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng đã học trong dịch thuật Việt – Hán, Hán – Việt, đồng thời tạo

kiến thức nền để sinh viên tiếp tục học chương trình Dịch trung cấp.

60. Tên môn học: **DỊCH TRUNG CẤP 1 (Khối D1)**

Mã môn học: NVT058

*ThS. Vũ Thị Hương Trà*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Đây là môn học bắt buộc dành cho sinh viên ở học kỳ 1 năm thứ hai. Môn học nhằm hướng dẫn lý thuyết và rèn luyện kỹ năng dịch từ tiếng Hán sang tiếng Việt và từ tiếng Việt sang tiếng Hán các mẫu câu, đoạn văn ở cấp độ đầu trung cấp. Môn học sẽ giúp sinh viên củng cố lại những kiến thức cơ bản về kỹ năng dịch Việt – Hán; Hán – Việt đã học trước đó, đồng thời bổ sung thêm những kiến thức mới về cách dịch một số mẫu câu, đoạn văn đặc biệt là những mẫu câu, đoạn văn có chứa các từ ngữ khó, dễ nhầm lẫn với các từ đồng nghĩa, cận nghĩa trong tiếng Hán, giúp sinh viên nắm vững kiến thức môn học, từ đó có thể thực hành dịch các cấu trúc, đoạn văn ở cấp độ phù hợp, trong từng ngữ cảnh cụ thể...

Giáo trình chính dành cho môn học này là: ?????(???) (???, ?) do Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh biên soạn, tác giả ??? chủ biên. Giáo trình gồm 13 bài, mỗi bài sẽ gồm 5 nội dung chính là: từ vựng, bài khóa, chú thích, cách sử dụng từ ngữ trọng tâm và phần bài tập thực hành. Thời lượng trung bình dành cho mỗi bài học là 5 tiết. GV khi lên lớp sẽ phân tích, giải thích cách sử dụng những từ ngữ, cấu trúc trọng tâm, hướng dẫn SV thông qua bài học thực hành dịch câu, đoạn văn với những từ ngữ mới học và hoàn thành phần luyện tập cuối bài.

61. Tên môn học: **DỊCH TC2 (D1)**

Mã môn học: NVT059

*ThS. NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Đây là môn học bắt buộc dành cho sinh viên năm 2 khối D1, học kỳ 4. Môn học bao gồm 12 bài, được thiết kế đầy đủ các phần: bài khóa, từ vựng, bài tập luyện dịch trên lớp và bài tập về nhà.

- Ở mỗi bài có khoảng từ 30 đến 50 từ vựng bao gồm cả hư từ và thực từ. Bổ sung thêm vào lượng từ vựng mà sinh viên đã tích lũy từ trước.
- Phần bài khóa là những bài văn được trích dẫn từ báo chí Trung Quốc, phản ánh chân thật đời sống, văn hóa... của người dân Trung Quốc. Giúp sinh viên có kiến thức nền tảng, hỗ trợ cho việc dịch thuật.
- Bài tập luyện dịch: giáo viên sẽ dựa trên những từ vựng trọng điểm ở mỗi bài để xây dựng những bài tập nâng cao trình độ dịch thuật của sinh viên từ câu đơn giản đến phức tạp.

Môn Dịch TC2 sẽ là tiền đề để sinh viên tiếp tục học Môn Dịch Cao Cấp sau này.

## 62. Tên môn học: **Nghe sơ cấp 1 (D1)**

Mã môn học: NVT060

**ThS. Võ Ngọc Tuấn Kiệt, ThS. Phan Thị Hà**

### **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Nội dung môn học: từ bài 1- bài 14 quyển 1 và từ bài 1-bài 4 quyển 2 trong bộ giáo trình nghe (????????, ????????, ?????????, ?????????, 2004 ??)

- Từ bài 1 đến bài ôn tập số 1 (quyển 1): Luyện nghe về thanh mẫu vận mẫu, thanh điệu, âm tiết, gồm các dạng bài nghe:

Phần luyện nghe thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu

1. Nghe và đọc theo
2. Nghe và điền vào các thanh mẫu, vận mẫu hoặc thanh điệu và đọc đáp án.
3. Nghe và đối chiếu với những âm tiết cho sẵn xem có giống nhau không.

Phần luyện ngữ âm ngữ điệu:

1. Nghe và nhắc lại
2. Nghe và điền các âm tiết còn thiếu vào chỗ trống

- Từ bài 6 đến bài 14 (quyển 1): gồm phần nghe và lý giải, phần ngữ âm ngữ điệu.

Phần nghe và lý giải gồm:

1. Luyện nghe những câu ngắn và chọn đáp án đúng.

2. Nghe đoạn hội thoại để chọn đáp án đúng
3. Nghe đoạn văn ngắn và trả lời câu hỏi; nghe và điền từ vào chỗ trống.

Phần luyện ngữ âm ngữ điệu gồm:

1. Nghe và điền vào các thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu.
2. Nghe và đối chiếu đáp án.

- Từ bài 1-bài 4 (quyển 2): gồm phần nghe và lý giải, phần nghe mở rộng và phần luyện ngữ âm ngữ điệu.

1. Phần nghe và lý giải có ba dạng luyện tập chính gồm:

Nghe câu và chọn đáp án đúng, nghe đoạn đối thoại và chọn đáp án đúng; nghe những hội thoại và đoạn văn ngắn phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi hoặc thuật lại nội dung; nghe và điền từ vào chỗ trống.

2. Phần nghe mở rộng gồm: nghe 2 hoặc 3 đoạn văn ngắn và trả lời các câu hỏi.

3. Phần luyện tập ngữ âm ngữ điệu gồm các bài luyện phân biệt âm và ngữ điệu, luyện tập trọng âm của câu như: 1. Nghe và đối chiếu với những câu cho sẵn xem có giống nhau không? 2. Nghe và đọc diễn cảm. 3. Nghe và chọn đáp án đúng...

### 63. Tên môn học: **Nghe sơ cấp 2 (D1)**

Mã môn học: NVT061

*ThS. Võ Ngọc Tuấn Kiệt, ThS. Phan Thị Hà*

#### **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Giáo trình nghe quyển 2 (????????,????????????,????????????, 2005 ??)

-- Từ bài 5 đến bài 10: Tập nghe để chọn đáp án đúng A,B,C. Tập nghe những đoạn hội thoại và những bài văn xuôi để trả lời câu hỏi hoặc chọn đáp án đúng.

Giáo trình nghe Hán ngữ (??????) quyển 3, chủ biên Dương Ký Châu (???), nhà xuất bản: Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2000.

-- Từ bài 1 đến bài 10: Mỗi bài học gồm có 2 phần chính đó là phần nghe hiểu và phần nghe bổ sung. Phần nghe hiểu có 2 phần nhỏ, phần đầu là nghe và chọn đáp án đúng gồm có 10 bài tập nhỏ,

sinh viên sau khi nghe băng sẽ chọn 1 đáp án trong 3 đáp án có sẵn, phần thứ 2 sinh viên sẽ được nghe một đoạn văn sau đó sẽ căn cứ theo nội dung đoạn văn đã nghe để làm các bài tập như chọn đáp án đúng sai, chọn trắc nghiệm ABC, điền vào chỗ trống, nối câu tương ứng, trả lời câu hỏi... Phần nghe bổ sung mỗi phần có 2 đoạn văn khác nhau với nội dung tương đối khó hơn đoạn văn của phần nghe hiểu, vì vậy giáo trình chỉ yêu cầu sinh viên nắm nội dung chính của phần này mà thôi, bài tập của phần này thường là chọn đáp án đúng hoặc sai.

64. Tên môn học: **Ngữ pháp sơ cấp 1 (D1)**

Mã môn học: NVT062

**TS. Hoàng Tố Nguyên, TS. Cái Thi Thủy**

**Mô tả văn tắt nội dung môn học:**

Nội dung chủ yếu của môn học là về kiến thức ngữ pháp cơ bản thông qua các bài hội thoại đơn giản, các đoạn văn ngắn, các điểm ngữ pháp cơ bản, các giải thích từ ngữ thường dùng...và sinh viên có thể thông qua các bài tập thay thế, điền chỗ trống, đặt câu, sửa câu sai, hoàn thành đối thoại...để tiếp cận và sử dụng linh hoạt chính xác các điểm ngữ pháp đã học. Mục tiêu của môn học chủ yếu nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết và thực hành cơ bản về ngữ pháp tiếng Trung, từ mới...giúp sinh viên trong giai đoạn đầu học tiếng Trung hiểu và sử dụng đúng các cấu trúc ngữ pháp đơn giản cũng như áp dụng đúng và nhuần nhuyễn vào các tình huống giao tiếp thực tiễn.

Giáo trình chính của môn học là:

1.?????(2006), ????(????????????????),??????????, ??

2.?????(2006), ????(????????????????),??????????, ??

3.?????(2006), ????(????????????????),??????????, ??

Môn học này tổng cộng 15 buổi, 5 tiết / buổi, trung bình 1 buổi 1 bài, mỗi bài bao gồm 6 phần: bài khóa, từ mới, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp, bài tập.

GV kiểm tra SV nội dung bài tiết trước, sau đó GV thuyết giảng nội dung bài mới và hướng dẫn SV thực hành tại lớp. SV làm tại lớp phần bài tập, GV chỉnh sửa và yêu cầu SV về nhà tự ôn

tập phần đã học và luyện tập.

65. Tên môn học: **Ngữ pháp sơ cấp 2 (D1)**

Mã môn học: NVT063

*ThS. Hàn Hồng Diệp*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Nội dung môn học chủ yếu về kiến thức ngữ pháp tiếng Trung cơ bản (ý nghĩa và cách sử dụng các phó từ, liên từ, kết cấu cố định...) kết hợp so sánh với tiếng Việt thông qua các bài hội thoại, điểm ngữ pháp và các dạng bài tập (dịch câu, điền chỗ trống, hoàn thành câu, đặt câu, sửa câu sai, hoàn thành đối thoại...). Tiến hành phân biệt các lỗi ngữ pháp trong các điểm ngữ pháp đã học, đồng thời giải thích và tìm ra các cách dùng đúng và phù hợp.

66. Tên môn học: **Ngữ pháp Trung cấp 1 (khối D1)**

Mã môn học: NVT064

*ThS. Vũ Thị Hương Trà*

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Đây là môn học bắt buộc dành cho sinh viên ở học kỳ 1 năm thứ hai. Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngữ pháp tiếng Hán hiện đại ở cấp độ đầu trung cấp. Môn học sẽ giúp sinh viên củng cố lại những kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Hán hiện đại đã học trước đó, đồng thời bổ sung thêm những kiến thức mới về cấu trúc câu, cách sử dụng những từ ngữ khó, phân biệt những cặp từ đồng nghĩa, cận nghĩa dễ nhầm lẫn trong tiếng Hán, từ đó giúp sinh viên nắm chắc hơn các cấu trúc ngữ pháp cũng như ý nghĩa của các từ ngữ trong từng ngữ cảnh cụ thể...

Giáo trình chính dành cho môn học này là: ?????(???) (???, ?) do Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh biên soạn, tác giả ??? chủ biên. Giáo trình gồm 13 bài, mỗi bài sẽ gồm 5 nội dung chính là: từ vựng, bài khóa, chú thích, cách sử dụng từ ngữ trọng tâm và phần bài tập thực hành. Thời lượng trung bình dành cho mỗi bài học là 5 tiết. GV khi lên lớp sẽ phân tích, giải thích cách sử dụng

những từ ngữ, cấu trúc trọng tâm, hướng dẫn SV đọc bài, thực hành đặt câu với những từ ngữ chính và hoàn thành phần luyện tập cuối mỗi bài học.

67. Tên môn học: **Ngữ pháp TC2 (khối D1)**

Mã môn học: NVT065

**ThS. NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG**

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Đây là môn học bắt buộc dành cho sinh viên năm 2, học kỳ 4, của khối D1. Môn học được bố trí gồm 12 bài cụ thể với các phần bài khóa, từ vựng và ngữ pháp. Ở mỗi bài học sẽ cung cấp cho sinh viên một lượng từ vựng nhất định và lồng ghép các điểm ngữ pháp trong đó. Tuy nhiên, sang đến trình độ này, ngữ pháp không dừng lại ở việc phân tích cấu trúc câu mà được nâng lên một trình độ cao hơn, đó là phân biệt, sử dụng từ. Môn học giúp sinh viên chọn lựa, sử dụng chính xác từ trong từng ngữ cảnh cụ thể, đồng thời phân biệt sử dụng những từ gần nghĩa, từ đó nâng cao thêm trình độ hiểu biết của sinh viên đối với tiếng Hán.

68. Tên môn học: **Từ vựng văn hoá Trung Quốc**

**TS. Trương Gia Quyên, TS. Tống Thị Quỳnh Hoa**

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Khái quát về từ vựng văn hóa Trung Quốc, giới hạn, đặc điểm và ứng dụng từ vựng văn hóa, ý nghĩa và tầm quan trọng của việc học tập nghiên cứu từ vựng văn hóa.

Từ vựng văn hóa thể hiện mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa. Biến đổi văn hóa ảnh hưởng tới ngôn ngữ (biến đổi văn hóa ảnh hưởng tới ngữ âm, từ ngữ, ngữ pháp và chữ Hán).

Thông qua các từ vựng, chữ Hán tìm hiểu về những văn hoá truyền thống của Trung Quốc ẩn chứa bên trong, từ đó tìm hiểu nguồn gốc, mối quan hệ giữa tiếng Trung Quốc và văn hóa truyền thống Trung Quốc. Môn học sẽ tìm hiểu các khía cạnh: Từ chỉ phương vị và triết lý của người Trung Quốc. Màu sắc và các quan niệm truyền thống của người Trung Quốc; Hệ thống các từ dùng trong xã giao, xưng hô trong gia đình, ngoài xã hội...; Ý nghĩa truyền thống văn hoá qua các từ chỉ động vật, thực vật...



Từ sự biến đổi của ngôn ngữ có thể thấy tiến trình phát triển của xã hội. Nguồn gốc và sự biến đổi của ngôn ngữ thể hiện qua vết tích văn hóa, tâm lý cấu tạo ngôn ngữ thể hiện tiến trình phát triển văn hóa dân tộc, sự tiếp xúc văn hóa thể hiện qua ngôn ngữ vay mượn, địa danh cho thấy vết tích di cư, họ tên và biệt hiệu thể hiện tín ngưỡng tôn giáo và nguồn gốc dân tộc, chế độ hôn nhân thể hiện qua xưng hô thân quyến...

Từ vựng văn hóa phản ánh ý nghĩa văn hóa và ứng dụng, ví dụ như từ ngữ chỉ phương hướng; phản ánh hàm nghĩa văn hóa, ví dụ như từ hình tượng, từ tượng trưng, từ ngữ lễ nghĩa (lời chúc phúc, lời cảm ơn...) và từ nói tránh, từ ngữ văn hóa ẩm thực, từ màu sắc, con số, từ ngoại lai, từ ngữ văn hóa cổ, từ ngữ văn hóa tôn giáo ...

Thông qua môn học, người học hiểu và vận dụng được các hiện tượng từ ngữ có bối cảnh văn hoá vào trong giao tiếp cuộc sống hằng ngày. Góp phần giảm thiểu những hiện tượng sử dụng từ ngữ sai nghĩa do không hiểu nghĩa văn hoá bên trong.

## 69. Tên môn học: **Chuyên đề ngữ pháp**

**TS. Tống Thị Quỳnh Hoa**

### **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Giới thiệu và hệ thống những kiến thức, quy luật ngữ pháp tiếng Hán hiện đại, giúp người học đã có trình độ tiếng Hán nhất định nâng cao hơn nữa trình độ tiếng Hán của mình.

Nội dung chủ yếu bao gồm:

Thứ nhất, giới thiệu những kiến thức cơ bản, những khái niệm cơ bản về ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Hán hiện đại.

Thứ hai, giới thiệu chi tiết các đơn vị ngữ pháp bao gồm từ, đoản ngữ, câu trong tiếng Hán. Phân loại từ, đoản ngữ, câu. Từ gồm có hai loại là thực từ (danh từ, động từ, tính từ, số từ, lượng từ, đại từ, phó từ) và hư từ (giới từ, liên từ, trợ từ, từ ngữ khí). Câu gồm có các thành phần câu (chủ ngữ, vị ngữ, định ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ, tân ngữ), phân loại câu theo chức năng giao tiếp (câu hỏi, câu trần thuật, câu cầu khiến, câu cảm thán), tổ hợp câu (câu đơn và câu phức).

Thứ ba, người học vận dụng và luyện tập theo từng nội dung đã học.

70. Tên môn học: **Quán ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán**

**ThS. Trương Phan Châu Tâm**

**Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Khác với Tục ngữ và Thành ngữ, Quán ngữ là dạng cụm từ được hình thành do thói quen sử dụng lâu ngày tạo ra. Chúng là những công thức nói lặp đi lặp lại với những từ ngữ tương đối ổn định. Quán ngữ có thể dùng để dẫn ý, nhập đề, liên kết, chuyển ý, kết luận v.v... Quán ngữ trong tiếng Hán cũng vậy.

Do Quán ngữ được tạo nên từ thói quen nói lâu ngày, nên đối với người học tiếng Trung, việc học Quán ngữ cũng rất quan trọng. Hiểu và sử dụng được Quán ngữ giúp câu nói của chúng ta trong qua trình giao tiếp sẽ uyển chuyển hơn, linh hoạt hơn, xúc tích hơn. Từ đó khiến người nghe cũng cảm thấy dễ hiểu và thú vị hơn. Đây cũng chính là mục tiêu hàng đầu mà môn **Quán Ngữ Trong Khẩu Ngữ Tiếng Hán** đặt ra.

Môn học đi theo giáo trình và một số tài liệu tham khảo về Quán Ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán, tiến hành giới thiệu, giải thích các Quán ngữ thường dùng, đưa ra bối cảnh cụ thể và cách dùng các Quán ngữ đó. Người học sẽ cùng luyện tập bằng cách làm các bài tập trong giáo trình, các hình thức rèn luyện trên lớp v.v...

Việc sử dụng nhuần nhuyễn Quán ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán sẽ giúp người học cảm thấy dễ dàng, tự tin hơn trong giao tiếp.

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

TRƯỜNG ĐH KHXH&NV  
KHOA NGỮ VĂN TRUNG

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Chỉnh Âm**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): .....

- Mã môn học: NVT001

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp ✓			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành ✓	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn ✓	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: dành cho sinh viên năm thứ 1

4. Phân bố thời gian: ...30 .. tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: ...10.....tiết

- Thực hành: ...15.....tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: ..... tiết

- Các hoạt động khác: (bài tập, trò chơi, đố vui, diễn kịch, xem phim, ...):.....tiết

- Tự học: ...5.....tiết

## 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: .....không có.....
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: nhận biết được các thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu trong tiếng Hán

**6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** giới thiệu sơ lược về hệ thống phiên âm tiếng Hán, phân loại và luyện đọc cụ thể từng thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, sau đó thực hành luyện tập ghép âm, đọc thành câu.

## 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: môn học giúp sinh viên nhận biết và chỉnh sửa các lỗi phát âm trong quá trình học, từ đó giúp sinh viên phát âm chuẩn hơn.
- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:
  - Nhận biết được thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu.
  - Nắm được cách phát âm các âm tiết và phân loại chúng.
  - Thực hành được thanh mẫu, vận mẫu và các thanh điệu.
  - Phát hiện âm đọc đúng, âm đọc sai.
  - Nhận định và điều chỉnh được những âm mình đọc chưa chuẩn.

## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	Nhận biết được thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu trong tiếng Hán.	GV thuyết trình và hướng dẫn đọc SV luyện tập theo nhóm và theo hướng dẫn của giáo viên.	Kiểm tra khả năng nhận biết thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu.
2	Nắm được cách phát âm các âm tiết và phân loại chúng.	- GV thống kê và phân loại các nhóm thanh mẫu, vận mẫu có cách phát âm giống nhau, so sánh với các nhóm khác, trình bày về sự khác biệt giữa các thanh điệu. - SV trình bày cách hiểu về phương pháp phân biệt cũng như cách đọc các thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu.	Đánh giá năng lực trình bày kiến thức.

3	Thực hành được thanh mẫu, vần mẫu và các thanh điệu.	- GV hướng dẫn HV thực hành. - SV thực hành theo hướng dẫn của GV và thực hành theo nhóm.	Đánh giá khả năng và thái độ thực hành của SV
4	Phát hiện âm đọc đúng, âm đọc sai.	- GV hướng dẫn thực hành các bài luyện tập. - SV trong quá trình luyện tập, cố gắng phân biệt âm nào đọc đúng, âm nào đọc sai	Bài kiểm tra nhỏ để đánh giá sơ lược trình độ SV.
5	Nhận định và điều chỉnh được những âm mình đọc chưa chuẩn.	- GV chỉ dẫn những chỗ HV đọc chưa chính xác. - SV chỉnh sửa theo sự hướng dẫn của GV	Đánh giá khả năng chỉnh sửa của SV

### 8. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính:

1. ?????(2005), ????? – ???, ?????????????

- Tài liệu tham khảo

1. ???, ??? ??(2006) , ?????????????(????) , ?????????????

2. ?? ??( 2002) , ??????, ?????????????

- CD kèm theo sách và cách tài liệu nghe khác

### 9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Xuyên suốt quá trình	Chuyên cần	10 %	Điểm chuyên cần	10%
Giữa kỳ	Bài kiểm tra	20%	Điểm giữa kỳ	20%
Cuối kỳ	Thi hết môn	70%	Điểm cuối kỳ	70%

**Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

- Xếp loại đánh giá:

<b>Điểm</b>	<b>Xếp loại</b>
<5	Không đạt
5-7	Trung bình khá
8-9	Khá
10	Giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: nghe và vấn đáp

Nội dung thi: các thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu kết hợp trong các từ, câu và đoạn văn.

Tiêu chí chấm điểm: phân biệt và đọc chuẩn các từ, cụm từ, câu

10 điểm: đọc đúng và lưu loát

8-9 điểm: đọc đúng nhưng chưa lưu loát

5-7 điểm: còn những lỗi đọc sai

<5 điểm: sai nhiều lỗi cơ bản

- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm:

Trung bình: phân biệt và kết hợp được thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu.

Khá: đọc đúng các từ, cụm từ.

Giỏi: đọc đúng và lưu loát các từ, cụm từ và câu.

## **10. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

### **10.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.

- Không được nghỉ học quá 20% số tiết.

- Tuyệt đối không được gây mất trật tự và ăn trong lớp.

- Thực hành, làm bài tập và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp.

### **10.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.

- Chấp hành đúng quy định nhà trường trong việc học tập và thi cử.

### **10.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

- SV có thể trao đổi với giáo viên vào cuối buổi học hoặc đầu giờ trước khi vào tiết học.

## 11. Nội dung chi tiết môn học:

### Mở đầu: ???????

1. ??
2. ??
3. ??
4. ??
5. ??
6. ????

### Chương I ?????????

- 1.1 ??? a o e ch i u ü, ?? b p m f d t n l g k h, ??
- 1.2 ?? j q x z c s zh ch sh r, ????? –i
- 1.3 ??? : ?????????????
- 1.4 ??? : ???????
- ?????

### Chương II ?????????

- 2.1 ?????: ?????????????????
- 2.2 ??????????, “
- 2.3 ”? “?”???
- 2.4 ?? : ?????????, ??????
- 2.5 ????? er, ???-r
- ???
- ?????

### Chương III ?????????

- 3.1 ??
- 3.2 ??
- 3.3 ??
- ??????

## 12. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)

1	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- ????????</li> <li>- ??? a o e ch i u ü, ?? b p m f d t n l g k h, ??</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình, cho nghe băng, hướng dẫn đọc</li> <li>- SV luyện đọc theo nhóm, GV chỉnh sửa cách phát âm</li> </ul>	????? – ???
2	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- ?? j q x z c s zh ch sh r, ? ??? –i</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình, cho nghe băng, hướng dẫn đọc</li> <li>- SV luyện đọc theo nhóm, GV chỉnh sửa cách phát âm</li> </ul>	????? – ???
3	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- ??? : ??????????????</li> <li>- ??? : ????????</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình, cho nghe băng, hướng dẫn đọc</li> <li>- SV luyện đọc theo nhóm, GV chỉnh sửa cách phát âm</li> </ul>	????? – ???
4	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- ?????: ??????????????????</li> <li>- ????????????, “</li> <li>- ”?“”“”???</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình, cho nghe băng, hướng dẫn đọc</li> <li>- SV luyện đọc theo nhóm, GV chỉnh sửa cách phát âm</li> </ul>	????? – ???
5	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- ?? : ??????????, ??????</li> <li>- ????? er, ???-r</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình, cho nghe băng, hướng dẫn đọc</li> <li>- SV luyện đọc theo nhóm, GV chỉnh sửa cách phát âm</li> </ul>	????? – ???
6	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- ??????</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV củng cố kiến thức và ôn tập cho SV</li> <li>- Thi giữa kỳ</li> </ul>	????? – ???
7	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- ??</li> <li>- ??</li> <li>- ??</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình, cho nghe băng, hướng dẫn đọc</li> <li>- SV luyện đọc theo nhóm, GV chỉnh sửa cách phát âm</li> </ul>	????? – ???



8	2	- ??? - ???? - ??????	GV cùng SV ôn tập, luyện đọc	????? – ???
---	---	-----------------------------	---------------------------------	-------------

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương ThS. Trương Phan Châu Tâm

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

Họ và tên: Trương Phan Châu Tâm	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, Quận 1	Điện thoại liên hệ: 0938743860
Email: tpchautam@yahoo.com	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV**  
**KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

## 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Đất nước học Trung Quốc**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): **????**

- Mã môn học: NVT002

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

## 2. Số tín chỉ: 2

3. **Trình độ:** dành cho sinh viên năm thứ 2,3

4. **Phân bố thời gian:** 45 tiết (*1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành*)

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 5 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết

- Các hoạt động khác: (*bài tập, trò chơi, đố vui, diễn kịch, xem phim, ...*): 5 tiết

- Tự học: 10 tiết

## 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Hoàn thành chương trình các môn học năm thứ nhất và học kỳ một năm thứ hai của Khoa Ngữ văn Trung Quốc.

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: sinh viên đã có được các kỹ năng tiếng cơ bản, vốn từ vựng đã đạt tương đương học kỳ hai năm hai chính quy Khoa Ngữ văn Trung Quốc hoặc khoảng tương đương HSK cấp 5.

## 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Nội dung chính của Đất nước Trung Quốc học chủ yếu là tìm hiểu xã hội và văn hóa Trung Quốc. Nội dung môn học phong phú, các chủ đề đa dạng, từ các phương diện địa lý, lịch sử, tư tưởng, văn hóa, chính trị, kinh tế... hệ thống khái quát và phân tích sơ lược các đặc điểm xã hội và văn hóa đặc thù Trung Hoa.

## 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Thông qua môn học này, sinh viên sẽ có một kiến thức nhất định về văn hóa đất nước con người Trung Hoa, bồi dưỡng nâng cao sự nhạy cảm của sinh viên đối với sự khác biệt về văn hóa, tính linh hoạt trong việc lý giải sự khác nhau về văn hóa vùng miền, khu vực. Đồng thời thúc đẩy nâng cao trình độ tiếng Trung và khả năng ứng dụng ngôn ngữ trong văn hóa đời sống của người Trung Quốc.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

+ Về kiến thức:

✓ Thông qua môn học này sinh viên có thể hiểu biết về diện mạo văn hóa Trung Quốc. Từ đó thâm nhập tìm hiểu sự ảnh hưởng của lịch sử và văn hóa Trung Hoa đối với thế giới và các nước trong khu vực lân cận.

✓ Đồng thời môn học này cũng giúp sinh viên có thể nâng cao toàn diện các kỹ năng nghe nói, đọc viết tiếng Trung.

+ Về kỹ năng:

✓ Tăng cường khả năng quản lý tổ chức và làm việc theo nhóm để hoàn thành những chủ đề tiểu luận giảng viên giao.

✓ Có khả năng thực hiện các cuộc hội thoại, thuyết trình không chuẩn bị trước về những chủ đề quen thuộc liên quan đến văn hóa lịch sử Trung Quốc;

✓ Có khả năng tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet (Trung Quốc) để phục vụ cho môn học.

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	<b>Chương II:</b> <b>????????</b> Khái quát và tổng hợp được kiến thức về địa lý, khí hậu, tài nguyên và đơn vị hành chính Trung Quốc	- GV thuyết trình phân tích bài giảng (dùng ppt) - Thảo luận nhóm - SV thuyết trình nhóm - Hỏi đáp, đánh giá	Kỹ năng trình bày Ý kiến hỏi đáp

2	<p><b>Chương III: ?????</b></p> <p>Nắm cơ bản về kiến thức lịch sử xã hội Trung Quốc từ thời kì nguyên thủy cổ đại cho đến thời kì đương đại</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt)</li> <li>- SV đọc tài liệu chính hoặc 1 số tài liệu tham khảo đã giới thiệu</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- SV thuyết trình nhóm</li> <li>- Hỏi đáp, đánh giá</li> </ul>	<p>Kỹ năng trình bày</p> <p>Đánh giá thái độ học tập (kiểm tra SV xem trước và chuẩn bị bài ở nhà)</p> <p>Ý kiến hỏi đáp</p>
3	<p><b>Chương IV: ????????</b></p> <p>Sinh viên có thể hiểu biết thêm về chính sách dân tộc và dân số ở Trung Quốc</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt)</li> <li>- SV đọc tài liệu chính hoặc 1 số tài liệu tham khảo đã giới thiệu</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- SV thuyết trình nhóm</li> <li>- Hỏi đáp, đánh giá</li> </ul>	<p>Kỹ năng trình bày</p> <p>Đánh giá thái độ học tập (kiểm tra SV xem trước và chuẩn bị bài ở nhà)</p> <p>Ý kiến hỏi đáp</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ</p>
4	<p><b>Chương V: ????????</b></p> <p>Nắm cơ bản sơ lược về chế độ chính trị của Trung Quốc</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt)</li> <li>- SV đọc tài liệu chính hoặc 1 số tài liệu tham khảo đã giới thiệu</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- SV thuyết trình nhóm</li> <li>- Hỏi đáp, đánh giá</li> </ul>	<p>Kỹ năng trình bày</p> <p>Đánh giá thái độ học tập (kiểm tra SV xem trước và chuẩn bị bài ở nhà)</p> <p>Ý kiến hỏi đáp</p>

5	<p><b>Chương VI: ?????</b></p> <p>Nắm cơ bản sơ lược về chính sách phát triển kinh tế của Trung Quốc</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng(có thể dùng ppt)</li> <li>- SV đọc tài liệu chính hoặc 1 số tài liệu tham khảo đã giới thiệu</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- SV thuyết trình nhóm</li> <li>- Hỏi đáp, đánh giá</li> </ul>	<p>Kỹ năng trình bày</p> <p>Đánh giá thái độ học tập (kiểm tra SV xem trước và chuẩn bị bài ở nhà)</p> <p>Ý kiến hỏi đáp</p>
6	<p><b>Chương VII: ?????</b></p> <p>Khái quát và tổng hợp được kiến thức về chính sách giáo dục của Trung Quốc từ thời cổ đại cho đến hiện tại.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng(có thể dùng ppt)</li> <li>- SV đọc tài liệu chính hoặc 1 số tài liệu tham khảo đã giới thiệu</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- SV thuyết trình nhóm</li> <li>- Hỏi đáp, đánh giá</li> </ul>	<p>Kỹ năng trình bày</p> <p>Đánh giá thái độ học tập (kiểm tra SV xem trước và chuẩn bị bài ở nhà)</p> <p>Ý kiến hỏi đáp</p>
7	<p><b>Chương VIII: ????????</b></p> <p>Sinh viên có thể hiểu biết thêm về các tư tưởng triết lý truyền thống của Trung Quốc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng(dùng ppt)</li> <li>- SV đọc tài liệu chính hoặc 1 số tài liệu tham khảo đã giới thiệu</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- SV thuyết trình nhóm</li> <li>- Hỏi đáp, đánh giá</li> </ul>	<p>Kỹ năng trình bày</p> <p>Đánh giá thái độ học tập (kiểm tra SV xem trước và chuẩn bị bài ở nhà)</p> <p>Ý kiến hỏi đáp</p>

## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành
- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)			
					Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	<p>Thông qua môn học này, sinh viên sẽ hiểu và nắm vững kiến thức cơ bản về lịch sử văn hóa tư tưởng, giáo dục. Trung Quốc, đồng thời bồi dưỡng và huấn luyện cho sinh viên năng lực phân tích giải quyết vấn đề... Từ đó thâm nhập tìm hiểu sự ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa đối với thế giới và các nước trong khu vực lân cận.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng</li> <li>- SV đọc tài liệu chính, tài liệu tham khảo đã giới thiệu</li> <li>- Thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm</li> <li>- Hỏi đáp</li> <li>- GV giải thích, đánh giá</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kỹ năng trình bày</li> <li>Ý kiến hỏi đáp</li> <li>Kiểm tra giữa kỳ</li> <li>Kiểm tra cuối kỳ</li> </ul>		<p><i>PLO1</i>                      Năm được những mặt cơ bản quan trọng về tình hình Trung Quốc</p>	<p><i>PLO2</i>                      Sử dụng nghe, nói, đọc, viết được những thuật ngữ chuyên ngành về địa lý, kinh tế, giáo dục, triết học...</p>	<p><i>PLO3</i>                      Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách vở, đọc thêm các tài liệu trên mạng internet ...</p>

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính: ???? (Đất nước học Trung Quốc). Nguyễn Đình Phúc, Võ Ngọc Tuấn Kiệt biên soạn, nhà xuất bản Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2013

- Tài liệu tham khảo/bổ sung :

??: “?????”, ????????, 2008 ??

????????????: “????”, ????????, 2012 ??

?????: “?????”, ????????, 2012 ??

?????????: “????”, ????????, 2012 ??

- Trang Web/CDs tham khảo

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Giữa kỳ	- Chuyên cần - Thái độ tinh thần học tập - Bài tập - Tham gia thảo luận theo nhóm - Thuyết trình - Kiểm tra giữa kỳ	10% 5% 5% 5% 5% 70% 100%	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	- Thi cuối kỳ	100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá: 5 - 6 điểm : trung bình

7 - 8 điểm : khá

9 - 10 điểm : giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng)



Hình thức thi: 95% trắc nghiệm và 5% tự luận trả lời câu hỏi (Sinh viên không được sử dụng bất kỳ tài liệu nào)

Nội dung thi: có 2 phần: 85% sẽ lấy nội dung trong những bài đã học; 15% sử dụng tài liệu đọc thêm nhưng nội dung tương đương với những bài đã học và trình độ của sinh viên.

Thời lượng : 60 phút

Tiêu chí chấm điểm: bài thi giữa kỳ và cuối kỳ đều có tổng cộng 4 hoặc 5 mục

- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)

## **11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

### **11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ học trên lớp theo qui định , tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp, không nghỉ quá 20% tổng số giờ học.

- Tuyệt đối không được vắng mặt trong các buổi thảo luận của nhóm

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ (Đọc tài liệu và chuẩn bị bài cho mỗi buổi học trước khi vào lớp, tham gia thảo luận và làm các bài tập tại lớp, làm kiểm tra giữa môn và thi hết môn) theo đúng yêu cầu của giảng viên phụ trách môn học.

- Sinh viên có thể đề xuất các vấn đề mới trong phần thảo luận trên lớp (ngoài nội dung do giáo viên hướng dẫn nhưng nằm trong nội dung môn học).

- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành

- Sinh viên phải làm quen với việc thu thập và xử lý thông tin, trao đổi bài vở qua mạng Internet.

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ

- Sinh viên vi phạm quy định (nghỉ học, đi muộn không có lí do chính đáng; không làm bài tập , nộp bài tiểu luận không đúng hạn; làm bài gian dối, đạo văn, không trích dẫn nguồn...) tùy theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.

- Phải tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp

- Sinh viên thiếu một trong các điểm thành phần sẽ không có điểm cho toàn môn học.

**11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

- Sinh viên có thể liên lạc và gặp giảng viên tại văn phòng Khoa Ngữ Văn Trung Quốc B014

**12. Nội dung chi tiết môn học: viết chi tiết tên chương, tiết, mục; chẳng hạn:**

**Chương II: ????????**

2.1 ??

2.2 ??

2.3.??

2.4 ????

**Chương III: ??????**

3.1 ???

3.2 ???

3.3 ???

3.4 ???

**Chương IV: ????????**

4.1 ????

4.2 ????

4.3 ??????

**Chương V: ????????**

5.1 ??????????

5.2 ??????????

5.3 ??????????

5.4 ??????????

5.5 ??????????

**Chương VI: ??????**

6.1 ??????????

6.2 ????????

6.3 ??????????????

6.4 ??????????????

**Chương VII: ??????**

7.1 ????????

7.2 ??????????????

7.3 ??????????????

7.4 ??????????????

**Chương VIII: ????????**

8.1.????

8.2 ?????

8.3 ?????

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	???: ????????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (dùng ppt)</li> <li>- SV đọc tài liệu chính hoặc 1 số tài liệu tham khảo đã giới thiệu</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- SV thuyết trình nhóm</li> <li>- SV chuẩn bị bài ở nhà,</li> <li>- GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp</li> <li>- GV giải thích , đánh giá</li> </ul>	???: (Đất nước học Trung Quốc) - Từ trang 21 đến trang 38
2	5	???: ??????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (dùng ppt)</li> <li>- SV đọc tài liệu chính hoặc 1 số tài liệu tham khảo đã giới thiệu</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- SV thuyết trình nhóm</li> <li>- SV chuẩn bị bài ở nhà,</li> <li>- GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp</li> <li>- GV giải thích , đánh giá</li> </ul>	???: (Đất nước học Trung Quốc) - Từ trang 41 đến trang 70

3	5	???: ????????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (dùng ppt)</li> <li>- SV đọc tài liệu chính hoặc 1 số tài liệu tham khảo đã giới thiệu</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- SV thuyết trình nhóm</li> <li>- SV chuẩn bị bài ở nhà,</li> <li>- GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp</li> <li>- GV giải thích , đánh giá</li> </ul>	???? (Đất nước học Trung Quốc) - Từ trang 73 đến trang 92
4	5	??(1) ??????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV ôn tập và kiểm tra lại kiến thức của sinh viên thông qua hình thức: thi trắc nghiệm</li> <li>- Thời gian kiểm tra 45p</li> </ul>	???? (Đất nước học Trung Quốc) -
5	5	???: ????????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (dùng ppt)</li> <li>- SV đọc tài liệu chính hoặc 1 số tài liệu tham khảo đã giới thiệu</li> <li>- SV thảo luận thuyết trình nhóm</li> <li>- SV chuẩn bị bài ở nhà,</li> <li>- GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp</li> <li>- GV giải thích , đánh giá</li> </ul>	???? (Đất nước học Trung Quốc) - Từ trang 97 đến trang 122
6	5	???: ??????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (dùng ppt)</li> <li>- SV đọc tài liệu chính hoặc 1 số tài liệu tham khảo đã giới thiệu</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- SV thuyết trình nhóm</li> <li>- SV chuẩn bị bài ở nhà,</li> <li>- GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp</li> <li>- GV giải thích , đánh giá</li> </ul>	???? (Đất nước học Trung Quốc) - Từ trang 124 đến trang 138

7	5	???: ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (dùng ppt)</li> <li>- SV đọc tài liệu chính hoặc 1 số tài liệu tham khảo đã giới thiệu</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- SV thuyết trình nhóm</li> <li>- SV chuẩn bị bài ở nhà,</li> <li>- GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp</li> <li>- GV giải thích , đánh giá</li> </ul>	???? (Đất nước học Trung Quốc) - Từ trang 134 đến trang 168
8	5	???: ????????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (dùng ppt)</li> <li>- SV đọc tài liệu chính hoặc 1 số tài liệu tham khảo đã giới thiệu</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- SV thuyết trình nhóm</li> <li>- SV chuẩn bị bài ở nhà,</li> <li>- GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp</li> <li>- GV giải thích , đánh giá</li> </ul>	???? (Đất nước học Trung Quốc) - Từ trang 171 đến trang 192
9	5	??(2)	GV ôn tập và kiểm tra lại kiến thức của sinh viên	???? (Đất nước học Trung Quốc)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

**PGS.TS Nguyễn Đình Phúc**

**PGS.TS Nguyễn Đình Phúc**

**TS. Cái Thi Thủy**

**ThS. Võ Ngọc Tuấn Kiệt**

**\* Ghi chú tổng quát:**

Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):

**Giảng viên phụ trách môn học** (có thể dùng bảng hoặc không)

Họ và tên: CÁI THI THỦY	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
-------------------------	--------------------------

Địa chỉ cơ quan: 10-12Đinh Tiên Hoàng,P. Bến Nghé,Q.1, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 01222999881
Email: <a href="mailto:thuy2209@yahoo.com">thuy2209@yahoo.com</a>	Trang web: vanhoatrungquoc.webnode.vn

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:VÕ NGỌC TUẤN KIẾT	Học hàm, học vị:Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 10-12Đinh Tiên Hoàng,P. Bến Nghé,Q.1, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0918996186
Email: <a href="mailto:vongoctuankiet@hcmussh.edu.vn">vongoctuankiet@hcmussh.edu.vn</a>	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV**  
**KHOA/BỘ MÔN NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

Tên tiếng Việt: **Địa lí nhân văn Trung Quốc**

- Mã môn học: NVT003

- Môn học thuộc khối kiến trúc:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

**2. Số tín chỉ:** 2 tín chỉ lý thuyết

**3. Trình độ** (dành cho sinh viên năm thứ 2)

**4. Phân bố thời gian:** 30 tiết lý thuyết

- Lý thuyết: 20 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 5 tiết

- Các hoạt động khác: xem phim 5 tiết

## 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Người học phải có trình độ tiếng Hán bậc sơ trung cấp, có khả năng nghe hiểu những từ ngữ thông thường.

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: sinh viên cần có thêm kỹ năng tra cứu và tổng hợp thông tin từ tài liệu tham khảo, từ các trang web

**6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Thông qua địa lí từng vùng, sinh viên sẽ được tìm hiểu về phong tục, tập quán, danh lam thắng cảnh, công trình kiến trúc, ẩm thực của từng vùng.

## 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Mục tiêu của học phần: Môn học địa lý nhân văn Trung Quốc sẽ giúp người học thông qua các đặc điểm về địa lý, văn hóa, phong tục tập quán, ẩm thực... Trung Quốc càng hiểu thêm về đất nước và con người Trung Quốc. Là nền tảng để tiếp tục học môn Đất nước học Trung Quốc.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có kiến thức chung về đặc điểm địa lý của từng vùng miền của Trung Quốc. Từ góc độ địa lý, sinh viên sẽ hiểu được tại sao nơi đó lại có phong tục, tập quán cũng như các công trình kiến trúc gắn liền với địa hình cũng như lịch sử phát triển của vùng đất đó.

## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	Trình bày được đặc điểm địa lý, nhân văn của từng vùng miền TQ	GV thuyết trình SV thuyết trình	Kỹ năng trình bày Kiểm tra giữa kỳ Kiểm tra cuối kì

## 9. Tài liệu phục vụ môn học:

Tài liệu chính và tài liệu tham khảo đều do giáo viên cung cấp sau khi đã được kiểm duyệt kĩ càng.

- Tài liệu/giáo trình chính ??(2001), ??????, ?????????????, ??

- Tài liệu tham khảo/bổ sung

???- ???- ???- ???(2000)

????????, ????????,

????????- ?????????(2001), ???????.



- Trang Web/CDs tham khảo

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Giữa kỳ: Sau khi môn học tiến hành được 1/2 thời gian	- Chuyên cần - Thuyết trình - Bài thu hoạch	20 % 40 % 40 % <b>100%</b>	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ: Theo thời gian sắp xếp của khoa	- Thi cuối kỳ	<b>100%</b>	Điểm cuối kỳ	70%
				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>

#### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá (GV tự xây dựng)

0 – 4.5 : Không đạt

5 – 6: Trung Bình. Nắm được cơ bản các kiến thức về địa lý nhân văn.

7 – 8: Khá: Am hiểu được những kiến thức về địa lý nhân văn vào trong thực hành tiếng Trung Quốc ở mức độ khá.

9 – 10: Giỏi. Am hiểu và vận dụng được những kiến thức về địa lý nhân văn vào trong thực hành tiếng Trung Quốc ở mức độ khá tốt.

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng)

Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút.

- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)

### 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

#### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp
- Chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp
- Chuẩn bị các phần thảo luận được giao.

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Nộp tiêu luận giữa kì trễ hạn qui định sẽ không chấp nhận
- Trường hợp đạo văn, không trích dẫn nguồn sẽ bị trừ điểm theo mức độ.

### **11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

- Liên lạc bằng thư điện tử, điện thoại ngoài giờ học

## **12. Nội dung chi tiết môn học:**

### **Bài 1: Khái quát chung về đất nước TQ**

#### I.1 Địa lý Trung Quốc

##### I.1.1 Địa hình

##### I.1.2 Diện tích

##### I.1.3 Địa thế

##### I.1.4 Biển

##### I.1.5 Đảo

##### I.1.6 Sông ngòi

##### I.1.7 Hồ

#### I.2 Các ngọn núi nổi tiếng

##### I.2.1 Ngũ nhạc

##### I.2.2 Bốn ngọn núi phật giáo nổi tiếng

##### I.2.3 Hoàng sơn

### **Bài 2:**

#### II.1 Lịch sử Trung Quốc

#### II.2 Dân số Trung Quốc

#### II. 3 Các dân tộc

#### II.4 Văn hoá ẩm thực

### **III. Bài 3**

#### III. 1 Thành phố Bắc Kinh

III.2 Thiên An Môn

III.3 Thành cổ Bắc Kinh

III.4. Thiên đàn

III.5 Ngọ Môn

III. 6 Cố cung Bắc Kinh

III.7 Chùa cửa Bắc Kinh

#### **IV. Bài 4**

IV.1 Di hoà viên

IV.2 Trường Thành

IV.3 Kinh Kịch

IV 4 Tứ hợp viện

#### **V. Bài 5**

V.1 Tây An

V.2 Hàng Châu

V.3 Tô Châu

#### **VI. Bài 6**

V.1 Khu tự trị dân tộc Choang – Quảng tây

VI.2 Tân Cương

### **13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

<b>Buổi / Tuần</b>	<b>Số tiết trên lớp</b>	<b>Nội dung bài học</b>	<b>Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV</b>	<b>Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)</b>
--------------------	-------------------------	-------------------------	--	--

1	5	<p>Hướng dẫn cách học, giới thiệu tài liệu chính, tài liệu tham khảo, cách thức kiểm tra và thi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa lý Trung Quốc</li> </ul> <p>ao gồm các vấn đề về: Địa hình, diện tích, địa thế, sông ngòi, hồ, biển, đảo, Các ngọn núi nổi tiếng, bốn ngọn núi phật giáo nổi tiếng, Hoàng sơn</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên trình bày nội dung bài giảng</li> <li>- Xem đĩa có liên quan đến bài giảng</li> <li>- Thảo luận với sinh viên các vấn đề liên quan đến bài giảng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem trước các nội dung sẽ giảng trong giáo trình</li> <li>- Đọc tài liệu tham khảo ? ??(2003), ????, ?????? ?, trang 1- 33</li> </ul>
2	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lịch sử Trung Quốc</li> <li>- Dân số Trung Quốc</li> <li>- Các dân tộc</li> <li>- Văn hoá ẩm thực</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên trình bày nội dung bài giảng</li> <li>- Xem đĩa có liên quan đến bài giảng</li> </ul> <p>Thảo luận với sinh viên các vấn đề liên quan đến bài giảng</p>	<p>Xem trước các nội dung sẽ giảng trong giáo trình</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu tham khảo ? ??(2003), ????, ?????? ?, trang</li> </ul>

3	5	-Thành phố Bắc Kinh - Thiên An Môn - Thành cổ Bắc Kinh -Thiên đàn -Ngọ Môn - Cố cung Bắc Kinh -Chùa cửa Bắc Kinh	- Giáo viên trình bày nội dung bài giảng - Xem đĩa có liên quan đến bài giảng Thảo luận với sinh viên  các vấn đề liênquan đến bài giảng	Xem trước các nội dung sẽ giảng trong giáo trình - Đọc tài liệu tham khảo ? ??(2003), ????, ?????? ?, trang
4	5	-Di hoà viên -Trường Thành -Kinh Kịch - Tứ hợp viện	- Giáo viên trình bày nội dung bài giảng - Xem đĩa có liên quan đến bài giảng Thảo luận với sinh viên  các vấn đề liênquan đến bài giảng	Xem trước các nội dung sẽ giảng trong giáo trình - Đọc tài liệu tham khảo ? ??(2003), ????, ?????? ?, trang
5	5	-Tây An -Hàng Châu -Tô Châu	- Giáo viên trình bày nội dung bài giảng - Xem đĩa có liên quan đến bài giảng Thảo luận với sinh viên  các vấn đề liênquan đến bài giảng	Xem trước các nội dung sẽ giảng trong giáo trình - Đọc tài liệu tham khảo ? ??(2003), ????, ?????? ?, trang
6	5	-Khu tự trị dân tộc Choang – Quảng tây -Tân Cương	- Giáo viên trình bày nội dung bài giảng - Xem đĩa có liên quan đến bài giảng Thảo luận với sinh viên  các vấn đề liênquan đến bài giảng	Xem trước các nội dung sẽ giảng trong giáo trình - Đọc tài liệu tham khảo ? ??(2003), ????, ?????? ?, trang

TP. HỒ Chí Minh, ngày 25 tháng 6 năm 2016  
Người biên soạn

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc      PGS.TS Nguyễn Đình Phúc      ThS. Cao Thị Quỳnh Hoa

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học**

Họ và tên: Cao Thị Quỳnh Hoa	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng Q1, Tp HCM	Điện thoại liên hệ: 0906838329
Email: ctqhoa@yahoo.com	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV**  
**KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**Giảng viên phụ trách môn học**

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hằng	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 38293828 - 142
Email: <a href="mailto:thuhang1008@yahoo.com">thuhang1008@yahoo.com</a>	Trang web: <a href="http://www.hcmussh.edu.vn">www.hcmussh.edu.vn</a>
Cách liên lạc với giảng viên:	Liên lạc qua email hoặc gặp trực tiếp giáo viên tại lớp học.
Nơi tiến hành môn học:	Trường ĐH KHXH & NV, Cơ sở Thủ Đức
Thời gian học:	Học kỳ I mỗi năm (từ tháng 9 đến tháng 11)

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **DỊCH CAO CẤP**

tên tiếng Trung: ????

- Mã môn học: NVT004

- Môn học thuộc khối kiến trúc:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

## 2. Số tín chỉ: 03

3. **Trình độ:** Dành cho sinh viên năm thứ 3.

4. **Phân bố thời gian:** 60 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 30 tiết

- Tự học: 15 tiết

## 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: *Đã hoàn thành các môn thuộc khối cơ sở và chuyên ngành của các năm I, II, và các môn của học kỳ 1 thuộc năm III.*

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng:

+ *Đã nắm được toàn bộ các điểm ngữ pháp từ cơ bản đến nâng cao của tiếng Trung.*

+ *Nắm được một lượng từ cơ bản khoảng 4000 từ.*

+ *Biết vận dụng các điểm ngữ pháp đã học vào việc dịch xuôi, dịch ngược từ câu cho đến toàn bài với độ dài trên dưới 3000 từ.*

+ *Có kiến thức cơ bản về lịch sử, văn hóa, xã hội ... của Việt Nam và Trung Quốc.*

## 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Đây là môn học bắt buộc đối với tất cả các sinh viên khi bước vào học kỳ thứ 6 (học kỳ 2, năm III). Môn học gồm 6 bài cụ thể, mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khoá, bài tập trên lớp, bài tập về nhà.

- Từ mới là những từ trích dẫn từ bài khoá, đa phần là những từ thường dùng, tần số xuất hiện cao. Mỗi bài có khoảng 50 đến 70 từ mới.

- Phần bài khoá là những bài có độ dài khoảng trên dưới 3000 từ, trong đó có những bài đã được cải biên để phù hợp với trình độ của sinh viên, có những nguyên tác của các nhà văn nổi tiếng Trung Quốc, nội dung các bài khoá phản ánh cuộc sống xã hội đương đại được chắt lọc từ báo chí, internet và từ những tác phẩm văn học.

- Phần bài tập thường chú trọng vào việc thực hành dịch xuôi, dịch ngược. Yêu cầu sinh viên dịch các mẫu câu dài, có độ phức tạp lắt léo nhất định, trong đó có những từ trọng điểm và dịch bài khoá sang tiếng Việt. Ngoài ra, khi gặp phải các điểm ngữ pháp quan trọng, người dạy cũng sẽ đưa ra các câu tiếng Việt yêu cầu



sinh viên vận dụng các điểm ngữ pháp ấy để dịch sang tiếng Hoa.

Tuy nhiên, tùy theo tính chất từng môn học mà mức độ chú trọng và tập trung vào mỗi phần của bài học có sự khác biệt. Nội dung học cụ thể sẽ được đề cập đến trong 13 - “Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể”.

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Giúp sinh viên từng bước nắm được những kiến thức trong dịch thuật chuyên nghiệp, có kiến thức nâng cao về các chủ đề dịch thường gặp như kinh tế, xã hội, khoa học, giáo dục, văn hóa, v.v., qua đó bước đầu hình thành những kỹ năng dịch thuật trong các tình huống từ thông thường đến những tình huống đòi hỏi các khái niệm chuyên ngành phức tạp hơn.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: *Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:*

- + Hình thành và từng bước hoàn thiện kỹ năng, kỹ xảo dịch thuật.
- + Có khả năng dịch thuật văn bản (tác phẩm văn học, báo chí v.v.)
- + Nắm được những kiến thức nhất định về văn hóa, lịch sử, xã hội trong bối cảnh của từng bài đối với ngôn ngữ gốc và cả ngôn ngữ đích.
- + củng cố thêm về các kiến thức ngữ pháp nâng cao.
- + Biết thưởng thức các tác phẩm văn học nổi tiếng bằng ngôn ngữ gốc.

ST T	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thành và từng bước hoàn thiện kỹ năng, kỹ xảo dịch thuật.</li> <li>- Có khả năng dịch thuật văn bản (tác phẩm văn học, báo chí v.v.)</li> <li>- Nắm được những kiến thức nhất định về văn hóa, lịch sử, xã hội trong bối cảnh của từng bài đối với ngôn ngữ gốc và cả ngôn ngữ đích.</li> <li>- Củng cố thêm về các kiến thức ngữ pháp nâng cao.</li> <li>- Biết thưởng thức các tác phẩm văn học nổi tiếng bằng ngôn ngữ gốc.</li> </ul>	<p><i>GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài.</i></p> <p><i>SV thực hành đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng trình bày trong thực hành trên lớp</li> <li>- Đối thoại với GV trên lớp</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ, kết thúc môn</li> </ul>

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thành và từng bước hoàn thiện kỹ năng, kỹ xảo dịch thuật.</li> <li>- Có khả năng dịch thuật văn bản (tác phẩm văn học, báo chí v.v.)</li> <li>- Nắm được những kiến thức nhất định về văn hóa, lịch sử, xã hội trong bối cảnh của từng bài đối với ngôn ngữ gốc và cả ngôn ngữ đích.</li> <li>- Ủng hộ thêm về các kiến thức ngữ pháp nâng cao.</li> <li>- Biết thưởng thức các tác phẩm văn học nổi tiếng bằng ngôn ngữ gốc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài.</li> <li>- SV thực hành đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng trình bày trong thực hành trên lớp</li> <li>- Tương tác giữa giáo viên và SV trên lớp</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ, kết thúc môn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- PLO1</li> <li>- Nâng cao các kiến thức trong dịch thuật.</li> <li>- Nâng cao kiến thức văn hóa, xã hội, đời sống, kinh tế v.v.</li> <li>- Hoàn thiện kiến thức ngữ pháp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- PLO2</li> <li>- Có kỹ năng đọc, hiểu và diễn đạt qua ngôn ngữ đích.</li> <li>- Nắm được tư tưởng được truyền tải trong mỗi bài học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- PLO3</li> <li>- Thái độ học tập tích cực, thấy được sự quan trọng của việc nắm vững kiến thức dịch thuật.</li> <li>- Thấy được tầm quan trọng của kỹ năng dịch thuật trong hoạt động chuyên môn cũng như đời sống hàng ngày.</li> </ul>

## 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu chính:

??????(2014): ??? – ????? II, ????????

- Tài liệu tham khảo/bổ sung:

1. ???????(2007): ??? – ??????(??), ????????

2. ???(2013): ????????(??), ????????

3. ???(2003): ??????, ????????

4. ???????(2009): ????????, ????????

#### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
- Sau mỗi tuần - Giữa kỳ	- Chuyên cần - Bài tập - Kiểm tra giữa kỳ - Thái độ học tập trên lớp	10 % 30 % 50 % 10% <b>100%</b>	Điểm giữa kỳ	30%
- Sau mỗi tuần - Cuối kỳ	- Chuyên cần - Bài tập - Thi cuối kỳ - Thái độ học tập trên lớp	10 % 30 % 50 % 10% <b>100%</b>	Điểm cuối kỳ	70%
				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>

#### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá (GV tự xây dựng)

Trung bình: 5 – 6: Nắm được cơ bản kiến thức ngữ pháp trong chương trình Trung cấp 2, thực hiện được kỹ năng dịch ở mức trung bình.

Khá: 7: Hiểu được và áp dụng được những kiến thức ngữ pháp trong chương trình Trung cấp 2, có khả năng dịch và chất lượng dịch ở mức tương đối.

Giỏi: 8-9: Vận dụng khá tốt những kiến thức ngữ pháp trong chương trình Trung cấp 2, có khả năng dịch và câu văn dịch tương đối suôn sẻ, hoàn chỉnh.

Xuất sắc: 10: Hiểu và vận dụng nhuần nhuyễn những kiến thức ngữ pháp trong chương trình Trung cấp 2, khả năng dịch ở mức suôn sẻ, hoàn hảo.

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng):

Thi viết, gồm 02 phần dịch Hán – Việt, dịch Việt – Hán.

Thời gian: 75 phút.

#### 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### **11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp, thì mới được tham gia thi cuối kỳ.
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp.

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.
- Vắng 3 buổi sẽ không có điểm chuyên cần, vắng từ 4 buổi trở lên sẽ không được tham gia thi cuối kỳ.
- Không tập trung nghe giảng, không tích cực tham gia vào bài học, không chuẩn bị bài tập GV giao trước sẽ không có điểm cho phần **Thái độ học tập**.

### **11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

- Sinh viên có vấn đề thắc mắc cần giải đáp, liên hệ và gặp giáo viên vào những buổi học trên trường hoặc qua email. Không tiếp sinh viên tại nhà hoặc qua điện thoại.

## **12. Nội dung chi tiết môn học:**

Môn học chia làm 6 bài, mỗi nội dung tương ứng với 10 tiết học. Cụ thể như sau:

???: ???????

1. ??
2. ??
3. ????
4. ???
5. ??
6. ??

???: ???????

1. ??
2. ??
3. ????
4. ???
5. ??
6. ??

???: ????

1. ??
2. ??
3. ????
4. ???
5. ??
6. ??

**???: ??????**

1. ??
2. ??
3. ????
4. ???
5. ??
6. ??

**???: ??????**

1. ??
2. ??
3. ????
4. ???
5. ??
6. ??

**???: ????**

1. ??
2. ??
3. ????
4. ???
5. ??
6. ??

### **13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

<b>Buổi/ Tuần</b>	<b>Số tiết trên lớp</b>	<b>Nội dung bài học</b>	<b>Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV</b>	<b>Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)</b>
1	5	???: ???????(?) 1. ?? 2. ???? 3. ??? 4. ??????	- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.	- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 1. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.
2	5	???: ???????(?) 1. ?? 2. ?????? 3. ?? 4. ????	- GV giảng giải từ tương ứng nội dung của bài khóa và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.	- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 2. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.
3	5	???: ???????(?) 1. ?? 2. ???? 3. ??? 4. ??????	- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.	- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 3. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.
4	5	???: ???????(?) 1. ?? 2. ?????? 3. ?? 4. ????	- GV giảng giải từ tương ứng nội dung của bài khóa và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.	- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 4. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.
5	5	???: ?????(?) 1. ?? 2. ???? 3. ??? 4. ??????	- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.	- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 5. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.

6	5	???: ????(?) 1. ?? 2. ?????? 3. ?? 4. ????	- GV giảng giải từ tưởng nội dung của bài khóa và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.	- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 6. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.
7	5	???: ??????(?) 1. ?? 2. ???? 3. ??? 4. ??????	- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.	- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 7. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.
8	5	???: ??????(?) 1. ?? 2. ?????? 3. ?? 4. ????	- GV giảng giải từ tưởng nội dung của bài khóa và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.	- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 8. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.
9	5	???: ??????(?) 1. ?? 2. ???? 3. ??? 4. ??????	- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.	- Tài liệu học tập chính số 2 tương ứng nội dung học tập tuần 9. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.
10	5	???: ??????(?) 1. ?? 2. ?????? 3. ?? 4. ????	- GV giảng giải từ tưởng nội dung của bài khóa và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.	- Tài liệu học tập chính số 2 tương ứng nội dung học tập tuần 10. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.

11	5	???: ????(?) 1. ?? 2. ???? 3. ??? 4. ??????	- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.	- Tài liệu học tập chính số 2 tương ứng nội dung học tập tuần 11. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.
12	5	???: ????(?) 1. ?? 2. ?????? 3. ?? 4. ????	- GV giảng giải từ tương ứng nội dung của bài khóa và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.	- Tài liệu học tập chính số 2 tương ứng nội dung học tập tuần 12. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 07 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc

ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng

ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng



**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV**  
**KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học: **Dịch sơ cấp 1 (D4)**

- Mã môn học: NVT005

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		<input checked="" type="checkbox"/>			
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

**2. Số tín chỉ: 3**

**3. Trình độ:** dành cho sinh viên năm thứ 1

**4. Phân bố thời gian:** 60 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 30 tiết

- Các hoạt động khác: (*bài tập, trò chơi, đố vui, diễn kịch, xem phim, ...*): 5 tiết

- Tự học: 10 tiết

**5. Điều kiện tiên quyết:** không

**6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Đây là môn học bắt buộc đối với tất cả các sinh viên năm thứ nhất khi bước vào học kỳ đầu tiên (học kỳ 1, năm I). Môn học gồm 25 bài cụ thể, mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khoá, ngữ pháp, bài tập. Môn học rèn luyện kỹ năng dịch Việt – Hán, Hán – Việt, giúp sinh viên vận dụng thông thạo các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng đã học trong dịch thuật Việt – Hán, Hán – Việt, đồng thời tạo kiến thức nền để sinh viên tiếp tục học chương trình Dịch sơ cấp 2.

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kỹ năng dịch thuật ở cấp độ sơ cấp.
- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

Nắm được những kỹ năng cơ bản về dịch thuật và từ vựng trong quá trình học.

Dịch được những câu, đoạn văn cơ bản (từ tiếng Trung sang tiếng Việt và ngược lại).

Phân tích và đánh giá được câu, đoạn văn đã dịch sẵn.

Áp dụng những kỹ năng và vốn từ đã học vào bài tập cụ thể.

Đạt được các kỹ năng dịch và nắm bắt được vốn từ đã học.

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	Nắm được những kỹ năng cơ bản về dịch thuật và từ vựng trong quá trình học.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình và hướng dẫn.</li> <li>- SV ghi chép và tham khảo thêm những tài liệu hữu quan.</li> </ul>	Kiểm tra sơ bộ kiến thức SV
2	Dịch được những câu, đoạn văn cơ bản (từ tiếng Trung sang tiếng Việt và ngược lại).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hướng dẫn dịch mẫu và cho bài tập.</li> <li>- SV làm bài tập theo hướng dẫn của GV.</li> </ul>	Đánh giá kỹ năng dịch của SV

3	Phân tích và đánh giá được câu, đoạn văn đã dịch sẵn.	- GV giới thiệu tài liệu và đưa ra yêu cầu luyện tập. - SV tìm đọc và nhận xét đánh giá.	Đánh giá khả năng phân tích, đánh giá của SV
4	Áp dụng những kỹ năng và vốn từ đã học vào bài tập cụ thể.	- GV đưa ra yêu cầu và luyện tập hữu quan. - SV thực hiện theo sự hướng dẫn của GV.	Bài kiểm tra giữa kỳ
5	Đạt được các kỹ năng dịch và nắm bắt được vốn từ đã học.	Hoạt động trao đổi và đánh giá kỹ năng này trong suốt quá trình học.	Bài thi cuối kỳ

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành
- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm được những kỹ năng cơ bản về dịch thuật và từ vựng trong quá trình học.</li> <li>- Dịch được những câu, đoạn văn cơ bản (từ tiếng Trung sang tiếng Việt và ngược lại).</li> <li>- Phân tích và đánh giá được câu, đoạn văn đã dịch sẵn.</li> <li>- Áp dụng những kỹ năng và vốn từ đã học vào bài tập cụ thể.</li> <li>- Đạt được các kỹ năng dịch và nắm bắt được vốn từ đã học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình, hướng dẫn dịch mẫu, đưa ra yêu cầu luyện tập và cho bài tập hữu quan.</li> <li>- SV làm bài tập theo hướng dẫn của GV, tham khảo thêm tài liệu hữu quan.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Dự lớp: tối thiểu 80% các buổi học sinh viên mới được phép dự thi.</i></li> <li>- <i>Kỹ năng dịch và phân tích, đánh giá của SV.</i></li> <li>- <i>Tương tác giữa giáo viên và SV trên lớp.</i></li> <li>- <i>Kiểm tra giữa kỳ, kết thúc môn.</i></li> </ul>	<p><i>PLO1</i></p> <p><i>Nắm được những kiến thức cơ bản về dịch thuật và ngữ pháp trong tiếng Hán (trình độ sơ cấp)</i></p>	<p><i>PLO2</i></p> <p><i>Hình thành và từng bước hoàn thiện kỹ năng dịch thuật cơ bản</i></p>	<p><i>PLO3</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thái độ học tập tích cực, thấy được sự quan trọng của việc nắm vững kiến thức dịch thuật.</i></li> <li>- <i>Thấy được tầm quan trọng của kỹ năng dịch thuật trong đời sống hàng ngày.</i></li> <li>- <i>Tự tin hơn trong giao tiếp và các công việc có liên quan đến dịch thuật.</i></li> </ul>
---	---	--	--	---	--

## 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính:

[1] ??? (2006), ??????(???) (?)(???), ??????????, ???

[2] ??? (2006), ??????(???) (?)(???), ??????????, ???

[3] ??? (2006), ??????(???) (?)(???), ??????????, ???

- Tài liệu tham khảo:

Trương Gia Quyền, Trương Lệ Mai (2012), *Học ngữ pháp tiếng Hoa thật đơn giản*, Nxb Văn hóa – văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh.

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Giữa kỳ	- Chuyên cần - Thái độ học tập trên lớp - Bài tập - Kiểm tra giữa kỳ	10% 10% 30% 50% <b>100%</b>	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	- Chuyên cần - Thái độ học tập trên lớp - Bài tập - Kiểm tra cuối kỳ	10% 10% 30% 50% <b>100%</b>	Điểm cuối kỳ	70%
				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>

### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Chuyên cần: Số lần vắng dưới 20% số buổi học thì được điểm 10%, số lần vắng trên 20% số

buổi học thì không được điểm chuyên cần.

- Bài tập: Số lần không làm bài tập dưới 20% số buổi học thì được điểm 30%, số lần không làm bài tập trên 20% số buổi học thì không được điểm bài tập.

- Thái độ học tập trên lớp: Không tập trung nghe giảng, không tích cực tham gia vào bài học, không chuẩn bị bài tập GV giao trước sẽ không có điểm cho phần này.

- Xếp loại đánh giá:

<b>Điểm</b>	<b>Xếp loại</b>
5 - <7	Trung bình
7 - <9	Khá
9 - 10	Giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: viết

Nội dung thi: dịch các câu, đoạn văn từ tiếng Hoa sang tiếng Việt và ngược lại

Thời lượng: kiểm tra giữa kỳ (khoảng 45 phút), kiểm tra cuối kỳ (khoảng 90 phút)

Tiêu chí chấm điểm: dịch đúng và suôn sẻ

- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm:

Trung bình: chuyển ngữ đúng 50% - 60% trên tổng số câu cần dịch

Khá: chuyển ngữ đúng 70% - 80% trên tổng số câu cần dịch

Giỏi: chuyển ngữ đúng và suôn sẻ 90% - 100%.

## **11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

### **11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định

- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp mới được phép dự thi

- Tuyệt đối không được làm việc riêng, gây mất trật tự và ăn uống trong giờ học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp

- Làm các bài tập trong giáo trình và bài tập do giảng viên cung cấp.

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Không tham dự quá 20% tổng số tiết sẽ bị cấm thi

## 12. Nội dung chi tiết môn học:

??? ????????

1. ??

2. ??

2.1 ??? : “?”??A ?/? B( ?/?)+????“?”?“?”

2.2 ????

2.3 ???

3. ??

3.1 ???????

3.2 ????????

4. ??

4.1 ????

4.2 ??????????

4.3 ????????

4.4 ????????????

5. ??

??? ??????????????

1. ??

2. ??

a) ??? : ?....?/?/??

b) ??.....??.....

3. ??

a) ??????????????

b) ???????

4. ??

a) ??

b) ???????????

5. ??

**??? ??????**

1. ??

2. ??

a) ?????: ?????“?”(2)

b) ??????

c) ???????“?”

d) ????

3. ??

a) ???, ????

b) ????????????

4. ??

a) .....??

b) ?.....?

c) ????

d) ??????

e) ??????

5. ??

**??? ?????, ????**

1. ??

2. ??: ????????: ????????: ??+?/?

3. ??

a) ????????????

b) ????, ????



4. ??

- a) ??
- b) ??????????????????
- c) ??
- d) ???????
- e) ????????????

5. ??

**??? ?????????(??)**

1. ??

2. ??

- a) ?????????: ??+?
- b) ?????????: ????
- c) ??????

3. ??

- a) ??????
- b) ??????????
- c) ?????????(??)

4. ??

- a) (??)
- b) (??)
- c) .....??
- d) ??????????
- e) ????, ????

5. ??

**??? ????????????**

1. ??

2. ??

- a) ?.....?
- b) ?.....?.....
- c) ?????: ?????

3. ??

- a) ??????????
- b) ??????????

4. ??

- a) ??
- b) ????
- c) ??

5. ??

**??? ????????????**

1. ??

2. ??

- a) ?????(2)
- b) ????: ???(Zhao) ??

3. ??

- a) ??????????
- b) ????

4. ??

- a) ??????????
- b) ????????????????

5. ??

**??? ????????**

1. ??

2. ??

- a) ???????: ???

b) ????

c) ?????

3. ??

a) ????????

b) ???????

4. ??

a) ????

b) ???????

c) ???

d) (? ) ?

e) ??????

5. ??

**??? ????????**

1. ??

2. ?? ???????: ??????

3. ??

4. ??

5. ??

**??? ????????**

1. ??

2. ?? ???????: ??+?

3. ??

a) ????????

b) ????????

4. ??

5. ??

**???? ??????????**

1. ??

2. ??

a) ??????????: ???

b) ??????: “???.....”?“?.....?.....”

3. ??

a) ??????????

b) ??????????????

4. ??

a) ???

b) ?????, ?????

5. ??

**???? ?????“?”???????**

1. ??

2. ?? “?”??(1)

3. ??

a) ??????????????

b) ??????????

c) ?????“?”???????????

4. ??

a) ??????, ?????????“?”?

b) ?, ???

5. ??

**???? ????????????**

1. ??

2. ?? “?”??(2)

3. ??

a) ??????????

b) ??????

4. ?? ??????

5. ??

**???? ?????????????**

1. ??

2. ??

a) ?????????: “?”??

b) ?

3. ??

a) ?????????????

b) ??????????

4. ??

a) ??, ???????

b) ???, ??????

c) ?????????

d) ??????

5. ??

**???? ???????, ??????**

1. ??

2. ??

a) ?????(1)

b) ??????????: ??+?/

c) +“(liao)”

d) ??????: ??+?/

e) +“?”

3. ??

a) ??????, ??????

b) ???, ???

4. ??

a) ??

b) ??

5. ??

??? ?   ????, ??????

1. ??

2. ??

a) ????(2)

b) ??????????

c) ??.....?.....

3. ??

a) ????, ??????

b) ??????????

4. ??

a) ????

b) ??????????????????

5. ??

?????   ?????

1. ??

2. ??

a) ?????????: ??????????

b) ??.....?.....

3. ??

- a) ?????
- b) ???????

4. ??

- a) ??????????????
- b) ???????????????

5. ??

**???? ???????????**

1. ??

2. ??

- a) ???????
- b) ?????????: ??....., ??.....
- c) ?????????: ?.....?(?), .....??....., ??.....

3. ??

- a) ???????
- b) ??????????

4. ??

- a) ???????
- b) ????, ????

5. ??

**???? ???????**

1. ??

2. ??

- a) ???????
- b) ????(?)

3. ??

- a) ???????
- b) ?????????“?????”

4. ??

a) ????????????

b) ????????????

5. ??

**???? ?????**

1. ??

2. ??

a) ???

b) ??????: ?.....?/?.....

c) ????: ????

3. ??

a) ?????

b) ??????

4. ??

a) ??

b) ???

c) ??????????????

d) ???, ???

e) “?”“?”

5. ??

**????? ?????**

1. ??

2. ????

a) ??

b) ??

c) ??

d) ??



e) ??

f) ??

g) ?

3. ??

4. ??

a) ???

b) ????????????

c) ????????????

5. ??

**????? ???**

1. ??

2. **????**

a) ?

b) ?

c) ??

d) ?.....?.....

e) ??

3. ??

4. ?? ??

5. ??

**????? ??????**

1. ??

2. **????**

a) ?

b) ??+?

c) ??+?

d) ??

e) ??

3. ??

4. ??

5. ??

**????? ??**

1. ??

2. **????**

a) ???+?+

b) /?.....

c) ??

d) ??

e) ??

f) ?

g) ?+?+?+?.....

3. ??

4. ??

5. ??

**????? ?????**

1. ??

2. **????**

a) ??

b) ??

c) ??

d) ???

e) ??

3. ??

4. ??

a) ??

b) ???????????

c) ???????????

5. ??

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	- Phần ngữ pháp, từ vựng của bài????? ?????, ??????????? ?????	- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập - SV lên bảng làm bài tập - SV thảo luận nhóm. - GV thuyết trình và hướng dẫn SV làm bài tập.	[1]
2	5	- Phần ngữ pháp và từ vựng của bài ??? ?????, ???????????	- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập - SV lên bảng làm bài tập - SV thảo luận nhóm. - GV thuyết trình và hướng dẫn SV làm bài tập.	[1]

3	5	- Phần ngữ pháp và từ vựng của bài ??? ??????(??)?, ????? ???????	- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập - SV lên bảng làm bài tập - SV thảo luận nhóm. - GV thuyết trình và hướng dẫn SV làm bài tập.	[1]
4	5	- Phần ngữ pháp và từ vựng bài ?????? ??????, ??????????	- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập - SV lên bảng làm bài tập - SV thảo luận nhóm. - GV thuyết trình và hướng dẫn SV làm bài tập.	[1]
5	5	- Phần ngữ pháp và từ vựng của bài ??? ??????, ?????????? ??	- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập - SV lên bảng làm bài tập - SV thảo luận nhóm. - GV thuyết trình và hướng dẫn SV làm bài tập.	[1]
6	5	- Phần ngữ pháp và từ vựng của bài ??? ?????????, ??????“?” ?????????	- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập - SV lên bảng làm bài tập - SV thảo luận nhóm. - GV thuyết trình và hướng dẫn SV làm bài tập.	[2]

7	5	- Phần ngữ pháp và từ vựng bài ?????? ?????, ?????????? ??	- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập - SV lên bảng làm bài tập - SV thảo luận nhóm. - GV thuyết trình và hướng dẫn SV làm bài tập.	[2]
8	5	- Phần ngữ pháp và từ vựng của bài ??? ?????, ??????, ?????, ???????	- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập - SV lên bảng làm bài tập - SV thảo luận nhóm. - GV thuyết trình và hướng dẫn SV làm bài tập.	[2]
9	5	- Phần ngữ pháp và từ vựng bài ????? ??, ??????????????	- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập - SV lên bảng làm bài tập - SV thảo luận nhóm. - GV thuyết trình và hướng dẫn SV làm bài tập.	[2]
10	5	- Phần ngữ pháp và từ vựng của bài ??? ?????, ???????	- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập - SV lên bảng làm bài tập - SV thảo luận nhóm. - GV thuyết trình và hướng dẫn SV làm bài tập.	[2]

11	5	- Phần ngữ pháp và từ vựng của bài ??? ????, ?????	- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập - SV lên bảng làm bài tập - SV thảo luận nhóm. - GV thuyết trình và hướng dẫn SV làm bài tập.	[3]
12	5	- Phần ngữ pháp và từ vựng của bài ??? ????, ????,??????	- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập - SV lên bảng làm bài tập - SV thảo luận nhóm. - GV thuyết trình và hướng dẫn SV làm bài tập.	[3]

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc

ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng

ThS. Huỳnh Nguyễn Thùy Trang

**\* Ghi chú tổng quát:**

Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):

**Giảng viên phụ trách môn học** (có thể dùng bảng hoặc không)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
------------	------------------

Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV  
KHOA/BỘ MÔN NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

## 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Dịch sơ cấp 2 (D4)**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): ??????(2)

- Mã môn học: NVT006

- Môn học thuộc khối kiến thức: Cơ sở ngành (bắt buộc)

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

2. Số tín chỉ: 3TC

3. Trình độ: dành cho SV năm 1 chuyên ngành Ngữ văn Trung Quốc (khối D4)

4. Phân bố thời gian: 60 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 30 tiết (2TC)

- Thực hành: 30 tiết (1TC)

## 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: đã học xong học phần Dịch sơ cấp 1

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: có kiến thức cơ bản về các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Hán ở trình độ sơ cấp 1

## 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Rèn luyện kỹ năng dịch từ tiếng Việt sang tiếng Hán và từ tiếng Hán sang tiếng Việt cho sinh viên năm 1 chuyên ngành Ngữ văn Trung Quốc.

## 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lý thuyết và kỹ năng thực hành dịch tiếng Hán hiện đại.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể vận dụng thông thạo các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng đã học trong học phần để thực hành dịch một số câu hoặc đoạn văn bản từ tiếng Việt sang tiếng Hán và ngược lại ở cấp độ sơ cấp 2.



## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	VD: Giới thiệu nghĩa và cách dùng của các từ/ cụm từ như: ??, ????, ??, ??, ??, ??, ???, ???, ??..... ??.....	GV thuyết giảng SV làm bài tập thực hành dịch cá nhân và theo nhóm	Kỹ năng vận dụng từ vựng và cấu trúc đã học trong dịch thuật Hán – Việt; Việt – Hán. Làm bài tập tại lớp Kiểm tra giữa kỳ

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	VD: Giới thiệu nghĩa và cách dùng của các từ/ cụm từ như: ??, ???, ??, ??, ??, ??, ??, ???, ??..... ?	GV thuyết giảng SV làm bài tập thực hành dịch cá nhân và theo nhóm	Kỹ năng vận dụng từ vựng và cấu trúc đã học trong dịch thuật Hán – Việt; Việt – Hán. Làm bài tập tại lớp Kiểm tra giữa kỳ	PLO1 Năm được ý nghĩa và cách sử dụng của một số từ/ cụm từ trong tâm của bài học	PLO2 Có thể vận dụng những kiến thức mới học để thực hành dịch các cấu trúc câu và đoạn văn bản	PLO3 Thái độ học tập tích cực, sôi nổi, cầu thị

## 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính:

Giáo trình Hán ngữ, Trần Thị Thanh Liêm biên dịch, Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm.

- Tài liệu tham khảo/bổ sung

?????: ?????????, ?????????

## 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Sau mỗi tháng Giữa kỳ	- Chuyên cần - Bài tập - Kiểm tra giữa kỳ	10% 20% 70%	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	- Thi cuối kỳ	100%	Điểm cuối kỳ	70%
Cả học phần	Tổng điểm cả học phần	100%	Điểm giữa kỳ + điểm cuối kỳ	100% (10/10)

### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá: 0 – 4.5 điểm: không đạt; 5 – 6 điểm: trung bình; 6 – 7 điểm: TB khá; 7 – 8 điểm: khá; 8 – 9 điểm: giỏi; 9 – 10 điểm: xuất sắc
- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng)
- + Điểm chuyên cần và bài tập: đánh giá trong suốt quá trình làm bài tập tại lớp ở mỗi buổi học. Phần trăm/ tổng điểm là 30%
- + Điểm giữa kỳ: đánh giá thông qua bài kiểm tra giữa kỳ. Phần trăm/ tổng điểm là 70%
- + Điểm cuối kỳ: đánh giá thông qua bài kiểm tra cuối kỳ. Phần trăm/ tổng điểm là 100%
- + Điểm cả học phần là tổng cộng của điểm chuyên cần, điểm bài tập, điểm giữa kỳ và điểm cuối kỳ (giữa kỳ là 30%, cuối kỳ là 70 %).

## 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp
- Tuyệt đối không được nói chuyện, làm việc riêng trong giờ học
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp

### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ

- Trường hợp chép bài, trao đổi trong khi thi sẽ bị trừ điểm theo quy định; nếu quay cóp, gian lận nghiêm trọng sẽ bị đình chỉ thi

## 12. Nội dung chi tiết môn học:

### Bài 7: ????

- 1.1 Giới thiệu và giải thích nghĩa những từ ngữ mới xuất hiện trong bài
- 1.2 Giải thích nghĩa và cách vận dụng những từ/ cụm từ trọng tâm của bài như: ?????????????????? ???????+?
- 1.3 Giảng và luyện tập đọc, dịch bài khóa: ??????????
- 1.4 Vận dụng những cấu trúc và từ ngữ đã học trong bài luyện tập dịch thuật
- 1.5 Sửa bài tập dịch ở nhà (nếu có)

### Bài 8: ????

- 1.1 Giới thiệu và giải thích nghĩa những từ ngữ mới xuất hiện trong bài
- 1.2 Giải thích nghĩa và cách vận dụng những từ/ cụm từ trọng tâm của bài như: ??????????????????, ?
- 1.3 Giảng và luyện tập đọc, dịch bài khóa: ????
- 1.4 Vận dụng những cấu trúc và từ ngữ đã học trong bài luyện tập dịch thuật
- 1.5 Sửa bài tập dịch ở nhà (nếu có)

### Bài 9: ????

- 1.1 Giới thiệu và giải thích nghĩa những từ ngữ mới xuất hiện trong bài
- 1.2 Giải thích nghĩa và cách vận dụng những từ/ cụm từ trọng tâm của bài như: ?????????????????? ..... ??
- 1.3 Giảng và luyện tập đọc, dịch bài khóa: ??????
- 1.4 Vận dụng những cấu trúc và từ ngữ đã học trong bài luyện tập dịch thuật
- 1.5 Sửa bài tập dịch ở nhà (nếu có)

### Bài 10: ????

- 1.1 Giới thiệu và giải thích nghĩa những từ ngữ mới xuất hiện trong bài
- 1.2 Giải thích nghĩa và cách vận dụng những từ/ cụm từ trọng tâm của bài như: ??????????????????
- 1.3 Giảng và luyện tập đọc, dịch bài khóa: ????
- 1.4 Vận dụng những cấu trúc và từ ngữ đã học trong bài luyện tập dịch thuật
- 1.5 Sửa bài tập dịch ở nhà (nếu có)

### Bài 11: ??????

- 1.1 Giới thiệu và giải thích nghĩa những từ ngữ mới xuất hiện trong bài
- 1.2 Giải thích nghĩa và cách vận dụng những từ/ cụm từ trọng tâm của bài như: ?????????????????? ???????+??
- 1.3 Giảng và luyện tập đọc, dịch bài khóa: ??????
- 1.4 Vận dụng những cấu trúc và từ ngữ đã học trong bài luyện tập dịch thuật
- 1.5 Sửa bài tập dịch ở nhà (nếu có)

### Bài 13: ????

- 1.1 Giới thiệu và giải thích nghĩa những từ ngữ mới xuất hiện trong bài
- 1.2 Giải thích nghĩa và cách vận dụng những từ/ cụm từ trọng tâm của bài như: ??????????????????

??????? ..... ?? .....

1.3 Giảng và luyện tập đọc, dịch bài khóa: ????

1.4 Vận dụng những cấu trúc và từ ngữ đã học trong bài luyện tập dịch thuật

1.5 Sửa bài tập dịch ở nhà (nếu có)

#### **Bài 15: ????**

1.1 Giới thiệu và giải thích nghĩa những từ ngữ mới xuất hiện trong bài

1.2 Giải thích nghĩa và cách vận dụng những từ/ cụm từ trọng tâm của bài như: ? ..... ????????

?....., ?.....????????? ..... ??????

1.3 Giảng và luyện tập đọc, dịch bài khóa: ????

1.4 Vận dụng những cấu trúc và từ ngữ đã học trong bài luyện tập dịch thuật

1.5 Sửa bài tập dịch ở nhà (nếu có)

#### **Bài 17: ????**

1.1 Giới thiệu và giải thích nghĩa những từ ngữ mới xuất hiện trong bài

1.2 Giải thích nghĩa và cách vận dụng những từ/ cụm từ trọng tâm của bài như: ?????????????? ..... ?

.....???....., ??.....???

1.3 Giảng và luyện tập đọc, dịch bài khóa: ????

1.4 Vận dụng những cấu trúc và từ ngữ đã học trong bài luyện tập dịch thuật

1.5 Sửa bài tập dịch ở nhà (nếu có)

#### **Bài 19: ????**

1.1 Giới thiệu và giải thích nghĩa những từ ngữ mới xuất hiện trong bài

1.2 Giải thích nghĩa và cách vận dụng những từ/ cụm từ trọng tâm của bài như: ???????????????????

?????

1.3 Giảng và luyện tập đọc, dịch bài khóa: ????

1.4 Vận dụng những cấu trúc và từ ngữ đã học trong bài luyện tập dịch thuật

1.5 Sửa bài tập dịch ở nhà (nếu có)

#### **Bài 21: ??**

1.1 Giới thiệu và giải thích nghĩa những từ ngữ mới xuất hiện trong bài

1.2 Giải thích nghĩa và cách vận dụng những từ/ cụm từ trọng tâm của bài như: ?????????(??)????

??????

1.3 Giảng và luyện tập đọc, dịch bài khóa: ??

1.4 Vận dụng những cấu trúc và từ ngữ đã học trong bài luyện tập dịch thuật

1.5 Sửa bài tập dịch ở nhà (nếu có)

#### **Bài 23: ????**

1.1 Giới thiệu và giải thích nghĩa những từ ngữ mới xuất hiện trong bài

1.2 Giải thích nghĩa và cách vận dụng những từ/ cụm từ trọng tâm của bài như: ??????....., ??.....??

??????..... ?.....

1.3 Giảng và luyện tập đọc, dịch bài khóa: ????

1.4 Vận dụng những cấu trúc và từ ngữ đã học trong bài luyện tập dịch thuật

1.5 Sửa bài tập dịch ở nhà (nếu có)

#### **Bài 25: ????????**

1.1 Giới thiệu và giải thích nghĩa những từ ngữ mới xuất hiện trong bài

1.2 Giải thích nghĩa và cách vận dụng những từ/ cụm từ trọng tâm của bài như: ??????????????( ? ?)???

1.3 Giảng và luyện tập đọc, dịch bài khóa: ???????

1.4 Vận dụng những cấu trúc và từ ngữ đã học trong bài luyện tập dịch thuật

1.5 Sửa bài tập dịch ở nhà (nếu có)

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

\*Ghi chú: GV có thể sẽ thay đổi nội dung bài học cụ thể linh động (có báo trước vào buổi học đầu tiên về kế hoạch của khoá học) theo kế hoạch giảng dạy của Bộ môn.

Buổi	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	<b>Bài 7: ????</b> - Giải thích nghĩa và cách sử dụng của các từ, ngữ: ? ???????????????? ????????+? - Bài khóa: ?????? ?? - Luyện tập tại lớp	- GV thuyết giảng - SV đọc và dịch các VD trong bài -SV vận dụng những từ ngữ trọng điểm để dịch một số mẫu câu - SV đọc, dịch bài khóa - SV làm bài tập dịch tại lớp	SV xem giáo trình (quyển 3 – thượng) trang 78 - 91
2	5	<b>Bài 8: ????</b> - Giải thích nghĩa và cách sử dụng của các từ, ngữ: ? ????????????????, ? - Bài khóa: ???? - Luyện tập tại lớp	- GV thuyết giảng - SV đọc và dịch các VD trong bài -SV vận dụng những từ ngữ trọng điểm để dịch một số mẫu câu - SV đọc, dịch bài khóa - SV làm bài tập dịch tại lớp	SV xem giáo trình (quyển 3 – thượng) trang 92 - 103
3	5	<b>Bài 9: ?????</b> - Giải thích nghĩa và cách sử dụng của các từ, ngữ: ? ???????????????? ..... ?? - Bài khóa: ????? - Luyện tập tại lớp	- GV thuyết giảng - SV đọc và dịch các VD trong bài -SV vận dụng những từ ngữ trọng điểm để dịch một số mẫu câu - SV đọc, dịch bài khóa - SV làm bài tập dịch tại lớp	SV xem giáo trình (quyển 3 – thượng) trang 104 - 116

4	5	<b>Bài 10: ????</b> - Giải thích nghĩa và cách sử dụng của các từ, ngữ: ?? ???????????? - Bài khóa: ???? - Luyện tập tại lớp	- GV thuyết giảng - SV đọc và dịch các VD trong bài -SV vận dụng những từ ngữ trong điểm để dịch một số mẫu câu - SV đọc, dịch bài khóa - SV làm bài tập dịch tại lớp	SV xem giáo trình (quyển 3 – thượng) trang 117 – 129
5	5	<b>Bài 11: ??????</b> - Giải thích nghĩa và cách sử dụng của các từ, ngữ: ? ???????????????? ???+?? - Bài khóa: ?????? - Luyện tập tại lớp	- GV thuyết giảng - SV đọc và dịch các VD trong bài -SV vận dụng những từ ngữ trong điểm để dịch một số mẫu câu - SV đọc, dịch bài khóa - SV làm bài tập dịch tại lớp	SV xem giáo trình (quyển 3 – thượng) trang 130 – 144
6	5	<b>Bài 13: ????</b> - Giải thích nghĩa và cách sử dụng của các từ, ngữ: ? ???????????????? ?????? ..... ?? ..... - Bài khóa: ???? - Luyện tập tại lớp	- GV thuyết giảng - SV đọc và dịch các VD trong bài -SV vận dụng những từ ngữ trong điểm để dịch một số mẫu câu - SV đọc, dịch bài khóa - SV làm bài tập dịch tại lớp	SV xem giáo trình (quyển 3 – thượng) trang 158 - 172
7	5	<b>Bài 15: ????</b> - Giải thích nghĩa và cách sử dụng của các từ, ngữ: ? ..... ??????????....., ?.....????????? ..... ????? - Bài khóa: ???? - Luyện tập tại lớp	- GV thuyết giảng - SV đọc và dịch các VD trong bài -SV vận dụng những từ ngữ trong điểm để dịch một số mẫu câu - SV đọc, dịch bài khóa - SV làm bài tập dịch tại lớp	SV xem giáo trình (quyển 3 – hạ) trang 14 - 26

8	5	<p><b>Bài 17: ????</b></p> <p>- Giải thích nghĩa và cách sử dụng của các từ, ngữ: ? ????????? ..... ? .....???, ??.....? ??</p> <p>- Bài khóa: ????</p> <p>- Luyện tập tại lớp</p>	<p>- GV thuyết giảng</p> <p>- SV đọc và dịch các VD trong bài</p> <p>-SV vận dụng những từ ngữ trong điểm để dịch một số mẫu câu</p> <p>- SV đọc, dịch bài khóa</p> <p>- SV làm bài tập dịch tại lớp</p>	SV xem giáo trình (quyển 3 – hạ) trang 40 – 54
9	5	<p><b>Bài 19: ????</b></p> <p>- Giải thích nghĩa và cách sử dụng của các từ, ngữ: ?? ???????????????? ???</p> <p>- Bài khóa: ????</p> <p>- Luyện tập tại lớp</p>	<p>- GV thuyết giảng</p> <p>- SV đọc và dịch các VD trong bài</p> <p>-SV vận dụng những từ ngữ trong điểm để dịch một số mẫu câu</p> <p>- SV đọc, dịch bài khóa</p> <p>- SV làm bài tập dịch tại lớp</p>	SV xem giáo trình (quyển 3 – hạ) trang 71 – 84
10	5	<p><b>Bài 21: ??</b></p> <p>- Giải thích nghĩa và cách sử dụng của các từ, ngữ: ?? ?????(?)????? ???</p> <p>- Bài khóa: ??</p> <p>- Luyện tập tại lớp</p>	<p>- GV thuyết giảng</p> <p>- SV đọc và dịch các VD trong bài</p> <p>-SV vận dụng những từ ngữ trong điểm để dịch một số mẫu câu</p> <p>- SV đọc, dịch bài khóa</p> <p>- SV làm bài tập dịch tại lớp</p>	SV xem giáo trình (quyển 3 – hạ) trang 101 – 117
11	5	<p><b>Bài 23: ????</b></p> <p>- Giải thích nghĩa và cách sử dụng của các từ, ngữ: ? ????....., ??.....?? ?????..... ?.....</p> <p>- Bài khóa: ????</p> <p>- Luyện tập tại lớp</p>	<p>- GV thuyết giảng</p> <p>- SV đọc và dịch các VD trong bài</p> <p>-SV vận dụng những từ ngữ trong điểm để dịch một số mẫu câu</p> <p>- SV đọc, dịch bài khóa</p> <p>- SV làm bài tập dịch tại lớp</p>	SV xem giáo trình (quyển 3 – hạ) trang 134 – 145

12	5	<b>Bài 25: ????????</b> - Giải thích nghĩa và cách sử dụng của các từ, ngữ: ? ??????????????(? ?)??? - Bài khóa: ??????? - Luyện tập tại lớp	- GV thuyết giảng - SV đọc và dịch các VD trong bài -SV vận dụng những từ ngữ trong điếm để dịch một số mẫu câu - SV đọc, dịch bài khóa - SV làm bài tập dịch tại lớp	SV xem giáo trình (quyển 3 – hạ) trang 162 - 177
----	---	---	---	--

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc    ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng    ThS. Hàn Hồng Diệp

**\* Ghi chú tổng quát:**

Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):

**Giảng viên phụ trách môn học** (có thể dùng bảng hoặc không)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)



## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **DỊCH TC1 (D4)**

- Mã môn học: NVT007

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 3

**3. Trình độ:** dành cho sinh viên năm thứ 2

**4. Phân bố thời gian:** 60 tiết (*1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành*)

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 30 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết

- Các hoạt động khác: (*bài tập, trò chơi, đố vui, diễn kịch, xem phim, ...*): 5 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: DỊCH SC2

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Người học bắt buộc phải hoàn tất chương trình dịch sơ cấp 2, nắm vững khoảng 2500 từ.

**6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** hướng dẫn lý thuyết và luyện kỹ năng dịch từ tiếng Việt sang tiếng Hán hoặc từ Hán sang Việt các câu, đoạn văn.

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Giúp sinh viên năm 2 nâng cao kỹ năng dịch Việt – Hán và Hán - Việt.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:     **Đạt**

được vốn từ vựng khoảng 3000 từ.

Có kỹ năng dịch những câu tương đối phức tạp, các đoạn văn tương đối khó.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	- Dịch được câu từ đơn giản đến phức tạp, và các đoạn văn tương đối khó.	- GV thuyết trình. - SV Thảo luận nhóm.	- Kiểm tra giữa kỳ. Kiểm tra cuối kỳ.	- Tích lũy khoảng 3000 – 3500 từ vựng. - Phân biệt được cách sử dụng của những từ vựng gần nghĩa trong tiếng Hán. - Nắm được các dạng mẫu câu nâng cao để ứng dụng trong dịch thuật.	- Vận dụng linh hoạt những từ vựng và cấu trúc đã học để ứng dụng vào việc dịch thuật Việt – Hán, Hán – Việt.	- Tự tin hơn trong công việc biên, phiên dịch Việt – Hán – Việt.

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Giáo trình:

??(2003), ?? — ??????? (??), ?????????

- Tài liệu tham khảo:

1) ???(2003), ??????, ?????????

2) ???(2003), ??????, ??????

3) ??? ???(2007), 1700 ?????????, ?????????

4) ??? (2007), ?????????, ?????????

5) ??? ???(2009), ??????? (???, ??????)

6) ??? (2012), ??????, ?????????

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

<b>Thời điểm đánh giá</b>	<b>Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá</b>	<b>Phần trăm</b>	<b>Loại điểm</b>	<b>% kết quả sau cùng</b>
Hàng ngày Giữa kỳ	- Chuyên cần - Thuyết trình - Bài tập - Kiểm tra giữa kỳ	1 % 2 % 2 % 95%	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	Thi cuối kỳ	100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

## **11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

### **11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Phải tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp.
- Phải đọc tài liệu chính và chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Tích cực tham gia đóng góp ý kiến và thảo luận trong giờ học.
- Hoàn thành các bài tập được giao trên lớp và khi về nhà.
- Đọc tài liệu tham khảo

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Nếu vắng học quá 20% số tiết sẽ bị cấm thi cuối kỳ.
- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.
- Sinh viên phải chấp hành đúng qui chế của nhà trường khi tham gia các kỳ thi: không quay cóp, không trao đổi bài, không sử dụng điện thoại di động và các thiết bị nghe nhìn...Nếu vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định của nhà trường.

### **11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

- Qua email hoặc điện thoại.

## **12. Nội dung chi tiết môn học: viết chi tiết tên chương, tiết, mục; chẳng hạn:**

### **Bài 1. ??????**

1. Giảng từ mới bài 1, đặt câu với các từ: ??, ?, ??, ??, ??, ??, ?(?), ??, ??, ???
2. Dịch các câu có dùng từ: ?? ; ??, ??.... ?.....; ?, ??, ??, ?... ??, ....???
3. Dịch bài khóa: ????????

## Bài 2. ??????

1. Sửa bài tập về nhà 1.
2. Giảng từ mới bài 2, đặt câu với các từ: ??, ??, ?, ?, ??, ??, ???
3. Dịch các câu có dùng từ: ?.....?....., ??, ??.....?, ?.....?....., ??.....??....., ??, ???
4. Dịch bài khóa: ????????

## Bài 3. ??????????

1. Sửa bài tập dịch về nhà bài 2.
2. Giảng từ mới bài 3, đặt câu với các từ: ?, ??, ??, ??, ?, ??, ??, ??, ??, ???
3. Dịch các câu có dùng từ: ??; ??; ???; ..... ??; ??; ?; ..... ??; ???
4. Dịch bài khóa: ??????????

## Bài 4. ?????

1. Sửa bài tập dịch về nhà bài 3.
2. Giảng từ mới bài 4, đặt câu với các từ: ??, ?????, ?, ?.....?, ??, ??, ?, ??, ?, ?, ???
3. Dịch các câu có dùng từ: ....??; ??; ??; ???; ....?.....; ?; ?..... ?; ?; ???
4. Dịch bài khóa: ??????

## Bài 5. ??“??”

1. Sửa bài tập dịch về nhà bài 4.
2. Giảng từ mới bài 5, đặt câu với các từ: ?, ??, ??, ?, ?, ?, ?, ??, ???
3. Dịch các câu có dùng từ: .... ??; ??; ?... ?; ??.... ?... ; ??; .... ??; ??; ..... ?? ?
4. Dịch bài khóa: ?? “??” ?

## Bài 6. ??

1. Sửa bài tập dịch về nhà bài 5.
2. Giảng từ mới bài 6, đặt câu với các từ: ??, ?, ??, ??, ?, ??, ?, ??, ??, ??, ???
3. Dịch các câu có dùng từ: ?; .....??; ??; ??; ??; ?.....?.....; .... ???
4. Dịch bài khóa: ???

## Bài 7. ??????

1. Sửa bài tập dịch về nhà bài 6.
2. Giảng từ mới bài 7, đặt câu với các từ: ?, ?, ??, ??, ??, ??, ??, ??, ??, ??
3. Dịch các câu có dùng từ: ??; ??.....?..... ; ??; ??; ??; ??; ??; ??; ???; ?.....?.....?
4. Dịch bài khóa : ?????????

**Bài 9. ?????**

1. Sửa bài tập dịch về nhà bài 7.
2. Giảng từ mới bài 9, đặt câu với các từ: ?, ??, ??, ??, ??, ?, ??, ??, ??, ??, ???
3. Dịch các câu có dùng từ: ?; .... ?; .... ??; .... ??; ?(?) ?
4. Dịch bài khóa : ????? ?

**Bài 10. ???????**

1. Sửa bài tập dịch về nhà bài 9.
2. Giảng từ mới, đặt câu với các từ: ??, ??, ??, ??, ??, ??, ??, ??, ???
3. Dịch các câu có dùng từ: ?; ???; ??..... ???; ??; ?? .... ??; ?; ??; .... ??; ?(?); ???
4. Dịch bài khoá : ????????

**Bài 12. ???**

1. Sửa bài tập dịch về nhà bài 10.
2. Giảng từ mới, đặt câu với các từ: ?, ?, ?, ?, ??, ??, ??, ?, ???
3. Dịch các câu có dùng từ: ?.... ; ??..... ?.... ; ??; ??; ??; ?; ?.... ??; ??; ???
4. Dịch bài khoá : ????
5. Sửa bài tập dịch bài 12?

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

<b>Buổi / Tuần</b>	<b>Số tiết trên lớp</b>	<b>Nội dung bài học</b>	<b>Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV</b>	<b>Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)</b>
1	5	Ôn kiến thức cơ bản trong chương trình môn dịch năm 1.	- GV thuyết trình. - SV làm bài tập. - SV chơi trò chơi.	??????  ???????

2	5	Bài 1: ??????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 1, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV đọc bài khóa 1 và dịch bài.</li> <li>- GV giúp SV sửa lỗi sai và cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 1.</li> </ul>	<p>?? — ????????</p> <p>(?) trang 1</p> <p>???????</p> <p>?????????</p> <p>1700 ??????????</p>
3	5	Bài 2: ??????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 2, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV đọc bài khóa 2 và dịch bài.</li> <li>- GV giúp SV sửa lỗi sai và cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 2.</li> </ul>	<p>?? — ????????</p> <p>(?) trang 18</p> <p>???????</p> <p>?????????</p> <p>1700 ??????????</p>
4	5	Bài 3: ??????????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 3, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV đọc bài khóa 3 và dịch bài.</li> <li>- GV giúp SV sửa lỗi sai và cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 3.</li> </ul>	<p>?? — ????????</p> <p>(?) trang 33</p> <p>???????</p> <p>?????????</p> <p>1700 ??????????</p>

5	5	Bài 4: ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 4, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu, chơi trò chơi.</li> <li>- SV đọc bài khóa 4 và dịch bài.</li> <li>- GV giúp SV sửa lỗi sai và cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 4.</li> </ul>	<p>?? — ??????????</p> <p>(?) trang 50</p> <p>????????</p> <p>????????</p> <p>1700 ??????????</p>
6	5	Bài 5: ??“??”	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 5, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV đọc bài khóa 5 và dịch bài.</li> <li>- GV giúp SV sửa lỗi sai và cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 5.</li> </ul>	<p>?? — ??????????</p> <p>(?) trang 66</p> <p>????????</p> <p>????????</p> <p>1700 ??????????</p>
7	5	Bài 6: ??	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 6, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV đọc bài khóa 6 và dịch bài.</li> <li>- GV giúp SV sửa lỗi sai và cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 6.</li> </ul>	<p>?? — ??????????</p> <p>(?) trang 84</p> <p>????????</p> <p>????????</p> <p>1700 ??????????</p>
8	5	Kiểm tra giữa kỳ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- Làm bài kiểm tra giữa kỳ.</li> <li>- Xem phim.</li> </ul>	<p>?? — ?????????? (?)</p>

9	5	Bài 7: ??????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 7, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV đọc bài khóa 7 và dịch bài.</li> <li>- GV giúp SV sửa lỗi sai và cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 7.</li> </ul>	<p>?? — ????????? (?) trang 103</p> <p>???????</p> <p>?????????</p> <p>1700 ??????????</p>
10	5	Bài 9: ??????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 9, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV đọc bài khóa 9 và dịch bài.</li> <li>- GV giúp SV sửa lỗi sai và cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 9.</li> </ul>	<p>?? — ????????? (?) trang 137</p> <p>???????</p> <p>?????????</p> <p>1700 ??????????</p>
11	5	Bài 10: ????????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 10, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu, chơi trò chơi.</li> <li>- SV đọc bài khóa 10 và dịch bài.</li> <li>- GV giúp SV sửa lỗi sai và cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 10.</li> </ul>	<p>?? — ????????? (?) trang 157</p> <p>???????</p> <p>?????????</p> <p>1700 ??????????</p>



12	5	Bài 12: ???	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 12, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV đọc bài khóa 12 và dịch bài.</li> <li>- GV giúp SV sửa lỗi sai.</li> <li>- GV tổng hợp và ôn tập lại những kiến thức đã học.</li> </ul>	<p>?? — ????????</p> <p>(?) trang 193</p> <p>???????</p> <p>???????</p> <p>1700 ??????????</p>
----	---	-------------	---	--

Thành phố HỒ Chí Minh ngày 15 tháng 07 năm 2016

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc

ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng

ThS. Trần Tuyết Nhung

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
------------	------------------

Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV  
KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

## 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **DỊCH TC2 (D4)**

- Mã môn học: NVT008

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

## 2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: dành cho sinh viên năm thứ 2

4. Phân bố thời gian: 45 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thực hành: 15 tiết

## 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: DỊCH TC1 (D4)

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Người học bắt buộc phải hoàn tất chương trình dịch trung cấp 2, nắm vững khoảng 3000 từ.

6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học: hướng dẫn lý thuyết và luyện kỹ năng dịch từ tiếng Việt sang tiếng Hán hoặc từ Hán sang Việt các câu, đoạn văn.

## 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Giúp sinh viên năm 2 nâng cao kỹ năng dịch Việt – Hán và Hán - Việt.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể: Đạt được vốn từ vựng khoảng 3500 từ.

Có kỹ năng dịch những câu phức tạp, các đoạn văn khó.

## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	- Dịch được câu phức tạp, và các đoạn văn khó phù hợp với vốn từ vựng trung cấp.	- GV thuyết trình. - SV Thảo luận nhóm.	- Kiểm tra giữa kỳ. Kiểm tra cuối kỳ.	- Tích lũy khoảng 3500 từ vựng. - Phân biệt được cách sử dụng của những từ vựng gần nghĩa trong tiếng Hán. - Nắm được các dạng mẫu câu nâng cao để ứng dụng trong dịch thuật.	- Vận dụng linh hoạt, nhuần nhuyễn những từ vựng và cấu trúc đã học để ứng dụng vào việc dịch thuật Việt – Hán, Hán – Việt.	- Tự tin hơn trong việc biên, phiên dịch Việt – Hán, Hán – Việt.

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Giáo trình:  
??(2003), ?? — ???????? (?), ??????????
- Tài liệu tham khảo:  
1) ???(2003), ???????, ??????  
2) ??? ???(2006), ?????????, ??????  
3) ??? ???(2007), 1700 ?????????, ??????????

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng

Hàng ngày Giữa kỳ	- Chuyên cần - Thuyết trình - Bài tập - Kiểm tra giữa kỳ	1 % 2 % 2 % 95%	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	Thi cuối kỳ	100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

Trung bình: 5 – 6: **Nắm được cơ bản kiến thức ngữ pháp trong chương trình Trung cấp 2, thực hiện được kỹ năng dịch ở mức trung bình.**

Khá: 7: **Hiểu được và áp dụng được những kiến thức ngữ pháp trong chương trình Trung cấp 2, có khả năng dịch và chất lượng dịch ở mức tương đối.**

Giỏi: 8-9: **Vận dụng khá tốt những kiến thức ngữ pháp trong chương trình Trung cấp 2, có khả năng dịch và câu văn dịch tương đối suôn sẻ, hoàn chỉnh.**

Xuất sắc: 10: **Hiểu và vận dụng nhuần nhuyễn những kiến thức ngữ pháp trong chương trình Trung cấp 2, khả năng dịch ở mức suôn sẻ, hoàn hảo.**

## **11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

### **11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Phải tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp.
- Phải đọc tài liệu chính và chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Tích cực tham gia đóng góp ý kiến và thảo luận trong giờ học.
- Hoàn thành các bài tập được giao trên lớp và khi về nhà.
- Đọc tài liệu tham khảo

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Nếu vắng học quá 20% số tiết sẽ bị cấm thi cuối kỳ.
- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.
- Sinh viên phải chấp hành đúng qui chế của nhà trường khi tham gia các kỳ thi: không quay

cóp, không trao đổi bài, không sử dụng điện thoại di động và các thiết bị nghe nhìn...Nếu vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định của nhà trường.

### 11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

- Qua email hoặc điện thoại.

## 12. Nội dung chi tiết môn học:

### Bài 16. ?????

1. Giảng từ mới, đặt câu với các từ: ??????????????????????????????
2. Dịch các câu có dùng từ: ????(?) .....?????.....??.....?.....????( ? 4) ??????????????.....?  
.....
3. Dịch bài khoá : ???????

### Bài 17. ?????

1. Sửa bài tập dịch về nhà bài 16.
2. Giảng từ mới, đặt câu với các từ: ??????????????????????????????
3. Dịch các câu có dùng từ: .....?.....??.....?.....??????.....?????.....
4. ....?????????
5. Dịch bài khoá : ???????

### Bài 19. ?????

1. Sửa bài tập dịch về nhà 17.
2. Giảng các từ và cấu trúc câu cần chú ý khi dịch: ??
3. Bài dịch thực hành Hán Việt và Việt Hán.
4. Dịch các câu có dùng từ: ??? ??? ??.....????????????( ?) ???????
5. Dịch bài khoá: ??????

### Bài 20. ????

5. Sửa bài tập dịch về nhà bài 19.
6. Giảng các từ và cấu trúc câu cần chú ý khi dịch: ??
7. Bài dịch thực hành Hán Việt và Việt Hán.
8. Dịch các câu có dùng từ: ??????????????.....?.....????????????????.....???.....?.....?.....?
9. Dịch bài khoá: ?????

### Bài 21. ??

5. Sửa bài tập dịch về nhà bài 20
6. Giảng các từ và cấu trúc câu cần chú ý khi dịch: ??
7. Bài dịch thực hành Hán Việt và Việt Hán.
8. Dịch các câu có dùng từ: ?.....?.....????????????????????.....?.....?????????
9. Dịch bài khoá: ??

**Bài 26. ????**

Sửa bài tập về nhà bài 21

- b. Giảng các từ và cấu trúc câu cần chú ý khi dịch: ??????????????????????????????
- c. Bài dịch thực hành Hán Việt và Việt Hán.
- d. Dịch các câu có dùng từ: ????.???.....?.....????????????????????.....??.....????(?
- 5)????
- e. Dịch bài khóa : ????

**Bài 27. ??**

1. Sửa bài tập về nhà bài 26.
2. Giảng các từ và cấu trúc câu cần chú ý khi dịch: ??????????????????????????????
3. Bài dịch thực hành Hán Việt và Việt Hán.
4. Dịch các câu có dùng từ: ?(?? 2)????????.....??.....????????????????????
5. Dịch bài khóa: ??

**Bài 28. ?????????**

1. Sửa bài tập về nhà bài 27.
2. Giảng các từ và cấu trúc câu cần chú ý khi dịch: ??????????????????????????????
3. Bài dịch thực hành Hán Việt và Việt Hán.
4. Dịch các câu có dùng từ: ?.....(??) ??????????????????????????????
5. Dịch bài khóa: ?????????

**Bài 29. ???**

1. Sửa bài tập về nhà bài 28.
2. Giảng các từ và cấu trúc câu cần chú ý khi dịch: ??????????????????????????????
3. Bài dịch thực hành Hán Việt và Việt Hán.
4. Dịch các câu có dùng từ: ????.???.....(?) ??????.....????????.....?.....????????????
5. Dịch bài khóa: ???

**Bài 30. ??**

1. Sửa bài tập về nhà bài 29.
2. Giảng các từ và cấu trúc câu cần chú ý khi dịch: ??????????????????????????????
3. Bài dịch thực hành Hán Việt và Việt Hán.
4. Dịch các câu có dùng từ: ?????????????.....??.....????????.....?.....?????????
5. Dịch bài khóa: ???
6. Sửa bài tập bài 30.

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	4	Ôn kiến thức cơ bản trong chương trình môn dịch TC 1. Bài 16 : ?????	- GV thuyết trình - SV làm bài tập thực hành - SV đọc bài khóa và luyện dịch bài 16 - SV chơi trò chơi	?????? ???? ?? — ??????? (?) Trang 1
2	4	Bài 17 : ?????	- SV thuyết trình theo nhóm - Sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - SV đọc sách và luyện dịch bài khóa 17 - SV thảo luận	?? — ??????? (?) Trang 19 ??????
3	4	Bài 19 : ?????	- SV thuyết trình theo nhóm - Sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - SV đọc sách và luyện dịch bài khóa 19 - SV chơi trò chơi	?? — ??????? (?) Trang 63
4	4	Bài 20: ?????	- GV thuyết trình - SV đọc sách và luyện dịch bài khóa 19 - SV làm bài tập thực hành dịch Việt – Hoa với những từ vừa học	?? — ??????? (?) Trang 85 ??????
5	4	Bài 21 : ??	- SV thuyết trình theo nhóm - Sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - SV đọc bài khóa và dịch bài 21. - SV chơi trò chơi - SV làm bài tập mở rộng luyện dịch với những từ vừa mới học.	?? — ??????? (?) Trang 107 ??????



6	4	Kiểm tra giữa kỳ  Xem phim	- SV làm kiểm tra giữa kỳ. - Sửa bài tập về nhà. - SV làm bài tập luyện dịch mở rộng với những từ trọng điểm đã học.	
7	4	Bài 26 : ????	- Sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - SV đọc sách và dịch bài khóa 26 - SV thảo luận - SV làm bài tập luyện dịch với những từ vừa mới học	?? — ?????????? (?) Trang 222 ???????
8	4	Bài 27 :??	- Sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - SV đọc sách và luyện dịch bài khóa 27 - SV làm bài tập luyện dịch với những từ vừa mới học.	?? — ?????????? (?) Trang 243 ???????
9	4	Bài 28 : ??????????	- Sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - SV đọc bài khóa 28 - SV thảo luận nhóm - SV dịch bài khóa 28 - SV làm bài tập mở rộng luyện dịch với những từ vừa mới học.	?? — ?????????? (?) Trang 265 ???????
10	4	Bài 29 : ???	- Sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - SV đọc bài khóa 29 - SV thảo luận nhóm - SV dịch bài khóa 29 - SV làm bài tập mở rộng luyện dịch với những từ vừa mới học.	?? — ?????????? (?) Trang 285 ???????

11	4	Bài 30 : ??	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV đọc bài khóa 30</li> <li>- SV thảo luận nhóm</li> <li>- SV dịch bài khóa 30</li> <li>- SV làm bài tập mở rộng</li> </ul> luyện dịch với những từ vừa mới học.	?? — ??????? (?) Trang 310 ???????
12	4	Ôn tập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- GV tổng hợp lại những kiến thức đã học.</li> <li>- GV giải đáp thắc mắc cho SV về những vấn đề chưa rõ.</li> </ul>	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc

ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng

ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

**\* Ghi chú tổng quát:**

Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):

**Giảng viên phụ trách môn học** (có thể dùng bảng hoặc không)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV**  
**KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

Tên tiếng Việt: **Độc báo Trung Quốc**

- Mã môn học: NVT009

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành	Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		<input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 2

**3. Trình độ:** dành cho sinh viên năm thứ 3

**4. Phân bố thời gian:** 45 tiết (*1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành*)

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 15 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 15 tiết

### **5. Điều kiện tiên quyết:**

- Môn học tiên quyết: đã hoàn thành học phần Hán ngữ trung cấp.

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Người học bắt buộc phải hoàn tất và nắm vững kiến thức thuộc các chương trình Hán ngữ Trung cấp, các học phần Đọc hiểu SC và TC, nắm vững khoảng 3500 từ.

### **6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Đọc báo Trung Quốc là môn học rèn luyện kỹ năng đọc hiểu với các thể tài báo chí có nội dung đề cập mọi lĩnh vực đời sống Trung Quốc đương đại như ngoại giao, cải cách mở cửa, kinh tế, môi trường, giáo dục, việc làm, giao thông, thanh niên, phụ nữ, hôn nhân, ...

Trọng điểm giảng dạy học tập tập trung vào các nội dung: từ ngữ, kết cấu - mẫu câu, ngữ đoạn, thể loại, kỹ năng đọc hiểu.

#### Phân 1. Những nội dung giảng dạy về từ ngữ

1.6 Từ ngữ cơ bản thường dùng trong báo chí

1.7 Thuật ngữ chuyên ngành: chú trọng những từ ngữ chuyên môn mới xuất hiện, khó hiểu hoặc những từ ngữ có nội hàm văn hóa cao.

1.8 Thành ngữ và các ngữ cố định.

1.9 Những từ ngữ rút gọn, các cách diễn đạt vắn tắt

1.10 Cách dùng các hư từ

Phân 2. Các loại câu thông dụng trong báo chí: câu thường dùng trong báo chí có 3 đặc điểm: câu dài, câu khó, câu phức tạp. Trong khóa học này, chú trọng các loại

câu sau: câu vị ngữ động từ, câu thường dùng trong văn ngôn và câu nhiều thành phần. Luyện tập rút gọn câu dài thành các câu cơ bản, phân tích kết cấu câu để hiểu chính xác ý nghĩa câu (không chú trọng luyện tập đặt câu).

Phần 3. Các đoạn văn: hướng dẫn phương pháp đọc hiểu chính xác từng đoạn và bài văn: tìm ý nghĩa chủ đề của từng đoạn văn, mối quan hệ ngữ pháp của các câu trong đoạn văn và giữa các đoạn với nhau, vai trò của từng đoạn văn trong cả bài, khái quát ý nghĩa của cả bài. Phân tích bố cục của bài báo để nâng cao khả năng đọc hiểu báo chí.

Phần 4. Sinh viên thực hành: sinh viên chia thành các nhóm, mỗi nhóm tự tìm các bài báo có tính thời sự, tóm tắt nội dung và phân tích trước lớp, các nhóm tiến hành thảo luận và tự đánh giá tổng kết dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

## **7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:**

- Mục tiêu: Đây là môn học chuyên đề đọc hiểu nhằm mục đích bồi dưỡng và nâng cao kỹ năng đọc báo Trung Quốc cho sinh viên ngành Ngữ văn Trung Quốc, trang bị cho sinh viên khả năng đọc kỹ, đọc nhanh, đọc lướt tìm kiếm thông tin từ báo chí Trung Quốc; bước đầu hình thành năng lực phân tích, bình luận thông tin trên báo chí Trung Quốc.

Tài liệu học tập là giáo trình tiêu chuẩn của Đại học ngôn ngữ Bắc kinh, cập nhật những bài báo và bản tin được phát hành gần đây từ các báo: Nhân dân nhật báo, Trường Xuân nhật báo, Tân Dân buổi tối, Báo Đô thị Thẩm Quyến, Tân Hoa nhật báo... Thông qua môn học, sinh viên sẽ tích lũy được một lượng lớn những kiến thức toàn diện và cập nhật về đời sống xã hội- văn hóa Trung Quốc.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Kết thúc khóa học, sinh viên được yêu cầu nắm vững khoảng 1000 từ ngữ và các mẫu câu cơ bản thường dùng trong báo chí, đạt tốc độ đọc hiểu các loại báo chí thông dụng của Trung Quốc khoảng 100 chữ/phút. Ngoài giờ học trên lớp, sinh

viên được yêu cầu đọc thêm khoảng 15 bài báo với dung lượng mỗi bài khoảng 1000 chữ.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

	<p>- Nắm vững bộ phận từ ngữ và các mẫu câu cơ bản thường dùng trong báo chí.</p> <p>- Đạt tốc độ đọc hiểu các loại báo chí thông dụng của Trung Quốc khoảng 100 chữ/phút.</p>	<p>-SV thuyết trình, thảo luận nhóm.</p> <p>- GV tham gia chủ trì, hướng dẫn các hoạt động thảo luận của sinh viên.</p> <p>- GV thuyết giảng.</p>	<p>-Kiểm tra giữa kỳ.</p> <p>-Kiểm tra cuối kỳ.</p>	<p>- Tích lũy khoảng 1000 từ ngữ và các mẫu câu cơ bản thường dùng trong báo chí.</p> <p>- Nắm vững các kết cấu, bố cục điển hình của một bài báo nói chung và một bài báo tiếng Trung Quốc nói riêng.</p> <p>- Tích lũy được một lượng lớn những kiến thức toàn diện và cập nhật về đời sống xã hội- văn hóa Trung Quốc.</p>	<p>- Vận dụng linh hoạt kiến thức về các bố cục điển hình của một bài báo, những từ ngữ, cấu trúc câu cơ bản thường dùng trong báo chí để có thể phân tích tiêu đề, bố cục, giải thích và hiểu chính xác từ ngữ, câu trọng điểm trong một bài báo tiếng Trung Quốc.</p> <p>- Có khả năng đưa ra ý kiến bình luận về những vấn đề nêu trong một bài báo</p>	<p>- Tự tin hơn khi tiếp xúc với các nguồn tư liệu đến từ các báo chí Trung Quốc.</p>
--	--	---	---	---	--	---

## 9. Tài liệu phục vụ môn học:

a. Sách, giáo trình chính:

1.??? – ?????????? ?(??) ?????????? 2013 ?

b. Tài liệu tham khảo :

1. ??????????(?????, ????) ?????????? 2005 ?

2. ?????????? ?????????? 2003 ?

3. ????????? ?????????? 2002 ?

4. ????????? ?????????? 2001 ?

c. Các trang web có liên quan đến môn học:

[www.people.com.cn](http://www.people.com.cn)

[www.gmw.com.cn](http://www.gmw.com.cn)

<http://zqb.cyol.com/>

<http://www.bjyouth.com/>

<http://www.ben.com.cn/>

<http://wenhui.news365.com.cn/>

## 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Hàng ngày	- Chuyên cần	1 %	Điểm giữa kỳ	30%
Giữa kỳ	- Thuyết trình, thảo luận	7 %		
	- Bài tập	2 %		
	- Kiểm tra giữa kỳ	90%		
Cuối kỳ	Thi cuối kỳ	100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)



Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

0 – 4.5 : Không đạt

5 – 6.5: Trung bình. SV chỉ cơ bản đọc hiểu được 50% các đoạn văn, bài báo...

7 – 8.5: Khá. SV có khả năng đọc hiểu nội dung các bài báo, đoạn văn, trả lời được các câu hỏi, nắm được các thông tin quan trọng một cách khá tốt.

9 – 10: Giỏi. SV nắm được và vận dụng tốt những kỹ năng đọc lướt, đọc kỹ... của kỹ năng đọc báo, hiểu và phân tích được, ghi nhớ được, tường thuật lại được những thông tin quan trọng được nêu trong bài báo, đoạn văn ở mức độ khá tốt

- Hình thức thi: Trắc nghiệm + viết, trong thời gian 60 phút.

## 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- ✓ Dự lớp tối thiểu 80% tổng số tiết học.
- ✓ Bài tập: Hoàn thành các bài tập trong giáo trình.
- ✓ Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo theo thông báo của giảng viên (có bài tóm tắt).
- ✓ Thuyết trình: sinh viên tự chọn một bài báo trình bày trước lớp (tóm tắt nội dung, phân tích nội dung bài báo từ nhiều yếu tố như: tiêu đề, bố cục, giải thích từ ngữ và câu trọng điểm, đưa ra ý kiến bình luận về những vấn đề nêu trong bài báo).
- ✓ Đọc tài liệu tham khảo

### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Nếu vắng học quá 20% số tiết sẽ bị cấm thi cuối kỳ.
- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.
- Sinh viên phải chấp hành đúng qui chế của nhà trường khi tham gia các kỳ thi: không quay cóp, không trao đổi bài, không sử dụng điện thoại di động và các thiết bị nghe nhìn...Nếu vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định của nhà trường.

**11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

- Qua email hoặc điện thoại.

**12. Nội dung chi tiết môn học:**

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

Buổi/ Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	<p>???</p> <p><b>1. ???(??): ????????????</b> (????)</p> <p>1.1 ????: ???????????????</p> <p>1.2 ????: ???????</p> <p>1.3 ??????: ???????, ????</p> <p>????????????????????????????</p> <p>??????????????</p> <p>1.4 ??????: ???????????????</p> <p>????????????????????????</p> <p>1.5 ???????</p> <p>1.6 ??</p> <p><b>2. ???: “??”????????(???)</b> (?)</p> <p>2.1 ?????, ?????????????????</p> <p>????????, ?????????????????</p> <p>2.2 ??</p>	<p><b>1. ????:</b> ???????????????? ?????? ?????</p> <p><b>2. ????:</b> ???, ?????????????????, ? ????????????????, ?????? ???, ???????</p> <p><b>3. ?????????:</b> - ?????????, ????????? ???????????? - ????????????? ???????????? - ?????????????????</p> <p><b>4. ????:</b> ???????????????????? ????????</p>	<p>1.??? – ??????????? ?(?) ?) ??????????? 2013 ?</p> <p>2.?????????(?????, ??? ?) ??????????? 2005 ?</p> <p>3.?????????? ????????? ? 2003 ?</p> <p>4.???????? ??????? ??? 2002 ?</p>

2	5	<p style="text-align: center;">???</p> <p><b>1. ???(??): ?????? 150 ???</b>  <b>?(????)</b>  (1.1..., 1.2..., 1.3..., 1.4..., 1.5, 1.6...)</p> <p><b>2. ???: 20 ??????“?”(???)</b>  <b>?)</b>  (1.1..., 1.2...)</p>	<p style="text-align: center;">????</p>	<p>1.??? – ??????????? ?(? ?) ?????????? 2013 ?</p> <p>2.??????????(?????, ??? ?) ?????????? 2005 ?</p> <p>3.?????????? ????????? ? 2003 ?</p> <p>4.????????? ??????? ??? 2002 ?</p>
3	5	<p style="text-align: center;">???</p> <p><b>1. ???(??): ???????????(??</b>  <b>??)</b>  (1.1..., 1.2..., 1.3..., 1.4..., 1.5, 1.6...)</p> <p><b>2. ???: ???——neet ?????</b>  <b>? (????)</b>  (1.1..., 1.2...)</p>	<p style="text-align: center;">????</p>	<p style="text-align: center;">????</p>
4		<p style="text-align: center;">?????</p> <p>????????????????  ????????????????????  ?????</p>	<p>?????????, ??????????, ?  ???????</p> <p>???????</p>	<p>1.??? – ??????????? ?(? ?) ?????????? 2013 ?</p> <p>2.??????????(?????, ??? ?) ?????????? 2005 ?</p> <p>3.?????????? ????????? ? 2003 ?</p> <p>4.????????? ??????? ??? 2002 ?</p>

5	5	<p style="text-align: center;"><b>???</b></p> <p><b>1. ???(??): ??????(????)</b>  1.1 ????: ??????????????  1.2 ????: ??????  1.3 ??????: ??????, ????  ????????????????????????????  ????????????????  1.4 ??????: ??????????????  ????????????????????  1.5 ??????  1.6 ??</p> <p><b>2. ???: ?????????????“????”</b>  (????)  2.1 ?????, ?????????????????  ????????, ?????????????????  2.2 ??</p>	<p><b>1. ????:</b>  ????????????????  ??????  ?????  ?????????  <b>2. ????:</b>  ???, ?????????????????,  ????????????????, ??????  ??, ??????  <b>3. ??????????:</b>  - ?????????, ?????????  ????????????  - ?????????  ????????????  - ?????????????????  <b>4. ????:</b>  ????????????????????  ????????</p>	????
6	5	<p style="text-align: center;"><b>???</b></p> <p><b>1. ????(??): ?????????????</b>  (????)  (1.1..., 1.2..., 1.3..., 1.4..., 1.5, 1.6...)</p> <p><b>2. ???: ?????????????(???)</b>  (1.1..., 1.2...)</p>	????	????
7	5	<p style="text-align: center;"><b>???</b></p> <p><b>1. ????(??): “????????????(???)</b>  (1.1..., 1.2..., 1.3..., 1.4..., 1.5, 1.6...)</p> <p><b>2. ???: “????????????(????)”</b>  (1.1..., 1.2...)</p>	????	????
8	5	<p style="text-align: center;"><b>?????</b></p> <p>????????????????  ????????????????????</p>	<p>????????, ?????????, ?  ??????</p>	????

9	5	<p style="text-align: center;"><b>???</b></p> <p><b>1. ????(??) ??????????(???)</b> (?)</p> <p>1.1 ????: ???????????????</p> <p>1.2 ????: ???????</p> <p>1.3 ??????: ????????, ????</p> <p>????????????????????????????</p> <p>????????????????</p> <p>1.4 ??????: ???????????????</p> <p>????????????????????</p> <p>1.5 ???????</p> <p>1.6 ??</p> <p><b>2. ????: ??????????????: ????</b> (????)</p> <p>2.1 ??????, ?????????????????</p> <p>??????????, ?????????????????</p> <p>2.2 ??</p>	<p><b>1. ????:</b> ????????????????</p> <p>??????</p> <p>?????</p> <p>??????????</p> <p><b>2. ????:</b> ???, ??????????????????,</p> <p>????????????????, ??????</p> <p>??, ???????</p> <p><b>3. ??????????:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- ?????????, ?????????</li> <li>????????????????</li> <li>- ?????????????</li> <li>????????????????</li> <li>- ?????????????????????</li> </ul> <p><b>4. ????:</b> ????????????????????</p> <p>?????????</p>	????
---	---	--	--	------

*Thành phố Hồ Chí Minh ngày 25 tháng 06 năm 2016*

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc

TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương

ThS. Cao Thị Quỳnh Hoa

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV**  
**KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Độc hiểu sơ cấp – D1**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): ??????

- Mã môn học: NVT010

- Môn học thuộc khối kiến thức: chuyên ngành (bắt buộc)

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

**2. Số tín chỉ: 2TC**

**3. Trình độ:** dành cho SV năm 1 chuyên ngành Ngữ văn Trung Quốc (khối D1)

**4. Phân bố thời gian:** 45 tiết (*1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành*)

- Lý thuyết: 15 tiết (1TC)

- Thực hành: 30 tiết (1TC)

**5. Điều kiện tiên quyết:**

- Đã học xong Giáo trình Hán ngữ năm I – quyển 1 (thượng + hạ)

- Các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng: đã làm quen và có những kiến thức cơ bản về tiếng Hán ở trình độ sơ cấp 1

**6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu, từng bước trau dồi khả năng đọc hiểu độc lập cho sinh viên năm 1 chuyên ngành Ngữ văn Trung Quốc.

**7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:**

- Mục tiêu: Môn học nhằm củng cố những kiến thức ngôn ngữ đã học, cung cấp, mở rộng thêm vốn từ vựng, nâng cao kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể nắm vững thêm nhiều từ vựng cũng như các cụm từ thường dùng (trong văn viết lẫn văn nói). Hình thành và nâng cao kỹ năng đọc hiểu tiếng Hán. Bên cạnh đó, thông qua nội dung các bài đọc trong giáo trình, sinh viên có cơ hội tiếp cận và tìm hiểu về văn hóa, lịch sử, kiến trúc, y học cổ truyền... của Trung Quốc, từ đó có cái nhìn khái quát và hiểu biết sâu sắc hơn về đất nước, con người và xã hội Trung

Quốc.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	<i>Hướng dẫn SV rèn luyện kỹ năng đọc hiểu thông qua nội dung các bài đọc trong giáo trình</i>	<i>GV giảng nghĩa những từ ngữ và cấu trúc trọng tâm của bài SV đọc bài khóa và làm các bài tập liên quan để kiểm tra và rèn luyện khả năng đọc hiểu</i>	<i>Kỹ năng vận dụng từ vựng và cấu trúc đã học trong đọc hiểu văn bản tiếng Hán Làm bài tập tại lớp Kiểm tra giữa kỳ</i>

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)			
					Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	<i>Hướng dẫn SV rèn luyện kỹ năng đọc hiểu thông qua nội dung các bài đọc trong giáo trình</i>	<i>GV giảng nghĩa những từ ngữ và cấu trúc trọng tâm của bài SV đọc bài khóa và làm các bài tập liên quan để kiểm tra và rèn luyện khả năng đọc hiểu</i>	<i>Kỹ năng vận dụng từ vựng và cấu trúc đã học trong đọc hiểu văn bản tiếng Hán Làm bài tập tại lớp Kiểm tra giữa kỳ</i>	<i>PLO1 Năm được ý nghĩa và cách dùng các từ/ ngữ trọng tâm của bài học</i>	<i>PLO2 Có thể vận dụng những kiến thức mới học để đọc hiểu các câu/ đoạn văn bản có cùng cấp độ</i>	<i>PLO3 Thái độ học tập tích cực, sôi nổi, cầu thị</i>	

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính:

?????(2006), ??????(?????), ??????????, ???

- Tài liệu tham khảo/bổ sung:

???(2007), ??????????(???), ??????????, ???

???(1994), ??????????, ??????????, ???

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Sau mỗi tháng  Giữa kỳ	- Chuyên cần - Bài tập - Kiểm tra giữa kỳ	15 % 15 % 70 % <b>100%</b>	Điểm giữa kỳ	30%
Sau mỗi tháng  Cuối kỳ	- Chuyên cần - Bài tập - Kiểm tra cuối kỳ	15 % 15 % 70 % <b>100%</b>	Điểm cuối kỳ	70%
Cả học phần	Tổng điểm cả học phần		Điểm giữa kỳ + điểm cuối kỳ	<b>100%</b> <b>(10/10)</b>

### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá : 0 - 4.5 điểm: không đạt

5 - 6 điểm: trung bình

6 - 7 điểm: trung bình khá

7 - 8 điểm: khá

8 - 9 điểm: giỏi

9 - 10 điểm: xuất sắc

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: trắc nghiệm + viết

Nội dung thi: Chọn đáp án đúng để điền vào chỗ trống, chọn đáp án đúng cho những từ gạch chân, trả lời câu hỏi sau khi đọc đoạn văn (hoặc giải thích từ)... nhằm kiểm tra kỹ năng đọc hiểu của người học



Thời lượng : 60 phút

Tiêu chí chấm điểm:

+ *Đọc các đoạn văn, trả lời câu hỏi & phán đoán đúng sai: 6 điểm*

+ *Chọn từ gần nghĩa: 2 điểm*

+ *Giải thích từ ngữ, điền từ: 2 điểm*

- Điểm chuyên cần và bài tập: đánh giá trong suốt quá trình làm bài tập tại lớp ở mỗi buổi học. Phần trăm/ tổng điểm là 30% .

- Điểm giữa kỳ: đánh giá thông qua điểm chuyên cần, điểm bài tập và bài kiểm tra giữa kỳ. Phần trăm/ tổng điểm là 30%.

- Điểm cuối kỳ: đánh giá thông qua điểm chuyên cần, điểm bài tập và bài kiểm tra cuối kỳ. Phần trăm/ tổng điểm là 70%.

- Điểm cả học phần là tổng cộng của điểm giữa kỳ và điểm cuối kỳ.

## **11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

### **11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.

- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp.

- Không được nói chuyện, làm việc riêng trong giờ học.

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp.

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.

- Trường hợp chép bài, trao đổi trong khi thi sẽ bị trừ điểm theo quy định; nếu quay cóp, gian lận nghiêm trọng sẽ bị đình chỉ thi.

## **12. Nội dung chi tiết môn học:**

**Bài 2:**

**Đoạn 1: ??**

**Đoạn 2: ???**

**Đoạn 3: ????**

**Đoạn 4: ???????**

1/ Giới thiệu và giải thích nghĩa những từ ngữ mới xuất hiện trong bài

2/ Hướng dẫn SV đọc bài khóa và làm bài tập dựa theo nội dung bài

3/ Luyện tập lựa chọn từ ngữ phù hợp theo ngữ cảnh để kiểm tra khả năng đọc hiểu và phán đoán

**Bài 3:**

**Đoạn 1: ?????**

**Đoạn 2:??????????**

**Đoạn 3:?????**

**Đoạn 4:?????**

1/Giới thiệu và giải thích nghĩa những từ ngữ mới xuất hiện trong bài

2/ Hướng dẫn SV đọc bài khóa và làm bài tập dựa theo nội dung bài

3/ Luyện tập lựa chọn từ ngữ phù hợp theo ngữ cảnh để kiểm tra khả năng đọc hiểu và phán đoán

**Bài 4:**

**Đoạn 1: ?????**

**Đoạn 2:?????**

**Đoạn 3:?????**

**Đoạn 4:?????**

1/Giới thiệu và giải thích nghĩa những từ ngữ mới xuất hiện trong bài

2/ Hướng dẫn SV đọc bài khóa và làm bài tập dựa theo nội dung bài

3/ Luyện tập lựa chọn từ ngữ phù hợp theo ngữ cảnh để kiểm tra khả năng đọc hiểu và phán đoán

**Bài 5:**

**Đoạn 1: ????**

**Đoạn 2:????????**

**Đoạn 3:?????**

**Đoạn 4:?????**

1/Giới thiệu và giải thích nghĩa những từ ngữ mới xuất hiện trong bài

2/ Hướng dẫn SV đọc bài khóa và làm bài tập dựa theo nội dung bài

3/ Luyện tập lựa chọn từ ngữ phù hợp theo ngữ cảnh để kiểm tra khả năng đọc hiểu và phán đoán

**Bài 8:**

**Đoạn 1: ?????**

**Đoạn 2:???**

**Đoạn 3:??**

**Đoạn 4:????????**

1/Giới thiệu và giải thích nghĩa những từ ngữ mới xuất hiện trong bài

2/ Hướng dẫn SV đọc bài khóa và làm bài tập dựa theo nội dung bài

3/ Luyện tập lựa chọn từ ngữ phù hợp theo ngữ cảnh để kiểm tra khả năng đọc hiểu và phán đoán

**Bài 9:**

**Đoạn 1: ???**

**Đoạn 2:????**

**Đoạn 3:????**

**Đoạn 4:????????**

1/Giới thiệu và giải thích nghĩa những từ ngữ mới xuất hiện trong bài

2/ Hướng dẫn SV đọc bài khóa và làm bài tập dựa theo nội dung bài

3/ Luyện tập lựa chọn từ ngữ phù hợp theo ngữ cảnh để kiểm tra khả năng đọc hiểu và phán đoán

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	-Bài khóa: Bài 2: Đoạn 1: ?? Đoạn 2:??? Đoạn 3:???? -Luyện tập	- GV giải thích một số từ và cấu trúc trọng tâm của bài - SV đọc bài khóa và làm BT theo yêu cầu dựa vào nội dung bài - Luyện tập chọn lựa từ phù hợp theo ngữ cảnh	SV xem giáo trình trang 11 - 22
2	5	-Bài khóa: Bài 2: Đoạn 4:???????? Bài 3: Đoạn 1: ?????? Đoạn 2:????????? -Luyện tập	- GV giải thích một số từ và cấu trúc trọng tâm của bài - SV đọc bài khóa và làm BT theo yêu cầu dựa vào nội dung bài - Luyện tập chọn lựa từ phù hợp theo ngữ cảnh	SV xem giáo trình trang 22 – 34
3	5	-Bài khóa: Bài 3: Đoạn 3:????? Đoạn 4:????? Bài 4: Đoạn 1: ?????? -Luyện tập	- GV giải thích một số từ và cấu trúc trọng tâm của bài - SV đọc bài khóa và làm BT theo yêu cầu dựa vào nội dung bài - Luyện tập chọn lựa từ phù hợp theo ngữ cảnh - SV đọc bài đọc thêm và trả lời câu hỏi	SV xem giáo trình trang 34 – 45

4	5	-Bài khóa: Bài 4: Đoạn 2:???? Đoạn 3:????? Đoạn 4:????? -Luyện tập	- GV giải thích một số từ và cấu trúc trọng tâm của bài - SV đọc bài khóa và làm BT theo yêu cầu dựa vào nội dung bài - Luyện tập chọn lựa từ phù hợp theo ngữ cảnh	SV xem giáo trình trang 46 – 57
5	5	-Bài khóa: Bài 5: Đoạn 1: ???? Đoạn 2:??????? Đoạn 3:???? -Luyện tập	- GV giải thích một số từ và cấu trúc trọng tâm của bài - SV đọc bài khóa và làm BT theo yêu cầu dựa vào nội dung bài - Luyện tập chọn lựa từ phù hợp theo ngữ cảnh	SV xem giáo trình trang 58 – 69
6	5	-Thi giữa kỳ -Bài khóa: Bài 5: Đoạn 4:???? Bài 8: Đoạn 1: ?????? -Luyện tập	- GV giải thích một số từ và cấu trúc trọng tâm của bài - SV đọc bài khóa và làm BT theo yêu cầu dựa vào nội dung bài - Luyện tập chọn lựa từ phù hợp theo ngữ cảnh	SV xem giáo trình trang 69 – 72 SV xem giáo trình trang 105 – 108
7	5	-Bài khóa: Bài 8: Đoạn 2:??? Đoạn 3:?? Đoạn 4:??????? -Luyện tập	- GV giải thích một số từ và cấu trúc trọng tâm của bài - SV đọc bài khóa và làm BT theo yêu cầu dựa vào nội dung bài - Luyện tập chọn lựa từ phù hợp theo ngữ cảnh	SV xem giáo trình trang 108 – 120
8	5	-Bài khóa: Bài 9: Đoạn 1: ??? Đoạn 2:???? Đoạn 3:???? -Luyện tập	- GV giải thích một số từ và cấu trúc trọng tâm của bài - SV đọc bài khóa và làm BT theo yêu cầu dựa vào nội dung bài - Luyện tập chọn lựa từ phù hợp theo ngữ cảnh	SV xem giáo trình trang 121 – 129

9	5	-Bài khóa: Bài 9: Đoạn 4:?????? -Luyện tập -Ôn tập	- GV <i>giải thích một số từ và cấu trúc trọng tâm của bài</i> - SV <i>đọc bài khóa và làm BT theo yêu cầu dựa vào nội dung bài</i> - <i>Luyện tập chọn lựa từ phù hợp theo ngữ cảnh</i> - GV <i>ôn tập một số từ ngữ và cấu trúc quan trọng; giải đáp thắc mắc của SV về nội dung môn học (nếu có)</i>	SV xem giáo trình trang 132 – 136
---	---	--	--	-----------------------------------

TP. HỒ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc

TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương

ThS. Vũ Thị Hương Trà

TS. Hoàng Tố Nguyên

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

Họ và tên: Vũ Thị Hương Trà	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: ĐH KHXH & NV 10–12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP. HCM	Điện thoại liên hệ: 0918146365
Email: <a href="mailto:huongtravu98@yahoo.com">huongtravu98@yahoo.com</a>	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên: Hoàng Tố Nguyên	Học hàm, học vị: tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: ĐH KHXH & NV 10–12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP. HCM	Điện thoại liên hệ: 0919025083
Email: tonguyenhoang@hcmussh.edu.vn	Trang web:

<i>Cách liên lạc với giảng viên:</i>	<i>SV có thể liên lạc với GV qua email hoặc gọi điện thoại trực tiếp khi cần thiết.</i>
<i>Nơi tiến hành môn học:</i>	<i>Đại học KHXH &amp; NV TP. HCM Cơ sở Linh Trung, Thủ Đức</i>
<i>Thời gian học:</i>	<i>Học kỳ 2 Năm I</i>

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **ĐỌC HIỂU SƠ CẤP (D4)**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): ?????? (D4)

- Mã môn học: NVT010

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ : dành cho sinh viên năm thứ 1, khối D4

4. Phân bố thời gian: 45 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 12 tiết

- Thực hành: 23 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Học xong giáo trình ?????(??) 15 ? + (??) 15 ? + (??) 5 ? : 1-5

### 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Nội dung môn học chủ yếu hướng dẫn, rèn luyện cho sinh viên nắm vững được các kỹ năng đọc hiểu như: đọc lướt để tìm ý chính của bài hoặc các thông tin cần thiết, đọc và đoán nghĩa của từ mới trong bài, phân tích bài đọc, tóm tắt nội dung của bài đọc.

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Củng cố và nâng cao vốn từ vựng của sinh viên, giúp sinh viên nắm vững các cấu trúc phức tạp của câu. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đọc hiểu các bài đọc với nhiều chủ đề khác nhau.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể: đọc hiểu những bài đọc về các chủ đề khác nhau trong cuộc sống như: gia đình, xã hội, tự nhiên, văn hóa, văn học, công nghệ thông tin, ...

- Áp dụng : Đọc hiểu các bài đọc có văn phong và chủ đề khác nhau.

- Đạt được kỹ năng : SV được tranh bị kỹ năng đọc nhanh để tìm ý chính của bài, đọc lướt để nắm thông tin chi tiết, kỹ năng đoán nghĩa của từ, phán đoán đúng sai, đọc hiểu các đoạn văn trên 400 từ trong 3 – 3.5 phút....

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	<i>Sau khi học xong học phần này sinh viên có thể đọc hiểu các bài đọc với nhiều chủ đề khác nhau</i>	<i>GV hướng dẫn các kỹ năng đọc, xây dựng cho SV hệ thống từ vựng, hướng dẫn các cấu trúc ngữ pháp phức tạp trong bài học. SV tích cực suy nghĩ, đặt câu hỏi, làm bài tập và thảo luận về bài học</i>	<i>Kỹ năng đọc, trả lời câu hỏi. Kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ</i>

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ



	<i>SV đọc hiểu được các bài đọc với chủ đề phong phú, đa dạng</i>	<i>GV hướng dẫn các kỹ năng đọc, xây dựng cho SV hệ thống từ vựng, hướng dẫn các cấu trúc ngữ pháp phức tạp trong bài học. SV tích cực suy nghĩ, đặt câu hỏi, làm bài tập và thảo luận về bài học</i>	<i>Kỹ năng đọc, trả lời câu hỏi. Kiểm tra giữa kỳ</i>	<i>PLO1 Nhắm được ý nghĩa và cách dùng các từ/ ngữ trọng tâm của bài học</i>	<i>PLO2 Có thể vận dụng những kiến thức đã học để đọc hiểu các văn bản có cùng cấp độ</i>	<i>PLO3 Thái độ học tập tích cực, tự giác, thấy được sự quan trọng của việc nắm vững từ vựng, cấu trúc câu để đọc hiểu nhanh các văn bản</i>
--	---	---	---	--	---	--

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính:

?????(2006), ??????(?????), ??????????, ??

- Tài liệu tham khảo:

???(2003), ??????(??), ?????????????, ??

???(1994), ??????????, ??????????, ??

??(2008), ????: ???-???, ??????????, ??

???(2009), ?????????????? HSK ????, ??????????, ??

??(2013), ????: ????(??), ??????????, ??

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Giữa kỳ	- Chuyên cần - Thuyết trình - Tham gia thảo luận theo nhóm - Kiểm tra giữa kỳ	10 % 10 % 10 % 70 % 100 %	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	- Chuyên cần - Thuyết trình - Tham gia thảo luận theo nhóm - Kiểm tra cuối kỳ	10 % 20 % 70 % 100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá : 0 - 4.5 điểm: không đạt

5 - 6 điểm : trung bình

7 - 8 điểm : khá

9 - 10 điểm : giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: Hình thức thi: trắc nghiệm + viết

Nội dung thi: Chọn đáp án đúng để điền vào chỗ trống, chọn đáp án đúng cho những từ gạch chân, trả lời câu hỏi sau khi đọc đoạn văn (hoặc giải thích từ)... nhằm kiểm tra kỹ năng đọc hiểu của người học

Thời lượng : 60 phút

Tiêu chí chấm điểm:

Đọc các đoạn văn trả lời câu hỏi & phán đoán đúng sai: 6 điểm

Chọn từ gần nghĩa: 2 điểm

Giải thích từ ngữ, điền từ: 2 điểm

### 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### **11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp
- Không được vắng mặt trong các buổi thảo luận của nhóm
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp
- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Không thay đổi chủ đề giáo viên đã phân công

### **11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

## **12. Nội dung chi tiết môn học: : tổng cộng học 9 buổi, 5 tiết / buổi /3 đoạn**

### **Bài 10: (trang 137-151) (đoạn 1 ?????, đoạn 2 ?????, đoạn 3 ????, đoạn 4 ???)**

1. Bài đọc
2. Từ vựng
3. Bài tập

### **Bài 11: (trang 152-167) (đoạn 1 ???, đoạn 2 ???, đoạn 3 ?????“?”, đoạn 4 ????)**

1. Bài đọc
2. Từ vựng
3. Bài tập

### **Bài 12: (trang 168-180) (đoạn 1 ??????, đoạn 2 ??????, đoạn 3 ?, đoạn 4 ???????)**

1. Bài đọc
2. Từ vựng
3. Bài tập

### **Bài 14: (trang 198-214) (đoạn 1 ??????, đoạn 2 ???, đoạn 3 ????????, đoạn 4 ??????)**

1. Bài đọc
2. Từ vựng
3. Bài tập

### **Bài 16: (trang 230-244) (đoạn 1 ????????, đoạn 2 ??, đoạn 3 ????????????, đoạn 4 ??????)**

1. Bài đọc
2. Từ vựng
3. Bài tập

**Bài 17: (trang 245-260) (đoạn 1 ?????, đoạn 2 ?????, đoạn 3 ????????, đoạn 4 ????????)**

1. Bài đọc
2. Từ vựng
3. Bài tập

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	-Bài khóa: Bài 10: Đoạn 1: ????? Đoạn 2: ????? Đoạn 3: ???? -Luyện tập	- GV giới thiệu từ vựng, hướng dẫn SV hiểu các cấu trúc câu trong bài và hiểu ý chính của bài. -SV đọc lướt để nắm thông tin và làm bài tập theo thời gian quy định. Đọc kỹ để hiểu bài. -GV đặt câu hỏi thảo luận có liên quan đến bài học. -SV tóm tắt bài khóa, trình bày và nêu ý kiến về bài học.	SV xem giáo trình trang 137 - 147

2	75	-Bài khóa: Bài 10: Đoạn 4: ??? Bài 11: Đoạn 1: ??? Đoạn 2: ??? -Luyện tập	- GV giới thiệu từ vựng, hướng dẫn SV hiểu các cấu trúc câu trong bài và hiểu ý chính của bài. -SV đọc lướt để nắm thông tin và làm bài tập theo thời gian quy định. Đọc kỹ để hiểu bài. -GV đặt câu hỏi thảo luận có liên quan đến bài học. -SV tóm tắt bài khóa, trình bày và nêu ý kiến về bài học.	SV xem giáo trình trang 148 - 160
3	5	-Bài khóa: Bài 11: Đoạn 3: ????? Đoạn 4: ????? Bài 12: Đoạn 1: ?????? -Luyện tập	- GV giới thiệu từ vựng, hướng dẫn SV hiểu các cấu trúc câu trong bài và hiểu ý chính của bài. -SV đọc lướt để nắm thông tin và làm bài tập theo thời gian quy định. Đọc kỹ để hiểu bài. -GV đặt câu hỏi thảo luận có liên quan đến bài học. -SV tóm tắt bài khóa, trình bày và nêu ý kiến về bài học.	SV xem giáo trình trang 160 - 170

4	5	-Bài khóa: Bài 12: Đoạn 2: ?????? Đoạn 3: ? Đoạn 4: ?????? -Luyện tập	- GV giới thiệu từ vựng, hướng dẫn SV hiểu các cấu trúc câu trong bài và hiểu ý chính của bài. -SV đọc lướt để nắm thông tin và làm bài tập theo thời gian quy định. Đọc kỹ để hiểu bài. -GV đặt câu hỏi thảo luận có liên quan đến bài học. -SV tóm tắt bài khóa, trình bày và nêu ý kiến về bài học.	SV xem giáo trình trang 170 - 180
5	5	-Bài khóa: Bài 14: Đoạn 1: ?????? Đoạn 2: ??? Đoạn 3: ?????? -Luyện tập	- GV giới thiệu từ vựng, hướng dẫn SV hiểu các cấu trúc câu trong bài và hiểu ý chính của bài. -SV đọc lướt để nắm thông tin và làm bài tập theo thời gian quy định. Đọc kỹ để hiểu bài. -GV đặt câu hỏi thảo luận có liên quan đến bài học. -SV tóm tắt bài khóa, trình bày và nêu ý kiến về bài học.	SV xem giáo trình trang 198 - 210

6	5	-Thi giữa kỳ -Bài khóa: Bài 14: Đoạn 4: ?????? Bài 16: Đoạn 1: ??????? -Luyện tập	- GV giới thiệu từ vựng, hướng dẫn SV hiểu các cấu trúc câu trong bài và hiểu ý chính của bài. -SV đọc lướt để nắm thông tin và làm bài tập theo thời gian quy định. Đọc kỹ để hiểu bài. -GV đặt câu hỏi thảo luận có liên quan đến bài học. -SV tóm tắt bài khóa, trình bày và nêu ý kiến về bài học.	SV xem giáo trình trang 210 – 214  SV xem giáo trình trang 230 - 233
7	5	-Bài khóa: Bài 16: Đoạn 2: ?? Đoạn 3: ?????????? Đoạn 4: ????? -Luyện tập	- GV giới thiệu từ vựng, hướng dẫn SV hiểu các cấu trúc câu trong bài và hiểu ý chính của bài. -SV đọc lướt để nắm thông tin và làm bài tập theo thời gian quy định. Đọc kỹ để hiểu bài. -GV đặt câu hỏi thảo luận có liên quan đến bài học. -SV tóm tắt bài khóa, trình bày và nêu ý kiến về bài học.	SV xem giáo trình trang 233 – 244

8	5	-Bài khóa: Bài 17: Đoạn 1: ????? Đoạn 2: ????? Đoạn 3: ?????? -Luyện tập	- GV giới thiệu từ vựng, hướng dẫn SV hiểu các cấu trúc câu trong bài và hiểu ý chính của bài. -SV đọc lướt để nắm thông tin và làm bài tập theo thời gian quy định. Đọc kỹ để hiểu bài. -GV đặt câu hỏi thảo luận có liên quan đến bài học. -SV tóm tắt bài khóa, trình bày và nêu ý kiến về bài học.	SV xem giáo trình trang 245 – 256
9	5	-Bài khóa: Bài 17: Đoạn 4: ?????? -Luyện tập -Ôn tập_	- GV giới thiệu từ vựng, hướng dẫn SV hiểu các cấu trúc câu trong bài và hiểu ý chính của bài. -SV đọc lướt để nắm thông tin và làm bài tập theo thời gian quy định. Đọc kỹ để hiểu bài. -GV đặt câu hỏi thảo luận có liên quan đến bài học. -SV tóm tắt bài khóa, trình bày và nêu ý kiến về bài học. - GV ôn tập một số từ ngữ và cấu trúc quan trọng; giải đáp thắc mắc của SV về nội dung môn học (nếu có)	SV xem giáo trình trang 256 – 260

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**



PGS.TS Nguyễn Đình Phúc TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương ThS. Vũ Thị Hương Trà  
TS. Hoàng Tố Nguyên

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

Họ và tên: Hoàng Tố Nguyên	Học hàm, học vị: tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: ĐH KHXH & NV 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP. HCM	Điện thoại liên hệ: 0919025083
Email: tonguyenhoang@hcmussh.edu.vn	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	điện thoại, email.
-------------------------------	--------------------

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV**  
**KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học: **Độc hiểu trung cấp (D1)**
- Mã môn học: NVT011

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

**2. Số tín chỉ: 2**

**3. Trình độ** dành cho sinh viên năm thứ 2

**4. Phân bố thời gian:** 45tiết

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 30tiết

**5. Điều kiện tiên quyết:**

- Môn học tiên quyết: Người học phải có được khoảng 3000 từ ngữ thường dùng và phải nắm được các đặc điểm ngữ pháp cơ bản. Người học phải đạt trình độ yêu cầu của môn đọc hiểu Sơ cấp.
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: có khả năng tra cứu từ điển, tra cứu thông tin từ trên mạng

**6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Thông qua các kỹ năng đọc, người học sẽ tiếp xúc với các

văn bản phù hợp với trình độ và từng kĩ năng đọc.

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

Giúp người học nâng cao trình độ đọc hiểu một cách rõ rệt, nâng cao các kĩ năng về đọc hiểu như: đọc kĩ, đọc lướt, đọc tra cứu. Thông qua việc đọc nhiều, người học càng củng cố thêm từ vựng, người học sẽ được tiếp xúc nhiều từ mới thông qua các đề tài phong phú mà giáo trình cung cấp.

Ngoài ra quá trình học sẽ giúp người học mở rộng hơn các kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kĩ thuật, lịch sử ... ,từ đó càng hiểu hơn về đất nước, xã hội và con người Trung Quốc .

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể đọc và lí giải các văn bản tiếng Trung Quốc ở trình độ Trung cấp.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	Đọc được các văn bản ở trình độ trung cấp	<i>GV thuyết trình</i> <i>Thảo luận nhóm</i> <i>SV thuyết trình</i>	<i>Kỹ năng đọc và lí giải văn bản</i> <i>Kiểm tra giữa kỳ</i> <i>Kiểm tra cuối kì</i>

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	VD: <i>Mô tả/trình bày được ....</i>	<i>GV thuyết trình</i> <i>Thảo luận nhóm</i> <i>SV thuyết trình</i> .....	<i>Kỹ năng trình bày</i> <i>Ý kiến hỏi đáp</i> <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>	<i>PLO1</i>	<i>PLO2</i>	<i>PLO3</i>

Học và hiểu được các văn bản ở trình độ trung cấp.	GV thuyết trình. SV thảo luận, làm bài tập.	Kỹ năng đọc Làm bài tập	- Hiểu được các văn bản đọc. - Có kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, lịch sử ... , từ đó càng hiểu hơn về đất nước, xã hội và con người Trung Quốc .	- Nắm được các kỹ năng đọc lướt, đọc hiểu, đọc kỹ, đọc tra cứu. - Vận dụng và áp dụng được các kỹ năng này trong các môn học khác.	- Có thái độ học tập tích cực, đánh giá và nhận thức đúng đắn vai trò, tầm quan trọng của môn học.
--	---	----------------------------	---	---	--

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính

???(2004), ???—?????, ??????????

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
<i>Giữa kỳ: sau 2/3 thời gian lên lớp</i>	VD: - <i>Chuyên cần</i> - <i>Thuyết trình</i> - <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>	<i>10%</i> <i>10 %</i> <i>80 %</i> <i>100%</i>	<i>Điểm giữa kỳ</i>	<i>30%</i>
<i>Cuối kỳ: theo lịch trường sắp xếp</i>	- <i>Thi cuối kỳ</i>	<i>100%</i>	<i>Điểm cuối kỳ</i>	<i>70%</i>

				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>
--	--	--	--	-------------------------------

**Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

- Xếp loại đánh giá (GV tự xây dựng)
- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng)
- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)
- Xếp loại đánh giá : 0 - 4.5 điểm: không đạt

5 - 6 điểm : trung bình

7 - 8 điểm : khá

9 - 10 điểm : giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: Hình thức thi: trắc nghiệm + viết

Nội dung thi: Chọn đáp án đúng để điền vào chỗ trống, chọn đáp án đúng cho những từ gạch chân, trả lời câu hỏi sau khi đọc đoạn văn (hoặc giải thích từ)... nhằm kiểm tra kỹ năng đọc hiểu của người học

Thời lượng : 60 phút

Tiêu chí chấm điểm:

Đọc các đoạn văn trả lời câu hỏi & phán đoán đúng sai: 6 điểm

Chọn từ gần nghĩa: 2 điểm

Giải thích từ ngữ, điền từ: 2 điểm

**11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

**11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp

**11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Nộp tiêu luận trễ trong vòng 1 tuần sẽ không được chấp nhận
- Trường hợp đạo văn, không trích dẫn nguồn sẽ bị trừ điểm tùy theo mức độ
- .....

**11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

Liên lạc qua email hoặc điện thoại ngoài giờ học.

**12. Nội dung chi tiết môn học: Giáo viên sẽ chọn 8 bài bất kì trong tổng số 15 bài của giáo trình để giảng**

**I. Bài 1:?????**

1. ????
2. ????????
3. ???????

**II. Bài 2: ?????**

1. ????????
2. ????????
3. ????

**III. Bài 3:??????**

1. ????????
2. ???
3. ??????????

**IV. Bài 4:?????**

1. ????????
2. ????????
3. ????

**V. Bài 5: ?????**

1. ??????
2. ??????
3. ????

**VI. Bài 6: ?????**

1. ?????
2. ??
3. ????????

**VII. Bài 7:????**

1. ????
2. ??????????
3. ????????????

VIII. **Bài 8: ????**

1. ????
2. ????????
3. ??????

IX. **Bài 9: ?????**

1. ????????
2. ???
3. ????????

X. **Bài 10: ????**

1. ????????
2. ?????
3. ????????

XI. **Bài 11: ?????**

1. ?????
2. ????????
3. ???????

XII. **Bài 12: ?????**

1. ????????????
2. ??
3. ??????????—???

XIII. **Bài 13: ????**

1. ????????
2. ????????????
3. ???????

XIV. **Bài 14: ????**

1. ???????
2. ??????????
3. ????

XV. **Bài 15: ????**

1. ??????????
2. ??????
3. ???????

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5		Hướng dẫn cách học, hướng dẫn các kĩ năng đọc Giới thiệu sách tham khảo Chia nhóm học tập Thông báo hình thức thi Bài 1: Giảng từ mới, giải thích chú thích; đọc bài; làm bài tập	???(2004), ???? ——?????, ??????????
2	5		Thảo luận, giải đáp thắc mắc bài cũ Bài 1: Tiếp tục đọc và làm bài tập Bài 2: Giảng từ mới, giải thích chú thích; đọc bài; làm bài tập	???(2004), ???? ——?????, ??????????
3	5		Thảo luận, giải đáp thắc mắc bài cũ Bài 2: Tiếp tục đọc và làm bài tập Bài 3: Giảng từ mới, giải thích chú thích; đọc bài; làm bài tập	???(2004), ???? ——?????, ??????????
4	5		Thảo luận, giải đáp thắc mắc bài cũ Bài 3: Tiếp tục đọc và làm bài tập Bài 4: Giảng từ mới, giải thích chú thích; đọc bài; làm bài tập	???(2004), ???? ——?????, ??????????
5	5		Thảo luận, giải đáp thắc mắc bài cũ Bài 4: Tiếp tục đọc và làm bài tập Bài 5: Giảng từ mới, giải thích chú thích; đọc bài; làm bài tập	???(2004), ???? ——?? ????, ??????????
6	5		Thảo luận, giải đáp thắc mắc bài cũ Bài 5: Tiếp tục đọc và làm bài tập Bài 6: Giảng từ mới, giải thích chú thích; đọc bài; làm bài tập	???(2004), ???? ——?????, ??????????



7	5	Thảo luận, giải đáp thắc mắc bài cũ Bài 6: Tiếp tục đọc và làm bài tập Bài 7: Giảng từ mới, giải thích chú thích; đọc bài; làm bài tập	???(2004), ???? ——??????, ??????????
8	5	Thảo luận, giải đáp thắc mắc bài cũ Bài 7: Tiếp tục đọc và làm bài tập Bài 8: Giảng từ mới, giải thích chú thích; đọc bài; làm bài tập	???(2004), ???? ——??????, ??????????
9	5	Thảo luận, giải đáp thắc mắc bài cũ Bài 8: Tiếp tục đọc và làm bài tập <i>Giải đáp thắc mắc, ôn tập</i>	???(2004), ???? ——?? ????, ??????????

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 6 năm 2016

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương ThS. Cao Thị Quỳnh Hoa

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học: **Độc hiểu trung cấp (D4)**

- Mã môn học: NVT011

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 2

### 3. Trình độ dành cho sinh viên năm thứ 2

### 4. Phân bố thời gian: 45tiết

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 30tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Người học phải có được khoảng 3000 từ ngữ thường dùng và phải nắm được các đặc điểm ngữ pháp cơ bản. Người học phải đạt trình độ yêu cầu của môn đọc hiểu Sơ cấp.

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: có khả năng tra cứu từ điển, tra cứu thông tin từ trên mạng

**6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Thông qua các kỹ năng đọc, người học sẽ tiếp xúc với các văn bản phù hợp với trình độ và từng kỹ năng đọc.

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

Giúp người học nâng cao trình độ đọc hiểu một cách rõ rệt, nâng cao các kỹ năng về đọc hiểu như: đọc kỹ, đọc lướt, đọc tra cứu. Thông qua việc đọc nhiều, người học càng củng cố thêm từ vựng, người học sẽ được tiếp xúc nhiều từ mới thông qua các đề tài phong phú mà giáo trình cung cấp.

Ngoài ra quá trình học sẽ giúp người học mở rộng hơn các kiến thức về chính trị, kinh tế, văn

hóa, khoa học kỹ thuật, lịch sử ... ,từ đó càng hiểu hơn về đất nước, xã hội và con người Trung Quốc .

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể đọc và lí giải các văn bản tiếng Trung Quốc ở trình độ Trung cấp.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	Đọc được các văn bản ở trình độ trung cấp	<i>GV thuyết trình</i> <i>Thảo luận nhóm</i> <i>SV thuyết trình</i>	<i>Kỹ năng đọc và lí giải văn bản</i> <i>Kiểm tra giữa kỳ</i> <i>Kiểm tra cuối kì</i>

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính

??? ?? ???(2003), ??????, ?????????

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
<i>Giữa kỳ: sau 2/3 thời gian lên lớp</i>	VD: - <i>Chuyên cần</i> - <i>Thuyết trình</i> - <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>	<i>10%</i> <i>10 %</i> <i>80 %</i> <i>100%</i>	<i>Điểm giữa kỳ</i>	<i>30%</i>
<i>Cuối kỳ: theo lịch trường sắp xếp</i>	- <i>Thi cuối kỳ</i>	<i>100%</i>	<i>Điểm cuối kỳ</i>	<i>70%</i>
				<i>100%</i> <i>(10/10)</i>

**Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

- Xếp loại đánh giá (GV tự xây dựng)

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng)
- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)

## 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp

### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Nộp tiêu luận trễ trong vòng 1 tuần sẽ không được chấp nhận
- Trường hợp đạo văn, không trích dẫn nguồn sẽ bị trừ điểm tùy theo mức độ
- .....

### 11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

Liên lạc qua email hoặc điện thoại ngoài giờ học.

## 12. Nội dung chi tiết môn học:

### V. Bài 1:????

?? ??????????

??

1. ????

2. “???”??????

3. ??????????

??

1. ?????????????????

2. ??????

3. ?????????????????????

### VI. Bài 2: ????

?? ????, ????

??

1. ??, ????????

2. ??????????????

??

1. ???“??”???
2. ???????????
3. ??????????

**VII. Bài 3:????**

?? ????

??

1. ????????
2. 21 ?????
3. ????????

??

1. ????????
2. ????????????
3. ????????

**VIII. Bài 4: ????**

?? ??????????-??

??

1. ????????
2. ?
3. ????????

??

1. ????????????
2. ????????
3. ????????????

**IX. Bài 5 ????**

?? ??????????

??

1. ???
2. ????????

??

1. ??????????????
2. ???—???????????

**VI Bài 6????**

?? ????????????

??

1. ????????
2. ????
3. ????????

**??**

1. ??????????
2. ???????
3. ??????????

**VII Bài 7 ????**

?? ??——???????????

**??**

1. ??
2. ???, ???
3. ??????????

**??**

1. ????
2. ????——????
3. ??????????

**VIII Bài 8 ????**

?? ??????

**??**

1. ??
2. ??

**??**

1. ???
2. ???????

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
-------------	------------------	------------------	--	--------------------------------------

1	5	Hướng dẫn cách học, hướng dẫn các kĩ năng đọc Giới thiệu sách tham khảo Chia nhóm học tập Thông báo hình thức thi Bài 1: Giảng từ mới , giải thích chú thích; đọc bài; làm bài tập	??? ?? ??? (2003), ??????, ?????? ???
2	5	Thảo luận, giải đáp thắc mắc bài cũ Bài 1: Tiếp tục đọc và làm bài tập Bài 2: Giảng từ mới , giải thích chú thích; đọc bài; làm bài tập	??? ?? ??? (2003), ??????, ?????? ???
3	5	Thảo luận, giải đáp thắc mắc bài cũ Bài 2: Tiếp tục đọc và làm bài tập Bài 3: Giảng từ mới , giải thích chú thích; đọc bài; làm bài tập	??? ?? ??? (2003), ??????, ?????? ???
4	5	Thảo luận, giải đáp thắc mắc bài cũ Bài 3: Tiếp tục đọc và làm bài tập Bài 4: Giảng từ mới , giải thích chú thích; đọc bài; làm bài tập	??? ?? ??? (2003), ??????, ?????? ???
5	5	Thảo luận, giải đáp thắc mắc bài cũ Bài 4: Tiếp tục đọc và làm bài tập Bài 5: Giảng từ mới , giải thích chú thích; đọc bài; làm bài tập	??? ?? ??? (2003), ??????, ?????? ???
6	5	Thảo luận, giải đáp thắc mắc bài cũ Bài 5: Tiếp tục đọc và làm bài tập Bài 6: Giảng từ mới , giải thích chú thích; đọc bài; làm bài tập	??? ?? ??? (2003), ??????, ?????? ???
7	5	Thảo luận, giải đáp thắc mắc bài cũ Bài 6: Tiếp tục đọc và làm bài tập Bài 7: Giảng từ mới , giải thích chú thích; đọc bài; làm bài tập	??? ?? ??? (2003), ??????, ?????? ???



8	5	Thảo luận, giải đáp thắc mắc bài cũ Bài 7: Tiếp tục đọc và làm bài tập Bài 8: Giảng từ mới, giải thích chú thích; đọc bài; làm bài tập	??? ?? ??? (2003), ??????, ?????? ???
9	5	Thảo luận, giải đáp thắc mắc bài cũ Bài 8: Tiếp tục đọc và làm bài tập <i>Giải đáp thắc mắc, ôn tập</i>	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc   TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương   ThS. Cao Thị Quỳnh Hoa

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
------------------------	---------------------------

Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)
----------------	------------------------------

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV  
KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Giao tiếp sơ cấp**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): .....

- Mã môn học: NVT012

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/> x			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> x	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/> x	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

## 2. Số tín chỉ: 1

3. Trình độ : dành cho sinh viên năm thứ 1

4. Phân bố thời gian: 30 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 8 tiết

- Thực hành: 10 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 12 tiết

## 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học chỉ dành cho sinh viên năm nhất, học kỳ II.

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Học xong giáo trình ?????(??) 15 ? + (??) 15 ? + (??) 5 ? : 1-5

## 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Nội dung môn học chủ yếu cung cấp cho sinh viên đủ từ vựng, cấu trúc câu, khả năng nghe hiểu để giao tiếp cơ bản thành công. Đồng thời thực hành để rèn luyện vận dụng kiến thức môn học vào các tình huống giao tiếp cơ bản hằng ngày. Thông qua môn học sinh viên nắm được cách thức và phương pháp khi tiến hành giao tiếp trong những tình huống khác nhau.

## 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp, ứng xử, các tình huống giao tiếp cơ bản trong cuộc sống ... .

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

- Trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình, hình thành các kỹ năng giao tiếp một cách thuần thục.

- Áp dụng : thực hiện được những hội thoại đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.

- Đạt được kỹ năng : Nghe được câu, đoạn hội thoại và đoạn văn ngắn. Đọc hiểu các đoạn đàm thoại đơn giản. Sử dụng thuần thục những từ ngữ, mẫu câu để giao tiếp cơ bản trong cuộc sống hàng ngày.

## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên

1	- Sau khi học xong học phần này sinh viên có thể giải thích và mô phỏng theo những mẫu câu đơn giản. Sử dụng từ ngữ giao tiếp đúng tình huống.	- GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp, tiến hành giao tiếp theo chủ đề.	- Kỹ năng thực hành trên lớp - Đối thoại với GV trên lớp - Kiểm tra giữa kỳ, kết thúc môn
---	--	--	---

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	- Áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng thành thạo tiếng Hán cơ bản để giao tiếp thông thường.	GV giảng giải từ mới và các kiến thức có liên quan trong bài.  SV đọc, dịch bài khóa, mô phỏng theo nội dung bài học để thực hành giao tiếp, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.	- Dự lớp: tối thiểu 80% các buổi học sinh viên mới được phép dự thi - Kỹ năng trình bày trong thực hành trên lớp - Tương tác giữa giáo viên và SV trên lớp - Kiểm tra giữa kỳ, kết thúc môn	PLO1 Nhận được những mẫu câu, quy tắc giao tiếp cơ bản.	PLO2 Sử dụng các mẫu câu giao tiếp đúng tình huống.	PLO3 -Thái độ học tập tích cực, tự giác. -Tự tin, năng động trong giao tiếp.

## 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính:

????????, ???, ??, ????????????, 2003 ??.

- Tài liệu tham khảo:

[1].??????-????, ???, ??????????, 2006 ??.

[2].????-??? ??? (? ??) ?, ???, ??????????, 2008 ??.

[3].????(???): ?????(?), ???, ??????????, 2013 ??.

[4]. ?????(???): ?????(?), ???, ??????????, 2012 ??.

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Giữa kỳ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Tham gia thảo luận theo nhóm</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>10 %</li> <li>10 %</li> <li>10 %</li> <li>70 %</li> <li><b>100 %</b></li> </ul>	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Tham gia thảo luận theo nhóm</li> <li>- Kiểm tra cuối kỳ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>10 %</li> <li>20 %</li> <li>70 %</li> <li><b>100%</b></li> </ul>	Điểm cuối kỳ	70%
				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>

### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá : 5 - 6 điểm : trung bình

7 - 8 điểm : khá

9 - 10 điểm : giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: vấn đáp.

Nội dung thi: Bốc thăm chủ đề thi, chuẩn bị trong vòng 5 phút. Sau đó lần lượt hai sinh viên sẽ trình bày chủ đề của nhóm. Sau khi đàm thoại từng sinh viên sẽ giải thích từ ngữ, đặt câu với từ

cho sẵn. Sinh viên không được phép đổi chủ đề khác.

Thời lượng : Đàm thoại trong 5 phút, sau đó giải thích từ ngữ và đặt câu.

Tiêu chí chấm điểm:

- I. Nội dung hội thoại: 6 điểm
- II. Ngữ điệu: 1 điểm
- III. Phát âm: 1 điểm
- IV. Giải thích từ ngữ: 1 điểm
- V. Đặt câu: 1 điểm

## 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp
- Tuyệt đối không được vắng mặt trong các buổi thảo luận của nhóm
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp
- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành

### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Không thay đổi chủ đề giáo viên đã phân công

### 11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

## 12. Nội dung chi tiết môn học: : tổng cộng học 6 buổi, 5 tiết / buổi

### Bài 3: ????????(trang 14)

Nắm vững ý nghĩa và đặt câu với các từ, cụm từ: ??, ??.....??/?, ??/???

Sử dụng thành thạo các mẫu câu biểu đạt ý:

1. Nhờ người khác giới thiệu sự việc, tình hình nào đó cho mình.

???.....?

???.....??

???????.....???

.....??/?/??/?.....?

1. Giới thiệu cho người khác việc về điều gì đó.

.....?.....?????

.....?.....???

.....????.....

....., ???.....????

### Bài 4: ??????????(trang 21)

Nắm vững ý nghĩa và đặt câu với các từ, cụm từ: ???.....?, ?.....?, ?  
Sử dụng thành thạo các mẫu câu biểu đạt ý:

1. Hỏi thăm về ý kiến, thái độ của người nào đó.

?????????.....?

??.....????

2. Hỏi về thông tin nào đó

??, ???/????/??.....?

??????.....?

### Bài 5: ????(trang 28)

Nắm vững ý nghĩa và đặt câu với các từ, cụm từ: ?, .....??, ???  
Sử dụng thành thạo các mẫu câu biểu đạt ý:

1. Mời người khác làm gì đó/ nhận lời mời của ai đó.

?????????....., ??????

22 ??????????....., ??????, ?/?????

????.....?

??????, ??????

?, ??????

????, ?????, ????

????, ??????????

2. Hẹn người nào đó

?????????????....., ???

??/?????????....., ??????

???.....??, ??????

?, ??????

??, ??????????

?????????

### Bài 10: ????(trang 63)

Nắm vững ý nghĩa và đặt câu với các từ, cụm từ: ?, ???, ??????, ??????, ?.....?  
Sử dụng thành thạo các mẫu câu biểu đạt ý:

1. Đồng ý với ý kiến của đối phương.

??

??

??

???

???

????

?????

????  
?????  
????

2. Không đồng ý lắm với ý kiến của đối phương

A ? A, ??.....?  
??????, ??.....?  
??????????

3. Phản đối ý kiến của đối phương

??  
???  
??????  
?????  
??????  
??????

**Bài 12: ???????? (trang 79)**

Nắm vững ý nghĩa và đặt câu với các từ, cụm từ: ?....?, ?, ??

Sử dụng thành thạo các mẫu câu biểu đạt ý:

1. Biểu thị sự yêu thích đối với người hoặc vật nào đó.

??(??, ??, ?, ?) ??.....  
??  
.....???(???, ???, ?????, ??????)  
??(?, ??, ??, ??, ??, ??, ?, ???, ???)

2. Biểu thị sự chán ghét đối với người hoặc vật nào đó.

????.....?  
??.....?  
??.....?  
????.....?  
??.....?  
.....??????

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
-------------	------------------	------------------	---	-----------------------------------



1	5	<p><b>Bài 3:</b> Giới thiệu về đặc điểm văn hóa ẩm thực của Trung Quốc. Sự phát triển của thức ăn nhanh, ảnh hưởng và giá trị dinh dưỡng của nó đối với thanh niên Trung Quốc.</p>	<p>- GV giải thích từ mới, các từ ngữ thường dùng. Hướng dẫn SV tập đặt câu. Cho SV nghe băng và trả lời các câu hỏi trong bài khóa.</p> <p>- SV đọc và dịch bài khóa. làm bài tập trong SGK.</p> <p>- SV chia nhóm hai, ba hoặc bốn người hội thoại theo nội dung của bài.</p> <p>SV dựa vào nội dung bài học đồng thời kết hợp với liên hệ thực tế để hội thoại về chủ đề ẩm thực Việt Nam.</p> <p>- Bài tập về nhà: GV cho SV đề tài nói về nhà chuẩn bị.</p>	<p>????????, ???, ??, ????? ??????, 2003 ??</p>
2	?5	<p><b>Bài 3</b> (tiếp tục)</p> <p><b>Bài 4:</b> Giới thiệu về nghề nghiệp lý tưởng, quan điểm xin việc làm của thanh niên Trung Quốc hiện nay. Cách thức hỏi thăm đường....</p>	<p>- Sửa bài tập về nhà : GV cho SV tiến hành hội thoại theo các chủ đề trong bài 1.</p> <p>- GV giải thích từ mới, các từ ngữ thường dùng. Hướng dẫn SV tập đặt câu. Cho SV nghe băng và trả lời các câu hỏi trong bài khóa.</p> <p>SV đọc bài khóa, chia nhóm hội thoại theo nội dung của bài.</p> <p>SV dựa vào nội dung bài học đồng thời kết hợp với liên hệ thực tế để hội thoại theo nhóm.</p> <p>Bài tập về nhà: Bài tập trong SGK. GV cho SV đề tài nói về nhà chuẩn bị.</p>	<p>????????, ???, ??, ????? ??????, 2003 ??</p>

3	5	<p><b>Bài 4:</b> (tiếp tục)</p> <p><b>Bài 9:</b> Giới thiệu về các mẫu câu biểu thị ý cảm ơn ....</p>	<p>- <i>Sửa bài tập về nhà: GV cho SV tiến hành hội thoại theo các chủ đề</i></p> <p>- GV giải thích từ mới, các từ ngữ thường dùng. Hướng dẫn SV tập đặt câu. Cho sinh viên nghe băng và trả lời các câu hỏi trong bài khóa. SV đọc bài khóa, chia nhóm hội thoại theo nội dung của bài.</p> <p>- Bài tập về nhà: Bài tập trong SGK. GV cho SV đề tài nói về nhà chuẩn bị.</p>	<p>????????, ???, ??, ????? ??????, 2003 ??</p>
4	5	<p><b>Bài 9:</b> (tiếp tục)</p> <p><b>Bài 10:</b> Hướng dẫn sinh viên cách trả giá khi đi mua sắm</p>	<p>- <i>Sửa bài tập về nhà: GV cho SV tiến hành hội thoại theo các chủ đề</i></p> <p>- GV giải thích từ mới, các từ ngữ thường dùng. Hướng dẫn sinh viên tập đặt câu. Cho sinh viên nghe băng và trả lời các câu hỏi trong bài khóa.</p> <p>- SV đọc bài khóa.</p> <p>- Bài tập về nhà: Bài tập trong SGK. GV cho SV đề tài nói về nhà chuẩn bị.</p>	<p>????????, ???, ??, ????? ??????, 2003 ??</p>

5	5	<p><b>Bài 10:</b> (tiếp tục)</p> <p><b>Bài 12:</b> Nói về sở thích và động vật yêu thích.</p>	<p>- Sửa bài tập về nhà: GV cho SV tiến hành hội thoại theo các chủ đề</p> <p>- GV giải thích từ mới, các từ ngữ thường dùng. Hướng dẫn sinh viên tập đặt câu. Cho sinh viên nghe băng và trả lời các câu hỏi trong bài khóa.</p> <p>- SV đọc bài khóa. làm bài tập trong SGK.</p> <p>- SV chia nhóm hai, ba hoặc bốn người hội thoại theo nội dung của bài.</p> <p>SV dựa vào nội dung bài học đồng thời kết hợp với liên hệ thực tế để hội thoại theo đề tài.</p> <p>- Bài tập về nhà: Bài tập trong SGK. GV cho SV đề tài nói về nhà chuẩn bị.</p>	<p>????????, ???, ??, ????? ??????, 2003 ??</p>
6	5	<b>Bài 12</b> (tiếp tục)	<p>- Sửa bài tập về nhà: GV cho SV tiến hành hội thoại theo các chủ đề</p> <p>- Ôn tập</p>	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2016

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**Người biên soạn**

**PGS.TS NGUYỄN ĐÌNH PHÚC TS. NGUYỄN VŨ QUỲNH PHƯƠNG ThS. TRẦN TUYẾT NHUNG**



## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Giáo học pháp**

tên tiếng Trung : ?????

- Mã môn học:NVT013

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

2. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

3. Trình độ dành cho sinh viên cuối năm thứ ba và năm thứ tư

4. Phân bố thời gian: 45 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 5 tiết

- Thực hành: 5 tiết

- Thảo luận/Thuyết giảng cá nhân: 35 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: không có

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: trình độ nghe nói đọc viết tiếng Trung Quốc đạt mức khá giỏi.

### 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Môn học hướng dẫn những phương pháp giảng dạy cho từng kỹ năng cơ bản khi học tiếng Trung Quốc.

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cung cấp cho người học những kỹ năng và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

*Áp dụng* được các phương pháp giảng dạy các kỹ năng thực hành tiếng

*Đạt được kỹ năng* xử lý tình huống trong lúc giảng dạy

*Có thái độ* đúng mực và khả năng linh hoạt trong hoạt động giảng dạy kỹ năng tiếng

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	<p><i>Áp dụng</i> được các phương pháp giảng dạy các kỹ năng thực hành tiếng</p> <p><i>Đạt được kỹ năng</i> xử lý tình huống trong lúc giảng dạy</p> <p><i>Có thái độ</i> đúng mực và khả năng linh hoạt trong hoạt động giảng dạy kỹ năng tiếng</p>	<p><i>GV thuyết trình về các vấn đề cần chú ý trong giảng dạy của từng kỹ năng thực hành tiếng.</i></p> <p><i>Thảo luận nhóm về những tình huống phát sinh trong quá trình giảng dạy</i></p> <p><i>SV tiến hành giảng dạy độc lập mỗi người khoảng 20-30 phút về một kỹ năng tự chọn trước lớp</i></p>	<p><i>Kỹ năng trình bày</i></p> <p><i>Ý kiến hỏi đáp</i></p> <p><i>Khả năng truyền đạt</i></p> <p><i>Hướng xử lý tình huống tại lớp/ trong quá trình giảng dạy</i></p>

## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

	<p>Áp dụng được các phương pháp giảng dạy các kỹ năng thực hành tiếng</p> <p>Đạt được kỹ năng xử lý tình huống trong lúc giảng dạy</p> <p>Có thái độ đúng mực và khả năng linh hoạt trong hoạt động giảng dạy kỹ năng tiếng</p>	<p>GV thuyết trình</p> <p>Thảo luận nhóm</p> <p>SV thuyết trình</p>	<p>Kỹ năng trình bày</p> <p>Ý kiến hỏi đáp</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ</p>	<p>PLO1</p> <p>-</p> <p>Áp dụng được các phương pháp giảng dạy các kỹ năng thực hành tiếng</p>	<p>PLO2</p> <p>-</p> <p>Đạt được kỹ năng xử lý tình huống trong lúc giảng dạy</p>	<p>PLO3</p> <p>-</p> <p>Có thái độ đúng mực và khả năng linh hoạt trong hoạt động giảng dạy kỹ năng tiếng</p>
--	---	---	--	--	---	---

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính:

??????????????, ?????????????, 1997 ??

- Tài liệu tham khảo/bổ sung :

- ???????????????, ?????????????, 1998 ??
- ???????????????, ?????????????, 1999 ??
- ??????????—?????, ??????, 2013 ??
- ??????????—?????, ??????, 2013 ??

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Sau mỗi buổi học/ thao giảng độc lập	<p>- Chuyên cần</p> <p>- Tham gia ý kiến thảo luận tình huống</p> <p>- Kỹ năng soạn giáo án</p>	<p>5%</p> <p>25%</p> <p>70 %</p> <p>100%</p>	Điểm giữa kỳ	30%

VD: Cuối kỳ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia góp ý cho phần thao giảng tại lớp của mọi người</li> <li>- Thao giảng độc lập</li> </ul>	<p>30 %</p> <p>70%</p> <p>100%</p>	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá (GV tự xây dựng):

+ 5 - 6 điểm: Trung Bình. SV chỉ có những kiến thức giáo học pháp và kỹ năng sư phạm ở mức cơ bản.

+ 7 – 8 điểm: Khá. SV có những kiến thức giáo học pháp và kỹ năng sư phạm ở mức độ khá.

+ 9 – 10 điểm: Giỏi. SV nắm vững được những kiến thức của giáo học pháp và có kỹ năng sư phạm tương đối tốt.

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng)

+ Hình thức, nội dung: Thi thuyết giảng 1 môn học do SV tự chọn.

+ Thời lượng: Mỗi SV thuyết giảng không quá 30 phút.

+ Tiêu chí chấm điểm: Bài giảng chuẩn bị kỹ, công phu; Phong cách giảng dạy sinh động, lôi cuốn; Kiến thức truyền đạt phù hợp, thiết thực, hữu ích...

- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)

## 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định

- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp mới được tham gia giảng dạy tại lớp cuối kỳ

- Chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp

### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ

- Nộp giáo án ngay sau khi thao giảng, không được nộp trễ.

## 12. Nội dung chi tiết môn học: viết chi tiết tên chương, tiết, mục; chẳng hạn:

+ Phần 1: Giới thiệu khái quát những nguyên tắc giảng dạy trên lớp; Đặc điểm của những nguyên tắc giảng dạy tiếng Trung Quốc như một ngoại ngữ; Lựa chọn và sử dụng những phương pháp giảng dạy hợp lý.

+ Phần 2: Những phương pháp giảng dạy ngữ âm

+ Phần 3: Những phương pháp giảng dạy từ vựng

+ Phần 4: Những phương pháp giảng dạy ngữ pháp



- + Phần 5: Những phương pháp giảng dạy chữ Hán
- + Phần 6: Những phương pháp giảng dạy môn nghe
- + Phần 7: Những phương pháp giảng dạy khẩu ngữ
- + Phần 8: Những phương pháp giảng dạy đọc hiểu
- + Phần 9: Những phương pháp giảng dạy viết văn

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	Tìm hiểu đặc điểm những nguyên tắc giảng dạy tiếng Trung Quốc. Đặc điểm và nguyên tắc giảng dạy Ngữ âm; Từ vựng; Ngữ pháp; chữ Hán	GV giảng về những đặc điểm và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc nói chung và các môn kỹ năng nói riêng. SV trả lời và cùng thảo luận những câu hỏi tình huống	??????????????
2	5	Đặc điểm và nguyên tắc giảng dạy môn Nghe; Khẩu ngữ; Đọc hiểu; Viết văn	GV giảng về những đặc điểm và phương pháp giảng dạy các môn kỹ năng(tiếp). SV trả lời và cùng thảo luận những câu hỏi tình huống	??????????????
3	5	SV lần lượt tiến hành thao giảng theo thứ tự và nội dung đã chuẩn bị trước	SV tham gia giờ học, đặt câu hỏi cho người thao giảng, đóng góp ý kiến xung quanh nội dung thao giảng sau khi thời gian thao giảng của từng người kết thúc. GV đánh giá chung	- nt -
4	5	SV lần lượt tiến hành thao giảng theo thứ tự và nội dung đã chuẩn bị trước	SV tham gia giờ học, đặt câu hỏi cho người thao giảng, đóng góp ý kiến xung quanh nội dung thao giảng sau khi thời gian thao giảng của từng người kết thúc. GV đánh giá chung	-nt-

5	5	SV lần lượt tiến hành thao giảng theo thứ tự và nội dung đã chuẩn bị trước	SV tham gia giờ học, đặt câu hỏi cho người thao giảng, đóng góp ý kiến xung quanh nội dung thao giảng sau khi thời gian thao giảng của từng người kết thúc. GV đánh giá chung	-nt-
6	5	SV lần lượt tiến hành thao giảng theo thứ tự và nội dung đã chuẩn bị trước	SV tham gia giờ học, đặt câu hỏi cho người thao giảng, đóng góp ý kiến xung quanh nội dung thao giảng sau khi thời gian thao giảng của từng người kết thúc. GV đánh giá chung	-nt-
7	5	SV lần lượt tiến hành thao giảng theo thứ tự và nội dung đã chuẩn bị trước	SV tham gia giờ học, đặt câu hỏi cho người thao giảng, đóng góp ý kiến xung quanh nội dung thao giảng sau khi thời gian thao giảng của từng người kết thúc. GV đánh giá chung	-nt-
8	5	SV lần lượt tiến hành thao giảng theo thứ tự và nội dung đã chuẩn bị trước	SV tham gia giờ học, đặt câu hỏi cho người thao giảng, đóng góp ý kiến xung quanh nội dung thao giảng sau khi thời gian thao giảng của từng người kết thúc. GV đánh giá chung	-nt-
9	5	SV lần lượt tiến hành thao giảng theo thứ tự và nội dung đã chuẩn bị trước. GV tổng kết lại toàn bộ môn học và đánh giá tổng thể.	SV tham gia giờ học, đặt câu hỏi cho người thao giảng, đóng góp ý kiến xung quanh nội dung thao giảng sau khi thời gian thao giảng của từng người kết thúc. GV đánh giá chung	-nt-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

**PGS.TS Nguyễn Đình Phúc   TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương   ThS. Bùi Thị Hạnh Quyên**

**Giảng viên phụ trách môn học**

Họ và tên: Bùi Thị Hạnh Quyên	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, quận 1, TP Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ:
Email: hanhquyen@yahoo.com	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	qua email hoặc gặp trực tiếp trong giờ học/ tại khoa
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	
Thời gian học:	Học kỳ 1; 2

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV  
KHOA/BỘ MÔN NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

## 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **HÁN TỰ 1**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): Chinese Character 1/ ??(I)

- Mã môn học: NVT014

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

## 2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: dành cho sinh viên năm thứ 1

4. Phân bố thời gian: 30 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 10 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 05 tiết

## 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Học được 01 Học kỳ tiếng Hán tổng hợp, hoàn thành các chương trình Sơ cấp 1, biết khoảng 150 – 200 chữ Hán.

## 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chữ Hán, để người học có một cái nhìn khái quát về loại chữ hình tượng này. Nội dung chủ yếu bao gồm: Nguồn gốc hình thành chữ Hán, tại sao chữ Hán không đi theo con đường latin hoá; Kết cấu chữ Hán; Chữ Hán được tạo ra bằng cách nào; cung cấp kiến thức bộ thủ, quy tắc bút thuận, giúp người học dễ nắm, dễ nhớ, dễ viết chữ; cung cấp một số văn hoá qua chữ Hán, từ đó phân biệt những từ có hình dạng gần nhau, hay nhầm lẫn...

## 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về chữ Hán: Nguồn gốc hình thành; cách tạo chữ; cấu tạo chữ; quy tắc viết chữ; bộ thủ.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:
  - + Biết được nguồn gốc hình thành chữ Hán.
  - + Hiểu được kết cấu, cấu tạo chữ Hán.
  - + Phân tích được chữ Hán tạo ra bằng cách nào, viết theo quy tắc nào.
  - + Áp dụng những kiến thức đã học vào các môn tiếng Hán tổng hợp, đọc hiểu...

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	VD: <i>Mô tả/trình bày được....</i>	<i>GV thuyết trình Thảo luận nhóm SV thuyết trình .....</i>	<i>Kỹ năng trình bày Ý kiến hỏi đáp Kiểm tra giữa kỳ</i>

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành
- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
1	-SV có khả năng áp dụng được các lý thuyết của môn học để ứng dụng và hỗ trợ trong việc học tiếng Hán, cụ thể là các môn đọc hiểu, dịch...	GV thuyết trình, sau đó sinh viên làm bài tập, thảo luận nhóm Rồi lên thuyết trình	-Kiểm tra Giữa kỳ. -Bài tập thảo luận.	PLO1 SV có khả năng áp dụng được các lý thuyết của môn học để ứng dụng và hỗ trợ trong việc học tiếng Hán, cụ thể là các môn đọc hiểu, dịch...	PLO2 SV có kỹ năng thuyết trình, trình bày(bằng tiếng Việt) những kiến thức xoay quanh vấn đề môn học Hán tự 1 này	PLO3 - Tinh thần hợp tác làm việc nhóm. - Tham gia tích cực vào giờ giảng.

--	--	--	--	--	--	--

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính:

(1) Hàn Giám Đường, Đỗ Thuý Thuý dịch, TS. Trương Gia Quyển hiệu đính (2012), *Chữ Hán Trung Quốc*, NXB Tổng hợp, TPHCM.

(2)????????, ?????, 2014

- Tài liệu tham khảo/bổ sung : Liễu Yến Mai(2008),TS. Nguyễn Thị Minh Hồng dịch, *Học viết chữ Hán cấp tốc*, NXB Tổng hợp, TPHCM

- Trang Web/CDs tham khảo: DVD ????????, ??????????

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Giữa kỳ	- Bài tập - Kiểm tra giữa kỳ, thuyết trình	30 % 70% 100%	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	- Thi cuối kỳ	100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá:

+ Từ 5 đến 6 điểm: Trung bình. SV chỉ đạt ở mức độ biết và hiểu những kiến thức cơ bản về chữ Hán.

+ Từ 7 đến 8 điểm: Khá: SV biết phân tích cấu tạo, kết cấu chữ Hán và có thể áp dụng những kiến thức cơ bản về chữ Hán vào các môn học khác để nâng cao trình độ tiếng Hán.

+ Từ 9 đến 10 điểm: Tốt: SV biết đánh giá, tổng hợp các kiến thức được học ở môn này.

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

+ Hình thức Giữa kỳ: Thuyết trình (bằng tiếng Việt): Cho biết kết cấu, cấu tạo, cách đọc, bộ thủ, số nét, bút thuận, ý nghĩa... của một số chữ Hán. (Mỗi nhóm 10 - 20 chữ Hán, mỗi nhóm không quá 15 phút.)

+ Hình thức Cuối kỳ: Thi trắc nghiệm các kiến thức về Hán tự (Không được sử dụng tài liệu,

trắc nghiệm 50 câu, thời gian làm bài tối đa 45 phút)

## 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp.
- Tuyệt đối không được đi trễ.
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp.
- Hoàn tất các bài tập được giao.

### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Nộp bài tập trễ hoặc không nộp sẽ bị trừ điểm vào điểm Giữa kỳ. Trừ 01 điểm cho 01 lần vi phạm.

## 12. Nội dung chi tiết môn học:

### CHƯƠNG I: NGUỒN GỐC, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỮ HÁN ??????? ?????

#### I - SỰ XUẤT HIỆN CỦA CHỮ VIẾT

#### II- KHỞI NGUỒN CỦA CHỮ HÁN

1. Truyền thuyết viễn cổ
2. Chữ viết bắt nguồn từ hình vẽ

#### III- DIỄN BIẾN HÌNH THỂ CỦA CHỮ HÁN

1. Chữ viết cổ giống như hình vẽ
2. Chữ viết ngày nay không giống như hình vẽ
3. Xu thế chủ yếu của sự phát triển chữ Hán

### CHƯƠNG II: CÁCH TẠO CHỮ - CẤU TẠO CHỮ - BÚT THUẬN ???????????

#### I- CẤU TẠO CỦA CHỮ HÁN

Cấu tạo chữ ???

- a. Nét bút
- b. Bút thuận
- c. Bộ kiện
- d. Bộ thủ và ý nghĩa các bộ thủ thường gặp ???????????

#### II - CÁCH TẠO CHỮ ???

- a. Thuyết cấu tạo “Lục thư” thời cổ đại
- b. Kết cấu hình thể của chữ Hán hiện đại

### CHƯƠNG III: BÍ ẨN CỦA CHỮ HÁN

- I- Nguyên nhân hình thành chữ viết hình khối vuông của chữ Hán
- II- Nhìn thấu chữ Hán

### CHƯƠNG IV: VĂN HÓA TRUNG HOA TRONG CHỮ HÁN ???????

- I- Đời sống xã hội thời viễn cổ
- II- Tái hiện cảnh quan văn minh cổ đại bằng chữ Hán
  - 1. Chữ Hán và phong tục ?????
  - 2. Chữ Hán và cuộc sống, đi lại, nhà ở của người xưa ?????
  - 3. Chữ Hán và họ tên, cách xưng hô ????????
  - 4. Chữ Hán và tư tưởng, quan niệm của người Trung Quốc thời xưa ????????????

### CHƯƠNG IV: NGHỆ THUẬT CHỮ HÁN

- I. Nghệ thuật thư pháp chữ Hán
- II. Chữ mỹ thuật chữ Hán
- III. Nghệ thuật con dấu chữ Hán

### PHỤ LỤC: ??

- 1. Niên biểu các thời đại trong lịch sử Trung Quốc ????????
- 2. Bảng 214 bộ thủ ???
- 3. Bảng chữ Hán thường dùng ????

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)



1+2	10	<p><b>CHƯƠNG I: NGUỒN GỐC, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỮ HÁN ????????????</b></p> <p>I - SỰ XUẤT HIỆN CỦA CHỮ VIẾT</p> <p>II- KHỞI NGUỒN CỦA CHỮ HÁN</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Truyền thuyết viễn cổ</li> <li>2. Chữ viết bắt nguồn từ hình vẽ</li> </ol> <p>III- DIỄN BIẾN HÌNH THỂ CỦA CHỮ HÁN</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chữ viết cổ giống như hình vẽ</li> <li>2. Chữ viết ngày nay không giống như hình vẽ</li> <li>3. Xu thế chủ yếu của sự phát triển chữ Hán</li> </ol>	<p>- SV đọc từ trang 07 đến trang 48 trong giáo trình.</p> <p>- SV thuyết trình</p> <p>- SV thảo luận và trả lời câu hỏi của GV</p> <p>- SV thảo luận trong nhóm</p> <p>- GV thuyết trình, giảng bài, bổ sung và tổng kết, góp ý...</p>	<p>- Hàn Giám Đường, Đỗ Thuý Thuý dịch, TS. Trương Gia Quyền hiệu đính (2012), <i>Chữ Hán Trung Quốc</i>, NXB Tổng hợp, TPHCM.</p> <p>- Liễu Yển Mai(2008), TS. Nguyễn Thị Minh Hồng dịch, <i>Học viết chữ Hán cấp tốc</i>, NXB Tổng hợp, TPHCM</p>
-----	----	---	---	---

3 + 4	10	<p><b>CHƯƠNG II: CÁCH TẠO CHỮ - CẤU TẠO CHỮ - BÚT THUẬN ??????????</b></p> <p><b>I- CẤU TẠO CỦA CHỮ HÁN</b></p> <p>Cấu tạo chữ ???</p> <p>a. Nét bút</p> <p>b. Bút thuận</p> <p>c. Bộ kiện</p> <p>d. Bộ thủ và ý nghĩa các bộ thủ thường gặp ???????</p> <p>???</p> <p><b>II - CÁCH TẠO CHỮ ???</b></p> <p>a. Thuyết cấu tạo “Lục thư” thời cổ đại</p> <p>b. Kết cấu hình thể của chữ Hán hiện đại</p>	<p>- SV đọc từ trang 53 đến trang 75 trong giáo trình.</p> <p>- SV thuyết trình</p> <p>- SV thảo luận và trả lời câu hỏi của GV</p> <p>- SV thảo luận trong nhóm</p> <p>- GV thuyết trình, giảng bài, bổ sung và tổng kết, góp ý...</p> <p>- GV bố trí bài tập, SV làm bài tập</p>	-nt-
-------	----	--	--	------

5	5	<p><b>CHƯƠNG III: BÍ ẨN CỦA CHỮ HÁN</b></p> <p>I- Nguyên nhân hình thành chữ viết hình khối vuông của chữ Hán</p> <p>II- Nhìn thấu chữ Hán</p> <p><b>CHƯƠNG IV: VĂN HÓA TRUNG HOA TRONG CHỮ HÁN ????????</b></p> <p>I- Đời sống xã hội thời viễn cổ</p> <p>II- Tái hiện cảnh quan văn minh cổ đại bằng chữ Hán</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chữ Hán và phong tục ??? ??</li> <li>2. Chữ Hán và cuộc sống, đi lại, nhà ở của người xưa ? ????</li> <li>3. Chữ Hán và họ tên, cách xưng hô ??????????</li> <li>4. Chữ Hán và tư tưởng, quan niệm của người Trung Quốc thời xưa ?????????? ?</li> </ol>	<p><i>-SV đọc từ trang 80 đến trang 111 trong giáo trình.</i></p> <p><i>- Sửa bài tập</i></p> <p><i>- SV thuyết trình</i></p> <p><i>- SV thảo luận và trả lời câu hỏi của GV</i></p> <p><i>- SV thảo luận trong nhóm</i></p> <p><i>- GV thuyết trình, giảng bài, bổ sung và tổng kết, góp ý...</i></p> <p><i>- GV bố trí bài tập, SV làm bài tập</i></p>	-nt-
---	---	---	--	------

6	5	<b>CHƯƠNG IV: NGHỆ THUẬT CHỮ HÁN</b> I. Nghệ thuật thư pháp chữ Hán II. Chữ mỹ thuật chữ Hán III. Nghệ thuật con dấu chữ Hán  <b>KIỂM TRA GIỮA KỲ</b>	-SV đọc từ trang 141 đến trang 153 trong giáo trình. - SV lên mạng tìm đọc hoặc đọc sách liên quan đến Chữ Hán tại Việt Nam. - Sửa bài tập - SV thuyết trình - SV thảo luận và trả lời câu hỏi của GV - SV thảo luận trong nhóm - GV thuyết trình, giảng bài, bổ sung và tổng kết, góp ý... - SV thi Giữa kỳ	-nt-
---	---	--	---	------

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2016

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Đình Phúc

PGS.TS. Nguyễn Đình Phúc

TS. Trương Gia Quyên

**\* Ghi chú tổng quát:**

Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

Họ và tên: <b>TRƯƠNG GIA QUYÊN</b>	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: B014, K.Ngữ văn TQ, ĐHKHXH&NV TPHCM, 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, TPHCM.	Điện thoại liên hệ: 01212983485

Email: giaquyen@hcmussh.edu.vn	Trang web:
--------------------------------	------------

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	E-mail: giaquyen@hcmussh.edu.vn
-------------------------------	---------------------------------

Nơi tiến hành môn học:	CS Thủ Đức, phòng học có máy chiếu.
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV  
KHOA/BỘ MÔN NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

## 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học: **HÁN TỰ 2**

tên tiếng Việt: HÁN TỰ 2

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): Chinese Character 2/ ??( II)

- Mã môn học: NVT015

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Môn học thuộc khối kiến thức: Cơ sở ngành tự chọn

## 2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ : dành cho sinh viên năm thứ 2

4. Phân bố thời gian: 30 tiết

- Lý thuyết: 20 tiết

- Thực hành: 10 tiết

## 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: học được hai học kỳ tiếng Hán tổng hợp, biết khoảng 500 – 700 chữ Hán.

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: đã hoàn tất môn học Hán Tự 1

## 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Môn học này tiếp nối môn Hán tự 1, tiếp tục cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chữ Hán, tập trung chủ yếu vào 05 khía cạnh sau:

- Nguyên lý diễn biến hình thể của chữ Hán

- Chữ Hán giản thể và cuộc cải cách văn tự ở Trung Quốc

- Chữ Hán trong Hán tự giản hóa phương án và Giản hóa tự tổng biểu

- Phương pháp giản hóa chữ Hán

- Nguyên tắc đối ứng giữa chữ giản thể và phồn thể

- Bài tập ứng dụng, thuyết trình

## 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng/lý thuyết và thực hành về việc sử dụng nhuần nhuyễn hai hệ thống chữ viết giản thể và phồn thể trong chữ Hán.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

*Mô tả/trình bày được nguyên lý diễn biến hình thể của chữ Hán*

*Phân tích giản hóa chữ Hán*

*Áp dụng đọc hiểu chữ Hán*

Đạt được kỹ năng thuyết trình, thảo luận và làm việc theo nhóm

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	<i>Mô tả/trình bày được nguyên tắc chuyển đổi giữa hai hệ thống phần thể và giản thể trong chữ Hán</i>	<i>GV thuyết trình Bài tập ở nhà Thảo luận nhóm SV thuyết trình .....</i>	<i>Kỹ năng trình bày Ý kiến hỏi đáp Kiểm tra giữa kỳ Kiểm tra cuối kỳ</i>

Có thái độ tích cực trong việc tìm hiểu và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành
- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

	<p>VD: Mô tả/trình bày được các lý thuyết của môn học để ứng dụng vào việc nhận biết và mô tả được nguyên tắc chuyển đổi giữa hai hệ thống phần mềm trong chữ Hán</p>	<p>GV thuyết trình          Bài tập ở nhà          Thảo luận nhóm          SV thuyết trình</p>	<p>Kỹ năng trình bày          Ý kiến hỏi đáp          Kiểm tra giữa kỳ          Kiểm tra cuối kỳ</p>	<p>PLO1          Sinh viên có áp dụng và phân biệt được nguyên tắc đối ứng giữa phần thể và phần mềm, đồng thời có thể ứng dụng và hỗ trợ trong việc học các môn khác thuộc chương trình đào tạo.</p>	<p>PLO2          Sinh viên có khả năng thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm xoay quanh vấn đề của môn Hán tự 2</p>	<p>PLO3          - Tinh thần hợp tác làm việc nhóm.          - Tham gia tích cực vào giờ giảng          - chủ động, nghiên cứu môn học</p>
--	---	--	--	---	--	--

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính

1. Nguyễn Đình Phúc, Trương Gia Quyền, Lê Quang Trường, *Bài giảng môn Hán tự văn tự học* (sẽ xuất bản thành giáo trình chuyên ngữ vào năm 2014).

- Tài liệu tham khảo/bổ sung:

1.????, ????????, ?????????? 2005 ???



2. Hàn Giám Đường, Đỗ Thuý Thuý dịch, TS. Trương Gia Quyền hiệu đính (2012), *Chữ Hán Trung Quốc*, Nxb. Tổng hợp, TP. HCM.

- Trang Web/CDs tham khảo

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Giữa kỳ	VD: - Chuyên cần - Bài tập - Kiểm tra giữa kỳ	10 % 10% 80 % 100%	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	- Thi cuối kỳ/Tiểu luận	100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

#### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá:

+ Từ 5 đến 6 điểm: Trung bình.

+ Từ 7 đến 8 điểm: Khá.

+ Từ 9 đến 10 điểm: Giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm

+ Hình thức thi giữa kỳ: Thuyết trình theo nhóm (mỗi nhóm 1 – 2 vấn đề được giáo viên yêu cầu ở buổi học đầu tiên, các nhóm sẽ chuẩn bị, đến buổi thuyết trình mỗi nhóm trình bày không quá 15 phút. Sau đó các nhóm khác sẽ góp ý và chất vấn. Điểm của nhóm sẽ tùy thuộc vào quá trình làm việc của từng thành viên, thông qua việc các thành viên trong nhóm tự chấm điểm nhau, mức độ chuyên cần và thực tế học tập trên lớp của từng cá nhân.)

+ Hình thức thi cuối kỳ: Thi trắc nghiệm các kiến thức về chữ Hán phần thể và giản thể (Không được sử dụng tài liệu, trắc nghiệm 50 câu, thời gian làm bài tối đa 45 phút).

### 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

#### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định

- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp.

- Tuyệt đối không được đi trễ.

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp.
- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành ...
- Hoàn tất các bài tập được giao.

### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Nộp tiểu luận trễ trong vòng 1 tuần sẽ bị trừ điểm vào điểm giữa kỳ. Trừ 01 điểm cho 01 lần v phạm.

### 11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

- .....

### 12. Nội dung chi tiết môn học:

- Bài 1: Nguyên lý diễn biến hình thể của chữ Hán
- Bài 2: Chữ Hán giản thể và cuộc cải cách văn tự ở Trung Quốc
- Bài 3: Chữ Hán trong Hán tự giản hóa phương án và Giản hóa tự tổng biểu
- Bài 4:
  - Phương pháp giản hóa chữ Hán
  - Nguyên tắc đối ứng giữa chữ giản thể và phồn thể
- Bài 5,6: Thuyết trình theo nhóm và bài tập ứng dụng

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	Bài 1: Nguyên lý diễn biến hình thể của chữ Hán	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV đọc tập bài giảng từ trang 01 đến trang 17. Đọc thêm các nội dung liên quan trong các sách khác.</li> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV thảo luận và trả lời câu hỏi của GV</li> </ul>	1. Nguyễn Đình Phúc, Trương Gia Quyền, Lê Quang Trường, Bài giảng môn Hán tự văn tự học . 1.????, ????????, ?????? ???? 2005 ??? 2. Hàn Giám Đường, Đỗ Thuý Thuý dịch, TS. Trương Gia Quyền hiệu đính (2012), Chữ Hán Trung Quốc, Nxb. Tổng hợp, TP. HCM.

2	5	Bài 2: Chữ Hán giản thể và cuộc cải cách văn tự ở Trung Quốc	- SV đọc tập bài giảng từ trang 18 đến trang 37. Đọc thêm các nội dung liên quan trong các sách khác. - GV thuyết trình - SV thảo luận và trả lời câu hỏi của GV	-nt-
3	5	Bài 3: Chữ Hán trong Hán tự giản hóa phương án và Giản hóa tự tổng biểu	- SV đọc tập bài giảng từ trang 38 đến trang 57. Đọc thêm các nội dung liên quan trong các sách khác. - GV thuyết trình - SV thảo luận và trả lời câu hỏi của GV	-nt-
4	5	Bài 4: - Phương pháp giản hóa chữ Hán - Nguyên tắc đối ứng giữa chữ giản thể và phồn thể	- SV đọc tập bài giảng từ trang 58 đến trang 73. Đọc thêm các nội dung liên quan trong các sách khác. - GV thuyết trình - SV thảo luận và trả lời câu hỏi của GV	-nt-
5	10	Thuyết trình theo nhóm	- SV đọc các nội dung liên quan trong các sách để giải quyết vấn đề của nhóm. - SV thuyết trình - SV thảo luận và trả lời câu hỏi của các nhóm khác - GV nhận xét và đưa ra cách giải quyết vấn đề	-nt-

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

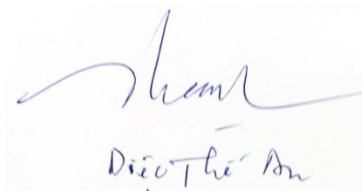
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2016

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc



Diệc Thế An

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học** (có thể dùng bảng hoặc không)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên: Diệc Thế An	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ: 0937220587
Email: 962483676@qq.com	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Khái lược lịch sử Trung Quốc**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): ??????

- Mã môn học: NVT016

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

- Môn học thuộc khối kiến thức:

### 2. Số tín chỉ: 3TC

3. Trình độ dành cho sinh viên năm thứ 3 hoặc năm thứ 4

4. Phân bố thời gian: 45 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 35 tiết

- Thực hành: 5 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 5 tiết

- Các hoạt động khác: (bài tập, trò chơi, đố vui, diễn kịch, xem phim, ...): 0 tiết

- Tự học: 90 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: sinh viên phải có vốn từ nhất định, có khả năng nghe-nói-đọc-hiểu tiếng môn Hán ngữ hiện đại

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Nắm vững một số từ ngữ đủ để có thể nghe giảng và trình bày một vấn đề lịch sử.

### 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Giới thiệu khái quát lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc Trung Hoa và nước Trung Quốc theo chiều dài lịch sử và thành tựu văn hóa của nước đó qua các thời kỳ.

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu:

Nhằm cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về lịch sử và văn hóa của Trung Quốc, thông qua đó có thể nhận xét, đánh giá, so sánh các sự kiện lịch sử trong quá khứ và hiện tại để có cái nhìn

khách quan và đúng đắn.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học:

Người học có thể nắm được khái quát dòng chảy của lịch sử trong mấy nghìn năm của Trung quốc, có thể rút ra những kinh nghiệm và bài học cho mình hoặc đất nước mình.

Vì học bằng ngoại ngữ nên có thể tăng thêm vốn từ vựng mà trong bài hán ngữ chưa có, có thể học cách ghi chép và nhớ từ, vận dụng từ ngữ để nghe, nói, đọc một vấn đề lịch sử.

Có thể rèn luyện kỹ năng tổng hợp và phân tích một vấn đề khoa học lịch sử

Ví dụ: Mô tả/trình bày được: một sự kiện lịch sử

*Phân tích được*: Nguyên nhân, tính chất, kết quả của sự kiện đó

*Đạt được kỹ năng*: Tổng hợp, phân tích

*Có thái độ*: Nghiêm túc, trung thực với sự thật lịch sử

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	<b>Phần 1: Lịch sử Trung Quốc thời Cổ đại</b> - Thông qua bài học sinh viên có thể hiểu biết và nắm vững nguồn gốc dân tộc Trung Hoa và lịch sử văn minh thời kỳ này (vd: di chỉ văn hóa Ban Pha, văn hóa người thiêu, văn hóa Long Sơn...) - hiểu và nắm vững các đặc điểm kinh tế, chính trị, kinh tế, văn hóa thời kỳ Thương – Hạ - Tây Chu	+GV thuyết trình, phân tích, chỉ rõ con đường phát triển của người cổ ở Trung Quốc từ thời kì đồ đá cũ đến thời kì đồ đá mới(xã hội nguyên thủy) → sự tan rã của xã hội nguyên thủy → sự hình thành các triều Thương – Hạ - Tây Chu + SV Thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi hoặc thuyết trình	+ Kỹ năng trình bày + Ý kiến hỏi đáp + thông qua câu trả lời của sinh viên có thể đánh giá được năng lực phân tích và khả năng tiếp thu vấn đề của sinh viên

2	<p><b>Phần 2:Lịch sử Trung Quốc thời trungđại</b>          Thông qua bài học sinh viên có thể hiểu biết và nắm vững các đặc điểm kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, nghệ thuật của các thời kỳ sau:          - Xuân Thu-Chiến Quốc: sự sụp đổ của xã hội nô lệ và quá độ lên xã hội phong kiến.          - Tần - Hán: sự hình thành và ra đời của xã hội phong kiến.          - Tam Quốc - Lưỡng Tấn - Nam Bắc Triều: thời kì phát triển của xã hội phong kiến          - Tùy – Đường – Ngũ Đại thập quốc – Tống Nguyên :thời kỳ cường thịnh của xã hội phong kiến          - Minh – Thanh: thời kỳ suy tàn của xã hội phong kiến</p>	<p>+GV thuyết trình, phân tích, nói rõ sự hình thành, phát triển đến sự suy tàn diệt vong của các triều đại phong kiến Trung Quốc          + SV phân nhóm thảo luận, trả lời câu hỏi từng câu hỏi do giảng viên đặt ra hoặc thuyết trình 1 đề tài do giảng viên phân công</p>	<p>+ Ý kiến hỏi đáp          +Kỹ năng thuyết trình          +thông qua phương thức làm việc theo nhóm có thể đánh giá tin thần hợp tác,sự phối hợp nhịp nhàng của các thành viên trong nhóm thuyết trình.          + Kiểm tra giữa kỳ theo hình thức trắc nghiệm</p>
3	<p><b>Phần 3:Lịch sử cận đại Trung Quốc</b>          - Sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản và lý giải đúng những vấn đề then chốt giai đoạn lịch sử cận đại Trung Quốc1840 – 1919          - Sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản và lý giải đúng những vấn đề then chốt giai đoạn lịch sử hiện đại Trung Quốc1919 – 1940</p>	<p>+GV thuyết trình, phân tích, nguyên nhân Trung Quốc đầu TK19 suy yếu và bị xâm lược.Đồng thời giải thích sự thất bại và ý nghĩa lịch sử của các cuộc kháng chiến chống thực đế quốc xâm lược và các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Trung Quốc trong giai đoạn này          + SV Thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi hoặc thuyết trình</p>	<p>+ Kỹ năng trình bày          + Ý kiến hỏi đáp          + căn cứ vào câu trả lời của sinh viên có thể đánh giá được khả năng biểu đạt và năng lực phân tích vấn đề của sinh viên</p>
4	<p><b>Phần 4:Lịch sử hiện đại Trung Quốc</b>          Sinh viên phải có nhận thức đầy đủ và đúng đắn về lịch sử Trung Quốc giai đoạn từ năm 1949 đến nay</p>	<p>+GV thuyết trình, phân tích, tình hình nước CHND Trung Quốc từ lúc thành lập cho đến nay          + SV Thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi hoặc thuyết trình</p>	<p>+ Ý kiến hỏi đáp          + Kiểm tra cuối kỳ theo hình thức trắc nghiệm</p>

## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)			
					Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	VD: Mô tả/trình bày được ....	GV thuyết trình Thảo luận nhóm SV thuyết trình .....	Kỹ năng trình bày. Ý kiến hỏi đáp Kiểm tra giữa kỳ		PLO1	PLO2	PLO3

## 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính

Võ Mai Bạch Tuyết “ Lịch sử Trung quốc” bản 1996, 1999, 2005 Trường ĐHKHXH&NV

Nguyễn Gia Phú , Nguyễn Huy Quý “ Lịch sử Trung quốc” NXB Giáo dục năm 2001.

Nguyễn Huy Quý “ 50 năm nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa” NXB Chính trị Quốc gia năm 2000

Luận văn thạc sĩ của Nguyễn Trung Nghĩa “ Chiến lược khai phát miền Tây của Trung quốc” năm 2008

Một số sách tham khảo khác đã đưa lên trang web của thư viện trường , HS có thể tra cứu.

- Tài liệu tham khảo/bổ sung

VD: Đào Duy Anh (1994), *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb Thuận Hoá, Huế.



- Trang Web/CDs tham khảo

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Giữa kỳ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần</li> <li>- Thái độ tinh thần học tập</li> <li>- Bài tập</li> <li>- Tham gia thảo luận theo nhóm</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>10%</li> <li>5%</li> <li>5%</li> <li>5%</li> <li>5%</li> <li>70%</li> <li>100%</li> </ul>	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần</li> <li>- Thái độ tinh thần học tập</li> <li>- Bài tập</li> <li>- Tham gia thảo luận theo nhóm</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Thi cuối kỳ/Tiểu luận</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>10%</li> <li>5%</li> <li>5%</li> <li>5%</li> <li>5%</li> <li>70%</li> <li>100%</li> </ul>	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá (GV tự xây dựng)
- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng)
- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)

### 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

#### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp
- Tuyệt đối không được làm việc riêng trong lớp
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp

#### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Sinh viên vi phạm quy định (nghỉ học, đi muộn không có lí do chính đáng; không chuẩn bị bài,

...)tuỳ theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.

- Phải tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp

- Sinh viên thiếu một trong các điểm thành phần sẽ không có điểm cho toàn môn học.

- Thi giữa kỳ bằng hình thức trắc nghiệm, thi cuối kỳ bằng hình thức thuyết trình theo nhóm có đề tài chuẩn bị trước, có sử dụng máy chiếu của trường.

### **11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

- Sinh viên có thể liên lạc và gặp giảng viên tại văn phòng Khoa Ngữ Văn Trung Quốc B014

## **12. Nội dung chi tiết môn học: viết chi tiết tên chương, tiết, mục; chẳng hạn:**

### **Chương I: Lịch sử Cổ đại.**

#### **1.1 Sự hình thành của dân tộc Trung hoa**

1.1.1 Người vương Bắc kinh và một số người cổ đại khác

1.1.2 Đời sống xã hội của người Cổ đại ( Xã hội nguyên thủy)

#### **1.2 Nhà nước chiếm hữu nô lệ- Nhà Thương**

1.2.1 Truyền thuyết về nhà Hạ.

1.2.2 Sự hưng khởi của bộ tộc Thương

1.2.3 Nhà nước chiếm hữu nô lệ.

1.2.4 Văn hóa thời thương.

#### **1.3 Nhà Chu**

#### **1.4 Thời Chiến quốc**

#### **1.5 Văn hóa tiên Tần.**

### **Chương II: Lịch sử Trung đại (221 tcn- 1840)**

#### **2.1 Thời Tần Hán – Thời kỳ đất nước thống nhất.( 221 tcn- 220)**

2.1.1 Nhà Tần

2.1.2 Nhà Hán

#### **2.2 Thời kỳ đất nước bị chia cắt. ( 220- 581)**

2.2.1 Thời Tam quốc

2.2.2 Thời Lưỡng Tấn

2.2.3 Thời Nam Bắc triều

#### **2.3 Thời kỳ nhà nước phong kiến tái thống nhất và phát triển- Thời Tùy Đường ( 581-907)**

2.3.1 Nhà Tùy

2.3.2 Nhà Đường.

#### **2.4 Thời kỳ mâu thuẫn mở rộng ( 907- 1368 ) Ngũ đại thập quốc, Lưỡng Tống , Liêu, Kim , Nguyên**

2.4.1 Thời ngũ đại thập quốc

2.4.2 Thời Lương Tống , mâu thuẫn Tống , Liêu , Kim , Tây Hạ .

2.4.3 Thời nguyên ...

2.4.4 Văn hóa

## **2.5 Chế độ phong kiến phục hưng và bắt đầu suy vong. Thời Minh Thanh**

2.5.1 Nhà Minh

2.5.2 Nhà Thanh.

2.5.3 Văn hóa thời Minh Thanh

### **Chương III: Lịch sử cận đại ( 1840-1919)**

#### **3.1 . Sự xâm lược của các nước tư bản đối với trung quốc. Và sự hình thành của xã hội nửa thuộc địa nửa phong kiến**

3.1.1 Chiến tranh Thuộc phiên lần thứ nhất và hiệp ước Nam kinh.

3.1.2 Chiến tranh thuộc phiên lần thứ hai và hiệp ước Thiên tân , hiệp ước Bắc kinh

3.1.3 Chiến tranh Trung Pháp và hiệp ước Thiên tân

3.1.4 Chiến tranh Trung Nhật và hiệp ước Shimonoseki

3.1.5 Sự phân chia phạm vi thế lực và chính sách mở cửa của Mỹ

3.1.6 Chiến tranh Canh tý và hiệp ước Tân sửu.

#### **3.2 Phản ứng của các tầng lớp xã hội**

3.2.1 Thái bình Thiên quốc.

3.2.2 Phong trào Dương vụ

3.2.3 Phong trào duy tân và biến pháp Mậu Tuất.

3.2.4 Phong trào cách mạng dân chủ và Cách mạng Tân hội.

### **Chương IV. Lịch sử hiện đại ( 1919-1949)**

4.1.Phong trào Ngũ Tứ và sự thành lập của Đảng Cộng sản Trung quốc.

4.2 Quốc Dân đảng của Tôn Trung sơn và Quốc Cộng hợp tác lần thứ nhất.

4.3 Chiến tranh bắc phạt , phong trào cách mạng năm 1927 và sự hình thành hai lực lượng đối lập trong nước.

4.4 Chiến tranh chống Nhật và sự hợp tác Quốc Cộng lần thứ hai.

4.5 Chiến tranh giải phóng và sự thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa.

## **Chương V . Lịch sử nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa. ( 1949- nay)**

### **5.1 Thời kỳ xây dựng CNXH theo mô hình truyền thống. (1949-1978)**

5.1.1 Giai đoạn 1949-1952 : hoàn thành cách mạng dân chủ và khôi phục kinh tế.

5.1.2 Giai đoạn 1953-1957 Cải tạo XHCN và Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất xây dựng XHCN

5.1.3 Giai đoạn 1958-1960 kế hoạch 5 năm lần thứ hai. Đại nhảy vọt.

5.1.4 Giai đoạn 1960-1965 Điều chỉnh. Đại hội 11 của ĐCS TQ quyết định thực hiện bốn hiện đ

5.1.5 Giai đoạn 1966-1976 Đại cách mạng văn hóa

5.1.6 giai đoạn 1977-1978 Chuyển tiếp. Đại hội 11 của ĐCS TQ quyết định thực hiện bốn hiện đại hóa Trung quốc.

### **5.2 Thời kỳ cải cách mở cửa (1979-nay )**

5.2.1 Giai đoạn 1979-1984 , chuẩn bị lý luận , cải cách trong nông nghiệp , Đại hội 12 của ĐCS xác định cơ chế , cải cách ở thành thị.

5.2.2 Giai đoạn 1985-1986 Thử nghiệm một số cải cách mới

5.2.3 Giai đoạn 1987-1992 Đại hội 13 của ĐCS , bắt đầu xây dựng CNXH mang màu sắc Trung quốc, giải quyết các mâu thuẫn trong ngoài nước.

5.2.4 Giai đoạn từ năm 1992 nay . Đại hội 14 ĐCS TQ xác định cơ chế kinh tế thị trường XHCN , các địa hội 15,16, 17 ,18 tiếp tục hoàn thiện và thực hiện cơ chế thị trường và thực hiện sự nghiệp hiện đại hóa TQ , thực hiện chiến lược đại khai phát miền Tây để đến năm 2049 sẽ đưa TQ lên hàng các nước phát triển bậc trung trên thế giới , thực hiện toàn diện xã hội tiểu khang.

## **13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể**

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	<b>Chương I: Lịch sử Cổ đại</b> 1.1 Sự hình thành của dân tộc Trung hoa 1.2 Nhà nước chiếm hữu nô lệ- Nhà Thương 1.3 Nhà Chu 1.4 Thời Chiến quốc	- GV thuyết trình, phân tích bài giảng (có sử dụng ppt) - SV đọc tài liệu chính hoặc 1 số tài liệu tham khảo - SV thảo luận theo nhóm thuyết trình theo nhóm	Đọc sách Lịch sử Trung quốc của Võ Mai Bạch Tuyết và Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Huy Quý. Phần cổ đại
2	5	1.5 Văn hóa tiên Tần. <b>Chương II: Lịch sử Trung đại (221 tcn- 1840)</b> 2.1 Thời Tần Hán – Thời kỳ đất nước thống nhất. ( 221 tcn- 220)	- GV thuyết trình, phân tích bài giảng (có sử dụng ppt) - SV thảo luận theo nhóm thuyết trình theo nhóm	Đọc tiếp phần cổ đại và đọc phần Trung đại.
3	5	2.2 Thời kỳ đất nước bị chia cắt. ( 220- 581) 2.3 Thời kỳ nhà nước phong kiến tái thống nhất và phát triển - Thời Tùy Đường ( 581-907)	- SV đọc tài liệu chính hoặc 1 số tài liệu tham khảo - GV thuyết trình, phân tích bài giảng và đặt câu hỏi cho SV trả lời	Đọc tiếp phần Trung đại.
4	5	2.4 Thời kỳ mâu thuẫn mở rộng ( 907- 1368 ) Ngũ đại thập quốc, Lưỡng Tống, Liêu, Kim, Nguyên 2.5 Chế độ phong kiến phục hưng và bắt đầu suy vong. Thời Minh Thanh	- SV xem trước và chuẩn bị bài ở nhà - SV thảo luận theo nhóm thuyết trình theo nhóm - GV thuyết trình, phân tích bài giảng và đặt câu hỏi cho SV trả lời	Đọc tiếp phần Trung đại.
5	5	<b>Chương III: Lịch sử cận đại ( 1840-1919)</b> 3.1 . Sự xâm lược của các nước tư bản đối với trung quốc. Và sự hình thành của xã hội nửa thuộc địa nửa phong kiến	- SV đọc tài liệu chính hoặc 1 số tài liệu tham khảo - GV thuyết trình, phân tích bài giảng và đặt câu hỏi cho SV trả lời	Đọc phần cận đại.

6	5	<p>3.2 Phản ứng của các tầng lớp xã hội</p> <p><b>Chương IV. Lịch sử hiện đại (1919-1949)</b></p> <p>4.1.Phong trào Ngũ Tứ và sự thành lập của Đảng Cộng sản Trung quốc.</p>	<p>- GV thuyết trình,phân tích bài giảng(có sử dụng ppt)</p> <p>- SV thảo luận theo nhóm thuyết trình theo nhóm</p>	<p>Đọc phần cận đại. và hiện đại</p>
7	5	<p>4.2 Quốc Dân đảng của Tôn Trung sơn và Quốc Cộng hợp tác lần thứ nhất.</p> <p>4.3 Chiến tranh bắc phạt , phong trào cách mạng năm 1927 và sự hình thành hai lực lượng đối lập trong nước.</p> <p>4.4 Chiến tranh chống Nhật và sự hợp tác Quốc Cộng lần thứ hai.</p> <p>4.5 Chiến tranh giải phóng và sự thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa.</p>	<p>- SV xem trước và chuẩn bị bài ở nhà</p> <p>- SV đọc tài liệu chính hoặc 1 số tài liệu tham khảo</p> <p>- GV thuyết trình,phân tích bài giảng và đặt câu hỏi cho SV trả lời</p>	<p>Đọc phần cận đại. và hiện đại</p>
8	5	<p><b>Chương V . Lịch sử nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa. (1949- nay)</b></p> <p>5.1 Thời kỳ xây dựng CNXH theo mô hình truyền thống. (1949-1978)</p>	<p>- GV thuyết trình,phân tích bài giảng(có sử dụng ppt)</p> <p>- SV xem trước và chuẩn bị bài ở nhà</p> <p>- SV đọc tài liệu chính hoặc 1 số tài liệu tham khảo</p> <p>- SV thảo luận theo nhóm thuyết trình theo nhóm</p>	<p>Đọc phần hiện đại. Đọc “ năm mươi năm nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa” TG Nguyễn Huy Quý NXB Chính trị Quốc gia năm 2000</p>
9	5	<p>5.2 Thời kỳ cải cách mở cửa (1979-nay )</p>	<p>- SV xem trước và chuẩn bị bài ở nhà</p> <p>- SV thảo luận theo nhóm thuyết trình theo nhóm</p> <p>- GV thuyết trình,phân tích bài giảng và đặt câu hỏi cho SV trả lời</p>	<p>Đọc tiếp sách thầy Quý,Đọc luận văn Thạc sĩ cũ Nguyễn Trung Nghĩa ( ở thư viện)</p>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 6 năm 2016.

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc    TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương    Võ Mai Bạch Tuyết

**\* Ghi chú tổng quát:**

Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):

**Giảng viên phụ trách môn học** (có thể dùng bảng hoặc không)

Họ và tên: Võ Mai Bạch Tuyết	Học hàm, học vị: GVC
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ: 0983123873
Email: vomaibachtuyet@gmail.com	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

Tên tiếng Việt: **Khẩu ngữ cao cấp 1**

Tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): ?????(?)

- Mã môn học: NVT017

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ (dành cho sinh viên năm thứ 3)

4. Phân bố thời gian: 45 tiết (*1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành*)

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 15 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết

- Các hoạt động khác: (*bài tập, trò chơi, đố vui, diễn kịch, xem phim, ...*): 5 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Người học đã hoàn thành học phần khẩu ngữ trung cấp.



## 6. Mô tả văn tắt nội dung môn học:

- Thuyết trình, thảo luận theo các chủ đề nhằm nâng cao kỹ năng khẩu ngữ.

## 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: bồi dưỡng và nâng cao năng lực giao tiếp cho sinh viên năm 3 ngành ngữ văn Trung Quốc.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: sinh viên có thể giao tiếp trôi chảy lưu loát trong những trường hợp khác nhau, với những đối tượng khác nhau.

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	Giao tiếp trôi chảy lưu loát với vốn từ vựng trên 3000 từ.	<ul style="list-style-type: none"><li>- GV thuyết trình</li><li>- Thảo luận nhóm</li><li>- SV thuyết trình.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Kỹ năng khẩu ngữ</li><li>- Thuyết trình trong các buổi học</li></ul>

## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)			
					Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	Có kỹ năng giao tiếp trôi chảy. Nắm vững được, thực hành được và vận dụng được vốn từ vựng trên 3000 từ.	<ul style="list-style-type: none"><li>- GV thuyết trình</li><li>- Thảo luận nhóm</li><li>- SV thuyết trình.</li></ul>	<i>Kỹ năng trình bày</i> <i>Ý kiến hỏi đáp</i> <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>	<i>Có kiến thức về giao tiếp</i>	<i>Có kỹ năng giao tiếp trôi chảy</i>	<i>Có thái độ tích cực</i>	

## 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính

???(2006), ??????????.????????, ??.

??(2003), ??????, ??????????, ??.

- Tài liệu tham khảo :

1.???(1997), ??????, ?????????????, ??.

2. ???(2003), ??????(??), ?????????????, ??.

3. ???(2003), ??????(??), ?????????????,??.

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Hàng ngày	- Chuyên cần	5 %	Điểm giữa kỳ	30%
Giữa kỳ	- Thuyết trình	5 %		
	- Bài tập	5 %		
	- Kiểm tra giữa kỳ	85%		
Cuối kỳ	- Thi cuối kỳ	100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

#### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

Mức điểm và xếp loại.

Dưới 5 điểm: Chưa đạt yêu cầu.

Đạt từ 5 - 6 điểm: Trung bình

Đạt 6,5 - 7,5 điểm: Khá

Đạt 8 -10. Giỏi

### 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

#### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp.
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp.
- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành.
- Hoàn thành các bài tập, bài thảo luận.

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.

### **11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

- Qua mail hoặc điện thoại ngoài giờ lên lớp.

## **12. Nội dung chi tiết môn học:**

??? ?????(???????)

1. ?????
2. ?????
3. ?????
4. ??(?????)

??? ?????(???????)

1. ??: ????????
2. ??: ????????????????
3. ???: ?????

??? ?????(???????)

1. ??: ???“??”???
2. ??: ????????????????
3. ???????(?????)

??? ??: ?????(???????)

1. ??: ????????

2. ?? : ??????????????????

3. ????(??????)

**??? ???????(????????)**

1. ?? : ??, ????????????

2. ?? : ??????????????????

3. ?‘??’(??????)

**??? ?????(????????)**

1. ?? : ????????

2. ?? : ??????????????????

3. ?????, ??????(??????)

**??? “??”???(??????)**

1. ?? : “??”???

2. ?? : ??????????????????

**??? ?????(??????)**

1. ?? : ??????

2. ?? : ??????????????????

**??? ?????: ???????????(??????)**

1. ?? : ?????: ????????????

2. ?? : ??????????????????

<b>Buổi / Tuần</b>	<b>Số tiết trên lớp</b>	<b>Nội dung bài học</b>	<b>Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV</b>	<b>Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)</b>
1	5	Giới thiệu khái quát môn học, tài liệu tham khảo ?? ???????	- GV thuyết trình - Thảo luận, làm bài tập	????????? ?????? ??????

2	5	???	- SV thuyết trình - GV thuyết trình - Thảo luận, làm bài tập - Xem đoạn phim ngắn	?????????
		?????????		???????
		?????????		???????
3	5	???	- SV thuyết trình theo nhóm - GV thuyết trình - Thảo luận, làm bài tập - SV chơi trò chơi	?????????
		?????????		???????
		?????????		???????
4	5	???	- SV thuyết trình - GV thuyết trình - Thảo luận, làm bài tập - Xem đoạn phim ngắn	?????????
		?: ??????		???????
		?????????		???????
5	5	???	- SV thuyết trình - GV thuyết trình - Thảo luận, làm bài tập - SV chơi trò chơi	?????????
		?????????		???????
		?????????		???????
6	5	???	- SV thuyết trình - GV thuyết trình - Thảo luận, làm bài tập - Xem đoạn phim ngắn	?????????
		?????		???????
		?????????		???????
7	5	???	- SV thuyết trình - GV thuyết trình - Thảo luận, làm bài tập - SV chơi trò chơi	?????????
		“??”???		???????
		?????????		???????
8	5	???	- SV thuyết trình - GV thuyết trình - Thảo luận, làm bài tập - Xem đoạn phim ngắn	?????????
		?????		???????
		?????????		???????

9	5	???	- SV thuyết trình	?????????
		????: ????????????	- GV thuyết trình	???????
			- Thảo luận, làm bài tập	???????
			- Ôn tập	

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 07 năm 2016.*

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

**PGS.TS. NGUYỄN ĐÌNH PHÚC TS. NGUYỄN VŨ QUỲNH PHƯƠNG TS. Tống Thị Quỳnh Hoa**

**Giảng viên phụ trách môn học: Tống Thị Quỳnh Hoa**

Học hàm, học vị: tiến sĩ

Điện thoại liên hệ: 0938180106

Email: [quynhhoatong@hcmussh.edu.vn](mailto:quynhhoatong@hcmussh.edu.vn)

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV**  
**KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Khẩu ngữ cao cấp 2**

tên tiếng Trung: ?????? 2

- Mã môn học: NVT018

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

**2. Số tín chỉ:** 2 tín chỉ

**3. Trình độ** dành cho sinh viên năm thứ tư

**4. Phân bố thời gian:** 45 tiết

- Lý thuyết: 5 tiết

- Thực hành: 30 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 5 tiết

- Tự học: tại nhà 5 tiết

## 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Khẩu ngữ cao cấp 1
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: kỹ năng nghe và nói tiếng Trung Quốc đạt trình độ khá giỏi trở lên.

## 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Các bài khóa với chủ đề phong phú, gần gũi với thực tế, đưa ra nhiều luồng ý kiến khác nhau đan xen để người học có thể tiến hành thảo luận xung quanh các vấn đề nổi bật của xã hội ngày nay.

## 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Thông qua những vấn đề nổi bật của xã hội ngày nay, cung cấp cho người học khả năng hiểu, diễn đạt, thuyết trình và thảo luận về những đề tài khác nhau.
- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể sử dụng tiếng Trung Quốc trình bày lưu loát vấn đề mình muốn biểu đạt, có khả năng phân tích, suy luận về một số vấn đề xã hội và nêu ý kiến của mình về vấn đề đó bằng tiếng Trung Quốc.

## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể sử dụng tiếng Trung Quốc trình bày lưu loát vấn đề mình muốn biểu đạt, có khả năng phân tích, suy luận về một số vấn đề xã hội và nêu ý kiến của mình về vấn đề đó bằng tiếng Trung Quốc.	<i>GV và SV cùng đọc, phân tích và thảo luận về những vấn đề đang được xã hội quan tâm. GV đặt ra một số câu hỏi xoay quanh vấn đề, SV trả lời.</i>	<i>Kỹ năng trình bày, diễn đạt vấn đề bằng tiếng Trung Quốc Ý kiến hỏi đáp Thuyết trình cá nhân trước lớp Vấn đáp cuối kỳ</i>

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành
- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ



	SV có thể sử dụng tiếng Trung Quốc trình bày lưu loát vấn đề mình muốn biểu đạt,	GV thuyết trình Thảo luận nhóm SV thuyết trình	Kỹ năng trình bày Ý kiến hỏi đáp Kiểm tra giữa kỳ	PLO1 có thể sử dụng tiếng Trung Quốc trình bày lưu loát vấn đề mình muốn biểu đạt,	PLO2 có khả năng phân tích, suy luận về một số vấn đề xã hội và nêu ý kiến của mình về vấn đề đó bằng tiếng Trung Quốc.	PLO3 Có thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, có nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của môn học.

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu chính:

????—?????????, ??????????, 2011 ?

- Tài liệu tham khảo/bổ sung :

- ????????—???????, 2004 ??
- ?????????, ?????????, ??????????????, 2000 ??
- ?????, ?????????, 1998 ??
- ????????—?????, ??????????????, 1994 ??
- ??????????????, ?????????, 1999 ??
- ??????—????(I?II), ??????????, 2012 ?
- ?????—????(??), ??????????, 2010 ??

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Giữa kỳ	Thuyết trình (sinh viên thuyết trình độc lập)	100%	Điểm giữa kỳ	30%

Cuối kỳ	- Chuyên cần, chuẩn bị bài trước	10 %	Điểm cuối kỳ	70%
	- Tham gia thuyết trình, thảo luận, đặt câu hỏi, góp ý	30 %		
	- Thi vấn đáp cuối kỳ	60%		
				<b>100% (10/10)</b>

### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

#### - Xếp loại đánh giá

+ Từ 5 đến 6 điểm: Trung Bình. SV chỉ có thể sử dụng tiếng Hoa để biểu đạt ở mức cơ bản, đủ để giao tiếp.

+ Từ 6.5 đến 8 điểm: Khá. SV có thể sử dụng tiếng Hoa để biểu đạt một vấn đề ở mức độ tương đối.

+ Từ 8.5 đến 10 điểm: Giỏi. SV có thể sử dụng tiếng Hoa để biểu đạt một vấn đề ở mức độ lưu loát.

#### - Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: vấn đáp :

Nội dung thi: Trình bày chủ đề được chuẩn bị trước, nội dung trình bày phải có chính kiến riêng của mình, giảng viên có thể sẽ đặt câu hỏi, thảo luận với sinh viên, sinh viên phải trả lời được câu hỏi hoặc phản biện được ý kiến của giảng viên..

Thời lượng : Sinh viên trình bày đề tài nói trong vòng 5-7 phút, sau đó trả lời các câu hỏi của giáo viên

Tiêu chí chấm điểm:

#### **A. ĐIỂM TRÊN LỚP: 4 điểm**

I. Chuyên cần, chuẩn bị bài trước: 1 điểm

II. Tham gia thuyết trình và thảo luận: 3 điểm

#### **B. VẤN ĐÁP CUỐI KỲ: 6 điểm**

VI. Nội dung hội thoại: 3 điểm (bao gồm: nội dung, chính kiến, sự vận dụng từ ngữ và ngữ pháp, câu cú hoàn chỉnh, đủ ý,...)

VII. Trả lời câu hỏi: 1 điểm

VIII. Diễn đạt: 1 điểm

IX. Phát âm: 1 điểm

### 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp mới được tham gia thi cuối kỳ
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước buổi học, tra từ, đọc hiểu bài khoá
- Tham gia thuyết trình, thảo luận, đóng góp ý kiến.

### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Không tham gia phát biểu, thuyết trình, thảo luận, đóng góp ý kiến sẽ không có điểm chuyên cần và điểm tại lớp

## 12. Nội dung chi tiết môn học: viết chi tiết tên chương, tiết, mục; chẳng hạn:

Bài 1: ????????

????: ?????? ??????

Bài 2: ????????

????: ????????????

Bài 3: ??:"?"??

????: ??????????

??????????

??????????

Bài 4: WTO ???

????: WTO ??????????

Bài 5: ???????????????????

????: ??????????

Bài 6: ???????????

????: 21 ?????????—????

????????????

Bài 7: ???????????

????: “???”?????

????????????

Bài 8: “??”????????“??”

????: ??????????

?????????

Bài 9: ??“???”

????: ??“???”

“???”??????

Bài 10: ?“????”?“????”

????: ?????????????

?????????

Bài 11: ????????

????: ????????

?: ??????

Bài 12: ????????????????

????: ????????????

???????????????????

???????????????????

???????????????????

Bài 13: ????????

????: ?????????—????????“?”???

Bài 14: ????????????????????

????: ????????????????????

???????????????????????????

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

\*Ghi chú: GV có thể sẽ thay đổi nội dung bài học cụ thể linh động (có báo trước vào buổi học đầu tiên về kế hoạch của khoá học) trong 14 chủ đề trên tuỳ vào trình độ tiếp thu, diễn đạt của sinh viên hoặc tuỳ vào tình hình thực tế xã hội

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	????????? ????: ?????? ??????	GV và SV cùng đọc, phân tích và thảo luận về vấn đề đang học GV đặt ra một số câu hỏi xoay quanh vấn đề, SV trả lời.	Bài khoá ?????? ?????? và tìm kiếm những tài liệu có liên quan trong sách vở, báo chí, mạng để tham gia thảo luận.
2	5	????????? (tt) ????: ?????? ??????	GV và SV cùng đọc, phân tích và thảo luận về vấn đề đang học GV đặt ra một số câu hỏi xoay quanh vấn đề, SV trả lời.	Bài khoá ?????? ?????? và tìm kiếm những tài liệu có liên quan trong sách vở, báo chí, mạng để tham gia thảo luận.

3	5	<p>?????????</p> <p>????: ????????????</p>	<p><i>GV và SV cùng đọc, phân tích và thảo luận về vấn đề đang học</i></p> <p><i>GV đặt ra một số câu hỏi xoay quanh vấn đề, SV trả lời.</i></p> <p><i>SV lên thuyết trình theo chủ đề đã chọn.</i></p>	<p>Bài khoá</p> <p>????????????</p> <p>và tìm kiếm những tài liệu có liên quan trong sách vở, báo chí, mạng để tham gia thảo luận.</p>
4	5	<p>?: ?“?”??</p> <p>????: ??????????</p> <p>??????????</p> <p>??????????</p>	<p><i>GV và SV cùng đọc, phân tích và thảo luận về vấn đề đang học</i></p> <p><i>GV đặt ra một số câu hỏi xoay quanh vấn đề, SV trả lời.</i></p> <p><i>SV lên thuyết trình theo chủ đề đã chọn.</i></p>	<p>Bài khoá</p> <p>????????????</p> <p>????????????</p> <p>????????????</p> <p>và tìm kiếm những tài liệu có liên quan trong sách vở, báo chí, mạng để tham gia thảo luận.</p>
5	5	<p>????????????????????</p> <p>????: ??????????</p>	<p><i>GV và SV cùng đọc, phân tích và thảo luận về vấn đề đang học</i></p> <p><i>GV đặt ra một số câu hỏi xoay quanh vấn đề, SV trả lời.</i></p> <p><i>SV lên thuyết trình theo chủ đề đã chọn.</i></p>	<p>Bài khoá</p> <p>??????????</p> <p>và tìm kiếm những tài liệu có liên quan trong sách vở, báo chí, mạng để tham gia thảo luận.</p>

6	5	<p>????????????????(??)        ????:        ???????</p>	<p><i>SV chia nhóm để tham gia biện luận với đề tài GV đưa ra. GV đặt ra một số câu hỏi xoay quanh vấn đề, SV trả lời.</i></p>	<p>SV tìm kiếm những tài liệu có liên quan trong sách vở, báo chí, mạng để tham gia biện luận và đưa ra chính kiến của mình.</p>
7	5	<p>??????????        ????: 21 ??????—????        ??????????</p>	<p><i>GV và SV cùng đọc, phân tích và thảo luận về vấn đề đang học GV đặt ra một số câu hỏi xoay quanh vấn đề, SV trả lời. SV lên thuyết trình theo chủ đề đã chọn.</i></p>	<p>Bài khoá        21 ??????—????        ??????????        và tìm kiếm những tài liệu có liên quan trong sách vở, báo chí, mạng để tham gia thảo luận.</p>
8	5	<p>??“???”        ????: ??“???”        “???”?????</p>	<p><i>GV và SV cùng đọc, phân tích và thảo luận về vấn đề đang học GV đặt ra một số câu hỏi xoay quanh vấn đề, SV trả lời. SV lên thuyết trình theo chủ đề đã chọn.</i></p>	<p>Bài khoá        ??“???”        “???”?????        và tìm kiếm những tài liệu có liên quan trong sách vở, báo chí, mạng để tham gia thảo luận.</p>

9	5	?????? ????: ??????? ?: ?????	<i>GV và SV cùng đọc, phân tích và thảo luận về vấn đề đang học</i> <i>GV đặt ra một số câu hỏi xoay quanh vấn đề, SV trả lời.</i> <i>SV lên thuyết trình theo chủ đề đã chọn.</i>	Bài khoá ?????? ?: ????? và tìm kiếm những tài liệu có liên quan trong sách vở, báo chí, mạng để tham gia thảo luận.
---	---	-------------------------------------	--	---

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương ThS. Hàn Hồng Diệp

**Giảng viên phụ trách môn học**

Họ và tên: Hàn Hồng Diệp	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, quận 1, TP Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ:
Email: diephanhong@hcmussh.edu.vn	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	qua email hoặc gặp trực tiếp trong giờ học/ tại khoa
-------------------------------	--

Nơi tiến hành môn học:	Cơ sở 1 Đinh Tiên Hoàng
Thời gian học:	Học kỳ 1; 2

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV**  
**KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học: **Khẩu ngữ sơ cấp 1(D1)**
- Mã môn học: NVT019
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		<input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 2

### 3. Trình độ: dành cho sinh viên năm thứ 1



#### 4. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 20 tiết
- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết

#### 5. Điều kiện tiên quyết: Không

#### 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Nội dung môn học chủ yếu hướng dẫn cho sinh viên mới bắt đầu học tiếng Trung về cách phát âm, hệ thống phiên âm. Cung cấp cho sinh viên từ vựng, cấu trúc câu, rèn luyện khả năng nghe hiểu cho sinh viên ở mức độ sơ cấp.

#### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: *trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Tiếng Hán: chữ Hán, phiên âm, ngữ âm, ngữ điệu. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đàm thoại ở cấp độ cơ bản.*

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

*Nắm vững được các quy tắc về phát âm, vận dụng tốt các câu nói cơ bản trong cuộc sống hàng ngày.*

+ *Áp dụng : sử dụng thuần thục những từ ngữ, mẫu câu và ngữ pháp đơn giản để có thể giao tiếp suôn sẻ.*

+ *Đạt được kỹ năng : phát âm chính xác, nghe hiểu các đoạn hội thoại đơn giản, giao tiếp lưu loát những câu đàm thoại cơ bản trong cuộc sống hàng ngày.*

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
-----	--	--------------------------	------------------------------

<p>- Sau khi học xong học phần này sinh viên có thể nghe, hiểu những mẫu câu đơn giản.</p> <p>- Áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng thành thạo tiếng Hán cơ bản để giao tiếp.</p>	<p>- GV hướng dẫn sinh viên về cách phát âm, hệ thống phiên âm, giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp, thực hành đàm thoại theo nội dung bài khóa.</p>	<p>- Kỹ năng thực hành trên lớp</p> <p>- Đối thoại với GV trên lớp</p> <p>- Kiểm tra giữa kỳ, kết thúc môn</p>
--	--	--

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành
- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

<p>- Áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng thành thạo tiếng Hán cơ bản để giao tiếp thông thường.</p>	<p>GV giảng giải từ mới và các kiến thức có liên quan trong bài.</p> <p>SV đọc, dịch bài khóa, mô phỏng theo nội dung bài học để thực hành giao tiếp, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.</p>	<p>- Dự lớp: tối thiểu 80% các buổi học sinh viên mới được phép dự thi.</p> <p>- Kỹ năng trình bày trong thực hành trên lớp.</p> <p>- Tương tác giữa giáo viên và SV trên lớp.</p> <p>- Kiểm tra giữa kỳ, kết thúc môn.</p>	<p>PLO1</p> <p>Nắm được những mẫu câu giao tiếp cơ bản.</p>	<p>PLO2</p> <p>Sử dụng thành thạo các mẫu câu giao tiếp thông thường.</p>	<p>PLO3</p> <p>- Thái độ học tập tích cực, tự giác.</p> <p>- Tự tin, năng động.</p>
--	---	---	---	---	---

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính:

[1] ??? (2006), ????(???) ( ?)(???) , ??????????, ???

[2] ??? (2006), ????(???) ( ?)(???) , ??????????, ???

[3] ??? (2006), ????(???) ( ?)(???) , ??????????, ???

- Tài liệu tham khảo:

[1] ??? (2006), ??????.???, ????????????

[2] ??? (2012), ????(???): ????( ?) , ????????????

[3] ??? (2013), ????(???): ????( ?) , ????????????

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

<b>Thời điểm đánh giá</b>	<b>Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá</b>	<b>Phần trăm</b>	<b>Loại điểm</b>	<b>% kết quả sau cùng</b>
<i>Giữa kỳ</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Chuyên cần</i></li> <li>- <i>Thuyết trình</i></li> <li>- <i>Tham gia thảo luận theo nhóm</i></li> <li>- <i>Kiểm tra giữa kỳ</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><i>10 %</i></li> <li><i>10 %</i></li> <li><i>10 %</i></li> <li><i>70 %</i></li> <li><b><i>100 %</i></b></li> </ul>	<i>Điểm giữa kỳ</i>	<i>30%</i>
<i>Cuối kỳ</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Chuyên cần</i></li> <li>- <i>Thuyết trình</i></li> <li>- <i>Tham gia thảo luận theo nhóm</i></li> <li>- <i>Kiểm tra cuối kỳ</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><i>10 %</i></li> <li><i>20 %</i></li> <li><i>70 %</i></li> <li><b><i>100%</i></b></li> </ul>	<i>Điểm cuối kỳ</i>	<i>70%</i>
				<b><i>100%</i></b> <b><i>(10/10)</i></b>

**Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

- Xếp loại đánh giá : 5 - < 7 điểm : trung bình

7 - < 9 điểm : khá

9 - 10 điểm : giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: vấn đáp

Nội dung thi: Trình bày chủ đề được chuẩn bị trước, đọc 1 đoạn văn để kiểm tra phát âm, giải thích từ ngữ...

Thời lượng : Sinh viên trình bày đề tài nói trong vòng 5-7 phút, sau đó trả lời các câu hỏi của giáo viên

Tiêu chí chấm điểm:

- X. Nội dung hội thoại: 5 điểm
- XI. Trả lời câu hỏi: 1 điểm
- XII. Giải thích từ ngữ: 1 điểm
- XIII. Đặt câu: 1 điểm
- XIV. Đọc đoạn văn: 2 điểm

## **11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

### **11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp
- Tuyệt đối không được vắng mặt trong các buổi thảo luận của nhóm
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Không thay đổi chủ đề giáo viên đã phân công

## **12. Nội dung chi tiết môn học:**

### **Bài 1: ?? (trang 14)**

1. Bài khóa
2. Từ vựng
3. Ngữ âm: Thanh mẫu: b p m f d t n l g k h  
Vận mẫu: a o e i u ü ai ei ao ou  
Ghép âm  
Thanh điệu
4. Chú thích: Cấu tạo âm tiết chữ Hán  
Cách phát âm  
Quy tắc viết

Thanh điệu

Sự biến đổi thanh điệu

Âm tiết và chữ Hán

5. Bài tập

**Bài 2: ????? (trang 13)**

1. Bài khóa

2. Từ vựng

3. Ngữ âm: Vận mẫu: an en ang eng ong

Ghép âm

4. Chú thích: Cách phát âm

Khinh thanh

Sự biến đổi thanh điệu: nửa thanh 3

5. Bài tập

**Bài 3: ??? (trang 19)**

1. Bài khóa

2. Từ vựng

3. Ngữ âm: Thanh mẫu: j q x

Vận mẫu: i ia ie iao iu(iou) ian in iang ing iong ü üe üan ün

Ghép âm

4. Chú thích: Cách phát âm

Quy tắc viết

Sự biến đổi thanh điệu của chữ “

”

5. Bài tập

**Bài 4: ????? (trang 28)**

1. Bài khóa

2. Từ vựng

3. Ngữ âm: Thanh mẫu: z c s

Vận mẫu: -i er ua uo uai ui(uei) uan un(uen) uang ueng

Ghép âm

4. Chú thích: Cách phát âm

Vận mẫu -i

er và âm uốn lưỡi

Quy tắc viết

Dấu cách âm

5. Bài tập

**Bài 5: ????? (trang 37)**

1. Bài khóa

2. Từ vựng

3. Ngữ âm: Thanh mẫu: zh ch sh

Vận mẫu: -i

Ghép âm

4. Chú thích: Cách phát âm

Vận mẫu -i

5. Bài tập

**Bài 6: ????? (trang 46)**

1. Bài khóa

2. Từ vựng

3. Chú thích: Họ tên của người Trung Quốc

Cách hỏi họ một cách tôn kính

4. Ngữ âm: Từ trọng âm

5. Bài tập

**Bài 7: ????? (trang 56)**

1. Bài khóa

2. Từ vựng

3. Chú thích: Sự biến điệu của chữ “?”

4. Bài tập

**Bài 8: ?????? (trang 63)**

1. Bài khóa

2. Từ vựng

3. Chú thích: Trợ từ ?

“?” và “?”

4. Ngữ âm: Từ trọng âm

5. Bài tập

**Bài 9: ????? (trang 70)**

1. Bài khóa

2. Từ vựng

3. Chú thích: Cách dùng từ ?????

Xin đợi một chút

4. Ngữ âm: Sự biến điệu của ba thanh 3

5. Bài tập

**Bài 10: ????? (trang 76)**

1. Từ vựng

2. Bài khóa

3. Ngữ pháp: trật tự từ trong 1 câu; câu vị ngữ động từ; cách đọc số

4. Bài tập

**Bài 11: ?????? (trang 86)**

1. Từ vựng:

2. Bài khóa

3. Ngữ pháp: câu hỏi với ?; trạng ngữ; phó từ ? và ?

4. Bài tập

**Bài 12: ?????? (trang 98)**



1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: đại từ nghi vấn; trợ từ kết cấu ?; giới từ ? và ?
4. Bài tập

**Bài 13: ?????? (trang 110)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: câu vị ngữ tính từ; câu hỏi chính phủ; cụm từ chữ ?
4. Bài tập

**Bài 14: ?????????? (trang 124)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: câu có vị ngữ là cụm chủ - vị; câu hỏi lựa chọn “.... ??...”; câu hỏi rút gọn “... ??”
4. Bài tập

**Bài 15: ?????????? (trang 137)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: câu chữ ? ; cách đọc số; “?” và “??”
4. Bài tập

**Bài 16: ?????????? (trang 1 )**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: trạng ngữ chỉ thời gian; “??” và “??”
4. Bài tập

**Bài 17: ?????????? (trang 14)**

1. Từ vựng

2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: “?”, “??” và “?”; động từ mang hai tân ngữ
4. Bài tập

**Bài 18: ??????? (trang 28)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: câu liên động
4. Bài tập

**Bài 19: ?????? (trang 40)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: đơn vị tiền tệ Trung Quốc; động từ trùng điệp; ?.....?.....; “???” và “???”
4. Bài tập

**Bài 20: ??????? (trang 54)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: câu vị ngữ danh từ; cách đọc năm, tháng, ngày; ngữ điệu nghi vấn
4. Bài tập

**Bài 21: ?????????? (trang 68)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: cách biểu đạt thời gian
4. Bài tập

**Bài 22: ?????????? (trang 82)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: Câu kiêm ngữ

4. Bài tập

**Bài 23: ??????? (trang 96)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: phương vị từ; cách biểu đạt sự tồn tại; giới từ “?”“?”“?”“?”
4. Bài tập

**Bài 24: ????? (trang 114)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: động từ năng nguyện; hỏi nguyên nhân
4. Bài tập

**Bài 25: ????? (trang 129 )**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: bổ ngữ trạng thái (1)
4. Bài tập

**Bài 26: ????? (trang 144)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: trợ từ ngữ khí ?, “?”và“?”
4. Bài tập

**Bài 27: ????? (trang 160)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: trợ từ động thái ?; “??... ?? ... ”
4. Bài tập

**Bài 28: ??????? (trang 177)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: phó từ ? và ? ; ??..., ? ... ; ?? ... ?? ...
4. Bài tập

**Bài 29: ????? (trang 192)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: bổ ngữ kết quả; bổ ngữ kết quả ????? ; cụm chủ - vị làm định ngữ
4. Bài tập

**Bài 30: ???????? (trang 208)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: bổ ngữ thời lượng; cách biểu đạt số ước lượng; động từ li hợp
4. Bài tập

**Bài 1: ???????? (trang 1)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: câu so sánh ( ? ) , câu cảm thán
4. Bài tập

**Bài 2: ????????????? (trang 22)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: câu so sánh ( ? ... ??/??? ); ?? ... ?? ...
4. Bài tập

**Bài 3: ?????? (trang 38)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa

3. Ngữ pháp: trợ từ ngữ khí ?(2); biểu thị động tác sắp phát sinh; trợ từ kết cấu ?; câu đặc biệt
4. Bài tập

**Bài 4: ???? , ??? (trang 54)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: bổ ngữ xu hướng đơn
4. Bài tập

**Bài 5: ????????? (trang 70)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: trợ từ động thái ?; bổ ngữ động lượng; số thứ tự
4. Bài tập

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)

1	5	<p><b>Bài 1: ??</b></p> <p>1. Ngữ âm: Thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, ghép âm.</p> <p>2. Chú thích: biến đổi thanh điệu.</p> <p>3. Từ vựng</p> <p>4. Bài khóa</p> <p>5. Bài tập</p> <p><b>Bài 2: ?????</b></p> <p>1. Ngữ âm: vận mẫu, ghép âm.</p> <p>2. Chú thích: biến đổi thanh điệu.</p> <p>3. Từ vựng</p> <p>4. Bài khóa</p> <p>5. Bài tập: SGK + đàm thoại theo chủ đề bài học</p>	<p>-GV hướng dẫn SV cách đọc và chỉnh sửa phát âm cho từng sinh viên.</p> <p>-GV hướng dẫn SV đọc chính xác mẫu câu trong đàm thoại.</p> <p>- SV nói lại các mẫu câu một cách lưu loát.</p>	<p>?????(???) (?) (???)        ???, ??????????, 2006 ?        ?</p>
---	---	--	---	---

2	75	<p><b>Bài 3: ???</b></p> <p>1. Ngữ âm: Thanh mẫu, vận mẫu, ghép âm.</p> <p>2. Chú thích: về cách ghép âm, sự biến đổi thanh điệu của “bù”.</p> <p>3. Từ vựng</p> <p>4. Bài khóa</p> <p>5. Bài tập: SGK + đàm thoại theo chủ đề bài học</p> <p><b>Bài 4: ????</b></p> <p>1. Ngữ âm: Thanh mẫu, vận mẫu, ghép âm.</p> <p>2. Chú thích: cách phát âm.</p> <p>3. Từ vựng</p> <p>4. Bài khóa</p> <p>5. Bài tập: SGK + đàm thoại theo chủ đề bài học</p>	<p>- GV hướng dẫn sinh viên cách đọc và chỉnh sửa phát âm cho từng sinh viên.</p> <p>- GV hướng dẫn SV đọc chính xác từ vựng, mẫu câu trong đàm thoại.</p> <p>- SV nói lại các mẫu câu một cách lưu loát. Chia nhóm để thực hành đàm thoại.</p>	<p>?????(???) (?)(???)        ???, ??????????, 2006 ?        ?</p>
---	----	--	---	--

3	5	<p><b>Bài 5: ?????</b></p> <p>1. Ngữ âm: Thanh mẫu, vận mẫu, ghép âm.</p> <p>2. Chú thích: cách phát âm.</p> <p>3. Từ vựng</p> <p>4. Bài khóa</p> <p>5. Bài tập: SGK + đàm thoại theo chủ đề bài học</p> <p><b>Bài 6: ?????</b></p> <p>1. Từ vựng</p> <p>2. Chú thích: Họ tên của người Trung Quốc, cách hỏi họ, từ trọng âm</p> <p>3. Bài khóa</p> <p>4. Bài tập: SGK + đàm thoại theo chủ đề bài học</p>	<p>- GV hướng dẫn sinh viên cách đọc và chỉnh sửa phát âm cho từng sinh viên.</p> <p>- GV hướng dẫn SV đọc chính xác từ vựng, mẫu câu trong đàm thoại.</p> <p>- SV nói lại các mẫu câu một cách lưu loát. Chia nhóm để thực hành đàm thoại.</p>	<p>?????(???) (?) (???)      ???, ??????????, 2006 ?      ?</p>
---	---	--	---	---



4	5	<p><b>Bài 7: ????</b></p> <p>1. Từ vựng</p> <p>2. Chú thích: sự biến đổi thanh điệu của “yi”.</p> <p>3. Bài khóa</p> <p>4. Bài tập: SGK + đàm thoại theo chủ đề bài học</p> <p><b>Bài 8: ???????</b></p> <p>1. Từ vựng</p> <p>2. Chú thích: câu chữ “?”, phân biệt cách dùng của chữ “?” và “?”, từ trọng âm</p> <p>3. Bài khóa</p> <p>4. Bài tập: SGK + đàm thoại theo chủ đề bài học</p>	<p>- GV hướng dẫn sinh viên đọc và chỉnh sửa phát âm cho từng sinh viên.</p> <p>- GV hướng dẫn SV đọc chính xác từ vựng, mẫu câu trong đàm thoại.</p> <p>- SV nói lại các mẫu câu một cách lưu loát. Chia nhóm để thực hành đàm thoại.</p> <p>-GV đặt các câu hỏi có liên quan đến bài học cho sinh viên trả lời.</p>	<p>?????(???) ( ? ) (???) ,      ???, ??????????, 2006 ?      ?</p>
---	---	--	---	---

5	5	<p><b>Bài 9: ?????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng</li> <li>2. Chú thích: sự biến đổi thanh điệu của ba thanh 3.</li> <li>3. Bài đọc</li> <li>4. Bài tập: SGK + đàm thoại theo chủ đề bài học</li> </ol> <p><b>Bài 10: ????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 77-78)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: trật tự từ trong 1 câu; câu vị ngữ động từ; cách đọc số</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hướng dẫn sinh viên đọc và chỉnh sửa phát âm cho từng sinh viên.</li> <li>- GV giải thích từ vựng, hướng dẫn sinh viên đọc chính xác từ vựng, mẫu câu trong đàm thoại.</li> <li>- Sinh viên tập nói lại các mẫu câu một cách lưu loát. Chia nhóm để thực hành đàm thoại.</li> <li>- GV đặt câu hỏi cho sinh viên trả lời.</li> <li>- SV tiến hành đàm thoại tự do các nội dung có liên quan đến bài học.</li> </ul>	<p>?????(???) (?) (???)      ???, ??????????, 2006 ?      ?</p>
---	---	---	---	---

6	5	<p><b>Bài 11: ???????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 88)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: câu hỏi với ?; trạng ngữ; phó từ ? và ?</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 12: ???????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 99-100)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: đại từ nghi vấn; trợ từ kết cấu ?; giới từ ? và ?</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giải thích từ vựng, hướng dẫn sinh viên đọc chính xác từ vựng và mẫu câu trong đàm thoại.</p> <p>- Sinh viên tập nói lại các mẫu câu một cách lưu loát. Chia nhóm để thực hành đàm thoại.</p> <p>-SV tiến hành đàm thoại tự do các nội dung có liên quan đến bài học.</p> <p>-GV đặt các câu hỏi có liên quan đến bài học cho sinh viên trả lời.</p>	<p>?????(???) (?)(???),      ???, ?????????, 2006 ?      ?</p>
---	---	---	--	--

7	5	<p><b>Bài 13: ??????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 112)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: câu vị ngữ tính từ; câu hỏi chính phủn; cụm từ chữ ?</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 14: ??????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 126)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: câu có vị ngữ là cụm chủ - vị; câu hỏi lựa chọn “.... ??...”; câu hỏi rút gọn “... ??”</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giải thích từ vựng, hướng dẫn sinh viên đọc chính xác từ vựng và mẫu câu trong đàm thoại.</p> <p>- SV tập nói lại các mẫu câu một cách lưu loát.</p> <p>Chia nhóm để thực hành đàm thoại.</p> <p>- SV tiến hành đàm thoại tự do các nội dung có liên quan đến bài học.</p> <p>-GV đặt các câu hỏi có liên quan đến bài học cho sinh viên trả lời.</p>	<p>?????(???) (?) (???),      ???, ??????????, 2006 ?      ?</p>
---	---	---	---	--

8	5	<p><b>Bài 15: ?????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 139)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: câu chữ ? ; cách đọc số; “?” và “??”</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 16: ???????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 3)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: trạng ngữ chỉ thời gian; “??” và “??”</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giải thích từ vựng, hướng dẫn sinh viên đọc chính xác từ vựng và mẫu câu trong đàm thoại.</p> <p>- SV tập nói lại các mẫu câu một cách lưu loát.</p> <p>Chia nhóm để thực hành đàm thoại.</p> <p>- GV đặt câu hỏi cho sinh viên trả lời.</p> <p>- SV tiến hành đàm thoại tự do các nội dung có liên quan đến bài học.</p>	<p>?????(???) (?) (???),      ???, ?????????, 2006 ?      ?</p> <p>?????(???) (?) (???),      ???, ?????????, 2006 ?      ?</p>
---	---	--	---	---

9	5	<p><b>Bài 17: ??????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 17)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: “?”, “??” và “?”; động từ mang hai tân ngữ</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 18: ??????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 30)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: câu liên động</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giải thích từ vựng, hướng dẫn sinh viên đọc chính xác từ vựng và mẫu câu trong đàm thoại.</p> <p>- SV tập nói lại các mẫu câu một cách lưu loát.</p> <p>Chia nhóm để thực hành đàm thoại.</p> <p>- GV đặt câu hỏi cho sinh viên trả lời.</p> <p>- SV tiến hành đàm thoại tự do các nội dung có liên quan đến bài học.</p>	<p>?????(???) (?)(???)        ???, ??????????, 2006 ?        ?</p>
---	---	--	---	--

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc

TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương

TS. Hoàng Tố Nguyên

ThS. Huỳnh Nguyễn Thùy Trang

**\* Ghi chú tổng quát:**

Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	điện thoại, email.
-------------------------------	--------------------

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV  
KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

### **1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Khẩu ngữ sơ cấp 1(D4)**



tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): .....

- Mã môn học: NVT019

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

## 2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 1

4. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 15 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 15 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: không

6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Đây là môn học bắt buộc đối với tất cả các sinh viên năm thứ nhất khi bước vào học kỳ thứ 2 (học kỳ 2, năm I). Nội dung môn học chủ yếu cung cấp cho sinh viên từ vựng, cấu trúc câu, rèn luyện khả năng giao tiếp, nghe hiểu cho sinh viên ở mức độ cao hơn.

7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: *Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đàm thoại ở cấp độ cơ bản.*

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

+ *Ghi nhớ được các từ vựng, mẫu câu và ngữ pháp dùng trong giao tiếp cơ bản. Vận dụng được các cách giao tiếp cơ bản vào trong thực tế.*

+ *Có phản ứng và lời đáp lại hợp lý, phù hợp với người bản xứ trong giao tiếp cơ bản.*

+ *Có thể giao tiếp hào hứng bằng tiếng Trung, tự tin và thích giao tiếp hơn.*

8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
-----	--	--------------------------	------------------------------

1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sau khi học xong học phần này sinh viên có thể tiến hành giao tiếp cơ bản hàng ngày.</li> <li>- Áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng thành thạo tiếng Trung cơ bản để giao tiếp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hướng dẫn từ mới và các kiến thức về ngữ pháp có liên quan trong bài.</li> <li>- SV đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp, thực hành đàm thoại theo nội dung bài khóa. Trả lời các câu hỏi của GV.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng thực hành trên lớp</li> <li>- Đối thoại với GV trên lớp</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ, kết thúc môn</li> </ul>
---	---	--	---

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)			
					Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	- Áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng thành thạo tiếng Trung cơ bản để giao tiếp thông thường	<p>GV giảng giải từ mới và các kiến thức có liên quan trong bài.</p> <p>SV đọc, dịch bài khóa, mô phỏng theo nội dung bài học để thực hành giao tiếp, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.</p>	<p>- Dự lớp: tối thiểu 80% các buổi học sinh viên mới được phép dự thi</p> <p>- Kỹ năng trình bày trong thực hành trên lớp</p> <p>- Tương tác giữa giáo viên và SV trên lớp</p> <p>- Kiểm tra giữa kỳ, kết thúc môn</p>		PLO1 Năm được những mẫu câu giao tiếp cơ bản.	PLO2 Giao tiếp thành thực, lưu loát	PLO3 -Thái độ học tập tích cực, tự giác. -Tự tin, năng động

## 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính:

[1] ??????(???) (???) (???) , ???, ??????????, 2006 ??

[2] ??????(???) (???) (???) , ???, ??????????, 2006 ??

[3] ??????(???) (???) (???) , ???, ??????????, 2006 ??

- Tài liệu tham khảo:

[1].????????(????????), ???, ?????????, 2005 ??

[2].?Đàm thoại tiếng Trung Quốc cấp tốc?(tập 1+2), Triệu Kim Minh, NXB Tổng Hợp TP.HCM, 2007

[3].????????, ???, ?????????, 2003 ??

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Hàng ngày  Giữa kỳ	- Chuyên cần - Tham gia thảo luận theo nhóm - Kiểm tra giữa kỳ	5 % 5 % 90 %	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	- Kiểm tra cuối kỳ	100%	Điểm cuối kỳ	70%
				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>

### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá: 5 - 6 điểm : trung bình

7 - 8 điểm : khá

9 - 10 điểm : giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

+ Hình thức thi: vấn đáp

+ Nội dung thi: Trình bày chủ đề được chuẩn bị trước, đọc 1 đoạn văn để kiểm tra phát âm, giải thích từ ngữ...

+ Thời lượng: Sinh viên trình bày đề tài nói trong vòng 5-7 phút, sau đó trả lời các câu hỏi của giáo viên

+ Tiêu chí chấm điểm:

XV. Nội dung hội thoại: 5 điểm

XVI. Trả lời câu hỏi: 1 điểm

XVII. Giải thích từ ngữ: 1 điểm

XVIII. Đặt câu: 1 điểm

XIX. Đọc đoạn văn: 2 điểm

### 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### **11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp
- Tuyệt đối không được vắng mặt trong các buổi thảo luận của nhóm
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp
- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Không thay đổi chủ đề giáo viên đã phân công
- Không được bốc lại đề

### **11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

## **12. Nội dung chi tiết môn học: : tổng cộng học 9 buổi, 5 tiết / buổi**

### **Bài 1: ??????? (trang 1)**

5. Từ vựng:
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: câu so sánh ( ? ) , câu cảm thán
8. Bài tập

### **Bài 2: ?????????????(trang 22)**

5. Từ vựng:
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: câu so sánh ( ? ... ??/??? ); ?? ... ?? ...
8. Bài tập

### **Bài 3: ??????(trang 38)**

5. Từ vựng:
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: trợ từ ngữ khí ?(2); biểu thị động tác sắp phát sinh; trợ từ kết cấu ?; câu đặc biệt
8. Bài tập

### **Bài 4: ?????, ?????(trang 54)**

5. Từ vựng:
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: bổ ngữ xu hướng đơn
8. Bài tập

### **Bài 5: ?????????????(trang 70)**

5. Từ vựng:
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: trợ từ động thái ?; bổ ngữ động lượng; số thứ tự
8. Bài tập

**Bài 6: ?????????? (trang 88)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Chú thích: Khổng Tử  
Cách dùng của từ, cụm từ ??????????...?? ?...?
4. Ngữ pháp: Cách biểu thị mức độ: hình dung từ trùng điệp.
5. Bài tập

**Bài 7: ?????????? (trang 105)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Chú thích: Các mẫu câu: ??????????  
????????????????
4. Ngữ pháp: Câu vị ngữ chủ vị ( 2 )  
Bổ ngữ kết quả: ???????
5. Bài tập

**Bài 8: ???????(trang 119)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Chú thích: Các mẫu câu: ??????????( ? ) ??  
???????
4. Ngữ pháp: Câu bị động  
Lượng từ trùng điệp  
?????
5. Bài tập

**Bài 9: ??????? (trang 133)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: Biểu thị xu hướng của động tác: Bổ ngữ xu hướng kép
4. Bài tập

**Bài 10: ??????? (trang 149)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: Biểu thị sự tiếp diễn của trạng thái hay hành động: ??+?
4. Bài tập

**Bài 11: ?????????(trang 1)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Chú thích: ???  
?????, ?????
4. Ngữ pháp: Biểu thị sự tồn tại, xuất hiện của người hoặc vật: Câu tồn hiện

Biểu đạt sự thay đổi: “???.?”“?.....?.....”

5. Bài tập

**Bài 12: ?????“?”????? (trang 15)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Chú thích: ??????, ???????“?”?  
?, ???
4. Ngữ pháp: Câu chữ “?” (1)
5. Bài tập

**Bài 13: ????????? (trang 31)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Chú thích: ?????
4. Ngữ pháp: Câu chữ “?” (2)
5. Bài tập

**Bài 14: ?????????(trang 46)**

1. Từ vựng
2. Bài khóa
3. Chú thích: ??, ??????  
???, ??????  
?????????  
?????
4. Ngữ pháp: Biểu đạt ý bị động: Câu chữ “?”  
Phó từ “?”
5. Bài tập

**Bài 15: ??????, ????? (trang 61)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: bổ ngữ khả năng
4. Bài tập

**Bài 16: ?????, ?????(trang 79)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: bổ ngữ khả năng (tiếp theo); phân biệt bổ ngữ khả năng và bổ ngữ trạng thái; ?  
?.....?.....
4. Bài tập

**Bài 17: ?????(trang 94)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: cách dùng mở rộng của bổ ngữ xu hướng; ??... ?...

4. Bài tập

**Bài 18: ?????????(trang 110)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn; ??.....??..... ; ?.....?(?).....??.....?  
?.....
4. Bài tập

**Bài 19: ??????(trang 124)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: câu phức không có từ ngữ nối; bổ ngữ trạng thái
4. Bài tập

**Bài 20: ?????(trang 138)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: câu phủ định; ?.....?/?.....
4. Bài tập

**Bài 1: ?????(trang 1)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ??, ??, ??, ??, ??, ??, ?
4. Bài tập

**Bài 2: ???(trang 15)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ?, ?, ??, ?... ? ... , ??
4. Bài tập

**Bài 3: ?????(trang 28)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ?, ??+?, ??+?, ??, ??
4. Bài tập

**Bài 4: ??(trang 39)**

1. Từ vựng: (từ mới trang 42-44)
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ???+?+
4. /?, ??, ??, ??, ?+
5. /?, ??+?+??+?
6. Bài tập

**Bài 5: ?????(trang 52)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ??, ??, ??, ???, ??
4. Bài tập

**Bài 6: ???(trang 66)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ??, ?+??, ??, ??, ?, ? ... ? ...
4. Bài tập

**Bài 7: ????(trang 78)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ??+?, ??, ??, ??, ??, ??, ??, ?? ... ?/?/? ...
4. Bài tập

**Bài 8: ????(trang 92)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ??, ??, ??, ??, ??
4. Bài tập

**Bài 9: ????(trang 104)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ??, ??, ?, ??, ?, ?... ??
4. Bài tập

**Bài 10: ????(trang 117)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ?, ?, ??, ??, ?, ??
4. Bài tập

**Bài 11: ????(trang 130)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ??, ????, ??, ??, ??, ???+??
4. Bài tập

**Bài 12: ????(trang 145)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ??, ??, ??, ??, ??, ?
4. Bài tập

**Bài 13: ????(trang 158)**



1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ??, ??, ?, ??, ?, ??, ??, ??, ?... ?? ...
4. Bài tập

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	<b>Bài 1: ????????</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: câu so sánh (?), câu cảm thán</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <b>Bài 2: ????????????</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: câu so sánh (? ... ??/??); ?? ... ?? ...</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giải thích từ vựng, mẫu câu, ngữ pháp.</li> <li>- SV đọc, dịch bài khóa, chia nhóm để thực hành đàm thoại.</li> <li>- SV làm bài tập trong giáo trình, tiến hành đàm thoại tự do các nội dung có liên quan đến bài học, thảo luận và thuyết trình theo nhóm.</li> </ul>	??????(???) (??) (???) , ? ??, ??????????, 2006 ??
2	?5	<b>Bài 3: ??????</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: trợ từ ngữ khí ? (2); biểu thị động tác sắp phát sinh; trợ từ kết cấu ?; câu đặc biệt</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <b>Bài 4: ?????, ?????</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: bổ ngữ xu hướng đơn</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giải thích từ vựng, mẫu câu, ngữ pháp.</li> <li>- SV đọc, dịch bài khóa, chia nhóm để thực hành đàm thoại.</li> <li>- SV làm bài tập trong giáo trình, tiến hành đàm thoại tự do các nội dung có liên quan đến bài học, thảo luận và thuyết trình theo nhóm.</li> </ul>	??????(???) (??) (???) , ? ??, ??????????, 2006 ??

3	5	<p><b>Bài 5: ????????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 73)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: trợ từ động thái ?; bổ ngữ động lượng; số thứ tự</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 6: ????????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: kết cấu “?.....?”; “?.....?.....”; tính từ trùng điệp: đơn âm tiết (AA), song âm tiết (AABB)</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giải thích từ vựng, mẫu câu, ngữ pháp. - SV đọc, dịch bài khóa, chia nhóm để thực hành đàm thoại. - SV làm bài tập trong giáo trình, tiến hành đàm thoại tự do các nội dung có liên quan đến bài học, thảo luận và thuyết trình theo nhóm.</p>	<p>??????(???) (?)(???) , ? ??, ??????????, 2006 ??</p>
4	5	<p><b>Bài 7: ????????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: câu vị ngữ chủ-vị; bổ ngữ kết quả: ????????</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 8: ????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: câu bị động; lượng từ trùng điệp; ?????</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giải thích từ vựng, mẫu câu, ngữ pháp. - SV đọc, dịch bài khóa, chia nhóm để thực hành đàm thoại. - SV làm bài tập trong giáo trình, tiến hành đàm thoại tự do các nội dung có liên quan đến bài học, thảo luận và thuyết trình theo nhóm.</p>	<p>??????(???) (?)(???) , ? ??, ??????????, 2006 ??</p>

5	5	<p><b>Bài 9: ????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: bổ ngữ xu hướng kép</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 10: ????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: động từ +?</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giải thích từ vựng, mẫu câu, ngữ pháp. - SV đọc, dịch bài khóa, chia nhóm để thực hành đàm thoại. - SV làm bài tập trong giáo trình, tiến hành đàm thoại tự do các nội dung có liên quan đến bài học, thảo luận và thuyết trình theo nhóm.</p>	<p>??????(???) (?) (???), ? ??, ??????????, 2006 ??</p>
6	5	<p><b>Bài 11: ??????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: câu tồn tại; ?.....?.....; ?? ?.....</li> </ol> <p>Bài tập</p> <p><b>Bài 12: ????????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: câu chữ “?”</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giải thích từ vựng, mẫu câu, ngữ pháp. - SV đọc, dịch bài khóa, chia nhóm để thực hành đàm thoại. - SV làm bài tập trong giáo trình, tiến hành đàm thoại tự do các nội dung có liên quan đến bài học, thảo luận và thuyết trình theo nhóm.</p>	<p>??????(???) (?) (???), ? ??, ??????????, 2006 ??</p>
7	5	<p><b>Bài 13: ??????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: câu chữ “?”(tiếp theo)</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 14: ????????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: câu chữ “?”, phó từ ?</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giải thích từ vựng, mẫu câu, ngữ pháp. - SV đọc, dịch bài khóa, chia nhóm để thực hành đàm thoại. - SV làm bài tập trong giáo trình, tiến hành đàm thoại tự do các nội dung có liên quan đến bài học, thảo luận và thuyết trình theo nhóm.</p>	<p>??????(???) (?) (???), ???, ??????????, 2006 ? ?</p>

8	5	<p><b>Bài 15: ??????, ??????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: bổ ngữ khả năng</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 16: ????, ??????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: bổ ngữ khả năng (tiếp theo); phân biệt bổ ngữ khả năng và bổ ngữ trạng thái; ? ?.....?.....</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giải thích từ vựng, mẫu câu, ngữ pháp.</p> <p>- SV đọc, dịch bài khóa, chia nhóm để thực hành đàm thoại.</p> <p>- SV làm bài tập trong giáo trình, tiến hành đàm thoại tự do các nội dung có liên quan đến bài học, thảo luận và thuyết trình theo nhóm.</p>	<p>?????(???) (?) (???)        ???, ??????????, 2006 ?        ?</p>
---	---	---	--	---

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 07 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc

TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương

TS. Khuu Chí Minh

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV**  
**KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Khẩu ngữ Sơ cấp 2 (D1)**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): ???—?? 2(D1)

- Mã môn học: NVT020

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Môn học thuộc khối kiến thức:

**2. Số tín chỉ: 2**

**3. Trình độ:** dành cho sinh viên năm thứ 1

**4. Phân bố thời gian:** 45tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 15tiết

- Thực hành: 30tiết

**5. Điều kiện tiên quyết:**

- Môn học tiên quyết: Học xong Khẩu ngữ sơ cấp 1

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: nắm vững các kỹ năng tiếng: ngữ pháp - nghe – nói – đọc hiểu (Sơ cấp 1)

**6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Đây là môn học bắt buộc đối với tất cả các sinh viên năm thứ nhất khi bước vào học kỳ thứ 2 (học kỳ 2, năm I). Nội dung môn học chủ yếu cung cấp cho sinh viên từ vựng, cấu trúc câu, rèn luyện khả năng giao tiếp, nghe hiểu cho sinh viên ở mức độ cao hơn.

**7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:**

- Mục tiêu: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đàm thoại ở cấp độ cơ bản, phát âm chuẩn và vận

dụng chính xác những từ mới đã học, nói lưu loát những câu giao tiếp thường ngày.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

+ Trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình, vận dụng tốt các câu nói cơ bản trong cuộc sống hàng ngày.

+ Áp dụng : sử dụng thuần thục những từ ngữ, mẫu câu và ngữ pháp đơn giản để có thể giao tiếp suôn sẻ, thành thạo.

+ Đạt được kỹ năng : phát âm chính xác, nghe hiểu các đoạn hội thoại đơn giản, đàm thoại lưu loát.

## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên		Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
					Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
1	Phần thứ 1: ?????(???) (?) Từ bài 6 - bài 10	- GV thuyết trình phân tích giảng (có thể dùng ppt) - SV thực hành và làm một số bài tập tại lớp. - Hướng dẫn SV về nhà học bài tự ôn tập phần đã học và chuẩn bị bài mới.	trình bài dùng	Kỹ năng thuyết trình, làm việc đàm thoại nhóm GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp. GV đánh giá	PLO1 Năm vững được những cấu trúc câu cơ bản và vận dụng nó trong văn nói, giao tiếp	PLO2 Phát âm chuẩn, có thể giao tiếp ở mức độ cơ bản với người bản ngữ	PLO3 Tích cực, tự giác trong học tập

2	Phần thứ 2: ?????(???) (?) Từ bài 11- bài 20	- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt) - SV chuẩn bị bài ở nhà. SV thực hành nhóm và làm một số bài tập tại lớp. -SV về nhà học bài làm bài và chuẩn bị bài mới.	Kỹ năng thuyết trình, làm việc đàm thoại nhóm GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp. GV đánh giá	Nắm vững được những cấu trúc câu cơ bản và vận dụng nó trong văn nói, giao tiếp	Phát âm chuẩn, có thể giao tiếp ở mức độ tương đối cao với người bản ngữ	Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp
3	Phần thứ 3 ?????(???) (?) Từ bài 1- bài 13	- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt) - SV chuẩn bị bài ở nhà. SV thực hành nhóm và làm một số bài tập tại lớp. -SV về nhà học bài làm bài và chuẩn bị bài mới.	Kỹ năng thuyết trình, làm việc đàm thoại nhóm GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp. GV đánh giá	Nắm vững được những cấu trúc câu cơ bản và vận dụng nó trong văn nói, giao tiếp	Phát âm chuẩn, có thể giao tiếp thành thạo với người bản ngữ	phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua sách vở, đọc thêm các tài liệu

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính

[1] ?????(???) (?)(??), ???, ?????????, 2006 ??

[2] ?????(???) (?)(??), ???, ?????????, 2006 ??

[3] ?????(???) (?)(??), ???, ?????????, 2006 ??

- Tài liệu tham khảo/bổ sung

?????(???) ?, ???, ?????????, 2007 ?

- Trang Web/CDs tham khảo

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

<b>Thời điểm đánh giá</b>	<b>Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá</b>	<b>Phần trăm</b>	<b>Loại điểm</b>	<b>% kết quả sau cùng</b>
<i>Giữa kỳ</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Chuyên cần</i></li> <li>- <i>Thái độ tinh thần học tập</i></li> <li>- <i>Chuẩn bị bài, làm bài tập</i></li> <li>- <i>Tham gia thảo luận theo nhóm</i></li> <li>- <i>Thuyết trình</i></li> <li>- <i>Kiểm tra giữa kỳ</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><i>10%</i></li> <li><i>5%</i></li> <li><i>5%</i></li> <li><i>5%</i></li> <li><i>5%</i></li> <li><i>70%</i></li> <li><b><i>100%</i></b></li> </ul>	<i>Điểm giữa kỳ</i>	<i>30%</i>
<i>Cuối kỳ</i>	- <i>Thi cuối kỳ</i>	<i>100 %</i>	<i>Điểm cuối kỳ</i>	<i>70%</i>
				<b><i>100%</i></b> <b><i>(10/10)</i></b>

### **Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

- Xếp loại đánh giá: 5 - 6 điểm : trung bình

7 - 8 điểm : khá

9 - 10 điểm : giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng)

Hình thức thi: vấn đáp

Nội dung thi: Trình bày chủ đề được chuẩn bị trước, đọc 1 đoạn văn để kiểm tra phát âm, giải thích từ ngữ, đặt câu và trả lời câu hỏi.

Thời lượng : mỗi sinh viên được trình bày trong vòng 5-7 phút

Tiêu chí chấm điểm: +Nội dung chủ đề trình bày: 3.5 điểm

+ Trả lời câu hỏi: 1.5 điểm

+ Giải thích từ ngữ: 1 điểm

+ Đặt câu: 2 điểm

+ Đọc đoạn văn: 2 điểm



- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)

## **11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

### **11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ học trên lớp theo qui định, tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp, không nghỉ quá 20% tổng số giờ học.

- Tuyệt đối không vắng mặt trong các buổi thực hành của nhóm

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ (Đọc tài liệu và chuẩn bị bài cho mỗi buổi học trước khi vào lớp, tham gia thảo luận và làm các bài tập tại lớp, làm kiểm tra giữa môn và thi hết môn) theo đúng yêu cầu của giảng viên phụ trách môn học.

- Sinh viên phải làm quen với việc thu thập và xử lý thông tin, trao đổi bài vở qua mạng Internet.

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ

- Sinh viên vi phạm quy định (nghỉ học, đi muộn không có lí do chính đáng; không chuẩn bị bài, ...) tùy theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.

- Phải tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp

- Sinh viên thiếu một trong các điểm thành phần sẽ không có điểm cho toàn môn học.

### **11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

- Sinh viên có thể liên lạc và gặp giảng viên tại văn phòng Khoa Ngữ Văn Trung Quốc B014

## **12. Nội dung chi tiết môn học: viết chi tiết tên chương, tiết, mục; chẳng hạn:**

?????(???) (?)

Bài 6: ?????????? (trang 88)

Bài 7: ?????????? (trang 105)

Bài 8: ????????(trang 119)

Bài 9: ??????? (trang 133)

Bài 10: ???????(trang 149)

?????(???) (?)

Bài 11: ??????????(trang 1)

Bài 12: ?????“?”?????(trang 15)

Bài 13: ?????????(trang 31)

Bài 14: ?????????(trang 46)

Bài 15: ??????, ????? (trang 61)

Bài 16: ?????, ??????(trang 79)

Bài 17: ?????(trang 94)

Bài 18: ?????????(trang 110)

Bài 19: ??????(trang 124)

Bài 20: ?????(trang 138)

?????(???) (?)

Bài 1:?????(trang 1)

Bài 2: ???(trang 15)

Bài 3: ?????(trang 28)

Bài 4: ??(trang 39)

Bài 5: ????(trang 52)

Bài 6: ???(trang 66)

Bài 7: ????(trang 78)

Bài 8: ????(trang 92)

Bài 9: ?????(trang 104)

Bài 10: ?????(trang 117)

Bài 11: ??????(trang 130)

Bài 12: ?????(trang 145)

Bài 13: ?????(trang 158)

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

<b>Buổi / Tuần</b>	<b>Số tiết trên lớp</b>	<b>Nội dung bài học</b>	<b>Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV</b>	<b>Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)</b>
--------------------	-------------------------	-------------------------	--	--

1	5	<p>Bài 6 – 8:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích từ: ????????????</li> <li>...</li> <li>- Ngữ pháp:</li> <li>Nhấn mạnh “?.....?”</li> <li>Tính từ trùng điệp</li> <li>Câu vị ngữ chủ vị</li> <li>Bổ ngữ kết quả: ?????</li> <li>Câu bị động</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt)</li> <li>- SV thực hành và đàm thoại tại lớp.</li> <li>-SV về nhà học bài tự ôn tập phần đã học và chuẩn bị bài mới.</li> <li>- GV kiểm tra đánh giá</li> </ul>	?????(???) (?)
2	5	<p>Bài 9 – 11:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích từ: ?????, ????</li> <li>?</li> <li>- Ngữ pháp:</li> <li>Bổ ngữ xu hướng kép</li> <li>Câu tồn hiện</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt)</li> <li>- SV thực hành và đàm thoại tại lớp.</li> <li>-SV về nhà học bài tự ôn tập phần đã học và chuẩn bị bài mới.</li> <li>- GV kiểm tra đánh giá</li> </ul>	?????(???) (?)
3	5	<p>Bài 12 – 14:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích từ: ????????????</li> <li>+ adj??+V</li> <li>- Ngữ pháp:</li> <li>Câu chữ “?”</li> <li>Câu chữ “?”</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt)</li> <li>- SV thực hành và đàm thoại tại lớp.</li> <li>-SV về nhà học bài tự ôn tập phần đã học và chuẩn bị bài mới.</li> <li>- GV kiểm tra đánh giá</li> </ul>	?????(???) (?)
4	5	<p>Bài 15 – 17:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích từ: ?, ???</li> <li>- Ngữ pháp:</li> <li>Bổ ngữ khả năng</li> <li>Câu phức điều kiện: ??...?; ?</li> <li>?... ?</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt)</li> <li>- SV thực hành và đàm thoại tại lớp.</li> <li>-SV về nhà học bài tự ôn tập phần đã học và chuẩn bị bài mới.</li> <li>- GV kiểm tra đánh giá</li> </ul>	?????(???) (?)

5	5	<p>Bài 18 – 20:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích từ: ???, ?...??, ???</li> <li>- Ngữ pháp: Cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn Câu phức đẳng lập: ??...?? Câu phức không dùng liên từ Bổ ngữ trạng thái Câu phản vấn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt)</li> <li>- SV thực hành và đàm thoại tại lớp.</li> <li>-SV về nhà học bài tự ôn tập phần đã học và chuẩn bị bài mới.</li> <li>- GV kiểm tra đánh giá</li> </ul>	?????(???) (?)
6	5	<p>Bài 1 – 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích từ: ????????</li> <li>- Cách dùng từ: ?????????? ??????????????????????.....</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt)</li> <li>- SV thực hành và đàm thoại tại lớp.</li> <li>-SV về nhà học bài tự ôn tập phần đã học và chuẩn bị bài mới.</li> <li>- GV kiểm tra đánh giá</li> </ul>	?????(???) (?)
7	5	<p>Bài 4 – 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích từ: ????????????</li> <li>- Cách dùng từ: ??? + ? +</li> <li>- /?....., ?????????????????? ??????????.....</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt)</li> <li>- SV thực hành và đàm thoại tại lớp.</li> <li>-SV về nhà học bài tự ôn tập phần đã học và chuẩn bị bài mới.</li> <li>- GV kiểm tra đánh giá</li> </ul>	?????(???) (?)
8	5	<p>Bài 7 – 9:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích từ: ????</li> <li>- Cách dùng từ: ??+?, ?????? ?????????????????????? ??????????.....</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt)</li> <li>- SV thực hành và đàm thoại tại lớp.</li> <li>-SV về nhà học bài tự ôn tập phần đã học và chuẩn bị bài mới.</li> <li>- GV kiểm tra đánh giá</li> </ul>	?????(???) (?)

9	5	Bài 10 – 13: - Giải thích từ:????????????? ???? - Cách dùng từ:???????????? ?????????????????????????? .....	- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt) - SV thực hành và đàm thoại tại lớp. -SV về nhà học bài tự ôn tập phần đã học và chuẩn bị bài mới. - GV kiểm tra đánh giá	?????(???) (?)
---	---	---	--	----------------

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2016  
**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc

TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương

TS. CÁI THI THỦY

**\* Ghi chú tổng quát:**

Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):

**Giảng viên phụ trách môn học** (có thể dùng bảng hoặc không)

Họ và tên: CÁI THI THÚY	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 01222999881
Email: <a href="mailto:thuy2209@yahoo.com">thuy2209@yahoo.com</a>	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV**  
**KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

## 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Khẩu ngữ sơ cấp 2(D4)**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): .....

- Mã môn học: NVT020

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/> x			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> x	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> x	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

## 2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ : dành cho sinh viên năm thứ 1

4. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 15 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 15 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Người học bắt buộc phải hoàn tất chương trình khẩu ngữ sơ cấp 1.

## 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Đây là môn học bắt buộc đối với tất cả các sinh viên năm thứ nhất khi bước vào học kỳ thứ 2 (học kỳ 2, năm I). Nội dung môn học chủ yếu cung cấp cho sinh viên từ vựng, cấu trúc câu, rèn luyện khả năng giao tiếp, nghe hiểu cho sinh viên ở cấp độ cao hơn.

## 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: *Rèn luyện và nâng cao kỹ năng đàm thoại ở cấp độ cơ bản cho sinh viên.*

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

- *Trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình.*



- *Áp dụng* : sử dụng thuần thục những từ ngữ, mẫu câu và ngữ pháp đơn giản để có thể giao tiếp suôn sẻ, thành công.

- *Đạt được kỹ năng* : nghe hiểu các đoạn hội thoại đơn giản, đàm thoại lưu loát.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV có thể tiến hành giao tiếp cơ bản hàng ngày.</li> <li>- Áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng thành thạo tiếng Hán cơ bản để giao tiếp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hướng dẫn từ mới và các kiến thức về ngữ pháp có liên quan trong bài.</li> <li>- SV đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp, thực hành đàm thoại theo nội dung bài khóa. Trả lời câu hỏi của GV.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng thực hành trên lớp</li> <li>- Đối thoại với GV trên lớp</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ, kết thúc môn</li> </ul>

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)			
					Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng thành thạo tiếng Hán cơ bản để giao tiếp hàng ngày</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>GV giảng giải từ mới và các kiến thức có liên quan trong bài.</li> <li>SV đọc, dịch bài khóa, mô phỏng theo nội dung bài học để thực hành giao tiếp, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự lớp: tối thiểu 80% các buổi học sinh viên mới được phép dự thi</li> <li>- Kỹ năng trình bày trong thực hành trên lớp</li> <li>- Tương tác giữa giáo viên và SV trên lớp</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ, kết thúc môn</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>PLO1</li> <li>Nắm được những kiến thức về giao tiếp cơ bản.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>PLO2</li> <li>Giao tiếp thành thạo, lưu loát.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>PLO3</li> <li>-Thái độ học tập tích cực, tự giác.</li> <li>-Tự tin, năng động.</li> </ul>

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính:

Giáo trình Hán ngữ , Trần Thị Thanh Liêm biên dịch, Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm.

- Tài liệu tham khảo:

[1]?????: ????????(?), ??, ?????????????, 2005 ??

[2]?????????, ???, ??????????, 2004 ??

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Giữa kỳ	- Chuyên cần - Thuyết trình - Tham gia thảo luận theo nhóm - Kiểm tra giữa kỳ	10 % 10 % 10 % 70 %	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	- Kiểm tra cuối kỳ	100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá : 5 - 6 điểm : trung bình

7 - 8 điểm : khá

9 - 10 điểm : giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: vấn đáp

Nội dung thi: Trình bày chủ đề được chuẩn bị trước, đọc 1 đoạn văn để kiểm tra phát âm, giải thích từ ngữ...

Thời lượng : Sinh viên trình bày đề tài nói trong vòng 5-7 phút, sau đó trả lời các câu hỏi của giáo viên

Tiêu chí chấm điểm:

XX. Nội dung hội thoại: 5 điểm

XXI. Trả lời câu hỏi: 1 điểm

XXII. Giải thích từ ngữ: 1 điểm

XXIII. Đặt câu: 1 điểm

XXIV. Đọc đoạn văn: 2 điểm

## 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp
- Tuyệt đối không được vắng mặt trong các buổi thảo luận của nhóm
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp
- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành

### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Không thay đổi chủ đề giáo viên đã phân công

### 11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

## 12. Nội dung chi tiết môn học: : tổng cộng học 9 buổi, 5 tiết / buổi

[1]?????, ?????(???) (?) (???), ???,???????????, 2006 ??

### Bài 6: ???(trang 66)

5. Từ vựng:
6. Bài khóa
7. Giải thích từ: ??, ?+??, ??, ??, ?, ? ... ? ...
8. Bài tập

### Bài 7: ????(trang 78)

5. Từ vựng:
6. Bài khóa
7. Giải thích từ: ??+?, ??, ??, ??, ??, ??, ??, ?? ... ?/?/? ...
8. Bài tập

### Bài 8: ????(trang 92)

5. Từ vựng:
6. Bài khóa
7. Giải thích từ: ??, ??, ??, ??, ??
8. Bài tập

### Bài 9: ????(trang 104)

5. Từ vựng:
6. Bài khóa
7. Giải thích từ: ??, ??, ?, ??, ?, ?... ??
8. Bài tập

**Bài 10: ????(trang 117)**

5. Từ vựng:
6. Bài khóa
7. Giải thích từ: ?, ?, ??, ??, ?, ??
8. Bài tập

**Bài 11: ?????(trang 130)**

5. Từ vựng:
6. Bài khóa
7. Giải thích từ: ??, ????, ??, ??, ??, ???+??
8. Bài tập

**Bài 12: ????(trang 145)**

5. Từ vựng:
6. Bài khóa
7. Giải thích từ: ??, ??, ??, ??, ??, ?
8. Bài tập

**Bài 13: ????(trang 158)**

5. Từ vựng:
6. Bài khóa
7. Giải thích từ: ??, ??, ?, ??, ?, ??, ??, ??, ?... ?? ...
8. Bài tập

[2]?????, ?????(???) (?) (???), ???,???????????, 2006 ??

**Bài 14: ??? (trang 1)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ??????????????
4. Bài tập

**Bài 15: ????(trang 14)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ?.....?????????.....?.....?????????.....?????
4. Bài tập

**Bài 16: ??“???”(trang 26)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ??????????????????????????
4. Bài tập

**Bài 17: ????(trang 40)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa

3. Giải thích từ: ??????????.....?.....??.....??.....??
4. Bài tập

**Bài 18: ?????(trang 55)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ?????????????????????????????????
4. Bài tập

**Bài 19: ????(trang 71)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ?????????????????????????
4. Bài tập

**Bài 20: ?????(trang 85)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ??????????????+?????????
4. Bài tập

**Bài 21: ??(trang 101)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ?????????(??)???????????
4. Bài tập

**Bài 22: ?????(trang 118)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ?????????????????
4. Bài tập

**Bài 23: ?????(trang 134)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ?????.....??..... ?????????.....?.....
4. Bài tập

**Bài 24: ??(trang 146)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ?????????.....?.....?????????????
4. Bài tập

**Bài 25: ?????? (trang 162)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ?????????????(??)???
4. Bài tập

**Bài 26: ?????? (trang 179)**

1. Từ vựng:
2. Bài khóa
3. Giải thích từ: ??????????????????????
4. Bài tập

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

\*Ghi chú: GV có thể sẽ thay đổi nội dung bài học cụ thể linh động (có báo trước vào buổi học đầu tiên về kế hoạch của khoá học) theo kế hoạch giảng dạy của Bộ môn.

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	<b>Bài 6: ???</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 67-69)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Giải thích từ: ??, ?+ ??, ??, ??, ?, ? ... ? ...</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <b>Bài 7: ????</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 80-82)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Giải thích từ: ??+?, ??, ??, ??, ??, ??, ?? ... ?/?? ...</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giải thích từ vựng, mẫu câu, ngữ pháp.</li> <li>- SV đọc, dịch bài khóa, chia nhóm để thực hành đàm thoại.</li> <li>- SV làm bài tập trong giáo trình, tiến hành đàm thoại tự do các nội dung có liên quan đến bài học, thảo luận và thuyết trình theo nhóm.</li> </ul>	??????(???) (?) (???), ???, ?????????, 2006 ? ?

2	5	<p><b>Bài 8: ????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Giải thích từ: ??, ??, ??, ??, ??</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 9: ?????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Giải thích từ: ??, ??, ?, ??, ?, ?... ??</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giải thích từ vựng, mẫu câu, ngữ pháp.</p> <p>- SV đọc, dịch bài khóa, chia nhóm để thực hành đàm thoại.</p> <p>- SV làm bài tập trong giáo trình, tiến hành đàm thoại tự do các nội dung có liên quan đến bài học, thảo luận và thuyết trình theo nhóm.</p>	<p>?????(???) (?) (???),      ???, ??????????, 2006 ?      ?</p>
3	5	<p><b>Bài 10: ????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Giải thích từ: ?, ?, ? ?, ??, ?, ??</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 11: ??????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Giải thích từ: ??, ?? ??, ??, ??, ??, ???+ ??</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giải thích từ vựng, mẫu câu, ngữ pháp.</p> <p>- SV đọc, dịch bài khóa, chia nhóm để thực hành đàm thoại.</p> <p>- SV làm bài tập trong giáo trình, tiến hành đàm thoại tự do các nội dung có liên quan đến bài học, thảo luận và thuyết trình theo nhóm.</p>	<p>?????(???) (?) (???),      ???, ??????????, 2006 ?      ?</p>

4	5	<p><b>Bài 12: ????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Giải thích từ: ??, ??, ??, ??, ??, ?</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 13: ????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Giải thích từ: ??, ??, ?, ??, ?, ??, ??, ??, ? ... ?? ...</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giải thích từ vựng, mẫu câu, ngữ pháp. - SV đọc, dịch bài khóa, chia nhóm để thực hành đàm thoại. - SV làm bài tập trong giáo trình, tiến hành đàm thoại tự do các nội dung có liên quan đến bài học, thảo luận và thuyết trình theo nhóm.</p>	<p>?????(???) (?) (???), ???, ??????????, 2006 ? ?</p>
5	5	<p><b>Bài 14: ???</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Giải thích từ: ?? ??????????</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 15: ????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Giải thích từ: ?..... ?????????.....?.....? ?????????.....?????</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giải thích từ vựng, mẫu câu, ngữ pháp. - SV đọc, dịch bài khóa, chia nhóm để thực hành đàm thoại. - SV làm bài tập trong giáo trình, tiến hành đàm thoại tự do các nội dung có liên quan đến bài học, thảo luận và thuyết trình theo nhóm.</p>	<p>?????(???) (?) (???), ???, ??????????, 2006 ? ?</p>



6	5	<p><b>Bài 16: ??“???”(trang 26)</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Giải thích từ: ?????? ??????????????</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 17: ????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Giải thích từ: ?????????? ?.....?.....???.....??... ..???</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giải thích từ vựng, mẫu câu, ngữ pháp. - SV đọc, dịch bài khóa, chia nhóm để thực hành đàm thoại. - SV làm bài tập trong giáo trình, tiến hành đàm thoại tự do các nội dung có liên quan đến bài học, thảo luận và thuyết trình theo nhóm.</p>	<p>?????(???) (?) (???), ???, ??????????, 2006 ? ?</p>
7	5	<p><b>Bài 18: ??????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Giải thích từ: ?????????? ??????????????????</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 19: ????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Giải thích từ: ?????????? ??????????</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giải thích từ vựng, mẫu câu, ngữ pháp. - SV đọc, dịch bài khóa, chia nhóm để thực hành đàm thoại. - SV làm bài tập trong giáo trình, tiến hành đàm thoại tự do các nội dung có liên quan đến bài học, thảo luận và thuyết trình theo nhóm.</p>	<p>?????(???) (?) (???), ???, ??????????, 2006 ? ?</p>
8	5	<p><b>Bài 20: ?????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Giải thích từ: ?????????? ??+?????????</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 21: ??</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng:</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Giải thích từ: ??????? ?(??)?????????</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giải thích từ vựng, mẫu câu, ngữ pháp. - SV đọc, dịch bài khóa, chia nhóm để thực hành đàm thoại. - SV làm bài tập trong giáo trình, tiến hành đàm thoại tự do các nội dung có liên quan đến bài học, thảo luận và thuyết trình theo nhóm.</p>	<p>?????(???) (?) (???), ???, ??????????, 2006 ? ?</p>

9	5	<p><b>Bài 22: ????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Từ vựng:</li> <li>Bài khóa</li> <li>Giải thích từ: ?????? ??????????</li> <li>Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 23: ????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Từ vựng:</li> <li>Bài khóa</li> <li>Giải thích từ: ?????? .....??..... ?????????? .....?.....</li> <li>Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giải thích từ vựng, mẫu câu, ngữ pháp.</p> <p>- SV đọc, dịch bài khóa, chia nhóm để thực hành đàm thoại.</p> <p>- SV làm bài tập trong giáo trình, tiến hành đàm thoại tự do các nội dung có liên quan đến bài học, thảo luận và thuyết trình theo nhóm.</p>	<p>?????(???) (?) (???)        ???, ??????????, 2006 ?        ?</p>
---	---	--	--	---

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc

TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương

ThS. Hàn Hồng Diệp

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:

Email:	Trang web:
--------	------------

Cách liên lạc với giảng viên:	điện thoại, email.
-------------------------------	--------------------

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Khẩu ngữ trung cấp 1 – D1**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): .....

- Mã môn học: NVT021

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> x	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/> x	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

**2. Số tín chỉ: 1**

**3. Trình độ** (dành cho sinh viên năm thứ 2 – D1)

**4. Phân bố thời gian:** 30 tiết (*1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành*)

- Lý thuyết: 10 tiết

- Thực hành: 10 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết

**5. Điều kiện tiên quyết:**

- Môn học tiên quyết: có kiến thức cơ sở, đã hoàn tất chương trình Hán ngữ cơ sở ở năm nhất

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: nắm vững ngữ pháp cơ bản, có vốn từ nhất định

**6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

a. Lên lớp: 24 tiết

b. Thực hành làm bài tập

a. Tự học, tự nghiên cứu: tự rèn luyện thêm kỹ năng nghe, nói

b. Thảo luận nhóm, thuyết trình: 6 tiết

c. Các hình thức khác: đi thực tế để thực hành giao tiếp

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Qua luyện tập giúp sinh viên đạt được trình độ nhất định về khả năng giao tiếp trong cuộc sống, có thể diễn đạt mạch lạc theo nội dung của bài nghe, qua đó bày tỏ được quan điểm của bản thân, ngoài ra còn có thể tranh luận với mọi người về một đề tài nào đó.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

- Trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình

- Áp dụng : vào cuộc sống với những kiến thức cung cấp trong giáo trình

- Đạt được kỹ năng : sinh viên phát triển kỹ năng nói-nghe hiểu theo từng câu, đoạn, từ đó đối đáp và cư xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	Sinh viên thuật lại được ý chính của câu, đoạn theo nội dung trong bài.	<i>GV thuyết trình</i> <i>Thảo luận nhóm</i> <i>SV thuyết trình</i>	<i>Kỹ năng trình bày</i> <i>Ý kiến hỏi đáp</i> <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>
2	Sinh viên làm việc theo nhóm hai, ba hoặc bốn người bằng cách hội thoại theo nội dung của bài.		
3	Sinh viên dựa vào nội dung bài học đồng thời kết hợp với liên hệ thực tế để hội thoại theo nhóm.		

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

	<p>-Sinh viên nghe hiểu và thuật lại được ý chính của câu, đoạn</p> <p>-Sinh viên làm việc theo nhóm hai, ba hoặc bốn người bằng cách hội thoại theo nội dung của bài</p> <p>-Sinh viên dựa vào nội dung bài học đồng thời kết hợp với liên hệ thực tế để hội thoại theo nhóm</p>	<p><i>-GV thuyết trình</i></p> <p><i>-Thảo luận nhóm</i></p> <p><i>-SV thuyết trình</i></p>	<p><i>Kỹ năng trình bày</i></p> <p><i>Ý kiến hỏi đáp</i></p> <p><i>Kiểm tra giữa kỳ</i></p>	<p><i>PLO1</i></p> <p>-Trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình</p> <p>- Áp dụng : vào cuộc sống với những kiến thức cung cấp trong giáo trình</p>	<p><i>PLO2</i></p> <p><i>Đạt được kỹ năng : sinh viên phát triển kỹ năng nói-nghe hiểu theo từng câu, đoạn, từ đó đối đáp và xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp.</i></p>	<p><i>PLO3</i></p> <p><i>Có thái độ học tập tích cực, nhận thức được tầm quan trọng của môn học giúp giao tiếp trong cuộc sống</i></p>
--	---	---	---	---	---	--

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính: giáo trình môn nghe nói năm 2 (?? (2000),?????????, ??????????)

- Tài liệu tham khảo:

???????? (2010),?????????, ??????????.

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
--------------------	--	-----------	-----------	--------------------

<i>Giữa kỳ</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Tham gia thảo luận theo nhóm</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>10 %</li> <li>10 %</li> <li>10 %</li> <li>70 %</li> <li>100 %</li> </ul>	<i>Điểm giữa kỳ</i>	30%
<i>Cuối kỳ</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Tham gia thảo luận theo nhóm</li> <li>- Kiểm tra cuối kỳ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>10 %</li> <li>20 %</li> <li>70 %</li> <li>100%</li> </ul>	<i>Điểm cuối kỳ</i>	70%
				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>

**Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

- Xếp loại đánh giá : 5 - 6 điểm : trung bình
- 7 - 8 điểm : khá
- 9 - 10 điểm : giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: vấn đáp

Nội dung thi: hội thoại, sinh viên chuẩn bị đề tài do giáo viên cung cấp.

Thời lượng : Một lần hai sinh viên đối thoại trong 5-10 phút.

Tiêu chí chấm điểm:

- I. Đọc: bài khóa trong HNTH – HK1 (3 điểm)
- II. Đặt câu: từ hay cụm từ trong ??? bài 1 ~ 6(3 điểm)
- III. Căn cứ vào đề tài bốc thăm tiến hành đối thoại (một lần 2 sinh viên) (4 điểm)

**11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

**11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp
- Tuyệt đối không được vắng mặt trong các buổi thảo luận của nhóm
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp
- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành

**11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Không thay đổi chủ đề giáo viên đã phân công

### 11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

## 12. Nội dung chi tiết môn học: tổng cộng học 6 buổi, 5 tiết / buổi

### 1. Bài 1: ?????

- Dùng các hình thức : ???/ ??/ ? ... (?) ... / ???/ ??/ ??/ ???/ ???/ ??? để diễn đạt theo chủ đề của bài

### 2. Bài 2: ????

- Dùng các hình thức : ?... ...??/ ?... ...??/ ??/ ??/ ??/ ???/ ???/ ?? để diễn đạt theo chủ đề của bài

### 3. Bài 3: ?????? ... ..

- Dùng các hình thức : ???/ ?... .., ??... .. / ??/ ??/ ???... .. / ??! ?... .. ?? để diễn đạt theo chủ đề của bài

### 4. Bài 4: ????

- Dùng các hình thức : ??/ ??/ ?... ...??/ ?? để diễn đạt theo chủ đề của bài

### 5. Bài 5: ????

- Dùng các hình thức : ??/ ???/ ??... ..??... .. / ???/ ??(??) ??/ A ? A, ??(??) ... .. / ??... .. ?... .. / ?... ..?... .. để diễn đạt theo chủ đề của bài

### 6. Bài 6: ????

- Dùng các hình thức : ???/ ???/ ???/ ??... ..??... .. / ?... ..?????/ ?? để diễn đạt theo chủ đề của bài

## 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	Bài 1: ?????	- Giáo viên thuyết trình - SV làm bài tập trong giáo trình	?????????
2	5	Bài 2: ????	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????



3	5	Bài 3: ?????? ... ..	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
4	5	Bài 4: ????	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
5	5	Bài 5: ????	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
6	5	Bài 6: ????????	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2016

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc    TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương    ThS. Nguyễn Minh Thúy

**\* Ghi chú tổng quát:**

Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

Họ và tên: NGUYỄN MINH THÚY	Học hàm, học vị: thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng	Điện thoại liên hệ: 0982272841

Email: <a href="mailto:minhthuynghuyen@hcmussh.edu.vn">minhthuynghuyen@hcmussh.edu.vn</a>	Trang web:
---	------------

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Khẩu ngữ trung cấp 1 – D4**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): .....

- Mã môn học: NVT021

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> x	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/> x	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 1

### 3. Trình độ (dành cho sinh viên năm thứ 2 – D4)

### 4. Phân bố thời gian: 30 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 10 tiết

- Thực hành: 10 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: có kiến thức cơ sở, đã hoàn tất chương trình Hán ngữ cơ sở ở năm nhất

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: nắm vững ngữ pháp cơ bản, có vốn từ nhất định

### 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

a. Lên lớp: 24 tiết

b. Thực hành làm bài tập

d. Tự học, tự nghiên cứu: tự rèn luyện thêm kỹ năng nghe, nói

e. Thảo luận nhóm, thuyết trình: 6 tiết

f. Các hình thức khác: đi thực tế để thực hành giao tiếp

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Qua luyện tập giúp sinh viên đạt được trình độ nhất định về khả năng giao tiếp trong cuộc sống, có thể diễn đạt mạch lạc theo nội dung của bài nghe, qua đó bày tỏ được quan điểm của bản thân, ngoài ra còn có thể tranh luận với mọi người về một đề tài nào đó.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

- Trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình

- Áp dụng : vào cuộc sống với những kiến thức cung cấp trong giáo trình

- Đạt được kỹ năng : sinh viên phát triển kỹ năng nói-nghe hiểu theo từng câu, đoạn, từ đó đối đáp và cư xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	Sinh viên thuật lại được ý chính của câu, đoạn theo nội dung trong bài.	<i>GV thuyết trình</i> <i>Thảo luận nhóm</i> <i>SV thuyết trình</i>	<i>Kỹ năng trình bày</i> <i>Ý kiến hỏi đáp</i> <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>
2	Sinh viên làm việc theo nhóm hai, ba hoặc bốn người bằng cách hội thoại theo nội dung của bài.		
3	Sinh viên dựa vào nội dung bài học đồng thời kết hợp với liên hệ thực tế để hội thoại theo nhóm.		

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

	<p>-Sinh viên nghe hiểu và thuật lại được ý chính của câu, đoạn</p> <p>-Sinh viên làm việc theo nhóm hai, ba hoặc bốn người bằng cách hội thoại theo nội dung của bài</p> <p>-Sinh viên dựa vào nội dung bài học đồng thời kết hợp với liên hệ thực tế để hội thoại theo nhóm</p>	<p>-GV thuyết trình</p> <p>-Thảo luận nhóm</p> <p>-SV thuyết trình</p>	<p>Kỹ năng trình bày</p> <p>Ý kiến hỏi đáp</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ</p>	<p>PLO1</p> <p>-Trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình</p> <p>- Áp dụng : vào cuộc sống với những kiến thức cung cấp trong giáo trình</p>	<p>PLO2</p> <p>Đạt được kỹ năng : sinh viên phát triển kỹ năng nói-nghe hiểu theo từng câu, đoạn, từ đó đối đáp và xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp.</p>	<p>PLO3</p> <p>Có thái độ học tập tích cực, nhận thức được tầm quan trọng của môn học giúp giao tiếp trong cuộc sống</p>
--	---	--	--	--	---	--

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính: giáo trình môn nghe nói năm 2 (?? (2000),?????????, ??????????)

- Tài liệu tham khảo:

???????? (2010),?????????, ??????????.

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
--------------------	--	-----------	-----------	--------------------

Giữa kỳ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Tham gia thảo luận theo nhóm</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>10 %</li> <li>10 %</li> <li>10 %</li> <li>70 %</li> <li>100 %</li> </ul>	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Tham gia thảo luận theo nhóm</li> <li>- Kiểm tra cuối kỳ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>10 %</li> <li>20 %</li> <li>70 %</li> <li>100%</li> </ul>	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

**Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

- Xếp loại đánh giá : 5 - 6 điểm : trung bình
- 7 - 8 điểm : khá
- 9 - 10 điểm : giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: vấn đáp

Nội dung thi: hội thoại, sinh viên chuẩn bị đề tài do giáo viên cung cấp.

Thời lượng : Một lần hai sinh viên đối thoại trong 5-10 phút.

Tiêu chí chấm điểm:

IV. Đọc: bài khóa trong HNTH – HK1 (3 điểm)

V. Đặt câu: từ hay cụm từ trong ??? bài 1 ~ 6(3 điểm)

VI. Căn cứ vào đề tài bốc thăm tiến hành đối thoại (một lần 2 sinh viên) (4 điểm)

**11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

**11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp
- Tuyệt đối không được vắng mặt trong các buổi thảo luận của nhóm
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp
- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành

**11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Không thay đổi chủ đề giáo viên đã phân công

### 11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

## 12. Nội dung chi tiết môn học: tổng cộng học 6 buổi, 5 tiết / buổi

### 1. Bài 1: ?????

- Dùng các hình thức : ???/ ??/ ? ... (?) ... / ???/ ??/ ??/ ???/ ???/ ??? để diễn đạt theo chủ đề của bài

### 2. Bài 2: ????

- Dùng các hình thức : ?... ...??/ ?... ...??/ ??/ ??/ ??/ ???/ ???/ ?? để diễn đạt theo chủ đề của bài

### 3. Bài 3: ?????? ... ..

- Dùng các hình thức : ???/ ?... .., ??... .. / ??/ ??/ ???... .. / ??! ?... .. ?? để diễn đạt theo chủ đề của bài

### 4. Bài 4: ????

- Dùng các hình thức : ??/ ??/ ?... ...??/ ?? để diễn đạt theo chủ đề của bài

### 5. Bài 5: ????

- Dùng các hình thức : ??/ ???/ ??... ..??... .. / ???/ ??(??) ??/ A ? A, ??(??) ... .. / ??... .. ?... .. / ?... ..?... .. để diễn đạt theo chủ đề của bài

### 6. Bài 6: ????

- Dùng các hình thức : ???/ ???/ ???/ ??... ..??... .. / ?... ..?????/ ?? để diễn đạt theo chủ đề của bài

## 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	Bài 1: ?????	- Giáo viên thuyết trình - SV làm bài tập trong giáo trình	?????????
2	5	Bài 2: ????	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????

3	5	Bài 3: ?????? ... ..	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
4	5	Bài 4: ????	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
5	5	Bài 5: ????	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
6	5	Bài 6: ????????	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc    TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương    ThS. Nguyễn Minh Thúy

**\* Ghi chú tổng quát:**

Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

Họ và tên: NGUYỄN MINH THÚY	Học hàm, học vị: thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng	Điện thoại liên hệ: 0982272841



Email: <a href="mailto:minhthuynghuyen@hcmussh.edu.vn">minhthuynghuyen@hcmussh.edu.vn</a>	Trang web:
---	------------

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Khẩu ngữ trung cấp 2 – D1**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): .....

- Mã môn học: NVT022

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 1

### 3. Trình độ (dành cho sinh viên năm thứ 2 – D1)

### 4. Phân bố thời gian: 30 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 10 tiết

- Thực hành: 10 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: có kiến thức cơ sở, đã hoàn tất chương trình Hán ngữ cơ sở ở năm nhất

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: nắm vững ngữ pháp cơ bản, có vốn từ nhất định

### 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

a. Lên lớp: 24 tiết

b. Thực hành làm bài tập

a. Tự học, tự nghiên cứu: tự rèn luyện thêm kỹ năng nghe, nói

b. Thảo luận nhóm, thuyết trình: 6 tiết

c. Các hình thức khác: đi thực tế để thực hành giao tiếp

**7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:**

- Mục tiêu: Qua luyện tập giúp sinh viên đạt được trình độ nhất định về khả năng giao tiếp trong cuộc sống, có thể diễn đạt mạch lạc theo nội dung của bài nghe, qua đó bày tỏ được quan điểm của bản thân, ngoài ra còn có thể tranh luận với mọi người về một đề tài nào đó.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

- Trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình

- Áp dụng : vào cuộc sống với những kiến thức cung cấp trong giáo trình

- Đạt được kỹ năng : sinh viên phát triển kỹ năng nói-nghe hiểu theo từng câu, đoạn, từ đó đối đáp và cư xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp.

**8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:**

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	Sinh viên nghe hiểu và thuật lại được ý chính của câu, đoạn	<i>GV thuyết trình</i> <i>Thảo luận nhóm</i> <i>SV thuyết trình</i>	<i>Kỹ năng trình bày</i> <i>Ý kiến hỏi đáp</i> <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>
2	Sinh viên làm việc theo nhóm hai, ba hoặc bốn người bằng cách hội thoại theo nội dung của bài.		
3	Sinh viên dựa vào nội dung bài học đồng thời kết hợp với liên hệ thực tế để hội thoại theo nhóm.		

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

	<p>-Sinh viên nghe hiểu và thuật lại được ý chính của câu, đoạn</p> <p>-Sinh viên làm việc theo nhóm hai, ba hoặc bốn người bằng cách hội thoại theo nội dung của bài</p> <p>-Sinh viên dựa vào nội dung bài học đồng thời kết hợp với liên hệ thực tế để hội thoại theo nhóm</p>	<p>-GV thuyết trình</p> <p>-Thảo luận nhóm</p> <p>-SV thuyết trình</p>	<p>Kỹ năng trình bày</p> <p>Ý kiến hỏi đáp</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ</p>	<p>PLO1</p> <p>-Trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình</p> <p>- Áp dụng : vào cuộc sống với những kiến thức cung cấp trong giáo trình</p>	<p>PLO2</p> <p>Đạt được kỹ năng : sinh viên phát triển kỹ năng nói-nghe hiểu theo từng câu, đoạn, từ đó đối đáp và xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp.</p>	<p>PLO3</p> <p>Có thái độ học tập tích cực, nhận thức được tầm quan trọng của môn học giúp giao tiếp trong cuộc sống</p>
--	---	--	--	--	---	--

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính: giáo trình môn nghe nói năm 2 (?? (2000),?????????, ??????????)

- Tài liệu tham khảo:

???????? (2010),?????????, ??????????.

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
--------------------	--	-----------	-----------	--------------------

<i>Giữa kỳ</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Tham gia thảo luận theo nhóm</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>10 %</li> <li>10 %</li> <li>10 %</li> <li>70 %</li> <li>100 %</li> </ul>	<i>Điểm giữa kỳ</i>	30%
<i>Cuối kỳ</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Tham gia thảo luận theo nhóm</li> <li>- Kiểm tra cuối kỳ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>10 %</li> <li>20 %</li> <li>70 %</li> <li>100%</li> </ul>	<i>Điểm cuối kỳ</i>	70%
				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>

**Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

- Xếp loại đánh giá : 5 - 6 điểm : trung bình

7 - 8 điểm : khá

9 - 10 điểm : giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: vấn đáp

Nội dung thi: hội thoại, sinh viên chuẩn bị đề tài do giáo viên cung cấp.

Thời lượng : Một lần hai sinh viên đối thoại trong 5-10 phút.

Tiêu chí chấm điểm:

I. Đọc: bài khóa trong HNTH – HK2 (3 điểm)

II. Đặt câu: từ hay cụm từ trong ???? bài 1 ~ 6(3 điểm)

III. Căn cứ vào đề tài bốc thăm tiến hành đối thoại (một lần 2 sinh viên) (4 điểm)

**11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

**11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định

- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp

- Tuyệt đối không được vắng mặt trong các buổi thảo luận của nhóm

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp

- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành

**11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ

- Không thay đổi chủ đề giáo viên đã phân công

**11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

**12. Nội dung chi tiết môn học:** tổng cộng học 6 buổi, 5 tiết / buổi

**1. Bài 7: ?????**

- Dùng các hình thức : ??/ ??/ ??/ ??/ ??? để diễn đạt theo chủ đề của bài

**2. Bài 8: ????**

- Dùng các hình thức : ???/ ??/ ??/ ?? để diễn đạt theo chủ đề của bài

**3. Bài 9: ????**

- Dùng các hình thức : ???/ ??... .., ??... .. / ??... ..??... ..?/ ??? để diễn đạt theo chủ đề của bài

**4. Bài 10: ????**

- Dùng các hình thức : A ? A, B ? B/ ?????/ ... ..??/ ???... .. / ???/ ??/ ??/ ??/ ?? để diễn đạt theo chủ đề của bài

**5. Bài 11: ????**

- Dùng các hình thức: A ? A, B ? B/ ????? /... ..?? / ???... .. / ??? / ??/ ? / ??/?? để diễn đạt theo chủ đề của bài

**6. Bài 12: ????**

- Dùng các hình thức: ??? / ?? / ?... ..?? để diễn đạt theo chủ đề của bài.

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

<b>Buổi / Tuần</b>	<b>Số tiết trên lớp</b>	<b>Nội dung bài học</b>	<b>Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV</b>	<b>Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)</b>
1	5	<b>Bài 7: ????? ... ..</b>	- Giáo viên thuyết trình - SV làm bài tập trong giáo trình	?????????
2	5	<b>Bài 8: ????</b>	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
3	5	<b>Bài 9: ????</b>	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????

4	5	<b>Bài 10: ?????</b>	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
5	5	<b>Bài 11: ?????</b>	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
6	5	<b>Bài 12: ?????</b>	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương ThS. Nguyễn Minh Thúy

**\* Ghi chú tổng quát:**

Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

Họ và tên: NGUYỄN MINH THÚY	Học hàm, học vị: thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng	Điện thoại liên hệ: 0982272841
Email: minhthuynghuyen@hcmussh.edu.vn	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)



## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Khẩu ngữ trung cấp 2 (D4)**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): .....

- Mã môn học: NVT022

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

**2. Số tín chỉ: 1**

**3. Trình độ** (dành cho sinh viên năm thứ 2 – D4)

**4. Phân bố thời gian:** 30 tiết (*1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành*)

- Lý thuyết: 10 tiết

- Thực hành: 10 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết

**5. Điều kiện tiên quyết:**

- Môn học tiên quyết: có kiến thức cơ sở, đã hoàn tất chương trình Hán ngữ cơ sở ở năm nhất

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: nắm vững ngữ pháp cơ bản, có vốn từ nhất định

**6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

a. Lên lớp: 24 tiết

b. Thực hành làm bài tập

d. Tự học, tự nghiên cứu: tự rèn luyện thêm kỹ năng nghe, nói

e. Thảo luận nhóm, thuyết trình: 6 tiết

f. Các hình thức khác: đi thực tế để thực hành giao tiếp

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Qua luyện tập giúp sinh viên đạt được trình độ nhất định về khả năng giao tiếp trong cuộc sống, có thể diễn đạt mạch lạc theo nội dung của bài nghe, qua đó bày tỏ được quan điểm của bản thân, ngoài ra còn có thể tranh luận với mọi người về một đề tài nào đó.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

- Trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình

- Áp dụng : vào cuộc sống với những kiến thức cung cấp trong giáo trình

- Đạt được kỹ năng : sinh viên phát triển kỹ năng nói-nghe hiểu theo từng câu, đoạn, từ đó đối đáp và cư xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	Sinh viên nghe hiểu và thuật lại được ý chính của câu, đoạn	<i>GV thuyết trình</i> <i>Thảo luận nhóm</i> <i>SV thuyết trình</i>	<i>Kỹ năng trình bày</i> <i>Ý kiến hỏi đáp</i> <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>
2	Sinh viên làm việc theo nhóm hai, ba hoặc bốn người bằng cách hội thoại theo nội dung của bài.		
3	Sinh viên dựa vào nội dung bài học đồng thời kết hợp với liên hệ thực tế để hội thoại theo nhóm.		

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

	<p>-Sinh viên nghe hiểu và thuật lại được ý chính của câu, đoạn</p> <p>-Sinh viên làm việc theo nhóm hai, ba hoặc bốn người bằng cách hội thoại theo nội dung của bài</p> <p>-Sinh viên dựa vào nội dung bài học đồng thời kết hợp với liên hệ thực tế để hội thoại theo nhóm</p>	<p><i>-GV thuyết trình</i></p> <p><i>-Thảo luận nhóm</i></p> <p><i>-SV thuyết trình</i></p>	<p><i>Kỹ năng trình bày</i></p> <p><i>Ý kiến hỏi đáp</i></p> <p><i>Kiểm tra giữa kỳ</i></p>	<p><i>PLO1</i></p> <p>-Trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình</p> <p>- Áp dụng : vào cuộc sống với những kiến thức cung cấp trong giáo trình</p>	<p><i>PLO2</i></p> <p><i>Đạt được kỹ năng : sinh viên phát triển kỹ năng nói-nghe hiểu theo từng câu, đoạn, từ đó đối đáp và xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp.</i></p>	<p><i>PLO3</i></p> <p><i>Có thái độ học tập tích cực, nhận thức được tầm quan trọng của môn học giúp giao tiếp trong cuộc sống</i></p>
--	---	---	---	---	---	--

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính: giáo trình môn nghe nói năm 2 (?? (2000),?????????, ??????????)

- Tài liệu tham khảo:

???????? (2010),?????????, ??????????.

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần tram	Loại điểm	% kết quả sau cùng
--------------------	--	-----------	-----------	--------------------

Giữa kỳ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Tham gia thảo luận theo nhóm</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>10 %</li> <li>10 %</li> <li>10 %</li> <li>70 %</li> <li>100 %</li> </ul>	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Tham gia thảo luận theo nhóm</li> <li>- Kiểm tra cuối kỳ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>10 %</li> <li>20 %</li> <li>70 %</li> <li>100%</li> </ul>	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá : 5 - 6 điểm : trung bình
- 7 - 8 điểm : khá
- 9 - 10 điểm : giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: vấn đáp

Nội dung thi: hội thoại, sinh viên chuẩn bị đề tài do giáo viên cung cấp.

Thời lượng : Một lần hai sinh viên đối thoại trong 5-10 phút.

Tiêu chí chấm điểm:

IV. Đọc: bài khóa trong HNTH – HK2 (3 điểm)

V. Đặt câu: từ hay cụm từ trong ???? bài 1 ~ 6(3 điểm)

VI. Căn cứ vào đề tài bốc thăm tiến hành đối thoại (một lần 2 sinh viên) (4 điểm)

## 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp
- Tuyệt đối không được vắng mặt trong các buổi thảo luận của nhóm
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp
- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành

### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Không thay đổi chủ đề giáo viên đã phân công

**11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

**12. Nội dung chi tiết môn học:** tổng cộng học 6 buổi, 5 tiết / buổi

**1. Bài 7: ?????**

- Dùng các hình thức : ??/ ??/ ??/ ??/ ??? để diễn đạt theo chủ đề của bài

**2. Bài 8: ????**

- Dùng các hình thức : ???/ ??/ ??/ ?? để diễn đạt theo chủ đề của bài

**3. Bài 9: ????**

- Dùng các hình thức : ???/ ??... .., ??... .. / ??... ..??... ..?/ ??? để diễn đạt theo chủ đề của bài

**4. Bài 10: ????**

- Dùng các hình thức : A ? A, B ? B/ ?????/ ... ..??/ ???... .. / ???/ ??/ ??/ ??/ ?? để diễn đạt theo chủ đề của bài

**5. Bài 11: ????**

- Dùng các hình thức: A ? A, B ? B/ ????? /... ..?? / ???... .. / ??? / ??/ ? / ??/? để diễn đạt theo chủ đề của bài

**6. Bài 12: ????**

- Dùng các hình thức: ??? / ?? / ?... ..? để diễn đạt theo chủ đề của bài.

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	<b>Bài 7: ????? ... ..</b>	- Giáo viên thuyết trình - SV làm bài tập trong giáo trình	?????????
2	5	<b>Bài 8: ????</b>	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
3	5	<b>Bài 9: ????</b>	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????

4	5	<b>Bài 10: ?????</b>	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
5	5	<b>Bài 11: ?????</b>	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
6	5	<b>Bài 12: ?????</b>	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương ThS. Nguyễn Minh Thúy

**\* Ghi chú tổng quát:**

Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

Họ và tên: NGUYỄN MINH THÚY	Học hàm, học vị: thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng	Điện thoại liên hệ: 0982272841
Email: minhthuynghuyen@hcmussh.edu.vn	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

**Giảng viên phụ trách môn học :**

Họ và tên: **Trần Thị Mỹ Hạnh** Học hàm, học vị: **GVC/ThS**

Điện thoại liên hệ: **0909805120** Email: **mhanh159@yahoo.com**

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Kỹ năng biên dịch**

tên tiếng Hán ??????

- Mã môn học: **NVT024**

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

**2. Số tín chỉ: 3 tín chỉ ( 2 tín chỉ lý thuyết + 1 tín chỉ thực hành)**

**3. Trình độ :** Dành cho sinh viên năm thứ 4 ngành Ngữ văn Trung Quốc.

**4. Phân bố thời gian:** 60 tiết

- Lý thuyết: 20 tiết

- Thực hành: :30 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết

- Tự học:120 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Đã hoàn thành học phần Dịch cao cấp trong chương trình đào tạo.

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Khả năng đọc hiểu văn bản tiếng Hán tương đối tốt



( nắm vững trên 200 cấu trúc ngữ pháp tiếng Hán và tích lũy được trên 2500 từ vựng cơ bản) để có cơ sở hiểu và chuyển dịch được văn bản chuyên ngành đặc thù trong các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, xã hội, du lịch từ tiếng Hán sang tiếng Việt và ngược lại..

## **6. Mô tả văn tắt nội dung môn học:**

Môn học gồm 6 chuyên đề dịch viết Hán – Việt, Việt – Hán về các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, kinh tế, thương mại, văn phòng, văn hóa, xã hội, du lịch. Các văn bản dịch đều là văn bản ứng dụng trong thực tiễn, đảm bảo tính chính xác về ngôn ngữ và đa dạng về thể loại. Tài liệu chính là giáo trình “Kỹ năng biên dịch ” do giáo viên phụ trách môn học biên soạn và thường xuyên cập nhật sát với tình hình thực tế.

## **7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:**

### **- Mục tiêu:**

#### *Kiến thức :*

- Cung cấp cho người học ngữ liệu (từ vựng, cấu trúc ngữ pháp) theo chủ đề.
- Trang bị lý luận biên dịch
- Giới thiệu các công cụ tra cứu hỗ trợ quá trình biên dịch.

#### *Kỹ năng:*

- Hình thành và từng bước hoàn thiện kỹ năng biên dịch văn bản chuyên ngành từ tiếng Hán sang tiếng Việt và ngược lại.

#### *Thái độ:*

- Nhận thức được vai trò của đối chiếu ngôn ngữ trong biên dịch, đảm bảo yêu cầu chính xác trong dịch thuật, chú trọng tích lũy vốn từ ngữ, kiến thức chuyên ngành và các công cụ tra cứu dịch thuật để có thể dịch trôi chảy các văn bản ứng dụng thông thường.

### **- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học:**

Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể: đạt được những kết quả sau:

A - Tích lũy được từ 600 đến 800 từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành Hán- Việt, có thể chuyển ngữ chính xác, biết cách biết cách tự mở rộng vốn từ vựng..

B - Phân tích ở mức thành thạo và lựa chọn phương án phù hợp để chuyển ngữ khoảng 100 loại cấu trúc ngữ pháp và kiểu liên kết văn bản thường gặp trong các văn bản tiếng Hán và tiếng Việt.

C - Tìm được phương án dịch thích hợp ở cấp độ từ vựng, ngữ pháp..

D - Sử dụng thành thạo các công cụ hỗ trợ dịch thuật, nắm vững nguyên tắc chú thích trong dịch thuật.

E - Hiểu và diễn đạt chính xác các khái niệm và thuật ngữ thường dùng trong một số lĩnh vực

chuyên ngành như kinh tế, chính trị, ngoại giao.

F - Biết xử lí các trường hợp dịch tương đối phức tạp.

G - Dịch chính xác các văn bản có phong cách khác nhau

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	A - Tích lũy được từ 600 đến 800 từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành Hán-Việt, có thể chuyển ngữ chính xác, biết cách biết cách mở rộng vốn từ vựng	Giảng viên giảng tương tác với sinh viên Hướng dẫn phương pháp và phương tiện đối chiếu mở rộng vốn từ ngữ Sinh viên thảo luận, thực hành	Ý kiến hỏi đáp Kiểm tra đánh giá tại lớp
2	B - Phân tích ở mức thành thạo và lựa chọn phương án phù hợp để chuyển ngữ khoảng 100 loại cấu trúc ngữ pháp và kiểu liên kết văn bản thường gặp trong các văn bản tiếng Hán và tiếng Việt.	Giảng viên giảng tương tác với sinh viên Hướng dẫn phương pháp phân tích cấu trúc, lựa chọn, cải biến khi cần thiết. Làm bài tập theo nhóm tại lớp	Thực hành trên lớp, đánh giá qua kiểm tra giữa kỳ
3	C - Tìm được phương án dịch thích hợp ở cấp độ từ vựng, ngữ pháp..	Hướng dẫn kỹ năng dịch theo nhóm, chia nhóm thảo luận thực hành dịch. Nhóm trình bày kết quả trước lớp (các nhóm chiếu bản dịch của mình)	Nhận xét, đánh giá bài thực hành tại lớp.vf thi cuối kỳ.
4	D - Sử dụng thành thạo các công cụ hỗ trợ dịch thuật, nắm vững nguyên tắc chú thích trong dịch thuật.	Giảng viên giới thiệu, hướng dẫn cách sử dụng, tra cứu. Sinh viên chia nhóm thực tập	Nhận xét, đánh giá bài thực hành tại lớp bài tập về nhà
5	E - Hiểu và diễn đạt chính xác các khái niệm và thuật ngữ thường dùng trong một số lĩnh vực chuyên ngành như kinh tế, chính trị, ngoại giao.	Giảng viên giới thiệu, Làm bài tập theo nhóm tại lớp Sinh viên chia nhóm thực tập	Nhận xét, đánh giá bài thực hành tại lớp và bài tập về nhà.

6	F - Biết xử lí các trường hợp dịch tương đối phức tạp.	Giảng viên giới thiệu, Làm bài tập theo nhóm tại lớp Sinh viên chia nhóm thực tập	Nhận xét, đánh giá bài thực hành tại lớp và bài tập về nhà.
7	G - Dịch chính xác các văn bản có phong cách khác nhau	Giảng viên giới thiệu, Làm bài tập theo nhóm tại lớp Sinh viên chia nhóm thực tập	Nhận xét, đánh giá bài thực hành tại lớp và bài tập về nhà.

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính:

?????? ???? ??

Giáo trình thực hành biên dịch– Lưu hành nội bộ, Tác giả : Trần Thị Mỹ Hạnh. ĐHKH XH&NV TP.HCM

- Tài liệu tham khảo:

- 1-????????????????, ?????? 2005 ?
- 2-????????????????, ??????? 2002 ?
- 3-?????????????? ??? ?, ??????? ??? 2004 ? 5 ?
- 4-???????????????? ??? ? ?????? 2005 ?

- Trang Web/CDs tham khảo:

- <http://www.chinatranslate.net>
- [http://babelfish.yahoo.com/translate\\_txt](http://babelfish.yahoo.com/translate_txt)
- <http://translate.google.com/?sl=zh-CN&tl=vi>
- <http://www.chinafanyi.com/>

- Tài liệu khác do giáo viên tổng hợp và cập nhật?

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
--------------------	--	-----------	-----------	--------------------

<i>Giữa kỳ</i>	- <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>	<b>100%</b>	<i>Điểm giữa kỳ</i>	30%
<i>Cuối kỳ</i>	- <i>Thi cuối kỳ/</i>	<b>100%</b>	<i>Điểm cuối kỳ</i>	70%
				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>

**Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

- Xếp loại đánh giá:

Giỏi : 9,0-10 điểm

Khá: 7,0-8, 5 điểm

Trung bình: 5,0-6,5 điểm

Không đạt yêu cầu: dưới 5,0 điểm

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm :

**Kiểm tra giữa kỳ:**

Hình thức : Làm bài viết

Nội dung : dịch 10 câu ( 5 câu dịch Hán Việt, 5 câu dịch Việt Hán)

Thời gian làm bài : 45 phút

**Kiểm tra cuối kỳ:**

Hình thức : Làm bài viết

Nội dung : dịch 10 câu ( 5 câu dịch Hán Việt, 5 câu dịch Việt Hán)

Thời gian làm bài : 90 phút

**11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

**11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp...
- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành theo hướng dẫn của giáo viên.

**11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ

### **11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

## **12. Nội dung chi tiết môn học:**

### **Chuyên đề 1 I: Biên dịch hợp đồng thương mại**

- 1.1 : Từ mới và cấu trúc ngữ pháp trọng điểm
- 1.2. Hai bước căn bản trong quy trình biên dịch
  - 1.2.1 Phương pháp xác định cấu trúc câu
  - 1.2.2 Phương pháp lựa chọn phương án thích hợp chuyển dịch cấu trúc giữa hai ngôn ngữ
- 1.3. Thực hành dịch, nhận xét các phương án dịch

### **Chuyên đề II: Biên dịch hợp đồng dân sự**

- 2.1 : Từ mới và cấu trúc ngữ pháp trọng điểm
- 2.2. Hai bước căn bản trong quy trình biên dịch
  - 2.2.1 Phương pháp xác định cấu trúc ngữ pháp câu đơn, các kiểu liên kết câu phức.
    - 2.2.1.1 Phương pháp xác định cấu trúc ngữ pháp câu đơn
    - 2.2.1.2 Phương pháp xác định cấu trúc câu phức nhiều tầng.
  - 2.2.2 Phương pháp lựa chọn phương án thích hợp khi chuyển ngữ các kiểu cấu trúc
- 2.3. Thực hành dịch, nhận xét các phương án dịch .

### **Chuyên đề III: Biên dịch hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng BOT,BT**

- 3.1 : Từ mới và cấu trúc ngữ pháp trọng điểm
- 3.2. Phương pháp lựa chọn từ ngữ và cách diễn đạt phù hợp để đảm bảo tính chính xác của văn bản dịch
- 3.3. Thực hành dịch, nhận xét các phương án dịch

### **Chuyên đề IV: Biên dịch các bản tin kinh tế**

- 4.1 Từ mới và cấu trúc ngữ pháp trọng điểm
- 4.2. Phương pháp dịch thuật ngữ, hiểu và dịch nghĩa bóng của từ.
- 4.3 Giới thiệu các công cụ tra cứu , hỗ trợ dịch thuật
- 4.4. Thực hành dịch, nhận xét các phương án dịch

### **Chuyên đề V: Biên dịch các văn bản pháp quy**

- 5.1 : Từ mới và cấu trúc ngữ pháp trọng điểm
- 5.2 Ký xảo trong dịch thuật: tập sử dụng các thủ thuật như tách câu, ghép câu, cải biên.
- 5.3. Thực hành dịch, nhận xét các phương án dịch

## **Chuyên đề VI: Biên dịch văn bản chính trị, ngoại giao**

6.1 : Từ mới và cấu trúc ngữ pháp trọng điểm

6.2 Ký xảo trong dịch thuật: tập sử dụng các thủ thuật như thêm bớt từ ngữ, tỉnh lược.

6.3 Nguyên tắc chú thích trong dịch thuật

6.4. Thực hành dịch, nhận xét các phương án dịch

## **Chuyên đề VII: Biên dịch tài liệu văn hóa, du lịch**

7.1 : Từ mới và cấu trúc ngữ pháp trọng điểm

7.2 Dịch thông báo và dịch ngữ nghĩa

7.3. Thực hành dịch, nhận xét các phương án dịch

### **13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

<b>Buổi / Tuần</b>	<b>Số tiết trên lớp</b>	<b>Nội dung bài học</b>	<b>Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV</b>	<b>Tài liệu cần đọc</b>
1	5	<b>Chuyên đề 1</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- SV đọc trước giáo trình, tra cứu từ mới</li><li>- GV thuyết trình</li><li>- SV thảo luận nhóm</li><li>- Sửa bài tập về nhà</li></ul>	Giáo trình thực hành kỹ năng biên dịch (trang 1-10)  Tài liệu tham khảo 2 chương 1
2	5	<b>Chuyên đề 2</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- SV đọc trước giáo trình, tra cứu từ mới</li><li>- GV thuyết trình</li><li>- SV thảo luận nhóm</li><li>- Sửa bài tập về nhà</li></ul>	Giáo trình thực hành kỹ năng biên dịch (trang 11-20)  Tài liệu tham khảo 1 chương 1
3	5	<b>Chuyên đề 2</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- SV đọc trước giáo trình</li><li>- GV thuyết trình</li><li>- SV thảo luận nhóm</li><li>- Sửa bài tập về nhà</li></ul>	Giáo trình thực hành kỹ năng biên dịch (trang 21-30)  Tài liệu tham khảo 1 chương 2
4	5	<b>Chuyên đề 3</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- SV đọc trước giáo trình</li><li>- GV thuyết trình</li><li>- SV thảo luận nhóm</li><li>- Sửa bài tập về nhà</li></ul>	Giáo trình thực hành kỹ năng biên dịch (trang 31-40)  Tài liệu tham khảo 2 chương 2&3

5	5	<b>Chuyên đề 3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV đọc trước giáo trình</li> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV thảo luận nhóm</li> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> </ul>	<p>Giáo trình thực hành kỹ năng biên dịch (trang 41-50)</p> <p>Tài liệu tham khảo 1 chương 4&amp;5</p>
6	5	<b>Chuyên đề 4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV đọc trước giáo trình</li> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV thảo luận nhóm</li> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> </ul>	<p>Giáo trình thực hành kỹ năng biên dịch (trang 51-60)</p> <p>Tài liệu tham khảo 2 chương 6</p>
7	5	<b>Chuyên đề 4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV đọc trước giáo trình</li> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV thảo luận nhóm</li> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> </ul>	<p>Giáo trình thực hành kỹ năng biên dịch (trang 61-70)</p> <p>Tài liệu tham khảo 2 chương 7</p>
8	5	<b>Chuyên đề 5</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV đọc trước giáo trình</li> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV thảo luận nhóm</li> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> </ul>	<p>Giáo trình thực hành kỹ năng biên dịch (trang 71-80)</p> <p>Tài liệu tham khảo 1 chương 6&amp;7</p>
9	5	<b>Chuyên đề 5</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV đọc trước giáo trình</li> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV thảo luận nhóm</li> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> </ul>	<p>Giáo trình thực hành kỹ năng biên dịch (trang 81-90)</p> <p>Tài liệu tham khảo 1 chương 8</p>
10	5	<b>Chuyên đề 6</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV đọc trước giáo trình</li> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV thảo luận nhóm</li> </ul>	<p>Giáo trình thực hành kỹ năng biên dịch (trang 91-100)</p> <p>Tài liệu tham khảo 2 phần phụ lục</p>
11	5	<b>Chuyên đề 6</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV đọc trước giáo trình</li> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV thảo luận nhóm</li> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> </ul>	<p>Giáo trình thực hành kỹ năng biên dịch (trang 101-110)</p>
12	5	<b>Chuyên đề 7</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV đọc trước giáo trình</li> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV thảo luận nhóm</li> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> </ul>	<p>Giáo trình thực hành kỹ năng biên dịch (trang 111-120)</p>

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2016*

**Người biên soạn**



PGS. TS Nguyễn Đình Phúc

ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng

**GVC/ThS Trần Thị Mỹ Hạnh**



**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV**  
**KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**Giảng viên phụ trách môn học**

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hằng	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 38293828 - 142
Email: <a href="mailto:thuhang1008@yahoo.com">thuhang1008@yahoo.com</a>	Trang web: <a href="http://www.hcmussh.edu.vn">www.hcmussh.edu.vn</a>
Cách liên lạc với giảng viên:	Liên lạc qua email hoặc gặp trực tiếp giáo viên tại lớp học.
Nơi tiến hành môn học:	Trường ĐH KHXH & NV, Cơ sở Thủ Đức
Thời gian học:	Học kỳ I mỗi năm (từ tháng 9 đến tháng 11)

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH**

tên tiếng Trung: ????

- Mã môn học: NVT025

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành	Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>

		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>
--	--	-----------------------------------	---------	--	----------------------------------

## 2. Số tín chỉ: 03

3. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 4.

4. Phân bố thời gian: 60 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 30 tiết

- Tự học: 15 tiết

## 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: *Đã hoàn thành các môn thuộc khối cơ sở và chuyên ngành của các năm I, II, III.*

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: *Sinh viên có khả năng nghe hiểu, tốc ký, phiên dịch tương đối tốt để có thể tiếp cận được các tình huống và thuật ngữ chuyên ngành đặc thù.*

## 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Phần lý thuyết: *Môn học truyền thụ lý luận phiên dịch qua các mẫu câu thường gặp trong những tình huống cụ thể, giúp người học vận dụng thành thạo lý luận phiên dịch vào thực tiễn phiên dịch thông qua việc thực hành dịch thực tế.*

Phần thực hành: *Môn học đề cập đến các lĩnh vực như chính trị, ngoại giao, kinh tế thương mại, xã hội, văn hóa, giáo dục v.v., rèn luyện cho sinh viên biết nắm bắt cấu trúc câu khi nghe thông tin, từ đó diễn đạt phù hợp, dịch nói lưu loát.*

## 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Mục tiêu của môn học là để rèn luyện cho sinh viên kỹ năng dịch nói ở trình độ cao cấp, khi sinh viên đã có những kiến thức cơ sở và nâng cao. Tập trung rèn luyện cho sinh viên các khả năng dịch xuôi từ Hoa sang Việt và ngược lại.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: *Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:*

+ Hình thành và từng bước hoàn thiện kỹ năng, kỹ xảo phiên dịch qua các tình huống cụ thể.

+ Đàm phán thương mại (khẩu ngữ ngoại thương)

+ Xử lý các tin tức báo chí (ngoại giao, kinh tế, văn hóa, đời sống)

- + Hướng dẫn du lịch
- + Và nhiều lĩnh vực khác trong cuộc sống

ST T	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thành và từng bước hoàn thiện kỹ năng, kỹ xảo phiên dịch qua các tình huống cụ thể.</li> <li>- Đàm phán thương mại (khẩu ngữ ngoại thương)</li> <li>- Xử lý các tin tức báo chí (ngoại giao, kinh tế, văn hóa, đời sống)</li> <li>- Hướng dẫn du lịch</li> <li>- Dịch hội nghị, các hội thảo chuyên môn</li> <li>- Và nhiều lĩnh vực khác trong cuộc sống</li> </ul>	<p>GV thuyết trình đối với phần truyền thụ lý luận phiên dịch</p> <p>SV thực hành chủ yếu theo nhóm</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng trình bày trong thực hành trên lớp</li> <li>- Đối thoại với GV trên lớp</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ, kết thúc môn</li> </ul>

## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành
- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thành và từng bước hoàn thiện kỹ năng, kỹ xảo phiên dịch qua các tình huống cụ thể.</li> <li>- Đàm phán thương mại (khẩu ngữ ngoại thương)</li> <li>- Xử lý các tin tức báo chí (ngoại giao, kinh tế, văn hóa, đời sống)</li> <li>- Hướng dẫn du lịch</li> <li>- Dịch hội nghị, các hội thảo chuyên môn</li> <li>- Và nhiều lĩnh vực khác trong cuộc sống</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-GV thuyết trình đối với phần truyền thụ lý luận phiên dịch.</li> <li>-SV thực hành chủ yếu theo nhóm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng trình bày trong thực hành trên lớp</li> <li>- Tương tác giữa giáo viên và SV, cũng như giữa các thành viên trong nhóm với nhau</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ, kết thúc môn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>PLO1</b></li> <li>- <b>Nắm vững lý luận phiên dịch từ cơ bản đến nâng cao.</b></li> <li>- <b>Nắm vững kiến thức văn hóa, xã hội, đời sống, kinh tế v.v.</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>PLO2</b></li> <li>- <b>Có kỹ năng nghe hiểu, diễn đạt qua ngôn ngữ đích.</b></li> <li>- <b>Có kỹ năng tốc ký nhất định.</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>PLO3</b></li> <li>-<b>Thái độ học tập tích cực, thấy được sự quan trọng của việc nắm vững lý luận phiên dịch.</b></li> <li>- <b>Thấy được tầm quan trọng của kỹ năng phiên dịch trong hoạt động chuyên môn cũng như đời sống hàng ngày.</b></li> </ul>
--	---	--	--	--	--

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu chính: *KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH CAO CẤP (Tài liệu học tập do giảng viên biên soạn)*

- Tài liệu tham khảo/bổ sung:

1. ??????(2013): ?????, ????????????
2. ???(2010): ??????, ????????????
3. ??(2011): ??????, ????????????
4. ???(2012): ??????, ????????????
5. ???(2006): ????????, ????????????
6. ??????(2013): ????????, ????????????

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sau mỗi tuần</li> <li>- Giữa kỳ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần</li> <li>- Bài tập</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ</li> <li>- Thái độ học tập trên lớp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>10 %</li> <li>30 %</li> <li>50 %</li> <li>10%</li> <li><b>100%</b></li> </ul>	Điểm giữa kỳ	30%

- Sau mỗi tuần - Cuối kỳ	- Chuyên cần - Bài tập - Thi cuối kỳ - Thái độ học tập trên lớp	10 % 30 % 50 % 10% <b>100%</b>	<b>Điểm cuối kỳ</b>	70%
				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>

### **Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

- Xếp loại đánh giá (GV tự xây dựng)

Trung bình: 5 – 6: **Nắm được cơ bản** và có khả năng thực hiện được kỹ năng phiên dịch Việt – Hán, Hán – Việt ở mức trung bình.

Khá: 7: **Hiểu được** và áp dụng được những kiến thức ngữ pháp vào trong kỹ năng phiên dịch Việt – Hán, Hán Việt và chất lượng dịch ở mức tương đối.

Giỏi: 8-9: **Vận dụng** khá tốt những kiến thức ngữ pháp, bối cảnh văn hoá vào kỹ năng phiên dịch và câu cú đúng ngữ pháp, **suôn sẻ**, từ vựng phù hợp, chất lượng dịch tương đối hoàn chỉnh.

Xuất sắc: 10: **Vận dụng** tốt những kiến thức ngữ pháp, bối cảnh văn hoá vào kỹ năng phiên dịch và câu cú đúng ngữ pháp, **suôn sẻ**, từ vựng phù hợp, đúng văn phong, thuật ngữ, chất lượng dịch hoàn chỉnh.

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng)

- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)

## **11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

### **11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.

- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp, thì mới được tham gia thi cuối kỳ.

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp.

- Luyện tốc ký

## **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.
- Vắng 3 buổi sẽ không có điểm chuyên cần, vắng 4 buổi trở lên sẽ không được thi cuối kỳ.
- Không tập trung nghe giảng, không tích cực tham gia vào bài học, không chuẩn bị bài tập GV giao trước sẽ không có điểm cho phần Thái độ học tập.

## **11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

- Sinh viên có vấn đề thắc mắc cần giải đáp, liên hệ và gặp giáo viên vào những buổi học trên trường hoặc qua email. Không tiếp sinh viên tại nhà hoặc qua điện thoại.

## **12. Nội dung chi tiết môn học:**

Môn học chia làm 6 bài, mỗi nội dung tương ứng với 10 tiết học. Cụ thể như sau:

????: ????

?????: ?????

????: ??????????

?????: ????

????: ??????

?????: ????

????: ????

?????: ????

????: ??????????

?????: ?????

????: ??????????

?????: ????

## **13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	?????(?) ?????? 1.??“??”????????? 2. ????? 3. ????? ?????? 1. ?????? 2. ??????	- Giảng viên truyền thụ lý luận phiên dịch (các loại phiên dịch, cách thức phiên dịch, sự khác nhau giữa dịch viết và dịch nói) - Sinh viên thực hành theo nội dung trong tài liệu học tập và tài liệu giáo viên cung cấp thêm.	- Tài liệu học tập <i>KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH CAO CẤP</i> tương ứng nội dung học tập tuần 1. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.
2	5	?????(?) ?????? 1. ??????? 2. ?? ?????? ?????? 1 ???? 2. ?????? 3. ??????	- Giảng viên truyền thụ lý luận phiên dịch (chất lượng của một bài dịch, những yêu cầu về tổ chức đối với người thông dịch v.v.) - Sinh viên thực hành theo nội dung trong tài liệu học tập và tài liệu giáo viên cung cấp thêm.	- Tài liệu học tập <i>KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH CAO CẤP</i> tương ứng nội dung học tập tuần 2. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.
3	5	?????(?) ?????? 1. ?????????? 2. ?????????? ?????? 1. ?????????? 2. ??????????	- Giảng viên truyền thụ lý luận phiên dịch (đặc điểm nghe hiểu trong phiên dịch, từ ngữ âm câu v.v.) - Sinh viên thực hành theo nội dung trong tài liệu học tập và tài liệu giáo viên cung cấp thêm.	- Tài liệu học tập <i>KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH CAO CẤP</i> tương ứng nội dung học tập tuần 3. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.

4	5	<p>????(?)  ?????  - ????</p> <p>?????  1. ????</p> <p>2. ??????</p> <p>3. ??????</p>	<p>- Giảng viên truyền thụ lý luận phiên dịch (nghe hiểu câu và mạch câu).</p> <p>- Sinh viên thực hành theo nội dung trong tài liệu học tập và tài liệu giáo viên cung cấp thêm.</p>	<p>- Tài liệu học tập <i>KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH CAO CẤP</i> tương ứng nội dung học tập tuần 4.</p> <p>- Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.</p>
5	5	<p>????(?)  ?????  1. ??????: ????????</p> <p>2. ??“??”?</p> <p>?????  1. ??????</p> <p>2. ????</p> <p>3. ??????</p>	<p>- Giảng viên truyền thụ lý luận phiên dịch (nghe hiểu ý)</p> <p>- Sinh viên thực hành theo nội dung trong tài liệu học tập và tài liệu giáo viên cung cấp thêm.</p>	<p>- Tài liệu học tập <i>KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH CAO CẤP</i> tương ứng nội dung học tập tuần 5.</p> <p>- Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.</p>
6	5	<p>????(?)  ?????  - ????????</p> <p>?????  1. ????</p> <p>2. ??????</p> <p>3. ??????</p>	<p>- Giảng viên truyền thụ lý luận phiên dịch (quá trình lý giải trong phiên dịch)</p> <p>- Sinh viên thực hành theo nội dung trong tài liệu học tập và tài liệu giáo viên cung cấp thêm.</p>	<p>- Tài liệu học tập <i>KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH CAO CẤP</i> tương ứng nội dung học tập tuần 6.</p> <p>- Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.</p>
7	5	<p>????(?)  ?????  - ??????????: ??????</p> <p>?????  1. ????</p> <p>2. ????</p> <p>3. ????</p>	<p>- Giảng viên truyền thụ lý luận phiên dịch (nghe hiểu cụm ý để tiến hành phiên dịch)</p> <p>- Sinh viên thực hành theo nội dung trong tài liệu học tập và tài liệu giáo viên cung cấp thêm.</p>	<p>- Tài liệu học tập <i>KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH CAO CẤP</i> tương ứng nội dung học tập tuần 7.</p> <p>- Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.</p>



8	5	<p>????(?)  ?????  - ?“????”??????  ?????  1. ????</p>	<p>- Giảng viên truyền thụ lý luận phiên dịch (cách chắt lọc ý từ câu và đoạn)  - Sinh viên thực hành theo nội dung trong tài liệu học tập và tài liệu giáo viên cung cấp thêm.</p>	<p>- Tài liệu học tập <i>KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH CAO CẤP</i> tương ứng nội dung học tập tuần 8.  - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.</p>
9	5	<p>????(?)  ?????  - ??????????????  ?????  1. ?????</p>	<p>- Giảng viên truyền thụ lý luận phiên dịch (những lưu ý trong nhận biết chủ đề tin tức)  - Sinh viên thực hành theo nội dung trong tài liệu học tập và tài liệu giáo viên cung cấp thêm.</p>	<p>- Tài liệu học tập <i>KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH CAO CẤP</i> tương ứng nội dung học tập tuần 9.  - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.</p>
10	5	<p>????(?)  ?????  1. ??????????  2. ??????????  ?????  1. ????</p>	<p>- Giảng viên truyền thụ lý luận phiên dịch (những cách lưu ý trong chủ đề tin tức, cách chắt lọc những từ khóa)  - Sinh viên thực hành theo nội dung trong tài liệu học tập và tài liệu giáo viên cung cấp thêm.</p>	<p>- Tài liệu học tập <i>KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH CAO CẤP</i> tương ứng nội dung học tập tuần 10.  - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.</p>
11	5	<p>????(?)  ?????  - ??????????????  ?????  1. ??????????  2. ????</p>	<p>- Giảng viên truyền thụ lý luận phiên dịch (khả năng ghi nhớ trong phiên dịch)  - Sinh viên thực hành theo nội dung trong tài liệu học tập và tài liệu giáo viên cung cấp thêm.</p>	<p>- Tài liệu học tập <i>KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH CAO CẤP</i> tương ứng nội dung học tập tuần 11.  - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.</p>

12	5	<p>????(?)  ?????  - ??????????  ?????  1. ????  2. ??????  3. ??????</p>	<p>- Giảng viên truyền thụ lý luận phiên dịch (những thao tác ghi nhớ trong phiên dịch)  - Sinh viên thực hành theo nội dung trong tài liệu học tập và tài liệu giáo viên cung cấp thêm.</p>	<p>- Tài liệu học tập <i>KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH CAO CẤP</i> tương ứng nội dung học tập tuần 12.  - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.</p>
----	---	---	--	--

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 07 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc

ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng

ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV TP. HCM**  
**KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

### **1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

Tên tiếng Việt: **KỸ NĂNG VIẾT VĂN 1**

Tên tiếng Trung: ???? (?)

- Mã môn học: NVT026

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

### **2. Số tín chỉ: 2 TC**

**3. Trình độ:** Dành cho sinh viên năm thứ 2 thuộc khối kiến thức chuyên nghiệp.

### **4. Phân bố thời gian: 45 tiết**

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 20 tiết
- Thảo luận/ Thuyết trình nhóm: 5 tiết
- Các hoạt động khác: 5 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Sinh viên học xong chương trình sơ cấp Hán ngữ hiện đại.
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: sinh viên đã học chương trình cơ bản văn phạm Hán ngữ hiện đại.

### 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Học biết phân biệt và viết đúng các dấu câu trong tiếng Trung Quốc.
- Củng cố văn phạm để diễn đạt các ý tưởng ở dạng câu đơn đúng ngữ pháp.
- Giúp sinh viên có thể soạn thảo các mẫu thư tín xã giao, các đơn từ trong hành chính...
- Giúp sinh viên làm quen và phát triển kỹ năng viết độc lập, sáng tạo và logic qua việc quan sát sự việc hoặc hình ảnh.

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

#### \* Mục tiêu:

Học phần này được đưa vào giảng dạy sau khi sinh viên đã tích lũy được vốn từ vựng khoảng 2000 từ, giúp sinh viên vận dụng được các chủ điểm ngữ pháp cơ bản trong tiếng Hán, có khả năng đọc hiểu các đoạn văn ngắn có nội dung đơn giản. Nội dung học phần này tương đối vừa sức đối với sinh viên năm 2 chuyên ngành ngữ văn Trung Quốc, nhưng lại có sự kế thừa từ các kỹ năng trước đó, cho nên học tốt học phần này chính là đặt nền tảng phát triển kỹ năng viết sau này.

#### \* Kết quả dự kiến của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

- Phân biệt được và viết đúng các dấu câu trong tiếng Trung Quốc.
- Có thể diễn đạt được các ý nghĩ của mình ở dạng câu đơn theo đúng ngữ pháp.
- Có được những kỹ năng soạn thảo những loại văn bản đơn giản như: đơn xin phép, đơn xin việc, ...Viết những bức thư đơn giản như: thư mời, thư hẹn, thư cảm ơn, email,... Nắm vững cách viết thư thông thường và các mẫu thư tín xã giao,...
- Biết cách rút ngắn 1 đoạn văn dài thành câu văn súc tích, ngắn gọn; biết phát biểu cảm tưởng.
- Phát triển kỹ năng quan sát sự việc, hình ảnh để sắp xếp ý tưởng thành một câu chuyện, phát triển óc tưởng tượng có logic, nâng cao kỹ năng viết sáng tạo và độc lập, để tạo bước đệm cho sinh viên khi tiếp xúc với các thể loại văn sau này.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	Sinh viên vận dụng được các chủ điểm ngữ pháp cơ bản trong tiếng Hán, có khả năng đọc hiểu các đoạn văn ngắn có nội dung đơn giản; hơn nữa có thể đặt nền tảng phát triển kỹ năng viết sau này.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- Thảo luận và báo cáo nhóm</li> <li>- Bài tập thi đua giữa các nhóm trong lớp</li> <li>- SV thuyết trình</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng viết qua bài tập tại lớp cũng như các bài tập về nhà.</li> <li>- Ý kiến hỏi đáp</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ</li> </ul>

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

<p>- Phân biệt được và viết đúng các dấu câu trong tiếng Trung quốc.</p> <p>- Có thể diễn đạt được các ý nghĩ của mình ở dạng câu đơn đúng ngữ pháp.</p> <p>- Có được những kỹ năng soạn thảo những loại văn bản đơn giản như: đơn xin phép, đơn xin việc,...Viết những bức thư đơn giản như: thư mời, thư hẹn, thư cảm ơn, email,... Nắm vững cách viết thư thông thường và các mẫu thư tín xã giao,...</p> <p>- Biết cách rút ngắn 1 đoạn văn dài thành câu văn súc tích, ngắn gọn; biết phát biểu cảm tưởng qua việc làm những bài nghiên cứu ngắn và báo cáo bằng hình thức Power point.</p> <p>- Phát triển kỹ năng quan sát sự việc, hình ảnh để sắp xếp ý tưởng thành một câu chuyện, phát triển óc tưởng tượng có logic, nâng cao kỹ năng viết sáng tạo và độc lập, để tạo bước đệm cho sinh viên khi tiếp xúc với các thể</p>	<p>GV thuyết trình Thảo luận nhóm SV thuyết trình Bài tập. Báo cáo nhóm</p>	<p>Kỹ năng viết, bài tập Ý kiến hỏi đáp Kiểm tra giữa kỳ</p>	<p>PLO1</p> <p>- Phân biệt được và viết đúng các dấu câu trong tiếng Trung quốc.</p> <p>- Có khả năng diễn đạt được các ý nghĩ của mình ở dạng câu đơn đúng ngữ pháp.</p>	<p>PLO2</p> <p>- Có được những kỹ năng soạn thảo những loại văn bản đơn giản như: đơn xin phép, đơn xin việc, viết những bức thư đơn giản như: thư mời, thư hẹn, thư cảm ơn, email,... Nắm vững cách viết thư thông thường và các mẫu thư tín xã giao,...</p> <p>- Phát triển kỹ năng quan sát sự việc, hình ảnh để sắp xếp ý tưởng thành một câu chuyện, phát triển óc tưởng</p>	<p>PLO3</p> <p>- Có thái độ học tập tích cực, hăng hái tham gia các bài tập viết văn trên lớp.</p>
--	---	--	---	---	--

--	--	--	--	--	--	--

## 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Giáo trình chính:

Kỹ Năng Viết Văn Tiếng Hoa (2015), PGS.TS Nguyễn Đình Phúc chủ biên, nxb Văn Hóa Nghệ Thuật

- Tài liệu tham khảo

### Tiếng Trung

??? (2006), ???- ?????( ?), ???????????

???, ???(2003), ??????, ???????????

??? (2003), ??????????, ??????????

??? (1997), ?????, ???????????

???, ???(2001), ?????????????, ??????????

??? (1992), ?????, ?????????????

- Trang Web tham khảo: ????

<http://202.116.0.161/iHWXY/dmlxz/xiezuoweb/neirong.htm>

<http://www.blcup.com/index.asp>

## 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Giữa kỳ	- Bài tập đầy đủ - Kiểm tra giữa kỳ	20%	Điểm giữa kỳ	20%
Cuối kỳ	- Bài tập đầy đủ - Thi cuối kỳ	70%	Điểm cuối kỳ	70%
Chuyên cần	Đến lớp hơn 80% số tiết	10%	Điểm chuyên cần	10%
				<b>100% (10/10)</b>

## **Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

- Điểm < 5: không đạt
- Điểm 5 (loại **Trung Bình**): viết đúng tiêu chí đề bài yêu cầu
- Điểm 6-7 (loại **Trung Bình Khá**): không lạc đề, dùng đúng ngữ pháp và từ vựng
- Điểm 8-9 (loại **Khá Giỏi**): không lạc đề, dùng đúng cấu trúc ngữ pháp, từ vựng; diễn đạt trôi chảy, có tư duy sáng tạo.
- Điểm 10 (loại **Xuất Sắc**): bảo đảm các tiêu chí cho điểm 8-9, ngoài ra có khả năng dùng các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng khó.

## **11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

### **11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp và học tập với thái độ tích cực.
- Nộp bài tập làm tại nhà đúng thời gian quy định (nộp trễ giáo viên không nhận bài)
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp theo yêu cầu của giảng viên.

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.
- Nộp báo cáo đúng thời gian yêu cầu của giảng viên, nộp trễ sẽ không được tính điểm.
- Trường hợp đạo văn, quay cóp... bài thi sẽ không được công nhận kết quả điểm thi.

## **12. Nội dung chi tiết môn học:**

Bài 1: ????

- Cách sử dụng các dấu câu trong văn viết tiếng Trung
- Quy cách viết văn tiếng Trung
- Cách viết một bài giới thiệu bản thân
- Các bài văn mẫu

Bài 2: ????

- Cách lập kế hoạch cho bản thân
- Những từ ngữ thường dùng trong một bài viết kế hoạch
- Các bài viết kế hoạch mẫu

Bài 3: ????

- Phân biệt và nắm được 6 yếu tố quan trọng khi kể lại câu truyện



- Những từ ngữ, câu và cách hành văn khi kể lại câu truyện
- Đọc và mô phỏng các bài văn mẫu

Bài 4: ?????

- Cách quan sát tranh ảnh và viết thành câu chuyện
- Phát triển khả năng tư duy, đánh giá qua tranh ảnh
- Cách dùng đúng từ ngữ và văn phong để diễn đạt câu truyện cần truyền đạt

Bài 5: ????

- Cách viết các loại thư thông thường (thăm hỏi, cảm ơn, chúc mừng,...)
- Các mẫu câu thường dùng trong thư
- Những từ ngữ thường dùng trong thư
- Các bức thư mẫu

Bài 6: ??? (1)

- Cách viết một bức thư xin việc, CV và thư cảm ơn
- Những từ ngữ và cách diễn đạt thường dùng trong các văn bản trên
- Các bài mẫu

Bài 7: ??? (2)

- Cách viết lời nhắn, đơn xin phép, thông báo mất đồ đạc và nhật được của rơi v.v...
- Những từ ngữ và cách diễn đạt thường dùng trong các văn bản trên
- Các bài mẫu

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi / tuần	Số tiết	Nội dung môn học	Hoạt động dạy và học	Nhiệm vụ của SV
1	5	Bài 1: ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng lý thuyết: cách dùng các loại dấu câu, cách trình bày một bài viết tiếng Trung.</li> <li>- Thực hành: Đọc và phân tích các bài văn mẫu trang 1-3</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững được tư tưởng và cách trình bày của các tác giả bài văn mẫu.</li> <li>- Thực hành: Viết một bài giới thiệu bản thân khoảng 300 từ (Bài tập về nhà)</li> </ul>

2	5	Bài 2: ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động nhóm: chia 6 em 1 nhóm, mỗi nhóm phân tích 1 bài văn mẫu và lập dàn ý, sau đó báo cáo, lớp thảo luận và đánh giá dàn ý của nhóm.</li> <li>- Từ hoạt động nhóm, giảng viên dẫn vào lý thuyết: cách lập dàn ý để viết các loại kế hoạch cho bản thân (kế hoạch học tập, du lịch, làm thêm...)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết một kế hoạch học tập cụ thể theo tình hình học tập hiện nay của bạn (bài tập về nhà).</li> <li>- Làm các bài tập trong giáo trình</li> </ul>
3	5	Bài 3: ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem đoạn clip liên quan đến các bài văn mẫu trong giáo trình</li> <li>- Đọc và phân tích các bài văn mẫu.</li> <li>- Giáo viên hướng dẫn và 6 yếu tố quan trọng khi tường thuật câu chuyện.</li> <li>- Xem một số đoạn clip khác</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sau khi được hướng dẫn cách tường thuật câu chuyện và xem các đoạn clip, sinh viên thực hành tại lớp.</li> <li>- Chọn một đoạn clip làm bài tập về nhà.</li> </ul>
4	5	Bài 4: ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luyện tập thêm bài 3</li> <li>- Phương pháp quan sát những bức tranh và cách cấu tạo tình tiết thành 1 câu chuyện.</li> <li>- Kết hợp với các kỹ năng đã học trong bài 3 để hoàn thành bài văn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chọn hình ảnh trong giáo trình và do giáo viên cung cấp làm bài tập</li> </ul>
5	5	Bài 4: ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luyện tập bài 4</li> <li>- Sửa bài tại lớp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên luyện tập theo hướng dẫn của giáo viên</li> </ul>

6	5	Bài 5: ????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng lý thuyết: cách viết một lá thư tiếng Trung.</li> <li>- Thực hành: Đọc và phân tích các bài văn mẫu</li> <li>- Sinh viên viết 1 lá thư cho bạn học trong lớp theo sự chỉ định của giáo viên, sau đó đọc cho cả lớp phân tích và nhận xét.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trước khi lên lớp, đọc trước các bài văn mẫu.</li> <li>- Làm bài tập về nhà</li> </ul>
7	5	Bài 6: ???(1)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng lý thuyết: cách viết một lá đơn xin việc, thư cảm ơn</li> <li>- Đọc và phân tích các bài mẫu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm bài tập trong giáo trình.</li> <li>- Giáo viên đặt tình huống để sinh viên thực hành.</li> </ul>
8	5	Bài 7: ???(2)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng lý thuyết: cách viết một thư mời, đơn xin nghỉ, lời nhắn v.v...</li> <li>- Đọc và phân tích các bài mẫu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm bài tập trong giáo trình.</li> <li>- Giáo viên đặt tình huống để sinh viên thực hành.</li> </ul>
9	5	Ôn tập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập</li> <li>- Ôn tập</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tích cực xin giảng viên giải đáp những thắc mắc hoặc những gì chưa nắm vững trong suốt khóa học.</li> </ul>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2016  
**Người biên soạn**

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc

TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương

ThS. Trương Phan Châu Tâm

**Giảng viên phụ trách môn học** (có thể dùng bảng hoặc không)

HỌ và tên: Trương Phan Châu Tâm	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngữ Văn Trung Quốc	Điện thoại liên hệ: 0938743860
Email: chautam@hcmussh.edu.vn	Trang web:

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học: **Kỹ năng viết văn 2**

- Mã môn học: NVT027

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ : dành cho sinh viên năm thứ 3

4. Phân bố thời gian: 45 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 30 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Sinh viên học xong chương trình tổng hợp trung cấp và kỹ năng viết 1.

### 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Cách viết văn tự sự

Cách viết văn miêu tả người

Cách miêu tả tâm lý và hành động, ngôn ngữ của nhân vật

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Nâng cao kỹ năng lập luận của sinh viên, giúp sinh viên dùng từ chính xác hơn và súc tích hơn.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

+ Trên cơ bản viết được những bài văn tự sự bằng tiếng Trung.

+ Viết được văn tả người bằng tiếng Trung.

- + **Nắm** được các kỹ năng trong cách miêu tả tâm lý, hành động và ngôn ngữ của nhân vật.
- + **Viết** văn tiếng Trung trôi chảy hơn, và đúng văn phong hơn.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	<p>+ Áp dụng được những kiến thức của môn học vào thực tiễn, có thể viết được những bài văn bằng tiếng Trung trôi chảy, chính xác hơn.</p> <p>+ <b>Nắm</b> được những kỹ năng cũng như cách thức viết văn bằng tiếng Trung.</p>	<p><i>GV thuyết giảng.</i> <i>SV thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.</i> <i>Sau đó SV sửa các bài văn mẫu.</i></p>	<p>- <i>Kỹ năng viết văn</i> <i>- Kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ.</i></p>	<p><i>PLO1</i> + SV có thể viết được những bài văn tự sự và những bài văn tả người. + SV nắm được các cách miêu tả diện mạo, tâm lý, hành động và ngôn ngữ trong tả người.</p>	<p><i>PLO2</i> + SV có kỹ năng sử dụng những từ ngữ và cú pháp trong khi viết.</p>	<p><i>PLO3</i> + SV có thái độ và cách nhìn đúng đắn, tự tin hơn trong việc viết văn.</p>

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính

1. PGS.TS.NGUYỄN ĐÌNH PHÚC (chủ biên), **KỸ NĂNG VIẾT VĂN TIẾNG HOA**( ????????? ), NXB Văn hoá – văn nghệ, 2015

- Tài liệu tham khảo/bổ sung :

1. ???(2006), ??????????(?) ?, ??????????
2. ???(2014), ??????????—????, ??????

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
--------------------	--	-----------	-----------	--------------------

Mỗi buổi học Giữa kỳ	- Chuyên cần - Bài tập - Kiểm tra giữa kỳ	0 % 50 % 50 % 100%	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	- Bài tập - Thi cuối kỳ	50% 50%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

**Điểm 9-10:** Tốt. Sinh viên vận dụng tốt những kỹ năng viết văn tiếng Trung. Có óc sáng tạo, câu văn diễn đạt suôn sẻ, dùng đúng ngữ pháp, từ ngữ sử dụng phù hợp với nội dung chủ đề.

**Điểm 7-8:** Khá. Sinh viên có khả năng sử dụng khá tốt những kỹ năng viết văn tiếng Trung. Câu văn diễn đạt suôn sẻ, dùng đúng ngữ pháp, từ ngữ sử dụng tương đối phù hợp với nội dung chủ đề.

**Điểm 5-6:** Trung bình. Sinh viên nắm được kỹ năng viết văn tiếng Trung.

### 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

#### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp.
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp.
- Hoàn tất các bài tập được giao.

#### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ

### 12. Nội dung chi tiết môn học:

#### - Bài 1: ????

- ??????
- ???????
- ??????
- ??

#### - Bài 2. ????????

- ??????: ????????????????
- ??: ????????????????

- ??????
- ??
- ??????????

- **Bai 3: ????????**

- ??: ??????????
- ??????????
- ??????
- ??
- ??????????

- **Bai 4: ????**

- ????????????
- ??

- **Bai 5: ??????????????**

- ??: ??????
- ?????
- ??????
- ??
- ??????????

- **Bai 6: ??????????????**

- ??: ??????
- ?????
- ??????
- ??
- ??????????

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

Buổi/ Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	<b>Bai 1: ????</b> - ?????? - ??????? - ?????? - ??	-Đọc các bài văn mẫu - Làm bài tập -Viết 1-2 đoạn văn theo yêu cầu (1)	KỸ NĂNG VIẾT VĂN TIẾNG HOA?? ?????, P88 – P93





**PGS.TS. NGUYỄN ĐÌNH  
PHÚC**

**TS. NGUYỄN VŨ  
QUỲNH PHƯƠNG**

**TS. TRƯƠNG GIA  
QUYỀN**

**Giảng viên phụ trách môn học** (có thể dùng bảng hoặc không)

Họ và tên: TRƯƠNG GIA QUYỀN	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: B014, K.Ngũ văn TQ, ĐHKHXH&NV TPHCM, 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, TPHCM.	Điện thoại liên hệ:
Email: <a href="mailto:giaquyen@hcmussh.edu.vn">giaquyen@hcmussh.edu.vn</a>	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	E-mail: <a href="mailto:giaquyen@hcmussh.edu.vn">giaquyen@hcmussh.edu.vn</a>
-------------------------------	--

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Nghe nhìn**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): .....

- Mã môn học: NVT028

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 2

### 3. Trình độ (dành cho sinh viên năm thứ 4)

### 4. Phân bố thời gian: 45 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 20 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: có kiến thức cơ sở và nâng cao, đã hoàn tất chương trình Hán ngữ sơ cấp và trung cấp

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: nắm vững ngữ pháp cơ bản và nâng cao, có vốn từ nhất định, có kiến thức về văn hóa, lịch sử, địa lý, ... của Trung Quốc

### 6. Mô tả văn tắt nội dung môn học:

a. Lên lớp: 30 tiết

b. Thực hành làm bài tập: 10 tiết

g. Tự học, tự nghiên cứu: tự rèn luyện thêm kỹ năng nghe

- h. Thảo luận nhóm, thuyết trình: 5 tiết
- i. Các hình thức khác: đi thực tế để thực hành giao tiếp

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về kinh tế, văn hóa, lịch sử của nước bản địa, rèn kỹ năng và thực hành nghe nói, qua việc thưởng thức những đoạn phim ngắn (với các chủ đề rất phổ biến hiện nay) giúp sinh viên nâng cao phần xạ nghe nói, nắm bắt các mẫu câu mang tính khẩu ngữ cao.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

- Trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình

- Áp dụng : vào cuộc sống với những kiến thức cung cấp trong giáo trình

- Đạt được kỹ năng : sinh viên phát triển kỹ năng nghe nói, để từ đó có thể diễn đạt chính xác hơn và tự nhiên hơn.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	Sinh viên nghe hiểu và thuật lại được ý chính của chủ đề đoạn phim	GV thuyết trình Thảo luận nhóm SV thuyết trình	Kỹ năng trình bày Ý kiến hỏi đáp Kiểm tra giữa kỳ
2	Sinh viên nghe hiểu và trả lời đúng với nội dung của bài		
3	Sinh viên nghe hiểu và trả lời đúng với nội dung của bài		

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)

				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ	
	Sinh viên nghe hiểu và có khả năng thuật lại được ý chính của chủ đề đoạn phim. Sinh viên nghe hiểu và trả lời đúng với nội dung của bài. Sinh viên nghe hiểu và trả lời đúng với nội dung của bài.	GV thuyết trình Thảo luận nhóm SV thuyết trình	thuyết luận thuyết	Kỹ năng trình bày Ý kiến hỏi đáp Kiểm tra giữa kỳ	<b>PLO1</b> -Trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình.  - Áp dụng : vào cuộc sống với những kiến thức cung cấp trong giáo trình	<b>PLO2</b> - Đạt được kỹ năng : sinh viên phát triển kỹ năng nghe nói, để từ đó có thể diễn đạt chính xác hơn và tự nhiên hơn.	<b>PLO3</b> Có thái độ học tập tích cực, nhận thức được tầm quan trọng của môn học giúp giao tiếp trong cuộc sống sau này.

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính: giáo trình môn nghe nhìn năm 4 (???????(2003), ????? - ????????)  
???, ??????????????)

- Tài liệu tham khảo:

1. ??? ???? ???(2006), ?????????????, ?????????

2. ???(2006), ????????? - ?????????, ?????????

**10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:**

<b>Thời điểm đánh giá</b>	<b>Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá</b>	<b>Phần tram</b>	<b>Loại điểm</b>	<b>% kết quả sau cùng</b>
<i>Giữa kỳ</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Chuyên cần</i></li> <li>- <i>Thuyết trình</i></li> <li>- <i>Tham gia thảo luận theo nhóm</i></li> <li>- <i>Kiểm tra giữa kỳ</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><i>10 %</i></li> <li><i>10 %</i></li> <li><i>10 %</i></li> <li><i>70 %</i></li> <li><b><i>100 %</i></b></li> </ul>	<i>Điểm giữa kỳ</i>	<i>30%</i>
<i>Cuối kỳ</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Chuyên cần</i></li> <li>- <i>Thuyết trình</i></li> <li>- <i>Tham gia thảo luận theo nhóm</i></li> <li>- <i>Kiểm tra cuối kỳ</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><i>10 %</i></li> <li><i>20 %</i></li> <li><i>70 %</i></li> <li><b><i>100%</i></b></li> </ul>	<i>Điểm cuối kỳ</i>	<i>70%</i>

				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>
--	--	--	--	-------------------------------

**Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

- Xếp loại đánh giá : 5 - 6 điểm : trung bình

7 - 8 điểm : khá

9 - 10 điểm : giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: Thi nghe nhìn trong phòng lab

Nội dung thi: có 2 phần: 40 % sẽ lấy nội dung trong những bài đã học; 60 % sử dụng tài liệu ở ngoài nhưng có tốc độ đọc tương đương với trình độ của sinh viên

Thời lượng : 60 phút

Tiêu chí chấm điểm: phần 1 : 4 điểm; phần 2 : 6 điểm

- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)

**11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

**11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định

- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp

- Tuyệt đối không vắng mặt trong các buổi thảo luận của nhóm

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp

- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành

**11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ

- Không thay đổi chủ đề giáo viên đã phân công

**11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

**12. Nội dung chi tiết môn học: tổng cộng học 9 buổi, 5 tiết / buổi**

### **1. Bài 1: ????**

- Giải thích từ, cụm từ

- Xem nội dung từng đoạn ( từ 1 đến 4), kết hợp làm bài tập: phân vai diễn xuất, thuật lại nội dung, thảo luận, ...

### **2. Bài 1: ????** (Tiếp theo)

- Xem nội dung từng đoạn ( từ 6 đến 11), kết hợp làm bài tập: phân vai diễn xuất, thuật lại

nội dung, thảo luận, ...

### **Bài 2: ????**

- Giải thích từ, cụm từ

- Xem nội dung từng đoạn ( từ 1 đến 6), kết hợp làm bài tập: phân vai diễn xuất, thuật lại nội dung, thảo luận, ...

### **3. Bài 2: ????** (tiếp theo)

- Xem nội dung từng đoạn ( từ 6 đến 12), kết hợp làm bài tập: phân vai diễn xuất, thuật lại nội dung, thảo luận, ...

### **4. Bài 3: ????**

- Giải thích từ, cụm từ

- Xem nội dung từng đoạn ( từ 1 đến 4), kết hợp làm bài tập: phân vai diễn xuất, thuật lại nội dung, thảo luận, ...

### **5. Bài 3: ????** (Tiếp theo)

- Xem nội dung từng đoạn ( từ 5 đến 8), kết hợp làm bài tập: phân vai diễn xuất, thuật lại nội dung, thảo luận, ...

### **\* Kiểm tra giữa kỳ**

### **6. Bài 5: ????**

- Giải thích từ, cụm từ

- Xem nội dung từng đoạn ( từ 1 đến 5), kết hợp làm bài tập: phân vai diễn xuất, thuật lại nội dung, thảo luận, ...



**7. Bài 5: ???? (Tiếp theo)**

- Xem nội dung từng đoạn ( từ 5 đến 8), kết hợp làm bài tập: phân vai diễn xuất, thuật lại nội dung, thảo luận, ...

**8. Bài 6: ?????**

- Giải thích từ, cụm từ

- Xem nội dung từng đoạn ( từ 1 đến 5), kết hợp làm bài tập: phân vai diễn xuất, thuật lại nội dung, thảo luận, ...

**9. Bài 6: ???? (TT)**

- Xem nội dung từng đoạn ( từ 5 đến 8), kết hợp làm bài tập: phân vai diễn xuất, thuật lại nội dung, thảo luận, ...

\* **Ôn tập**

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

<b>Buổi / Tuần</b>	<b>Số tiết trên lớp</b>	<b>Nội dung bài học</b>	<b>Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV</b>	<b>Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)</b>
1	5	Bài 1: ????	- <i>Giáo viên thuyết trình</i> - <i>SV làm bài tập trong giáo trình</i>	????? - ?????????????

2	5	Bài 1: ??? ( TT) Bài 2: ???	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	???? - ???????????
3	5	Bài 2: ??? (TT)	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	???? - ???????????
4	5	Bài 3: ???	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	???? - ???????????
5	5	Bài 3: ??? (TT) Kiểm tra giữa kỳ	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv	???? - ???????????

6	5	Bài 5: ????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV thuyết trình theo nhóm</li> <li>- SV thảo luận trong nhóm</li> <li>- Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv</li> <li>- Giáo viên thuyết trình</li> </ul>	????? - ????????????
7	5	Bài 5: ???? (TT)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV thuyết trình theo nhóm</li> <li>- SV thảo luận trong nhóm</li> <li>- Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv</li> <li>- Giáo viên thuyết trình</li> </ul>	????? - ????????????
8	5	Bài 6 : ????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV thuyết trình theo nhóm</li> <li>- SV thảo luận trong nhóm</li> <li>- Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv</li> <li>- Giáo viên thuyết trình</li> </ul>	????? - ????????????
9	5	Bài 6 : ???? (TT) Ôn tập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV thuyết trình theo nhóm</li> <li>- SV thảo luận trong nhóm</li> <li>- Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv</li> <li>- Giáo viên ôn tập</li> </ul>	????? - ????????????

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương **ThS. Nguyễn Minh Thúy**

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

Họ và tên: NGUYỄN MINH THÚY	Học hàm, học vị: thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng	Điện thoại liên hệ: 0982272841
Email: minhthuynghuyen@hcmussh.edu.vn	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)



## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

Tên tiếng Việt: **Nghe sơ cấp 1 (D4)**

Tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): .....

- Mã môn học: NVT029

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 1 (D4)

4. Phân bố thời gian: 45 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết 15 tiết

- Thực hành 30 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: đã học xong môn Nghe sơ cấp 1 hoặc đã có trình độ tiếng Hán tương đương.

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Sinh viên đã nghe và nói được những câu, đoạn hội thoại đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.

### 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Nội dung môn học: từ bài 1- bài 10 quyển 2 trong bộ giáo trình nghe (????????, ?? ?, ?????? ??, ??????????, 2004 ??) với ba nội dung chính là: Phần luyện nghe và lý giải; phần nghe mở rộng; phần luyện tập ngữ âm ngữ điệu. Phần nghe và lý giải có ba dạng luyện tập chính gồm: Nghe câu, đoạn đối thoại và chọn đáp án đúng; nghe những hội thoại và đoạn văn ngắn phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi hoặc thuật lại nội dung; nghe và điền từ vào chỗ trống. Phần luyện tập ngữ âm ngữ điệu gồm các bài luyện phân biệt âm và ngữ điệu, luyện tập trọng âm của câu. Sau mỗi 5 bài sẽ có

bài ôn tập củng cố các kiến thức đã học.

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Môn học cung cấp cho SV kỹ năng nghe hiểu được hàm ý của câu; nghe và nắm bắt được đại ý, nội dung của đoạn hội thoại và đoạn văn ngắn, kỹ năng vượt chướng ngại trong khi nghe và kỹ năng liên tưởng phán đoán, nâng cao kỹ năng lý giải nghĩa ngữ cảnh, ngữ dụng và kỹ năng ghi nhớ thông tin.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học SV sẽ kiện toàn được năng lực nghe và lý giải, nắm bắt sơ bộ được các kỹ xảo trong khi nghe, từ đó có thể tiến hành được hoạt động giao tiếp bằng tiếng Hán theo yêu cầu thực tế.

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	Nghe được và hiểu được hàm ý của câu nói.	<i>GV thuyết giảng và bật máy cho SV nghe. SV lặp lại câu đã nghe, chọn đáp án đúng và trả lời câu hỏi của GV.</i>	<i>Trả lời đúng câu hỏi trong sách và của GV</i>
2	Nghe được và nắm bắt được đại ý hoặc chi tiết của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn ngắn. Thuật lại được nội dung đã nghe	<i>GV thuyết giảng sau đó bật máy cho nghe. SV nghe, ghi chép và làm bài tập theo yêu cầu của GV.</i>	<i>Hỏi – đáp: chọn được đáp án đúng Trả lời được các câu hỏi trong bài tập hoặc của GV và các SV khác đưa ra.</i>
3	Áp dụng được các từ ngữ và cấu trúc câu xuất hiện trong bài nghe để tiến hành giao tiếp	<i>GV hoặc SV đặt câu hỏi các SV khác trả lời. SV có thể đóng kịch diễn đạt lại nội dung trong bài</i>	<i>Hỏi – đáp Trình bày miệng Trình bày bằng viết bảng</i>
4	Nghe và điền được các từ ngữ còn thiếu vào chỗ trống	<i>GV thuyết giảng sau đó bật máy cho nghe. SV nghe và làm bài tập theo yêu cầu của GV.</i>	<i>Đưa ra được kết quả đúng</i>

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
1	Nghe được và hiểu được hàm ý của câu nói.	<i>GV thuyết giảng và bật máy cho SV nghe. SV lặp lại câu đã nghe, chọn đáp án đúng và trả lời câu hỏi của GV.</i>	<i>Trả lời đúng câu hỏi trong sách và của GV</i>	<i>Hiểu và dùng được nghĩa ngữ cảnh và ngữ dụng của từ ngữ, cấu trúc câu</i>	<i>Nghe và mô phỏng đúng trọng âm của từ, ngữ điệu của câu.</i>	<i>Chủ động áp dụng các kiến thức đã học vào thực tế. Luôn tự giác nâng cao, trau dồi kỹ năng nghe</i>
2	Nghe được và nắm bắt được đại ý hoặc chi tiết của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn ngắn. Thuật lại được nội dung đã nghe	<i>GV thuyết giảng sau đó bật máy cho nghe. SV ghi chép và làm bài tập theo yêu cầu của GV.</i>	<i>Hỏi – đáp: chọn được đáp án đúng Trả lời được các câu hỏi trong bài tập hoặc của GV và các SV khác đưa ra.</i>	<i>Có được lượng từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp phong phú. Có được một số kỹ xảo khi nghe.</i>	<i>- Nghe và sử dụng thành thạo các mẫu câu đã học. Có thể mô phỏng được ngữ âm ngữ điệu của người Trung Quốc</i>	<i>Chủ động dùng kiến thức đã học vào thực tế</i>
3	Áp dụng được các từ ngữ và cấu trúc câu xuất hiện trong bài nghe để tiến hành giao tiếp	<i>GV hoặc SV đặt câu hỏi các SV khác trả lời. SV có thể đóng kịch diễn đạt lại nội dung trong bài</i>	<i>Hỏi – đáp Trình bày miệng Trình bày viết bảng</i>	<i>Nắm được lượng từ mới và cấu trúc câu mới xuất hiện trong bài học</i>	<i>Có thể vừa nghe vừa ghi chép (ghi nhớ) được nội dung và đại ý</i>	<i>Chủ động nâng cao kỹ năng nghe đoạn văn và hội thoại ngắn</i>



4	Nghe và điền được các từ ngữ còn thiếu vào chỗ trống	<i>GV thuyết giảng sau đó bật máy cho nghe. SV nghe và làm bài tập theo yêu cầu của GV.</i>	<i>Đưa ra được kết quả đúng</i>	<i>Hiểu được nội dung, đại ý của câu, đoạn</i>	<i>Ghi nhớ và phán đoán các từ ngữ cần điền</i>	<i>Chủ động luyện nghe thêm</i>
---	--	---	---------------------------------	--	---	---------------------------------

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính:

Giáo trình nghe quyển 2 (????????,????????????,????????????, 2005 ??)

- Tài liệu tham khảo/bổ sung :

????, ?????????????,????????????, 2011 ??

????, ?????????????,????????????, 2011 ??

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Giữa kỳ	- <i>Chuyên cần</i> Ôn bài cũ, chuẩn bị bài mới, làm các bài tập ở nhà:	10%	<i>Điểm giữa kỳ</i>	30%
	Tham gia tích cực hoạt động học tập trên lớp, xung phong phát biểu:	10%		
	Nghỉ học không phép trên 02 buổi trừ 10% điểm chuyên cần, nghỉ học trên 20% thời lượng môn học <b>CẤM THI CUỐI KỲ</b>			
	- <i>Thi kiểm tra giữa kỳ: thi viết.</i> Nghe đĩa rồi trả lời các câu hỏi trên đề thi	80 %  100%		

Cuối kỳ	- Thi cuối kỳ	100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

**Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

**- Xếp loại đánh giá (GV tự xây dựng)**

- VII. Loại Giỏi: SV đạt 8-10 điểm (nghe được 80% trở lên).
- VIII. Loại Khá: SV đạt 6,5 – cận 8 điểm (nghe được 65% - 79%)
- IX. Loại Trung bình: SV đạt 5 - 6 điểm (nghe được 50%-60%)
- X. Loại yếu: SV đạt 0 – 4,5 điểm (dưới 45%)

**- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng) :**

Hình thức: thi viết, nghe đĩa và trả lời các câu hỏi trên đề thi;

Thời lượng: 45 phút kể cả thời gian đọc đề

Nội dung: gồm 6 phần sau:

2. Phần 1: Nghe các câu sau và chọn đáp án đúng (nghe 1 lần) (7 câu)
3. Phần 2: nghe và chọn câu có ý nghĩa tương đương với câu bạn nghe được (nghe 1 lần) (5 câu)
4. Phần 3: Nghe các mẫu đối thoại sau và chọn đáp án đúng (nghe 2 lần) (7 câu)
5. Phần 4: Nghe đoạn văn ngắn và điền nội dung liên quan vào bảng (nghe 3 lần). (5 thông tin)
6. Phần 5: Nghe đoạn văn ngắn và trả lời câu hỏi (nghe 3 lần) (2 câu)
7. Phần 6: Nghe đoạn văn ngắn sau đó nối các thông tin hợp lý lại với nhau (nghe 3 lần) (10 thông tin)

**- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học):**

Phần 1: 0,25 điểm/câu, tổng điểm: 1,75 điểm/7 câu

Phần 2: 0,2 điểm/câu, tổng điểm: 1 điểm/5 câu

Phần 3: 0,25 điểm/câu, tổng điểm: 1,75 điểm/7 câu

Phần 4: 0,5 điểm/câu , tổng điểm: 2,5 điểm/5câu. Mỗi chữ Hán viết sai bị trừ 0,1 điểm. Trừ 50% điểm khi trả lời đúng một nửa hoặc trừ 30% điểm câu trả lời đúng nhưng diễn đạt lủng củng hoặc sai ngữ pháp lỗi nhỏ.

Phần 5: 1 điểm/câu, tổng điểm: 2 điểm/câu. Mỗi chữ Hán viết sai trừ 0,1 điểm. Trừ 50% điểm khi trả lời đúng một nửa hoặc trừ 30% điểm câu trả lời đúng nhưng diễn đạt lủng

cũng hoặc sai ngữ pháp lỗi nhỏ.

Phần 6: 0,1điểm/câu, tổng điểm: 1điểm/10 câu/

## **11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

### **11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp,
- Ôn bài cũ, chuẩn bị bài mới theo yêu cầu của GV trước khi vào lớp

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Không đi học đầy đủ, không làm bài tập và chuẩn bị bài theo yêu cầu của GV sẽ bị trừ điểm 10%
- Thi giữa kỳ và cuối kỳ đúng theo lịch.

### **11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

- Tiếp sinh viên trước và sau giờ giảng, trong giờ nghỉ giải lao tại lớp hoặc liên hệ thông qua email và điện thoại GV cung cấp.

## **12. Nội dung chi tiết môn học: viết chi tiết tên chương, tiết, mục**

### **Bài 1: ???**

1. ??
2. ??????
- 3.????
- 4.??????

### **Bài 2: ???**

1. ??
2. ??????
- 3.????
- 4.??????

### **Bài 3: ???**

1. ??
2. ??????
- 3.????
- 4.??????

### **Bài 4: ???**

1. ??
2. ??????

3.????

4.??????

**Bài 5: ???**

1. ??

2. ??????

3.????

4.??????

**Bài ôn tập 1: ???**

1. ??????

2. ??????

**Bài 6: ???**

1. ??

2. ??????

3. ????

4. ??????

**Bài 7: ???**

1. ??

2. ??????

3. ????

4. ??????

**Bài 8: ???**

1. ??

2. ??????

3. ????

4. ??????

**Bài 9: ???**

1. ??

2. ??????

3. ????

4. ??????

**Bài 10: ???**

1. ??

2. ??????

3. ????

4. ??????

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

<b>Buổi / Tuần</b>	<b>Số tiết trên lớp</b>	<b>Nội dung bài học</b>	<b>Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV</b>	<b>Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)</b>
1	4	Bài 1	GV giải thích nghĩa từ ngữ mới và thuyết giảng về kỹ xảo, cách nghe một câu độc lập, nghe đoạn văn và đoạn hội thoại sau đó cho SV nghe máy làm các bài tập và đặt câu hỏi cho SV. SV nghe máy, làm bài tập và trả lời câu hỏi của GV SV có thể làm bài tập theo cặp, nhóm sau đó trình bày miệng hoặc viết trên bảng.	Trang 3 đến trang 5 giáo trình nghe quyển 2
2	4	Bài 2	Kiểm tra bài cũ, giải thích nghĩa từ ngữ mới sau đó cho SV nghe máy làm các bài tập và đặt câu hỏi cho SV. SV nghe máy, làm bài tập và trả lời câu hỏi của GV SV có thể làm bài tập theo cặp, nhóm sau đó trình bày miệng hoặc viết trên bảng.	Trang 6 đến trang 8 giáo trình nghe quyển 1
3	4	Bài 3	Kiểm tra bài cũ, giải thích nghĩa từ ngữ mới sau đó cho SV nghe máy làm các bài tập và đặt câu hỏi cho SV. SV nghe máy, làm bài tập và trả lời câu hỏi của GV SV có thể làm bài tập theo cặp, nhóm sau đó trình bày miệng hoặc viết trên bảng.	Trang 6 đến trang 10 giáo trình nghe quyển 2
4	4	Bài 4	Kiểm tra bài cũ, giải thích nghĩa từ ngữ mới sau đó cho SV nghe máy làm các bài tập và đặt câu hỏi cho SV. SV nghe máy, làm bài tập và trả lời câu hỏi của GV SV có thể làm bài tập theo cặp, nhóm sau đó trình bày miệng hoặc viết trên bảng.	Trang 11 đến trang 14 giáo trình nghe quyển 2

5	4	Bài 5	Kiểm tra bài cũ, giải thích nghĩa từ ngữ mới sau đó cho SV nghe máy làm các bài tập và đặt câu hỏi cho SV. SV nghe máy, làm bài tập và trả lời câu hỏi của GV SV có thể làm bài tập theo cặp, nhóm sau đó trình bày miệng hoặc viết trên bảng.	Trang 15 đến trang 18 giáo trình nghe quyển 2
6	4	Bài ôn tập số 1 THI GIỮA KỲ	Cho SV nghe máy và làm bài tập. THI GIỮA KỲ (45 phút)	Trang 19 đến trang 22 giáo trình nghe quyển 2
7	4	Bài 6	Kiểm tra bài cũ, giải thích nghĩa từ ngữ mới sau đó cho SV nghe máy làm các bài tập và đặt câu hỏi cho SV. SV nghe máy, làm bài tập và trả lời câu hỏi của GV SV có thể làm bài tập theo cặp, nhóm sau đó trình bày miệng hoặc viết trên bảng.	Trang 23 đến trang 26 giáo trình nghe quyển 2
8	4	Bài 7	Kiểm tra bài cũ, giải thích nghĩa từ ngữ mới sau đó cho SV nghe máy làm các bài tập và đặt câu hỏi cho SV. SV nghe máy, làm bài tập và trả lời câu hỏi của GV SV có thể làm bài tập theo cặp, nhóm sau đó trình bày miệng hoặc viết trên bảng..	Trang 27 đến trang 30 giáo trình nghe quyển 2
9	4	Bài 8	Kiểm tra bài cũ, giải thích nghĩa từ ngữ mới sau đó cho SV nghe máy làm các bài tập và đặt câu hỏi cho SV. SV nghe máy, làm bài tập và trả lời câu hỏi của GV SV có thể làm bài tập theo cặp, nhóm sau đó trình bày miệng hoặc viết trên bảng.	Trang 31 đến trang 34 giáo trình nghe quyển 2

10	4	Bài 9	Kiểm tra bài cũ, giải thích nghĩa từ ngữ mới sau đó cho SV nghe máy làm các bài tập và đặt câu hỏi cho SV. SV nghe máy, làm bài tập và trả lời câu hỏi của GV SV có thể làm bài tập theo cặp, nhóm sau đó trình bày miệng hoặc viết trên bảng.	Trang 35 đến trang 38 giáo trình nghe quyển 2
11	4	Bài 10	Kiểm tra bài cũ, giải thích nghĩa từ ngữ mới sau đó cho SV nghe máy làm các bài tập và đặt câu hỏi cho SV. SV nghe máy, làm bài tập và trả lời câu hỏi của GV SV có thể làm bài tập theo cặp, nhóm sau đó trình bày miệng hoặc viết trên bảng.	Trang 43 đến trang 46 giáo trình nghe quyển 2

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 6 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc    TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương    ThS. **Võ Ngọc Tuấn Kiệt**

**ThS. Phan Thị Hà**

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV**  
**KHOA/BỘ MÔN NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Nghe sơ cấp 2 (D4)**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): .....

- Mã môn học: NVT030

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành	Chuyên ngành		
		<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Môn học thuộc khối kiến thức:

**2. Số tín chỉ: 2**

**3. Trình độ:** dành cho sinh viên năm thứ 1 (D4)

**4. Phân bố thời gian:** 45 tiết (*1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành*)

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 15 tiết

- Tự học: 15 tiết

**5. Điều kiện tiên quyết:**

- Môn học tiên quyết: Phải học song song với môn Hán ngữ tổng hợp (bao gồm các chuyên ngành nhỏ như dịch, ngữ pháp, khẩu ngữ). Sinh viên phải nắm được từ mới gần như tương đương với giáo trình chính của môn học. Sinh viên phải có giáo trình và băng, đĩa kèm theo giáo trình và máy cassette để luyện nghe thêm ở nhà.



- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Sinh viên phải thi đầu vào bằng khối D4, có trình độ ngoại ngữ tiếng Trung nhất định, nhất là phải đạt được kỹ năng nghe sơ cấp trở lên.

## VII. Mô tả văn tắt nội dung môn học:

Đây là môn nghe dành cho sinh viên năm 1 khối D4 Khoa Ngữ văn Trung Quốc học vào đầu học kỳ 2, với giáo trình nghe Hán ngữ (?????) quyển 3, chủ biên Dương Ký Châu (???), nhà xuất bản: Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2000.

Sinh viên sẽ học môn này trong 12 tuần, mỗi tuần học 4 tiết, mỗi buổi sẽ học trung bình 1 bài, như vậy sinh viên sẽ học 12 bài trong giáo trình này. Mỗi bài học gồm có 2 phần chính đó là phần nghe hiểu và phần nghe bổ sung.

Phần nghe hiểu có 2 phần nhỏ, phần đầu là nghe và chọn đáp án đúng gồm có 10 bài tập nhỏ, sinh viên sau khi nghe băng sẽ chọn 1 đáp án trong 3 đáp án có sẵn, phần thứ 2 sinh viên sẽ được nghe một đoạn văn sau đó sẽ căn cứ theo nội dung đoạn văn đã nghe để làm các bài tập như chọn đáp án đúng sai, chọn trắc nghiệm ABC, điền vào chỗ trống, nối câu tương ứng, trả lời câu hỏi...

Phần nghe bổ sung mỗi phần có 2 đoạn văn khác nhau với nội dung tương đối khó hơn đoạn văn của phần nghe hiểu, vì vậy giáo trình chỉ yêu cầu sinh viên nắm nội dung chính của phần này mà thôi, bài tập của phần này thường là chọn đáp án đúng hoặc sai.

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nghe ở trình độ trung cấp, với những bài nghe có nội dung thiết thực ở sinh hoạt hàng ngày trong cuộc sống...Củng cố và nâng cao khả năng nghe đã có của sinh viên để có thể đủ trình độ nghe để tiếp tục học giáo trình nghe vào năm sau ở năm 2.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học trình độ nghe sinh viên có thể nâng cao hơn nữa, dự kiến tương đương với trình độ nghe HSK cấp 6.

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	Sinh viên nghe và hiểu được chi tiết nội dung của bài học	Giảng viên tiến hành cho sinh viên nghe nội dung của bài học, tiến hành giải thích những nội dung đã nghe	Đặt các câu hỏi có liên quan đến phần đã nghe để sinh viên dựa theo nội dung vừa nghe trả lời câu hỏi
2	Sinh viên sau khi nghe được bài học có thể làm được các dạng bài tập mà sách giáo khoa yêu cầu, thí dụ như chọn đáp án đúng ABC, phán đoán đúng sai, nối phần tương ứng, điền từ vào chỗ trống .v.v....	Giảng viên giảng bài, hướng dẫn cách làm bài tập. Sau khi sinh viên làm bài tập xong GV sửa bài tập cho SV và giải thích những lỗi sai	Đánh giá sinh viên qua phần làm bài tập, ngoài ra còn có thể yêu cầu sinh viên lặp lại câu đã nghe và viết ra một số phần nghe quan trọng

3	Sinh viên có thể áp dụng được cách thức diễn đạt theo nội dung đã nghe được	Giảng viên có thể hướng dẫn và làm mẫu để sinh viên làm theo	Chỉnh sửa những sai sót của sinh viên
4	Sinh viên rút ra được bài học hoặc kinh nghiệm gì sau khi nghe xong nội dung bài khóa	Có thể thảo luận nhóm, xung phong phát biểu ý kiến hoặc chỉ định SV phát biểu	Tổng hợp ý kiến của sinh viên, GV nêu ra kết luận và nói lên những ý kiến nào của SV là được hoặc chưa được

## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành
- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)			
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ	
1	- Nghe hiểu được nội dung câu trong bài	-GV giới thiệu cho sv về ngữ cảnh và nội dung của bài học, sau đó mở máy cho sinh viên nghe, sau đó gv đặt câu hỏi để kiểm tra	- Kiểm tra câu trả lời của sv có đúng đáp án hoặc nội dung của bài hay không	- Nghe hiểu được ý nghĩa của nội dung theo từng ngữ cảnh của câu	- Hiểu được ý nghĩa của từ, ngữ theo từng chủ đề đã nghe;	- Áp dụng được kỹ năng nghe trên lớp vào thực tế cuộc sống, cố gắng nâng cao trình độ nghe	

2	- Nghe và hiểu được nội dung của đoạn văn hoặc đoạn hội thoại	-GV sau khi giảng bài cho sv nghe máy và làm các bài tập có sẵn trong sách	- Xem sv có làm được và làm đúng các bài tập nghe hay không	- Nắm được các từ vựng trong các bài đã nghe, có được kỹ năng nghe nhất định theo yêu cầu	- Nắm vững được ý nghĩa của từ, ngữ, mẫu câu theo từng chủ đề đã nghe	- Nghe được nội dung; - Có thể áp dụng được kiến thức đã học vào thực tế
3	- Có thể sử dụng những cấu trúc, những mẫu câu đã nghe vào đàm thoại trong thực tế - Thực hành nói theo nội dung bài nghe liên hệ với thực tế;	-Có thể tổ chức hội thoại hoặc thảo luận nhóm theo chủ đề của bài đang học	- Thảo luận, trả lời câu hỏi hoặc làm bài tập trên bảng hoặc làm vào tập - Nói được những nội dung theo chủ đề đã nghe	- Nắm được lượng từ vựng và các mẫu câu theo từng chủ đề đã nghe	- Có thể nghe và thuật lại được những gì đã nghe	- Nghe được nội dung; - Thuật lại được nội dung chính đã nghe; - Nắm vững kỹ năng nghe một đoạn dài.

4	- Nghe và viết ra được phần đã nghe	- SV thực hành làm các bài tập theo yêu cầu	- Kiểm tra bài làm của sv, nếu có sai sót thì chỉnh sửa	- Nghe được nội dung, viết được những gì đã nghe hiểu	- Khả năng nghe, và khả năng viết đúng viết kịp những gì bài nghe đã phát ra	- Tiếp tục nâng cao kỹ năng nghe, đồng thời luyện thêm kỹ năng viết song song với nghe
---	-------------------------------------	---	---	---	--	--

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính: Giáo trình nghe quyển 3 (?????,????????????,???????????, 2000 ??)

- Tài liệu tham khảo/bổ sung :

????, ???????????,????????????, 2011 ??

????, ???????????,????????????, 2011 ??

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Giữa kỳ	VD: - Chuyên cần - Kiểm tra giữa kỳ	20 % 80 % 100%	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	- Thi cuối kỳ	80% 100%	Điểm cuối kỳ	70%
				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>

## **Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

### **- Xếp loại đánh giá (GV tự xây dựng)**

Từ 0 điểm đến 2 điểm xếp loại kém, 2,5 điểm đến 4,5 điểm xếp loại yếu, 5 điểm xếp loại trung bình (nghe được 50%), 6 điểm xếp loại trung bình khá (nghe được 60%), 7 điểm loại khá (nghe được 70%), 8 điểm xếp loại khá giỏi (nghe được 80%), 9 điểm xếp loại giỏi (nghe được 90%), 10 điểm xếp loại xuất sắc (nghe được 100%)

### **- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng) :**

**Hình thức thi:** Thi viết, nghe đĩa và làm bài trên đề thi. Thời gian thi 50 phút.

**Nội dung thi:** Có 5 phần

- Phần 1: Nghe và chọn đáp án đúng ABCD, gồm 10 câu, nghe 2 lần
- Phần 2: Điền từ vào chỗ trống, gồm 10 chỗ trống, nghe 3 lần
- Phần 3: Dựa theo nội dung đã nghe trả lời câu hỏi, trả lời 5 câu hỏi, nghe 3 lần
- Phần 4: Nối các nội dung có liên quan lại với nhau, 5 nội dung, nghe 2 lần
- Phần 5: Chọn đáp án đúng hoặc sai, 5 câu, nghe 2 lần

### **- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học):**

- Phần 1: Nghe và chọn đáp án đúng: 2 điểm, mỗi câu đúng được 0,2 điểm
- Phần 2: Điền từ vào chỗ trống, 2,5 điểm, mỗi chỗ viết đúng được 0,25 điểm
- Phần 3: Trả lời câu hỏi, 2,5 điểm, mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm
- Phần 4: Nối các nội dung có liên quan, 1,5 điểm, một nội dung nối đúng được 0,3 điểm
- Phần 5: Chọn đáp án đúng hoặc sai, 1,5 điểm, một câu đúng được 0,3 điểm

## **11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

### **11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp,...
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp
- Ôn và nghe lại bài cũ

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Nộp tiêu luận trễ trong vòng 1 tuần sẽ bị trừ điểm 10%
- Làm bài nghiêm túc

### **11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

- Tiếp sinh viên trước giờ giảng, trong giờ nghỉ giải lao và sau giờ giảng tại lớp hoặc tiếp tại văn phòng khoa trong giờ làm việc ngoài giờ học trong giờ hành chính. Không tiếp sinh viên tại nhà riêng.

## **12. Nội dung chi tiết môn học:**

**Bài I:???????**

1.1. ??????

1.1.1. ????????

1.1.2. ??????,????

1.2.????

1.2.1. ??

1.2.2.??

**Bài II: ???????**

2.1. ??????

2.1.1. ????????

2.1.2. ??????,????

2.2.????

2.2.1. ??????

2.2.2.????

**Bài III: ?????????**

3.1. ??????

3.1.1. ????????????

3.1.2. ??????,????

3.2.????

3.2.1. ??????

3.2.2. ?????

**Bài IV: ??????????**

4.1. ??????

4.1.1. ????????

4.1.2. ??????,????

4.2. ????

4.2.1. ????????

4.2.2. ??????

**Bài V: ?????????**

5.1. ??????

5.1.1. ????????????

5.1.2. ??????,????

5.2. ????

5.2.1. ??????

5.2.2. ??

**Bài VI: ???**

6.1. ??????

6.1.1. ????????

6.1.2. ??????,????

6.2. ????

6.2.1. ???

**Bài VII: ???????**

7.1. ??????

7.1.1. ????????

7.1.2. ??????, ????

7.2. ????

7.2.1. ????(?)????

7.2.2. ??

**Bài VIII: ????????**

8.1. ??????

8.1.1. ????????

8.1.2. ??????, ????

8.2.????

8.2.1. ??????

8.2.2. ??????

**Bài IX: ???“????” ???**

9.1. ??????

9.1.1. ????????

9.1.2. ??????, ????

9.2. ????

9.2.1. ??????

9.2.2. ??

**Bài X: ????????**

10.1. ??????

10.1.1. ????????

10.1.2. ??????, ????

10.2.????

10.2.1. ????????????

10.2.2. ????

**Bài XI: ????????**

11.1. ??????

11.1.1. ????????

11.1.2. ??????, ????

11.2.????

11.2.1. ????

11.2.2. ??????

**Bài XII: ???**

12.1. ??????

12.1.1. ????????

12.1.2. ??????, ????

12.2.????

12.2.1.????????????????,??????

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	4	Bài 1 Đón tiếp tiễn đưa (????)	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 1, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV chuẩn bị từ mới trước ở nhà, nghe và thảo luận việc tiếp khách, tiễn khách trên lớp. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 1.	Trang 3 đến trang 6 giáo trình nghe quyển 3 (?????,???????????,??? ??????, 2000 ??)
2	4	Bài 2 Hàng xóm láng giềng (????)	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 2, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV Nghe và phân tích mối quan hệ giữa hàng xóm láng giềng. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 2.	Trang 7 đến trang 10 giáo trình nghe quyển 3
3	4	Bài 3 Không giống như Trung Quốc(???????)	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 3, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV nghe và so sánh một số điểm khác nhau về phong tục tập quán giữa Việt Nam và Trung Quốc. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 3.	Trang 11 đến trang 14 giáo trình nghe quyển 3



4	4	Bài 4 Nên tặng quà gì đây? (?????)	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 4, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV nghe và thảo luận về cách tặng quà vào các dịp khác nhau. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 4.	Trang 15 đến trang 17 giáo trình nghe quyển 3
5	4	Bài 5 Cảm ơn sinh nhật của bạn (???????)	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 5, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV nghe và nói về lòng nhân đạo như nên giúp ai và cách giúp như thế nào. . Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 5.	Trang 18 đến trang 21 giáo trình nghe quyển 3
6	4	Bài ôn tập số 1 (???)	GV giảng và cho nghe nội dung của bài ôn tập số 1, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV chú ý nghe giảng bài và nghe nội dung của bài ôn tập số 1. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài ôn tập số 1.	Trang 22 đến trang 24 giáo trình nghe quyển 3
7	4	Bài 6 Bàn chuyện cưới gả (????)	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 6, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV nghe và so sánh những gì giống và khác nhau trong phong tục cưới xin ở Trung Quốc và Việt Nam. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 6.	Trang 25 đến trang 28 giáo trình nghe quyển 3

8	4	Bài 7 Nam và nữ (?? ???)	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 7, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV nghe và mở rộng thêm những khác biệt về một số vấn đề giữa nam và nữ. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 7.	Trang 29 đến trang 32 giáo trình nghe quyển 3
9	4	Bài 8 “Thế giới hai người” trong gia đình (“???” ???)	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 8, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV nghe và thảo luận về những quan niệm mới hiện nay về hôn nhân gia đình. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 8.	Trang 33 đến trang 36 giáo trình nghe quyển 3
10	4	Bài 9 Mong con thành công(???) ?)	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 9, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV chú ý nghe giảng bài và nghe nội dung của bài 9. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 9.	Trang 37 đến trang 40 giáo trình nghe quyển 3
11	4	Bài 10 Mẹ và con trai(?????)	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 10, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV chú ý nghe giảng bài và nghe nội dung của bài 10. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 10.	Trang 41 đến trang 44 giáo trình nghe quyển 3
12	4	Bài ôn tập số 2 (???)	GV giảng và cho nghe nội dung của bài ôn tập số 2, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV chú ý nghe giảng bài và nghe nội dung của bài ôn tập số 2. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài ôn tập số 2.	Trang 45 đến trang 47 giáo trình nghe quyển 2

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 6 năm 2016  
**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương ThS. **Võ Ngọc Tuấn Kiệt**

**ThS. Phan Thị Hà**

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học:**

Họ và tên: Võ Ngọc Tuấn Kiệt	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngữ văn Trung Quốc	Điện thoại liên hệ: 0918/996186
Email: vongoctuankiet@yahoo.com	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	Điện thoại, email hoặc gặp mặt trực tiếp
-------------------------------	--

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Nghe trung cấp 1 – D1**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): .....

- Mã môn học: NVT031

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

**2. Số tín chỉ: 2**

**3. Trình độ** (dành cho sinh viên năm thứ 2 – D1)

**4. Phân bố thời gian:** 30 tiết (*1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành*)

- Lý thuyết: 10 tiết

- Thực hành: 10 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết

**5. Điều kiện tiên quyết:**

- Môn học tiên quyết: có kiến thức cơ sở, đã hoàn tất chương trình Hán ngữ cơ sở ở năm nhất

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: nắm vững ngữ pháp cơ bản, có vốn từ nhất định

**6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

a. Lên lớp: 24 tiết

b. Thực hành làm bài tập

j. Tự học, tự nghiên cứu: tự rèn luyện thêm kỹ năng nghe

k. Thảo luận nhóm, thuyết trình: 6 tiết

1. Các hình thức khác: đi thực tế để thực hành giao tiếp

## 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về kinh tế, văn hóa, lịch sử của nước bản địa, rèn kỹ năng và thực hành nghe, qua luyện tập giúp sinh viên nghe hiểu được câu, đoạn có nội dung rõ ràng quen thuộc với tốc độ chậm vừa cho đến bình thường, giúp sinh viên có thể nắm bắt được đại ý của các hội thoại thông thường trong khi giao tiếp với tốc độ bình thường.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

- Trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình

- Áp dụng : vào cuộc sống với những kiến thức cung cấp trong giáo trình

- Đạt được kỹ năng : sinh viên phát triển kỹ năng nghe hiểu câu, đoạn, từ đó đối đáp và cư xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp

## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	Sinh viên nghe hiểu và thuật lại được ý chính của câu, đoạn	<i>GV thuyết trình</i> <i>Thảo luận nhóm</i> <i>SV thuyết trình</i>	<i>Kỹ năng trình bày</i> <i>Ý kiến hỏi đáp</i> <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>
2	Sinh viên nghe hiểu và trả lời đúng với nội dung của bài		
3	Sinh viên dựa vào nội dung bài học liên hệ với thực tế		

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

	<p>-Sinh viên nghe hiểu và thuật lại được ý chính của câu, đoạn</p> <p>-Sinh viên nghe hiểu và trả lời đúng với nội dung của bài</p> <p>-Sinh viên dựa vào nội dung bài học liên hệ với thực tế</p>	<p>-GV thuyết trình</p> <p>-Thảo luận nhóm</p> <p>-SV thuyết trình</p>	<p>Kỹ năng trình bày</p> <p>Ý kiến hỏi đáp</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ</p>	<p>PLO1</p> <p>-Trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình</p> <p>- Áp dụng : vào cuộc sống với những kiến thức cung cấp trong giáo trình</p>	<p>PLO2</p> <p>Đạt được kỹ năng : sinh viên phát triển kỹ năng nói- nghe hiểu theo từng câu, đoạn, từ đó đối đáp và xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp.</p>	<p>PLO3</p> <p>Có thái độ học tập tích cực, nhận thức được tầm quan trọng của môn học giúp giao tiếp trong cuộc sống</p>
--	---	--	--	--	--	--

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính: giáo trình môn nghe nói năm 2 (??(2000), ????????, ??????????)
- Tài liệu tham khảo: các tài liệu luyện nghe của HSK trình độ trung, cao cấp

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
--------------------	--	-----------	-----------	--------------------

Giữa kỳ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Tham gia thảo luận theo nhóm</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>10 %</li> <li>10 %</li> <li>10 %</li> <li>70 %</li> <li>100 %</li> </ul>	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Tham gia thảo luận theo nhóm</li> <li>- Kiểm tra cuối kỳ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>10 %</li> <li>20 %</li> <li>70 %</li> <li>100%</li> </ul>	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá : 5 - 6 điểm : trung bình
- 7 - 8 điểm : khá
- 9 - 10 điểm : giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: nghe trong phòng lab, trắc nghiệm + viết

Nội dung thi: có 2 phần: 50 % sẽ lấy nội dung trong những bài đã học; 50 % sử dụng tài liệu ở ngoài nhưng có tốc độ đọc tương đương với trình độ của sinh viên

Thời lượng : 45 phút

Tiêu chí chấm điểm: mỗi phần 5 điểm

- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)

## 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp
- Tuyệt đối không được vắng mặt trong các buổi thảo luận của nhóm
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp
- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành

### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Không thay đổi chủ đề giáo viên đã phân công

**11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

**12. Nội dung chi tiết môn học:** tổng cộng học 6 buổi, 5 tiết / buổi

**1. Bài 1: ?????**

1.1. Bài nghe 1: ????

1.2. Bài nghe 2: ???

1.3. Bài nghe 3: ??

**2. Bài 2: ????**

2.1. Bài nghe 1: ????

2.2. Bài nghe 2: ??

2.3. Bài nghe 3: ??

**3. Bài 3: ?????? ... ..**

3.1. Bài nghe 1: ??

3.2. Bài nghe 2: ????

3.3. Bài nghe 3: ?????????\_???

**4. Bài 4: ????**

4.1. Bài nghe 1: ??????

4.2. Bài nghe 2: ???

4.3. Bài nghe 3: ???

**5. Bài 5: ????**

5.1. Bài nghe 1: ??

5.2. Bài nghe 2: ??

5.3. Bài nghe 3: ??

**6. Bài 6: ????**

6.1. Bài nghe 1: ??????

6.2. Bài nghe 2: ????

6.3. Bài nghe 3: ??????



### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	Bài 1: ?????	- Giáo viên thuyết trình - SV làm bài tập trong giáo trình	?????????
2	5	Bài 2: ????	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
3	5	Bài 3: ?????? ... ..	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
4	5	Bài 4: ????	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
5	5	Bài 5: ????	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
6	5	Bài 6: ???????	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2016  
Người biên soạn

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương ThS. Nguyễn Minh Thúy

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

Họ và tên: NGUYỄN MINH THÚY	Học hàm, học vị: thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng	Điện thoại liên hệ: 0982272841
Email: minhthuynghuyen@hcmussh.edu.vn	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)



## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Nghe trung cấp 1 – D4**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): .....

- Mã môn học: NVT031

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 2

### 3. Trình độ (dành cho sinh viên năm thứ 2 – D4)

### 4. Phân bố thời gian: 30 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 10 tiết

- Thực hành: 10 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: có kiến thức cơ sở, đã hoàn tất chương trình Hán ngữ cơ sở ở năm nhất

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: nắm vững ngữ pháp cơ bản, có vốn từ nhất định

### 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

a. Lên lớp: 24 tiết

b. Thực hành làm bài tập

m. Tự học, tự nghiên cứu: tự rèn luyện thêm kỹ năng nghe

n. Thảo luận nhóm, thuyết trình: 6 tiết

- o. Các hình thức khác: đi thực tế để thực hành giao tiếp

## 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về kinh tế, văn hóa, lịch sử của nước bản địa, rèn kỹ năng và thực hành nghe, qua luyện tập giúp sinh viên nghe hiểu được câu, đoạn có nội dung rõ ràng quen thuộc với tốc độ chậm vừa cho đến bình thường, giúp sinh viên có thể nắm bắt được đại ý của các hội thoại thông thường trong khi giao tiếp với tốc độ bình thường.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

- Trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình

- Áp dụng : vào cuộc sống với những kiến thức cung cấp trong giáo trình

- Đạt được kỹ năng : sinh viên phát triển kỹ năng nghe hiểu câu, đoạn, từ đó đối đáp và cư xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp

## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	Sinh viên nghe hiểu và thuật lại được ý chính của câu, đoạn	<i>GV thuyết trình</i> <i>Thảo luận nhóm</i> <i>SV thuyết trình</i>	<i>Kỹ năng trình bày</i> <i>Ý kiến hỏi đáp</i> <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>
2	Sinh viên nghe hiểu và trả lời đúng với nội dung của bài		
3	Sinh viên dựa vào nội dung bài học liên hệ với thực tế		

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

<p>-Sinh viên nghe hiểu và thuật lại được ý chính của câu, đoạn</p> <p>-Sinh viên nghe hiểu và trả lời đúng với nội dung của bài</p> <p>-Sinh viên dựa vào nội dung bài học liên hệ với thực tế</p>	<p>-GV thuyết trình</p> <p>-Thảo luận nhóm</p> <p>-SV thuyết trình</p>	<p>Kỹ năng trình bày</p> <p>Ý kiến hỏi đáp</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ</p>	<p>PLO1</p> <p>-Trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình</p> <p>- Áp dụng : vào cuộc sống với những kiến thức cung cấp trong giáo trình</p>	<p>PLO2</p> <p>Đạt được kỹ năng : sinh viên phát triển kỹ năng nói- nghe hiểu theo từng câu, đoạn, từ đó đối đáp và xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp.</p>	<p>PLO3</p> <p>Có thái độ học tập tích cực, nhận thức được tầm quan trọng của môn học giúp giao tiếp trong cuộc sống</p>
---	--	--	--	--	--

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính: giáo trình môn nghe nói năm 2 (??(2000), ????????, ?????????? ??)
- Tài liệu tham khảo: các tài liệu luyện nghe của HSK trình độ trung, cao cấp

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
--------------------	--	-----------	-----------	--------------------

Giữa kỳ	- Chuyên cần - Thuyết trình - Tham gia thảo luận theo nhóm - Kiểm tra giữa kỳ	10 % 10 % 10 % 70 % <b>100 %</b>	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	- Chuyên cần - Thuyết trình - Tham gia thảo luận theo nhóm - Kiểm tra cuối kỳ	10 % 20 % 70 % <b>100%</b>	Điểm cuối kỳ	70%
				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>

**Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

- Xếp loại đánh giá : 5 - 6 điểm : trung bình

7 - 8 điểm : khá

9 - 10 điểm : giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: nghe trong phòng lab

Nội dung thi: có 2 phần: 50 % sẽ lấy nội dung trong những bài đã học; 50 % sử dụng tài liệu ở ngoài nhưng có tốc độ đọc tương đương với trình độ của sinh viên

Thời lượng : 45 phút

Tiêu chí chấm điểm: mỗi phần 5 điểm

- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)

**11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

**11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định

- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp

- Tuyệt đối không được vắng mặt trong các buổi thảo luận của nhóm

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp

- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành

**11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ

- Không thay đổi chủ đề giáo viên đã phân công

**11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

**12. Nội dung chi tiết môn học:** tổng cộng học 6 buổi, 5 tiết / buổi

**1. Bài 1:** ?????

1.1. Bài nghe 1: ????

1.2. Bài nghe 2: ???

1.3. Bài nghe 3: ??

**2. Bài 2:** ?????

2.1. Bài nghe 1: ????

2.2. Bài nghe 2: ??

2.3. Bài nghe 3: ??

**3. Bài 3:** ?????? ... ..

3.1. Bài nghe 1: ??

3.2. Bài nghe 2: ????

3.3. Bài nghe 3: ??????????\_\_???

**4. Bài 4:** ?????

4.1. Bài nghe 1: ???????

4.2. Bài nghe 2: ???

4.3. Bài nghe 3: ???

**5. Bài 5:** ?????

5.1. Bài nghe 1: ??

5.2. Bài nghe 2: ??

5.3. Bài nghe 3: ??

**6. Bài 6:** ?????

6.1. Bài nghe 1: ???????

6.2. Bài nghe 2: ????

6.3. Bài nghe 3: ???????

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**



<b>Buổi / Tuần</b>	<b>Số tiết trên lớp</b>	<b>Nội dung bài học</b>	<b>Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV</b>	<b>Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)</b>
1	5	Bài 1: ?????	- Giáo viên thuyết trình - SV làm bài tập trong giáo trình	?????????
2	5	Bài 2: ????	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
3	5	Bài 3: ?????? ... ..	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
4	5	Bài 4: ????	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
5	5	Bài 5: ????	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
6	5	Bài 6: ???????	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2016

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc   TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương   ThS. Nguyễn Minh Thúy

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

Họ và tên: NGUYỄN MINH THÚY	Học hàm, học vị: thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng	Điện thoại liên hệ: 0982272841
Email: minhthuynghuyen@hcmussh.edu.vn	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)



## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Nghe trung cấp 2 – D1**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): .....

- Mã môn học: NVT032

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

**2. Số tín chỉ: 2**

**3. Trình độ** (dành cho sinh viên năm thứ 2 – D1)

**4. Phân bố thời gian:** 30 tiết (*1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành*)

- Lý thuyết: 10 tiết

- Thực hành: 10 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết

**5. Điều kiện tiên quyết:**

- Môn học tiên quyết: có kiến thức cơ sở, đã hoàn tất chương trình Hán ngữ cơ sở ở năm nhất

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: nắm vững ngữ pháp cơ bản, có vốn từ nhất định

**6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

a. Lên lớp: 24 tiết

b. Thực hành làm bài tập

o Tự học, tự nghiên cứu: tự rèn luyện thêm kỹ năng nghe

o Thảo luận nhóm, thuyết trình: 6 tiết

- o Các hình thức khác: đi thực tế để thực hành giao tiếp

## 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về kinh tế, văn hóa, lịch sử của nước bản địa, rèn kỹ năng và thực hành nghe, qua luyện tập giúp sinh viên nghe hiểu được câu, đoạn có nội dung rõ ràng quen thuộc với tốc độ chậm vừa cho đến bình thường, giúp sinh viên có thể nắm bắt được đại ý của các hội thoại thông thường trong khi giao tiếp với tốc độ bình thường.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

- Trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình

- Áp dụng : vào cuộc sống với những kiến thức cung cấp trong giáo trình

- Đạt được kỹ năng : sinh viên phát triển kỹ năng nghe hiểu câu, đoạn, từ đó đối đáp và cư xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp

## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	Sinh viên nghe hiểu và thuật lại được ý chính của câu, đoạn	<i>GV thuyết trình</i> <i>Thảo luận nhóm</i> <i>SV thuyết trình</i>	<i>Kỹ năng trình bày</i> <i>Ý kiến hỏi đáp</i> <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>
2	Sinh viên nghe hiểu và trả lời đúng với nội dung của bài		
3	Sinh viên dựa vào nội dung bài học liên hệ với thực tế		

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

	<p>-Sinh viên nghe hiểu và thuật lại được ý chính của câu, đoạn</p> <p>-Sinh viên nghe hiểu và trả lời đúng với nội dung của bài</p> <p>-Sinh viên dựa vào nội dung bài học liên hệ với thực tế</p>	<p>-GV thuyết trình</p> <p>-Thảo luận nhóm</p> <p>-SV thuyết trình</p>	<p>Kỹ năng trình bày</p> <p>Ý kiến hỏi đáp</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ</p>	<p>PLO1</p> <p>-Trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình</p> <p>- Áp dụng : vào cuộc sống với những kiến thức cung cấp trong giáo trình</p>	<p>PLO2</p> <p>Đạt được kỹ năng : sinh viên phát triển kỹ năng nói- nghe hiểu theo từng câu, đoạn, từ đó đối đáp và xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp.</p>	<p>PLO3</p> <p>Có thái độ học tập tích cực, nhận thức được tầm quan trọng của môn học giúp giao tiếp trong cuộc sống</p>
--	---	--	--	--	--	--

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính: giáo trình môn nghe nói năm 2 (??(2000), ????????, ??????????)
- Tài liệu tham khảo: các tài liệu luyện nghe của HSK trình độ trung, cao cấp

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
--------------------	--	-----------	-----------	--------------------

Giữa kỳ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Tham gia thảo luận theo nhóm</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>10 %</li> <li>10 %</li> <li>10 %</li> <li>70 %</li> <li>100 %</li> </ul>	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Tham gia thảo luận theo nhóm</li> <li>- Kiểm tra cuối kỳ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>10 %</li> <li>20 %</li> <li>70 %</li> <li>100%</li> </ul>	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá : 5 - 6 điểm : trung bình
- 7 - 8 điểm : khá
- 9 - 10 điểm : giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: nghe trong phòng lab

Nội dung thi: có 2 phần: 50 % sẽ lấy nội dung trong những bài đã học; 50 % sử dụng tài liệu ở ngoài nhưng có tốc độ đọc tương đương với trình độ của sinh viên

Thời lượng : 45 phút

Tiêu chí chấm điểm: mỗi phần 5 điểm

- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)

## 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp
- Tuyệt đối không được vắng mặt trong các buổi thảo luận của nhóm
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp
- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành

### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Không thay đổi chủ đề giáo viên đã phân công

**11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

**12. Nội dung chi tiết môn học:** tổng cộng học 6 buổi, 5 tiết / buổi

**1. Bài 7: ?????? ... ..**

1.1. Bài nghe 1: ???????

1.2. Bài nghe 2: ?????

1.3. Bài nghe 3: ?????

**2. Bài 8: ?????**

2.1. Bài nghe 1: ??

2.2. Bài nghe 2: ???

2.2. Bài nghe 3: ???

**3. Bài 9: ?????**

3.1. Bài nghe 1: ?????

3.2. Bài nghe 2: ?????

3.3. Bài nghe 3: ?????, ??!

**4. Bài 10: ?????**

4.1. Bài nghe 1: ??????

4.2. Bài nghe 2: ??????

4.3. Bài nghe 3: ???

**5. Bài 11: ?????**

1. Bài nghe 1: ??“??”

5.2. Bài nghe 2: ?????

5.3. Bài nghe 3: ??

**6. Bài 12: ?????**

6.1. Bài nghe 1: ?????

6.2. Bài nghe 2: ???

6.3. Bài nghe 3: ???

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	Bài 7: ?????? ... ..	- Giáo viên thuyết trình - SV làm bài tập trong giáo trình	?????????



2	5	<b>Bài 8: ????</b>	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
3	5	<b>Bài 9: ????</b>	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
4	5	<b>Bài 10: ????</b>	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
5	5	<b>Bài 11: ????</b>	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
6	5	<b>Bài 12: ????</b>	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2016  
**Người biên soạn**

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc    TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương    ThS. Nguyễn Minh Thúy

**\* Ghi chú tổng quát:**

Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):

**Giảng viên phụ trách môn học** (có thể dùng bảng hoặc không)

Họ và tên: NGUYỄN MINH THÚY	Học hàm, học vị: thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng	Điện thoại liên hệ: 0982272841
Email: minhthuynguyen@hcmussh.edu.vn	Trang web:

### Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)
<b>TRƯỜNG ĐH KHXH&amp;NV KHOA/BỘ MÔN NGỮ VĂN TRUNG QUỐC</b>	

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Nghe trung cấp 2 – D4**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): .....

- Mã môn học: NVT032

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>
------------------------------------	---

Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> x	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/> x	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

## 2. Số tín chỉ: 2

## 3. Trình độ (dành cho sinh viên năm thứ 2 – D4)

## 4. Phân bố thời gian: 30 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 10 tiết
- Thực hành: 10 tiết
- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết

## 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: có kiến thức cơ sở, đã hoàn tất chương trình Hán ngữ cơ sở ở năm nhất
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: nắm vững ngữ pháp cơ bản, có vốn từ nhất định

## 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- a. Lên lớp: 24 tiết
- b. Thực hành làm bài tập
  - o Tự học, tự nghiên cứu: tự rèn luyện thêm kỹ năng nghe
  - o Thảo luận nhóm, thuyết trình: 6 tiết
  - o Các hình thức khác: đi thực tế để thực hành giao tiếp

## 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về kinh tế, văn hóa, lịch sử của nước bản địa, rèn kỹ năng và thực hành nghe, qua luyện tập giúp sinh viên nghe hiểu được câu, đoạn có nội dung rõ ràng quen thuộc với tốc độ chậm vừa cho đến bình thường, giúp sinh viên có thể nắm bắt được đại ý của các hội thoại thông thường trong khi giao tiếp với tốc độ bình thường.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

- *Trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình*

- *Áp dụng* : vào cuộc sống với những kiến thức cung cấp trong giáo trình

- *Đạt được kỹ năng* : sinh viên phát triển kỹ năng nghe hiểu câu, đoạn, từ đó đối đáp và cư xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	Sinh viên nghe hiểu và thuật lại được ý chính của câu, đoạn	<i>GV thuyết trình</i> <i>Thảo luận nhóm</i> <i>SV thuyết trình</i>	<i>Kỹ năng trình bày</i> <i>Ý kiến hỏi đáp</i> <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>
2	Sinh viên nghe hiểu và trả lời đúng với nội dung của bài		
3	Sinh viên dựa vào nội dung bài học liên hệ với thực tế		

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

	<p>-Sinh viên nghe hiểu và thuật lại được ý chính của câu, đoạn</p> <p>-Sinh viên nghe hiểu và trả lời đúng với nội dung của bài</p> <p>-Sinh viên dựa vào nội dung bài học liên hệ với thực tế</p>	<p>-GV thuyết trình</p> <p>-Thảo luận nhóm</p> <p>-SV thuyết trình</p>	<p>Kỹ năng trình bày</p> <p>Ý kiến hỏi đáp</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ</p>	<p>PLO1</p> <p>-Trình bày được quan điểm cá nhân về những vấn đề trong bài học, đối thoại với nhau theo nhiều chủ đề của giáo trình</p> <p>- Áp dụng : vào cuộc sống với những kiến thức cung cấp trong giáo trình</p>	<p>PLO2</p> <p>Đạt được kỹ năng : sinh viên phát triển kỹ năng nói-nghe hiểu theo từng câu, đoạn, từ đó đối đáp và xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp.</p>	<p>PLO3</p> <p>Có thái độ học tập tích cực, nhận thức được tầm quan trọng của môn học giúp giao tiếp trong cuộc sống</p>
--	---	--	--	--	---	--

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính: giáo trình môn nghe nói năm 2 (??(2000), ????????, ??????????)
- ??)
- Tài liệu tham khảo: các tài liệu luyện nghe của HSK trình độ trung, cao cấp

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
--------------------	--	-----------	-----------	--------------------

Giữa kỳ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Tham gia thảo luận theo nhóm</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>10 %</li> <li>10 %</li> <li>10 %</li> <li>70 %</li> <li>100 %</li> </ul>	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Tham gia thảo luận theo nhóm</li> <li>- Kiểm tra cuối kỳ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>10 %</li> <li>20 %</li> <li>70 %</li> <li>100%</li> </ul>	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá : 5 - 6 điểm : trung bình
- 7 - 8 điểm : khá
- 9 - 10 điểm : giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: nghe trong phòng lab

Nội dung thi: có 2 phần: 50 % sẽ lấy nội dung trong những bài đã học; 50 % sử dụng tài liệu ở ngoài nhưng có tốc độ đọc tương đương với trình độ của sinh viên

Thời lượng : 45 phút

Tiêu chí chấm điểm: mỗi phần 5 điểm

- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)

## 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp
- Tuyệt đối không được vắng mặt trong các buổi thảo luận của nhóm
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp
- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành

### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Không thay đổi chủ đề giáo viên đã phân công

**11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

**12. Nội dung chi tiết môn học:** tổng cộng học 6 buổi, 5 tiết / buổi

**1. Bài 7: ?????? ... ..**

1.1. Bài nghe 1: ???????

1.2. Bài nghe 2: ?????

1.3. Bài nghe 3: ?????

**2. Bài 8: ?????**

2.1. Bài nghe 1: ??

2.2. Bài nghe 2: ???

2.2. Bài nghe 3: ???

**3. Bài 9: ?????**

3.1. Bài nghe 1: ?????

3.2. Bài nghe 2: ?????

3.3. Bài nghe 3: ?????, ??!

**4. Bài 10: ?????**

4.1. Bài nghe 1: ??????

4.2. Bài nghe 2: ??????

4.3. Bài nghe 3: ???

**5. Bài 11: ?????**

1. Bài nghe 1: ??“??”

5.2. Bài nghe 2: ?????

5.3. Bài nghe 3: ??

**6. Bài 12: ?????**

6.1. Bài nghe 1: ?????

6.2. Bài nghe 2: ???

6.3. Bài nghe 3: ???

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	Bài 7: ?????? ... ..	- Giáo viên thuyết trình - SV làm bài tập trong giáo trình	?????????

2	5	<b>Bài 8: ?????</b>	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
3	5	<b>Bài 9: ?????</b>	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
4	5	<b>Bài 10: ?????</b>	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
5	5	<b>Bài 11: ?????</b>	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????
6	5	<b>Bài 12: ?????</b>	- SV thuyết trình theo nhóm - SV thảo luận trong nhóm - Giáo viên sửa lỗi sai trong bài tập của sv - Giáo viên thuyết trình	?????????

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2016  
**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương ThS. Nguyễn Minh Thúy

**\* Ghi chú tổng quát:**

Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):

**Giảng viên phụ trách môn học** (có thể dùng bảng hoặc không)



Họ và tên: NGUYỄN MINH THÚY	Học hàm, học vị: thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng	Điện thoại liên hệ: 0982272841
Email: minhthuynguyen@hcmussh.edu.vn	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV  
KHOA: NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học: **NGŨ ÂM**

Tên tiếng Việt: Ngữ âm Hán ngữ

Tên tiếng Trung: ????

- Mã môn học: NVT033

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

## 2. Số tín chỉ: 02

## 3. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3

## 4. Phân bố thời gian: 45 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 10 tiết
- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết
- Tự học: 10 tiết

## 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Sinh viên học xong chương trình nghe nói Trung Cấp.
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng:
  - + Nắm được kỹ năng phiên âm latin cơ bản.
  - + Nắm được cách đọc cơ bản các thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu trong phiên âm latin của tiếng Hán.

## 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Đây là môn học bắt buộc đối với tất cả các sinh viên khi bước vào học kỳ thứ 5 (học kỳ 1, năm III). Môn học gồm 6 bài cụ thể, mỗi bài được thiết kế với các nội dung khác nhau về ngữ âm. Thông qua các bài học này, Sinh viên sẽ nắm rõ được các quy luật trong phiên âm Latinh của tiếng Hán như:

- Phân loại các âm tắc, sát.
- Phiên âm Quốc tế
- Các hiện tượng đồng hóa, dị hóa, nhượng hóa, hợp âm, hoán vị trong ngữ âm.
- Ứng dụng của kinh thanh và quy luật er hóa.
- Trọng âm và tiết tấu.

Sau mỗi bài học sẽ là phần bài tập củng cố những kiến thức đã học. Phần bài tập luôn gồm hai phần là tự luận và phần luyện phát âm.

Tuy nhiên, tùy theo tính chất bài học mà mức độ chú trọng và tập trung vào mỗi phần của bài học có sự khác biệt. Nội dung học cụ thể sẽ được đề cập đến trong 13 - “Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể”.

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngữ âm học, giúp sinh viên nắm vững hơn những hiện tượng và quy luật biến âm trong tiếng Hán để có thể diễn đạt tự nhiên hơn trong giao tiếp tiếng Hán

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể nắm rõ các quy luật phát âm chuẩn xác của tiếng Hán, nắm được các quy luật phiên âm Quốc tế. Và thông qua tập luyện, sinh viên sẽ tự tin hơn khi giao tiếp tiếng Hán cũng như khi đọc diễn văn hay phát biểu.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	- Nắm vững toàn bộ những quy luật của phiên âm latin.	- GV giải thích phương pháp phiên âm Latinh và hướng dẫn cách đọc các hiện tượng âm biến, cách đọc trọng âm và cách ngừng nghỉ trong câu.	- Kỹ năng trình bày trong thực hành trên lớp
2	- Nắm vững đọc tốt các hiện tượng khinh thanh, er hóa.. - Nắm được những kiến thức nhất định về phiên âm quốc tế. - Biết cách đọc trọng âm và ngừng nghỉ trong câu, từ đó có lối diễn đạt tự nhiên trong giao tiếp hay trong khi đọc diễn văn.	- GV giải thích phương pháp phiên âm Latinh và hướng dẫn cách đọc các hiện tượng âm biến, cách đọc trọng âm và cách ngừng nghỉ trong câu.  - SV thực hành vận dụng những kiến thức đã học, làm bài tập trên lớp luyện đọc các bài thơ và các đoạn văn ngắn	- Đối thoại với GV trên lớp - Kiểm tra giữa kỳ, kết thúc môn

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
1	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nắm vững toàn bộ những cách đọc và quy luật phiên âm.</li> <li>Nắm vững và biết cách viết phiên âm quốc tế cho các âm tiết tiếng Hán.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>GV giảng giải các kiến thức ngữ âm có liên quan trong bài.</li> <li>SV thực hành vận dụng những kiến thức đã học, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kỹ năng trình bày trong thực hành trên lớp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>PLO1</li> <li>Củng cố các đặc điểm ngữ âm cơ bản đã học trong năm I, II.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>PLO2</li> <li>Đọc chuẩn xác thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu trong âm tiết chữ Hán.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>PLO3</li> <li>Thái độ học tập tích cực, thấy được sự quan trọng của việc nắm vững các kiến thức về ngữ âm và nỗ lực trong việc luyện đọc.</li> </ul>
2	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nắm được những kiến thức nhất định về các phương pháp đồng hóa, dị hóa, tăng âm...</li> <li>Nắm được quy luật đọc khinh thanh và sự biến điệu trong từ, trong câu.</li> <li>Nắm được cách đọc trọng âm trong việc biểu đạt sắc thái cảm xúc đa dạng của lời nói.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>GV giảng giải các kiến thức ngữ âm có liên quan trong bài.</li> <li>SV thực hành vận dụng những kiến thức đã học, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tương tác giữa giáo viên và SV trên lớp</li> <li>Kiểm tra giữa kỳ, kết thúc môn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nắm vững các quy luật về biến thanh trong từ và câu.</li> <li>Nắm được cách đọc và viết phiên âm quốc tế.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phát âm rõ ràng, ngưng nghỉ đúng chỗ khi đọc diễn cảm hay khi thuyết trình bằng tiếng Hán.</li> <li>Có cách diễn đạt tự nhiên, liền mạch khi giao tiếp bằng tiếng Hán.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thái độ học tập tích cực, thấy được sự quan trọng của việc nắm vững các kiến thức về ngữ âm và nỗ lực trong việc luyện đọc.</li> </ul>

## 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Giáo trình: ??(2002), ??????, ????????????

- Tài liệu tham khảo:

1. ??????(1986) ??????????, ??????????

2. ??(2000), ????????, ????????

3. ??????(2009), ??????, ????????

- Trang Web/CDs tham khảo: [http://oec.xmu.edu.cn/gb/teacher/yuyin/02/02\\_01.htm](http://oec.xmu.edu.cn/gb/teacher/yuyin/02/02_01.htm)

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
- Hàng ngày - Giữa kỳ	- Chuyên cần, thái độ học tập trên lớp - Kiểm tra giữa kỳ	20 % 80 %	Điểm giữa kỳ	30%
- Cuối kỳ	- Thi cuối kỳ	100 %	Điểm cuối kỳ	70%
				<b>100 % (10/10)</b>

### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Chuyên cần: Số lần vắng dưới 20% số buổi học thì được điểm 10%, số lần vắng trên 20% số buổi học thì không được điểm chuyên cần.

- Bài tập: Số lần không làm bài tập dưới 20% số buổi học thì được điểm 10%, số lần không làm bài tập trên 20% số buổi học thì không được điểm bài tập.

- Xếp loại đánh giá:

Điểm	Xếp loại
<3.5	Kém
3.5 - <5	Yếu
5 - <7	Trung bình
7 - <9	Khá
9 - 10	Giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: Giữa kỳ thi viết hoặc nói. Cuối kỳ thi viết.

Nội dung thi:

- o Giữa kỳ: Giảng viên chọn một trong hai hình thức
  - Phát âm
  - Kiến thức ngữ âm: Điền trống, trắc nghiệm, trả lời câu hỏi
- o Cuối kỳ:
  - Trắc nghiệm và trả lời câu hỏi

Thời lượng: kiểm tra giữa kỳ (30 phút), kiểm tra cuối kỳ (45 phút)

Tiêu chí chấm điểm:

- o 0,25 điểm làm tròn thành 0,5 điểm. 0,75 điểm làm tròn thành 1,0 điểm.
- o Làm đúng, trình bày rõ ràng, sạch đẹp.

- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm:

KẾT QUẢ HỌC TẬP					
Mức	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	9 - 10	7 - <9	5 - <7	3.5 - <5	<3.5
Năng lực	- Nhận diện và phân biệt được 90 đến 100% các âm tiết, ngữ điệu trong tiếng phổ thông và các hiện tượng thay đổi âm tiết, biến điệu.	- Nhận diện và phân biệt được 70% đến 80% các âm tiết, ngữ điệu trong tiếng phổ thông và các hiện tượng thay đổi âm tiết, biến điệu.	- Nhận diện và phân biệt được 50% đến 60% các âm tiết, ngữ điệu trong tiếng phổ thông và các hiện tượng thay đổi âm tiết, biến điệu.	- Xác định được 3,5% đến 40% các âm tiết, ngữ điệu trong tiếng phổ thông và các hiện tượng thay đổi âm tiết, biến điệu.	- Không xác định được các âm tiết, ngữ điệu trong tiếng phổ thông và các hiện tượng thay đổi âm tiết, biến điệu.

## 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp, thì mới được tham gia thi cuối kỳ.
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp.

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.
- Vắng 1 buổi trở lên sẽ không có điểm chuyên cần.
- Không tập trung nghe giảng, không tích cực tham gia vào bài học, không chuẩn bị bài tập GV giao trước sẽ không có điểm cho phần **Thái độ học tập**.

### **11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

- Sinh viên có vấn đề thắc mắc cần giải đáp, liên hệ và gặp giáo viên vào những buổi học trên trường hoặc qua email. Không tiếp sinh viên tại nhà hoặc qua điện thoại.

## **12. Nội dung chi tiết môn học:**

### **- Bài 1: Thế nào là ngữ âm**

- Tiếng động được phát ra như thế nào?
- Đặc điểm của tiếng động
- Ngữ âm là gì? Ngữ âm từ đâu mà có?

### **- Bài 2: Phiên âm quốc tế và Phù hiệu ký âm**

- Phiên âm quốc tế
- Phân loại ngữ âm

### **- Bài 3 : Hệ thống âm tiết trong tiếng phổ thông**

- Giới thiệu âm tắc, sát trong hệ thống âm tiếng Hán
- Cách đọc các âm tiết tiếng Hán

### **- Bài 4 : Sự thay đổi âm tiết**

- Các hiện tượng đồng hoá, dị hoá, tăng âm, nhược hoá, hợp âm, hoán vị.
- Hiện tượng khinh thanh và'er hoá

### **- Bài 5: Hiện tượng biến điệu và ứng dụng của chúng**

- Biến điệu của thanh 3
- Biến điệu của tính từ
- Biến điệu của âm“

”và “?”

**- Bài 6: Ngũ diệu**

- TrỌng âm
- Tiết tấu

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

**Buổi/  
Tuần**  
**Số tiết trên lớp**  
**Nội dung bài học**

**Hoạt động dạy và học**  
**Hoặc Nhiệm vụ của SV**  
**Tài liệu cần đọc**  
*(mô tả chi tiết)*

1  
5

Bài 1.????

-??????  
-?????

- Giáo viên giới thiệu khái niệm ngữ âm và phân loại về ngữ âm.
- Sinh viên trả lời các câu hỏi trong giáo trình.

- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 1.
- Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.

2  
5

Bài 1 ?????

-?????????????  
-?????

- GV giải thích các tiêu chuẩn về ngữ âm của tiếng Hán và các yếu tố cấu tạo nên âm thanh..
- Sinh viên trả lời các câu hỏi trong giáo trình.

- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 2.
- Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.

3  
5

Bài 2.???????????

-??



- ??  
-????????  
- GV hướng dẫn cách đọc và viết phiên âm quốc tế cho các thanh mẫu, vận mẫu của tiếng Hán.  
- GV giảng giải về cách đọc thanh điệu và cách phân “Tứ hô” của âm tiết tiếng Hán  
- Sinh viên so sánh thanh điệu của tiếng Việt và tiếng Hán, sau đó trả lời các câu hỏi trong giáo trình và thực tập viết phiên âm, luyện đọc.

- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 3.  
- Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc..

4  
5

### Bài 3.???????

- ????????  
-????????????  
- GV giới thiệu về hệ thống âm tiết trong tiếng Hán. Giải thích các thuật ngữ “âm vô thanh”, “âm hữu thanh”, “âm tắc”, “âm sát”, “âm tắc sát”...  
- SV so sánh cách đọc giữa tiếng Hán và tiếng Việt  
- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 4.  
- Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.

5  
5

### Bài 3.???????

- ?????  
-?????  
-????  
- GV giới thiệu về các loại vận mẫu: vận mẫu đơn, vận mẫu kép, vận mẫu mũi...và cách đọc của chúng.  
- SV so sánh các vận mẫu của tiếng Việt và tiếng Hán, sau đó luyện đọc  
- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 5.  
- Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.

6  
5

### Bài 4.????

- ????????  
-?????  
-????????  
- GV giới thiệu hiện tượng đồng hóa, dị hóa, tăng âm trong tiếng Hán.  
\_ GV giải thích hiện tượng đọc khinh thanh trong tiếng Hán và độ cao của khinh thanh.  
- SV so sánh âm biến của tiếng Hán và tiếng Việt và luyện đọc dưới sự hướng dẫn của giáo viên.  
- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 6.  
- Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.

7

-????????

-????????

-GV giải thích về cách đọc er hóa trong tiếng Hán.

\_ GV giảng giải về tác dụng của er hóa trong ngôn ngữ tiếng Hán.

- SV luyện đọc.

- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 7.

- Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.

8

Bài 5 ????

-????

-??????

???

- GV giải thích các hiện tượng biến điệu như biến điệu trong thanh 3, biến điệu của tính từ, biến điệu của âm“

”và“?”

- SV luyện đọc

- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 8.

- Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.

9

Bài 6.??

-??

-??

- GV hướng dẫn cách đọc trọng âm và cách ngưng nghỉ trong câu hay trong đoạn.

- SV đọc các đoạn văn trong giáo trình, phân biệt trọng âm.

- Ôn tập

- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 9.

- Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 07 năm 2016*

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

**PGS.TS NGUYỄN ĐÌNH PHÚC    TS. NGUYỄN VŨ QUỲNH PHƯƠNG    TS. Khuu Chí Minh**

## Giảng viên phụ trách môn học

Họ và tên: Dương Thị Trinh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0123-936-5215
Email: <a href="mailto:yangzhenvn@yahoo.com">yangzhenvn@yahoo.com</a>	Trang web: <a href="http://www.hcmussh.edu.vn">www.hcmussh.edu.vn</a>
Cách liên lạc với giảng viên:	Liên lạc qua email hoặc gặp trực tiếp giáo viên tại lớp học.
Nơi tiến hành môn học:	Trường ĐH KHXH & NV, Cơ sở Thủ Đức
Thời gian học:	Học kỳ I mỗi năm

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV**  
**KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **NGỮ PHÁP CAO CẤP**

tên tiếng Trung: ????

- Mã môn học: NVT034

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành	Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

**2. Số tín chỉ: 03**

**3. Trình độ:** Dành cho sinh viên năm thứ 3.

**4. Phân bố thời gian:** 60 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 30 tiết

- Tự học: 15 tiết

**5. Điều kiện tiên quyết:**

- Môn học tiên quyết: *Đã hoàn thành các môn thuộc khối cơ sở của các năm I, II.*

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng:

- + Đã nắm được toàn bộ các điểm ngữ pháp từ cơ bản trong tiếng Trung.
- + Nắm được một lượng từ cơ bản khoảng 4000 từ.
- + Biết phân biệt những từ đồng nghĩa, cận nghĩa có chức năng ngữ pháp, từ pháp nhất định.

## **6. Mô tả văn tắt nội dung môn học:**

Đây là môn học bắt buộc đối với tất cả các sinh viên khi bước vào học kỳ thứ 5 (học kỳ 1, năm III). Môn học gồm 5 bài cụ thể, mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khoá, bài tập trên lớp, bài tập về nhà.

- Từ mới là những từ trích dẫn từ bài khoá, đa phần là những từ thường dùng, tần số xuất hiện cao. Mỗi bài có khoảng 50 đến 70 từ mới.

- Phần bài khoá là những bài có độ dài khoảng trên dưới 3000 từ, trong đó có những bài đã được cải biên để phù hợp với trình độ của sinh viên, có những nguyên tác của các nhà văn nổi tiếng Trung Quốc, nội dung các bài khóa phản ánh cuộc sống xã hội đương đại được chắt lọc từ báo chí, internet và từ những tác phẩm văn học.

- Phần bài tập thường chú trọng vào việc thực hành vận dụng những điểm ngữ pháp đã học trong bài, đồng thời xen kẽ ôn lại toàn bộ những kiến thức ngữ pháp đã học trong các năm I, II. Cụ thể như: Tìm từ cận nghĩa, phối hợp từ ngữ, giải thích từ khóa, dùng từ khóa đặt câu, v.v..

Tuy nhiên, tùy theo tính chất từng môn học mà mức độ chú trọng và tập trung vào mỗi phần của bài học có sự khác biệt. Nội dung học cụ thể sẽ được đề cập đến trong 13 - “Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể”.

## **7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:**

- Mục tiêu:

+ Giúp sinh viên củng cố thêm những điểm ngữ pháp cơ bản, nắm thêm những điểm ngữ pháp nâng cao trong hệ thống ngữ pháp tiếng Hoa, đặc biệt là phần từ pháp, thông qua đó vận dụng các điểm ngữ pháp đã học vào các kỹ năng quan trọng khác như viết, nói cũng như vận dụng các điểm ngữ pháp trong giao tiếp thực tế một cách chuẩn xác nhất.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

- + Nắm vững toàn bộ những điểm ngữ pháp cơ bản và nâng cao.
- + Nắm vững và biết vận dụng đúng một số lượng từ pháp nhất định.

+ Nắm được những kiến thức nhất định về văn hóa, lịch sử, xã hội trong bối cảnh của từng bài đối với ngôn ngữ gốc và cả ngôn ngữ đích.

+ Biết thưởng thức các tác phẩm văn học nổi tiếng bằng ngôn ngữ gốc qua việc đọc bài khóa và những bài đọc hiểu.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

ST T	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững toàn bộ những điểm ngữ pháp cơ bản và nâng cao.</li> <li>- Nắm vững và biết vận dụng đúng một số lượng từ pháp nhất định.</li> <li>- Nắm được những kiến thức nhất định về văn hóa, lịch sử, xã hội trong bối cảnh của từng bài đối với ngôn ngữ gốc và cả ngôn ngữ đích.</li> <li>- Biết thưởng thức các tác phẩm văn học nổi tiếng bằng ngôn ngữ gốc qua việc đọc bài khóa và những bài đọc hiểu.</li> </ul>	<p>GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>SV thực hành vận dụng những kiến thức đã học, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng trình bày trong thực hành trên lớp</li> <li>- Đối thoại với GV trên lớp</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ, kết thúc môn</li> </ul>

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Nắm vững toàn bộ những điểm ngữ pháp cơ bản và nâng cao.</i></li> <li>- <i>Nắm vững và biết vận dụng đúng một số lượng từ pháp nhất định.</i></li> <li>- <i>Nắm được những kiến thức nhất định về văn hóa, lịch sử, xã hội trong bối cảnh của từng bài đối với ngôn ngữ gốc và cả ngôn ngữ đích.</i></li> <li>- <i>Biết thưởng thức các tác phẩm văn học nổi tiếng bằng ngôn ngữ gốc qua việc đọc bài khóa và những bài đọc hiểu.</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài.</i></li> <li>- <i>SV thực hành vận dụng những kiến thức đã học, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kỹ năng trình bày trong thực hành trên lớp</i></li> <li>- <i>Tương tác giữa giáo viên và SV trên lớp</i></li> <li>- <i>Kiểm tra giữa kỳ, kết thúc môn</i></li> </ul>	<p><i>PLO1</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Củng cố các đặc điểm ngữ pháp cơ bản đã học trong năm I, II.</i></li> <li>- <i>Nắm vững đặc điểm ngữ pháp, từ pháp nâng cao.</i></li> <li>- <i>Nâng cao kiến thức văn hóa, xã hội, đời sống, kinh tế v.v.</i></li> </ul>	<p><i>PLO2</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Có kỹ năng đọc, hiểu, phân tích và diễn đạt đúng yêu cầu ngữ pháp.</i></li> <li>- <i>Nắm được tư tưởng được truyền tải trong mỗi bài học.</i></li> </ul>	<p><i>PLO3</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thái độ học tập tích cực, thấy được sự quan trọng của việc nắm vững các kiến thức ngữ pháp từ cơ bản đến nâng cao.</i></li> </ul>
--	---	--	---	---	--

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu chính:

?????(2014): ???? – ?????, ????????

- Tài liệu tham khảo/bổ sung:

1. ???(2007): ????????, ????????

2. ???(2010): ????????, ????????

3. ??????(2009): ????????, ????????

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Sau mỗi tuần</i></li> <li>- <i>Giữa kỳ</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Chuyên cần</i></li> <li>- <i>Bài tập</i></li> <li>- <i>Kiểm tra giữa kỳ</i></li> <li>- <i>Thái độ học tập trên lớp</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>10 %</li> <li>30 %</li> <li>50 %</li> <li>10%</li> <li><b>100%</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><i>Điểm giữa kỳ</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>30%</li> </ul>

- Sau mỗi tuần - Cuối kỳ	- Chuyên cần - Bài tập - Thi cuối kỳ - Thái độ học tập trên lớp	10 % 30 % 50 % 10% <b>100%</b>	Điểm cuối kỳ	70%
				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>

**Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

- Xếp loại đánh giá (GV tự xây dựng)

Trung bình: 5 – 6: **N**ắm được cơ bản kiến thức ngữ pháp trong chương trình Cao cấp

Khá: 7: **H**iểu được và áp dụng được những kiến thức ngữ pháp trong chương trình cao cấp

Giỏi: 8-9: **V**ận dụng khá tốt những kiến thức ngữ pháp trong chương trình cao cấp

Xuất sắc: 10: **H**iểu và vận dụng nhuần nhuyễn những kiến thức ngữ pháp trong chương trình cao cấp

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng)

Hình thức thi: Trắc nghiệm + viết trong thời gian 75 phút.

**11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

**11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.

- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp, thì mới được tham gia thi cuối kỳ.

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp.

**11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.

- Vắng 3 buổi sẽ không có điểm chuyên cần, vắng 4 buổi trở lên sẽ không được thi cuối kỳ.

- Không tập trung nghe giảng, không tích cực tham gia vào bài học, không chuẩn bị bài tập GV giao trước sẽ không có điểm cho phần **Thái độ học tập**.

**11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

- Sinh viên có vấn đề thắc mắc cần giải đáp, liên hệ và gặp giáo viên vào những buổi học trên trường hoặc qua email. Không tiếp sinh viên tại nhà hoặc qua điện thoại.



## 12. Nội dung chi tiết môn học:

Môn học chia làm 6 bài, mỗi nội dung tương ứng với 10 tiết học. Cụ thể như sau:

???: ?????

7. ??
8. ??
9. ????
10. ???
11. ??
12. ??

???: ????

7. ??
8. ??
9. ????
10. ???
11. ??
12. ??

???: ???

7. ??
8. ??
9. ????
10. ???
11. ??
12. ??

???: ?

7. ??
8. ??
9. ????
10. ???

11. ??

12. ??

???: ????

7. ??

8. ??

9. ????

10. ???

11. ??

12. ??

???: ??????????

13. ??

14. ??

15. ????

16. ???

17. ??

18. ??

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

Buổi/ Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	????: ?????(?) 5. ?? 6. ???? 7. ??? 8. ??????	- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.	- Tài liệu học tập chính tương ứng nội dung học tập tuần 1. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.

2	5	???: ?????(?) 5. ?? 6. ?????? 7. ?? 8. ????	- GV giảng giải từ tương ứng nội dung của bài khóa và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.	- Tài liệu học tập chính tương ứng nội dung học tập tuần 2. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.
3	5	???: ?????(?) 1. ?? 2. ???? 3. ??? 4. ??????	- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.	- Tài liệu học tập chính tương ứng nội dung học tập tuần 3. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.
4	5	???: ?????(?) 1. ?? 2. ?????? 3. ?? 4. ????	- GV giảng giải từ tương ứng nội dung của bài khóa và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.	- Tài liệu học tập chính tương ứng nội dung học tập tuần 4. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.
5	5	???: ???(?) 1. ?? 2. ???? 3. ??? 4. ??????	- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.	- Tài liệu học tập chính tương ứng nội dung học tập tuần 5. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.
6	5	???: ???(?) 1. ?? 2. ?????? 3. ?? 4. ????	- GV giảng giải từ tương ứng nội dung của bài khóa và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.	- Tài liệu học tập chính tương ứng nội dung học tập tuần 6. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.

7	5	???:?(?) 1. ?? 2. ???? 3. ??? 4. ??????	- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.	- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 7. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.
8	5	???:?(?) 1. ?? 2. ?????? 3. ?? 4. ????	- GV giảng giải từ tương ứng nội dung của bài khóa và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.	- Tài liệu học tập chính tương ứng nội dung học tập tuần 8. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.
9	5	???:????(?) 1. ?? 2. ???? 3. ??? 4. ??????	- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.	- Tài liệu học tập chính tương ứng nội dung học tập tuần 9. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.
10	5	???:????(?) 1. ?? 2. ?????? 3. ?? 4. ????	- GV giảng giải từ tương ứng nội dung của bài khóa và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.	- Tài liệu học tập chính tương ứng nội dung học tập tuần 10. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.
11	5	???:?????????(?) 5. ?? 6. ???? 7. ??? 8. ??????	- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.	- Tài liệu học tập chính tương ứng nội dung học tập tuần 11. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.

12	5	???: ??????????(?) 5. ?? 6. ?????? 7. ?? 8. ????	- GV giảng giải tư tưởng nội dung của bài khóa và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.	- Tài liệu học tập chính tương ứng nội dung học tập tuần 12. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.
----	---	--	--	---

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 07 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc

TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương

ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV  
KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

### **1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học: **Ngữ pháp sơ cấp 1 (D4)**

- Mã môn học: NVT035

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

### **2. Số tín chỉ: 3**

### **3. Trình độ: dành cho sinh viên năm thứ 1**

### **4. Phân bố thời gian: 60 tiết**

- Lý thuyết: 2tiết
- Thực hành: 1tiết

**5. Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên thi đầu vào khối D4

**6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Nội dung môn học chủ yếu về kiến thức ngữ pháp cơ bản kết hợp so sánh với tiếng Việt thông qua các bài hội thoại, điểm ngữ pháp và bài tập dịch câu, điền chỗ trống, đặt câu, thay thế từ, sửa câu sai, hoàn thành đối thoại...

**7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:**

- Mục tiêu: Môn học chủ yếu nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết và thực hành cơ bản về ngữ pháp tiếng Trung, giúp sinh viên trong giai đoạn đầu học tiếng Trung hiểu và sử dụng đúng các cấu trúc ngữ pháp đơn giản cũng như áp dụng đúng và nhuần nhuyễn vào các tình huống giao tiếp thực tiễn.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể đạt được kỹ năng áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng thành thạo tiếng Trung cơ bản.

**8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:**

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

	<p>Sinh viên có thể đạt được kỹ năng áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng thành thạo tiếng Trung cơ bản.</p>	<p>GV thuyết trình SV thực hành</p>	<p>- Dự lớp: tối thiểu 80% các buổi học sinh viên mới được phép dự thi - Biểu hiện trong quá trình học Kỹ năng trình bày Ý kiến hỏi đáp Kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ.</p>	<p><i>PLO1</i> Phân biệt được những điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau trong tiếng Hán.  - Năm vững được những kết cấu ngữ pháp nâng cao để ứng dụng trong các loại hình diễn đạt khác nhau.</p>	<p><i>PLO2</i> Vận dụng linh hoạt những từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học để có khả năng diễn đạt bằng tiếng Hán.</p>	<p><i>PLO3</i> Tự tin hơn trong các công việc có sử dụng tiếng Hán.</p>
--	--	-------------------------------------	--	--	---	---

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Giáo trình chính: ?????(???)?(??+??+??(5?: 1-5)), ??????????, ??????????, 2006 ?.
- Tài liệu tham khảo:
  - 1) ???(2003), ??????, ???????????
  - 2) ??? (2012), ??????, ???????????

- 3) Trương Gia Quyển (2012), Học ngữ pháp tiếng Hoa thật đơn giản, Nhà xuất bản Văn hóa – Văn nghệ TP.HCM.
- 4) Trương Gia Quyển (2014), Sử dụng hư từ tiếng Hoa thật dễ dàng, Nhà xuất bản Văn hóa – Văn nghệ TP.HCM.

**10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:**

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Giữa kỳ	- Chuyên cần - Bài tập - Kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	- Thi cuối kỳ		Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

**11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

**11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp mới được phép dự thi.
- Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo cho mỗi buổi học trước khi vào lớp.
- Làm các bài tập trong giáo trình và bài tập do giảng viên cung cấp.

**11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.

**12. Nội dung chi tiết môn học:**

?????(???)?(??+??):

Bài 1: Câu so sánh: câu chữ ?, A ? /?? B (??/??) + ???, “?” và “?”. BỔ ngữ số lượng. Câu cảm thán.

Bài 2: Câu so sánh(tt): “?...??/???”. Kết cấu “??..., ??...”.

Bài 3: Cách diễn đạt sự thay đổi: trợ từ ngữ khí “?”(2) . Cách diễn đạt hành động sắp xảy ra. Trạng



ngữ và trợ từ kết cấu “?” . Câu không có chủ ngữ: động từ + danh từ.

Bài 4: Cách diễn đạt xu hướng của động tác: bổ ngữ xu hướng đơn ( động từ +?/? ).

Bài 5: Cách diễn đạt kinh nghiệm: động từ +? . Số lần hành động diễn ra: bổ ngữ động lượng.  
Cách diễn đạt số thứ tự.

Bài 6: Kết cấu “?.....?”. Kết cấu “? ... ?...”. Cách diễn đạt mức độ: tính từ trùng điệp.

Bài 7: Câu vị ngữ chủ vị (2). Bổ ngữ kết quả: ?, ?/zháo/, ?, ?.

Bài 8: Cách diễn đạt ý bị động: câu bị động. Lượng từ trùng điệp. Cách dùng “?????”

Bài 9: Cách diễn đạt xu hướng động tác: bổ ngữ xu hướng kép.

Bài 10: Sự tiếp diễn của động tác hoặc trạng thái: động từ +?.

Bài 11: Câu tồn hiện. Cách diễn đạt sự thay đổi với kết cấu “???...” và “? ...?...”.

Bài 12: Câu chữ “?”(1).

Bài 13: Câu chữ “?” (2).

Bài 14: Cách diễn đạt ý bị động: câu chữ “?”. Cách dùng phó từ “?”.

Bài 15: Bổ ngữ khả năng (1). Hành động có thể xảy ra hoặc hoàn thành: động từ + ?/

+?. Diện tích có sức chứa: động từ + ?/

+?.

Bài 16: Bổ ngữ khả năng (2). Phân biệt bổ ngữ khả năng và bổ ngữ trạng thái. Kết cấu “?? ...?...”.

Bài 17: Cách diễn đạt kết quả của động tác: dùng bổ ngữ xu hướng diễn đạt kết quả của động tác.  
Kết cấu “??...?...”.

Bài 18: Các cách dùng khác của đại từ nghi vấn. Kết cấu diễn đạt hai động tác đồng thời tiến hành  
“??..., ??...”. Kết cấu diễn đạt trình tự liên tục của động tác “? ...?(?)... ??...??...”.

Bài 19: Câu phức không có liên từ. Bổ ngữ trạng thái (2).

Bài 20: Câu phản vấn. Kết cấu diễn đạt ý nhấn mạnh “?...?/?...” . Cách dùng nhấn mạnh sự  
khẳng định: hai lần phủ định.

?????(???)?(?(5 ? : 1-5)):

Bài 1: Cách dùng: ??; ??; ??; ??; ??; ??; ?.

Bài 2: Cách dùng: ?; ?; ??; ?...?...; ??.

Bài 3: Cách dùng: ?; ?; ?; ??; ??.

Bài 4: Cách dùng: ???+?+

/?...; ??; ??; ??; ?; V+?+V+?.

Bài 5: Cách dùng: ??; ??; ??; ???; ??.

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi/

**Tuần**  
**Số tiết trên lớp**  
**Nội dung bài học**

**Hoạt động dạy và học**  
**Hoặc Nhiệm vụ của SV**  
**Tài liệu cần đọc**

1

5

Bài 1: Câu so sánh: câu chữ ?, A ? /?? B (??/??) + ???, “?” và “?”. Bồ ngữ số lượng. Câu cảm thán.

Bài 2: Câu so sánh(tt): “?...??/???”. Kết cấu “??..., ??...”

- SV làm tại lớp các bài trong phần bài tập.

- SV về nhà tự ôn tập phần đã học và luyện tập.

????(??? – ?)

2

5

Bài 3: Cách diễn đạt sự thay đổi: trợ từ ngữ khí “?”(2) . Cách diễn đạt hành động sắp xảy ra. Trạng ngữ và trợ từ kết cấu “?”. Câu không có chủ ngữ: động từ + danh từ.

Bài 4: Cách diễn đạt xu hướng của động tác: bồ ngữ xu hướng đơn ( động từ +?/? ).

- SV làm tại lớp các bài trong phần bài tập.

- SV về nhà tự ôn tập phần đã học và luyện tập.

????(??? – ?)

3

5

Bài 5: Cách diễn đạt kinh nghiệm: động từ +? . Số lần hành động diễn ra: bồ ngữ động lượng.

Cách diễn đạt số thứ tự.

Bài 6: Kết cấu “?.....?”. Kết cấu “? .... ?....”. Cách diễn đạt mức độ: tính từ trùng điệp.

- SV làm tại lớp các bài trong phần bài tập.

- SV về nhà tự ôn tập phần đã học và luyện tập.

????(??? – ?)

4

5

Bài 7: Câu vị ngữ chủ vị (2). Bồ ngữ kết quả: ?, ?/zháo/, ?, ?.

Bài 8: Cách diễn đạt ý bị động: câu bị động. Lượng từ trùng điệp. Cách dùng “?????”.

- SV làm tại lớp các bài trong phần bài tập.
  - SV về nhà tự ôn tập phần đã học và luyện tập.
- ????(??? – ?)

5

5

Bài 9: Cách diễn đạt xu hướng động tác: bổ ngữ xu hướng kép.

Bài 10: Sự tiếp diễn của động tác hoặc trạng thái: động từ + ?.

- SV làm tại lớp các bài trong phần bài tập.
  - SV về nhà tự ôn tập phần đã học và luyện tập, ôn thi giữa kỳ.
- ????(??? – ?)

6

5

-Thi giữa kỳ.

-Bài 11: Câu tồn hiện. Cách diễn đạt sự thay đổi với kết cấu “???...” và “? ...?...”.

- SV thi giữa kỳ.
  - SV làm tại lớp các bài trong phần bài tập.
  - SV về nhà tự ôn tập phần đã học và luyện tập.
- ????(??? – ?)

7

5

Bài 12: Câu chữ “?”(1).

Bài 13: Câu chữ “?” (2).

Bài 14: Cách diễn đạt ý bị động: câu chữ “?”. Cách dùng phó từ “?”.

- SV làm tại lớp các bài trong phần bài tập.
  - SV về nhà tự ôn tập phần đã học và luyện tập.
- ????(??? – ?)

8

5

Bài 15: Bổ ngữ khả năng (1). Hành động có thể xảy ra hoặc hoàn thành: động từ + ?/

+?. Diện tích có sức chứa: động từ + ?/

+?.

Bài 16: Bổ ngữ khả năng (2). Phân biệt bổ ngữ khả năng và bổ ngữ trạng thái. Kết cấu “?? ...?...”.

- SV làm tại lớp các bài trong phần bài tập.
- SV về nhà tự ôn tập phần đã học và luyện tập.

????(??? - ?)

9

5

Bài 17: Cách diễn đạt kết quả của động tác: dùng bổ ngữ xu hướng diễn đạt kết quả của động tác. Kết cấu “??...?...”.

Bài 18: Các cách dùng khác của đại từ nghi vấn. Kết cấu diễn đạt hai động tác đồng thời tiến hành “??..., ??...”. Kết cấu diễn đạt trình tự liên tục của động tác “? ...?(?)... ??...??...”.

- SV làm tại lớp các bài trong phần bài tập.

- SV về nhà tự ôn tập phần đã học và luyện tập.

????(??? - ?)

10

5

Bài 19: Câu phức không có liên từ. Bổ ngữ trạng thái (2).

Bài 20: Câu phủ định. Kết cấu diễn đạt ý nhấn mạnh “?...?/?...” . Cách dùng nhấn mạnh sự khẳng định: hai lần phủ định.

- SV làm tại lớp các bài trong phần bài tập.

- SV về nhà tự ôn tập phần đã học và luyện tập.

????(??? - ?)

11

5

Bài 1: Cách dùng: ??; ??; ??; ??; ??; ??; ?.

Bài 2: Cách dùng: ?; ?; ??; ?...?...; ??.

Bài 3: Cách dùng: ?; ?; ?; ??; ??.

- SV làm tại lớp các bài trong phần bài tập.

- SV về nhà tự ôn tập phần đã học và luyện tập, ôn thi cuối kỳ.

????

(??? - ?)

12

5

- Bài 4: Cách dùng: ???+?+

/?...; ??; ??; ??; ?; V+?+V+?.

- Bài 5: Cách dùng: ??; ??; ??; ???; ??.

- Ôn thi cuối kỳ.

- SV làm tại lớp các bài trong phần bài tập.

- SV về nhà tự ôn tập phần đã học và luyện tập, ôn thi cuối kỳ.

???? (??? - ?)

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2016.*

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**Người biên soạn**

**PGS. TS NGUYỄN ĐÌNH PHÚC TS. NGUYỄN VŨ QUỲNH PHƯƠNG ThS. TRẦN TUYẾT NHUNG**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học: **Ngữ pháp sơ cấp 2 (D4)**

- Mã môn học: NVT036

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		<input checked="" type="checkbox"/>			
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 3

### 3. Trình độ: dành cho sinh viên năm thứ 1

### 4. Phân bố thời gian: 60 tiết

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thực hành: 15 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 15 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành môn Ngữ pháp sơ cấp 1 (D4)

### 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Nội dung môn học chủ yếu về kiến thức ngữ pháp tiếng Trung cơ bản (ý nghĩa và cách sử dụng

các phó từ, liên từ, kết cấu cố định...) kết hợp so sánh với tiếng Việt thông qua các bài hội thoại, điểm ngữ pháp và các dạng bài tập (dịch câu, điền chỗ trống, hoàn thành câu, đặt câu, sửa câu sai, hoàn thành đối thoại...).

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Môn học chủ yếu nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết và thực hành cơ bản về ngữ pháp tiếng Trung, giúp sinh viên trong giai đoạn đầu học tiếng Trung hiểu và sử dụng đúng các cấu trúc ngữ pháp đơn giản cũng như áp dụng đúng và nhuần nhuyễn vào các tình huống giao tiếp thực tiễn.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể đạt được kỹ năng áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng thành thạo tiếng Trung cơ bản.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

Sinh viên có thể đạt được kỹ năng áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng thành thạo tiếng Trung cơ bản.	-GV thuyết trình -SV thảo luận, thực hành	- Dự lớp: tối thiểu 80% các buổi học sinh viên mới được phép dự thi - Biểu hiện trong quá trình học - Kỹ năng trình bày - Ý kiến hỏi đáp - Kiểm tra giữa kỳ	<i>PLO1</i> - Năm vững được những kết cấu ngữ pháp cơ bản để ứng dụng trong các loại hình diễn đạt khác nhau.	<i>PLO2</i> Vận dụng linh hoạt những từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học để bước đầu diễn đạt bằng tiếng Hán.	<i>PLO3</i> Tự tin hơn trong các công việc có sử dụng tiếng Hán.
---	--	---	--	--	---

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính

[1] ???(2006), ????(???) (???) (???) , ??????????, ???

[2] ???(2006), ????(???) (???) (???) , ??????????, ???

- Tài liệu tham khảo/bổ sung

Trần Phương Thảo – Trương Văn Giới (2002), *Ngữ Pháp Tiếng Hán Hiện Đại*, Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:



<b>Thời điểm đánh giá</b>	<b>Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá</b>	<b>Phần trăm</b>	<b>Loại điểm</b>	<b>% kết quả sau cùng</b>
Giữa kỳ	- Chuyên cần, thái độ học tập - Bài tập - Kiểm tra giữa kỳ	5 % 5 % 90 %	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	- Thi cuối kỳ	100%	Điểm cuối kỳ	70%
				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>

### **Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

- Chuyên cần: Số lần vắng dưới 20% số buổi học thì được điểm 5%, số lần vắng trên 20% số buổi học thì không được điểm chuyên cần.

- Bài tập: Số lần không làm bài tập dưới 20% số buổi học thì được điểm 5%, số lần không làm bài tập trên 20% số buổi học thì không được điểm bài tập.

- Xếp loại đánh giá:

<b>Điểm</b>	<b>Xếp loại</b>
<3.5	Kém
3.5 - <5	Yếu
5 - <7	Trung bình
7 - <9	Khá
9 - 10	Giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: Viết

Nội dung thi: Kết hợp nhiều dạng câu hỏi, điểm của mỗi dạng câu hỏi từ 1 đến 3 điểm, tùy theo độ dài và khó của câu hỏi.

o Chọn những dạng câu hỏi sau:

- Sắp xếp trật tự từ thành câu hoàn chỉnh
- Sửa câu sai
- Điền từ vào chỗ trống cho đoạn văn sau đây
- Giải thích từ ngữ được gạch dưới (bằng tiếng trung)
- Chọn từ trong số những từ đã cho điền vào chỗ trống
- Chọn A,B,C hoặc D điền vào chỗ trống
- Đặt câu với từ đã cho
- Hoàn thành câu với từ đã cho
- Dựa vào câu mẫu để đặt câu với từ được gạch dưới trong đó

Thời lượng: kiểm tra giữa kỳ (khoảng 45 phút), kiểm tra cuối kỳ (khoảng 90 phút)

Tiêu chí chấm điểm:

- o 0,25 điểm làm tròn thành 0,5 điểm. 0,75 điểm làm tròn thành 1,0 điểm.
- o Làm đúng, trình bày rõ ràng, sạch đẹp.

- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm:

KẾT QUẢ HỌC TẬP					
Mức	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	9 - 10	7 - <9	5 - <7	3.5 - <5	<3.5

Năng lực	- Vận dụng được 90% đến 100% những kết cấu ngữ pháp cơ bản vào các loại hình diễn đạt khác nhau.	- Vận dụng được 70% đến 80% những kết cấu ngữ pháp cơ bản vào các loại hình diễn đạt khác nhau.	- Xác định được những kết cấu ngữ pháp cơ bản và vận dụng được 50% đến 60% kết cấu ngữ pháp cơ bản vào các loại hình diễn đạt khác nhau.	- Xác định được những kết cấu ngữ pháp cơ bản trong các loại hình diễn đạt khác nhau.	- Không xác định được những kết cấu ngữ pháp cơ bản trong các loại hình diễn đạt khác nhau.
----------	--	---	--	---	---

## 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp mới được phép dự thi.
- Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo cho mỗi buổi học trước khi vào lớp.
- Làm các bài tập trong giáo trình và bài tập do giảng viên cung cấp.

### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.

## 12. Nội dung chi tiết môn học:

[1] ??????, ????? (???) (?), ???, ??????????, 2006 ??

Bài 6: ???

Ngữ pháp trọng điểm: ???+?????????????.....?.....

Bài 7: ????

Ngữ pháp trọng điểm: ??+?????????????????????????

Bài 8: ????

Ngữ pháp trọng điểm: ??????????????????

Bài 9: ?????

Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????????.....??

Bài 10: ?????

Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????????

Bài 11: ??????

Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????????????????+??

Bài 12: ?????

Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????????

Bài 13: ?????

Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????????????????????.....??.....

**[2] ??????, ?????(???) (?)(???), ???,???????????, 2006 ??**

Bài 14: ???

Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????

Bài 15: ?????

Ngữ pháp trọng điểm: ?.....?????????.....?.....?????????.....?????

Bài 16: ??“???”

Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????????????????

Bài 17: ?????

Ngữ pháp trọng điểm: ??????????????.....?.....???.....??.....???

Bài 18: ??????

Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????????????????????

Bài 19: ?????

Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????????????

Bài 20: ?????

Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????????+?????????

Bài 21: ??

Ngữ pháp trọng điểm: ?????????(??)????????????

Bài 22: ?????

Ngữ pháp trọng điểm: ????????????????

Bài 23: ????

Ngữ pháp trọng điểm: ??????.....??..... ??????????.....?.....

Bài 24: ??

Ngữ pháp trọng điểm: ????????.....?.....?????????????

Bài 25: ????????

Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????????(??)???

Bài 26: ????????

Ngữ pháp trọng điểm: ??????????????????????

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi/ Tuần	Số tiết trên n lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	Bài 6: ??? Ngữ pháp trọng điểm: ???+????????? ???.....?..... Bài 7: ??? Ngữ pháp trọng điểm: ??+????????????? ???	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[1]
2	5	Bài 7: ??? Ngữ pháp trọng điểm: ??? Bài 8: ??? Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????? ? Bài 9: ??? Ngữ pháp trọng điểm: ???????	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[1]

3	5	Bài 9: ????? Ngữ pháp trọng điểm: ??????.....?? Bài 10: ???? Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????? Bài 11: ?????? Ngữ pháp trọng điểm: ???????	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[1]
4	5	Bài 11: ?????? Ngữ pháp trọng điểm: ??????????????+?? Bài 12: ???? Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????? ?	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[1]
5	5	Bài 13: ???? Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????????? ????????.....??..... Bài 14: ??? Ngữ pháp trọng điểm: ???????	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[1], [2]
6	5	Bài 14: ??? Ngữ pháp trọng điểm: ?????? Bài 15: ???? Ngữ pháp trọng điểm: ?.....?????????... ...?.....????????.....????? Bài 16: ??“???” Ngữ pháp trọng điểm: ??????????	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[2]
7	5	Bài 16: ??“???” Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????? Bài 17: ???? Ngữ pháp trọng điểm: ??????????????..... ?.....???......??.....??? Bài 18: ?????? Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????????? ?????	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[2]

8	5	Bài 18: ?????? Ngữ pháp trọng điểm: ??????? Bài 19: ???? Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????? ????? Bài 20: ????? Ngữ pháp trọng điểm: ??????????	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[2]
9	5	Bài 20: ????? Ngữ pháp trọng điểm: ??+????????? Bài 21: ?? Ngữ pháp trọng điểm: ?????????(??)???? ????? Bài 22: ???? Ngữ pháp trọng điểm: ?????	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[2]
10	5	Bài 22: ???? Ngữ pháp trọng điểm: ?????????? Bài 23: ???? Ngữ pháp trọng điểm: ??????.....??..... ?????????.....?.....	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[2]
11	5	Bài 24: ?? Ngữ pháp trọng điểm: ?????????..... ?.....????????????? Bài 25: ??????? Ngữ pháp trọng điểm: ??????????	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[2]
12	5	Bài 25: ??????? Ngữ pháp trọng điểm: ????(?)?? Bài 26: ??????? Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????? ?????	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[2]

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc

TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương

TS. Khuu Chí Minh

ThS. Huỳnh Nguyễn Thùy Trang

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học** (có thể dùng bảng hoặc không)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	
-------------------------------	--

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)



**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV**  
**KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

Tên tiếng Việt: **Ngữ pháp TC1 (khối D4)**

- Mã môn học: NVT037

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		<input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

**2. Số tín chỉ: 3**

**3. Trình độ:** dành cho sinh viên năm thứ 2

**4. Phân bố thời gian:** 60 tiết (*1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành*)

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 30 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết

- Các hoạt động khác: (*bài tập, trò chơi, đố vui, diễn kịch, xem phim, ...*): 5 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Ngữ pháp SC3

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Người học bắt buộc phải hoàn tất chương trình dịch sơ cấp 2, nắm vững khoảng 2000 từ.

**6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Tiến hành giảng dạy các điểm ngữ pháp, các cấu trúc ngữ pháp cơ bản.

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Học phần Ngữ pháp trung cấp 1 giúp người học củng cố và mở rộng các điểm ngữ pháp một cách có hệ thống, từ đó nâng cao trình độ Hán ngữ. Đây là bước đệm quan trọng để chuyển tiếp sang chương trình Hán ngữ trung cấp 2.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể nắm vững và sử dụng tương đối thành thạo vốn từ vựng khoảng 2500 từ; dần quen với việc sử dụng những điểm ngữ pháp khó để diễn đạt những câu tương đối phức tạp.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

	<p>- Diễn đạt hoặc lý giải được một cách chuẩn xác các câu từ đơn giản đến phức tạp, và đặt được các câu tương đối khó, phù hợp với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp trung cấp.</p>	<p>-GV thuyết trình. -SV Thảo luận nhóm.</p>	<p>- Kiểm tra giữa kỳ. Kiểm tra cuối kỳ.</p>	<p>- Tích lũy khoảng 2500 từ vựng. - Phân biệt được những điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau trong tiếng Hán. - Nắm vững được những kết cấu ngữ pháp nâng cao để ứng dụng trong các loại hình diễn đạt khác nhau.</p>	<p>- Vận dụng linh hoạt những từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học để nâng cao khả năng diễn đạt bằng tiếng Hán.</p>	<p>- Tự tin hơn trong các công việc có sử dụng tiếng Hán như: biên, phiên dịch Việt – Hán, Hán – Việt...</p>
--	---	--	--	---	---	--

## 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Giáo trình:

??(2003), ?? — ???????? (?), ???????????

- Tài liệu tham khảo:

1) ???(2003), ??????, ???????????

2) ???(2003), ???????, ???????

3) ??? ???(2007), 1700 ??????????, ???????????

4) ??? (2007), ?????????????, ???????????

5) ??? ???(2009), ????????? (???), ???????

6) ??? (2012), ??????, ????????????

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Hàng ngày	- Chuyên cần	1 %	Điểm giữa kỳ	30%
Giữa kỳ	- Thuyết trình	2 %		
	- Bài tập	2 %		
	- Kiểm tra giữa kỳ	95%		
Cuối kỳ	Thi cuối kỳ	100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

### 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

#### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Phải tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp.
- Phải đọc tài liệu chính và chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Tích cực tham gia đóng góp ý kiến và thảo luận trong giờ học.
- Hoàn thành các bài tập được giao trên lớp và khi về nhà.
- Đọc tài liệu tham khảo

#### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Nếu vắng học quá 20% số tiết sẽ bị cấm thi cuối kỳ.
- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.

- Sinh viên phải chấp hành đúng qui chế của nhà trường khi tham gia các kỳ thi: không quay cóp, không trao đổi bài, không sử dụng điện thoại di động và các thiết bị nghe nhìn...Nếu vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định của nhà trường.

### **11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

- Qua email hoặc điện thoại.

## **12. Nội dung chi tiết môn học:**

### **Bài 1 ??????**

1. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 1: ?? ; ??, ??.... ?.....; ?, ??, ??, ?... ??, ....??
2. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
3. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ??????

### **Bài 2 ??????**

1. Sửa bài tập về nhà bài 1
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 2: ?.....?....., ??, ??.....?, ?.....?....., ??.....??....., ??, ??
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
4. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ??????

### **Bài 3 ??????????**

1. Sửa bài tập về nhà bài 2
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 3: ??; ??; ???; ..... ??; ??; ?; ..... ??; ??
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.

4. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ?????????

#### **Bài 4. ?????**

1. Sửa bài tập về nhà bài 3
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 4: ....??; ??; ??; ???; ....?.....; ?; ?..... ?; ?; ??
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
4. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ?????

#### **Bài 5 ??“??”**

1. Sửa bài tập về nhà bài 4
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 5: .... ??; ??; ?... ?; ??.... ?... ; ??; .... ??; ??; ..... ??
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
4. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ??“??”

#### **Bài 6 ??**

1. Thảo luận bài 5
2. Sửa bài tập về nhà bài 5
3. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 6: ?; .....??; ??; ??; ??; ?.....?.....; .... ??
4. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
5. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ??

#### **Bài 7 ??????**

1. Sửa bài tập về nhà bài 6
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 7: ??; ??....?..... ; ??; ??; ??; ??; ??; ??; ???; ?.....?.....

3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
4. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ??????

### **Bài 9 ?????**

1. Sửa bài tập về nhà bài 7
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 9: ?; .... ?; .... ??; .... ??; ?(?)
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
4. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ?????

### **Bài 10 ???????**

1. Sửa bài tập về nhà bài 9
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 10: ?; ???; ??.... ???; ??; ?? .... ??; ?; ??; .... ??; ?(?); ??
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
4. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ???????

### **Bài 12 ???**

1. Sửa bài tập về nhà bài 10
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 10: ?.... ; ??..... ?.... ; ??; ??; ??; ?; ?.... ??; ??; ??
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
4. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ???

## **13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	Ôn kiến thức cơ bản trong chương trình môn dịch năm 1.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình.</li> <li>- SV làm bài tập.</li> <li>- SV chơi trò chơi.</li> </ul>	<p>???????</p> <p>?????????</p>
2	5	Bài 1: ????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 1. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 1.</li> </ul>	<p>?? — ????????</p> <p>(?) trang 1</p> <p>?????????</p> <p>?????????</p> <p>1700 ??????????</p>



3	5	Bài 2: ??????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 2. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài2.</li> </ul>	<p>?? — ????????</p> <p>(?) trang 18</p> <p>???????</p> <p>?????????</p> <p>1700 ??????????</p>
---	---	---------------	--	---

4	5	Bài 3: ??????????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 3. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 3.</li> </ul>	<p>?? — ?????????</p> <p>(?) trang 33</p> <p>???????</p> <p>?????????</p> <p>1700 ??????????</p>
---	---	-------------------	---	--

5	5	Bài 4: ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 4. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 4.</li> </ul>	<p>?? — ????????</p> <p>(?) trang 50</p> <p>???????</p> <p>?????????</p> <p>1700 ??????????</p>
---	---	--------------	---	---

6	5	Bài 5: ??“??”	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 5. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 5.</li> </ul>	<p>?? — ?????????</p> <p>(?) trang 66</p> <p>???????</p> <p>?????????</p> <p>1700 ??????????</p>
---	---	---------------	---	--

7	5	Bài 6: ??	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 6. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 6.</li> </ul>	<p>?? — ????????</p> <p>(?) trang 84</p> <p>???????</p> <p>?????????</p> <p>1700 ??????????</p>
8	5	Kiểm tra giữa kỳ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- Làm bài kiểm tra giữa kỳ.</li> <li>- Xem phim.</li> </ul>	<p>?? — ?????????? (?)</p>

9	5	Bài 7: ??????	<p>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 7. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</p> <p>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</p> <p>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</p> <p>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 7.</p>	<p>?? — ????????</p> <p>(?) trang 103</p> <p>???????</p> <p>???????</p> <p>1700 ??????????</p>
---	---	---------------	---	--

10	5	Bài 9: ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 9. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 9.</li> </ul>	<p>?? — ????????</p> <p>(?) trang 137</p> <p>???????</p> <p>???????</p> <p>1700 ??????????</p>
----	---	--------------	---	--

11	5	Bài 10: ????????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 10. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 10.</li> </ul>	<p>?? — ????????</p> <p>(?) trang 157</p> <p>???????</p> <p>???????</p> <p>1700 ??????????</p>
----	---	------------------	---	--



12	5	Bài 12: ???	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 1. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài 12. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 12.</li> </ul>	<p>?? — ????????</p> <p>(?) trang 193</p> <p>???????</p> <p>???????</p> <p>1700 ??????????</p>
----	---	-------------	---	--

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15 tháng 07 năm 2016

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**Người biên soạn**

**PGS.TS NGUYỄN ĐÌNH PHÚC   TS. NGUYỄN VŨ QUỲNH PHƯƠNG   ThS. TRẦN TUYẾT NHUNG**

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV**  
**KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

Tên tiếng Việt: **Ngữ pháp TC2 (khối D4)**

- Mã môn học: NVT038

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		<input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

**2. Số tín chỉ: 3**

**3. Trình độ:** dành cho sinh viên năm thứ 2

**4. Phân bố thời gian:** 60 tiết (*1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành*)

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thực hành: 15 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết

- Các hoạt động khác: (*bài tập, trò chơi, đố vui, diễn kịch, xem phim, ...*): 5 tiết

**5. Điều kiện tiên quyết:**

- Môn học tiên quyết: Ngữ pháp TC2

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Người học bắt buộc phải hoàn tất chương trình Ngữ

pháp trung cấp 2, nắm vững khoảng 3000 từ.

**6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Tiến hành giảng dạy các điểm ngữ pháp, các cấu trúc ngữ pháp nâng cao.

**7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:**

- Mục tiêu: Học phần Ngữ pháp trung cấp 3 giúp người học củng cố và mở rộng các điểm ngữ pháp một cách có hệ thống, từ đó nâng cao trình độ ứng dụng Hán ngữ vào các loại hình diễn đạt khác nhau. Đây là bước đệm quan trọng để chuyển tiếp sang chương trình Hán ngữ cao cấp.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể nắm vững và sử dụng tương đối thành thạo vốn từ vựng khoảng 3500 từ; sử dụng thuần thục những điểm ngữ pháp nâng cao để diễn đạt những câu phức tạp.

**8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:**

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

	<p>- Diễn đạt hoặc lý giải được một cách chuẩn xác các câu từ đơn giản đến phức tạp.</p> <p>- Đặt được các câu khó và dài với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp trung cấp.</p>	<p>- GV thuyết trình.</p> <p>- SV Thảo luận nhóm.</p>	<p>- Kiểm tra giữa kỳ.</p> <p>- Kiểm tra cuối kỳ.</p>	<p>- Tích lũy khoảng 3500 từ vựng.</p> <p>- Phân biệt được những điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau trong tiếng Hán.</p> <p>- Nắm vững được những kết cấu ngữ pháp nâng cao để ứng dụng trong các loại hình diễn đạt khác nhau.</p>	<p>- Vận dụng linh hoạt và thuần thục những từ vựng, cấu trúc ngữ pháp đã học để nâng cao khả năng diễn đạt bằng tiếng Hán.</p>	<p>- Tự tin hơn trong các công việc có sử dụng tiếng Hán như: biên, phiên dịch Việt – Hán, Hán – Việt...</p>
--	---	---	---	---	---	--

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Giáo trình:

??(2003), ?? — ???????? (?), ???????????

- Tài liệu tham khảo:

1) ???(2003), ??????, ???????????

2) ???(2003), ???????, ???????

3) ??? ???(2007), 1700 ??????????, ???????????

4) ??? (2007), ?????????????, ???????????

5) ??? ???(2009), ????????? (???, ???????)

6) ??? (2012), ??????, ???????????

**10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:**

<b>Thời điểm đánh giá</b>	<b>Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá</b>	<b>Phần trăm</b>	<b>Loại điểm</b>	<b>% kết quả sau cùng</b>
Hàng ngày	- Chuyên cần	1 %	Điểm giữa kỳ	30%
Giữa kỳ	- Thuyết trình	2 %		
	- Bài tập	2 %		
	- Kiểm tra giữa kỳ	95%		
Cuối kỳ	Thi cuối kỳ	100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

**11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

**11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Phải tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp.
- Phải đọc tài liệu chính và chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Tích cực tham gia đóng góp ý kiến và thảo luận trong giờ học.
- Hoàn thành các bài tập được giao trên lớp và khi về nhà.
- Đọc tài liệu tham khảo

**11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Nếu vắng học quá 20% số tiết sẽ bị cấm thi cuối kỳ.
- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.

- Sinh viên phải chấp hành đúng qui chế của nhà trường khi tham gia các kỳ thi: không quay cóp, không trao đổi bài, không sử dụng điện thoại di động và các thiết bị nghe nhìn...Nếu vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định của nhà trường.

### 11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

- Qua email hoặc điện thoại.

## 12. Nội dung chi tiết môn học:

### Bài 16. ?????

4. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 16: ?????(??) .....?????.....??.....?.....????(? 4) ????? ??????.....?.....
5. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
6. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ??????

### Bài 17. ?????

6. Sửa bài tập về nhà bài 16.
7. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 20: .....?.....??.....?.....??????.....????.....
8. ....???????
9. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
10. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ??????

### Bài 19. ?????

1. Sửa bài tập về nhà bài 17
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 19: ??? ??? ??....??????????(?) ?????
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.

4. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ?????

**Bài 20. ????**

10. Sửa bài tập về nhà bài 19.

11. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 20: ??????????.....?.....?????????????.....???.....?...  
...?.....?

12. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.

13. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ????

**Bài 21. ??**

10. Sửa bài tập về nhà bài 20

11. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 21: ?.....?.....?????????????????.....?.....?????????

12. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.

13. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ??

**Bài 26. ????**

Sửa bài tập về nhà bài 21

Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 26: ?????.....?.....?????????????????????.....??.....????(? 5)??  
?

Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.

4. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ????

**Bài 27. ??**

6. Sửa bài tập về nhà bài 26.

7. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 27: ?(?? 2) ??????????.....??.....?????????????????????

8. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích,

chỉnh sửa lỗi sai.

9. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ??

### **Bài 28. ?????????**

6. Sửa bài tập về nhà bài 27.
7. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 28: ?.....(??) ?????????????????????????????????
8. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
9. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ?????????

### **Bài 29. ???**

6. Sửa bài tập về nhà bài 28.
7. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 29: ?????.....( ?) ??????.....?????????.....?.....??????????  
?
8. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
9. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ???

### **Bài 30. ??**

7. Sửa bài tập về nhà bài 29.
8. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 30: ??????????????.....??.....?????????.....?.....?????????
9. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
10. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài ???
11. Sửa bài tập bài 30.

## **13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**



Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	Ôn kiến thức cơ bản trong chương trình môn dịch TC2.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV làm bài tập thực hành</li> </ul>	<p>???????</p> <p>?????</p> <p>?? — ?????????? (?)</p> <p>?????????</p> <p>1700 ??????????</p>
2	5	Bài 16 : ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV đọc sách trang 1</li> <li>- SV tiến hành tra cứu và chuẩn bị trước những nội dung có liên quan đến các điểm ngữ pháp trong bài, và khi lên lớp sẽ tiến hành thuyết trình theo nhóm.</li> <li>- SV thảo luận</li> <li>- GV dựa trên phần trình bày và thảo luận của sinh viên tiến hành nhận xét, chỉnh sửa và tổng kết thành bài học.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài để củng cố thêm kiến thức cho SV.</li> </ul>	<p>?? — ?????????? (?)</p> <p>?????????</p> <p>?????????</p> <p>1700 ??????????</p>

3	5	Bài 17 : ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV đọc sách trang 19</li> <li>- SV tiến hành tra cứu và chuẩn bị trước những nội dung có liên quan đến các điểm ngữ pháp trong bài, và khi lên lớp sẽ tiến hành thuyết trình theo nhóm.</li> <li>- SV thảo luận</li> <li>- GV dựa trên phần trình bày và thảo luận của sinh viên tiến hành nhận xét, chỉnh sửa và tổng kết thành bài học.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài để củng cố thêm kiến thức cho SV.</li> </ul>	<p>?? — ????????? ( ? )</p> <p>????????</p> <p>????????</p> <p>1700 ?????????</p>
4		Bài 19 : ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- SV đọc sách trang 63</li> <li>- SV tiến hành tra cứu và chuẩn bị trước những nội dung có liên quan đến các điểm ngữ pháp trong bài, và khi lên lớp sẽ tiến hành thuyết trình theo nhóm.</li> <li>- SV thảo luận</li> <li>- GV dựa trên phần trình bày và thảo luận của sinh viên tiến hành nhận xét, chỉnh sửa và tổng kết thành bài học.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài để củng cố thêm kiến thức cho SV.</li> </ul>	<p>?? — ????????? ( ? )</p> <p>????????</p> <p>????????</p> <p>1700 ?????????</p>

5	5	Bài 20 : ???	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- SV đọc sách trang 85</li> <li>- SV tiến hành tra cứu và chuẩn bị trước những nội dung có liên quan đến các điểm ngữ pháp trong bài, và khi lên lớp sẽ tiến hành thuyết trình theo nhóm.</li> <li>- SV thảo luận</li> <li>- GV dựa trên phần trình bày và thảo luận của sinh viên tiến hành nhận xét, chỉnh sửa và tổng kết thành bài học.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài để củng cố thêm kiến thức cho SV.</li> </ul>	?? — ???????? (?) ?????? ?????? 1700 ????????
6	5	Bài 21 : ??	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- SV đọc sách trang 107</li> <li>- SV tiến hành tra cứu và chuẩn bị trước những nội dung có liên quan đến các điểm ngữ pháp trong bài, và khi lên lớp sẽ tiến hành thuyết trình theo nhóm.</li> <li>- SV thảo luận</li> <li>- GV dựa trên phần trình bày và thảo luận của sinh viên tiến hành nhận xét, chỉnh sửa và tổng kết thành bài học.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài để củng cố thêm kiến thức cho SV.</li> </ul>	?? — ???????? (?) ?????? ?????? 1700 ????????

7	5	<p>-Kiểm tra giữa kỳ.</p> <p>Bài 26 : ????</p>	<p>- Làm bài kiểm tra giữa kỳ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- SV đọc sách trang 222</li> <li>- SV tiến hành tra cứu và chuẩn bị trước những nội dung có liên quan đến các điểm ngữ pháp trong bài, và khi lên lớp sẽ tiến hành thuyết trình theo nhóm.</li> <li>- SV thảo luận</li> <li>- GV dựa trên phần trình bày và thảo luận của sinh viên tiến hành nhận xét, chỉnh sửa và tổng kết thành bài học.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài để củng cố thêm kiến thức cho SV.</li> </ul>	<p>?? — ????????? ( ?)</p> <p>????????</p> <p>????????</p> <p>1700 ?????????</p>
8	5	<p>Bài 27: ??</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- SV đọc sách trang 243</li> <li>- SV tiến hành tra cứu và chuẩn bị trước những nội dung có liên quan đến các điểm ngữ pháp trong bài, và khi lên lớp sẽ tiến hành thuyết trình theo nhóm.</li> <li>- SV thảo luận</li> <li>- GV dựa trên phần trình bày và thảo luận của sinh viên tiến hành nhận xét, chỉnh sửa và tổng kết thành bài học.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài để củng cố thêm kiến thức cho SV.</li> </ul>	<p>?? — ????????? ( ?)</p> <p>????????</p> <p>????????</p> <p>1700 ?????????</p>

9	5	Bài 28 : ?????????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- SV đọc sách trang 265</li> <li>- SV tiến hành tra cứu và chuẩn bị trước những nội dung có liên quan đến các điểm ngữ pháp trong bài, và khi lên lớp sẽ tiến hành thuyết trình theo nhóm.</li> <li>- SV thảo luận</li> <li>- GV dựa trên phần trình bày và thảo luận của sinh viên tiến hành nhận xét, chỉnh sửa và tổng kết thành bài học.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài để củng cố thêm kiến thức cho SV.</li> </ul>	?? — ????????? (?) ??????? ????????? 1700 ?????????
10	5	Bài 29 : ???	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- SV đọc sách trang 285</li> <li>- SV tiến hành tra cứu và chuẩn bị trước những nội dung có liên quan đến các điểm ngữ pháp trong bài, và khi lên lớp sẽ tiến hành thuyết trình theo nhóm.</li> <li>- SV thảo luận</li> <li>- GV dựa trên phần trình bày và thảo luận của sinh viên tiến hành nhận xét, chỉnh sửa và tổng kết thành bài học.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài để củng cố thêm kiến thức cho SV.</li> </ul>	?? — ????????? (?) ??????? ????????? 1700 ?????????

11	5	Bài 30 : ??	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- SV đọc sách trang 310</li> <li>- SV tiến hành tra cứu và chuẩn bị trước những nội dung có liên quan đến các điểm ngữ pháp trong bài, và khi lên lớp sẽ tiến hành thuyết trình theo nhóm.</li> <li>- SV thảo luận</li> <li>- GV dựa trên phần trình bày và thảo luận của sinh viên tiến hành nhận xét, chỉnh sửa và tổng kết thành bài học.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài để củng cố thêm kiến thức cho SV.</li> </ul>	<p>?? — ?????????? (?)</p> <p>?????????</p> <p>?????????</p> <p>1700 ??????????</p>
12	5	Ôn tập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- Tổng hợp kiến thức về các điểm ngữ pháp nâng cao đã học ở chương trình Ngữ pháp Trung cấp 1, 2, 3.</li> <li>- Làm một số bài tập tổng hợp để củng cố kiến thức về các điểm ngữ pháp khó, phức tạp đã học ở chương trình Ngữ pháp Trung cấp 1, 2, 3. Giúp sinh viên nắm vững kiến thức để chuẩn bị bước vào giai đoạn Ngữ pháp cao cấp</li> </ul>	<p>?? — ?????????? (?)</p> <p>?????????</p> <p>?????????</p> <p>1700 ??????????</p>

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15 tháng 07 năm 2016

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**Người biên soạn**

**PGS.TS NGUYỄN ĐÌNH PHÚC   TS. NGUYỄN VŨ QUỲNH PHƯƠNG   ThS. TRẦN TUYẾT NHUNG**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

Tên tiếng Việt: **Nhập môn văn hóa Trung Quốc**

Tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): ??????

- Mã môn học: NVT039

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ (dành cho sinh viên năm thứ 3)

4. Phân bố thời gian: 45 tiết (*1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành*)

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 15 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết

- Các hoạt động khác: (*bài tập, trò chơi, đố vui, diễn kịch, xem phim, ...*): 5 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Người học đã hoàn thành học phần Hán ngữ trung cấp.

### 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:



- Giới thiệu khái quát văn hóa truyền thống và phong tục tập tục Trung Quốc.

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: giúp cho sinh viên ngành ngữ văn Trung Quốc hiểu khái quát về văn hóa truyền thống và phong tục tập tục Trung Quốc.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên được bổ sung các kiến thức cơ bản về văn hóa truyền thống và phong tục tập tục Trung Quốc.

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	Nắm vững các kiến thức cơ bản về văn hóa truyền thống và phong tục tập tục Trung Quốc.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- SV thuyết trình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kỹ năng trình bày</li> <li>Làm bài tập</li> </ul>

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	Nắm vững các kiến thức cơ bản về văn hóa truyền thống và phong tục tập tục Trung Quốc.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- SV thuyết trình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kỹ năng trình bày</li> <li>Làm bài tập</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có kiến thức cơ bản về văn hóa truyền thống và phong tục tập tục Trung Quốc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có kỹ năng trình bày</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có thái độ tích cực</li> </ul>

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu chính: Do GV biên soạn

- Tài liệu tham khảo :

1. ???(2003), ????, ?????????????,??.
2. ???(2003), ????, ????????, ??.
3. ??(2002), ????, ?????????????, ??.
4. ???(1994), ???????, ????????, ??.
5. ???(2007), ???????, ?????????????, ??.
6. ??(2005), ???????, ????????, ??.
7. ??(2010), ????????, ????????, ??.
8. ??(2007), ??????????, ????????, ??.
9. ??(2009), ????, ????????, ??.
10. ??(2007), ??????, ????????, ??.
11. ??(2004), ???????, ????????, ??.
12. ???(2006), ??????????, ????????, ??.
13. ???(1999), ???????, ?????????????, ??.
14. ???(2004), 100 ???, ????????, ??.
15. ???(2004), 100 ???, ????????, ??
16. ???(2004), ??????, ????????, ??.

**10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:**

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Hàng ngày	- Chuyên cần	5 %	Điểm giữa kỳ	30%
Giữa kỳ	- Thuyết trình	5 %		
	- Bài tập	5%		
	- Kiểm tra giữa kỳ	85%		
Cuối kỳ	- Thi cuối kỳ	100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

## **Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

Mức điểm và xếp loại.

Dưới 5 điểm: Chưa đạt yêu cầu.

Đạt từ 5 - 6 điểm: Trung bình

Đạt 6,5 - 7,5 điểm: Khá

Đạt 8 -10. Giỏi

## **11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

### **11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp.
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp.
- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành.
- Hoàn thành các bài tập, bài thảo luận.

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ

### **11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

- Qua mail hoặc điện thoại ngoài giờ lên lớp.

## **12. Nội dung chi tiết môn học:**

### **Bài 1. Khái quát**

1. Giới thiệu khái quát về Văn hóa truyền thống Trung Quốc
2. Dân tộc
3. Đặc điểm địa lý

## **Bài 2. Tư tưởng truyền thống và quan niệm đạo đức truyền thống**

### **Tư tưởng truyền thống**

1.1 Nho gia

1.2 Đạo gia

1.3 Pháp gia

1.4 Mặc gia

1.5 Binh gia

1.6 Nông gia, Danh gia, Âm dương gia, Tung hoành gia...

### **Quan niệm đạo đức truyền thống:**

2.1. Hiếu thuận cha mẹ

2.2. Kính già yêu trẻ

2.3. Trung thực tín nghĩa

2.4. Tôn sư trọng đạo

## **Bài 3 Văn học**

1. Thần thoại cổ đại

2. Thơ ca cổ đại

3. Tiểu thuyết cổ đại

## **Bài 4. Nghệ thuật truyền thống**

1. Âm nhạc

2. Vũ đạo

3. Kịch

4. Xiếc

5. Sân khấu bìa ảnh

6. Hội họa

7. Thư pháp

## **Bài 5. Văn vật**

1. Giáp cốt văn

2. Kiến trúc Phật giáo

3. Tượng binh mã

**Bài 6. Kinh tế**

1. Nền kinh tế tự cung tự cấp
2. Các loại hình kinh doanh truyền thống
3. Con đường tơ lụa

**Bài 7. Nghệ truyền thống**

1. Gốm sứ
2. Cảnh thái lan
3. Thêu
4. Điêu khắc
5. Tranh dân gian

**Bài 8. Khoa học kỹ thuật**

1. Bốn phát minh cổ đại
2. Công trình thủy lợi
3. Lịch pháp

**Bài 9. Kiến trúc**

1. Kiến trúc cổ đại
2. Kiến trúc dân gian
3. Cung điện
4. Đền miếu
5. Chùa và tháp
6. Vườn cảnh

**Bài 10. Nhân sinh**

4. Tín ngưỡng
5. Họ tên
6. Lễ nghi

**Bài 11. Lễ tết**

1. Lễ tết truyền thống của dân tộc Hán
2. Lễ tết truyền thống của dân tộc thiểu số

**Bài 12. Âm thực**

1. Khái quát về “ẩm thực” của người Trung Hoa
2. Trà và rượu

**Bài 13. Trang phục**

1. Trang phục thời cổ
2. Trang phục đời nhà Đường
3. Áo dài Thượng Hải

**Bài 14. Võ thuật**

1. Khởi nguồn
2. Chủng loại
3. Các động tác chủ yếu

**Bài 15. Y học.**

1. Lịch sử y học Trung Hoa
2. Thuyết âm dương
3. Thuyết ngũ hành
4. Các phương pháp trị liệu.

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc
1	5	Giới thiệu khái quát môn học, tài liệu tham khảo 1. Giới thiệu khái quát về Văn hóa truyền thống Trung Quốc 2. Dân tộc 3. Đặc điểm địa lý	- GV thuyết trình - SV làm bài tập - SV chơi trò chơi	???? ?????? ????

2	5	<p>Bài 2+3</p> <p>1. Quan niệm đạo đức truyền thống:</p> <p>2. Tư tưởng truyền thống</p> <p>3. Văn học cổ đại</p>	<p>- Sửa bài tập về nhà</p> <p>- SV thuyết trình</p> <p>- GV thuyết trình</p> <p>- Thảo luận</p>	<p>????</p> <p>??????</p> <p>????</p>
3	5	<p>Bài 4+5</p> <p>Văn vật</p> <p>Nghệ thuật truyền thống</p>	<p>- SV thuyết trình theo nhóm</p> <p>- Sửa bài tập về nhà</p> <p>- GV thuyết trình</p> <p>- Thảo luận</p> <p>- SV chơi trò chơi</p>	<p>????</p> <p>??????</p> <p>????</p>
4	5	<p>Bài 6+7</p> <p>Kinh tế</p> <p>Nghề truyền thống</p>	<p>- Sửa bài tập về nhà</p> <p>- GV thuyết trình</p> <p>- SV thảo luận</p>	<p>????</p> <p>??????</p> <p>????</p>
5	5	<p>Bài 8+9</p> <p>Kiến trúc</p> <p>Khoa học kỹ thuật</p>	<p>- SV thuyết trình theo nhóm</p> <p>- Sửa bài tập về nhà</p> <p>- GV thuyết trình</p> <p>- SV chơi trò chơi</p>	<p>????</p> <p>??????</p> <p>????</p>
6	5	<p>kiểm tra giữa kỳ</p> <p>bài 10</p> <p>Tín ngưỡng</p> <p>Họ tên</p> <p>Lễ nghi</p>	<p>- SV thuyết trình theo nhóm</p> <p>- Sửa bài tập về nhà</p> <p>- GV thuyết trình</p> <p>- SV thảo luận</p>	<p>????</p> <p>??????</p> <p>??????</p> <p>??????</p> <p>????</p>
7	5	<p>Bài 11</p> <p>1. Lễ tết truyền thống của dân tộc Hán</p> <p>2. Lễ tết truyền thống của dân tộc thiểu số</p>	<p>- SV thuyết trình theo nhóm</p> <p>- Sửa bài tập về nhà</p> <p>- GV thuyết trình</p> <p>- SV chơi trò chơi</p>	<p>????</p> <p>??????</p> <p>????</p> <p>????</p>

8	5	Bài 12+13 Ấm thực Trang phục	- SV thuyết trình theo nhóm - Sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - SV thảo luận	???? ?????? ????
9	5	Bài 14+15 Võ thuật Y học Ôn tập	- Sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - SV thảo luận - Xem phim	???? ?????? ????

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 07 năm 2016.

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

**PGS.TS. NGUYỄN ĐÌNH PHÚC**

**PGS.TS. NGUYỄN ĐÌNH PHÚC**

**TS. Tống Thị Quỳnh Hoa**

**Giảng viên phụ trách môn học:** Tống Thị Quỳnh Hoa

Học hàm, học vị: tiến sĩ

Điện thoại liên hệ: 0938180106

Email: [quynhhoatong@hcmussh.edu.vn](mailto:quynhhoatong@hcmussh.edu.vn)



**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV**  
**KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

### **Giảng viên phụ trách môn học**

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hằng	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 38293828 - 142
Email: <a href="mailto:thuhang1008@yahoo.com">thuhang1008@yahoo.com</a>	Trang web: <a href="http://www.hcmussh.edu.vn">www.hcmussh.edu.vn</a>

Cách liên lạc với giảng viên:	Liên lạc qua email hoặc gặp trực tiếp giáo viên tại lớp học.
Nơi tiến hành môn học:	Trường ĐH KHXH & NV, Cơ sở Thủ Đức
Thời gian học:	Học kỳ II mỗi năm (từ tháng 2 đến tháng 4)

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **PHÂN TÍCH LỖI NGỮ PHÁP THƯỜNG GẶP**

tên tiếng Trung: ?????????

- Mã môn học: NVT040

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		<input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 2, 3.

4. Phân bố thời gian: 30 tiết

- Lý thuyết: 5 tiết

- Thực hành: 20 tiết

- Tự học: 5 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: *Đã hoàn thành các môn thuộc khối cơ sở ngành của năm I và học kỳ I năm II.*

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: *Nắm được toàn bộ kiến thức ngữ pháp cơ bản thuộc khối cơ sở ngành và bước sang giai đoạn từ pháp, có kỹ năng phân tích nhất định.*

**6. Mô tả văn tắt nội dung môn học:** Môn học sẽ giới thiệu những lỗi sai về ngữ pháp, từ pháp thường gặp của sinh viên trong quá trình học tập tiếng Trung. Toàn bộ các lỗi sai được chọn lọc từ chính những bài viết văn của sinh viên năm thứ 2, 3 qua nhiều khóa học để làm ví dụ minh chứng, đồng thời tiến hành phân tích sâu những lỗi sai này, qua đó chỉ ra cho sinh viên hướng sửa sai và nắm rõ vấn đề để trả lời câu hỏi: Tại sao phải diễn đạt như thế này mà không phải như thế kia?

**7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:**

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng/lý thuyết và thực hành trong việc nắm bắt những lỗi sai cơ bản, phân tích và chỉnh sửa theo cách diễn đạt chuẩn mực nhất của tiếng phổ thông Trung Quốc hiện đại. Từ đó nâng cao trình độ Hán ngữ của sinh viên trong việc sử dụng tiếng Trung làm phương tiện giao tiếp.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

*Nhận biết được lỗi sai*

*Phân tích được lỗi sai*

*Chỉnh sửa được lỗi sai*

*Áp dụng những kiến thức trong môn học vào việc diễn đạt*

*Có thái độ tích cực hơn trong việc học những kiến thức cơ bản nhất của một môn ngoại ngữ.*

**8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:**

ST T	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được lỗi sai</li> <li>- Phân tích được lỗi sai</li> <li>- Chỉnh sửa được lỗi sai</li> <li>- Áp dụng những kiến thức trong môn học vào việc diễn đạt</li> <li>- Có thái độ tích cực hơn trong việc học những kiến thức cơ bản nhất của một môn ngoại ngữ.</li> </ul>	<p>GV thuyết trình SV thực hành theo cá nhân hoặc nhóm</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng trình bày trong thực hành trên lớp</li> <li>- Đối thoại với GV trên lớp</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ, kết thúc môn</li> </ul>

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được lỗi sai</li> <li>- Phân tích được lỗi sai</li> <li>- Chỉnh sửa được lỗi sai</li> <li>- Áp dụng những kiến thức trong môn học vào việc diễn đạt</li> <li>- Có thái độ tích cực hơn trong việc học những kiến thức cơ bản nhất của một môn ngoại ngữ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-GV thuyết trình</li> <li>-SV thực hành theo cá nhân hoặc nhóm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng trình bày trong thực hành trên lớp</li> <li>- Đối thoại với GV trên lớp</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ, kết thúc môn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm vững kiến thức ngữ pháp, từ vựng thuộc chương trình cơ sở ngành</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kỹ năng phân tích sâu đối với những vấn đề ngữ pháp thường gặp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Thái độ học tập tích cực, thấy được sự quan trọng của việc phân tích những lỗi sai để áp dụng vào quá trình sử dụng ngoại ngữ</li> </ul>

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu chính: *PHÂN TÍCH LỖI NGỮ PHÁP THƯỜNG GẶP* (Tài liệu học tập do giảng viên biên soạn)

- Tài liệu tham khảo/bổ sung:

1. ???, (1999)????????????, ??????????

2. ???, (1999)????????, ?????????.

- Trang Web tham khảo

1. <http://ccl.pku.edu.cn/doubtfire/Course/Modern>

[%20Chinese/3\\_grammar/Grammar\\_14\\_summary.pdf](#)

2. <http://www.chiculture.net/0615/html/index.html>

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
--------------------	--	-----------	-----------	--------------------

- Sau mỗi tuần - Giữa kỳ	- Chuyên cần - Bài tập - Kiểm tra giữa kỳ - Thái độ học tập trên lớp	10 % 30 % 50 % 10% <b>100%</b>	Điểm giữa kỳ	30%
- Sau mỗi tuần - Cuối kỳ	- Chuyên cần - Bài tập - Thi cuối kỳ - Thái độ học tập trên lớp	10 % 30 % 50 % 10% <b>100%</b>	Điểm cuối kỳ	70%
				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>

**Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

- Xếp loại đánh giá (GV tự xây dựng)

0-4.5: Không đạt

5-6.5: Trung Bình. SV có khả năng phát hiện những lỗi sai ngữ pháp thường gặp trong tiếng Hoa, nhưng chưa thể giải thích hay sửa lại cho đúng.

7-8.5: Khá. SV có khả năng phát hiện những lỗi sai ngữ pháp thường gặp trong tiếng Hoa, đồng thời có năng lực giải thích, phân tích những lỗi sai và sửa lại cho đúng.

9 – 10: Giỏi. SV có khả năng phân tích, phân biệt tất cả những lỗi sai thường gặp, và sửa lại cho đúng.

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng)

Trắc nghiệm + tự luận trong thời gian 60 phút.

- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)

**11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

**11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.

- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp, thì mới được tham gia thi cuối kỳ.

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp.

## **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.
- Vắng 2 buổi sẽ không có điểm chuyên cần, vắng 3 buổi trở lên sẽ không được thi cuối kỳ.
- Không tập trung nghe giảng, không tích cực tham gia phát biểu, không chuẩn bị bài tập GV giao trước sẽ không có điểm cho phần Thái độ học tập.

## **11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

- Sinh viên có vấn đề thắc mắc cần giải đáp, liên hệ và gặp giáo viên vào những buổi học trên trường hoặc qua email. Không tiếp sinh viên tại nhà hoặc qua điện thoại.

## **12. Nội dung chi tiết môn học:**

### **Chương I: Các lỗi thường gặp khi dùng phó từ**

- 1.1. ?
- 1.2. ?
- 1.3. ?
- 1.4. ?
- 1.5. ?

... ..

### **Chương II: Các lỗi thường gặp khi dùng trợ từ**

- 2.1. ?
- 2.2. ?
- 2.3. ?

... ..

### **Chương III: Các lỗi thường gặp khi dùng giới từ và các loại bổ ngữ**

- 3.1. ?
- 3.2. ?
- 3.3. ????
- 3.4. ????

3.5. ????

3.6. ????

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

<b>Buổi / Tuần</b>	<b>Số tiết trên lớp</b>	<b>Nội dung bài học</b>	<b>Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV</b>	<b>Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)</b>
1	5	Phân tích các lỗi thường gặp đối với các từ: ?????????? ???	Làm bài tập trong sách, và sửa những câu sai có liên quan được thông kê trong môn viết văn của SV năm II.	Nội dung tuần 1 trong tài liệu học tập do giáo viên cung cấp từ đầu môn học. Tài liệu câu sai do giáo viên cung cấp mỗi tuần.
2	5	Phân tích các lỗi thường gặp đối với các từ: ?????????? (??)???(?????)?? ??	Sinh viên đọc tài liệu trước, lên lớp trình bày sự khác nhau giữa ??& ??, ??&(?????)	Nội dung tuần 2 trong tài liệu học tập do giáo viên cung cấp từ đầu môn học. Tài liệu câu sai do giáo viên cung cấp mỗi tuần.
3	5	Phân tích các lỗi thường gặp đối với các từ: ?????????? ?	Làm bài tập trong sách, và sửa những câu sai có liên quan được thông kê trong môn viết văn của SV năm II. So sánh sự khác nhau giữa cách dùng của ? <sup>1</sup> và ? <sup>2</sup> .	Nội dung tuần 3 trong tài liệu học tập do giáo viên cung cấp từ đầu môn học. Tài liệu câu sai do giáo viên cung cấp mỗi tuần.
4	5	Phân tích các lỗi thường gặp đối với các tình huống: ??? ?? “?”?? “?”? ??“?”??“?”????? ?	Làm bài tập trong sách, mở rộng so sánh các hình thức so sánh khác nhau như: ?.....?? ?????....	Nội dung tuần 4 trong tài liệu học tập do giáo viên cung cấp từ đầu môn học. Tài liệu câu sai do giáo viên cung cấp mỗi tuần.

5	5	Phân tích các lỗi thường gặp đối với các tình huống: ??? ????????????	Làm bài tập trong sách, và sửa những câu sai có liên quan được thông kê trong môn viết văn của SV năm II.	Nội dung tuần 5 trong tài liệu học tập do giáo viên cung cấp từ đầu môn học. Tài liệu câu sai do giáo viên cung cấp mỗi tuần.
6	5	Phân tích các lỗi thường gặp đối với các tình huống: ??? ??????	Làm bài tập trong sách, so sánh cách dùng trợ từ “?” trong bổ ngữ khả năng và bổ ngữ trình độ.	Nội dung tuần 6 trong tài liệu học tập do giáo viên cung cấp từ đầu môn học. Tài liệu câu sai do giáo viên cung cấp mỗi tuần.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 07 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc   TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương   ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng



## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học: **THỰC TẬP THỰC TẾ**
- Tên tiếng Anh: Field Work of Chinese Culture-Linguistics
- Mã môn học: NVT041
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 03 tín chỉ thực hành

3. Trình độ: Sinh viên thuộc HK6 và HK7( Năm 3 trở lên)

### 4. Phân bố thời gian: 90 tiết

- Hướng dẫn viết bài báo cáo thu hoạch thực tập thực tế: 5 tiết.
- Sinh viên thực tập thực tế tại các công ty: 85 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải học xong các môn cơ sở và chuyên ngành của ngành đào tạo Ngôn ngữ Trung Quốc, phải thành thạo về kỹ năng tiếng, có kiến thức cơ bản về đất nước, văn hóa, con người Việt Nam cũng như Trung Quốc.

### 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Đây là học phần bắt buộc đối với những sinh viên sắp ra trường. Sau khi hoàn tất một công việc thực tập, các bạn sinh viên sẽ rút ra được nhiều bài học quý báu bổ sung cho vốn kiến thức và kỹ năng của mình cũng như giúp sinh viên xác định và chọn lựa tốt nhất cho nghề nghiệp tương lai. Đây chính là bước khởi đầu cho con đường nghề nghiệp của các sinh viên khi ra trường.

Nội dung thực tập cụ thể là sinh viên đến làm việc thực tế tại một công ty, cơ quan hoặc trường học trong thời gian ít nhất là một tháng.

## 7. Mục tiêu của học phần:

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về:

+ Thâm nhập vào môi trường làm việc thực tế.

+ Áp dụng các kiến thức đã học được vào công việc thực của một công ty, cơ quan hoặc trường học.

+ Học hỏi, rèn luyện phong cách làm việc và ứng xử trong các mối quan hệ công tác tại một công ty, cơ quan hoặc trường học.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể: *(có thể tham khảo thang đo các cấp độ của Bloom để sử dụng các động từ/danh từ chỉ khả năng, kỹ năng và thái độ cụ thể)*

+ Khám phá loại hình, quy mô, đặc điểm của công ty. Phát hiện những thiếu sót và những điều mới trong kiến thức chuyên môn.

+ Cải thiện kiến thức chuyên môn, hoàn thành tốt nhiệm vụ bằng kiến thức chuyên môn và kỹ năng mềm, xây dựng được tác phong làm việc hiệu quả.

+ Thích ứng nhanh với môi trường làm việc, quen với việc giải quyết vấn đề, có thái độ ứng xử phù hợp với đồng nghiệp và khách hàng, có trách nhiệm với công việc, chấp nhận khó khăn, sẵn sàng trợ giúp đồng nghiệp.

## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
-----	--	--------------------------	------------------------------

1	<p>- Tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội cọ xát với thực tế, gắn kết những lý thuyết đã học trong trường với môi trường hoạt động sản xuất, kinh doanh thực tế trong các doanh nghiệp.</p> <p>- Rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy, ứng dụng kiến thức đã học và cập nhật những kiến thức, kỹ năng mới dành cho công việc. Sinh viên có cơ hội nâng cao tác phong làm việc chuyên nghiệp qua quá trình học, rèn luyện khả năng làm việc độc lập, tinh thần làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong công việc.</p>	<p>- Thông báo danh sách sinh viên thực tập.</p> <p>- Phổ biến văn bản “<i>Quy định của khoa về sinh viên đi thực tập thực tế</i>” của BCN khoa.</p> <p>- Hướng dẫn những việc cần làm trước và sau khi đi thực tập và giải đáp thắc mắc của sinh viên.</p>	<p>- Sinh viên hoàn tất chương trình thực tập thực tế tại công ty, cơ quan hoặc trường học và viết báo cáo thực tập thực tế. Báo cáo gồm các nội dung như lời mở đầu (nếu có), thông tin công ty (thành lập và phát triển, chức năng/ lĩnh vực hoạt động, thế mạnh, sơ đồ tổ chức, bố trí nhân sự, tầm nhìn, sứ mệnh v.v...), mục đích thực tập, nội dung thực tập (miêu tả công việc mà sinh viên đã thực hiện tại đơn vị thực tập), những thuận lợi, khó khăn, kết quả đạt được, cảm nghĩ qua thời gian thực tập và tổng kết.</p>
---	---	---	---

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

1	<p>- Tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội cọ xát với thực tế, Ứng dụng những kiến thức chuyên ngành đã học vào các công việc thực tế trong môi trường hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp hoặc trong môi trường sư phạm của trường học.</p>	<p>- GV giảng giải các kiến thức cần có khi tiếp nhận thực tập. - Hướng dẫn sinh viên những điều cần chú ý khi đi thực tập.</p>	<p>- Kỹ năng trình bày báo cáo thực tập về quá trình thực tập thực tế. - Kết quả thực tập qua công việc được giao tại đơn vị thực tập.</p>	<p>PLO1 - Củng cố kiến thức chuyên ngành học trong nhà trường - Tích lũy một số kiến thức nhất định khi cọ xát với thực tế.</p>	<p>PLO2 - Nâng cao kinh nghiệm giao lưu học hỏi. - Rèn luyện kỹ năng độc lập trong suy nghĩ và giải quyết vấn đề.</p>	<p>PLO3 - Thái độ tích cực khi nhận các nhiệm vụ được giao. - Thấy được tầm quan trọng của việc kết hợp giữa lý thuyết và thực hành.</p>
2	<p>- Rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy, Ứng dụng kiến thức đã học và cập nhật những kiến thức, kỹ năng mới dành cho công việc. Sinh viên có cơ hội nâng cao tác phong làm việc chuyên nghiệp qua quá trình thực tập, rèn luyện khả năng làm việc độc lập, tinh thần làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong công việc</p>	<p>- Hướng dẫn sinh viên viết báo cáo thực tập thực tế sao cho bài báo cáo vừa đảm bảo về thời gian nộp bài vừa có chất lượng, đúng quy định của một bài báo cáo thực tập thực tế.</p>	<p>- Sinh viên hoàn tất bài báo cáo thực tập theo đúng yêu cầu của khoa.</p>	<p>- Năm vững tính chất công việc và nhiệm vụ được giao.</p>	<p>-Biết cách phân tích đánh giá nhận định và lập kế hoạch chi tiết cho việc hoàn thành nhiệm vụ.</p>	<p>- Có khả năng thích ứng nhanh với môi trường công việc đảm nhiệm. - Nâng cao được trình độ chuyên môn của mình.</p>

## 9. Tài liệu phục vụ môn học:

Tài liệu tập huấn thực tập thực tế chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc do giảng viên phụ trách môn học biên soạn.

“Quy cách trình bày báo cáo thực tập thực tế” do giảng viên phụ trách biên soạn

Trang vàng người Hoa TP.HCM và Nam Bộ, Nhà xuất bản Lao Động, 2007.

Một số bài báo cáo thực tập thực tế tiêu biểu của các khóa sinh viên khóa trước.

Trang Web/CDs tham khảo <http://www.internship.edu.vn/vi/hanhtrangthuctap1>

## 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Cuối kỳ (Sau khi nộp báo cáo thực tập thực tế)	Bài báo cáo thực tập thực tế	100%	Điểm học phần	100%
				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>

### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá:

Điểm	Xếp loại
<3.5	Kém
3.5 - <5	Yếu
5 - <7	Trung bình
7 - <9	Khá
9 - 10	Giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: viết

Nội dung thi: Sinh viên viết báo cáo thực tập thực tế tại nhà. Hình thức trình bày theo văn

bản “Quy cách trình bày báo cáo thực tập thực tế”.

Tiêu chí chấm điểm:

o 0,25 điểm làm tròn thành 0,5 điểm. 0,75 điểm làm tròn thành 1,0 điểm.

o Làm đúng quy cách, đầy đủ nội dung ở các mục, trình bày chi tiết, rõ ràng, sạch đẹp.

- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm:

KẾT QUẢ HỌC TẬP					
Mức	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	9 - 10	7 - <9	5 - <7	3.5 - <5	<3.5
Năng lực	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày báo cáo đúng quy cách.</li> <li>- Vận dụng được 90 đến 100% những kiến thức chuyên ngành đã học vào các công việc thực tế.</li> <li>- Xác định được tính chất công việc và hoàn thành tốt 90 đến 100% nhiệm vụ được giao tại đơn vị thực tập.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày báo cáo phần lớn đúng quy cách.</li> <li>- Vận dụng được 70% đến 80% kiến thức chuyên ngành đã học vào các công việc thực tế.</li> <li>- Xác định được tính chất công việc và hoàn thành được 70% đến 80% nhiệm vụ được giao tại đơn vị thực tập.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày báo cáo tương đối đúng quy cách.</li> <li>- Vận dụng được 50% đến 60% kiến thức chuyên ngành đã học trong các công việc thực tế.</li> <li>- Xác định được tính chất công việc và hoàn thành được 50% đến 60% nhiệm vụ được giao tại đơn vị thực tập.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày báo cáo không đúng quy cách.</li> <li>- Xác định được những kiến thức chuyên ngành đã học trong các công việc thực tế.</li> <li>- Hoàn thành được một số nhiệm vụ được giao tại đơn vị thực tập.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày báo cáo không đúng quy cách.</li> <li>- Không xác định được những kiến thức chuyên ngành đã học trong các công việc thực tế.</li> <li>- Không hoàn thành được nhiệm vụ được giao tại đơn vị thực tập.</li> </ul>

## **11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

### **11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Dự tập huấn.
- Tìm hiểu trước mẫu báo cáo thực tập thực tế của Khoa để khi đi thực tập không bị động.
- Đọc và hiểu rõ văn bản “Quy cách trình bày báo cáo thực tập thực tế”.
- Tìm hiểu thông tin liên quan đến đơn vị tiếp nhận.
- Tìm hiểu trước kiến thức ngành nghề của đơn vị tiếp nhận thực tập.
- Liên hệ với đơn vị tiếp nhận thực tập.
- Nắm rõ và làm tốt trách nhiệm, công việc hàng ngày của mình.
- Tìm hiểu điều gì là ưu tiên chính của công việc, mối quan hệ với các phòng ban khác.
- Trình “Phiếu nhận xét sinh viên thực tập” cho Cán bộ hướng dẫn tại nơi thực tập nhận xét và đánh giá. “Phiếu nhận xét sinh viên thực tập” phải có đóng dấu tròn và đóng dấu lên trên chữ ký xác nhận của đơn vị nơi sinh viên thực tập (có thể đóng dấu vuông đối với trung tâm ngoại ngữ).

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Sinh viên nộp báo cáo thực tập thực tế đúng thời hạn Khoa quy định, có đóng kèm “Phiếu nhận xét sinh viên thực tập” đã đóng dấu lên chữ ký xác nhận của đơn vị nơi sinh viên thực tập.
- Bài báo cáo thực tập thực tế phải được trình bày theo đúng yêu cầu trong “Quy cách trình bày báo cáo thực tập thực tế”

### **11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

- Sinh viên có vấn đề thắc mắc cần giải đáp, liên hệ và gặp giáo viên vào những buổi tập huấn trên trường, qua điện thoại hoặc qua email. Không tiếp sinh viên tại nhà.

## **12. Nội dung chi tiết môn học:**

- Mục đích, yêu cầu và phạm vi thực tập.
- Những công việc cần chuẩn bị trước khi thực tập.
- Những việc cần làm trong khi thực tập.
- Những việc cần làm sau khi thực tập.
- Chia sẻ kinh nghiệm thực tập.

- Phổ biến văn bản “Quy cách trình bày báo cáo thực tập thực tế”, hướng dẫn trình bày báo cáo thực tập thực tế đúng quy cách.

### **13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**



Buổi/ Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích, yêu cầu và phạm vi thực tập.</li> <li>- Những công việc cần chuẩn bị trước khi thực tập.</li> <li>- Những việc cần làm trong khi thực tập.</li> <li>- Những việc cần làm sau khi thực tập.</li> <li>- Chia sẻ kinh nghiệm thực tập.</li> <li>- Phổ biến văn bản “quy cách trình bày báo cáo thực tập thực tế”, hướng dẫn trình bày báo cáo thực tập thực tế đúng quy cách.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên tập huấn những vấn đề cần thiết khi đi thực tập.</li> <li>- Giáo viên trả lời những câu hỏi của sinh viên.</li> <li>- Giáo viên nêu rõ những nội dung chính cần trình bày trong bài báo cáo thực tập và những thủ tục cần thiết khi để hoàn thành bài báo cáo</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- “Quy cách trình bày báo cáo thực tập thực tế”.</li> <li>- Mẫu báo cáo thực tập thực tế của Khoa.</li> <li>- “Phiếu nhận xét sinh viên thực tập”</li> </ul>

2	85 tiết là thời gian giáo viên hướng dẫn kiểm tra và theo dõi sinh viên trong quá trình sinh viên thực tập thực tế (ít nhất 01 tháng) tại các công ty, cơ quan hoặc trường học. Giải quyết kịp thời những khó khăn của sinh viên gặp phải trong quá trình thực tập. Khi thời gian thực tập kết thúc, hướng dẫn sinh viên hoàn tất các chương, mục, tiểu mục của bài báo cáo, đánh giá thành tích đạt được trong suốt quá trình thực tập.
---	--

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 07 năm 2016*

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

**PGS.TS. NGUYỄN ĐÌNH PHÚC TS. NGUYỄN VŨ QUỲNH PHƯƠNG TS. Khuu Chí Minh**

**Giảng viên phụ trách môn học**

Họ và tên: Khuu Chí Minh	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0909785967
Email: kchiminh@hcmussh.edu.vn	Trang web: <a href="http://www.hcmussh.edu.vn">www.hcmussh.edu.vn</a>
Cách liên lạc với giảng viên:	Liên lạc qua email hoặc gặp trực tiếp giáo viên tại lớp học.
Nơi tiến hành môn học:	Trường ĐH KHXH & NV
Thời gian học:	Học kỳ I và II mỗi năm

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Tiếng Hán du lịch – khách sạn**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): .....

- Mã môn học: NVT042

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 3

3. **Trình độ** : dành cho sinh viên năm thứ 3,4

4. **Phân bố thời gian**: 60 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 30 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm và các hoạt động khác: (*bài tập, diễn kịch, xem phim, ...*): 10 tiết

- Tự học: 5 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Đã hoàn tất các môn học Cơ sở ngành, đã học xong các môn Dịch Cao cấp, Ngữ pháp Cao cấp, khẩu ngữ Cao cấp 1.

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Có kỹ năng làm việc nhóm.

### 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức về ngành du lịch, và nghề hướng dẫn viên du lịch (chủ yếu là inbound), hướng dẫn cho người học quy trình chuẩn bị đón đoàn cho đến lúc tiễn đoàn, cung cấp cho người học cách giải quyết xử lý tình huống cũng như cung cách phục vụ, chăm

sóc khách hàng. Ngoài ra, người học còn được học thêm những kĩ năng mềm như: Hướng dẫn quy trình và sử dụng dịch vụ khi lưu trú khách sạn, hướng dẫn lễ nghi khi ăn tiệc – tiệc buffet... Môn học còn cung cấp những vốn từ, mẫu câu chuyên dùng trong ngành du lịch – khách sạn giúp người học có thể ứng dụng trong nghề.

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng/lý thuyết và thực hành về quy trình chuẩn bị đón đoàn cho đến lúc tiễn đoàn, cung cấp cho người học cách giải quyết xử lý tình huống cũng như cung cách phục vụ, chăm sóc khách hàng, cùng với các kiến thức kĩ năng mềm như chăm sóc khách hàng, sử dụng dịch vụ khách sạn, lễ nghi ăn tiệc...

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

+ Mô tả và trình bày được (bằng tiếng Hoa) quy trình từ khâu chuẩn bị đón đoàn cho đến khâu tiễn khách.

+ Phân tích được hoạt động của Hướng dẫn viên du lịch. Tổng hợp được các yếu tố làm ảnh hưởng đến chất lượng tour và hoạt động của Hướng dẫn viên du lịch.

+ Có khả năng thu thập các thông tin cần thiết và kiến thức lịch sử, địa lý, văn hoá xã hội về vùng đất sẽ hướng dẫn. Phân tích, đánh giá, xử lý được những tình huống phát sinh đột xuất trong lúc dẫn đoàn du lịch.

+ Áp dụng được những kiến thức vào thực tiễn khi làm hướng dẫn viên du lịch.

+ Đạt được kỹ năng thuyết trình, sắp xếp tổ chức, điều hành tour của một hướng dẫn viên du lịch.

+ Có thái độ học tập tích cực, có thái độ nhìn nhận đúng đắn với nghề hướng dẫn viên du lịch.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	VD: Mô tả/trình bày được....	GV thuyết trình Thảo luận nhóm SV thuyết trình .....	Kỹ năng trình bày Ý kiến hỏi đáp Kiểm tra giữa kỳ

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

<p>+ Mô tả và trình bày được bằng tiếng Hoa quy trình từ khâu chuẩn bị đón khách đến tiễn khách.</p> <p>+ Phân tích được hoạt động của HDV, tổng hợp, đánh giá được những yếu tố làm ảnh hưởng đến chất lượng tour và hoạt động của HDV.</p> <p>+ Áp dụng được những kiến thức chuyên ngành vào trong thực tiễn hành nghề HDV.</p>	<p>- GV thuyết trình</p> <p>- SV thảo luận nhóm rồi thực hành thuyết trình</p> <p>- SV trả lời câu hỏi, nêu ra cách xử lý tình huống.</p>	<p>- Kỹ năng trình bày</p> <p>- Ý kiến hỏi đáp</p> <p>- Kiểm tra giữa kỳ</p> <p>- Thực hành dẫn tour.</p>	<p><i>PLO1</i></p> <p>+ Có kiến thức chuyên môn về nghề Hướng dẫn viên du lịch.</p> <p>+ Có kiến thức về dịch vụ lưu trú khách sạn.</p>	<p><i>PLO2</i></p> <p>+ Có kỹ năng thuyết trình, địa danh tham quan.</p> <p>+ Có khả năng tổng hợp, thu thập các thông tin để phục vụ bài thuyết trình, hướng dẫn tham quan.</p> <p>+ Có kỹ năng thuyết trình, sắp xếp, tổ chức, điều hành tour của một HDV.</p> <p>+ Đạt các kỹ năng mềm: chăm sóc khách hàng, sử dụng dịch vụ trong khách sạn, lễ nghi dùng tiệc.</p>	<p><i>PLO3</i></p> <p>+ Có thái độ học tập đúng đắn, tích cực hoạt động xây dựng bài.</p> <p>+ Có thái độ nhìn nhận đúng đắn với nghề hướng dẫn viên du lịch.</p>
--	---	---	---	---	---

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính

1. Tập đề cương bài giảng của Giảng viên soạn.
2. ?????????????????(2015), ??????(? 5 ?), ???????, ???
3. ???(2006), ?????????????, ?????, ???

- Tài liệu tham khảo/bổ sung

1. ??? ?? ??(2011), ???????????, ?????????
- 2.??? ??? ????(2013), ?????—???, ???????????

- Trang Web/CDs tham khảo: Video clip về Tiêu chuẩn HDV

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

<b>Thời điểm đánh giá</b>	<b>Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá</b>	<b>Phần trăm</b>	<b>Loại điểm</b>	<b>% kết quả sau cùng</b>
<p><i>Sau mỗi tuần</i></p> <p><i>Giữa kỳ</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Chuyên cần</i></li> <li>- <i>Thuyết trình + bài tập</i></li> <li>- <i>Kiểm tra giữa kỳ</i></li> </ul>	<p><i>10 %</i></p> <p><i>30 %</i></p> <p><i>60 %</i></p> <p><i>100%</i></p>	<p><i>Điểm giữa kỳ</i></p>	<p><i>30%</i></p>
<p><i>Cuối kỳ</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Báo cáo thiết kế tour</i></li> <li>- <i>Thi cuối kỳ</i></li> </ul>	<p><i>20 %</i></p> <p><i>80 %</i></p> <p><i>100%</i></p>	<p><i>Điểm cuối kỳ</i></p>	<p><i>70%</i></p>

				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>
--	--	--	--	-------------------------------

**Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

- Xếp loại đánh giá

+ Từ 5 đến 6 điểm: Trung bình. SV chỉ đạt ở mức độ biết và hiểu những kiến thức cơ bản về ngành du lịch và nghề Hướng dẫn viên du lịch.

+ Từ 7 đến 8 điểm: Khá: SV cơ bản biết đánh giá, phân tích xử lý tình huống, tổ chức hướng dẫn tour và có thể áp dụng những kiến thức này vào thực tiễn khi hành nghề Hướng dẫn viên du lịch, PR.

+ Từ 9 đến 10 điểm: Tốt: SV có khả năng đánh giá, nhận định tâm lý khách hàng, có khả năng chăm sóc khách hàng, ứng xử, xử lý tình huống tốt, có kỹ năng thuyết trình, thuyết minh hướng dẫn đoàn tham quan du lịch, có khả năng tổng hợp các kiến thức được học ở môn này để áp dụng khi hành nghề.

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng)

+ Kiểm tra Giữa kỳ: Tự luận những kiến thức lý thuyết xoay quanh vấn đề về thuyết minh du lịch, hướng dẫn du lịch. (Thời gian 45 phút, SV không được phép sử dụng tài liệu)

+ Kiểm tra Cuối kỳ: Thuyết trình (bằng tiếng Hoa) một điểm tham quan trong tour do các nhóm tự thiết kế, nộp bảng thiết kế chương trình tour (tờ bướm chương trình), đàm thoại tiếng Hán khách sạn. (Mỗi nhóm thi không quá 30 phút)

- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)

+ Kiểm tra Giữa kỳ:

\* 1 điểm cho chuyên cần

\* 3 điểm cho 06 bài tập (Nếu đạt mức Trung bình: không cộng điểm; Khá: + 0.25 đ/ lần/ bài; Tốt: + 0.5 đ/ lần/ bài). Chép trên mạng, đạo văn... không cộng điểm; Tự viết lại theo lời văn của mình, những ý tưởng của GV chỉ được đánh giá Khá; Có ý tưởng, có sáng tạo, sinh động, thiết thực... được đánh giá Tốt. (kể cả 01 lần thực hành nhóm)

\* 6 điểm cho thi tự luận



## + Kiểm tra Cuối kỳ:

Phần thi Du lịch: 8 điểm, gồm:

\* Thiết kế: Phù hợp, thời gian phân bố hợp lý, công phu, đẹp mắt, hấp dẫn: Tối đa 2 điểm.

\* Nội dung: Chi tiết, độc đáo, mới lạ, lôi cuốn...: Tối đa 3 điểm

\* Phong cách: Sôi nổi, sinh động, lôicuốn, hấp dẫn...: Tối đa 1 điểm

\* Diễn đạt: Trôi chảy, dễ hiểu, mạch lạc, rõ ràng, phát âm chuẩn, ngữ pháp đúng...: Tối đa 2 điểm

Phần thi Đàm thoại khách sạn: 2 điểm

Yêu cầu: Sử dụng từ ngữ chuyên ngành, dàn dựng tình huống sát thực, diễn đạt trôi chảy, phát âm đúng, ngữ pháp đúng, lôicuốn sinh động...

## 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Đi trễ 15 phút xem như vắng mặt 01 buổi.

- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp...

### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ

- Nộp bài tập trễ so với quy định sẽ bị trừ điểm.

- Trường hợp đạo văn, không trích dẫn nguồn sẽ bị trừ điểm, và cảnh cáo.

## 12. Nội dung chi tiết môn học:

### PHẦN MỘT: DU LỊCH & HƯỚNG DẪN VIÊN DU LỊCH

#### Chương I: ??

1.??, ????

2.?????

3.????, ????????????

4. ???????

5. ??

#### Chương II: ???????

1.????

2. ??

3. ??: ????

4. ????

5. ????

- 6. ??
- 7. ??
- 8. ??
- 9. ??
- 10. ????

**Chương III: ??????**

**PHẦN HAI: KHÁCH SẠN & TIẾP TÂN**

- 1. ??
- 2. ????
- 3. ????
- 4. ??
- 5. ?????
- 6. ??
- 7. ????
- 8. ?????

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)

1	5	<b>Chương I: ??</b> 1.??, ???? 2.????? 3.????, ?????????? ?	- SV tìm đọc tài liệu, đề cương bài giảng liên quan đến nội dung bài học. - GV thuyết giảng. - SV thảo luận, rồi thuyết trình theo nhóm. - SV nộp bài thảo luận theo nhóm.	1. Tập đề cương bài giảng của Giảng viên soạn. 2. ????(2007), ??????, ???????, ??? 3. ????????(2005), ??? ??????, ?????????
2	5	4. ??????? 5. ?? <b>Chương II: ?????</b> ?? 1.????	-nt-	Như trên và thêm các đầu sách sau: 1. ????????(2000), ??? ??, ????????? 2. ????????(2005), ??? ??????, ????????? 3. ????????(2000), ??? ????????, ?????????
3 + 4	8	2. ?? 3. ??: ???	- SV tìm đọc tài liệu, đề cương bài giảng liên quan đến nội dung bài học. - GV thuyết giảng. - SV thực hành các khâu: Chuẩn bị đón khách, đón khách, giới thiệu, hướng dẫn tham quan thành phố. - SV nộp bài thảo luận theo nhóm.	- nt-

4+5	7	4. ???? 5. ???? 6. ??	- SV tìm đọc tài liệu, đề cương bài giảng liên quan đến nội dung bài học. - GV thuyết giảng. - SV thực hành các khâu: giới thiệu, hướng dẫn sử dụng dịch vụ lưu trú khách sạn, thảo luận hành trình với trưởng đoàn, tài xế, thiết kế lại hành trình cho phù hợp tình hình thực tế, dẫn khách đi mua sắm. - SV nộp bài thảo luận theo nhóm.	-nt-
6	5	7. ?? 8. ??	- SV tìm đọc tài liệu, đề cương bài giảng liên quan đến nội dung bài học. - GV thuyết giảng. - SV thực hành các khâu: giới thiệu, hướng dẫn sử dụng món ăn đặc sản, hướng dẫn khách tham gia chương trình vui chơi, giải trí. - SV nộp bài thảo luận theo nhóm.	Như trên và tìm đọc các đầu sách giới thiệu du lịch địa phương.
7+8	10	9. ?? 10. ????	- SV tìm đọc tài liệu, đề cương bài giảng liên quan đến nội dung bài học. - GV thuyết giảng. - SV thực hành các khâu: tiễn khách, xử lý tình huống phát sinh. - SV nộp bài thảo luận theo nhóm.	-nt-

9+10	10	<b>Chương III: ???</b> ???	<i>Thiết kế tour và thực hành hướng dẫn khách tham quan du lịch.</i>	-nt-
11	5	<b>PHẦN HAI: KHÁCH SẠN &amp; TIẾP TÂN</b> 1. ?? 2. ???? 3. ???? 4. ??	- Sv đọc giáo trình từ trang 1 đến trang 19. - GV cung cấp từ chuyên ngành, mẫu câu, đọc bài khoá, giảng nghĩa, phân tích tình huống. - SV chia nhóm thực hành đàm thoại, xây dựng tình huống.	-nt- ???(2006), ?????????? ??, ?????, ???
12	5	5. ????? 6. ?? 7. ???? 8. ?????	- Sv đọc giáo trình từ trang 19 đến trang 37. - GV cung cấp từ chuyên ngành, mẫu câu, đọc bài khoá, giảng nghĩa, phân tích tình huống. - SV chia nhóm thực hành đàm thoại, xây dựng tình huống.	-nt-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

**PGS. TS. NGUYỄN ĐÌNH PHƯỚC**

**TS. NGUYỄN VŨ  
QUỲNH PHƯƠNG**

**TS. Trương Gia Quyền**

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

Họ và tên: <b>TRƯƠNG GIA QUYỀN</b>	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: B014, K.Ngữ văn TQ, ĐHKHXH&NV TPHCM, 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, TPHCM.	Điện thoại liên hệ: 01212983485
Email: giaquyen@hcmussh.edu.vn	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
------------	------------------

Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	E-mail: giaquyen@hcmussh.edu.vn
-------------------------------	---------------------------------

Nơi tiến hành môn học:	Phòng học có máy chiếu
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV  
KHOANGỬ VĂN TRUNG QUỐC**

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

## Giảng viên phụ trách môn học :

Họ và tên: **Trần Thị Mỹ Hạnh** Học hàm, học vị: **GVC/ThS**

Điện thoại liên hệ: **0909805120** Email: **mhanh159@yahoo.com**

### 1. Thông tin chung về môn học:

II. - Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Hán ngữ thương mại**

tên tiếng Hán : ??????

- Mã môn học: NVT043

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 3 tín chỉ ( 2 tín chỉ lý thuyết + 1 tín chỉ thực hành)

3. Trình độ : Dành cho sinh viên năm thứ 3 và 4 ngành Ngữ văn Trung Quốc.

4. Phân bố thời gian: 60 tiết

- Lý thuyết: 20 tiết

- Thực hành: 30 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết

- Tự học: 120 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Không có

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Khả năng đọc hiểu văn bản tiếng Hán tương đối tốt ( nắm vững trên 200 cấu trúc ngữ pháp tiếng Hán và tích lũy được trên 2500 từ vựng cơ bản) để có cơ sở hiểu được văn bản chuyên ngành trong nghiệp vụ xuất nhập khẩu (XNK).

### 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:



Môn học thuộc chuyên ngành ngoại thương với tài liệu và ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy và học tập là tiếng Hán. Nội dung môn học xoay quanh các điều kiện Thương mại Quốc tế (Incoterms) và các điều khoản của một hợp đồng XNK.. Môn học còn trang bị cho người học kỹ năng và cách thức tổ chức thực hiện hợp đồng XNK trong điều kiện thực tế của Việt Nam.

## 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

### - Mục tiêu:

- 1 Tích lũy những kiến thức cơ bản về điều kiện thương mại quốc tế và các điều khoản của hợp đồng XNK.
- 2 Mô tả lưu loát, trôi chảy các qui trình nghiệp vụ ngoại thương bằng tiếng Hán chuyên ngành.
- 3 Nắm vững các chứng từ (tiếng Hán và tiếng Việt )trong ngoại thương.
- 4 Vận dụng các kiến thức và kỹ năng kể trên trong thực tế XNK tại Việt Nam..

### - Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học:

Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:đạt được những kết quả sau:

- A - Hiểu được những kiến thức căn bản trong XNK.
- B - Thực hiện được các nghiệp vụ XNK như: tính toán giá cả, quy định về khối lượng chất lượng bao bì hàng hóa, các thủ tục thanh toán, bảo hiểm, vận tải.
- C - Tổ chức thực hiện được qui trình XNK một lô hàng.
- D - Biết cách đàm phán hợp đồng ngoại thương hiệu quả.
- E - Nhận dạng được các rủi ro, tranh chấp,kinh nghiệm thực tế trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu hiện nay ở Việt Nam.

## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	A - Hiểu được những kiến thức căn bản trong XNK.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp giáo trình, tài liệu, các chứng từ thực tế liên quan đến XNK để sinh viên tự nghiên cứu trước.</li> <li>- Giảng viên ý thuyết</li> <li>- Chia nhóm để thảo luận, làm bài tập và thuyết trình theo chủ đề đã chọn hay được phân công.</li> <li>- Thảo luận một số tình huống về XNK</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ý kiến hỏi đáp</li> <li>Kiểm tra đánh giá tại lớp</li> </ul>

2	B - Thực hiện được các nghiệp vụ XNK như: tính toán giá cả, quy định về khối lượng chất lượng bao bì hàng hóa, các thủ tục thanh toán, bảo hiểm, vận tải.	- Giảng viên giảng tương tác với sinh viên - Cập nhật các quy định mới về XNK - Làm bài tập theo nhóm tại lớp	Thực hành trên lớp, đánh giá qua kiểm tra giữa kỳ
3	C- Tổ chức thực hiện được qui trình XNK một lô hàng.	.- Giảng viên ý thuyết - Chia nhóm để thảo luận, làm bài tập và thuyết trình theo chủ đề đã chọn hay được phân công. - Nhóm trình bày kết quả trước lớp	Nhận xét, đánh giá bài thực hành tại lớp., thi cuối kỳ.
4	D - Biết cách đàm phán hợp đồng ngoại thương hiệu quả.	Giảng viên giới thiệu, hướng dẫn Sinh viên chia nhóm thực tập	Nhận xét, đánh giá bài thực hành tại lớp và bài tập về nhà
5	E - Nhận dạng được các rủi ro, tranh chấp, kinh nghiệm thực tế trong hoạt động kinh doanh XNK hiện nay ở Việt Nam.	- Giảng viên giảng tương tác với sinh viên - Cập nhật các quy định mới về XNK - Làm bài tập theo nhóm tại lớp	Nhận xét, đánh giá bài thực hành tại lớp., thi cuối kỳ.

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính:

A?????????(? 5 ?)???:?????? ??:?????? ??:2012 ? 1 ?

- Tài liệu tham khảo:

B ??????????? ? ? ?????????? 2012 ? 7 ?

C ??????????? ? ? ?????????? 2004 ?

Trang web tham khảo:

<http://tpb.mofcom.gov.cn>

[www.WSJChinaBusiness.com](http://www.WSJChinaBusiness.com)

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Giữa kỳ	- Kiểm tra giữa kỳ	100%	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	- Thi cuối kỳ/	100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

**Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

- Xếp loại đánh giá:

Giỏi : 9,0-10 điểm

Khá: 7,0-8, 5 điểm

Trung bình: 5,0-6,5 điểm

Không đạt yêu cầu: dưới 5,0 điểm

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm :

**Kiểm tra giữa kỳ:**

Hình thức : Làm bài viết

Nội dung :

1 - Chọn đáp án cho 20 câu hỏi trắc nghiệm (3 điểm )

2 - Phân tích hai tình huống (3 điểm )

3 - Tính toán giá thành XNK . (4 điểm )

Thời gian làm bài : 45 phút

**Kiểm tra cuối kỳ:**

Hình thức : Làm bài viết

Nội dung :

1 - Chọn đáp án cho 20 câu hỏi trắc nghiệm (3 điểm )

2 - Phân tích và đưa ra phương án xử lý hai tình huống cụ thể trong XNK.(3 điểm )

3 - Tính toán giá thành XNK .(4 điểm)

Thời gian làm bài : 90 phút

## 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp...
- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành theo hướng dẫn của giáo viên.

### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ

### 11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

## 12. Nội dung chi tiết môn học:

???? ????????

???? ?????

????? ??????????????

????? FOB?CFR ? CIF

????? FCA?CPT ? CIP

????? Incoterms@2010 ??????????

???? ????????

????? ?????

????? ?????

????? ?????

????? ?????

???????????

????? ??

????? ?????

    ??? ??????

    ???????????????

    ?????????????????

??? ??????????

????? ????????????

????? ????????

????? ??????????????????????

????? ??????????????

?

????? ??

????? ?????

????? ??  
 ?????? ??  
 ?????? ???  
 ?????? ?????  
 ?????????????????  
 ??? ??????  
 ?????? ?????  
 ?????? ??????  
 ?????? ??????????

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

Buổi / Tuần n	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc
1	5	????????? 1.1 ?????????????? 1.2 ????????????? 1.3 ????????	- SV đọc trước giáo trình - GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm - Sửa bài tập về nhà	A: ??? B: ??? C: 10~20
2	5	????????? 1.4 ??????????; Incoterms@2010 ??????????	- SV đọc trước giáo trình - GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm - Sửa bài tập về nhà	A: ??? B: ??? C: 21~30
3	5	????????? 2.1 ?????? 2.2 ??????	- SV đọc trước giáo trình - GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm - Sửa bài tập về nhà	A; ??? B: ??? C: 31~40
4	5	????????? 2.3 ?????? 2.4 ??????	- SV đọc trước giáo trình - GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm - Sửa bài tập về nhà	A: ??? B: ??? C: 41~50
5	5	????????? 3.1 ?? 3.2 ???? 3.3 ??????	- SV đọc trước giáo trình - GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm - Sửa bài tập về nhà	A: ??? B: ???

6	5	????????? 3.4 ?????????? 3.5 ??????????	- SV đọc trước giáo trình - GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm - Sửa bài tập về nhà	A: ??? B: ??? C: 51~60
7	5	????????????? 4.1 ????? 4.2 ??????????????????	- SV đọc trước giáo trình - GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm - Sửa bài tập về nhà	A: 140~149 B: ???
8	5	????????????? 4.4 ?????????????????? 4.5 ??????????????????	- SV đọc trước giáo trình - GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm - Sửa bài tập về nhà	A: ??? B: ??? C: 51~70
9	5	????????????? 5.1 ????? 5.2 ?????????? 5.3 ???	- SV đọc trước giáo trình - GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm - Sửa bài tập về nhà	A: ??? B: ??? C: 71~80
10	5	????????????? 5.4 ????? 5.5 ????? 5.6 ??????????????	- SV đọc trước giáo trình - GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm - Sửa bài tập về nhà	A: ??? B: ???
11	5	????????????? 6.1 ????? 6.2 ????? 6.3 ??????????????	- SV đọc trước giáo trình - GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm - Sửa bài tập về nhà	A: ??? B: ??? C: 81~90
12	5	??	- SV nêu thắc mắc - GV giải thích - Sửa bài tập về nhà	

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2016

**Người biên soạn**



**PGS.TS NGUYỄN ĐÌNH PHÚC TS. NGUYỄN VŨ QUỲNH PHƯƠNG GVC/ThS Trần Thị Mỹ Hạnh**

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV**  
**KHOA: NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

### **1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học: **TIẾNG HÁN VĂN PHÒNG**

Tên tiếng Việt: Tiếng Hán Văn Phòng

Tên tiếng Trung: ?????

- Mã môn học: NVT044

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

### **2. Số tín chỉ: 03**

**3. Trình độ:** Dành cho sinh viên năm thứ 3

**4. Phân bố thời gian:** 60 tiết (*1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành*)

- Lý thuyết: 20 tiết

- Thực hành: 20 tiết
- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết
- Tự học: 10 tiết

### **5. Điều kiện tiên quyết:**

- Môn học tiên quyết: Đã hoàn thành các môn thuộc khối cơ sở và chuyên ngành của các năm I, II, và các môn của học kỳ 1 thuộc năm III
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng:
  - + *Đã nắm được toàn bộ các điểm ngữ pháp từ cơ bản đến nâng cao của tiếng Trung.*
  - + *Nắm được một lượng từ cơ bản khoảng 5000 từ.*
  - + *Biết vận dụng các điểm ngữ pháp đã học vào việc dịch xuôi, dịch ngược từ câu cho đến toàn bài với độ dài trên dưới 3000 từ.*

### **6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

- Đây là môn học tự chọn đối với tất cả các sinh viên khi bước vào học kỳ thứ 6 (học kỳ II, năm 3). Môn học gồm 8 bài cụ thể, mỗi bài được thiết kế với các nội dung khác nhau về các kiến thức cơ bản của nghiệp vụ văn phòng. Trong mỗi bài khóa chia làm bốn phần với bốn kỹ năng cơ bản là Đọc, Nghe, Nói và Viết.
- Từ mới là những từ trích dẫn từ bài khóa, đa phần là những từ thường dùng trong nghiệp vụ thương mại và giao tiếp trong công sở với tần số xuất hiện cao. Mỗi bài có khoảng 50 đến 70 từ mới.
- Phần Đọc và phần Nghe là quá trình tiếp nhận kiến thức chung, bao gồm một bài đọc có độ dài khoảng trên dưới 500 từ và các kết cấu câu thường dùng trong giao tiếp thương mại. Phần nghe cũng gồm một bài nghe khoảng 1000 từ và các kết cấu câu. Sau mỗi phần đều có bài tập tương ứng nhằm củng cố kiến thức đã học.
- Phần Nói và Viết là quá trình kiểm tra kiến thức. Phần Nói sẽ là những đề tài có liên quan đến phần Đọc và Nghe, SV sau khi nắm vững các từ chuyên môn ở phần Đọc và phần Nghe, sẽ vận dụng vào bài thuyết trình hay bài hội thoại của mình. Phần Viết sẽ giúp SV biết cách vận dụng văn phong thương mại cho văn bản của mình.

Tuy nhiên, tùy theo tính chất từng bài học mà mức độ chú trọng và tập trung vào mỗi phần của bài học có sự khác biệt. Nội dung học cụ thể sẽ được đề cập đến trong 13 - “Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể”.



## 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về các thuật ngữ thương mại và các ngôn từ thường dùng trong nghiệp vụ văn phòng, cũng như cung cấp các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ thương mại.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể nắm rõ các từ ngữ thường dùng trong hoạt động thương mại và vận dụng chúng trong việc chuyển dịch từ Việt sang Hoa hoặc từ Hoa sang Việt trong các tình huống giao dịch thương mại.

## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	- Nắm vững các từ ngữ chuyên ngành thương mại.	- GV giảng giải từ chuyên ngành và chuyển tải sang tiếng Việt	- SV có thể dùng từ để đặt câu hoặc hoàn thành đối thoại
2	- Hiểu được tập quán thương mại của Trung Quốc và cách giao dịch của họ.	- GV giới thiệu các tập quán thương mại của người Trung Quốc và lễ nghi của họ trong giao tiếp thương mại.	- Đối chiếu, so sánh với tập quán và lễ nghi của người Việt.
3	- Nắm được những kiến thức nhất định về thương mại quốc tế.	- GV giới thiệu những kiến thức cơ bản về thương mại quốc tế.	- Đối thoại với GV trên lớp.
4	- Nắm vững kỹ xảo dịch Hoa- Việt, Việt- Hoa trong các hoạt động giao tiếp thương mại.	- GV cung cấp các từ chuyên ngành và hướng dẫn phương pháp dịch thương mại.	- SV thực hành dịch trên lớp
5	- Biết được cách trình bày một văn bản thương mại bằng tiếng Hoa	- GV hướng dẫn cách viết và cách dịch văn bản Hoa-Việt, Việt Hoa.	- SV thực hành viết văn bản tiếng Hoa và dịch văn bản Hoa-Việt, Việt – Hoa.

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				1 Kiến thức PLO	Kỹ năng PLO2	Thái độ PLO3
1	- Nắm vững các từ ngữ chuyên ngành thương mại.	- GV giảng giải từ chuyên ngành và chuyển tải sang tiếng Việt	- SV có thể dùng từ để đặt câu hoặc hoàn thành đối thoại	-Có kiến thức về các từ chuyên ngành trong hoạt động thương mại.	- Vận dụng từ ngữ đã học đặt câu và chuyển dịch Hoa-Việt, Việt Hoa.	-Thái độ học tập tích cực, thấy được sự quan trọng của việc nắm vững các kiến thức thương mại.
2	- Hiểu được tập quán thương mại của Trung Quốc và cách giao dịch của họ.	- GV giới thiệu các tập quán thương mại của người Trung Quốc và lễ nghi của họ trong giao tiếp thương mại.	- Đối chiếu, so sánh với tập quán và lễ nghi của người Việt.	- Có kiến thức về các tập quán thương mại của người Trung Quốc.	- Vận dụng các từ đã học để nói về sự khác và giống nhau giữa tập quán thương mại hai nước Việt- Trung	- Nghiêm túc trong vấn đề so sánh, phân tích.
3	- Nắm được những kiến thức nhất định về thương mại quốc tế.	- GV giới thiệu những kiến thức cơ bản về thương mại quốc tế.	- Đối thoại với GV trên lớp.	- Có kiến thức nhất định về các phương thức giao tiếp trong giao dịch thương mại quốc tế.	- Dùng từ ngữ chính xác trong các hoạt động giao tiếp thương mại .	- Tích cực trong việc tiếp thu một kiến thức mới.

4	- Nắm vững kỹ xảo dịch Hoa-Việt, Việt- Hoa trong các hoạt động giao tiếp thương mại.	- GV cung cấp các từ chuyên ngành và hướng dẫn phương pháp dịch thương mại.	- SV thực hành dịch trên lớp	- Có kiến thức nhất định trong việc chuyển dịch giữa hai ngôn ngữ Việt – Hoa.	- Dùng từ ngữ Việt – Hoa chính xác trong khi phiên dịch các hoạt động thương mại.	- Tích cực vận dụng những kỹ năng và kiến thức được học.
5	- Biết được cách trình bày một văn bản thương mại bằng tiếng Hoa	- GV hướng dẫn cách viết và cách dịch văn bản Hoa-Việt, Việt Hoa.	- SV thực hành viết văn bản tiếng Hoa và dịch văn bản Hoa-Việt, Việt – Hoa.	- Có kiến thức nhất định về cách viết văn bản thương mại.	- Viết đúng văn phong và trình bày đúng một văn bản thương mại tiếng Hoa.	- Tích cực trong việc thu thập tài liệu về kỹ năng viết văn bản.

## 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu chính: (2009) ????????? – ????????

????- ?????

- Tài liệu tham khảo

1.???? – ????????

2. ???? – ????????

3. ??? – ?????

4.????? – ??

- Trang Web/CDs tham khảo: [http://yx.0575sd.com/dwhy/kj/%E5%95%86%E5%8A%A1%E6%B1%89%E8%AF%AD%E8%AF%8D%E6%B1%87%E6%95%99%E5%AD%A6%E9%87%8D%E7%82%B9%E6%B5%85%E6%9E%90\(1\).pdf](http://yx.0575sd.com/dwhy/kj/%E5%95%86%E5%8A%A1%E6%B1%89%E8%AF%AD%E8%AF%8D%E6%B1%87%E6%95%99%E5%AD%A6%E9%87%8D%E7%82%B9%E6%B5%85%E6%9E%90(1).pdf)

## 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
- Sau mỗi tuần - Giữa kỳ	- Chuyên cần - Bài tập - Kiểm tra giữa kỳ	10 % 20 % 70 % <b>100%</b>	Điểm giữa kỳ	30%

- Sau mỗi tuần - Cuối kỳ	- Chuyên cần - Bài tập - Thi cuối kỳ	10 % 10 % 80 % <b>100 %</b>	Điểm cuối kỳ	70%
				<b>100 % (10/10)</b>

### **Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

- Xếp loại đánh giá (GV tự xây dựng)
- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng)
- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)

### **11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

#### **11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp, thì mới được tham gia thi cuối kỳ.
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp.

#### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.
- Vắng 1 buổi trở lên sẽ không có điểm chuyên cần.
- Không tập trung nghe giảng, không tích cực tham gia vào bài học, không chuẩn bị bài tập GV giao trước sẽ không có điểm cho phần **Thái độ học tập**.

#### **11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

- Sinh viên có vấn đề thắc mắc cần giải đáp, liên hệ và gặp giáo viên vào những buổi học trên trường hoặc qua email. Không tiếp sinh viên tại nhà hoặc qua điện thoại.

### **12. Nội dung chi tiết môn học:**

Ghi chú: GV căn cứ tình hình thực tế có thể sẽ thay đổi nội dung bài học cụ thể linh động (có báo trước vào buổi học đầu tiên về kế hoạch của khoá học) trong 2 quyển tài liệu chính đã nêu trên đây.

#### **- Bài 1: Cách thức đăng ký thành lập doanh nghiệp.**

1. Bài khóa: Các thủ tục cần thiết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp.
2. Bài nghe: Hội thoại giữa người đi xin giấy phép và cán bộ nhà nước.

3. Bài đọc: Giới thiệu về công ty phục sức Chân Ái
4. Bài nói: Thuật lại quá trình đăng ký thành lập doanh nghiệp
5. Bài viết: Viết một đơn xin phép thành lập doanh nghiệp.

### **- Bài 2: Lãi suất ngân hàng và vấn đề đầu tư, vay tiết kiệm**

1. Bài khóa (1) Việc điều chỉnh lãi suất ngân hàng có lợi ích gì cho xã hội.  
(2) Tình hình đầu tư nước ngoài của Trung Quốc
2. Bài nghe: Hội thoại giữa người đi vay và người phụ trách tổ chức tín dụng
3. Bài đọc: Lãi suất thứ sáu của ngân hàng Trung Ương Trung Quốc
  4. Bài Nói: Chia nhóm nói về mặt lợi và những bất cập trong vấn đề điều chỉnh lãi suất ngân hàng
  5. Bài viết: Cách viết Đơn vay vốn ngân hàng

### **- Bài 3 : Hình thức Nhượng quyền thương mại**

1. Bài khóa: Nhượng quyền thương mại trong hệ thống thức ăn nhanh KFC
2. Bài Nghe: Lợi và hại khi kinh doanh theo phương thức nhượng quyền
  3. Bài Đọc: So sánh tiềm năng kinh doanh của công ty Quảng Phát và công ty Vinh Thành Kim Long
  4. Bài Nói: Chia nhóm nói về tiềm năng kinh doanh của 2 công ty trên
  5. Bài viết: Viết một bức thư phúc đáp cho một công ty có ý định vay vốn

### **- Bài 4 : Tuyển dụng, ứng tuyển**

1. Nên tiến hành buổi phỏng vấn như thế nào?
2. Bài Nghe: Kinh nghiệm phỏng vấn của một chuyên gia
3. Bài Đọc: Kinh nghiệm đi xin việc của tôi
4. Bài nói: Khi đi phỏng vấn bạn nên trả lời như thế nào?
5. Bài Viết: Cách viết một bức thư xin việc và sơ yếu lý lịch

### **- Bài 5: Phúc lợi, đãi ngộ**

1. Đãi ngộ trong nghề bảo hiểm
2. Bài Nghe: Đối thoại giữa nhà tuyển dụng và người ứng tuyển
3. Bài Đọc: Bài điều tra về tỉ lệ xin được việc và chế độ lương của những sinh viên vừa tốt nghiệp

4. Bài Nói: chia nhóm diễn vai người xin việc và nhà tuyển dụng
5. Bài Viết: Viết một bài phân tích về chế độ đãi ngộ của công ty Hồng Viễn

**- Bài 6: Tập thể và chương trình huấn luyện**

1. Bài khóa: Chương trình huấn luyện nhân viên công ty
2. Bài Nghe: Chương trình huấn luyện ngoài trời của nhân viên công ty
3. Bài Đọc: “Thuyết thừng gổ” trong vấn đề đào tạo nhân viên
4. Bài Nói: thảo luận về vấn đề huấn luyện nhân viên
5. Bài viết: Thảo ra một kế hoạch huấn luyện cho nhân viên trong khách sạn

**- Bài 7: Báo cáo tổng kết của cá nhân và sự thăng chức**

1. Bài khóa: Những vấn đề quan trọng trong việc báo cáo tổng kết cá nhân
2. Bài Nghe: Bài báo cáo tổng kết cá nhân của tổng giám đốc một công ty chi nhánh
3. Bài Đọc: Sự lựa chọn việc làm của Lý Tân Hồng
4. Bài Nói: chia nhóm diễn vai nhân viên và ông chủ với chủ đề xin tăng lương
5. Bài viết: Viết một bức thư xin thôi việc

**- Bài 8: Sản phẩm và Thương hiệu**

1. Bài khóa: Trung Quốc từ “Chế tạo” đi đến “Sáng tạo”
2. Bài Nghe: Bài phỏng vấn của một ký giả với một nhà sản xuất
3. Bài Đọc: Cải tiến sản phẩm
4. Bài Nói: thảo luận về vấn đề hàng hiệu
5. Bài viết: Thảo ra một bài hội thoại giữa một nhân viên kinh doanh và một người tiêu dùng

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
-------------	------------------	------------------	--	--------------------------------------

1	5	Bài 1.????????? -????????? -???:???? -???:????????	-GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp, kiến thức thương mại có liên quan trong bài. - SV nghe, đọc tài liệu và làm bài tập trên lớp	- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 1. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.
2	5	Bài 1.????????? - ?????? -????????????? Bài2.???? - ?????????????	_ Sinh viên chuẩn bị bài nói theo nhóm và thực hành trên lớp. GV sửa kịp thời những lỗi sai của sinh viên nếu có. - Sinh viên đọc bài viết đã được phân công. GV sửa lỗi sai nếu có. - SV thực hành đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.	- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 2. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.
3	5	Bài 2.???? - ????:???? -???:????????????? - ????:????????????????? ???? - ????:?????	_ SV nghe và làm bài tập trên lớp. _ Sinh viên chuẩn bị bài nói theo nhóm và thực hành trên lớp. GV sửa kịp thời những lỗi sai của sinh viên nếu có. - Sinh viên đọc bài viết đã được phân công. GV sửa lỗi sai nếu có.	- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 3. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc..
4	5	Bài 3.???? -???:????????????? -???:???? -???:?????????????????	-GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp, kiến thức thương mại có liên quan trong bài. - SV nghe, đọc tài liệu và làm bài tập trên lớp	- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 4. - Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.

5	5	Bài 3. ???? -???:?????? -???: ?????????????? Bài 4: ?????? -??: ????????? -???: ????????	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Sinh viên chuẩn bị bài nói theo nhóm và thực hành trên lớp. GV sửa kịp thời những lỗi sai của sinh viên nếu có.</li> <li>- Sinh viên đọc bài viết đã được phân công. GV sửa lỗi sai nếu có.</li> <li>- SV thực hành đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 5.</li> <li>- Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.</li> </ul>
6	5	Bài 4. ?????? -???: ??????? -???: ?????????? -???: ??????????????	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ SV nghe và làm bài tập trên lớp.</li> <li>_ Sinh viên chuẩn bị bài nói theo nhóm và thực hành trên lớp. GV sửa kịp thời những lỗi sai của sinh viên nếu có.</li> <li>- Sinh viên đọc bài viết đã được phân công. GV sửa lỗi sai nếu có.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 6.</li> <li>- Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.</li> </ul>
7	5	Bài 5: ?????? -??: ??????? -???: ?????? -???: ??????????????	<ul style="list-style-type: none"> <li>-GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp, kiến thức thương mại có liên quan trong bài.</li> <li>- SV nghe, đọc tài liệu và làm bài tập trên lớp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 7.</li> <li>- Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.</li> </ul>
8	5	Bài 5: ?????? -???: ????????? -???: ????????? Bài 6: ????????? -??: ??????? -???: ?????????	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Sinh viên chuẩn bị bài nói theo nhóm và thực hành trên lớp. GV sửa kịp thời những lỗi sai của sinh viên nếu có.</li> <li>- Sinh viên đọc bài viết đã được phân công. GV sửa lỗi sai nếu có.</li> <li>- SV thực hành đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 8.</li> <li>- Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.</li> </ul>



9	5	Bài 6: ??????? -???: ??“?????” -???: ????? -???: ?????????	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ SV nghe và làm bài tập trên lớp.</li> <li>_ Sinh viên chuẩn bị bài nói theo nhóm và thực hành trên lớp. GV sửa kịp thời những lỗi sai của sinh viên nếu có.</li> <li>- Sinh viên đọc bài viết đã được phân công. GV sửa lỗi sai nếu có.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 9.</li> <li>- Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.</li> </ul>
10	5	Bài 7: ????? -??: ????? -???: ????? -???: ?????????	<ul style="list-style-type: none"> <li>-GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp, kiến thức thương mại có liên quan trong bài.</li> <li>- SV nghe, đọc tài liệu và làm bài tập trên lớp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 9.</li> <li>- Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.</li> </ul>
11	5	Bài 7: ????? -???: ????????? -???: ????????? Bài 8: ????? -??: ?????????????	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Sinh viên chuẩn bị bài nói theo nhóm và thực hành trên lớp. GV sửa kịp thời những lỗi sai của sinh viên nếu có.</li> <li>- Sinh viên đọc bài viết đã được phân công. GV sửa lỗi sai nếu có.</li> <li>- SV thực hành đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 9.</li> <li>- Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.</li> </ul>
12	5	Bài 8: -???: ????? -???: ????????? -???: ????? -???: ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ SV nghe và làm bài tập trên lớp.</li> <li>_ Sinh viên chuẩn bị bài nói theo nhóm và thực hành trên lớp. GV sửa kịp thời những lỗi sai của sinh viên nếu có.</li> <li>- Sinh viên đọc bài viết đã được phân công. GV sửa lỗi sai nếu có.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu học tập chính số 1 tương ứng nội dung học tập tuần 9.</li> <li>- Những tài liệu khác do giáo viên bổ sung thêm vào mỗi tuần hoặc giáo viên quy định sinh viên tìm đọc.</li> </ul>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

**PGS.TS NGUYỄN ĐÌNH PHÚC TS. NGUYỄN VŨ QUỲNH PHƯƠNG** ThS. Hàn Hồng Diệp

**Giảng viên phụ trách môn học** (có thể dùng bảng hoặc không)

Họ và tên: Hàn Hồng Diệp	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, quận 1, TP Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ:
Email: diephanhong@hcmussh.edu.vn	Trang web:

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học: **Tu từ**
- Mã môn học: NVT045

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 2

3. **Trình độ:** dành cho sinh viên năm thứ 3 và 4

4. **Phân bố thời gian:** 45 tiết

- Lý thuyết: 1 tiết
- Thực hành: 1 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Có trình độ và kỹ năng thực hành tiếng Trung Quốc tương đối khá
- Đã học môn lý thuyết tiếng Trung Quốc (ngữ âm, từ pháp, cú pháp)

### 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Nội dung môn học chủ yếu cung cấp cho SV những kiến thức về tu từ trong tiếng Hán. Giúp SV hiểu và nắm được các biện pháp tu từ thường gặp trong tiếng Hán.

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu:
  - + Nắm bắt được các biện pháp tu từ thường gặp trong tiếng Trung Quốc.
  - + Bước đầu vận dụng các biện pháp tu từ cơ bản để viết và nói tiếng Trung Quốc được sinh động hơn.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học:

Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể đạt được kỹ năng áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng tiếng Trung đúng văn phong tiếng Hán, đồng thời vận dụng từ ngữ uyển chuyển hơn, sinh động hơn, đạt hiệu quả ngữ dụng cao.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	Sinh viên có thể đạt được kỹ năng áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng tiếng Trung đúng văn phong tiếng Hán, đồng thời vận dụng từ ngữ uyển chuyển hơn, sinh động hơn, đạt hiệu quả ngữ dụng cao.	-GV thuyết trình -SV thảo luận, thực hành. - SV làm bài tập theo yêu cầu của giáo viên.	- Dự lớp: tối thiểu 80% các buổi học sinh viên mới được phép dự thi - Biểu hiện trong quá trình học - Kỹ năng vận dụng. - Kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ.	<i>PLO1</i> Năm bắt được các biện pháp tu từ thường gặp trong tiếng Trung Quốc.	<i>PLO2</i> Bước đầu vận dụng các biện pháp tu từ cơ bản để viết và nói tiếng Trung Quốc được sinh động hơn	<i>PLO3</i> Tự tin hơn trong các công việc biên soạn và viết lách bằng tiếng Trung.

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

a. Tài liệu học tập chính: ??????????

b. Tài liệu tham khảo:

- “Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt” – Cù Đình Tú – Nhà xuất bản Giáo Dục, năm 2001.

- “Về những thủ pháp nghệ thuật trong văn chương truyện Kiều” – Phạm Đan Quế - Nhà xuất bản Thanh Niên, năm 2004

## 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Giữa kỳ	- Chuyên cần - Bài tập - Kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	- Thi cuối kỳ		Điểm cuối kỳ	70%
				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>

## 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp mới được phép dự thi.
- Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo cho mỗi buổi học trước khi vào lớp.
- Làm các bài tập trong giáo trình và bài tập do giảng viên cung cấp.

### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ:

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.

## 12. Nội dung chi tiết môn học:

+ Bài 1: ????????

+ Bài 2: ??????????????:

- ????????

- ??????????

- ??????????

- ????????

- ????????

+ Bài 3: ??????????????:

- ????

- ????
- ????
- ????
- ????

+ Bài 5: ?????????(1)

- ??
- ??
- ??
- ??
- ??

+ Bài 6: ?????????(2)

- ??
- ??
- ??
- ??
- ??

+ Bài 7: ?????????(3)

- ??
- ??
- ??
- ??
- ??
- ??

+ Bài 8: ?????????

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

<b>Buổi/ Tuần</b>	<b>Số tiết trên lớp</b>	<b>Nội dung bài học</b>	<b>Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV</b>	<b>Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)</b>
1	5	?????????	Đọc giáo trình	như mục 9 đã nêu
2	5	?????????????: -????????? -????????????? -?????????????	- Làm bài tập - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo - Nên ra được các biện pháp tu từ trong các câu ví dụ trong giáo trình chính	như mục 9 đã nêu
3	5	-????????? -????????? - ????	- Làm bài tập - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo - Nên ra được các biện pháp tu từ trong các câu ví dụ trong giáo trình chính	như mục 9 đã nêu
4	5	?????????????????: -????? -????? -????? -?????	- Làm bài tập - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo - Nên ra được các biện pháp tu từ trong các câu ví dụ trong giáo trình chính	[1]

5	5	?????????: -??? -???	- Làm bài tập - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo - Nên ra được các biện pháp tu từ trong các câu ví dụ trong giáo trình chính	như mục 9 đã nêu
6	5	?????????(1) -?? -?? -?? -?? -??	- Làm bài tập - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo - Nên ra được các biện pháp tu từ trong các câu ví dụ trong giáo trình chính	như mục 9 đã nêu
7	5	?????????(2) -?? -?? -?? -?? -??	- Làm bài tập - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo - Nên ra được các biện pháp tu từ trong các câu ví dụ trong giáo trình chính	như mục 9 đã nêu
8	5	?????????(3) -?? -?? -?? -??	- Làm bài tập - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo - Nên ra được các biện pháp tu từ trong các câu ví dụ trong giáo trình chính	như mục 9 đã nêu



9	5	?????????(3) -?? -?? -??	- Làm bài tập - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo - Nên ra được các biện pháp tu từ trong các câu ví dụ trong giáo trình chính	như mục 9 đã nêu
---	---	-----------------------------------	---	------------------

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 06 năm 2016

**Người biên soạn**

**PGS.TS NGUYỄN ĐÌNH PHÚC PGS.TS NGUYỄN ĐÌNH PHÚC ThS. Hàn Hồng Diệp**

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
------------	------------------

Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:  
tên tiếng Việt: **Văn ngôn**  
tên tiếng Anh/ tiếng khác (nếu có): CLASSICAL CHINESE/ ???
- Mã môn học: NVT046
- Môn học thuộc khối kiến thức:  
Đại cương  Chuyên nghiệp   
Bắt buộc  Tự chọn  Cơ sở ngành  Chuyên ngành   
Bắt buộc  Tự chọn  Bắt buộc  Tự chọn

**2. Số tín chỉ: 2**

**3. Trình độ:** Cho sinh viên năm 3

**4. Phân bố thời gian: 45 tiết**

- Lý thuyết: 10
- Thực hành: 15
- Thảo luận/ Thuyết trình nhóm:
- Các hoạt động khác:
- Tự học: 20

**5. Điều kiện tiên quyết:**

- Môn học tiên quyết: Tiếng Hán hiện đại cơ sở
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Ngữ pháp tiếng Hán cơ sở, Hán tự ...

**6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Trên cơ sở những bài khóa (bao gồm các đoạn văn trích tuyển từ những trước tác tiêu biểu), trình bày một hệ thống từ (bao gồm thực từ và hư từ) với ngữ âm, ngữ nghĩa và ngữ pháp mang tính kế thừa – truyền thống trong ngôn ngữ Hán. Từ đó hướng dẫn người học các thao tác mang tính rèn luyện kỹ năng phân tích, dịch thuật đối với Hán cổ, có so sánh đối chiếu với Hán hiện đại. Các slide trình chiếu trên mỗi tiết học luôn hướng đến việc củng cố và mở rộng nội dung môn học.

**7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:**

- Mục tiêu: Môn học giúp người học cơ bản nhận biết và kỹ năng xử lý các vấn đề thuộc về Hán ngữ cổ đại qua các phương diện ngôn ngữ, văn hóa nói chung.
- Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

Hiểu được hệ thống từ vựng và cấu trúc ngữ pháp của Hán ngữ cổ đại ở cấp độ cơ bản.

Phân tích được các yếu tố đối với mỗi một hư từ

Áp dụng tương đối thành thực trong việc so sánh – đối chiếu với Hán hiện đại và trường hợp Việt Nam, riêng về chữ Hán.

Đạt được kỹ năng xử lý các vấn đề về văn ngôn ở cấp độ cơ bản.

Có thái độ đúng mực trong giao tiếp và ứng xử mang tính văn hóa.

**8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:**

STT	Chuẩn đầu ra môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	Hiểu biết, có khả năng xử lý các vấn đề thuộc về Hán ngữ cổ đại ở cấp độ cơ bản như dịch thuật, phân tích ngữ pháp ở cấp độ ngữ và câu.	GV trình bày – hướng dẫn sinh viên phát huy tính độc lập suy nghĩ để tự nhận ra vấn đề trên cơ sở tự học và thảo luận nhóm trước đó...	-Có hình thức cụ thể ghi nhận tinh thần và thái độ học tập trên lớp -Kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ

\* Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành
- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Chuẩn đầu ra môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	Hiểu biết, có khả năng xử lý các vấn đề thuộc về Hán ngữ cổ đại ở cấp độ cơ bản như dịch thuật, phân tích ngữ pháp ở cấp độ ngữ và câu.	GV trình bày – hướng dẫn sinh viên phát huy tính độc lập suy nghĩ để tự nhận ra vấn đề trên cơ sở tự học và thảo luận nhóm trước đó...	-Có hình thức cụ thể ghi nhận tinh thần và thái độ học tập trên lớp -Kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ	PLO1 Hiểu rõ Hán ngữ cổ đại trong thế so sánh đối chiếu với tiếng Hán hiện đại về các phương diện	PLO2 Có khả năng nhận diện và ứng dụng để xử lý các vấn đề về Hán ngữ cổ ở các cấp độ	PLO3 Có nhận thức đúng đắn về các phương diện của văn ngôn để từ đó có thái độ ứng xử phù hợp với đối tượng; và trước hết là tinh thần tích cực học tập

**9. Tài liệu giảng dạy/ học tập chính:**

- Tài liệu bắt buộc: Trần Anh Tuấn (2007), *GIÁO TRÌNH VĂN NGÔN*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tài liệu tham khảo/ bổ sung:

✓Tiếng Việt:

1. Nguyễn Văn Ba (1970), *Nho văn giáo khoa toàn thư*, Nxb Việt Nam văn hiến, Sài Gòn
2. Thiều Chửu (tái bản năm 1998), *Hán Việt tự điển*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh
3. Trần Trọng San (1991), *Hán văn*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh
4. Nguyễn Khuê, Nguyễn Nam, Nguyễn Ngọc Quang, Trần Anh Tuấn (1987), *Từ điển Hán Việt*, Hội nghiên cứu và giảng dạy văn học Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

✓Tiếng Trung:

1. ???????/???? .- ????????, 1992
- 2.?????????(???) / ???.- ??????, 1995
- 3.????????/???, ???, ???, ?????-????????, 1979
- 4.????? / ????? .- ???: ??????????, 2003
5. ?????? / ??????- ????????, 2003

**10.Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:**

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
<b>Giữa kỳ</b>	-Tích lũy điểm cộng về tinh thần, thái độ học tập qua thực hành: làm việc nhóm và thuyết trình trên lớp - Qua kiểm tra giữa kỳ: bài kiểm tra gồm phần trắc nghiệm (4/10) và tự luận (6/10); thời gian kiểm tra: 45'	- ±10% - 90% <b>100%</b>	Điểm giữa kỳ	<b>100%</b>
<b>Cuối kỳ</b>	-Tích lũy điểm cộng về tinh thần, thái độ học tập qua thực hành: làm việc nhóm và thuyết trình trên lớp - Bài thi viết cuối kỳ: : bài thi gồm phần trắc nghiệm (4/10 đ) và tự luận (6/10đ); thời gian thi: 60'	- ±10% - 90% <b>100%</b>	Điểm cuối kỳ	<b>100%</b>
				<b>100%</b> (10/10)

**Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

- Xếp loại đánh giá:

- + xuất sắc: 10/10 (thể hiện một học lực toàn diện, nắm được kiến thức một cách kỹ càng; đồng thời thể hiện khả năng ứng dụng giải quyết vấn đề một cách thành thục, sắc bén)
- + giỏi: 9/10 (học lực tương đối toàn diện, nắm được kiến thức và có khả năng ứng dụng giải quyết vấn đề tương đối tốt)
- + khá: 6/10 – 7/ 10 (học lực tương đối tốt, nắm được kiến thức, khả năng ứng dụng giải quyết vấn đề chưa sắc sảo)
  
- + trung bình: 5/10 (học lực tương đối ổn, nắm được kiến thức, khả năng ứng dụng giải quyết vấn đề chưa được tốt )

## 11. Yêu cầu/ Quy định đối với sinh viên:

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp
- Đọc tài liệu và chuẩn bị tốt cho giờ lên lớp

### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Cần trung thực, công khai rõ ràng các vấn đề học thuật, như: ghi rõ nguồn trích dẫn, ý kiến ...

### 11.2. Quy định về lịch tiếp sinh viên ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

- Trực tiếp gặp để trao đổi các vấn đề xung quanh nội dung môn học, hoặc liên hệ qua e-mail, điện thoại hẹn gặp.
- Đối với trợ giảng cũng tương tự các hình thức trên.

## 12. Nội dung chi tiết môn học:

? ? ?

1. ??

2□???, ?????

3□????

? ? ? : ? ? ?

1□??

2□????, ?????

3□??: ?????

3□1 ???“??”

3□2 ?????

3. 3 ??

3. 3. 1 ?

3. 3. 2 ?

3. 3. 3 ?

3. 3. 4 ?

3. 3. 5 ?

3. 3. 6 ?

3. 3. 7 ??

3. 3. 8 ?

3. 3. 9 ?

3. 3. 10 ?

? ? ? : ? ? ? ?

1□??

2□???, ??????

3□??:

3□1 ?

3□2 ?

3. 3 ?

3. 4 ?

3. 5 ?

3. 6 ?

3. 7 ?

? ? ? : ? ? ? ? ?

1□??

2□???, ??????

3□??:

3□1 ?

3□2 ?

3. 3 ?

3. 4 ?

3. 5 ??

? ? ? : ? ? ? ? ?

1□??

2□???, ??????

3□??:

3□1 ?

3□2 ?

3. 3 ?

3. 4 ?

3. 5 ?

3. 6 ?

3. 7 ?

3. 8 ??

??? : ? ? ? ?

1□??

2□???, ??????

3□??:

3□1 ?

3□2 ?

3. 3 ?

3. 4 ??

??? : ? ? ? ?

1□??

2□???, ??????

3□??:

3□1 ????

3□2 ????

3. 3 ?

??? : ????????

1□??

2□???, ??????

3□??:

3□1 ?

3□2 ?

3. 3 ?

3. 4 ?

??? : ??? ?

1□??

2□???, ??????

3□??:

3□1 ?

3□2 ?

3. 3 ?

3. 4 ?

3. 5 ?

3. 6 ?

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi / tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học hoặc nhiệm vụ của sinh viên	Tài liệu cần đọc
1/1	4	<ul style="list-style-type: none"><li>- Bài khóa, thực từ, đối chiếu chữ phần thể với giản thể, giới thiệu từ loại – phân loại từ, các đơn vị ngữ pháp.</li><li>- Bài này có chủ đích giúp người học nhận diện các đơn vị, cấp độ ngữ pháp</li></ul>	Tổ chức các tình huống, hướng dẫn cho sinh viên cách phân tích, nhận xét các quan niệm về các đơn vị, cấp độ ngữ pháp	Đọc kỹ tài liệu số 1 (tiếng Việt) và số 4,5 (tiếng Trung)



2/2	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài khóa, thực từ, đối chiếu chữ phần thể với giản thể bài 2.</li> </ul> <p>Trình chiếu các slide hướng dẫn phương cách tiếp cận và phân tích các hư từ đã giới thiệu rõ ràng ở mục 12 (<b>Nội dung chi tiết môn học</b>)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>. Thực hành dịch</li> </ul>	<p>Tổ chức các dạng thức cụ thể của các hư từ, hướng dẫn cho sinh viên cách phân tích, nhận xét và dịch thuật</p>	<p>Đọc kỹ các tài liệu đã được giới thiệu có liên quan đến <b>Nội dung chi tiết môn học từng bài</b> đã được giới thiệu ở phần trên</p>
3/3	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài khóa, thực từ, đối chiếu chữ phần thể với giản thể bài 3.</li> </ul> <p>Trình chiếu các slide hướng dẫn phương cách tiếp cận và phân tích các hư từ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành dịch</li> </ul>	<p>Tổ chức các dạng thức cụ thể của các hư từ, hướng dẫn cho sinh viên cách phân tích, nhận xét và dịch thuật</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc kỹ các tài liệu đã được giới thiệu có liên quan đến <b>Nội dung chi tiết môn học từng bài</b> đã được giới thiệu ở phần trên</li> <li>- Dịch các phần đã quy ước</li> </ul>
4/4	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài khóa, thực từ, đối chiếu chữ phần thể với giản thể, cùng ngữ nghĩa bài 4.</li> </ul> <p>Trình chiếu các slide hướng dẫn phương cách tiếp cận và phân tích các hư từ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành dịch</li> </ul>	<p>Tổ chức các dạng thức cụ thể của các hư từ, hướng dẫn cho sinh viên cách phân tích, nhận xét và dịch thuật</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc kỹ các tài liệu đã được giới thiệu có liên quan đến <b>Nội dung chi tiết môn học từng bài</b> đã được giới thiệu ở phần trên</li> <li>- Dịch các phần đã quy ước</li> </ul>

5/5	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài khóa, thực từ, đối chiếu chữ phần thể với giản thể, cùng ngữ nghĩa bài 5.</li> </ul> Trình chiếu các slide hướng dẫn phương cách tiếp cận và phân tích các hư từ. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành dịch</li> </ul>	Tổ chức các dạng thức cụ thể của các hư từ, hướng dẫn cho sinh viên cách phân tích, nhận xét và dịch thuật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc kỹ các tài liệu đã được giới thiệu có liên quan đến <b>Nội dung chi tiết môn học từng bài</b> đã được giới thiệu ở phần trên</li> <li>- Dịch các phần đã quy ước</li> </ul>
6/6	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài kiểm tra giữa kỳ</li> <li>- Bài khóa, thực từ, đối chiếu chữ phần thể với giản thể, cùng ngữ nghĩa bài 6.</li> </ul> Trình chiếu các slide hướng dẫn phương cách tiếp cận và phân tích các hư từ. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành dịch</li> </ul>	Tổ chức các dạng thức cụ thể của các hư từ, hướng dẫn cho sinh viên cách phân tích, nhận xét và dịch thuật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống nội dung đã học, chuẩn bị tốt cho bài kiểm tra giữa kỳ</li> </ul>
7/7	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài khóa, thực từ, đối chiếu chữ phần thể với giản thể, cùng ngữ nghĩa bài 7.</li> </ul> Trình chiếu các slide hướng dẫn phương cách tiếp cận và phân tích các hư từ. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành dịch</li> </ul>	Tổ chức các dạng thức cụ thể của các hư từ, hướng dẫn cho sinh viên cách phân tích, nhận xét và dịch thuật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc kỹ các tài liệu đã được giới thiệu có liên quan đến <b>Nội dung chi tiết môn học từng bài</b> đã được giới thiệu ở phần trên</li> <li>- Dịch các phần đã quy ước</li> </ul>

8/8	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài khóa, thực từ, đối chiếu chữ phần thể với giản thể, cùng ngữ nghĩa bài 8.</li> </ul> Trình chiếu các slide hướng dẫn phương cách tiếp cận và phân tích các hư từ. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành dịch</li> </ul>	Tổ chức các dạng thức cụ thể của các hư từ, hướng dẫn cho sinh viên cách phân tích, nhận xét và dịch thuật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc kỹ các tài liệu đã được giới thiệu có liên quan đến <b>Nội dung chi tiết môn học từng bài</b> đã được giới thiệu ở phần trên</li> <li>- Dịch các phần đã quy ước</li> </ul>
9/9	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài khóa, thực từ, đối chiếu chữ phần thể với giản thể, cùng ngữ nghĩa bài 9.</li> </ul> Trình chiếu các slide hướng dẫn phương cách tiếp cận và phân tích các hư từ. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành dịch</li> </ul>	Tổ chức các dạng thức cụ thể của các hư từ, hướng dẫn cho sinh viên cách phân tích, nhận xét và dịch thuật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc kỹ các tài liệu đã được giới thiệu có liên quan đến <b>Nội dung chi tiết môn học từng bài</b> đã được giới thiệu ở phần trên</li> <li>- Dịch các phần đã quy ước</li> </ul>
10/10	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài khóa, thực từ, đối chiếu chữ phần thể với giản thể, cùng ngữ nghĩa bài 10.</li> </ul> Trình chiếu các slide hướng dẫn phương cách tiếp cận và phân tích các hư từ. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành dịch</li> </ul>	Tổ chức các dạng thức cụ thể của các hư từ, hướng dẫn cho sinh viên cách phân tích, nhận xét và dịch thuật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc kỹ các tài liệu đã được giới thiệu có liên quan đến <b>Nội dung chi tiết môn học từng bài</b> đã được giới thiệu ở phần trên</li> <li>- Dịch các phần đã quy ước</li> </ul>
11/11	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống môn học.</li> <li>- Giải đáp thắc mắc.</li> <li>- Thống nhất thi cử, học vụ.</li> </ul>	Ôn luyện các thao tác, phân tích, dịch thuật	-Rà soát tri thức đã được trang bị

**Trưởng khoa**

**Trưởng Bộ môn**

TP.Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2016  
**Người biên soạn**

**PGS.TS NGUYỄN ĐÌNH PHÚC   PGS.TS NGUYỄN ĐÌNH PHÚC   TS.TRẦN ANH TUẤN**

**Giảng viên phụ trách môn học**

Họ và tên: Trần Anh Tuấn	Học hàm, học vị: Tiến sĩ – giảng viên
Địa chỉ cơ quan: 12 Đinh Tiên Hoàng, Quận I, TP.Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0908 223 128
Email: anhtuantran@hcmussh.edu.vn	Trang web: không có

Cách liên lạc với giảng viên: Với những cách có được	Dưới mọi hình thức
---	--------------------

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Văn tự - từ vựng học**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): Chinese philology - lexicology/ ?????

- Mã môn học: NVT047

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 03

3. Trình độ : dành cho sinh viên năm thứ 3

4. Phân bố thời gian: 60 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thực hành: 30 tiết

- Tự học: 60 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Đã hoàn tất chương trình kiến thức cơ sở ngành.

### 6. Mô tả văn tắt nội dung môn học:

Phần một: Khái lược về quá trình hình thành, đặc điểm, tính chất của chữ Hán. Mô tả kết cấu của chữ Hán, cách tạo chữ, phân tích hình dạng của chữ Hán, âm đọc, ngữ nghĩa, từ đó nêu lên mối quan hệ giữa hình – âm – nghĩa của chữ Hán, qua đó thấy được hướng phát triển của chữ Hán; nêu bật được mối quan hệ giữa ngôn ngữ Trung Quốc và văn tự.

Phần hai: Từ vựng tiếng Hán hiện đại: môn học trang bị những tri thức cơ bản và kỹ năng thực hành các vấn đề về từ vựng tiếng Hán hiện đại trong chức năng diễn đạt nghĩa của chúng.

Ngoài ra, môn học cũng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cách cấu tạo từ, cách sử dụng và phân biệt các từ đồng nghĩa, phản nghĩa, ... các vấn đề về từ vựng và ngữ nghĩa của tiếng Hán hiện đại. Kết thúc môn học sinh viên được yêu cầu nắm vững phương thức cấu tạo từ, ngữ nghĩa của từ vựng tiếng Hán hiện đại.

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng/lý thuyết và thực hành về văn tự và từ vựng tiếng Hán hiện đại. Qua đó, giúp sinh viên hiểu rõ tính chất, đặc điểm của văn tự và từ vựng tiếng Hán hiện đại, mối quan hệ giữa văn tự và ngôn ngữ, từ đó thấy được tầm quan trọng của văn tự chữ Hán cũng như phương pháp sử dụng và phân biệt từ vựng tiếng Hán hiện đại một cách chuẩn xác trong từng ngữ cảnh cụ thể. Ngoài ra, môn học cung cấp những tri thức cơ bản về văn tự và từ vựng tiếng Hán hiện đại, kết hợp với bài tập thực hành thích hợp giúp sinh viên hiểu đúng và ứng dụng thành thạo những quy luật cơ bản của tiếng Hán hiện đại, nâng cao hiệu quả quá trình học tập tiếng Trung Quốc.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

+ Phân tích được kết cấu, cấu tạo, mối liên hệ giữa hình – âm – nghĩa của những các chữ Hán.

+ Giải nghĩa được một cách hoàn chỉnh các chữ Hán. Từ đó sử dụng đúng ngữ nghĩa, viết đúng hình thể, đọc đúng âm điệu của các chữ Hán.

+ Đánh giá được tầm quan trọng của chữ Hán là một phần không thể tách rời trong một hệ thống ngôn ngữ.

+ Áp dụng được những kiến thức của môn học vào thực tiễn, trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ (đọc, viết). Đạt được kỹ năng đọc, viết trôi chảy, chính xác hơn.

+ Nắm được kiến thức cũng như các phương pháp sử dụng và phân biệt từ vựng tiếng Hán hiện đại một cách chuẩn xác trong từng ngữ cảnh cụ thể.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

<p>+ Phân tích được kết cấu, cấu tạo, mối liên hệ giữa hình – âm – nghĩa của những các chữ Hán.</p> <p>+ Giải nghĩa được một cách hoàn chỉnh các chữ Hán. Từ đó sử dụng đúng ngữ nghĩa, viết đúng hình thể, đọc đúng âm điệu của các chữ Hán.</p> <p>+ Đánh giá được tầm quan trọng của chữ Hán là một phần không thể tách rời trong một hệ thống ngôn ngữ.</p> <p>+ Áp dụng được những kiến thức của môn học vào thực tiễn, trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ (đọc, viết). Đạt được kỹ năng đọc, viết trôi chảy, chính xác hơn.</p> <p>+ Nắm được kiến thức cũng như các phương pháp sử dụng và phân biệt từ vựng tiếng Hán hiện đại một cách chuẩn xác trong từng ngữ cảnh cụ thể.</p>	<p><i>GV thuyết trình.</i></p> <p><i>SV thảo luận nhóm trả lời câu hỏi. Sau đó SV xoay quanh vấn đề đã học thuyết trình.</i></p>	<p>- Kỹ năng trình bày</p> <p>- Kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ.</p>	<p><i>PLO1</i></p> <p>+ SV có khả năng đánh giá, phân tích kết cấu, cấu tạo, mối liên hệ giữa hình – âm – nghĩa các chữ Hán</p> <p>+ SV có khả năng áp dụng được các lý thuyết của môn học để ứng dụng và hỗ trợ trong việc học tiếng Hán, cụ thể là các môn đọc, viết.</p>	<p><i>PLO2</i></p> <p>+ SV có kỹ năng thuyết trình, giải thích, giải nghĩa một cách hoàn chỉnh của chữ Hán.</p> <p>+ SV có khả năng ứng dụng kiến thức của môn học này vào các môn đọc hiểu, viết văn, nghe...</p>	<p><i>PLO3</i></p> <p>+ SV có thái độ và cách nhìn đúng đắn, nhận thức được tầm quan trọng của chữ Hán, là một phần không thể tách rời trong hệ thống ngôn ngữ, và có ảnh hưởng to lớn đến 4 kỹ năng: nghe – nói – đọc – viết.</p> <p>+ SV có thái độ học tập tích cực.</p>
--	--	--	---	--	---

## 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu chính:

2. Nguyễn Đình Phúc, Trương Gia Quyền, Lê Quang Trường (2015), Văn tự học chữ Hán, NXB Đại học quốc gia TPHCM.
3. Vạn Nghệ Linh (2004) . Giáo trình Từ vựng Hán ngữ, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, TQ (????????????????????, 2004)

- Tài liệu tham khảo/bổ sung

1. Đồng Côn (2005). *Nguồn gốc chữ Hán Trung Quốc*, NXB Thương Vụ, TQ. (?????????, ???, 2005.)
2. Hà Cửu Doanh, Hồ Song Bảo, Trương Mạnh (2002). *Tổng quan về văn hoá chữ Hán*, NXB Đại học Bắc Kinh. (??? ??? ? ????????????, ????????, 2002.)
3. Hứa Thận (1996). *Thuyết văn giải tự*, Trung Hoa thư cục, TQ. ([??]? ????????, ?????, 1996)
4. Trần A Bảo (2002). *Khái lược tiếng Hán Hiện đại*, NXB Đại học ngôn ngữ văn hoá Bắc Kinh, TQ(?????????????, ??????????????, 2002.)
5. Phù Hoài Thanh (1997) . *Từ vựng Tiếng Hán hiện đại*. NXB Đại học Bắc Kinh, TQ (????????? ????, ????????, 1997 ?)
6. Cù Tích Khuê (2004). *Khái lược về văn tự học*, NXB Thương Vụ, TQ.(?????????????, [M].??: ??????, 2004)
7. Trương Tĩnh Hiền (2004). *Giáo trình Hán Tự*, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, TQ(?????? ???, ????????????, 2004.)
8. Hàn Giám Đường (2012), *Chữ Hán Trung Quốc*, NXB Truyền bá Ngũ châu. ??????????, ?????? ??, 2012.

- Trang Web/CDs tham khảo

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Mỗi buổi học Giữa kỳ	VD: - <i>Chuyên cần</i> - <i>Thuyết trình + Bài tập</i> - <i>Kiểm tra giữa kỳ</i> - <i>Khác:</i>	10 % 20 % 70 % 100%	<i>Điểm giữa kỳ</i>	30%
Cuối kỳ	- <i>Thi cuối kỳ</i>	100%	<i>Điểm cuối kỳ</i>	70%



				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>
--	--	--	--	-------------------------------

### **Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

- Xếp loại đánh giá (GV tự xây dựng)

+ Từ 5 đến 6 điểm: Trung bình. SV chỉ đạt ở mức độ biết và hiểu những kiến thức cơ bản về môn học.

+ Từ 7 đến 8 điểm: Khá: SV biết phân tích một chữ Hán, một từ, có khả năng sử dụng đúng nghĩa, đọc đúng âm, viết đúng chữ và có thể áp dụng những kiến thức đó vào các môn học khác để nâng cao trình độ tiếng Hán.

+ Từ 9 đến 10 điểm: Tốt: SV biết đánh giá, phân tích, giải nghĩa một cách chi tiết về một từ, một chữ Hán, đồng thời có khả năng tổng hợp các kiến thức được học ở môn này để ứng dụng vào thực tiễn.

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng)

+ Hình thức Giữa kỳ: Thi tự luận + trắc nghiệm với những kiến thức được học ở học phần Văn tự. (Thời gian khoảng 45 phút, SV không được sử dụng tài liệu khi thi).

+ Hình thức Cuối kỳ: Thi trắc nghiệm (Thời gian khoảng 60 phút, SV không được sử dụng tài liệu khi thi)

## **11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

### **11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Trễ quá 30 phút coi như vắng mặt 01 buổi.
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp cho mỗi phần kiến thức (Văn tự - từ vựng)
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp.
- Hoàn tất các bài tập, bài thuyết trình được giao.

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Không hoàn tất các bài tập, bài thuyết trình được giao sẽ bị trừ điểm.

## **12. Nội dung chi tiết môn học:**

### **PHẦN MỘT - KIẾN THỨC VĂN TỰ**

#### **Chương I: ??????**

1. ??????
2. ??????
3. ???????
4. ???????

**Chương II: ????????**

1. ????????
2. ??????
3. ??????

**Chương III: ????????**

1. ??
2. ??
3. ??
4. ??
5. ??
6. ??
- ??

**Chương IV: ?????????—??**

- 1.?????
2. ??????
3. ??

**Chương V: ???????**

1. ?????????
2. ?????????????
3. ???????????????

**Chương VI: ???????**

1. ?????????
2. ??????(?)????

**Chương VII: ?????????**

1. ?????????
2. ?????????
3. ?????????

**Chương VIII: ?????????**

1. ????????
- 2.????????

**Chương IX: ?????????**

1. ????????
2. ????????
3. ????????

**PHẦN HAI - KIẾN THỨC TỪ VỰNG:**

**Chương I :????:**

1. ????,
2. ???????
3. ???????

**Chương II : ??????????:**

1. ???—??
2. ???
3. ???

**Chương III: ?????:**

1. ?????
2. ?????
3. ??????
4. ?????
5. ?????????????????

**Chương IV: ??????:**

1. ???
2. ???

**Chương V: ??????:**

1. ???
2. ???

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

Buổi / Tuần n	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
------------------------	---------------------------	------------------	--	--------------------------------------

1	5	<p><b>Chương I: ?????</b>  1.?????  2.?????  3.???????</p> <p><b>Chương II: ????????</b>  1.???????</p>	<p>- SV chuẩn bị bài trước, đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo gồm những phần có liên quan đến nội dung bài học.  - SV thảo luận trong nhóm  - GV thuyết trình, hướng dẫn, bổ sung, góp ý.  - SV làm bài tập</p>	<p>- Nguyễn Đình Phúc, Trương Gia Quyền, Lê Quang Trường (2015), Văn tự học chữ Hán, NXB Đại học quốc gia TPHCM.</p> <p>Trương Tinh Hiền (2004). <i>Giáo trình Hán Tự</i>, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, TQ( ?????????, ????????, ??, 2004.)</p> <p>- Hàn Giám Đường (2012), <i>Chữ Hán Trung Quốc</i>, NXB Truyền bá Ngũ châu. ?????????, ???????, 2012.</p> <p>- Trần A Bảo (2002). <i>Khái lược tiếng Hán Hiện đại</i>, NXB Đại học ngôn ngữ văn hoá Bắc Kinh, TQ( ????????, ??????????, ??, 2002.)</p>
---	---	---	--	---

2	5	<p><b>Chương III: ????</b>  <b>????</b>  1. ??  2. ??  3. ??  4. ??  5. ??  6. ??  ??</p> <p><b>Chương IV: ????</b>  <b>?????—??</b>  1.?????  2. ??????  3. ??</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- SV chuẩn bị bài trước, đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo gồm những phần có liên quan đến nội dung bài học.</li> <li>- SV thảo luận trong nhóm</li> <li>- GV thuyết trình, hướng dẫn, bổ sung, góp ý.</li> <li>- SV làm bài tập</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- nt-</li> <li>- Cù Tích Khuê (2004). <i>Khái lược về văn tự học</i>, NXB Thương Vụ, TQ.(??? ??????, [M].??: ??? ? , 2004)</li> </ul>
3 + 4	10	<p><b>Chương V: ????????</b>  1. ??????????  2. ?????????????  3. ?????????????????  <b>Chương VI: ????</b>  <b>???</b>  1. ??????????  2. ??????(?)?????  <b>Chương VII:????</b>  <b>??????</b>  1. ??????????  2. ??????????  3. ??????????????</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- SV chuẩn bị bài trước, đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo gồm những phần có liên quan đến nội dung bài học.</li> <li>- SV thảo luận trong nhóm</li> <li>- GV thuyết trình, hướng dẫn, bổ sung, góp ý.</li> <li>- SV làm bài tập</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- nt-</li> <li>- Cù Tích Khuê (2004). <i>Khái lược về văn tự học</i>, NXB Thương Vụ, TQ.(??? ??????, [M].??: ??? ? , 2004)</li> </ul>

5+6	10	<p><b>Chương VIII: ????????</b> ?? 1. ??????? 2. ???????</p> <p><b>Chương IX: ????????</b> ? 1. ??????? 2. ??????? 3. ???????</p>	<p>- Sửa bài tập về nhà - SV chuẩn bị bài trước, đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo gồm những phần có liên quan đến nội dung bài học. - SV thảo luận trong nhóm - GV thuyết trình, hướng dẫn, bổ sung, góp ý. - Kiểm tra Giữa kỳ</p>	<p>-nt- - Hà Cửu Doanh, Hồ Song Bảo, Trương Mạnh (2002). <i>Tổng quan về văn hoá chữ Hán</i>, NXB Đại học Bắc Kinh.(??? ??? ? ????????????, ?????? ?, 2002.)</p>
7	5	<p><b>Chương I :????:</b> 1. ????, 2. ??????? 3. ???????</p>	<p>- Sửa bài tập về nhà - SV chuẩn bị bài trước, đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo gồm những phần có liên quan đến nội dung bài học. - SV thảo luận trong nhóm - SV làm bài tập trên lớp theo yêu cầu của giáo viên.</p>	<p>- Vạn Nghệ Linh (2004) . <i>Giao trình Từ vựng Hán ngữ</i>, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, TQ (???????????? ??????????, 2004)- - Phù Hoài Thanh (1997) . <i>Từ vựng Tiếng Hán hiện đại</i>. NXB Đại học Bắc Kinh, TQ (???????????? , ?????? ?, 1997 ?)</p>
8	5	<p><b>Chương II : ??????????:</b> 1. ???—?? 2. ??? 3. ???</p>	<p>- Sửa bài tập về nhà - SV chuẩn bị bài trước, đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo gồm những phần có liên quan đến nội dung bài học. - SV thảo luận trong nhóm - SV làm bài tập trên lớp theo yêu cầu của giáo viên.</p>	<p>- Vạn Nghệ Linh (2004) . <i>Giao trình Từ vựng Hán ngữ</i>, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, TQ (???????????? ??????????, 2004)- - Phù Hoài Thanh (1997) . <i>Từ vựng Tiếng Hán hiện đại</i>. NXB Đại học Bắc Kinh, TQ (???????????? , ?????? ?, 1997 ?)</p>

9	5	<b>Chương III: ????:</b> 1. ????? 2. ????? 3. ?????	- Sửa bài tập về nhà - SV chuẩn bị bài trước, đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo gồm những phần có liên quan đến nội dung bài học. - SV thảo luận trong nhóm - SV làm bài tập trên lớp theo yêu cầu của giáo viên.	- Vạn Nghệ Linh (2004) . Giáo trình Từ vựng Hán ngữ, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, TQ (????????????????????????????, 2004)- - Phù Hoài Thanh (1997) . Từ vựng Tiếng Hán hiện đại. NXB Đại học Bắc Kinh, TQ (????????????????, ??????, 1997 ?)
10	5	<b>Chương III: ????:</b> 4. ????? 5. ?????????????????????	- Sửa bài tập về nhà - SV chuẩn bị bài trước, đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo gồm những phần có liên quan đến nội dung bài học. - SV thảo luận trong nhóm - SV làm bài tập trên lớp theo yêu cầu của giáo viên.	- Vạn Nghệ Linh (2004) . Giáo trình Từ vựng Hán ngữ, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, TQ (????????????????????????????, 2004)- - Phù Hoài Thanh (1997) . Từ vựng Tiếng Hán hiện đại. NXB Đại học Bắc Kinh, TQ (????????????????, ??????, 1997 ?)
11	5	<b>Chương IV: ??????:</b> 1. ??? 2. ???	- Sửa bài tập về nhà - SV chuẩn bị bài trước, đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo gồm những phần có liên quan đến nội dung bài học. - SV thảo luận trong nhóm - SV làm bài tập trên lớp theo yêu cầu của giáo viên.	- Vạn Nghệ Linh (2004) . Giáo trình Từ vựng Hán ngữ, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, TQ (????????????????????????????, 2004)- - Phù Hoài Thanh (1997) . Từ vựng Tiếng Hán hiện đại. NXB Đại học Bắc Kinh, TQ (????????????????, ??????, 1997 ?)

12	5	<b>Chương V: ??????:</b> 1. ??? 2. ???	- Sửa bài tập về nhà - SV chuẩn bị bài trước, đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo gồm những phần có liên quan đến nội dung bài học. - SV thảo luận trong nhóm - SV làm bài tập trên lớp theo yêu cầu của giáo viên.	- Vạn Nghệ Linh (2004) . Giáo trình Từ vựng Hán ngữ, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, TQ (????????????????????????????, 2004)- - Phù Hoài Thanh (1997) . Từ vựng Tiếng Hán hiện đại. NXB Đại học Bắc Kinh, TQ (????????????????, ?????? ?, 1997 ?)
----	---	--	---	---

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2016  
**Người biên soạn**

**PGS.TS NGUYỄN ĐÌNH PHÚC PGS.TS NGUYỄN ĐÌNH PHÚC TS. Trương Gia Quyên  
ThS. Hàn Hồng Diệp**

**\* Ghi chú tổng quát:**

Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

Họ và tên: <b>TRƯƠNG GIA QUYÊN</b>	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: B014, K.Ngữ văn TQ, ĐHKHXH&NV TPHCM, 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, TPHCM.	Điện thoại liên hệ: 01212983485



Email: giaquyen1983@gmail.com	Trang web:
-------------------------------	------------

### Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Hàn Hồng Diệp	Học hàm, học vị: thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: B014, K.Ngũ Văn TQ, ĐHKHXH&NV TPHCM, 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, TPHCM.	Điện thoại liên hệ:
Email: diephanhong@hcmussh.edu.vn	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	E-mail:
-------------------------------	---------

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV  
KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học: **Văn học Trung Quốc**

tên tiếng Việt: Văn học Trung Quốc

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): Chinese Literature / ????

- Mã môn học: NVT048

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Môn học thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành bắt buộc

### 2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ : dành cho sinh viên năm thứ 4

#### 4. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Lý thuyết: 35 tiết

- Thảo luận/thuyết trình nhóm: 10 tiết

#### 5. Điều kiện tiên quyết:

Môn học tiên quyết:

+ Sinh viên cần trang bị khả năng đọc hiểu và nghe nói tốt tiếng Hán (100% giảng chuyên ngữ).

+ Muốn học được môn học này, sinh viên cần phải học qua một số môn thuộc khối kiến thức liên quan đến ngôn ngữ và văn hoá Trung Quốc.

#### 6. Mô tả văn tắt nội dung môn học:

Trang bị cho sinh viên lượng kiến thức cơ bản về văn học Trung Quốc, tạo thuận lợi cho việc tác nghiệp chuyên môn sau khi ra trường.

#### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn học Trung Quốc.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

+ Nắm vững và trình bày được quá trình hình thành và phát triển của văn học Trung Quốc; logic phát triển, đặc trưng cơ bản của các loại thể thuộc văn học Trung Quốc; những thành tựu chính của văn học Trung Quốc qua các thời kỳ.

+ Vận dụng được lý luận vào giải mã các tác phẩm văn học Trung Quốc cụ thể.

+ Hiểu và vận dụng kiến thức văn học Trung Quốc vào thực tế tác nghiệp chuyên môn.

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	<i>Vận dụng lý thuyết để nhận biết, mô tả và giải thích những vấn đề, khái niệm của văn học Trung Quốc; biết cách giải mã tác phẩm văn học TQ; biết vận dụng kiến thức văn học Trung Quốc vào thực tế tác nghiệp chuyên môn</i>	<i>GV thuyết trình Nêu vấn đề chất vấn Bài tập ở nhà Thảo luận nhóm SV thuyết trình</i>	<i>Kỹ năng trình bày Ý kiến hỏi đáp Kiểm tra giữa kỳ Kiểm tra cuối kỳ</i>

#### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	<i>Vận dụng lý thuyết để nhận biết, mô tả và giải thích những vấn đề, khái niệm của văn học Trung Quốc; biết cách giải mã tác phẩm văn học TQ, vận dụng kiến thức chuyên ngành vào giải quyết những vấn đề chuyên môn phát sinh trong thực tế tác nghiệp.</i>	<i>GV thuyết giảng Nêu vấn đề yêu cầu giải quyết Bài tập ở nhà Thảo luận nhóm SV thuyết trình</i>	<i>Kỹ năng trình bày Kiến thức và khả năng tư duy  Khả năng làm việc nhóm Kỹ năng thuyết trình Kiểm tra giữa kỳ Kiểm tra cuối kỳ</i>	<i>PLO1 Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về văn học Trung Quốc, chủ yếu ở các mảng: khái niệm, quá trình phát triển, thành tựu và đặc trưng của văn học TQ</i>	<i>PLO2 Sinh viên có khả năng thuyết trình, thảo luận, giải quyết tốt những vấn đề chuyên môn trong thực tế tác nghiệp</i>	<i>PLO3 - Hiểu rõ tầm quan trọng chi phối của văn hóa với ngôn ngữ - Tinh thần hợp tác làm việc nhóm. - chủ động tìm hiểu, học tập và nghiên cứu suốt đời</i>

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính

1. Nguyễn Đình Phúc, *Trung Quốc văn học giảng nghĩa* ???????? (Tập bài giảng).

- Tài liệu tham khảo/bổ sung:

1. Viên Hành Bái...(2001), *Trung Quốc văn học sử*???????, Cao đẳng giáo dục xuất bản xã, Bắc Kinh.

2. Chu Hiến Thận (2003), *Trung Quốc văn học thập ngũ giảng*?????????, Đại học Bắc Kinh.

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Giữa kỳ	VD: - <i>Chuyên cần</i> - <i>Bài tập</i> - <i>Thuyết trình</i>	10 % 10% 80 % 100%	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	- <i>Thi cuối kỳ/Tiểu luận</i>	100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá:

+ Từ 5 đến 6 điểm: Trung bình.

+ Từ 7 đến 8 điểm: Khá.

+ Từ 9 đến 10 điểm: Giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

+ Hình thức thi giữa kỳ: Thuyết trình theo nhóm (mỗi nhóm 1 – 2 vấn đề được giáo viên yêu cầu ở buổi học đầu tiên, các nhóm sẽ chuẩn bị, đến buổi thuyết trình mỗi nhóm trình bày không quá 15 phút. Sau đó các nhóm khác sẽ góp ý và chất vấn. Điểm của nhóm sẽ tùy thuộc vào quá trình làm việc của từng thành viên, thông qua việc các thành viên trong nhóm tự chấm điểm nhau, mức độ chuyên cần và thực tế học tập trên lớp của từng cá nhân.)

+ Hình thức thi cuối kỳ: Nội dung bao gồm hai phần: phần kiến thức của môn học (50%) và phần viết văn phân tích, nghị luận về tác phẩm (50%).

### 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

#### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định

- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp.

- Tuyệt đối không được đi trễ.

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp.

- Hoàn tất các bài tập được giao.

#### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không tổ chức kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Nộp tiểu luận trễ trong vòng 1 tuần sẽ bị trừ điểm vào điểm giữa kỳ. Trừ 01 điểm cho 01 lần vi phạm.

### 11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

7h30-10h30 sáng thứ hai hàng tuần tại Văn phòng Khoa Ngữ văn Trung Quốc

### 12. Nội dung chi tiết môn học:

Bài 1: Khái luận văn học Trung Quốc

Bài 2: Văn học Tiên Tần.

2.1. Thi kinh.

2.2. Sở từ.

2.3. Tản văn.

Bài 3: Văn học đời Tần-Hán.

3.1. Phú đời Hán.

3.2. Sử ký.

3.3. Nhạc phủ và thơ ngũ ngôn

Bài 4: Văn học Ngụy-Tấn, Nam-Bắc triều.

4.1. Thơ ngũ ngôn.

4.2. Lý luận phê bình.

4.3. Tiểu thuyết.

Bài 5: Văn học Đường-Ngũ đại.

5.1. Thơ Đường.

5.2. Tản văn.

5.3. Truyền kỳ.

Bài 6: Văn học đời Tống-Nguyên.

6.1. Từ.

6.2. Khúc.

Bài 7: Văn học đời Minh-Thanh và cận - hiện đại

7.1. Tiểu thuyết chương hồi.

7.2. Thơ từ.

7.3. Văn học cận – hiện đại

Bài 8 và 9 : Thuyết trình nhóm

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)

1	5	Bài 1: Khái luận văn học Trung Quốc	<p>- SV đọc tập bài giảng từ trang 01 đến trang 7. Đọc thêm các nội dung liên quan trong các sách khác.</p> <p>- GV thuyết trình</p> <p>- SV thảo luận và trả lời câu hỏi của GV</p>	<p>1. Nguyễn Đình Phúc, <i>Trung Quốc văn học giảng nghĩa</i> ????????</p> <p>2. Viên Hành Bái,... (2001), <i>Trung Quốc văn học sử</i> ????????, Cao đẳng giáo dục xuất bản xã, Bắc Kinh.</p>
2	5	Bài 2: Văn học Tiên Tần. 2.1. Thi kinh. 2.2. Sở từ. 2.3. Tần văn.	<p>- SV đọc tập bài giảng từ trang 8 đến trang 33. Đọc thêm các nội dung liên quan trong các sách khác.</p> <p>- GV thuyết trình</p> <p>- SV thảo luận và trả lời câu hỏi của GV</p>	-nt-
3	5	Bài 3: Văn học đời Tần-Hán. 3.1. Phú đời Hán. 3.2. Sử ký. 3.3. Nhạc phủ và thơ ngũ ngôn	<p>- SV đọc tập bài giảng từ trang 33 đến trang 53. Đọc thêm các nội dung liên quan trong các sách khác.</p> <p>- GV thuyết trình</p> <p>- SV thảo luận và trả lời câu hỏi của GV</p>	-nt-
4	5	Bài 4: Văn học Ngụy-Tấn, Nam-Bắc triều. 4.1. Thơ ngũ ngôn. 4.2. Lý luận phê bình. 4.3. Tiểu thuyết.	<p>- SV đọc tập bài giảng từ trang 54 đến trang 73. Đọc thêm các nội dung liên quan trong các sách khác.</p> <p>- GV thuyết trình</p> <p>- SV thảo luận và trả lời câu hỏi của GV</p>	-nt-

5	5	Bài 5: Văn học Đường-Ngũ đại. 5.1. Thơ Đường. 5.2. Tản văn. 5.3. Truyền kỳ.	- SV đọc tập bài giảng từ trang 73 đến trang 93. Đọc thêm các nội dung liên quan trong các sách khác. - GV thuyết trình - SV thảo luận và trả lời câu hỏi của GV	
6	5	Bài 6: Văn học đời Tống-Nguyên. 6.1. Từ. 6.2. Khúc.	- SV đọc tập bài giảng từ trang 93 đến trang 103. Đọc thêm các nội dung liên quan trong các sách khác. - GV thuyết trình - SV thảo luận và trả lời câu hỏi của GV	
7	5	Bài 7: Văn học đời Minh-Thanh và cận - hiện đại 7.1. Tiểu thuyết chương hồi. 7.2. Thơ từ. 7.3. Văn học cận – hiện đại	- SV đọc tập bài giảng từ trang 103 đến trang 153. Đọc thêm các nội dung liên quan trong các sách khác. - GV thuyết trình - SV thảo luận và trả lời câu hỏi của GV	
8-9	10	Thuyết trình theo nhóm	- SV đọc các nội dung liên quan trong các sách để giải quyết vấn đề của nhóm. - SV thuyết trình - SV thảo luận và trả lời câu hỏi của các nhóm khác - GV nhận xét và đưa ra cách giải quyết vấn đề	-nt-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

**PGS.TS. Nguyễn Đình Phúc PGS. TS. Nguyễn Đình Phúc PGS.TS. Nguyễn Đình Phúc**

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

Họ và tên: Nguyễn Đình Phúc	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngữ văn Trung Quốc, B.014, 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q I, TP. HCM	Điện thoại liên hệ: 0908604894
Email: dinhphuc74@hotmail.com	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên: Gặp gỡ trao đổi trực tiếp, hoặc có thể thông qua địa chỉ email	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng) 7h30-10h30 sáng thứ hai hàng tuần tại Văn phòng Khoa Ngữ văn Trung Quốc
--	--

Nơi tiến hành môn học: Phòng học có đầy đủ trang thiết bị, đặc biệt âm thanh tốt.	(Tên cơ sở, số phòng học) Cơ sở Linh Trung, Thủ Đức
Thời gian học: 7-8, 9-11 hàng năm	(Học kỳ, Ngày học, tiết học) Học kỳ hè và học kỳ I





## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Dịch TC3 (khối D1)**

- Mã môn học: NVT050

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 2

3. **Trình độ:** dành cho sinh viên năm thứ 2

4. **Phân bố thời gian:** 45 tiết (*1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành*)

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 30 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: DỊCH TC2

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Người học bắt buộc phải hoàn tất chương trình dịch trung cấp 2, nắm vững khoảng 3000 từ.

6. **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** hướng dẫn lý thuyết và luyện kỹ năng dịch từ tiếng Việt sang tiếng Hán hoặc từ Hán sang Việt các câu, đoạn văn.

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Giúp sinh viên năm 2 nâng cao kỹ năng dịch Việt – Hán và Hán - Việt.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể: Đạt được vốn từ vựng khoảng 3500 từ. Có kỹ năng dịch những câu phức tạp, các đoạn văn khó.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	- Dịch được câu phức tạp, và các đoạn văn khó phù hợp với vốn từ vựng trung cấp.	- GV thuyết trình - SV Thảo luận nhóm.	- Kiểm tra giữa kỳ. Kiểm tra cuối kỳ.	- Tích lũy khoảng 3500 từ vựng. - Phân biệt được cách sử dụng của những từ vựng gần nghĩa trong tiếng Hán. - Nắm được các dạng mẫu câu nâng cao để ứng dụng trong dịch thuật.	- Vận dụng linh hoạt, nhuần nhuyễn những từ vựng và cấu trúc đã học để ứng dụng vào việc dịch thuật Việt – Hán, Hán – Việt.	- Tự tin hơn trong việc biên, phiên dịch Việt – Hán, Hán – Việt.

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Giáo trình:

??(2003), ?? — ???????? (?), ?????????

- Tài liệu tham khảo:

1) ???(2003), ???????, ??????

2) Lưu Nguyệt Hoa(2006), Ngữ pháp thực hành tiếng Hán hiện đại, quyển thượng, Nhà xuất bản văn hóa thông tin

3) Lưu Nguyệt Hoa(2006), Ngữ pháp thực hành tiếng Hán hiện đại, quyển hạ, Nhà xuất bản

văn hóa thông tin

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Hàng ngày Giữa kỳ	- Chuyên cần, thái độ học tập - Bài tập - Kiểm tra giữa kỳ	5 % 5 % 90 %	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	Thi cuối kỳ	100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

#### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Chuyên cần: Số lần vắng dưới 20% số buổi học thì được điểm 5%, số lần vắng trên 20% số buổi học thì không được điểm chuyên cần.

- Bài tập: Số lần không làm bài tập dưới 20% số buổi học thì được điểm 5%, số lần không làm bài tập trên 20% số buổi học thì không được điểm bài tập.

- Xếp loại đánh giá:

Điểm	Xếp loại
<3.5	Kém
3.5 - <5	Yếu
5 - <7	Trung bình
7 - <9	Khá
9 - 10	Giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: Viết

Nội dung thi: Gồm 2 phần.

- o Trung sang Việt:
  - Dịch đoạn văn sau đây sang tiếng Việt
- o Việt sang Trung: Chọn hoặc kết hợp các dạng sau.
  - Dịch đoạn văn sau đây sang tiếng Trung (bắt buộc có)
  - Dịch các câu sau đây sang tiếng Trung

Thời lượng: kiểm tra giữa kỳ (khoảng 45 phút), kiểm tra cuối kỳ (90 phút)

Tiêu chí chấm điểm:

- o 0,25 điểm làm tròn thành 0,5 điểm. 0,75 điểm làm tròn thành 1,0 điểm.
- o Làm đúng, trình bày rõ ràng, sạch đẹp.

- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm:

KẾT QUẢ HỌC TẬP					
Mức	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	9 - 10	7 - <9	5 - <7	3.5 - <5	<3.5
Năng lực	- Vận dụng được 90% đến 100% kiến thức đã học vào bài dịch những câu phức tạp và các đoạn văn khó trình độ trung cấp.	- Vận dụng được 70% đến 80% kiến thức đã học vào bài dịch những câu phức tạp và các đoạn văn khó trình độ trung cấp.	- Vận dụng được 50% đến 60% kiến thức đã học vào bài dịch những câu phức tạp và các đoạn văn khó trình độ trung cấp.	- Xác định được những từ vựng và cấu trúc đã học trong các bài dịch nhưng chưa dịch được.	- Không xác định được những từ vựng và cấu trúc đã học trong các bài dịch và không dịch được.

## 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Phải tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp.

- Phải đọc tài liệu chính và chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Tích cực tham gia đóng góp ý kiến và thảo luận trong giờ học.
- Hoàn thành các bài tập được giao trên lớp và khi về nhà.
- Đọc tài liệu tham khảo

### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Nếu vắng học quá 20% số tiết sẽ bị cấm thi cuối kỳ.
- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.
- Sinh viên phải chấp hành đúng quy chế của nhà trường khi tham gia các kỳ thi: không quay cóp, không trao đổi bài, không sử dụng điện thoại di động và các thiết bị nghe nhìn...Nếu vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định của nhà trường.

### 11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

- Qua email hoặc điện thoại.

## 12. Nội dung chi tiết môn học:

### Bài 16. ?????

1. Giảng các từ và cấu trúc câu cần chú ý khi dịch: ?????????????????????????????
2. Bài dịch thực hành Hán Việt và Việt Hán.
3. Dịch các câu có dùng từ hoặc kết cấu: ??? (? ) ...?????...??...?...????(? 4) ??????????... ?...
4. Dịch bài khoá: ?????

### Bài 17. ????

14. Sửa bài tập dịch về nhà bài 16.
15. Giảng các từ và cấu trúc câu cần chú ý khi dịch: ?????????????????????????????
16. Bài dịch thực hành Hán Việt và Việt Hán.
17. Dịch các câu có dùng từ hoặc kết cấu: ...?...??...?...??????...????...
18. ...???????
19. Dịch bài khoá: ????

### Bài 19. ????

1. Sửa bài tập dịch về nhà bài 17.
2. Giảng các từ và cấu trúc câu cần chú ý khi dịch: ?????????????????????????????

3. Bài dịch thực hành Hán Việt và Việt Hán.
4. Dịch các câu có dùng từ hoặc kết cấu: ??? ??? ??.....????????????(?)??????
5. Dịch bài khoá: ?????

**Bài 20. ????**

1. Sửa bài tập dịch về nhà bài 19.
2. Giảng các từ và cấu trúc câu cần chú ý khi dịch: ??????????????????????????
3. Bài dịch thực hành Hán Việt và Việt Hán.
4. Dịch các câu có dùng từ hoặc kết cấu: ??????????.....?.....?????????????.....???.....?...  
...?.....?
5. Dịch bài khoá: ????

**Bài 21. ??**

14. Sửa bài tập dịch về nhà bài 20
15. Giảng các từ và cấu trúc câu cần chú ý khi dịch: ??????????????????????????
16. Bài dịch thực hành Hán Việt và Việt Hán.
17. Dịch các câu có dùng từ hoặc kết cấu: ?.....?.....?????????????????.....?.....???????
18. Dịch bài khoá: ??

**Bài 26. ????**

Sửa bài tập về nhà bài 21

- b. Giảng các từ và cấu trúc câu cần chú ý khi dịch: ??????????????????????????
- c. Bài dịch thực hành Hán Việt và Việt Hán.
- d. Dịch các câu có dùng từ hoặc kết cấu: ????......?.....?????????????????????.....??.....?  
???(? 5)????
- e. Dịch bài khoá : ????

**Bài 27. ??**

10. Sửa bài tập về nhà bài 26.
11. Giảng các từ và cấu trúc câu cần chú ý khi dịch: ??????????????????????????
12. Bài dịch thực hành Hán Việt và Việt Hán.
13. Dịch các câu có dùng từ hoặc kết cấu: ?(?? 2)?????????.....??.....?????????????????????
14. Dịch bài khoá: ??

**Bài 28. ??????????**

10. Sửa bài tập về nhà bài 27.
11. Giảng các từ và cấu trúc câu cần chú ý khi dịch: ??????????????????????????
12. Bài dịch thực hành Hán Việt và Việt Hán.
13. Dịch các câu có dùng từ hoặc kết cấu: ?.....(??)?????????????????????????
14. Dịch bài khoá: ??????????

**Bài 29. ???**

10. Sửa bài tập về nhà bài 28.
11. Giảng các từ và cấu trúc câu cần chú ý khi dịch: ??????????????????????????????
12. Bài dịch thực hành Hán Việt và Việt Hán.
13. Dịch các câu có dùng từ hoặc kết cấu: ????......(?) ??????.....?????????.....?.....???????????
14. Dịch bài khóa: ???
15. Sửa bài tập bài 29

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	Ôn kiến thức cơ bản trong chương trình môn dịch TC2. Bài 16. ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV làm bài tập thực hành</li> <li>- SV thuyết trình theo nhóm</li> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV đọc sách trang 1</li> <li>- SV thảo luận</li> </ul>	<p>???????</p> <p>Ngữ pháp thực hành tiếng Hán hiện đại</p> <p>?? — ?????????? (?)</p>
2	5	Bài 17. ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV thuyết trình theo nhóm</li> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV đọc sách trang 19</li> <li>- SV thảo luận</li> </ul>	
3	5	Bài 19 : ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV thuyết trình theo nhóm</li> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV đọc sách trang 63</li> <li>- SV thảo luận</li> </ul>	<p>?????????</p> <p>????</p> <p>?? — ?????????? (?)</p>
4	5	Bài 20 : ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV thuyết trình theo nhóm</li> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV đọc sách trang 85</li> <li>- SV thảo luận</li> </ul>	?? — ?????????? (?)
5	5	Bài 21 : ??	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV thuyết trình theo nhóm</li> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV đọc sách trang 107</li> </ul>	?? — ?????????? (?)



6	5	Bài 26 : ????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV thuyết trình theo nhóm</li> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV đọc sách trang 222</li> <li>- SV thảo luận</li> </ul>	?? — ?????????? (?)
7	5	Kiểm tra giữa kỳ. Bài 27: ??	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV thuyết trình theo nhóm</li> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- Làm bài kiểm tra giữa kỳ</li> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV đọc sách trang 243</li> <li>- SV thảo luận</li> </ul>	?? — ?????????? (?)
8	5	Bài 28 : ??????????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV thuyết trình theo nhóm</li> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV đọc sách trang 265</li> <li>- SV chơi trò chơi</li> </ul>	?? — ?????????? (?)
9	5	Bài 29 : ??? Ôn tập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV thuyết trình theo nhóm.</li> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV thuyết trình.</li> <li>- SV đọc sách trang 285.</li> <li>- SV thảo luận.</li> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- Tổng hợp kiến thức đã học.</li> </ul>	?? — ?????????? (?)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 07 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

**PGS.TS Nguyễn Đình Phúc**

**ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng**

**TS. Khưu Chí Minh**

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia*

*giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học** (có thể dùng bảng hoặc không)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	
-------------------------------	--

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

Tên tiếng Việt: **Ngữ pháp TC3 (khối D1)**

- Mã môn học: NVT054

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		<input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 3

3. Trình độ: dành cho sinh viên năm thứ 2

4. Phân bố thời gian: 60 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thực hành: 15 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 15 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Ngữ pháp TC2

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Người học bắt buộc phải hoàn tất chương trình Ngữ pháp trung cấp 2, nắm vững khoảng 3000 từ.

6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Tiến hành giảng dạy các điểm ngữ pháp, các cấu trúc ngữ

pháp nâng cao.

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Học phần Ngữ pháp trung cấp 3 giúp người học củng cố và mở rộng các điểm ngữ pháp một cách có hệ thống, từ đó nâng cao trình độ ứng dụng Hán ngữ vào các loại hình diễn đạt khác nhau. Đây là bước đệm quan trọng để chuyển tiếp sang chương trình Hán ngữ cao cấp.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể nắm vững và sử dụng tương đối thành thạo vốn từ vựng khoảng 3500 từ; sử dụng thuần thục những điểm ngữ pháp nâng cao để diễn đạt những câu phức tạp.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

	<p>- Diễn đạt hoặc lý giải được một cách chuẩn xác các câu từ đơn giản đến phức tạp.</p> <p>- Đặt được các câu khó và dài với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp trung cấp.</p>	<p>- GV thuyết trình.</p> <p>- SV Thảo luận nhóm.</p>	<p>- Kiểm tra giữa kỳ.</p> <p>- Kiểm tra cuối kỳ.</p>	<p>- Tích lũy khoảng 3500 từ vựng.</p> <p>- Phân biệt được những điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau trong tiếng Hán.</p> <p>- Nắm vững được những kết cấu ngữ pháp nâng cao để ứng dụng trong các loại hình diễn đạt khác nhau.</p>	<p>- Vận dụng linh hoạt và thuần thục những từ vựng, cấu trúc ngữ pháp đã học để nâng cao khả năng diễn đạt bằng tiếng Hán.</p>	<p>- Tự tin hơn trong các công việc có sử dụng tiếng Hán như: biên phiên dịch Việt – Hán, Hán – Việt.</p>
--	---	---	---	---	---	---

## 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Giáo trình:

??(2003), ?? — ???????? (?), ?????????

- Tài liệu tham khảo:

1) ???(2003), ???????, ??????

2) Lưu Nguyệt Hoa( 2006) , Ngữ pháp thực hành tiếng Hán hiện đại, quyển thượng, Nhà xuất bản văn hóa thông tin

3) Lưu Nguyệt Hoa( 2006) , Ngữ pháp thực hành tiếng Hán hiện đại, quyển hạ, Nhà xuất bản văn hóa thông tin

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Hàng ngày	- Chuyên cần, thái độ học tập	5 %	Điểm giữa kỳ	30%
Giữa kỳ	- Bài tập	5 %		
	- Kiểm tra giữa kỳ	90 %		
Cuối kỳ	Thi cuối kỳ	100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Chuyên cần: Số lần vắng dưới 20% số buổi học thì được điểm 5%, số lần vắng trên 20% số buổi học thì không được điểm chuyên cần.

- Bài tập: Số lần không làm bài tập dưới 20% số buổi học thì được điểm 5%, số lần không làm bài tập trên 20% số buổi học thì không được điểm bài tập.

- Xếp loại đánh giá:

Điểm	Xếp loại
<3.5	Kém
3.5 - <5	Yếu
5 - <7	Trung bình
7 - <9	Khá
9 - 10	Giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: Viết

Nội dung thi: Kết hợp nhiều dạng câu hỏi, điểm của mỗi dạng câu hỏi từ 1 đến 3 điểm, tùy theo độ dài và khó của câu hỏi.

o Chọn những dạng câu hỏi sau:

- Chọn A,B,C hoặc D (chọn từ hoặc thành phần câu thích hợp điền vào chỗ trống)
- Chọn A,B,C hoặc D (xác định thành phần câu cho từ được gạch dưới trong câu)
- Chọn A,B,C hoặc D (chọn vị trí thích hợp trong câu cho từ trong ngoặc)
- Chọn A,B,C hoặc D (chọn từ thích hợp điền vào đoạn văn)
- Giải thích từ ngữ được gạch dưới (bằng tiếng trung)
- Hoàn thành câu với từ đã cho
- Dựa vào câu mẫu để đặt câu với từ được gạch dưới trong đó
- Sắp xếp trật tự từ thành câu hoàn chỉnh
- Sửa câu sai
- Điền từ vào chỗ trống cho đoạn văn
- Chọn từ trong số những từ đã cho điền vào chỗ trống
- Đặt câu với từ đã cho
- Hoàn thành câu với từ đã cho
- Dựa vào câu mẫu để đặt câu với từ được gạch dưới trong đó

Thời lượng: kiểm tra giữa kỳ (khoảng 45 phút), kiểm tra cuối kỳ (trắc nghiệm 60 phút, tự luận 90 phút)

Tiêu chí chấm điểm:

- o 0,25 điểm làm tròn thành 0,5 điểm. 0,75 điểm làm tròn thành 1,0 điểm.
- o Làm đúng, trình bày rõ ràng, sạch đẹp.

- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm:

KẾT QUẢ HỌC TẬP					
Mức	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	9 - 10	7 - <9	5 - <7	3.5 - <5	<3.5
Năng lực	- Vận dụng được 90% đến 100% những điểm ngữ pháp nâng cao để diễn đạt những câu phức tạp. Phân biệt được 90% đến 100% những điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau trong tiếng Hán.	- Vận dụng được 70% đến 80% những điểm ngữ pháp nâng cao để diễn đạt những câu phức tạp. Phân biệt được 70% đến 80% những điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau trong tiếng Hán.	- Vận dụng được 50% đến 60% những điểm ngữ pháp nâng cao để diễn đạt những câu phức tạp. Phân biệt được 50% đến 60% những điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau trong tiếng Hán.	- Xác định được những điểm ngữ pháp nâng cao. Phân biệt được một số điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau trong tiếng Hán.	- Không xác định được những điểm ngữ pháp nâng cao. Không phân biệt được các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau trong tiếng Hán.

## 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Phải tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp.
- Phải đọc tài liệu chính và chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Tích cực tham gia đóng góp ý kiến và thảo luận trong giờ học.
- Hoàn thành các bài tập được giao trên lớp và khi về nhà.
- Đọc tài liệu tham khảo

### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ



- Nếu vắng học quá 20% số tiết sẽ bị cấm thi cuối kỳ.
- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.
- Sinh viên phải chấp hành đúng qui chế của nhà trường khi tham gia các kỳ thi: không quay cóp, không trao đổi bài, không sử dụng điện thoại di động và các thiết bị nghe nhìn...Nếu vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định của nhà trường.

### 11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

- Qua email hoặc điện thoại.

## 12. Nội dung chi tiết môn học:

### Bài 16. ?????

5. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 16: ??? ?(??) ...????? ...?? ...? ...????( ?<sub>4</sub>) ?????????? ...?  
...
6. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
7. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ?????

### Bài 17. ????

1. Sửa bài tập về nhà bài 16
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 17: ...? ...?? ...? ...?????? ...???? ...
3. ...???????
4. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
5. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ????

### Bài 19. ?????

1. Sửa bài tập về nhà bài 17
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 19: ??? ??? ?? ...????????????( ?) ?????

3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
4. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ?????

**Bài 20. ????**

20. Sửa bài tập về nhà bài 19
21. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 20: ??????????.....?.....?????????????.....???......?...  
...?.....?
22. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
23. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ????

**Bài 21. ??**

19. Sửa bài tập về nhà bài 20
20. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 21: ?.....?.....?????????????????.....?.....?????????
21. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
22. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ??

**Bài 26. ????**

Sửa bài tập về nhà bài 21

Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 26: ?????.....?.....????????????????????????????????????.....??...  
...?????(? 5) ???

Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.

4. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ????

**Bài 27. ??**

15. Sửa bài tập về nhà bài 26.

16. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 27: ?(?? 2) ??????.....??.....????????????????????
17. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
18. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ??

**Bài 28. ??????????**

15. Sửa bài tập về nhà bài 27.
16. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 28: ?.....(??) ?????????????????????????????
17. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
18. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ??????????

**Bài 29. ???**

16. Sửa bài tập về nhà bài 28.
17. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 29: ????.....( ?) ??????.....????????.....?.....??????????  
?
18. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
19. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ???
20. Sửa bài tập bài 29

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
-------------	------------------	------------------	--	--------------------------------------

1	5	Ôn kiến thức cơ bản trong chương trình môn ngữ pháp trung cấp 2. Giới thiệu môn học ngữ pháp trung cấp 3.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV làm bài tập thực hành</li> </ul>	<p>???????</p> <p>Ngữ pháp thực hành tiếng Hán hiện đại</p> <p>?? — ?????????? (?)</p>
2	5	Bài 16. ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- SV đọc sách trang 1</li> <li>- SV tiến hành tra cứu và chuẩn bị trước những nội dung có liên quan đến các điểm ngữ pháp trong bài, và khi lên lớp sẽ tiến hành thuyết trình theo nhóm.</li> <li>- SV thảo luận</li> <li>- GV dựa trên phần trình bày và thảo luận của sinh viên tiến hành nhận xét, chỉnh sửa và tổng kết thành bài học.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài để củng cố thêm kiến thức cho SV.</li> </ul>	

3	5	Bài 17. ????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- SV đọc sách trang 19</li> <li>- SV tiến hành tra cứu và chuẩn bị trước những nội dung có liên quan đến các điểm ngữ pháp trong bài, và khi lên lớp sẽ tiến hành thuyết trình theo nhóm.</li> <li>- SV thảo luận</li> <li>- GV dựa trên phần trình bày và thảo luận của sinh viên tiến hành nhận xét, chỉnh sửa và tổng kết thành bài học.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài để củng cố thêm kiến thức cho SV.</li> </ul>	
4	5	Bài 19 : ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- SV đọc sách trang 63</li> <li>- SV tiến hành tra cứu và chuẩn bị trước những nội dung có liên quan đến các điểm ngữ pháp trong bài, và khi lên lớp sẽ tiến hành thuyết trình theo nhóm.</li> <li>- SV thảo luận</li> <li>- GV dựa trên phần trình bày và thảo luận của sinh viên tiến hành nhận xét, chỉnh sửa và tổng kết thành bài học.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài để củng cố thêm kiến thức cho SV.</li> </ul>	

5	5	Bài 20 : ???	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- SV đọc sách trang 85</li> <li>- SV tiến hành tra cứu và chuẩn bị trước những nội dung có liên quan đến các điểm ngữ pháp trong bài, và khi lên lớp sẽ tiến hành thuyết trình theo nhóm.</li> <li>- SV thảo luận</li> <li>- GV dựa trên phần trình bày và thảo luận của sinh viên tiến hành nhận xét, chỉnh sửa và tổng kết thành bài học.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài để củng cố thêm kiến thức cho SV.</li> </ul>	?? — ???????? (?)  ???????
6	5	Bài 21 : ??	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- SV đọc sách trang 107</li> <li>- SV tiến hành tra cứu và chuẩn bị trước những nội dung có liên quan đến các điểm ngữ pháp trong bài, và khi lên lớp sẽ tiến hành thuyết trình theo nhóm.</li> <li>- SV thảo luận</li> <li>- GV dựa trên phần trình bày và thảo luận của sinh viên tiến hành nhận xét, chỉnh sửa và tổng kết thành bài học.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài để củng cố thêm kiến thức cho SV.</li> </ul>	?? — ???????? (?)  ???????

7	5	Bài 26 : ????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- SV đọc sách trang 222</li> <li>- SV tiến hành tra cứu và chuẩn bị trước những nội dung có liên quan đến các điểm ngữ pháp trong bài, và khi lên lớp sẽ tiến hành thuyết trình theo nhóm.</li> <li>- SV thảo luận</li> <li>- GV dựa trên phần trình bày và thảo luận của sinh viên tiến hành nhận xét, chỉnh sửa và tổng kết thành bài học.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài để củng cố thêm kiến thức cho SV.</li> </ul>	<p>?? — ????????? ( ? )</p> <p>????????</p>
8	5	Kiểm tra giữa kỳ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- Làm bài kiểm tra giữa kỳ.</li> <li>- Xem phim hoặc đọc tài liệu bổ sung.</li> </ul>	<p>?? — ????????? ( ? )</p>

9	5	Bài 27: ??	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- SV đọc sách trang 243</li> <li>- SV tiến hành tra cứu và chuẩn bị trước những nội dung có liên quan đến các điểm ngữ pháp trong bài, và khi lên lớp sẽ tiến hành thuyết trình theo nhóm.</li> <li>- SV thảo luận</li> <li>- GV dựa trên phần trình bày và thảo luận của sinh viên tiến hành nhận xét, chỉnh sửa và tổng kết thành bài học.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài để củng cố thêm kiến thức cho SV.</li> </ul>	?? — ?????????? (?) ?????????
10	5	Bài 28 : ??????????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- SV đọc sách trang 265</li> <li>- SV tiến hành tra cứu và chuẩn bị trước những nội dung có liên quan đến các điểm ngữ pháp trong bài, và khi lên lớp sẽ tiến hành thuyết trình theo nhóm.</li> <li>- SV thảo luận</li> <li>- GV dựa trên phần trình bày và thảo luận của sinh viên tiến hành nhận xét, chỉnh sửa và tổng kết thành bài học.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài để củng cố thêm kiến thức cho SV.</li> </ul>	?? — ?????????? (?) ?????????



11	5	Bài 29 : ???	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- SV đọc sách trang 285</li> <li>- SV tiến hành tra cứu và chuẩn bị trước những nội dung có liên quan đến các điểm ngữ pháp trong bài, và khi lên lớp sẽ tiến hành thuyết trình theo nhóm.</li> <li>- SV thảo luận</li> <li>- GV dựa trên phần trình bày và thảo luận của sinh viên tiến hành nhận xét, chỉnh sửa và tổng kết thành bài học.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài để củng cố thêm kiến thức cho SV.</li> </ul>	<p>?? — ????????? ( ?)</p> <p>????????</p>
12	5	Ôn tập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- Ôn tập những kiến thức đã học trong học phần Ngữ pháp TC3.</li> <li>- Tổng hợp kiến thức về các điểm ngữ pháp nâng cao đã học ở chương trình Ngữ pháp Trung cấp 1, 2, 3.</li> <li>- Làm một số bài tập tổng hợp để củng cố kiến thức về các điểm ngữ pháp khó, phức tạp đã học ở chương trình Ngữ pháp Trung cấp 1, 2, 3. Giúp sinh viên nắm vững kiến thức để chuẩn bị bước vào giai đoạn Ngữ pháp cao cấp</li> </ul>	<p>?? — ????????? ( ?)</p> <p>Ngữ pháp thực hành tiếng Hán hiện đại</p> <p>????????</p>

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 08 tháng 07 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS. TS NGUYỄN ĐÌNH PHÚC   TS. NGUYỄN VŨ QUỲNH PHƯƠNG   TS. Khuu Chí Minh

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học** (có thể dùng bảng hoặc không)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	
-------------------------------	--

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV**  
**KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học: **Dịch sơ cấp 1 (D1)**

- Mã môn học: NVT056

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		<input checked="" type="checkbox"/>			
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

**2. Số tín chỉ: 3**

**3. Trình độ:** dành cho sinh viên năm thứ 1

**4. Phân bố thời gian: 75 tiết**

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thực hành: 30 tiết

- Các hoạt động khác: (*bài tập, trò chơi, đố vui, diễn kịch, xem phim, ...*): 5 tiết

- Tự học: 10 tiết

**5. Điều kiện tiên quyết:** không

**6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Đây là môn học bắt buộc đối với tất cả các sinh viên năm thứ nhất khi bước vào học kỳ đầu tiên (học kỳ 1, năm I). Môn học gồm 35 bài cụ thể, mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khoá, ngữ âm, ngữ pháp, bài tập. Môn học rèn luyện kỹ năng dịch Việt – Hán, Hán – Việt, giúp sinh viên vận dụng thông thạo các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng đã học trong dịch thuật Việt – Hán, Hán – Việt, đồng thời tạo kiến thức nền để sinh viên tiếp tục học chương trình Dịch sơ cấp 2.

### **7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:**

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên năm thứ nhất kiến thức và kỹ năng (lý thuyết và thực hành) về dịch sơ cấp Việt – Hán và Hán - Việt với các câu, các đoạn văn đơn giản, phù hợp với vốn từ vựng sơ cấp (khoảng 1000 từ). Môn học giúp sinh viên nắm được các kỹ năng dịch thuật cơ bản, góp phần bồi dưỡng và nâng cao năng lực dịch cho sinh viên năm thứ nhất ngành ngữ văn Trung Quốc.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

+ Hình thành và từng bước hoàn thiện kỹ năng dịch thuật cơ bản

+ Có khả năng dịch một số câu và đoạn văn đơn giản

+ Áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng thành thạo tiếng Hán cơ bản.

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
-----	--	--------------------------	------------------------------

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thành và từng bước hoàn thiện kỹ năng dịch thuật cơ bản</li> <li>- Có khả năng dịch một số câu và đoạn văn đơn giản</li> <li>- Áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng thành thạo tiếng Hán cơ bản</li> </ul>	<p>GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>SV thực hành đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng trình bày trong thực hành trên lớp</li> <li>- Đối thoại với GV trên lớp</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ, kết thúc môn</li> </ul>
--	--	---

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành
- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

<p>- Hình thành và từng bước hoàn thiện kỹ năng dịch thuật cơ bản</p> <p>- Có khả năng dịch một số câu và đoạn văn đơn giản</p> <p>- Áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng thành thạo tiếng Hán cơ bản</p>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.</p>	<p>- Dự lớp: tối thiểu 80% các buổi học sinh viên mới được phép dự thi</p> <p>- Kỹ năng trình bày trong thực hành trên lớp</p> <p>- Tương tác giữa giáo viên và SV trên lớp</p> <p>- Kiểm tra giữa kỳ, kết thúc môn</p>	<p>PLO1</p> <p>Nắm được những kiến thức cơ bản về dịch thuật, ngữ âm và ngữ pháp trong tiếng Hán (trình độ sơ cấp)</p>	<p>PLO2</p> <p>Hình thành và từng bước hoàn thiện kỹ năng dịch thuật cơ bản</p>	<p>PLO3</p> <p>- Thái độ học tập tích cực, thấy được sự quan trọng của việc nắm vững kiến thức dịch thuật.</p> <p>- Thấy được tầm quan trọng của kỹ năng dịch thuật trong đời sống hàng ngày.</p> <p>- Tự tin hơn trong giao tiếp và các công việc có liên quan đến dịch thuật</p>
---	--	---	--	---	--

## 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính:

- [1] ??? (2006), ??????(???) (?)(???), ??????????, ???
- [2] ??? (2006), ??????(???) (?)(???), ??????????, ???
- [3] ??? (2006), ??????(???) (?)(???), ??????????, ???

- Tài liệu tham khảo/bổ sung :

Trương Gia Quyền, Trương Lệ Mai (2012), *Học ngữ pháp tiếng Hoa thật đơn giản*, Nxb Văn hóa – văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh.

#### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Giữa kỳ	- Chuyên cần - Thái độ học tập trên lớp - Bài tập - Kiểm tra giữa kỳ	10% 10% 30% 50% <b>100%</b>	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	- Chuyên cần - Thái độ học tập trên lớp - Bài tập - Kiểm tra cuối kỳ	10% 10% 30% 50% <b>100%</b>	Điểm cuối kỳ	70%
				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>

#### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Chuyên cần: Số lần vắng dưới 20% số buổi học thì được điểm 10%, số lần vắng trên 20% số buổi học thì không được điểm chuyên cần.

- Bài tập: Số lần không làm bài tập dưới 20% số buổi học thì được điểm 30%, số lần không làm bài tập trên 20% số buổi học thì không được điểm bài tập.

- Thái độ học tập trên lớp: Không tập trung nghe giảng, không tích cực tham gia vào bài học, không

chuẩn bị bài tập GV giao trước sẽ không có điểm cho phần này.

- Xếp loại đánh giá:

<b>Điểm</b>	<b>Xếp loại</b>
5 - <7	Trung bình
7 - <9	Khá
9 - 10	Giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: viết

Nội dung thi: dịch các câu, đoạn văn từ tiếng Hoa sang tiếng Việt và ngược lại

Thời lượng: kiểm tra giữa kỳ (khoảng 45 phút), kiểm tra cuối kỳ (khoảng 90 phút)

Tiêu chí chấm điểm: dịch đúng và suôn sẻ

- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm:

Trung bình: chuyển ngữ đúng 50% - 60% trên tổng số câu cần dịch

Khá: chuyển ngữ đúng 70% - 80% trên tổng số câu cần dịch

Giỏi: chuyển ngữ đúng và suôn sẻ 90% - 100%.

## **11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

### **11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định

- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp mới được phép dự thi

- Tuyệt đối không được làm việc riêng, gây mất trật tự và ăn uống trong giờ học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp

- Làm các bài tập trong giáo trình và bài tập do giảng viên cung cấp

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ

- Không tham dự quá 20% tổng số tiết sẽ bị cấm thi

## **12. Nội dung chi tiết môn học:**



### **Bài 1: ??**

1. Từ vựng: (từ mới trang 1-2)
2. Bài khóa
3. Ngữ âm:
  - Giới thiệu các thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu cơ bản trong tiếng Hán
  - Cách đọc hai thanh ba đi liền nhau
4. Bài tập

### **Bài 2: ?????**

1. Từ vựng: (từ mới trang 13-14)
2. Bài khóa
3. Ngữ âm:
  - Giới thiệu các thanh mẫu, vận mẫu cơ bản trong tiếng Hán (tiếp theo)
  - Khinh thanh, cách biến âm của từ “”
4. Ngữ pháp: các đại từ nhân xưng; trợ từ nghi vấn ?
5. Bài tập

### **Bài 3: ???**

1. Từ vựng: (từ mới trang 20-21)
2. Bài khóa
3. Ngữ âm: giới thiệu các thanh mẫu, vận mẫu cơ bản trong tiếng Hán (tiếp theo)
4. Ngữ pháp: giới thiệu một số mẫu câu cơ bản
5. Bài tập

### **Bài 4: ?????**

1. Từ vựng: (từ mới trang 29-30)
2. Bài khóa
3. Ngữ âm:
  - Giới thiệu các thanh mẫu, vận mẫu cơ bản trong tiếng Hán (tiếp theo)

- Giới thiệu vận mẫu ? và sự kết hợp của nó với các vận mẫu khác
- 4. Ngữ pháp: số đếm; đại từ nghi vấn ???Đại từ chỉ thị ?, ?, ??, ??; thứ, ngày; danh từ chỉ thời gian; tân ngữ
- 5. Bài tập

#### **Bài 5: ?????**

1. Từ vựng: (từ mới trang 38)
2. Bài khóa
3. Ngữ âm:
  - Giới thiệu các thanh mẫu, vận mẫu cơ bản trong tiếng Hán (tiếp theo)
  - Cách đếm số
4. Ngữ pháp: cách giới thiệu người thứ 3, cách nói cảm ơn
5. Bài tập

#### **Bài 6: ?????**

1. Từ vựng: (từ mới trang 48-50)
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: đại từ nghi vấn: ??; ?; ?, cách hỏi họ tên
4. Bài tập

#### **Bài 7: ?????**

1. Từ vựng: (từ mới trang 57-58)
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: lượng từ; ??
4. Bài tập

#### **Bài 8: ????????**

1. Từ vựng: (từ mới trang 64-65)
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: trợ từ ?, “?”và“?”
4. Bài tập

**Bài 9: ?????**

1. Từ vựng: (từ mới trang 71-72)
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: đơn vị tiền tệ; số đếm; danh lượng từ
4. Bài tập

**Bài 10: ????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 77-78)
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: trật tự từ trong 1 câu; câu vị ngữ động từ; cách đọc số
8. Bài tập

**Bài 11: ???????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 88)
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: câu hỏi với ?; trạng ngữ; phó từ ? và ?
8. Bài tập

**Bài 12: ??????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 99-100)
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: đại từ nghi vấn; trợ từ kết cấu ?; giới từ ? và ?
8. Bài tập

**Bài 13: ??????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 112)
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: câu vị ngữ tính từ; câu hỏi chính phủ; cụm từ chữ ?
8. Bài tập

**Bài 14: ??????????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 126)

6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: câu có vị ngữ là cụm chủ - vị; câu hỏi lựa chọn “.... ??...”; câu hỏi rút gọn “... ??”
8. Bài tập

**Bài 15: ????????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 139)
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: câu chữ ? ; cách đọc số; “?” và “??”
8. Bài tập

**Bài 16: ????????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 3)
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: trạng ngữ chỉ thời gian; “??” và “??”
8. Bài tập

**Bài 17: ????????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 17)
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: “?”, “??” và “?”; động từ mang hai tân ngữ
8. Bài tập

**Bài 18: ????????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 30)
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: câu liên động
8. Bài tập

**Bài 19: ??????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 42)
6. Bài khóa

7. Ngữ pháp: đơn vị tiền tệ Trung Quốc; động từ trùng điệp; ?.....?.....; “???” và “???”
8. Bài tập

**Bài 20: ???????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 42)
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: câu vị ngữ danh từ; cách đọc năm, tháng, ngày; ngữ điệu nghi vấn
8. Bài tập

**Bài 21: ?????????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 70)
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: cách biểu đạt thời gian
8. Bài tập

**Bài 22: ?????????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 84)
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: Câu kiêm ngữ
8. Bài tập

**Bài 23: ?????????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 98)
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: phương vị từ; cách biểu đạt sự tồn tại; giới từ “?”?“?”?“?”
8. Bài tập

**Bài 24: ???????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 116)
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: động từ năng nguyện; hỏi nguyên nhân
8. Bài tập

**Bài 25: ??????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 131)
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: bổ ngữ trạng thái (1)
8. Bài tập

**Bài 26: ???????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 147)
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: trợ từ ngữ khí ?, “?” và “?”
8. Bài tập

**Bài 27: ?????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 163)
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: trợ từ động thái ?; “??... ?? ... ”
8. Bài tập

**Bài 28: ?????????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 180)
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: phó từ ? và ? ; ??..., ? ... ; ?? ... ?? ...
8. Bài tập

**Bài 29: ??????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 195)
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: bổ ngữ kết quả; bổ ngữ kết quả ?????? ; cụm chủ - vị làm định ngữ
8. Bài tập

**Bài 30: ?????????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 211)

6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: bổ ngữ thời lượng; cách biểu đạt số ước lượng; động từ li hợp
8. Bài tập

**Bài 1: ????????**

9. Từ vựng: (từ mới trang 3)
10. Bài khóa
11. Ngữ pháp: câu so sánh ( ? ) , câu cảm thán
12. Bài tập

**Bài 2: ??????????????**

9. Từ vựng: (từ mới trang 24)
10. Bài khóa
11. Ngữ pháp: câu so sánh ( ? ... ??/??? ); ?? ... ?? ...
12. Bài tập

**Bài 3: ??????**

9. Từ vựng: (từ mới trang 40)
10. Bài khóa
11. Ngữ pháp: trợ từ ngữ khí ?(2); biểu thị động tác sắp phát sinh; trợ từ kết cấu ?; câu đặc biệt
12. Bài tập

**Bài 4: ?????, ?????**

9. Từ vựng: (từ mới trang 56)
10. Bài khóa
11. Ngữ pháp: bổ ngữ xu hướng đơn
12. Bài tập

**Bài 5: ??????????????**

9. Từ vựng: (từ mới trang 73)
10. Bài khóa
11. Ngữ pháp: trợ từ động thái ?; bổ ngữ động lượng; số thứ tự

12. Bài tập

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

<b>Buổi</b> / <b>Tuần</b> <b>n</b>	<b>Số</b> <b>tiết</b> <b>trên</b> <b>lớp</b>	<b>Nội dung bài học</b>	<b>Hoạt động dạy</b> <b>và học</b> <b>Hoặc Nhiệm vụ</b> <b>của SV</b>	<b>Tài liệu cần</b> <b>đọc</b> <i>(mô tả chi</i> <i>tiết)</i>
---	---	-------------------------	--	--



1	5	<p><b>Bài 1: ??</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 1-2)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ âm: <ul style="list-style-type: none"> <li>-Giới thiệu các thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu cơ bản trong tiếng Hán</li> <li>-Cách đọc hai thanh ba đi liền nhau</li> </ul> </li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 2: ?????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 13-14)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ âm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu các thanh mẫu, vận mẫu cơ bản trong tiếng Hán (tiếp theo)</li> <li>- Khinh thanh, cách biến âm của từ “ ”</li> </ul> </li> <li>4. Ngữ pháp: các đại từ nhân xưng; trợ từ nghi vấn ?</li> <li>5. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 3: ???</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 20-21)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ âm: giới thiệu các thanh mẫu, vận mẫu cơ bản trong tiếng Hán (tiếp theo)</li> <li>4. Ngữ pháp: giới thiệu một số mẫu câu cơ bản</li> <li>5. Bài tập</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp có liên quan trong bài.</li> <li>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu học tập chính số [1] tương ứng nội dung học tập tuần 1.</li> </ul>
---	---	---	--	--

2	5	<p><b>Bài 4: ?????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 29-30)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ âm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu các thanh mẫu, vận mẫu cơ bản trong tiếng Hán (tiếp theo)</li> <li>- Giới thiệu vận mẫu ? và sự kết hợp của nó với các vận mẫu khác</li> </ul> </li> <li>4. Ngữ pháp: số đếm; đại từ nghi vấn ? ??Đại từ chỉ thị ?, ?, ??, ??; thứ, ngày; danh từ chỉ thời gian; tân ngữ</li> <li>5. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 5: ?????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 38)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ âm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu các thanh mẫu, vận mẫu cơ bản trong tiếng Hán (tiếp theo)</li> <li>- Cách đếm số</li> </ul> </li> <li>4. Ngữ pháp: cách giới thiệu người thứ 3, cách nói cảm ơn</li> <li>5. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 6: ?????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 48-50)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: đại từ nghi vấn: ??; ?; ?, cách hỏi họ tên</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp có liên quan trong bài.</li> <li>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu học tập chính số [1] tương ứng nội dung học tập tuần 2.</li> </ul>
---	---	---	--	--

3	5	<p><b>Bài 7: ????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 57-58)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: lượng từ; ??</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 8: ????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 64-65)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: trợ từ ?, “?” và “?”</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 9: ??????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 71-72)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: đơn vị tiền tệ; số đếm; danh lượng từ</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [1] tương ứng nội dung học tập tuần 3.</p>
---	---	---	--	---

4	5	<p><b>Bài 10: ????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 77-78)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: trật tự từ trong 1 câu; câu vị ngữ động từ; cách đọc số</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 11: ???????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 88)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: câu hỏi với ?; trạng ngữ; phó từ ? và ?</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 12: ??????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>5. Từ vựng: (từ mới trang 99-100)</li> <li>6. Bài khóa</li> <li>7. Ngữ pháp: đại từ nghi vấn; trợ từ kết cấu ?; giới từ ? và ?</li> <li>8. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [1] tương ứng nội dung học tập tuần 4.</p>
---	---	---	--	---

5	5	<p><b>Bài 13: ??????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>5. Từ vựng: (từ mới trang 112)</li> <li>6. Bài khóa</li> <li>7. Ngữ pháp: câu vị ngữ tính từ; câu hỏi chính phủ; cụm từ chữ ?</li> <li>8. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 14: ??????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>5. Từ vựng: (từ mới trang 126)</li> <li>6. Bài khóa</li> <li>7. Ngữ pháp: câu có vị ngữ là cụm chủ - vị; câu hỏi lựa chọn “.... ?? ...”; câu hỏi rút gọn “... ??”</li> <li>8. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 15: ??????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>5. Từ vựng: (từ mới trang 139)</li> <li>6. Bài khóa</li> <li>7. Ngữ pháp: câu chữ ? ; cách đọc số; “?” và “??”</li> <li>8. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [1] tương ứng nội dung học tập tuần 5.</p>
---	---	---	--	---

6	5	<p><b>Bài 16: ????????</b></p> <p>5. Từ vựng: (từ mới trang 3)</p> <p>6. Bài khóa</p> <p>7. Ngữ pháp: trạng ngữ chỉ thời gian; “? ?” và “??”</p> <p>8. Bài tập</p> <p><b>Bài 17: ????????</b></p> <p>5. Từ vựng: (từ mới trang 17)</p> <p>6. Bài khóa</p> <p>7. Ngữ pháp: “?”, “??” và “?”; động từ mang hai tân ngữ</p> <p>8. Bài tập</p>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [2] tương ứng nội dung học tập tuần 6.</p>
7	5	<p><b>Bài 18: ????????</b></p> <p>5. Từ vựng: (từ mới trang 30)</p> <p>6. Bài khóa</p> <p>7. Ngữ pháp: câu liên động</p> <p>8. Bài tập</p> <p><b>Bài 19: ????????</b></p> <p>1. Từ vựng: (từ mới trang 42)</p> <p>2. Bài khóa</p> <p>3. Ngữ pháp: đơn vị tiền tệ Trung Quốc; động từ trùng điệp; ?.....?.....; “?? ?” và “???”</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [2] tương ứng nội dung học tập tuần 7.</p>

8	5	<p><b>Bài 20: ??????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 42)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: câu vị ngữ danh từ; cách đọc năm, tháng, ngày; ngữ điệu nghi vấn</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 21: ??????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 70)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: cách biểu đạt thời gian</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [2] tương ứng nội dung học tập tuần 8.</p>
9	5	<p><b>Bài 22: ??????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 84)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: Câu kiêm ngữ</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 23: ??????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 98)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: phương vị từ; cách biểu đạt sự tồn tại; giới từ “?”“?”“?”“?”</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [2] tương ứng nội dung học tập tuần 9.</p>

10	5	<p><b>Bài 24: ??????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 116)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: động từ năng nguyện; hỏi nguyện nhân</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 25: ?????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 131)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: bổ ngữ trạng thái (1)</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [2] tương ứng nội dung học tập tuần 10.</p>
11	5	<p><b>Bài 26: ??????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 147)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: trợ từ ngữ khí ?, “?” và “?”</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 27: ?????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 163)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: trợ từ động thái ?; “??... ?? ...”</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [2] tương ứng nội dung học tập tuần 11.</p>



12	5	<p><b>Bài 28: ????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 180)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: phó từ ? và ? ; ??..., ? ... ; ?? ... ?? ...</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 29: ?????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 195)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: bổ ngữ kết quả; bổ ngữ kết quả ????? ; cụm chủ - vị làm định ngữ</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [2] tương ứng nội dung học tập tuần 12.</p>
13	5	<p><b>Bài 30: ????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 211)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: bổ ngữ thời lượng; cách biểu đạt số ước lượng; động từ li hợp</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 1: ????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>5. Từ vựng: (từ mới trang 3)</li> <li>6. Bài khóa</li> <li>7. Ngữ pháp: câu so sánh ( ? ) , câu cảm thán</li> <li>8. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [2] và [3] tương ứng nội dung học tập tuần 13.</p>

14	5	<p><b>Bài 2: ??????????????</b></p> <p>5. Từ vựng: (từ mới trang 24)</p> <p>6. Bài khóa</p> <p>7. Ngữ pháp: câu so sánh (? ... ??/??? ); ?? ... ?? ...</p> <p>8. Bài tập</p> <p><b>Bài 3: ??????</b></p> <p>5. Từ vựng: (từ mới trang 40)</p> <p>6. Bài khóa</p> <p>7. Ngữ pháp: trợ từ ngữ khí ?(2); biểu thị động tác sắp phát sinh; trợ từ kết cấu ?; câu đặc biệt</p> <p>8. Bài tập</p>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [3] tương ứng nội dung học tập tuần 14.</p>
15	5	<p><b>Bài 4: ?????, ?????</b></p> <p>5. Từ vựng: (từ mới trang 56)</p> <p>6. Bài khóa</p> <p>7. Ngữ pháp: bổ ngữ xu hướng đơn</p> <p>8. Bài tập</p> <p><b>Bài 5: ??????????????</b></p> <p>5. Từ vựng: (từ mới trang 73)</p> <p>6. Bài khóa</p> <p>7. Ngữ pháp: trợ từ động thái ?; bổ ngữ động lượng; số thứ tự</p> <p>8. Bài tập</p>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [3] tương ứng nội dung học tập tuần 15.</p>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng ThS. Huỳnh Nguyễn Thùy Trang

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV**  
**KHOA/BỘ MÔN NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học: **Dịch sơ cấp 2 (D1)**
- Mã môn học: NVT057
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

**2. Số tín chỉ: 4**

**3. Trình độ:** dành cho sinh viên năm thứ 1

**4. Phân bố thời gian:** 90 tiết

- Lý thuyết: 45 tiết
- Thực hành: 30 tiết
- Tự học: 15 tiết

**5. Điều kiện tiên quyết:** Người học bắt buộc phải hoàn tất chương trình dịch sơ cấp 1.

**6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Đây là môn học bắt buộc đối với tất cả các sinh viên năm thứ nhất khi bước vào học kỳ thứ 2 (học kỳ 2, năm I). Môn học gồm 28 bài cụ thể, mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khoá, ngữ pháp, bài tập. Môn học rèn luyện kỹ năng dịch Việt – Hán, Hán – Việt, giúp sinh viên vận dụng thông thạo các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng đã học trong dịch thuật Việt – Hán, Hán – Việt, đồng thời tạo kiến thức nền để sinh viên tiếp tục học chương trình Dịch trung cấp.

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên năm thứ nhất kiến thức và kỹ năng (lý thuyết và thực hành) về dịch sơ cấp Việt – Hán và Hán - Việt với các câu, các đoạn văn đơn giản, phù hợp với vốn từ vựng sơ cấp (khoảng 1000 - 2000 từ). Môn học giúp sinh viên nắm được các kỹ năng dịch thuật cơ bản, góp phần bồi dưỡng và nâng cao năng lực dịch cho sinh viên năm thứ nhất ngành ngữ văn Trung Quốc.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

+ Hình thành và từng bước hoàn thiện kỹ năng dịch thuật cơ bản

+ Có khả năng dịch một số câu và đoạn văn đơn giản

+ Áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng thành thạo tiếng Hán cơ bản.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thành và từng bước hoàn thiện kỹ năng dịch thuật cơ bản</li> <li>- Có khả năng dịch một số câu và đoạn văn đơn giản</li> <li>- Áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng thành thạo tiếng Hán cơ bản</li> </ul>	<p>GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>SV thực hành đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng trình bày trong thực hành trên lớp</li> <li>- Đối thoại với GV trên lớp</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ, kết thúc môn</li> </ul>

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thành và từng bước hoàn thiện kỹ năng dịch thuật cơ bản</li> <li>- Có khả năng dịch một số câu và đoạn văn đơn giản</li> <li>- Áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng thành thạo tiếng Hán cơ bản</li> </ul>	<p>GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>SV thực hành đọc, dịch bài khóa, làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự lớp: tối thiểu 80% các buổi học sinh viên mới được phép dự thi</li> <li>- Kỹ năng trình bày trong thực hành trên lớp</li> <li>- Tương tác giữa giáo viên và SV trên lớp</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ, kết thúc môn</li> </ul>	<p>PLO1 Năm được những kiến thức cơ bản về dịch thuật và ngữ pháp trong tiếng Hán (trình độ sơ cấp)</p>	<p>PLO2 Hình thành và từng bước hoàn thiện kỹ năng dịch thuật cơ bản</p>	<p>PLO3 - Thái độ học tập tích cực, thấy được sự quan trọng của việc nắm vững kiến thức dịch thuật. - Thấy được tầm quan trọng của kỹ năng dịch thuật trong đời sống hàng ngày.</p>

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính:

- [1] ????? (???) (???) , ??? , ?????????? , 2006 ??
- [2] ????? (???) (???) , ??? , ?????????? , 2006 ??
- [3] ????? (???) (???) , ??? , ?????????? , 2006 ??

- Tài liệu tham khảo/bổ sung “???????” ?????

“????” ?????

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Chuyên cần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi học trên 80% số tiết</li> <li>- Thái độ học tập</li> </ul>	10%		10%

<i>Giữa kỳ</i>	- <i>Bài tập</i> - <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>	20%	<i>Điểm giữa kỳ</i>	20%
<i>Cuối kỳ</i>	- <i>Bài tập</i> - <i>Kiểm tra cuối kỳ</i>	70%	<i>Điểm cuối kỳ</i>	70%
				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>

### **Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu 5/10**

Điểm < 5: không đạt

Điểm 5-6 (loại **trung bình**): dịch đúng ý chính

Điểm 7-8 (**khá**): dịch đúng ý chính, sử dụng đúng ngữ pháp và từ vựng

Điểm 9-10 (**giỏi**): đạt được tiêu chí của điểm 7-8, ngoài ra câu văn được dịch trau chuốt, xúc tích

Hình thức thi: Thi viết, dịch Hán – Việt (đoạn văn), dịch Việt – Hán (dịch câu)

Thời gian thi: 75 phút.

## **11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

### **11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp mới được phép dự thi
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp
- Làm các bài tập trong giáo trình và bài tập do giảng viên cung cấp

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Không tham dự quá 20% tổng số tiết sẽ bị cấm thi
- Không tập trung nghe giảng, không tích cực tham gia vào bài học, không chuẩn bị bài tập GV giao trước sẽ không có điểm cho phần **Thái độ học tập**.

## **12. Nội dung chi tiết môn học:**

**Bài 6: ??????????**

1. Từ vựng: (từ mới trang 91-92)
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: kết cấu “?.....?”; “?.....?.....”; tính từ trùng điệp: đơn âm tiết (AA), song âm tiết (AABB)
4. Bài tập

**Bài 7: ??????????**

1. Từ vựng: (từ mới trang 107 – 109)
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: câu vị ngữ chủ-vị; bổ ngữ kết quả: ????????
4. Bài tập

**Bài 8: ??????????**

1. Từ vựng: (từ mới trang 121-122)
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: câu bị động; lượng từ trùng điệp; ??????
4. Bài tập

**Bài 9: ??????????**

1. Từ vựng: (từ mới trang 134-137)
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: bổ ngữ xu hướng kép
4. Bài tập

**Bài 10: ??????????**

1. Từ vựng: (từ mới trang 151-153)
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: động từ +?
4. Bài tập

**Bài 11: ??????????**

1. Từ vựng: (từ mới trang 3-5)
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: câu tồn tại; ?.....?.....; ???.....
4. Bài tập

**Bài 12: ??????????**

1. Từ vựng: (từ mới trang 17-19)
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: câu chữ “?”
4. Bài tập

**Bài 13: ??????????**

1. Từ vựng: (từ mới trang 33-34)
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: câu chữ “?”(tiếp theo)
4. Bài tập



**Bài 14: ??????????**

1. Từ vựng: (từ mới trang 48-50)
2. Bài khóa
3. Ngữ pháp: câu chữ “?”, phó từ ?
4. Bài tập

**Bài 15: ??????, ??????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 63-65)
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: bổ ngữ khả năng
8. Bài tập

**Bài 16: ?????, ??????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 81-82)
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: bổ ngữ khả năng (tiếp theo); phân biệt bổ ngữ khả năng và bổ ngữ trạng thái; ? .....?.....
8. Bài tập

**Bài 17: ??????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 96-97)
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: cách dùng mở rộng của bổ ngữ xu hướng; ??... ?...
8. Bài tập

**Bài 18: ??????????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 112-113)
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn; ??.....??..... ; ?.....?(?).....??.....? ?.....
8. Bài tập

**Bài 19: ??????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 126-128)
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: câu phức không có từ ngữ nối; bổ ngữ trạng thái
8. Bài tập

**Bài 20: ??????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 142-143)
6. Bài khóa
7. Ngữ pháp: câu phản vấn; ?.....?/?.....
8. Bài tập

**Bài 1: ??????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 3-4)
6. Bài khóa

7. Giải thích từ: ??, ??, ??, ??, ??, ??, ?
8. Bài tập

**Bài 2: ???**

5. Từ vựng: (từ mới trang 17-19)
6. Bài khóa
7. Giải thích từ: ?, ?, ??, ?... ? ... , ??
8. Bài tập

**Bài 3: ?????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 30-32)
6. Bài khóa
7. Giải thích từ: ?, ??+?, ??+?, ??, ??
8. Bài tập

**Bài 4: ??**

7. Từ vựng: (từ mới trang 42-44)
8. Bài khóa
9. Giải thích từ: ???+?+
10. /?, ??, ??, ??, ?+
11. /?, ??+?+??+?
12. Bài tập

**Bài 5: ????**

5. Từ vựng: (từ mới trang 54-56)
6. Bài khóa
7. Giải thích từ: ??, ??, ??, ???, ??
8. Bài tập

**Bài 6: ???**

9. Từ vựng: (từ mới trang 67-69)
10. Bài khóa
11. Giải thích từ: ??, ?+??, ??, ??, ?, ? ... ? ...
12. Bài tập

**Bài 7: ????**

9. Từ vựng: (từ mới trang 80-82)
10. Bài khóa
11. Giải thích từ: ??+?, ??, ??, ??, ??, ??, ??, ?? ... ?/?/? ...
12. Bài tập

**Bài 8: ????**

9. Từ vựng: (từ mới trang 94-95)
10. Bài khóa
11. Giải thích từ: ??, ??, ??, ??, ??
12. Bài tập

**Bài 9: ?????**

- 9. Từ vựng: (từ mới trang 106-107)
- 10. Bài khóa
- 11. Giải thích từ: ??, ??, ?, ??, ?, ?... ??
- 12. Bài tập

**Bài 10: ????**

- 9. Từ vựng: (từ mới trang 118-120)
- 10. Bài khóa
- 11. Giải thích từ: ?, ?, ??, ??, ?, ??
- 12. Bài tập

**Bài 11: ??????**

- 9. Từ vựng: (từ mới trang 132-135)
- 10. Bài khóa
- 11. Giải thích từ: ??, ????, ??, ??, ??, ???+??
- 12. Bài tập

**Bài 12: ????**

- 9. Từ vựng: (từ mới trang 147- 149)
- 10. Bài khóa
- 11. Giải thích từ: ??, ??, ??, ??, ??, ?
- 12. Bài tập

**Bài 13: ????**

- 9. Từ vựng: (từ mới trang 160-162)
- 10. Bài khóa
- 11. Giải thích từ: ??, ??, ?, ??, ?, ??, ??, ??, ?... ?? ...
- 12. Bài tập

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
-------------	------------------	------------------	--	--------------------------------------

1	5	<p><b>Bài 6: ??????????</b></p> <p>5. Từ vựng: (từ mới trang 91-92)</p> <p>6. Bài khóa</p> <p>7. Ngữ pháp: kết cấu “?.....?”; “?.....?.....”; tính từ trùng điệp: đơn âm tiết (AA), song âm tiết (AABB)</p> <p>8. Bài tập</p> <p><b>Bài 7: ??????????</b></p> <p>5. Từ vựng: (từ mới trang 107 – 109)</p> <p>6. Bài khóa</p> <p>7. Ngữ pháp: câu vị ngữ chủ-vị; bổ ngữ kết quả: ???????</p> <p>8. Bài tập</p>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [1] tương ứng nội dung học tập tuần 1.</p>
2	5	<p><b>Bài 8: ????????</b></p> <p>5. Từ vựng: (từ mới trang 121-122)</p> <p>6. Bài khóa</p> <p>7. Ngữ pháp: câu bị động; lượng từ trùng điệp; ??????</p> <p>8. Bài tập</p> <p><b>Bài 9: ????????</b></p> <p>5. Từ vựng: (từ mới trang 134-137)</p> <p>6. Bài khóa</p> <p>7. Ngữ pháp: bổ ngữ xu hướng kép</p> <p>8. Bài tập</p>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [1] tương ứng nội dung học tập tuần 2.</p>
3	5	<p><b>Bài 10: ??????????</b></p> <p>5. Từ vựng: (từ mới trang 151-153)</p> <p>6. Bài khóa</p> <p>7. Ngữ pháp: động từ +?</p> <p>8. Bài tập</p> <p><b>Bài 11: ??????????</b></p> <p>4. Từ vựng: (từ mới trang 3-5)</p> <p>5. Bài khóa</p> <p>6. Ngữ pháp: câu tồn tại; ? ... .. ?.....; ???.....</p> <p>7. Bài tập</p>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [1] và [2] tương ứng nội dung học tập tuần 3.</p>

4	5	<p><b>Bài 12: ??????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>5. Từ vựng: (từ mới trang 17-19)</li> <li>6. Bài khóa</li> <li>7. Ngữ pháp: câu chữ “?”</li> <li>8. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 13: ??????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>5. Từ vựng: (từ mới trang 33-34)</li> <li>6. Bài khóa</li> <li>7. Ngữ pháp: câu chữ “?”(tiếp theo)</li> <li>8. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [2] tương ứng nội dung học tập tuần 4.</p>
5	5	<p><b>Bài 14: ??????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>5. Từ vựng: (từ mới trang 48-50)</li> <li>6. Bài khóa</li> <li>7. Ngữ pháp: câu chữ “?”, phó từ ?</li> <li>8. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 15: ??????, ?????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 63-65)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: bổ ngữ khả năng</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [2] tương ứng nội dung học tập tuần 5.</p>
6	5	<p><b>Bài 16: ?????, ??????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>5. Từ vựng: (từ mới trang 81-82)</li> <li>6. Bài khóa</li> <li>7. Ngữ pháp: bổ ngữ khả năng (tiếp theo); phân biệt bổ ngữ khả năng và bổ ngữ trạng thái; ??.....?.....</li> <li>8. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 17: ??????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 96-97)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: cách dùng mở rộng của bổ ngữ xu hướng; ??... ?...</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [2] tương ứng nội dung học tập tuần 6.</p>

7	5	<p><b>Bài 18: ??????????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 112-113)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn; ??.....??..... ; ?.....?(?).....??.....??.....</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 19: ??????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 126-128)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: câu phức không có từ ngữ nối; bổ ngữ trạng thái</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [2] tương ứng nội dung học tập tuần 7.</p>
8	5	<p><b>Bài 20: ?????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 142-143)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Ngữ pháp: câu phản vấn; ?.....?/?.....</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 1: ?????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 3-4)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Giải thích từ: ??, ??, ??, ??, ??, ??, ?</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [2] và [3] tương ứng nội dung học tập tuần 8.</p>
9	5	<p><b>Bài 2: ???</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 17-19)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Giải thích từ: ?, ?, ??, ?... ? ... , ?</li> <li>4. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 3: ?????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 30-32)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Giải thích từ: ?, ??+?, ??+?, ??, ?</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [3] tương ứng nội dung học tập tuần 9.</p>

10	5	<p><b>Bài 4: ??</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 42-44)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Giải thích từ: ???+?+</li> <li>4. /?, ??, ??, ??, ?+</li> <li>5. /?, ??+?+??+?</li> <li>6. Bài tập</li> </ol> <p><b>Bài 5: ????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ vựng: (từ mới trang 54-56)</li> <li>2. Bài khóa</li> <li>3. Giải thích từ: ??, ??, ??, ???, ??</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [3] tương ứng nội dung học tập tuần 10.</p>
11	5	<p><b>Bài 6: ???</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>5. Từ vựng: (từ mới trang 67-69)</li> <li>6. Bài khóa</li> <li>7. Giải thích từ: ??, ?+??, ??, ??, ?, ? ... ? ...</li> <li>8. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [3] tương ứng nội dung học tập tuần 11.</p>
12	5	<p><b>Bài 7: ????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>5. Từ vựng: (từ mới trang 80-82)</li> <li>6. Bài khóa</li> <li>7. Giải thích từ: ??+?, ??, ??, ??, ??, ??, ??, ??, ?? ... ?/?? ...</li> <li>8. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [3] tương ứng nội dung học tập tuần 12.</p>
13	5	<p><b>Bài 8: ????</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>5. Từ vựng: (từ mới trang 94-95)</li> <li>6. Bài khóa</li> <li>7. Giải thích từ: ??, ??, ??, ??, ??</li> <li>8. Bài tập</li> </ol>	<p>- GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ pháp có liên quan trong bài.</p> <p>- SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.</p>	<p>- Tài liệu học tập chính số [3] tương ứng nội dung học tập tuần 13.</p>

14	5	<b>Bài 9: ?????</b> 5. Từ vựng: (từ mới trang 106-107) 6. Bài khóa 7. Giải thích từ: ??, ??, ?, ??, ?, ?... ?? 8. Bài tập	- GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.	- Tài liệu học tập chính số [3] tương ứng nội dung học tập tuần 14.
15	5	<b>Bài 10: ????</b> 5. Từ vựng: (từ mới trang 118-120) 6. Bài khóa 7. Giải thích từ: ?, ?, ??, ??, ?, ?? 8. Bài tập	- GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.	- Tài liệu học tập chính số [3] tương ứng nội dung học tập tuần 15.
16	5	<b>Bài 11: ??????</b> 5. Từ vựng: (từ mới trang 132-135) 6. Bài khóa 7. Giải thích từ: ??, ?????, ??, ??, ??, ???+?? 8. Bài tập	- GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.	- Tài liệu học tập chính số [3] tương ứng nội dung học tập tuần 16.
17	5	<b>Bài 12: ????</b> 5. Từ vựng: (từ mới trang 147- 149) 6. Bài khóa 7. Giải thích từ: ??, ??, ??, ??, ??, ? 8. Bài tập	- GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.	- Tài liệu học tập chính số [3] tương ứng nội dung học tập tuần 17.



18	5	<b>Bài 13: ????</b> 5. Từ vựng: (từ mới trang 160-162) 6. Bài khóa 7. Giải thích từ: ??, ??, ?, ??, ?, ??, ? ?, ??, ?... ?? ... 8. Bài tập	- GV giảng giải từ mới và các kiến thức về ngữ pháp có liên quan trong bài. - SV thực hành làm bài tập có liên quan trên lớp và bài tập về nhà được giao.	- Tài liệu học tập chính số [3] tương ứng nội dung học tập tuần 18.
----	---	---	--	---

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2016

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng ThS. Trương Phan Châu Tâm

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

Họ và tên: Trương Phan Châu Tâm	Học hàm, học vị: thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngữ Văn Trung Quốc	Điện thoại liên hệ: 0938743860
Email: chautam@hcmussh.edu.vn	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:

Email:	Trang web:
--------	------------

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
------------------------	---------------------------

Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)
----------------	------------------------------

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV  
KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

Tên tiếng Việt: **DỊCH TRUNG CẤP 1 (Khối D1)**

- Mã môn học: NVT058

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>
------------------------------------	---

Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

## 2. Số tín chỉ: 3

## 3. Trình độ: dành cho sinh viên năm thứ 2

## 4. Phân bố thời gian: 75 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thực hành: 30 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết

- Các hoạt động khác: (bài tập, trò chơi, đố vui, diễn kịch, xem phim, ...): 5 tiết

## 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Dịch sơ cấp 2

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Người học bắt buộc phải hoàn tất chương trình ngữ pháp sơ cấp 2, nắm vững khoảng 2000 từ.

## 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học: hướng dẫn lý thuyết và luyện kỹ năng dịch từ tiếng Việt sang tiếng Hán và từ Hán sang Việt các mẫu câu, đoạn văn.

## 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Giúp sinh viên năm 2 nâng cao kỹ năng dịch Việt – Hán và Hán - Việt.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể: Đạt được vốn từ vựng khoảng 2500 từ.

Có kỹ năng dịch những câu tương đối phức tạp, các đoạn văn tương đối khó.

## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

- Dịch được câu từ đơn giản đến phức tạp, và các đoạn văn tương đối khó phù hợp với vốn từ vựng trung cấp.	- GV thuyết trình. - SV Thảo luận nhóm.	- Kiểm tra giữa kỳ. Kiểm tra cuối kỳ.	- Tích lũy khoảng 2500 từ vựng. - Phân biệt được cách sử dụng của những từ vựng gần nghĩa trong tiếng Hán. - Nắm được các dạng mẫu câu nâng cao để ứng dụng trong dịch thuật.	- Vận dụng linh hoạt những từ vựng và cấu trúc đã học để ứng dụng vào việc dịch thuật Việt – Hán, Hán – Việt.	- Tự tin hơn trong công việc biên, phiên dịch Việt – Hán, Hán – Việt.
--	--	--	---	---	---

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Giáo trình: ???(2013), ??????????(?), Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội.
- Tài liệu tham khảo:
  - 1) ???(2003), ????????, ????????
  - 2) ???, ???(2006), ?????????, ????????
  - 3) ???, ???(2007), 1700 ??????????, ????????????

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Hàng ngày Giữa kỳ	- Chuyên cần - Thuyết trình - Bài tập - Kiểm tra giữa kỳ	4 % 3 % 3 % 90%	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	Thi cuối kỳ	100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

## 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Phải tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp.
- Phải đọc tài liệu chính và chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Tích cực tham gia đóng góp ý kiến và thảo luận trong giờ học.
- Hoàn thành các bài tập được giao trên lớp và khi về nhà.
- Đọc tài liệu tham khảo

### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Nếu vắng học quá 20% số tiết sẽ bị cấm thi cuối kỳ.
- Không có kiểm tra bổ sung giữa kỳ và cuối kỳ.
- Sinh viên phải chấp hành đúng qui chế của nhà trường khi tham gia các kỳ thi: không quay cốp, không trao đổi bài, không sử dụng điện thoại di động và các thiết bị nghe nhìn... Nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của nhà trường.

### 11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

- Qua email, điện thoại hoặc trao đổi trực tiếp theo lịch hẹn.

## 12. Nội dung chi tiết môn học:

### Bài 1. ?????

1. Giảng từ mới bài 1, giải thích ý nghĩa và cách sử dụng các cụm từ: ??????????????
2. Dịch các câu có dùng từ: ??????????????????????
3. Dịch bài khóa: ??????

### Bài 2. ???

1. Sửa bài tập về nhà 1.
2. Giảng từ mới bài 2.
3. Dịch các câu có dùng từ: ??????????.....?.....?????
4. Dịch bài khóa: ????

### Bài 3. ?????

5. Sửa bài tập dịch về nhà bài 2.
6. Giảng từ mới bài 3.
7. Dịch các câu có dùng từ hoặc cấu trúc: ?????+????+??????????
8. Dịch bài khóa: ??????

### Bài 4. ??

24. Sửa bài tập dịch về nhà bài 3.
25. Giảng từ mới bài 4.

26. Dịch các câu có dùng từ hoặc cấu trúc: ???+?+
27. /?.....????????????????+?+?+?.....?
28. Dịch bài khoá: ??

**Bài 5. ????**

23. Sửa bài tập dịch về nhà bài 4.
24. Giảng từ mới bài 5, giải thích ý nghĩa và đặt câu với những cụm từ: ? (lião)??????????
25. Dịch các câu có dùng từ: ??????????????????
26. Dịch bài khoá: ????? ?

**Bài 6. ???**

5. Sửa bài tập dịch về nhà bài 5.
6. Giảng từ mới bài 6, giải thích ý nghĩa và đặt câu với những cụm từ: ??????????????
7. Dịch các câu có dùng từ hoặc cấu trúc: ???+????????????????.....?.....?
8. Dịch bài khoá: ?????

**Bài 7. ????**

5. Sửa bài tập dịch về nhà bài 6.
6. Giảng từ mới bài 7, giải thích ý nghĩa những cụm từ: ??????????????
7. Dịch các câu có dùng từ hoặc cấu trúc: ??+????????????????????????????????
8. Dịch bài khoá : ?????

**Bài 8. ????**

5. Sửa bài tập dịch về nhà bài 7.
6. Giảng từ mới bài 8, giải thích ý nghĩa và đặt câu với cụm từ: .....??????
7. Dịch các câu có dùng từ hoặc cấu trúc: ?????????????????(?) ?
8. Dịch bài khoá : ?????

**Bài 9. ?????**

5. Sửa bài tập dịch về nhà bài 8.
6. Giảng từ mới bài 9.
7. Dịch các câu có dùng từ hoặc cấu trúc: ?????????????.....???
8. Dịch bài khoá : ?????

**Bài 10. ????**

6. Sửa bài tập dịch về nhà bài 9.
7. Giảng từ mới bài 10, giải thích ý nghĩa và đặt câu với những cụm từ: ??????????????????????
8. Dịch các câu có dùng từ hoặc cấu trúc: ??????????????????
9. Dịch bài khoá : ?????

**Bài 11. ??????**

7. Sửa bài tập dịch về nhà bài 10.
8. Giảng từ mới bài 11.
9. Dịch các câu có dùng từ hoặc cấu trúc: ?????????????????????????+???
10. Dịch bài khoá : ????????

**Bài 12. ????**

11. Sửa bài tập dịch về nhà bài 11.
12. Giảng từ mới bài 12, giải thích ý nghĩa và đặt câu với những cụm từ: ??????????????.....?
13. Dịch các câu có dùng từ hoặc cấu trúc: ??????????????????????
14. Dịch bài khoá : ??????

**Bài 13. ????**

1. Sửa bài tập dịch về nhà bài 12.
2. Giảng từ mới bài 13, giải thích ý nghĩa và đặt câu với những cụm từ: ???
3. Dịch các câu có dùng từ hoặc cấu trúc: ???.....??.....?
4. Dịch bài khoá : ??????

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

<b>Buổi / Tuần</b>	<b>Số tiết trên lớp</b>	<b>Nội dung bài học</b>	<b>Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV</b>	<b>Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)</b>
1	5	Ôn kiến thức cơ bản trong chương trình môn dịch năm 1.	- GV thuyết trình. - SV làm bài tập. - SV chơi trò chơi.	?????????  ??????????

2	5	Bài 1: ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 1, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 1.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 1.</li> </ul>	<p>???(2013), ???????      ??(?), Nhà xuất bản      Đại Học Quốc Gia      Hà Nội – trang 01.</p>
3	5	Bài 2: ???	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 2, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 2.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 2.</li> </ul>	<p>???(2013), ???????      ??(?), Nhà xuất bản      Đại Học Quốc Gia      Hà Nội – trang 15.</p>



4	5	Bài 3: ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 3, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 3.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 3.</li> </ul>	<p>???(2013), ???????      ??(?), Nhà xuất bản      Đại Học Quốc Gia      Hà Nội – trang 28.</p>
5	5	Bài 4: ??	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 4, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 4.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 4.</li> </ul>	<p>???(2013), ???????      ??(?), Nhà xuất bản      Đại Học Quốc Gia      Hà Nội – trang 39.</p>

6	5	Bài 5: ????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 5, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 5.</li> <li>- SV chơi trò chơi.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 5.</li> </ul>	<p>???(2013), ???????          ??(?), Nhà xuất bản          Đại Học Quốc Gia          Hà Nội – trang 52.</p>
7	5	Bài 6: ???	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 6, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 6.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 6.</li> </ul>	<p>???(2013), ???????          ??(?), Nhà xuất bản          Đại Học Quốc Gia          Hà Nội – trang 66.</p>
8	5	Bài 7: ????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 7, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 7.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 7.</li> </ul>	<p>???(2013), ???????          ??(?), Nhà xuất bản          Đại Học Quốc Gia          Hà Nội – trang 78.</p>

9	5	Kiểm tra giữa kỳ Bài 8: ????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm bài kiểm tra giữa kỳ.</li> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 8, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 8.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 8.</li> </ul>	<p>???(2013), ??????? ??(?), Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội – trang 92.</p>
10	5	Bài 9: ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 9, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 9.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 9.</li> </ul>	<p>???(2013), ??????? ??(?), Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội – trang 104.</p>
11	5	Bài 10: ????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 10, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 10.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 10.</li> </ul>	<p>???(2013), ??????? ??(?), Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội – trang 117.</p>

12	5	Bài 11: ??????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 11, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 11.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 11.</li> </ul>	<p>???(2013), ???????          ??(?), Nhà xuất bản          Đại Học Quốc Gia          Hà Nội – trang 130.</p>
13	5	Bài 12: ????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 12, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 12.</li> <li>- SV chơi trò chơi.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 12.</li> </ul>	<p>???(2013), ???????          ??(?), Nhà xuất bản          Đại Học Quốc Gia          Hà Nội – trang 145.</p>
14	5	Bài 13: ????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 13, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 13.</li> <li>- SV chơi trò chơi.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 13.</li> </ul>	<p>???(2013), ???????          ??(?), Nhà xuất bản          Đại Học Quốc Gia          Hà Nội – trang 158.</p>

15	5	Ôn tập	- Sửa bài tập về nhà bài 13. - Tổng hợp kiến thức đã học.	???(2013), ??????? ??(?), Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội.
----	---	--------	--	--

TP. HỒ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS NGUYỄN ĐÌNH PHÚC

ThS. NGUYỄN THỊ THU HẰNG

ThS. Vũ Thị Hương Trà

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV  
KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

### **1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **DỊCH TC2 (D1)**

- Mã môn học: NVT059

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

### **2. Số tín chỉ: 3**

**3. Trình độ:** dành cho sinh viên năm thứ 2

**4. Phân bố thời gian:** 75 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết
- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 15 tiết
- Các hoạt động khác: (*bài tập, trò chơi, đố vui, diễn kịch, xem phim, ...*): 15 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: DỊCH TC1
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Người học bắt buộc phải hoàn tất chương trình dịch trung cấp 1, nắm vững khoảng 2500 từ.

**6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** hướng dẫn lý thuyết và luyện kỹ năng dịch từ tiếng Việt sang tiếng Hán hoặc từ Hán sang Việt các câu, đoạn văn.

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Giúp sinh viên năm 2 nâng cao kỹ năng dịch Việt – Hán và Hán - Việt.
- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể: Đạt được vốn từ vựng khoảng 3000 từ.

Có kỹ năng dịch những câu tương đối phức tạp, các đoạn văn tương đối khó.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	- Dịch được câu từ đơn giản đến phức tạp, và các đoạn văn tương đối khó.	- GV thuyết trình. - SV Thảo luận nhóm.	- Kiểm tra giữa kỳ. Kiểm tra cuối kỳ.	- Tích lũy khoảng 3000 – 3500 từ vựng. - Phân biệt được cách sử dụng của những từ vựng gần nghĩa trong tiếng Hán. - Nắm được các dạng mẫu câu nâng cao để ứng dụng trong dịch thuật.	- Vận dụng linh hoạt những từ vựng và cấu trúc đã học để ứng dụng vào việc dịch thuật Việt – Hán, Hán – Việt.	- Tự tin hơn trong công việc biên, phiên dịch Việt – Hán – Việt.

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Giáo trình:

??(2003), ?? — ????????? ( ? ), ???????????

??(2003), ?? — ????????? ( ? ), ???????????

- Tài liệu tham khảo:

1) ???(2003), ????????, ???????

2) ??? ???(2006), ?????????, ???????

3) ??? ???(2007), 1700 ??????????, ???????????

4) ??(1992), ???????( ? ), ?????????

5) ???(2004) ????( ? ), ?????????

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Hàng ngày Giữa kỳ	- Chuyên cần - Thuyết trình - Bài tập - Kiểm tra giữa kỳ	1 % 2 % 2 % 95%	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	Thi cuối kỳ	100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

Trung bình: 5 – 6: Nằm được cơ bản kiến thức ngữ pháp trong chương trình Trung cấp 2, thực hiện được kỹ năng dịch ở mức trung bình.

Khá: 7: Hiểu được và áp dụng được những kiến thức ngữ pháp trong chương trình Trung cấp 2, có khả năng dịch và chất lượng dịch ở mức tương đối.

Giỏi: 8-9: Vận dụng khá tốt những kiến thức ngữ pháp trong chương trình Trung cấp 2, có khả năng dịch và câu văn dịch tương đối suôn sẻ, hoàn chỉnh.

Xuất sắc: 10: Hiểu và vận dụng nhuần nhuyễn những kiến thức ngữ pháp trong chương trình Trung cấp 2, khả năng dịch ở mức suôn sẻ, hoàn hảo.

## 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Phải tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp.
- Phải đọc tài liệu chính và chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Tích cực tham gia đóng góp ý kiến và thảo luận trong giờ học.
- Hoàn thành các bài tập được giao trên lớp và khi về nhà.
- Đọc tài liệu tham khảo

### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Nếu vắng học quá 20% số tiết sẽ bị cấm thi cuối kỳ.
- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.
- Sinh viên phải chấp hành đúng qui chế của nhà trường khi tham gia các kỳ thi: không quay cóp, không trao đổi bài, không sử dụng điện thoại di động và các thiết bị nghe nhìn...Nếu vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định của nhà trường.

### 11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

- Qua email hoặc điện thoại.

## 12. Nội dung chi tiết môn học: viết chi tiết tên chương, tiết, mục; chẳng hạn:

### Bài 1. ??????

1. Giảng từ mới bài 1, đặt câu với các từ: ??, ?, ??, ??, ??, ??, ?(?), ??, ??, ???
2. Dịch các câu có dùng từ: ?? ; ??, ??.... ?.....; ?, ??, ??, ?... ??, ....???
3. Dịch bài khóa: ????????
4. Cho bài tập mở rộng, vận dụng các từ khóa mới học luyện dịch câu.

### Bài 2. ??????

1. Sửa bài tập về nhà 1.
2. Giảng từ mới bài 2, đặt câu với các từ: ??, ??, ?, ?, ??, ??, ???
3. Bài tập ứng dụng: dịch các câu có dùng từ: ?.....?....., ??, ??.....?, ?.....?....., ??.....??  
....., ??, ???
4. Dịch bài khóa: ????????

### Bài 3. ??????????

9. Sửa bài tập dịch về nhà bài 2.
10. Giảng từ mới bài 3, đặt câu với các từ: ?, ??, ??, ??, ?, ??, ??, ??, ??, ???
11. Bài tập ứng dụng: dịch các câu có dùng từ: ??; ??; ???; ..... ??; ??; ?; ..... ??; ???
12. Dịch bài khóa: ??????????



#### **Bài 4. ?????**

29. Sửa bài tập dịch về nhà bài 3.
30. Giảng từ mới bài 4, đặt câu với các từ: ??, ?????, ?, ?.....?, ??, ??, ?, ??, ?, ?, ???
31. Bài tập ứng dụng: dịch các câu có dùng từ: ....??; ??; ??; ???; ....?.....; ?; ?..... ?; ?; ???
32. Dịch bài khoá: ??????

#### **Bài 5. ??“??”**

27. Sửa bài tập dịch về nhà bài 4.
28. Giảng từ mới bài 5, đặt câu với các từ: ?, ??, ??, ?, ?, ?, ?, ??, ???
29. Bài tập ứng dụng: dịch các câu có dùng từ: .... ??; ??; ?... ?; ??.... ?... ; ??; .... ??; ??; ..... ?? ?
30. Dịch bài khoá: ?? “??” ?

#### **Bài 6. ??**

9. Sửa bài tập dịch về nhà bài 5.
10. Giảng từ mới bài 6, đặt câu với các từ: ??, ?, ??, ??, ?, ??, ?, ??, ??, ??, ???
11. Dịch các câu có dùng từ: ?; .....??; ??; ??; ??; ?.....?.....; .... ???
12. Dịch bài khoá: ???

#### **Bài 7. ??????**

9. Sửa bài tập dịch về nhà bài 6.
10. Giảng từ mới bài 7, đặt câu với các từ: ?, ?, ??, ??, ??, ??, ??, ??, ??, ??
11. Bài tập ứng dụng: dịch các câu có dùng từ: ??; ??.....?..... ; ??; ??; ??; ??; ??; ??; ???; ?.....?.....?
12. Dịch bài khoá : ???????

#### **Bài 8 ?????**

1. Sửa bài tập về nhà bài 7
2. Giảng từ mới bài 8, đặt câu với các từ: ??; ?????; ??; ??; ??; ?; ??; ??; ?????
3. Bài tập ứng dụng: dịch các câu có dùng từ: ??; ??; ??; ??; ???; ?? ..... ? .....
4. ....; ..... ? ..... ?; ?????
5. Dịch bài khoá : ???????

#### **Bài 9. ?????**

9. Sửa bài tập dịch về nhà bài 7.

10. Giảng từ mới bài 9, đặt câu với các từ: ?, ??, ??, ??, ??, ?, ??, ??, ??, ??, ???
11. Dịch các câu có dùng từ: ?; .... ?; .... ??; .... ??; ?(?) ?
12. Dịch bài khóa : ????? ?

**Bài 10. ????????**

9. Sửa bài tập dịch về nhà bài 9.
10. Giảng từ mới, đặt câu với các từ: ??, ??, ??, ??, ??, ??, ??, ??, ???
11. Dịch các câu có dùng từ: ?; ???; ??.... ???; ??; ?? .... ??; ?; ??; .... ??; ?(?); ???
12. Dịch bài khoá : ????????

**Bài 11 ????**

1. Sửa bài tập về nhà bài 10.
2. Giảng từ mới, đặt câu với các từ bài 11: ??; ??; ?; ?????; ??; ??
3. Dịch các câu có dùng từ: ?; ???; ?; ?? ..... ? .....; ?? .....; ?? ..... ? .....; ?; ?? ..... ? .....; ???
4. Dịch bài khoá : ????

**Bài 12. ???**

10. Sửa bài tập dịch về nhà bài 10.
11. Giảng từ mới, đặt câu với các từ: ?, ?, ?, ?, ??, ??, ??, ?, ???
12. Dịch các câu có dùng từ: ?.... ; ??..... ?.... ; ??; ??; ??; ?; ?.... ??; ??; ???
13. Dịch bài khoá : ????

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	Ôn kiến thức cơ bản trong chương trình môn dịch năm 1.	- GV thuyết trình. - SV làm bài tập. - SV chơi trò chơi.	???????  ?????????

2	5	Bài 1: ????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 1, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 1.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 1.</li> </ul>	<p>?? — ????????</p> <p>(?) trang 1</p> <p>???????</p> <p>?????????</p> <p>1700 ??????????</p>
3	5	Bài 2: ??????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 2, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 2.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 2.</li> </ul>	<p>?? — ????????</p> <p>(?) trang 18</p> <p>???????</p> <p>?????????</p> <p>1700 ??????????</p>

4	5	Bài 3: ??????????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 3, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 3.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 3.</li> </ul>	<p>?? — ??????????</p> <p>(?) trang 33</p> <p>????????</p> <p>????????</p> <p>1700 ??????????</p>
5	5	Bài 4: ??????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 4, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 4.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 4.</li> </ul>	<p>?? — ??????????</p> <p>(?) trang 50</p> <p>????????</p> <p>????????</p> <p>1700 ??????????</p>

6	5	Bài 5: ??“??”	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 5, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 5.</li> <li>- SV chơi trò chơi.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 5.</li> </ul>	<p>?? — ??????????</p> <p>(?) trang 66</p> <p>????????</p> <p>????????</p> <p>1700 ??????????</p>
7	5	Bài 6: ??	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 6, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 6.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 6.</li> </ul>	<p>?? — ??????????</p> <p>(?) trang 84</p> <p>????????</p> <p>????????</p> <p>1700 ??????????</p>
8	5	Bài 7: ??????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 7, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 7.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 7.</li> </ul>	<p>?? — ??????????</p> <p>(?) trang 103</p> <p>????????</p> <p>????????</p> <p>1700 ??????????</p>

9	5	Kiểm tra giữa kỳ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- Làm bài kiểm tra giữa kỳ.</li> <li>- Xem phim.</li> </ul>	?? — ????????? ( ? )
10	5	Bài 8: ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 8, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 8.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 8.</li> </ul>	<p>?? — ?????????</p> <p>( ? ) trang 119</p> <p>????????</p> <p>????????</p> <p>1700 ?????????</p>
11	5	Bài 9: ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 9, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 9.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 9.</li> </ul>	<p>?? — ?????????</p> <p>( ? ) trang 137</p> <p>????????</p> <p>????????</p> <p>1700 ?????????</p>

12	5	Bài 10: ???????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 10, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 10.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 10.</li> </ul>	<p>?? — ????????</p> <p>(?) trang 157</p> <p>???????</p> <p>?????????</p> <p>1700 ??????????</p>
13	5	Bài 11: ????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 11, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 11.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 11.</li> </ul>	<p>?? — ????????</p> <p>(?) trang 175</p> <p>???????</p> <p>?????????</p> <p>1700 ??????????</p>
14	5	Bài 12: ???	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng từ vựng bài 12, so sánh cách dùng một số từ gần nghĩa.</li> <li>- SV đọc giáo trình.</li> <li>- SV luyện dịch các câu mẫu.</li> <li>- SV thảo luận nhóm và dịch bài khóa 12.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng vừa học và các cấu trúc mới trong bài 12.</li> </ul>	<p>?? — ????????</p> <p>(?) trang 193</p> <p>???????</p> <p>?????????</p> <p>1700 ??????????</p>

15	5	Ôn tập	- Sửa bài tập về nhà bài 12. - Tổng hợp kiến thức đã học.	?? — ???????? (?)? (?)
----	---	--------	--	---------------------------

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS NGUYỄN ĐÌNH PHÚC    ThS. NGUYỄN THỊ THU HẰNG    ThS. NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:



Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

Tên tiếng Việt: **Nghe sơ cấp 1 (D1)**

Tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): .....

- Mã môn học: NVT060

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 1 (D1)

4. Phân bố thời gian: 60 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết 10 tiết

- Thực hành 50 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Phải học song song với môn Hán ngữ tổng hợp (bao gồm các chuyên ngành nhỏ như dịch, ngữ pháp, khẩu ngữ).

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Sinh viên đã nắm vững cách đọc và viết phiên âm chữ Hán; có được lượng từ vựng, nắm vững được các cấu trúc ngữ pháp xuất hiện trong giáo trình chính của môn học; nói được những câu giao tiếp đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.

### 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Nội dung môn học: từ bài 1- bài 14 quyển 1 và từ bài 1-bài 4 quyển 2 trong bộ giáo trình nghe (????????, ?????? ?, ?????????, ?????????, 2004 ??)

- Từ bài 1 đến bài ôn tập số 1 (quyển 1): Luyện nghe về thanh mẫu vận mẫu, thanh điệu, âm tiết.

- Từ bài 6 đến bài 14 (quyển 1): Luyện nghe những câu ngắn và đoạn hội thoại để chọn đáp án đúng ; luyện nghe đoạn văn ngắn và trả lời câu hỏi; nghe và điền từ vào chỗ trống.

- Từ bài 1-bài 4 (quyển 2): luyện nghe câu ngắn và chọn đáp án đúng, nghe đoạn hội thoại ngắn và làm các dạng bài tập như phán đoán đúng sai, chọn đáp án đúng, trả lời câu hỏi...

## 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu:

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kỹ năng nghe cơ bản bao gồm nghe và phân biệt thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu; kỹ năng nghe và lý giải những câu nói ngắn, kỹ năng nắm đại ý của đoạn hội thoại và đoạn văn ngắn. Các kỹ năng nghe cơ bản này sẽ là nền tảng cho các môn nghe ở cấp độ cao hơn.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học:

Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể nghe được những câu nói, đoạn đàm thoại ngắn, đơn giản trong cuộc sống hàng ngày, đồng thời thông qua việc luyện tập nghe sinh viên cũng có thể nói được những vấn đề thông thường.

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	Phân biệt được thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, âm tiết. Nghe được và lặp lại đúng ngữ âm ngữ điệu.	<i>GV bật máy cho nghe, có thể thị phạm lại. SV nghe, lặp lại và làm bài tập theo yêu cầu trong sách.</i>	<i>Làm đúng bài tập trong sách, phát âm đúng các âm tiết và ngữ âm ngữ điệu trong câu</i>
2	Nghe được và lý giải được ý nghĩa của câu nói.	<i>GV thuyết giảng sau đó bật máy cho nghe. SV nghe và làm bài tập theo yêu cầu của GV.</i>	<i>Hỏi – đáp: chọn được đáp án đúng</i>
3	Nghe được và nắm bắt được đại ý hoặc chi tiết của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn ngắn.	<i>GV thuyết giảng sau đó bật máy cho nghe. SV nghe và làm bài tập theo yêu cầu của GV.</i>	<i>Trả lời được các câu hỏi trong bài tập hoặc của GV và các SV khác đưa ra.</i>
4	Nghe và điền được các từ ngữ còn thiếu vào chỗ trống	<i>GV thuyết giảng sau đó bật máy cho nghe. SV nghe và làm bài tập theo yêu cầu của GV.</i>	<i>Đưa ra được kết quả đúng</i>

## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
1	Phân biệt được thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, âm tiết. Nghe được và lặp lại đúng ngữ âm ngữ điệu.	<i>GV bật máy cho nghe, có thể thị phạm lại. SV nghe, lặp lại và làm bài tập theo yêu cầu trong sách.</i>	<i>Làm đúng bài tập trong sách, phát âm đúng các âm tiết và ngữ âm ngữ điệu trong câu</i>	<i>Nắm vững cấu tạo âm tiết; hiểu được vai trò của ngữ âm ngữ điệu trong tiếng Hán</i>	<i>Nghe và phát âm được các thanh vận mẫu, âm tiết và mô phỏng đúng trọng âm của từ, ngữ điệu của câu.</i>	<i>Chủ động áp dụng các kiến thức đã học vào thực tế. Luôn tự giác nâng cao, trau dồi kỹ năng nghe</i>
2	Nghe được và lý giải được ý nghĩa của câu nói.	<i>GV thuyết giảng sau đó bật máy cho nghe. SV nghe và làm bài tập theo yêu cầu của GV.</i>	<i>Hỏi – đáp và chọn được đáp án đúng</i>	<i>Củng cố lượng từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp đã học</i>	<i>- Nghe và sử dụng thành thạo các mẫu câu đã học</i>	<i>Chủ động kiến thức đã học vào thực tế</i>
3	Nghe được và nắm bắt được đại ý hoặc chi tiết của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn ngắn.	<i>GV thuyết giảng sau đó bật máy cho nghe. SV nghe, ghi chép và làm bài tập theo yêu cầu của GV.</i>	<i>Trả lời được các câu hỏi trong bài tập hoặc của GV và các SV khác đưa ra.</i>	<i>Nắm được lượng từ mới và cấu trúc câu mới xuất hiện trong bài học</i>	<i>Vừa nghe vừa ghi chép (ghi nhớ) được nội dung và đại ý</i>	<i>Chủ động nâng cao kỹ năng nghe đoạn văn và hội thoại ngắn</i>
4	Nghe và điền được các từ ngữ vào chỗ trống	<i>GV thuyết giảng sau đó bật máy cho nghe. SV nghe và làm bài tập theo yêu cầu của GV.</i>	<i>Đưa ra được kết quả đúng</i>	<i>Hiểu được nội dung, đại ý của câu, đoạn</i>	<i>Ghi nhớ và phán đoán các từ ngữ cần điền</i>	<i>Chủ động luyện nghe thêm</i>

## 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính:

Giáo trình nghe quyển 1 (??, ??????????, 2004 ??)

- Tài liệu tham khảo/bổ sung :

?????, ??????????, ??????????, 2011 ??

?????, ??????????, ??????????, 2011 ??

## 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Giữa kỳ	<p>- <i>Chuyên cần</i></p> <p>Ôn bài cũ, chuẩn bị bài mới, làm các bài tập ở nhà:</p> <p>Tham gia tích cực hoạt động học tập trên lớp, xung phong phát biểu:</p> <p>Nghỉ học không phép trên 02 buổi trừ 10% điểm chuyên cần, nghỉ học trên 20% thời lượng môn học <b>CẤM THI CUỐI KỲ</b></p> <p>- <i>Thi kiểm tra giữa kỳ</i>: thi viết. Nghe đĩa rồi trả lời các câu hỏi trên đề thi</p>	<p>10%</p> <p>10%</p> <p>80 %</p> <p>100%</p>	<i>Điểm giữa kỳ</i>	30%
Cuối kỳ	<p>- <i>Thi cuối kỳ</i>: thi viết. Nghe đĩa rồi trả lời các câu hỏi trên đề thi</p>	100%	<i>Điểm cuối kỳ</i>	70%

				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>
--	--	--	--	-------------------------------

**Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

**- Xếp loại đánh giá (GV tự xây dựng)**

XXV. Loại Giỏi: SV đạt 8-10 điểm (nghe được 80% trở lên.

XXVI. Loại Khá: SV đạt 6,5 – cận 8 điểm (nghe được 65% - 79%)

XXVII. Loại Trung bình: SV đạt 5 - 6 điểm (nghe được 50%-60%)

XXVIII. Loại yếu: SV đạt 0 – 4,5 điểm (dưới 45%)

**- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng) :**

Hình thức: thi viết, nghe đĩa và trả lời các câu hỏi trên đề thi;

Thời lượng: 45 phút kể cả thời gian đọc đề

Nội dung: gồm 5 phần sau:

8. Phần 1: Nghe các câu sau và chọn đáp án đúng (nghe 1 lần) (7 câu)

9. Phần 2: Nghe các mẫu đối thoại sau và chọn đáp án đúng (nghe 2 lần) (7 câu)

10. Phần 3: Nghe các mẫu đối thoại và trả lời các câu hỏi (nghe 3 lần) (5 câu)

11. Phần 4: Nghe đoạn văn ngắn phán đoán đúng sai và trả lời các câu hỏi (nghe 3 lần). Phần phán đoán đúng sai có 5 câu, phần trả lời có câu hỏi 4 câu.

12. Phần 5: Nghe và điền vào chỗ trống (khoảng 10-12 chỗ trống) (nghe 3 lần)

**- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học):**

XI. Phần 1: 0,25 điểm/câu, tổng điểm: 1,75 điểm/7 câu

XII. Phần 2: 0,25 điểm/câu, tổng điểm: 1,75 điểm/7 câu

XIII. Phần 3: 0,5 điểm/câu, tổng điểm: 2,5 điểm/5 câu. Mỗi chữ Hán viết sai bị trừ 0,1 điểm. Trừ 50% điểm khi trả lời đúng một nửa hoặc trừ 30% điểm câu trả lời đúng nhưng diễn đạt lúng túng hoặc sai ngữ pháp lỗi nhỏ.

XIV. Phần 4: 0,2 điểm/câu phán đoán, tổng điểm: 1 điểm/5 câu

a. 0,5 điểm/câu trả lời, tổng điểm: 2 điểm/4 câu. Mỗi chữ Hán viết sai bị trừ 0,1 điểm. Trừ 50% điểm khi trả lời đúng một nửa hoặc trừ 30% điểm câu trả lời đúng nhưng diễn đạt lúng túng hoặc sai ngữ pháp lỗi nhỏ.

XV. Phần 5: 0,1 điểm/chỗ trống, tổng điểm: 1 điểm/10 chỗ trống. Mỗi chữ Hán viết sai trừ 0,1 điểm.

**11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

**11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp,
- Ôn bài cũ, chuẩn bị bài mới theo yêu cầu của GV trước khi vào lớp

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Không đi học đầy đủ, không làm bài tập và chuẩn bị bài theo yêu cầu của GV sẽ bị trừ điểm 10%
- Thi giữa kỳ và cuối kỳ đúng theo lịch.

### **11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

- Tiếp sinh viên trước và sau giờ giảng, trong giờ nghỉ giải lao tại lớp hoặc liên hệ thông qua email và điện thoại GV cung cấp.

## **12. Nội dung chi tiết môn học: viết chi tiết tên chương, tiết, mục**

### **QUYỂN 1**

#### **Bài 1:???**

- 1.?????
- 2.?????
- 3.???????

#### **Bài 2: ???**

- 1.?????
- 2.?????
- 3.???????

#### **Bài 3: ???**

- 1.?????
- 2.?????
- 3.???????

#### **Bài 4: ???**

- 1.?????
- 2.?????
- 3.???????

#### **Bài 5: ???**

- 1.?????
- 2.?????
- 3.???????

#### **Bài ôn tập 1: ???**

#### **Bài 6: ???**

- 1.??

2. ??????
3. ??????

**Bài 7: ???**

1. ??
2. ??????
3. ??????

**Bài 8: ???**

1. ??
2. ??????
3. ??????

**Bài 9: ???**

1. ??
2. ??????
3. ??????

**Bài 10: ???**

1. ??
2. ??????
3. ??????

**Bài ôn tập 2: ???**

**Bài 11: ????**

1. ??
2. ??????
3. ??????

**Bài 12: ????**

1. ??
2. ??????
3. ??????

**Bài 13: ????**

1. ??
2. ??????
3. ??????

**Bài 14: ????**

1. ??
2. ??????
3. ??????

**QUYỂN 2**

**Bài 1: ???**

1. ??
2. ??????



3.????

4.??????

**Bài 2: ???**

1. ??

2. ???????

3.????

4.??????

**Bài 3: ???**

1. ??

2. ???????

3.????

4.??????

**Bài 4: ???**

1. ??

2. ???????

3.????

4.??????

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

<b>Buổi / Tuần</b>	<b>Số tiết trên lớp</b>	<b>Nội dung bài học</b>	<b>Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV</b>	<b>Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)</b>
1	4	Bài 1 Bài 2 Bài 3	GV chủ yếu tập luyện về các bài tập ngữ âm ngữ điệu cho SV. SV luyện nghe và điền thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, ngoài ra còn tập nghe trọng âm.	Trang 1 đến trang 14 giáo trình nghe quyển 1 (????????,????????????, ?????????, 2004 ??)
2	4	Bài 4 Bài 5  Bài ôn tập số 1	Tiếp tục chú trọng về việc cho SV luyện tập nghe thanh mẫu vận mẫu và thanh điệu, trọng âm.  GV cho SV ôn tập lại tất cả các vấn đề về trọng âm, thanh mẫu vận mẫu thanh điệu, GV cho chuẩn bị từ mới để bắt đầu từ bài 6 SV sẽ nghe những câu hoàn chỉnh.	Trang 15 đến trang 18 giáo trình nghe quyển 1

3	4	Bài 6  Bài 7	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 6, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV chú ý nghe giảng bài và nghe nội dung của bài 6. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 6. GV giảng và cho nghe nội dung của bài 7, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV chú ý nghe giảng bài và nghe nội dung của bài 7. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 7.	Trang 19 đến trang 27 giáo trình nghe quyển 1
4	4	Bài 8	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 8, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV chú ý nghe giảng bài và nghe nội dung của bài 8. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 8.	Trang 28 đến trang 30 giáo trình nghe quyển 1
5	4	Bài 9	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 9, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV chú ý nghe giảng bài và nghe nội dung của bài 9. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 9.	Trang 31 đến trang 34 giáo trình nghe quyển 1
6	4	Bài 10	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 10, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV chú ý nghe giảng bài và nghe nội dung của bài 10. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 10.	Trang 35 đến trang 38 giáo trình nghe quyển 1
7	4	Bài ôn tập số 2	GV giảng và cho nghe nội dung của bài ôn tập số 2, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV chú ý nghe giảng bài và nghe nội dung của bài ôn tập số 2. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài ôn tập số 2.	Trang 39 đến trang 43 giáo trình nghe quyển 1

8	4	Bài 11	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 11, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV chú ý nghe giảng bài và nghe nội dung của bài 11. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 11.	Trang 44 đến trang 47 giáo trình nghe quyển 1
9	4	Bài 12	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 12, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV chú ý nghe giảng bài và nghe nội dung của bài 12. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 12.	Trang 48 đến trang 51 giáo trình nghe quyển 1
10	4	Bài 13	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 13, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV chú ý nghe giảng bài và nghe nội dung của bài 13. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 13.	Trang 52 đến trang 56 giáo trình nghe quyển 1
11	4	Bài 14 THI GIỮA KỲ	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 14, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV chú ý nghe giảng bài và nghe nội dung của bài 14. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 1. SV làm bài thi giữa kỳ (45 phút)	Trang 57 đến trang 60 giáo trình nghe quyển 1
12	4	Bài 1 (Quyển 2)	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 1, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV chú ý nghe giảng bài và nghe nội dung của bài 1. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 1.	Trang 3 đến trang 5 giáo trình nghe quyển 2
13	4	Bài 2	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 2, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV chú ý nghe giảng bài và nghe nội dung của bài 2. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 2.	Trang 6 đến trang 10 giáo trình nghe quyển 2

14	4	Bài 3	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 3, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV chú ý nghe giảng bài và nghe nội dung của bài 3. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 3.	Trang 11 đến trang 14 giáo trình nghe quyển 2
15	4	Bài 4	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 4, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV chú ý nghe giảng bài và nghe nội dung của bài 4. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 4.	Trang 15 đến trang 19 giáo trình nghe quyển 2

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc   TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương   ThS. **Võ Ngọc Tuấn Kiệt**

ThS. **Phan Thị Hà**

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV  
KHOA/BỘ MÔN NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

### **1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Nghe sơ cấp 2 (D1)**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): .....

- Mã môn học: NVT061

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

## 2. Số tín chỉ: 3

3. Trình độ dành cho sinh viên năm thứ 1 (D1)

4. Phân bố thời gian: 75 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 15 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 15 tiết

- Các hoạt động khác: (bài tập, trò chơi, đố vui, diễn kịch, xem phim, ...) 15 tiết

- Tự học: 15 tiết

## VIII. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Phải học song song với môn Hán ngữ tổng hợp (bao gồm các chuyên ngành nhỏ như dịch, ngữ pháp, khẩu ngữ). Sinh viên phải nắm được từ mới gần như tương đương với giáo trình chính của môn học. Sinh viên phải có giáo trình và băng, đĩa kèm theo giáo trình và máy cassette để luyện nghe thêm ở nhà.

## IX. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Giáo trình nghe quyển 2 (????????,????????????,???????????, 2005 ??)

-- Từ bài 5 đến bài 10: Tập nghe để chọn đáp án đúng A,B,C. Tập nghe những đoạn hội thoại và những bài văn xuôi để trả lời câu hỏi hoặc chọn đáp án đúng.

Giáo trình nghe Hán ngữ (???????) quyển 3, chủ biên Dương Ký Châu (???), nhà xuất bản: Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2000.

-- Từ bài 1 đến bài 10: Mỗi bài học gồm có 2 phần chính đó là phần nghe hiểu và phần nghe bổ sung. Phần nghe hiểu có 2 phần nhỏ, phần đầu là nghe và chọn đáp án đúng gồm có 10 bài tập nhỏ, sinh viên sau khi nghe băng sẽ chọn 1 đáp án trong 3 đáp án có sẵn, phần thứ 2 sinh viên sẽ được nghe một đoạn văn sau đó sẽ căn cứ theo nội dung đoạn văn đã nghe để làm các bài tập như chọn đáp án đúng sai, chọn trắc nghiệm ABC, điền vào chỗ trống, nối câu tương ứng, trả lời câu hỏi...

Phần nghe bổ sung mỗi phần có 2 đoạn văn khác nhau với nội dung tương đối khó hơn đoạn văn của phần nghe hiểu, vì vậy giáo trình chỉ yêu cầu sinh viên nắm nội dung chính của phần này mà thôi, bài tập của phần này thường là chọn đáp án đúng hoặc sai.

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Củng cố và nâng cao khả năng nghe đã có của sinh viên để có thể đủ trình độ nghe để tiếp tục học giáo trình nghe vào năm sau ở năm 2 .

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể nghe được những mẫu đàm thoại dài hơn phức tạp hơn trong cuộc sống hàng ngày, đồng thời thông qua việc luyện tập nghe sinh viên cũng có thể nói được những vấn đề thông thường. Trình độ nghe được nâng cao hơn dự kiến tương đương với trình độ nghe HSK cấp 5.

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	Sinh viên nghe và hiểu được nội dung của những câu hoặc đoạn văn vừa nghe	Giảng viên tiến hành cho sinh viên nghe nội dung của bài học, tiến hành giải thích những nội dung đã nghe	Đặt các câu hỏi có liên quan đến phần đã nghe để sinh viên dựa theo nội dung vừa nghe trả lời câu hỏi
2	Sinh viên sau khi nghe được bài học có thể làm được các dạng bài tập mà sách giáo khoa yêu cầu, thí dụ như chọn đáp án đúng ABC, phán đoán đúng sai, nối phần tương ứng, điền từ vào chỗ trống .v.v....	Giảng viên giảng bài, hướng dẫn cách làm bài tập. Sau khi sinh viên làm bài tập xong GV sửa bài tập cho SV và giải thích những lỗi sai	Đánh giá sinh viên qua phần làm bài tập, ngoài ra còn có thể yêu cầu sinh viên lặp lại câu đã nghe và viết ra một số phần nghe quan trọng
3	Sinh viên có thể áp dụng được cách thức diễn đạt theo nội dung đã nghe được	Giảng viên có thể hướng dẫn và làm mẫu để sinh viên làm theo	Chỉnh sửa những sai sót của sinh viên
4	Sinh viên rút ra được bài học hoặc kinh nghiệm gì sau khi nghe xong nội dung bài khóa	Có thể thảo luận nhóm, xung phong phát biểu ý kiến hoặc chỉ định SV phát biểu	Tổng hợp ý kiến của sinh viên, GV nêu ra kết luận và nói lên những ý kiến nào của SV là được hoặc chưa được

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn

AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
1	- Nghe hiểu được nội dung câu trong bài	-GV giới thiệu cho sv về ngữ cảnh và nội dung của bài học, sau đó mở máy cho sinh viên nghe, sau đó gv đặt câu hỏi để kiểm tra	- Kiểm tra câu trả lời của sv có đúng đáp án hoặc nội dung của bài hay không	- Nghe hiểu được ý nghĩa của nội dung theo từng ngữ cảnh của câu	- Hiểu được ý nghĩa của từ, ngữ theo từng chủ đề đã nghe;	- Áp dụng được kỹ năng nghe trên lớp vào thực tế cuộc sống, cố gắng nâng cao trình độ nghe

2	<p>- Nghe và hiểu được nội dung của đoạn văn hoặc đoạn hội thoại</p>	<p>-GV sau khi giảng bài cho sv nghe máy và làm các bài tập có sẵn trong sách</p>	<p>- Xem sv có làm được và làm đúng các bài tập nghe hay không</p>	<p>- Nắm được các từ vựng trong các bài đã nghe, có được kỹ năng nghe nhất định theo yêu cầu</p>	<p>- Nắm vững được ý nghĩa của từ, ngữ, mẫu câu theo từng chủ đề đã nghe</p>	<p>- Nghe được nội dung; - Có thể áp dụng được kiến thức đã học vào thực tế</p>
3	<p>- Có thể sử dụng những cấu trúc, những mẫu câu đã nghe vào đàm thoại trong thực tế - Thực hành nói theo nội dung bài nghe liên hệ với thực tế;</p>	<p>-Có thể tổ chức hội thoại hoặc thảo luận nhóm theo chủ đề của bài đang học</p>	<p>- Thảo luận, trả lời câu hỏi hoặc làm bài tập trên bảng hoặc làm vào tập - Nói được những nội dung theo chủ đề đã nghe</p>	<p>- Nắm được lượng từ vựng và các mẫu câu theo từng chủ đề đã nghe</p>	<p>- Có thể nghe và thuật lại được những gì đã nghe</p>	<p>- Nghe được nội dung; - Thuật lại được nội dung chính đã nghe; - Nắm vững kỹ năng nghe một đoạn dài.</p>



4	- Nghe và viết ra được phần đã nghe	- SV thực hành làm các bài tập theo yêu cầu	- Kiểm tra bài làm của sv, nếu có sai sót thì chỉnh sửa	- Nghe được nội dung, viết được những gì đã nghe hiểu	- Khả năng nghe, và khả năng viết đúng viết kịp những gì bài nghe đã phát ra	- Tiếp tục nâng cao kỹ năng nghe, đồng thời luyện thêm kỹ năng viết song song với nghe
---	-------------------------------------	---	---	---	--	--

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính

Giáo trình nghe quyển 2 (????????,????????????,????????????, 2005 ??)

Giáo trình nghe quyển 3 (?????,????????????,????????????, 2000 ??)

- Tài liệu tham khảo/bổ sung

????, ?????????????,????????????, 2011 ??

????, ?????????????,????????????, 2011 ??

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Giữa kỳ	- Chuyên cần - Kiểm tra giữa kỳ	20 % 80 % 100%	Điểm giữa kỳ	30%

Cuối kỳ	- Thi cuối kỳ	80% 100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

#### - Xếp loại đánh giá (GV tự xây dựng)

Từ 0 điểm đến 2 điểm xếp loại kém, 2,5 điểm đến 4,5 điểm xếp loại yếu, 5 điểm xếp loại trung bình (nghe được 50%), 6 điểm xếp loại trung bình khá (nghe được 60%), 7 điểm loại khá (nghe được 70%), 8 điểm xếp loại khá giỏi (nghe được 80%), 9 điểm xếp loại giỏi (nghe được 90%), 10 điểm xếp loại xuất sắc (nghe được 100%)

#### - Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng) :

**Hình thức thi:** Thi viết, nghe đĩa và làm bài trên đề thi. Thời gian thi 50 phút.

**Nội dung thi:** Có 5 phần

- Phần 1: Nghe và chọn đáp án đúng ABCD, gồm 10 câu, nghe 2 lần
- Phần 2: Điền từ vào chỗ trống, gồm 10 chỗ trống, nghe 3 lần
- Phần 3: Dựa theo nội dung đã nghe trả lời câu hỏi, trả lời 5 câu hỏi, nghe 3 lần
- Phần 4: Nói các nội dung có liên quan lại với nhau, 5 nội dung, nghe 2 lần
- Phần 5: Chọn đáp án đúng hoặc sai, 5 câu, nghe 2 lần

#### - Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học):

- Phần 1: Nghe và chọn đáp án đúng: 2 điểm, mỗi câu đúng được 0,2 điểm
- Phần 2: Điền từ vào chỗ trống, 2,5 điểm, mỗi chỗ viết đúng được 0,25 điểm
- Phần 3: Trả lời câu hỏi, 2,5 điểm, mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm
- Phần 4: Nói các nội dung có liên quan, 1,5 điểm, một nội dung nói đúng được 0,3 điểm
- Phần 5: Chọn đáp án đúng hoặc sai, 1,5 điểm, một câu đúng được 0,3 điểm

### 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

#### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp,...
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp
- Ôn và nghe lại bài cũ

#### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Nộp tiêu luận trễ trong vòng 1 tuần sẽ bị trừ điểm 10%
- Làm bài nghiêm túc

### 11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

- Tiếp sinh viên trước giờ giảng, trong giờ nghỉ giải lao và sau giờ giảng tại lớp hoặc tiếp tại văn phòng khoa trong giờ làm việc ngoài giờ học trong giờ hành chính. Không tiếp sinh viên tại nhà riêng.

## 12. Nội dung chi tiết môn học:

### 12.1. Giáo trình nghe quyển 2

#### Bài V: ???

5.1. ??????

5.1.1. ??????????????

5.1.2. ??????,?????????

5.1.3. ??????????????

5.2. ????

5.2.1. ???

5.2.2. ??

5.3. ??????

5.3.1. ??????????????

5.3.2. ??????,?????????

#### Bài VI: ???

6.1. ??????

6.1.1. ??????????????

6.1.2. ??????,?????????

6.1.3.?????

6.1.4.?????

6.2. ??????

6.2.1. ??????????????

6.2.2.???,?????????

#### Bài VII: ???

7.1. ??????

7.1.1.?????????????????

7.1.2.?????,?????????

7.1.3. ??????????????

7.2. ????

7.2.1. ??????????

7.2.2. ??????????

7.3. ??????

7.3.1. ??????????????

7.3.2. ??????????,?????????????????

7.3.3.?????????????????

**Bài VIII: ???**

- 8.1. ??????
- 8.1.1. ??????????????
- 8.1.2. ??????, ????????
- 8.1.3. ??????, ??????
- 8.2. ?????
- 8.2.1. ????????
- 8.2.2. ?????
- 8.3. ??????
- 8.3.1. ??????????????
- 7.3.2. ??????????????

**Bài IX: ???**

- 9.1. ??????
- 9.1.1. ??????????????
- 9.1.2. ??????, ????????
- 9.1.3. ??????, ??????
- 9.2. ?????
- 9.2.1. ?????
- 9.2.2. ?????
- 9.3. ??????
- 9.3.1. ??????????????
- 9.3.2. ??????????

**Bài IX: ???**

- 10.1. ??????
- 10.1.1. ??????????????
- 10.1.2. ??????, ????????
- 10.1.3. ??????????????
- 10.2. ?????
- 10.2.1. ???
- 10.2.2. ????????
- 10.3. ??????
- 10.3.1. ??????????????
- 10.3.2. ????????? “?”? “?”?????????

**Bài X: ???**

- 11.1. ??????
- 11.1.1. ??????????????
- 11.1.2. ??????, ????????
- 11.1.3. ??????, ??????
- 11.2. ?????
- 11.2.1. ??

11.2.2. ???

11.3. ??????

11.3.1. ????????????

11.3.2. ??????? “?”???????

*12.2. Giáo trình nghe quyển 3*

**Bài I: ????????**

1.1. ??????

1.1.1. ??????????

1.1.2. ??????,????

1.2.????

1.2.1. ??

1.2.2.??

**Bài II: ????????**

2.1. ??????

2.1.1. ??????????

2.1.2. ??????,????

2.2.????

2.2.1. ???????

2.2.2.????

**Bài III: ??????????**

3.1. ??????

3.1.1. ??????????????

3.1.2. ??????,????

3.2.????

3.2.1. ??????

3.2.2. ?????

**Bài IV: ????????????**

4.1. ??????

4.1.1. ??????????

4.1.2. ??????,????

4.2. ?????

4.2.1. ??????????

4.2.2. ??????

**Bài V: ????????????**

5.1. ??????

5.1.1. ??????????????

5.1.2. ??????,????

5.2. ?????

5.2.1. ??????

5.2.2. ??

**Bài VI: ???**

6.1. ??????

6.1.1. ?????????

6.1.2. ??????,????

6.2. ????

6.2.1. ???

**Bài VII: ????????**

7.1. ??????

7.1.1. ?????????

7.1.2. ???????,????

7.2. ????

7.2.1. ????(?)????

7.2.2. ??

**Bài VIII: ?????????**

8.1. ??????

8.1.1. ?????????

8.1.2. ??????,????

8.2.????

8.2.1. ??????

8.2.2. ??????

**Bài IX: ???“????” ???**

9.1. ??????

9.1.1. ?????????

9.1.2. ??????,????

9.2. ????

9.2.1. ???????

9.2.2. ??

**Bài IX: ????????**

10.1. ??????

10.1.1. ?????????

10.1.2. ??????,????

10.2.????

10.2.1. ?????????????

10.2.2. ????

**Bài X: ?????????**

11.1. ??????

11.1.1. ?????????

11.1.2. ??????,????

11.2.????

11.2.1. ????

11.2.2. ?????

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

<b>Buổi / Tuần</b>	<b>Số tiết trên lớp</b>	<b>Nội dung bài học</b>	<b>Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV</b>	<b>Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)</b>
1	5	Bài 5	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 5, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV thảo luận về một chuyến đi du lịch, môn thể thao ưa thích. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 5.	Trang 19 đến trang 22 giáo trình nghe quyển 2
2	5	Bài ôn tập số 1	GV giảng và cho nghe nội dung của bài ôn tập số 1, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV chú ý nghe giảng bài và nghe nội dung của bài ôn tập số 1. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài ôn tập số 1.	Trang 23 đến trang 26 giáo trình nghe quyển 2
3	5	Bài 6	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 6, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV chú ý nghe giảng bài và nghe nội dung của bài 6. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 6.	Trang 27 đến trang 30 giáo trình nghe quyển 2
4	5	Bài 7	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 7, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV nghe và thảo luận về tình trạng hút thuốc hiện nay ở Việt Nam, so sánh với Trung Quốc. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 7.	Trang 31 đến trang 34 giáo trình nghe quyển 2

5	5	Bài 8	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 8, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV thảo luận về vai trò của người phụ nữ trong xã hội hiện nay. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 8.	Trang 35 đến trang 38 giáo trình nghe quyển 2
6	5	Bài 9	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 9, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV bàn về một bữa ăn. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 9.	Trang 39 đến trang 42 giáo trình nghe quyển 2
7	5	Bài 10 Thi nghe giữa kỳ (45')	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 10, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV nói về giờ giấc trong ngày. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 10.	Trang 43 đến trang 46 giáo trình nghe quyển 2
8	5	Bài 1 Đón tiếp tiễn đưa (????)	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 1, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV chuẩn bị từ mới trước ở nhà, nghe và thảo luận việc tiếp khách, tiễn khách trên lớp. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 1.	Trang 3 đến trang 6 giáo trình nghe quyển 3 (?????,???????????,??? ??????, 2000 ??)
9	5	Bài 2 Hàng xóm láng giềng (????)	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 2, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV Nghe và phân tích mối quan hệ giữa hàng xóm láng giềng. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 2.	Trang 7 đến trang 10 giáo trình nghe quyển 3



10	5	Bài 3 Không giống như Trung Quốc(?????) ?)	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 3, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV nghe và so sánh một số điểm khác nhau về phong tục tập quán giữa Việt Nam và Trung Quốc. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 3.	Trang 11 đến trang 14 giáo trình nghe quyển 3
11	5	Bài 4 Nên tặng quà gì đây? (?????) ??)	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 4, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV nghe và thảo luận về cách tặng quà vào các dịp khác nhau. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 4.	Trang 15 đến trang 17 giáo trình nghe quyển 3
12	5	Bài 5 Cám ơn sinh nhật của bạn (???????)	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 5, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV nghe và nói về lòng nhân đạo như nên giúp ai và cách giúp như thế nào. . Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 5.	Trang 18 đến trang 21 giáo trình nghe quyển 3
13	5	Bài ôn tập số 1 (???)	GV giảng và cho nghe nội dung của bài ôn tập số 1, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV chú ý nghe giảng bài và nghe nội dung của bài ôn tập số 1. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài ôn tập số 1.	Trang 22 đến trang 24 giáo trình nghe quyển 3

14	5	Bài 6 Bàn chuyện cưới gả (????)	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 6, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV nghe và so sánh những gì giống và khác nhau trong phong tục cưới xin ở Trung Quốc và Việt Nam. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 6.	Trang 25 đến trang 28 giáo trình nghe quyển 3
15	5	Bài 7 Nam và nữ (?? ???)	GV giảng và cho nghe nội dung của bài 7, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học. SV nghe và mở rộng thêm những khác biệt về một số vấn đề giữa nam và nữ. Trả lời các câu hỏi có liên quan đến bài học. Làm bài tập bài 7.	Trang 29 đến trang 32 giáo trình nghe quyển 3

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 6 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

**PGS.TS Nguyễn Đình Phúc TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương ThS. Võ Ngọc Tuấn Kiệt  
ThS. Phan Thị Hà**

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bỏ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học**

Họ và tên: Võ Ngọc Tuấn Kiệt	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Ngữ văn Trung Quốc	Điện thoại liên hệ: 0918/996186
Email: vongoctuankiet@yahoo.com	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	Điện thoại, email hoặc gặp mặt trực tiếp
-------------------------------	--

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV  
KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Ngữ pháp sơ cấp 1 (D1)**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): ???—?? 1(D1)

- Mã môn học: NVT062

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Môn học thuộc khối kiến thức:

**2. Số tín chỉ: 3**

**3. Trình độ:** dành cho sinh viên năm thứ 1

**4. Phân bố thời gian:** 75tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 60 tiết

**5. Điều kiện tiên quyết:**

- Môn học tiên quyết: Không

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: không

### 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Nội dung chủ yếu của môn học là về kiến thức ngữ pháp cơ bản thông qua các bài hội thoại đơn giản, các điểm ngữ pháp cơ bản, cách giải thích từ ngữ thường dùng... và sinh viên có thể thông qua các bài tập thay thế, điền chỗ trống, đặt câu, sửa câu sai, hoàn thành đối thoại... để tiếp cận và sử dụng linh hoạt chính xác các điểm ngữ pháp đã học.

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Môn học chủ yếu nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết và thực hành cơ bản về ngữ pháp tiếng Trung, giúp sinh viên trong giai đoạn đầu học tiếng Trung hiểu và sử dụng đúng các mẫu câu và cấu trúc ngữ pháp đơn giản cũng như áp dụng đúng và nhuần nhuyễn vào các tình huống giao tiếp thực tiễn.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể đạt được kỹ năng áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng thành thạo các cấu trúc ngữ pháp tiếng Trung cơ bản.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/ Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên		Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
					Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
1	Phần mở đầu: ?????(?? ?) Từ bài 1- bài 7	- GV thuyết trình phân tích giảng (có thể dùng ppt) - SV thực hành và làm một số bài tập tại lớp. - Hướng dẫn SV về nhà học bài tự ôn tập phần đã học và chuẩn bị bài mới.	trình bài dùng	Kỹ năng thuyết trình, vận dụng ngữ pháp	PLO1 Đọc chuẩn, chính xác các thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu Tiếng Hoa	PLO2 Biết vận dụng, ứng dụng và phát âm đúng bảng phiên âm tiếng Trung	PLO3 Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử

2	<b>Phần thứ 2:</b> ??????(??? ?) Từ bài 8 - bài 15	- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt) - SV chuẩn bị bài ở nhà. SV thực hành nhóm và làm một số bài tập tại lớp. - SV về nhà học bài làm bài và chuẩn bị bài mới.	Kỹ năng thuyết trình, vận dụng ngữ pháp GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp. GV đánh giá	Năm vững được những điểm ngữ pháp cơ bản và các kết cấu ngữ pháp đơn giản	Biết vận dụng, ứng dụng kiến thức ngữ pháp đã học	Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử
3	<b>Phần thứ 3</b> ??????(??? ?) Từ bài 16 - bài 30	- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt) - SV chuẩn bị bài ở nhà. SV thực hành nhóm và làm một số bài tập tại lớp. - SV về nhà học bài làm bài và chuẩn bị bài mới.	Kỹ năng thuyết trình, vận dụng ngữ pháp GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp. GV đánh giá	Năm vững được những điểm ngữ pháp cơ bản và các kết cấu ngữ pháp đơn giản	Biết vận dụng, ứng dụng kiến thức ngữ pháp đã học	Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử
4	<b>Phần thứ 4</b> ??????(??? ?) Từ bài 1 - bài 5	- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt) - SV chuẩn bị bài ở nhà. SV thực hành nhóm và làm một số bài tập tại lớp. - SV về nhà học bài làm bài và chuẩn bị bài mới.	Kỹ năng thuyết trình, vận dụng ngữ pháp GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp. GV đánh giá	Năm vững được những điểm ngữ pháp cơ bản và các kết cấu ngữ pháp đơn giản	Biết vận dụng, ứng dụng kiến thức ngữ pháp đã học	Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử

## 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính

[1] ?????? (???) (???) (???), ???, ??????????, 2006 ??

[2] ?????? (???) (???) (???), ???, ??????????, 2006 ??

[3] ?????? (???) (???) (???), ???, ??????????, 2006 ??

- Tài liệu tham khảo/bổ sung

????? (2008), ??????????, ????????

Trương Gia Quyền (2011), Học Ngữ Pháp Thật đơn giản, NXB Văn Nghệ

- Trang Web/CDs tham khảo

## 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Giữa kỳ	- Chuyên cần - Thái độ tinh thần học tập - Chuẩn bị bài, làm bài tập - Tham gia thảo luận theo nhóm - Thuyết trình - Kiểm tra giữa kỳ (khoảng tuần thứ 9 đến tuần thứ 12)	10% 5% 5% 5% 5% 70% 100%	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	- Thi cuối kỳ	100 %	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

## Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá: 5 - 6 điểm : trung bình

7 - 8 điểm : khá

9 - 10 điểm : giỏi

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng)

Hình thức thi: trắc nghiệm

Nội dung thi: có 2 phần: 80% sẽ lấy nội dung trong những bài đã học; 20% sử dụng tài liệu đọc thêm nhưng nội dung tương đương với những bài đã học và trình độ của sinh viên.

Thời lượng : Giữa kì 60 phút , Cuối kì 90 phút

Tiêu chí chấm điểm: bài thi giữa kỳ và cuối kỳ đều có tổng cộng 4 hoặc 5 mục

- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)

## **11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

### **11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ học trên lớp theo qui định , tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp, không nghỉ quá 20% tổng số giờ học.

- Tuyệt đối không được vắng mặt trong các buổi thực hành của nhóm

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ (Đọc tài liệu và chuẩn bị bài cho mỗi buổi học trước khi vào lớp, tham gia thảo luận và làm các bài tập tại lớp, làm kiểm tra giữa môn và thi hết môn) theo đúng yêu cầu của giảng viên phụ trách môn học.

- Sinh viên phải làm quen với việc thu thập và xử lý thông tin, trao đổi bài vở qua mạng Internet.

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ

- Sinh viên vi phạm quy định (nghỉ học, đi muộn không có lí do chính đáng; không làm bài tập ,...) tùy theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.

- Phải tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp

- Sinh viên thiếu một trong các điểm thành phần sẽ không có điểm cho toàn môn học.

### **11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

- Sinh viên có thể liên lạc và gặp giảng viên tại văn phòng Khoa Ngữ Văn Trung Quốc B014

## **12. Nội dung chi tiết môn học: viết chi tiết tên chương, tiết, mục; chẳng hạn:**

?????(???)?(??? ???)

???: ??!

1.1 ??: ??, ??, ??

1.2 ?? : ????, ??, ??

???: ?????

2.1 ?? : ??, ??, ??

2.2 ?? : ????, ??, ???

???: ???

3.1 ?? : ??, ??, ??

3.2 ?? : ????, ????, “

”???

???: ?????

4.1 ?? : ??, ??, ??

4.2 ?? : ????, ????, ????

???: ?????

5.1 ?? : ??, ??, ??

5.2 ?? : ????, (er)???, ????, ??: -i

???: ????

6.1 ?? : ???(1)

6.2 ?? : ??????????

???: ?????

7.1 ?? : ????

7.2 ?? : “?”???

???: ?????????

8.1 ?? : ???(2)

8.2 ?? : “? + ??”

???: ?????

9.1 ?? : ?????????

9.2 ?? : ??????

???: ?????

?? : + ?????????

+ ??????

+ ??????

????: ?????????

?? : + ???(1): .....??

+ ??

+ ??“?”?“?”

????: ?????????

?? : + ???(2): ????



+ ???????“?”  
+ ??“?”“?”

????: ?????

?: + ??(3): ???  
+ ?????  
+ “?”??

????: ?????????

?: + ??(4): ????: .....??..... ?  
+ ??(5): ????: .....? ?  
+ ?????

????: ?????????

?: + “?”??  
+ ????: “?”“?”  
+ ????: “? + ? +

”

????: ?????

?: + ?????  
+ “?”“?”

????: ?????

?: + ?????  
+ ???  
+ ??????: “? + ?”

????: ?????

?: + ??  
+ ???

????: ?????

?: + ???  
+ ?.....?.....  
+ “?”“?”

????: ?????

?: + ?????  
+ ?, ?, ?  
+ ??(6): ???

????: ?????

?: + ?????

????: ?????

??: + ???  
 ?????: ?????????  
 ??: + ???  
 + ?????  
 + ??“?”“?”“?”  
 ?????: ?????  
 ??: + ???  
 + ???  
 ?????: ?????  
 ??: + ???(1)  
 ?????: ?????  
 ??: + ?????“?”  
 + “?”“?”  
 ?????: ???  
 ??: + ?????: ?? + ?  
 + ??.....??.....  
 ?????: ?????????  
 ??: + “?”“?”  
 + “??.....(??, ?.....)”  
 + “??.....??.....”  
 ?????: ?????  
 ??: + ???  
 + ??????  
 ?????: ?????????  
 ??: + ???  
 + ?????  
 + ???  
 ?????(???)?(?? ?)  
 ???: ?????????  
 ??: + ???: “?”??, A ?/? B + adj  
 + ???  
 ???: ?????????????  
 ??: + ???: ?.....??/??  
 + ??.....??.....  
 ???: ??????

??: + ?????“?”(2)

+ ??????

+ ???????“?”

???: ????, ????

??: + ??????: ?? + ??/?

???: ?????????“??”

??: + ?? + ?

+ ????

+ ??????

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	Bài 1 – 2: Học cách phát âm. Thanh mẫu, vận mẫu, phiên âm Tiếng Hoa. Thanh điệu và sự biến đổi thanh điệu	- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt) - SV thực hành và làm một số bài tập tại lớp. - Hướng dẫn SV về nhà học bài tự ôn tập phần đã học và chuẩn bị bài mới.	?????(???) (??) (???)
2	5	Bài 3 – 4: Học cách phát âm. Thanh mẫu, vận mẫu, phiên âm Tiếng Hoa (tiếp theo). Qui tắc viết, dấu cách âm. Biến điệu của “ ”	- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt) - SV chuẩn bị bài ở nhà, - GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp. GV đánh giá - SV thực hành nhóm và làm một số bài tập tại lớp. - SV về nhà học bài làm bài và chuẩn bị bài mới.	?????(???) (??) (???)

3	5	<p>Bài 5 – 6: Học cách phát âm. Thanh mẫu, vận mẫu, phiên âm Tiếng Hoa (tiếp theo).</p> <p>Vần uốn lưỡi. Qui tắc viết, dấu cách âm.</p> <p>Biến điệu của “?”</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt)</li> <li>- SV chuẩn bị bài ở nhà,</li> <li>- GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp. GV đánh giá</li> <li>- SV thực hành nhóm và làm một số bài tập tại lớp.</li> <li>- SV về nhà học bài làm bài và chuẩn bị bài mới.</li> </ul>	<p>?????(??)(?)?? ?)</p>
4	5	<p>Bài 7 – 9:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trợ từ ngữ khí “?”</li> <li>- ? + Lượng từ</li> <li>- Cách đọc 3 thanh 3 liền nhau</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt)</li> <li>- SV chuẩn bị bài ở nhà,</li> <li>- GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp. GV đánh giá</li> <li>- SV thực hành nhóm và làm một số bài tập tại lớp.</li> <li>- SV về nhà học bài làm bài và chuẩn bị bài mới.</li> </ul>	<p>?????(??)(?)?? ?)</p>
5	5	<p>Bài 10 – 12:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Câu vị ngữ động từ</li> <li>- Cách đọc các con số</li> <li>- Câu hỏi dùng “?”</li> <li>- Trạng ngữ</li> <li>- Phó từ: ?, ?</li> <li>- Câu hỏi dùng đại từ nghi vấn</li> <li>- Giới từ: ?, ?</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt)</li> <li>- SV chuẩn bị bài ở nhà,</li> <li>- GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp. GV đánh giá</li> <li>- SV thực hành nhóm và làm một số bài tập tại lớp.</li> <li>- SV về nhà học bài làm bài và chuẩn bị bài mới.</li> </ul>	<p>?????(??)(?)?? ?)</p>

6	5	<p><b>Bài 13 – 15:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Câu vị ngữ tính từ</li> <li>- Câu nghi vấn chính phần</li> <li>- Kết cấu giới từ“?”</li> <li>- Câu vị ngữ chủ vị</li> <li>- Câu hỏi lựa chọn</li> <li>- Câu chữ “?”</li> <li>- Cụm số lượng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt)</li> <li>- SV chuẩn bị bài ở nhà,</li> <li>- GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp. GV đánh giá</li> <li>- SV thực hành nhóm và làm một số bài tập tại lớp.</li> <li>- SV về nhà học bài làm bài và chuẩn bị bài mới.</li> </ul>	?????(??)(?) (???)
7	5	<p><b>Bài 16 – 18:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ chỉ thời gian làm trạng ngữ</li> <li>- “??”?“??”</li> <li>- Câu 2 tân ngữ</li> <li>- “?? + động từ”</li> <li>- Câu liên động</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt)</li> <li>- SV chuẩn bị bài ở nhà,</li> <li>- GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp. GV đánh giá</li> <li>- SV thực hành nhóm và làm một số bài tập tại lớp.</li> <li>- SV về nhà học bài làm bài và chuẩn bị bài mới.</li> </ul>	?????(??)(?) (???)
8	5	<p><b>Bài 19 – 21:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Động từ trùng điệp</li> <li>- “?.....?”</li> <li>- “???”?“???”</li> <li>- Câu vị ngữ danh từ</li> <li>- Biểu đạt thời gian</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt)</li> <li>- SV chuẩn bị bài ở nhà,</li> <li>- GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp. GV đánh giá</li> <li>- SV thực hành nhóm và làm một số bài tập tại lớp.</li> <li>- SV về nhà học bài làm bài và chuẩn bị bài mới.</li> </ul>	?????(??)(?) (???)

9	5	<p>Bài 22 – 24:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Câu kiêm ngữ</li> <li>- Từ phương vị</li> <li>- Biểu đạt sự tồn tại</li> <li>- Giới từ: ?, ?, ?</li> <li>- Động từ năng nguyện</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt)</li> <li>- SV chuẩn bị bài ở nhà,</li> <li>- GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp. GV đánh giá</li> <li>- SV thực hành nhóm và làm một số bài tập tại lớp.</li> <li>- SV về nhà học bài làm bài và chuẩn bị bài mới.</li> </ul>	<p>?????(??)(?) (???)</p>
10	5	<p>Bài 25 – 27:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bồ ngữ trạng thái (1)</li> <li>- Trợ từ ngữ khí “?”</li> <li>- “?”? “?”</li> <li>- Động từ + ?</li> <li>- ??.....??.....</li> <li>-</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt)</li> <li>- SV chuẩn bị bài ở nhà,</li> <li>- GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp. GV đánh giá</li> <li>- SV thực hành nhóm và làm một số bài tập tại lớp.</li> <li>- SV về nhà học bài làm bài và chuẩn bị bài mới.</li> </ul>	<p>?????(??)(?) (???)</p>
11	5	<p>Bài 27 – 30:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- “?”? “?”</li> <li>- ??.....?.....</li> <li>- ??.....??.....</li> <li>- Bồ ngữ kết quả: “?”? “?”? “?”? “?”</li> <li>- Cụm chủ vị làm định ngữ.</li> <li>- Bồ ngữ thời lượng</li> <li>- Động từ li hợp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt)</li> <li>- SV chuẩn bị bài ở nhà,</li> <li>- GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp. GV đánh giá</li> <li>- SV thực hành nhóm và làm một số bài tập tại lớp.</li> <li>- SV về nhà học bài làm bài và chuẩn bị bài mới.</li> </ul>	<p>?????(??)(?) (???)</p>

12	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn Tập</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt)</li> <li>- SV chuẩn bị bài ở nhà,</li> <li>- GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp. GV đánh giá</li> <li>- SV thực hành nhóm và làm một số bài tập tại lớp.</li> <li>- SV về nhà học bài làm bài và chuẩn bị bài mới.</li> </ul>	?????(??)(?)???)
13	5	<p>Bài 1 – 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ ngữ thời lượng</li> <li>- Câu so sánh: ?????</li> <li>- Câu so sánh: ?.....?/? ??</li> <li>?</li> <li>- ??.....??.....</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt)</li> <li>- SV chuẩn bị bài ở nhà,</li> <li>- GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp. GV đánh giá</li> <li>- SV thực hành nhóm và làm một số bài tập tại lớp.</li> <li>- SV về nhà học bài làm bài và chuẩn bị bài mới.</li> </ul>	?????(??)(?)???)
14	5	<p>Bài 3 – 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Động tác sắp phát sinh</li> <li>- Trợ từ ngữ khí “?”(2)</li> <li>- Trạng ngữ và trợ từ kết cấu ?</li> <li>- Câu vô chủ</li> <li>- Bổ ngữ xu hướng đơn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt)</li> <li>- SV chuẩn bị bài ở nhà,</li> <li>- GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp. GV đánh giá</li> <li>- SV thực hành nhóm và làm một số bài tập tại lớp.</li> <li>- SV về nhà học bài làm bài và chuẩn bị bài mới.</li> </ul>	?????(??)(?)???)

15	5	<p><i>Bài 5:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>động từ + ?;</i></li> <li>- <i>Bổ ngữ động lượng</i></li> </ul> <p><i>Ôn Tập</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>GV thuyết trình phân tích bài giảng (có thể dùng ppt)</i></li> <li>- <i>SV chuẩn bị bài ở nhà,</i></li> <li>- <i>GV kiểm tra kiến thức thông qua hình thức: Hỏi đáp. GV đánh giá</i></li> <li>- <i>SV thực hành nhóm và làm một số bài tập tại lớp.</i></li> <li>- <i>SV về nhà học bài làm bài và chuẩn bị bài mới.</i></li> </ul>	<p>?????(??)(?) (???)</p>
----	---	---	---	---------------------------



**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2016

**Người biên soạn**

**PGS.TS Nguyễn Đình Phúc TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương TS. Hoàng Tố Nguyên  
TS. Cái Thi Thủy**

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học** (có thể dùng bảng hoặc không)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV**  
**KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học: **Ngữ pháp sơ cấp 2 (D1)**
- Mã môn học: NVT063

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

### 2. Số tín chỉ: 4

3. **Trình độ:** dành cho sinh viên năm thứ 1

4. **Phân bố thời gian:** 90 tiết

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thực hành: 60 tiết

**5. Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã hoàn thành môn Ngữ pháp sơ cấp 1

**6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Nội dung môn học chủ yếu về kiến thức ngữ pháp tiếng Trung cơ bản (ý nghĩa và cách sử dụng các phó từ, liên từ, kết cấu cố định...) kết hợp so sánh với tiếng Việt thông qua các bài hội thoại, điểm ngữ pháp và các dạng bài tập (dịch câu, điền chỗ trống, hoàn thành câu, đặt câu, sửa câu sai, hoàn thành đối thoại...)

**7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:**

- Mục tiêu: Môn học chủ yếu nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết và thực hành cơ bản về ngữ pháp tiếng Trung, giúp sinh viên trong giai đoạn đầu học tiếng Trung hiểu và sử dụng đúng các cấu trúc ngữ pháp đơn giản cũng như áp dụng đúng và nhuần nhuyễn vào các tình huống giao tiếp thực tiễn.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể đạt được kỹ năng áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng thành thạo tiếng Trung cơ bản.

**8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:**

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)			
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ	
	Sinh viên có thể đạt được kỹ năng áp dụng các kiến thức đã học trên lớp vào thực tiễn cuộc sống, sử dụng thành thạo tiếng Trung cơ bản.	-GV thuyết trình -SV thảo luận, thực hành	- Dự lớp: tối thiểu 80% các buổi học sinh viên mới được phép dự thi - Biểu hiện trong quá trình học - Kỹ năng trình bày - Ý kiến hỏi đáp - Kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ.	<i>PLO1</i> -Nắm vững được những kết cấu ngữ pháp cơ bản để ứng dụng trong các loại hình diễn đạt khác nhau.	<i>PLO2</i> Vận dụng linh hoạt những từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học để có khả năng diễn đạt bằng tiếng Hán.	<i>PLO3</i> Tự tin hơn trong các công việc có sử dụng tiếng Hán.	

--	--	--	--	--	--	--

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính

Giáo trình Hán ngữ, Trần Thị Thanh Liêm biên dịch, Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm.

- Tài liệu tham khảo/bổ sung

?????: ??????????, ??????????

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Giữa kỳ	- Chuyên cần - Bài tập - Bài thu hoạch - Kiểm tra giữa kỳ	10 % 10 % 10 % 70 % 100%	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	- Thi cuối kỳ	100%	Điểm cuối kỳ	70%
				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>

Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

+ Điểm chuyên cần và bài tập: đánh giá trong suốt quá trình làm bài tập tại lớp ở mỗi buổi học. Phần trăm/ tổng điểm là 30%

+ Điểm giữa kỳ: đánh giá thông qua bài kiểm tra giữa kỳ. Phần trăm/ tổng điểm là 70%

+ Điểm cuối kỳ: đánh giá thông qua bài kiểm tra cuối kỳ. Phần trăm/ tổng điểm là 100%

+ Điểm cả học phần là tổng cộng của điểm chuyên cần, điểm bài tập, điểm giữa kỳ và điểm cuối kỳ (giữa kỳ là 30%, cuối kỳ là 70 %).

### 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

#### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.

- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp mới được phép dự thi.

- Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo cho mỗi buổi học trước khi vào lớp.
- Làm các bài tập trong giáo trình và bài tập do giảng viên cung cấp.

## 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.

## 12. Nội dung chi tiết môn học:

[1] Giáo trình Hán ngữ (tập 2 quyển thượng), Trần Thị Thanh Liêm biên dịch, Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm..

Bài 6: ??????????

Ngữ pháp trọng điểm: ?.....???.....?.....?????: ??????

Bài 7: ??????????

Ngữ pháp trọng điểm: ??????????: ???????

Bài 8: ????????

Ngữ pháp trọng điểm: ??????: ????????????????

Bài 9: ????????

Ngữ pháp trọng điểm: ????????

Bài 10: ??????????

Ngữ pháp trọng điểm: ??????????: ??+?

[2] Giáo trình Hán ngữ (tập 2 quyển hạ), Trần Thị Thanh Liêm biên dịch, Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm.

Bài 11: ??????????

Ngữ pháp trọng điểm: ??????????: ??????????: “???.……”?“?……?……”

Bài 12: ?????“?”???????

Ngữ pháp trọng điểm: ???(1)

Bài 13: ??????????

Ngữ pháp trọng điểm: ???(2)

Bài 14: ????????????

Ngữ pháp trọng điểm: ??????: “?”?????

Bài 15: ??????, ??????

Ngữ pháp trọng điểm: ????(1) ??????????: ??+?/

+?????????: ??+?/

+?

Bài 16: ????, ??????

Ngữ pháp trọng điểm: ????(2) ??????????????????.....?.....

Bài 17: ??????

Ngữ pháp trọng điểm: ??????: ??????????????.....?.....

Bài 18: ????????????

Ngữ pháp trọng điểm: ??????????????????: “??....., ??.....”?????????: ?.....?(?).....??.....??.....

Bài 19: ????????

Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????(2)

Bài 20: ?????

Ngữ pháp trọng điểm: ??????????: ?.....?/?.....?????: ????

[3] Giáo trình Hán ngữ (tập 3 quyển thượng), Trần Thị Thanh Liêm biên dịch, Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm..

Bài 1: ?????

Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????????

Bài 2: ???

Ngữ pháp trọng điểm: ?????????.....?.....???

Bài 3: ?????

Ngữ pháp trọng điểm: ???+???+???????

Bài 4: ??

Ngữ pháp trọng điểm: ??+?+

/?.....????????????+?+?+?.....

Bài 5: ????

Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????

Bài 6: ???

Ngữ pháp trọng điểm: ???+????????????.....?.....

Bài 7: ????

Ngữ pháp trọng điểm: ??+????????????????????

Bài 8: ????

Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????

Bài 9: ?????

Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????.....??

Bài 10: ????

Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????

Bài 11: ?????

Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????????+??

Bài 12: ????

Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????

Bài 13: ????

Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????????.....??.....

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

\*Ghi chú: GV có thể sẽ thay đổi nội dung bài học cụ thể linh động (có báo trước vào buổi học đầu tiên về kế hoạch của khoá học) theo kế hoạch giảng dạy của Bộ môn.

Buổi/ Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	Bài 6: ?????????? Ngữ pháp trọng điểm: ?.....???.?.....?... ...?????: ?????? Bài 7: ?????????? Ngữ pháp trọng điểm: ?????(2)	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[1]
2	5	Bài 7: ?????????? Ngữ pháp trọng điểm: ?????: ??????? Bài 8: ??????? Ngữ pháp trọng điểm: ????????: ??????? ???????	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[1]
3	5	Bài 9: ??????? Ngữ pháp trọng điểm: ??????? Bài 10: ??????? Ngữ pháp trọng điểm: ????????: ??+?	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[1]
4	5	Bài 11: ?????????? Ngữ pháp trọng điểm: ??????????: ???? ?????: “???.?.....”?“?.....?.....” Bài 12: ?????“?”????? Ngữ pháp trọng điểm: ???(1)	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[2]
5	5	Bài 13: ?????????? Ngữ pháp trọng điểm: ???(2) Bài 14: ?????????? Ngữ pháp trọng điểm: ???????: “?”??	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[2]
6	5	Bài 14: ?????????? Ngữ pháp trọng điểm: ? Bài 15: ??????, ????? Ngữ pháp trọng điểm: ???(1) ??????? ?: ??+?/ +?????????: ??+?/ +?	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[2]
7	5	Bài 16: ?????, ?????? Ngữ pháp trọng điểm: ???(2) ??????? ?????.....?..... Bài 17: ????? Ngữ pháp trọng điểm: ???????: ?????? ??	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[2]

8	5	Bài 17: ????? Ngữ pháp trọng điểm: ??.....?..... Bài 18: ?????????? Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????? ?: “??....., ??.....”?????????: ?.....?(?) .....??.....??.....	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[2]
9	5	Bài 19: ?????? Ngữ pháp trọng điểm: ??????????????(2) Bài 20: ?????? Ngữ pháp trọng điểm: ??????????????: ?... ...?/?.....?????: ????	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[2]
10	5	Bài 1: ????? Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????????? ????? Bài 2: ??? Ngữ pháp trọng điểm: ???	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[3]
11	5	Bài 2: ??? Ngữ pháp trọng điểm: ????......?.....?? ? Bài 3: ????? Ngữ pháp trọng điểm: ????.+????+????? ??	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[3]
12	5	Bài 4: ?? Ngữ pháp trọng điểm: ???+?+ /?.....????????????????+?+?+?..... Bài 5: ????? Ngữ pháp trọng điểm: ?????????	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[3]
13	5	Bài 5: ????? Ngữ pháp trọng điểm: ?????? Bài 6: ??? Ngữ pháp trọng điểm: ????.+???????????? ???......?.....	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[3]
14	5	Bài 7: ????? Ngữ pháp trọng điểm: ??+???????????????? ????????????? Bài 8: ????? Ngữ pháp trọng điểm: ??????	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[3]
15	5	Bài 8: ????? Ngữ pháp trọng điểm: ????????????? Bài 9: ????? Ngữ pháp trọng điểm: ????????????????? .....??	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[3]



16	5	Bài 10: ???? Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????? Bài 11: ?????? Ngữ pháp trọng điểm: ???????????	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[3]
17	5	Bài 11: ?????? Ngữ pháp trọng điểm: ??????????+?? Bài 12: ????? Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????? ?	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[3]
18	5	Bài 13: ????? Ngữ pháp trọng điểm: ?????????????????? ????????.....??..... - Ôn tập	- GV thuyết trình - SV thảo luận nhóm, đặt câu cho điểm ngữ pháp, làm bài tập - Sửa bài tập về nhà	[3]

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 08 năm 2016*  
**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc

TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương

ThS. Hàn Hồng Diệp

**\* Ghi chú tổng quát:**

*Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):*

**Giảng viên phụ trách môn học** (có thể dùng bảng hoặc không)

Họ và tên: Khưu Chí Minh	Học hàm, học vị: tiến sỹ
--------------------------	--------------------------

Địa chỉ cơ quan: B014, K.Ngữ văn TQ, ĐHKHXH&NV TPHCM, 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, TPHCM.	Điện thoại liên hệ:
Email: <a href="mailto:kchiminh@yahoo.com">kchiminh@yahoo.com</a>	Trang web:

### Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Hàn Hồng Diệp	Học hàm, học vị: thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: B014, K.Ngữ văn TQ, ĐHKHXH&NV TPHCM, 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, TPHCM.	Điện thoại liên hệ:
Email: <a href="mailto:hanhongdiep@yahoo.com">hanhongdiep@yahoo.com</a>	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	<a href="mailto:kchiminh@yahoo.com">kchiminh@yahoo.com</a> <a href="mailto:hanhongdiep@yahoo.com">hanhongdiep@yahoo.com</a>
-------------------------------	--

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)
<b>TRƯỜNG ĐH KHXH&amp;NV</b> <b>KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC</b>	

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

Tên tiếng Việt: **Ngữ pháp Trung cấp 1 (khối D1)**

- Mã môn học: NVT064

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>
------------------------------------	---

Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		<input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

## 2. Số tín chỉ: 3

3. **Trình độ:** dành cho sinh viên năm thứ 2

4. **Phân bố thời gian:** 75 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thực hành: 30 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết

- Các hoạt động khác: (bài tập, trò chơi, đố vui, diễn kịch, xem phim, ...): 5 tiết

## 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Ngữ pháp SC2

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Người học bắt buộc phải hoàn tất chương trình dịch sơ cấp 2, nắm vững khoảng 2000 từ.

6. **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Tiến hành giảng dạy các điểm ngữ pháp, các cấu trúc ngữ pháp cơ bản.

## 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- *Mục tiêu:* Học phần Ngữ pháp trung cấp 1 giúp người học củng cố và mở rộng các điểm ngữ pháp một cách có hệ thống, từ đó nâng cao trình độ Hán ngữ. Đây là bước đệm quan trọng để chuyển tiếp sang chương trình Hán ngữ trung cấp 2.

- *Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học:* Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể nắm vững và sử dụng tương đối thành thạo vốn từ vựng khoảng 2500 từ; dần quen với việc sử dụng những điểm ngữ pháp khó để diễn đạt những câu tương đối phức tạp.

## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	- Diễn đạt hoặc lý giải được một cách chuẩn xác các câu từ đơn giản đến phức tạp, và đặt được các câu tương đối khó, phù hợp với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp trung cấp.	- GV thuyết trình. - SV Thảo luận nhóm.	- Kiểm tra giữa kỳ. Kiểm tra cuối kỳ.	- Tích lũy khoảng 2500 từ vựng. - Phân biệt được những điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau trong tiếng Hán. - Nắm vững được những kết cấu ngữ pháp nâng cao để ứng dụng trong các loại hình diễn đạt khác nhau.	- Vận dụng linh hoạt những từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học để nâng cao khả năng diễn đạt bằng tiếng Hán.	- Tự tin hơn trong các công việc có sử dụng tiếng Hán

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Giáo trình: ???(2013), ??????????(?), NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội.
- Tài liệu tham khảo:
  - 1) ???(2003), ????????, ????????
  - 2) ??? ???(2006), ??????????, ????????
  - 3) ??? ???(2007), 1700 ??????????, ????????????

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

<b>Thời điểm đánh giá</b>	<b>Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá</b>	<b>Phần trăm</b>	<b>Loại điểm</b>	<b>% kết quả sau cùng</b>
Hàng tháng	- Chuyên cần	4 %	Điểm giữa kỳ	30%
Giữa kỳ	- Thuyết trình	3 %		
	- Bài tập	3 %		
	- Kiểm tra giữa kỳ	90%		
Cuối kỳ	Thi cuối kỳ	100%	Điểm cuối kỳ	70%
		100%	Điểm học phần	100% (10/10)

Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

## **11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên**

### **11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Phải tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp.
- Phải đọc tài liệu chính và chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Tích cực tham gia đóng góp ý kiến và thảo luận trong giờ học.
- Hoàn thành các bài tập được giao trên lớp và khi về nhà.
- Đọc tài liệu tham khảo

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Nếu vắng học quá 20% số tiết sẽ bị cấm thi cuối kỳ.
- Không có kiểm tra bổ sung giữa kỳ và cuối kỳ.
- Sinh viên phải chấp hành đúng qui chế của nhà trường khi tham gia các kỳ thi: không quay cốp, không trao đổi bài, không sử dụng điện thoại di động và các thiết bị nghe nhìn... Nếu vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định của nhà trường.

### 11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

- Qua email, điện thoại hoặc gặp trực tiếp theo lịch hẹn.

## 12. Nội dung chi tiết môn học:

### Bài 1. ?????

1. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 1: ??????????????????????
2. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
3. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ?????

### Bài 2. ???

1. Sửa bài tập về nhà bài 1
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 2: ??????????.....?.....???
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
4. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ???

### Bài 3. ?????

1. Sửa bài tập về nhà bài 2
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 3: ?????+????+?????????
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
4. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ?????

### Bài 4. ??

1. Sửa bài tập về nhà bài 3
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 4: : ???+?+
3. /?.....????????????+?+?+?.....
4. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
5. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ??

#### **Bài 5. ????**

1. Sửa bài tập về nhà bài 4
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 5: ??????????????????
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
4. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ????

#### **Bài 6. ???**

1. Sửa bài tập về nhà bài 5
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 6: ???+?????????????.....?.....
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
4. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ???

#### **Bài 7. ????**

1. Sửa bài tập về nhà bài 6
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 7: ??+????????????????????????
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
4. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ????

## **Bài 8. ?????**

1. Sửa bài tập về nhà bài 7
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 8: ??????????????????(?)
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
4. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ?????

## **Bài 9. ?????**

1. Sửa bài tập về nhà bài 8
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 9: ??????????????.....??
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
4. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ?????

## **Bài 10. ?????**

1. Sửa bài tập về nhà bài 9
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 10: ??????????????????
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.
4. Giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài khóa ?????

## **Bài 11. ??????**

1. Sửa bài tập về nhà bài 10
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 11: ?????????????????????????+??
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.





2	5	Bài 1: ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 1. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 1.</li> </ul>	<p>1.????( 2013) , ?????  ?????(?), Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội – trang 01.</p> <p>2. ????????</p>
3	5	Bài 2: ???	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 2. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 2.</li> </ul>	<p>1.????( 2013) , ?????  ?????(?), Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội – trang 15.</p> <p>2. ????????</p>

4	5	Bài 3: ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 3. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 3.</li> </ul>	<p>1.????( 2013) , ?????  ?????(?), Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội – trang 28.</p> <p>2. ????????</p>
5	5	Bài 4: ??	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 4. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 4.</li> </ul>	<p>1.????( 2013) , ?????  ?????(?), Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội – trang 39.</p> <p>2. ????????</p>

6	5	Bài 5: ????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 5. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 5.</li> </ul>	<p>1.????( 2013) , ????</p> <p>?????( ?) , Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội – trang 52.</p> <p>2. ????????</p>
7	5	Bài 6: ???	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 6. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 6.</li> </ul>	<p>1.????( 2013) , ????</p> <p>?????( ?) , Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội – trang 66.</p> <p>2. ????????</p>

8	5	Bài 7: ????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 7. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 7.</li> </ul>	<p>1. ???(2013), ???        ?????(?), Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội – trang 78.</p> <p>2. ????????</p>
9	5	Kiểm tra giữa kỳ  Bài 8: ????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- Làm bài kiểm tra giữa kỳ.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 8. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 8.</li> </ul>	<p>1. ???(2013), ???        ?????(?), Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội – trang 92.</p> <p>2. ????????</p>

10	5	Bài 9: ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 9. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 9.</li> </ul>	<p>1.????( 2013) , ?????  ?????(?), Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội – trang 104.</p> <p>2. ????????</p>
11	5	Bài 10: ????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 10. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 10.</li> </ul>	<p>1.????( 2013) , ?????  ?????(?), Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội – trang 117.</p> <p>2. ????????</p>

12	5	Bài 11: ????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 11. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài 12. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 11.</li> </ul>	<p>1.???(2013), ????</p> <p>?????(?), Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội – trang 130.</p> <p>2. ????????</p>
13	5	Bài 12: ????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 12. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài 12. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 12.</li> </ul>	<p>1.???(2013), ????</p> <p>?????(?), Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội – trang 145.</p> <p>2. ????????</p>

14	5	Bài 13: ????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 13. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài 12. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 13.</li> </ul>	<p>1. ???(2013), ???        ?????(?), Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội – trang 158.</p> <p>2. ????????</p>
15	5	Ôn tập		<p>1. ???(2013), ???        ?????(?), Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội.</p> <p>2. ????????</p>

*Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15 tháng 07 năm 2016*

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**Người biên soạn**

**PGS.TS NGUYỄN ĐÌNH PHÚC TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương ThS. Vũ Thị Hương Trà**



**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV**  
**KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

Tên tiếng Việt: **Ngữ pháp TC2 (khối D1)**

- Mã môn học: NVT065

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		<input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

**2. Số tín chỉ: 3**

**3. Trình độ:** dành cho sinh viên năm thứ 2

**4. Phân bố thời gian:** 75 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thực hành: 30 tiết
- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết
- Các hoạt động khác: (*bài tập, trò chơi, đố vui, diễn kịch, xem phim, ...*): 5 tiết

### 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Ngữ pháp TC1
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Người học bắt buộc phải hoàn tất chương trình Ngữ pháp trung cấp 2, nắm vững khoảng 2500 từ.

**6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Tiến hành giảng dạy các điểm ngữ pháp, các cấu trúc ngữ pháp cơ bản và nâng cao.

### 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Học phần Ngữ pháp trung cấp 2 giúp người học củng cố và mở rộng các điểm ngữ pháp một cách có hệ thống, từ đó nâng cao trình độ ứng dụng Hán ngữ vào các loại hình diễn đạt khác nhau. Đây là bước đệm quan trọng để chuyển tiếp sang chương trình Hán ngữ trung cấp 3.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể nắm vững và sử dụng tương đối thành thạo vốn từ vựng khoảng 3000 từ; sử dụng tương đối thuần thục những điểm ngữ pháp nâng cao để diễn đạt những câu phức tạp.

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

	<p>- Diễn đạt hoặc lý giải được một cách chuẩn xác các câu từ đơn giản đến phức tạp, và đặt được các câu tương đối khó, phù hợp với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp trung cấp.</p>	<p>- GV thuyết trình. - SV Thảo luận nhóm.</p>	<p>- Kiểm tra giữa kỳ. Kiểm tra cuối kỳ.</p>	<p>- Tích lũy khoảng 3000 từ vựng. - Phân biệt được những điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau trong tiếng Hán. - Nắm vững được những kết cấu ngữ pháp nâng cao để ứng dụng trong các loại hình diễn đạt khác nhau.</p>	<p>- Vận dụng linh hoạt những từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học để nâng cao khả năng diễn đạt bằng tiếng Hán.</p>	<p>- Tự tin hơn trong các công việc có sử dụng tiếng Hán như: biên, phiên dịch Việt – Hán, Hán – Việt...</p>
--	---	--	--	---	---	--

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Giáo trình:

??(2003), ?? — ???????? (?), ???????????

- Tài liệu tham khảo:

1) ???(2003), ???????, ???????

- 2) ??? ???(2006), ?????????, ??????
- 3) ??? ???(2007), 1700 ?????????, ??????????
- 4) ??(1992), ??????(?), ?????????
- 5) ???(2004)????(?), ?????????

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Hàng ngày	- Chuyên cần	1 %	Điểm giữa kỳ	30%
Giữa kỳ	- Thuyết trình	2 %		
	- Bài tập	2 %		
	- Kiểm tra giữa kỳ	95%		
Cuối kỳ	Thi cuối kỳ	100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

Trung bình: 5 – 6: Nắm được cơ bản kiến thức ngữ pháp trong chương trình Trung cấp 2

Khá: 7: Hiểu được và áp dụng được những kiến thức ngữ pháp trong chương trình Trung cấp 2

Giỏi: 8-9: Vận dụng khá tốt những kiến thức ngữ pháp trong chương trình Trung cấp 2.

Xuất sắc: 10: Hiểu và vận dụng nhuần nhuyễn những kiến thức ngữ pháp trong chương trình Trung cấp 2.

Hình thức thi: Thi trắc nghiệm + viết. Thời gian làm bài 75 phút.

### 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

#### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Phải tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp.
- Phải đọc tài liệu chính và chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Tích cực tham gia đóng góp ý kiến và thảo luận trong giờ học.
- Hoàn thành các bài tập được giao trên lớp và khi về nhà.
- Đọc tài liệu tham khảo

### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Nếu vắng học quá 20% số tiết sẽ bị cấm thi cuối kỳ.
- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.
- Sinh viên phải chấp hành đúng qui chế của nhà trường khi tham gia các kỳ thi: không quay cóp, không trao đổi bài, không sử dụng điện thoại di động và các thiết bị nghe nhìn...Nếu vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định của nhà trường.

### **11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)**

- Qua email hoặc điện thoại.

## **12. Nội dung chi tiết môn học:**

### **Bài 1 ??????**

1. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 1: ?? ; ??, ??..... ?.....; ?, ??, ??, ?... ??, ....??
2. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.

### **Bài 2 ??????**

1. Sửa bài tập về nhà bài 1
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 2: ?.....?....., ??, ??.....?, ?.....?....., ??.....??....., ??, ??
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích,

chỉnh sửa lỗi sai.

### **Bài 3 ??????????**

1. Sửa bài tập về nhà bài 2
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 3: ??; ??; ???; ..... ??; ??; ?; ..... ??; ??
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.

### **Bài 4. ??????**

1. Sửa bài tập về nhà bài 3
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 4: .....??; ??; ??; ???; .....?.....; ?; ?..... ?; ?; ??
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.

### **Bài 5 ??“??”**

1. Sửa bài tập về nhà bài 4
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 5: .... ??; ??; ?... ?; ??.... ?... ; ??; .... ??; ??; ..... ??
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.

### **Bài 6 ??**

1. Thảo luận bài 5
2. Sửa bài tập về nhà bài 5
3. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 6: ?; .....??; ??; ??; ??; ?.....?.....; .... ??
4. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.

### **Bài 7 ??????**

1. Sửa bài tập về nhà bài 6
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 7: ??; ??.....?.....; ??; ??; ??; ??; ??; ??; ???; ?.....?.....
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.

### **Bài 8 ?????**

1. Sửa bài tập về nhà bài 7
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 8: ??; ??; ??; ??; ???; ?? ..... ? .....
3. ....; ..... ? ..... ?; ???; ????????????
4. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.

### **Bài 9 ?????**

1. Sửa bài tập về nhà bài 7
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 9: ?; .... ?; .... ??; .... ??; ?(?)
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.

### **Bài 10 ???????**

1. Sửa bài tập về nhà bài 9
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 10: ?; ???; ??.... ???; ??; ?? .... ??; ?; ??; .... ??; ?(?); ??
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.

### **Bài 11 ?????**

1. Sửa bài tập về nhà bài 10.
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 11: ?; ???; ?; ?? ..... ? .....; ?? ..... ?? ..... ? .....; ?; ?? ..... ? .....; ??
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.

### Bài 12 ???

1. Sửa bài tập về nhà bài 11.
2. Giảng dạy các điểm ngữ pháp bài 12: ?.... ; ??..... ?.... ; ??; ??; ??; ?; ?.... ??; ??; ??
3. Hướng dẫn sinh viên đặt câu với những điểm ngữ pháp trong bài; sau đó tiến hành phân tích, chỉnh sửa lỗi sai.

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	Ôn kiến thức cơ bản trong chương trình môn dịch năm 1.	- GV thuyết trình. - SV làm bài tập. - SV chơi trò chơi.	??????  ??????



2	5	Bài 1: ????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 1. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 1.</li> </ul>	<p>?? — ??????????</p> <p>(?) trang 1</p> <p>????????</p> <p>????????</p> <p>1700 ??????????</p>
3	5	Bài 2: ??????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 2. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 2.</li> </ul>	<p>?? — ??????????</p> <p>(?) trang 18</p> <p>????????</p> <p>????????</p> <p>1700 ??????????</p>

4	5	Bài 3: ????? ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 3. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài3.</li> </ul>	?? — ?????????? (?) trang 33 ??????? ????????? 1700 ??????????
5	5	Bài 4: ????? ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 4. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài4.</li> </ul>	?? — ?????????? (?) trang 50 ??????? ????????? 1700 ??????????

6	5	Bài 5: ??“?” ?”	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 5. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài5.</li> </ul>	<p>?? — ??????????</p> <p>(?) trang 66</p> <p>????????</p> <p>????????</p> <p>1700 ??????????</p>
7	5	Bài 6: ??	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 6. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài6.</li> </ul>	<p>?? — ??????????</p> <p>(?) trang 84</p> <p>????????</p> <p>????????</p> <p>1700 ??????????</p>
8	5	Kiểm tra giữa kỳ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- Làm bài kiểm tra giữa kỳ.</li> <li>- Xem phim.</li> </ul>	<p>?? — ??????????</p> <p>(?)</p>

9	5	Bài 7: ?????? ?	<p>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 7. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</p> <p>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</p> <p>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</p> <p>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 7.</p>	<p>?? — ?????????? (?) trang 103</p> <p>????????</p> <p>????????</p> <p>1700 ??????????</p>
10	5	Bài 8: ??????	<p>- Sửa bài tập về nhà.</p> <p>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 8. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</p> <p>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</p> <p>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</p> <p>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 8.</p>	<p>?? — ?????????? (?) trang 119</p> <p>????????</p> <p>????????</p> <p>1700 ??????????</p>

11	5	Bài 9: ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 9. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 9.</li> </ul>	<p>?? — ??????????</p> <p>(?) trang 137</p> <p>????????</p> <p>????????</p> <p>1700 ??????????</p>
12	5	Bài 10: ????? ???	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 10. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 10.</li> </ul>	<p>?? — ??????????</p> <p>(?) trang 157</p> <p>????????</p> <p>????????</p> <p>1700 ??????????</p>

13	5	Bài 11: ????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 11. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài 12. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 11.</li> </ul>	<p>?? — ??????????</p> <p>(?) trang 175</p> <p>????????</p> <p>????????</p> <p>1700 ??????????</p>
14	5	Bài 12: ???	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà.</li> <li>- GV giảng dạy các điểm ngữ pháp trong bài 1. So sánh điểm giống và khác giữa các điểm ngữ pháp có cách dùng tương tự nhau, đưa ra những ví dụ cụ thể giúp sinh viên phân biệt rõ ràng, tránh nhầm lẫn trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV luyện tập đặt câu với vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp được học trong bài 12. GV tiến hành phân tích và chỉnh sửa để SV nắm vững hơn bài học và khắc phục những lỗi sai trong quá trình ứng dụng.</li> <li>- SV tìm và phân tích các điểm ngữ pháp trong bài khóa dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV cung cấp bài tập mở rộng với các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp mới vừa học trong bài 12.</li> </ul>	<p>?? — ??????????</p> <p>(?) trang 193</p> <p>????????</p> <p>????????</p> <p>1700 ??????????</p>
15	5	Ôn tập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng kết các điểm ngữ pháp từ bài 1 đến bài 12.</li> <li>- Giảng trọng điểm những điểm ngữ pháp SV còn chưa rõ. Cho ví dụ minh họa và bài tập ứng dụng.</li> </ul>	

*TP. Hồ Chí Minh ngày 12 tháng 07 năm 2016*

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**Người biên soạn**

**PGS.TS NGUYỄN ĐÌNH PHÚC TS. NGUYỄN VŨ QUỲNH PHƯƠNG ThS. NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG**

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

### **1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Từ vựng văn hoá Trung Quốc**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): Chinese Culture-Linguistics/ ????????

- Mã môn học: NVT

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

### **2. Số tín chỉ: 02**

**3. Trình độ:** dành cho sinh viên năm thứ 3, 4

**4. Phân bố thời gian:** 30 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 05 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm và các hoạt động khác: 05 tiết

- Tự học: 05 tiết

### **5. Điều kiện tiên quyết:**

- Môn học tiên quyết: Đã hoàn thành các học phần kiến thức cơ sở ngành.

### **6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Khái lược về ngôn ngữ học văn hóa. Quan hệ giữa tiếng Trung Quốc và văn hóa truyền thống Trung Quốc. Hướng phát triển mới của ngôn ngữ học Trung Quốc.

### **7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:**

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng/lý thuyết và thực hành về



ngôn ngữ, từ vựng và văn hóa truyền thống Trung Hoa.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

+ Phân tích được những hiện tượng văn hoá trong ngôn ngữ;

+ Giải nghĩa được một số từ, thành ngữ, tục ngữ, điển cố... Từ đó sử dụng đúng ngữ nghĩa, ngữ cảnh của các từ, thành ngữ, tục ngữ đó.

+ Đánh giá được tầm quan trọng của văn hoá và ngôn ngữ.

+ Áp dụng được những kiến thức của môn học vào thực tiễn, trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ (khẩu ngữ lẫn viết văn).

### 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	VD: <i>Mô tả/trình bày được....</i>	<i>GV thuyết trình</i> <i>Thảo luận nhóm</i> <i>SV thuyết trình</i> .....	<i>Kỹ năng trình bày</i> <i>Ý kiến hỏi đáp</i> <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/ Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được những hiện tượng văn hoá trong ngôn ngữ;</li> <li>- Giải nghĩa được một số từ, thành ngữ, tục ngữ, điển cố...</li> <li>- Đánh giá được tầm quan trọng của văn hoá và ngôn ngữ.</li> <li>- Áp dụng được những kiến thức của môn học vào thực tiễn, trong giao tiếp ngôn ngữ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- SV thuyết trình</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng trình bày</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ</li> </ul>	<p><i>PLO1</i> SV có khả năng áp dụng được các lý thuyết của môn học để ứng dụng và hỗ trợ trong việc học tiếng Hán, cụ thể là các môn viết văn, văn tự - từ vựng học, khẩu ngữ...</p>	<p><i>PLO2</i> SV có kỹ năng thuyết trình, giải nghĩa, trình bày (bằng tiếng Hán) những kiến thức liên quan đến các hiện tượng văn hoá trong ngôn ngữ.</p>	<p><i>PLO3</i> - Có thái độ nhìn nhận đúng đắn về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá. - Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực tham gia xây dựng bài.</p>

## 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính

1. Quách Cẩm Phù (2010), *Hán ngữ và văn hoá truyền thống Trung Quốc*, Thương vụ ấn thư quán, TQ (??????????????, ??, ?????, 2010)

- Tài liệu tham khảo/bổ sung :

1. Dương Lâm (1996). *Từ vựng tiếng Hán và văn hóa Hoa Hạ*, NXB Ngữ văn, TQ. ( ?? ?????????????? [M].??: ?????, 1996)
2. Thường Kính Vũ (2009). *Văn hóa từ vựng tiếng Hán*, NXB Đại học Bắc Kinh, TQ. ( ??? ?????????? ? : ???????, 2009)

- Trang Web/CDs tham khảo

## 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Sau mỗi bài Giữa kỳ	VD: - Chuyên cần - Thuyết trình - Bài tập	10 % 60% 30% 100%	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	- Bài thu hoạch - Thi cuối kỳ/Tiểu luận	50% 50% 100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

### Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá

+ Từ 5 đến 6 điểm: Trung bình. SV chỉ đạt ở mức độ biết và hiểu những kiến thức cơ bản về môn học.

+ Từ 7 đến 8 điểm: Khá: SV biết phân tích một hiện tượng văn hoá trong ngôn ngữ và có thể áp dụng những kiến thức đó vào các môn học khác để nâng cao trình độ tiếng Hán.

+ Từ 9 đến 10 điểm: Tốt: SV biết đánh giá, phân tích, giải nghĩa một cách chi tiết về một hiện tượng văn hoá trong ngôn ngữ, đồng thời có khả năng tổng hợp các kiến thức được học ở môn này để ứng dụng vào thực tiễn.

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

+ Hình thức Giữa kỳ: Thuyết trình (bằng tiếng Hoa) với những chủ đề xoay quanh một hiện tượng văn hoá trong ngôn ngữ tiếng Hán. Có thể kết hợp so sánh, đối chiếu với hiện tượng đó trong ngôn ngữ tiếng Việt, tiếng Anh... (Mỗi nhóm chọn 01 chủ đề, mỗi nhóm thuyết trình không quá 15 phút.)

+ Hình thức Cuối kỳ: Nộp bài thu hoạch hoàn chỉnh về một chủ đề liên quan đến ngôn ngữ và văn hoá. Thi trắc nghiệm kiến thức. (Không được sử dụng tài liệu, trắc nghiệm 50 câu, thời gian làm bài tối đa 45 phút)

## 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp.
- Tuyệt đối không được đi trễ.

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp.
- Hoàn tất các bài tập, bài thuyết trình được giao.

## 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Nộp bài thu hoạch trễ trong vòng 1 tuần sẽ bị trừ điểm vào điểm Cuối kỳ.
- Trường hợp đạo văn, không trích dẫn nguồn sẽ bị trừ điểm.

## 12. Nội dung chi tiết môn học:

### Chương I: ??

1. ?????????

2. ?????????

### Chương II: ?????????????

1. ?????????????

2. ?????????????

3. ?????????????

### Chương III: ?????????????????

1. ????

2. ?????????

3. ?????????

4. ??????

### Chương IV: ???/?/????????????????

1. ????

a. ???

b. ???

c. ???

d. ???

e. ???

2. ????

a. ?????????

b. ?????????

### Chương V: ?????????????????

1. ??????:

????????????????

2. ???

- a. ????????????
- b. ??????: ??????????: ??????.....

3. ??

- a. ????????????
- b. ????????????
- c. ??????

**Chương VI : ????????????????????**

- 1. ??????
- 2. ??????: ????????????????
- 3. ???

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
-------------	------------------	------------------	---	-----------------------------------

1	5	<p><b>Chương I:</b> ?? 1.?????????</p> <p><b>Chương II:</b> ??????????????</p> <p>1. ??????????????</p> <p>2. ??????????????</p> <p>3. ??????????????????</p>	<p>- GV thuyết giảng phần Lý luận chương I</p> <p>- SV thực hành thảo luận những vấn đề được đề cập đến ở chương II, thuyết trình.</p>	<p>- Quách Cẩm Phù (2010), Hán ngữ và văn hoá truyền thống Trung Quốc, Thương vụ ấn thư quán, TQ (??????????????, ??, ??, ?????, 2010)</p> <p>- Dương Lâm (1996). Từ vựng tiếng Hán và văn hóa Hoa Hạ, NXB Ngữ văn, TQ.(?.??????, ?????[M].?: ?????, 1996)</p> <p>- Thường Kính Vũ (2009). Văn hóa từ vựng tiếng Hán, NXB Đại học Bắc Kinh, TQ. (???.?????????.?: ????????, 2009)</p>
2	5	<p><b>Chương III:</b> ??????????????????</p> <p>?????</p> <p>1. ????</p> <p>2. ??????????</p> <p>3. ??????????</p> <p>4. ???????</p>	<p>- SV chuẩn bị bài, SV thảo luận, thuyết trình.</p> <p>- GV đúc kết, nhận xét.</p>	- nt-
3	5	<p><b>Chương IV:</b> ?????/???????????????</p> <p>???????</p> <p>1.?????</p> <p>a. ???</p> <p>b. ???</p> <p>c. ???</p> <p>d. ???</p> <p>e. ???</p> <p>2.?????</p> <p>a. ??????????????</p> <p>b. ??????????????</p>	<p>- SV chuẩn bị bài, SV thảo luận, thuyết trình.</p> <p>- GV đúc kết, nhận xét.</p>	-nt-

4+5	10	<p><b>Chương V:</b> ??????????????????</p> <p>??</p> <p>1. ??????: ????????????????????</p> <p>2. ???</p> <p>a. ?????????????</p> <p>b. ??????: ??????????????: ????? ??.....</p> <p>3. ??</p> <p>a. ?????????????</p> <p>b. ?????????????</p> <p>c. ??????</p> <p><b>Chương VI :</b> ??????????????????</p> <p>??</p> <p>1. ??????</p> <p>2. ??????: ?????????????????</p> <p>3. ???</p>	<p>- SV chuẩn bị bài, SV thảo luận, thuyết trình. - GV đúc kết, nhận xét.</p>	-nt-
6	5	<b>Kiểm tra giữa kỳ /cuối kỳ/ nộp bài thu hoạch</b>		

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2016

Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Đình Phúc

PGS.TS. Nguyễn Đình Phúc

TS. Trương Gia Quyền

TS. Tống Thị Quỳnh Hoa

**\* Ghi chú tổng quát:**

Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):

**Giảng viên phụ trách môn học** (có thể dùng bảng hoặc không)

Họ và tên: <b>TRƯƠNG GIA QUYÊN</b>	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: B014, K.Ngữ văn TQ, ĐHKHXH&NV TPHCM, 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, TPHCM.	Điện thoại liên hệ: 01212983485
Email: giaquyen1983@gmail.com	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên: <b>TÔNG THỊ QUỲNH HOA</b>	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: B014, K.Ngữ văn TQ, ĐHKHXH&NV TPHCM, 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, TPHCM.	Điện thoại liên hệ: 0938180106
Email: quynhhoatong@yahoo.com	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	E-mail: giaquyen1983@gmail.com
-------------------------------	--------------------------------

Nơi tiến hành môn học:	CS Đinh Tiên Hoàng.
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV  
KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC**



# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

**Giảng viên phụ trách môn học:** Tống Thị Quỳnh Hoa

Học hàm, học vị: tiến sĩ

Điện thoại liên hệ: 0938180106

Email: [quynhhoatong@yahoo.com](mailto:quynhhoatong@yahoo.com)

[quynhhoatong@gmail.com](mailto:quynhhoatong@gmail.com)

## 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học: **Chuyên đề ngữ pháp**

- Mã môn học: NVT

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

## 2. Số tín chỉ: 2

## 3. Trình độ (dành cho sinh viên năm thứ 3)

## 4. Phân bố thời gian: 45 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 15 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết

- Các hoạt động khác: (bài tập, trò chơi, đố vui, diễn kịch, xem phim, ...): 5 tiết

## 5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Người học đã hoàn thành học phần Hán ngữ cơ sở và Hán ngữ trung cấp.

## 6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Giới thiệu và hệ thống kiến thức ngữ pháp tiếng Hán hiện đại.

## 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: giúp cho sinh viên ngành ngữ văn Trung Quốc nắm vững kiến thức ngữ pháp tiếng Hán hiện đại.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: sinh viên được nâng cao trình độ tiếng Hán, bổ sung và nắm vững một cách hệ thống kiến thức ngữ pháp tiếng Hán hiện đại.

## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	Nắm vững kiến thức ngữ pháp tiếng Hán hiện đại.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- SV thuyết trình.</li> </ul>	Kiểm tra giữa kỳ

## 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu tham khảo :
- ???(2009), ?????????, ????????, ??.
- ???(2008), ??????, ??????????, ??.
- ???(2001), ?????????, ??????, ??.
- ???(1999), ?????????, ??????, ??.
- ???(2009), ??????, ??????????, ??.

## 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Hàng ngày	- Chuyên cần	10 %	Điểm giữa kỳ	30%
Giữa kỳ	- Thuyết trình	20 %		
	- Bài tập	20 %		
	- Kiểm tra giữa kỳ	50%		
Cuối kỳ	- Thi cuối kỳ	100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

## 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp.
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp.
- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành.
- Hoàn thành các bài tập, bài thảo luận.

### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.

### 11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

- Qua mail hoặc điện thoại ngoài giờ lên lớp.

## 12. Nội dung chi tiết môn học:

??? ????

1. ?????
2. ????
3. ?????
4. ??
5. ????
6. ?????

??? ??

1. ??
2. ??
3. ???
4. ??
5. ??
6. ??
7. ??

?????

1. ??
2. ??
3. ??
4. ???

?????

1. “?”
2. “?”
3. “?”
4. “??????”
5. “?”? “?????”

??? ??

1. ??????
2. ???????
3. ???????

??? ??????????

1. “?”
2. “?”
3. ????

??? ??

1. ????
2. ?????
3. ????
4. ????

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	Giới thiệu khái quát môn học, tài liệu tham khảo ??? ????	- GV thuyết trình - SV làm bài tập - Thảo luận	???????? ????????
2	5	??? ??	- SV thuyết trình - Sửa bài tập về nhà - SV thuyết trình - GV thuyết trình - Thảo luận	???????? ???????? ????????
3	5	??? ??	- SV thuyết trình - Sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - Thảo luận - SV chơi trò chơi	???????? ??????
4	5	??? ??	- SV thuyết trình - Sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - SV thảo luận	???????? ???????? ????????
5	5	??? ??	- SV thuyết trình - Sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - SV chơi trò chơi	???????? ???????? ????????
6	5	kiểm tra giữa kỳ		
7	5	??? ??????????	- SV thuyết trình - Sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - SV chơi trò chơi	???????? ????????
8	5	??? ??	- SV thuyết trình - Sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - SV thảo luận	???????? ????????

9	5	Ôn tập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV thảo luận</li> <li>- Xem phim</li> </ul>	<p>???????</p> <p>???????</p> <p>???????</p>
---	---	--------	---	--

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2016*

**Người biên soạn**

**PGS.TS. NGUYỄN ĐÌNH PHÚC**

**TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương**

**TS. Tống Thị Quỳnh Hoa**

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV**  
**KHOA/BỘ MÔN THỰC HÀNH TIẾNG**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Quán ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): ????????

- Mã môn học:

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

**2. Số tín chỉ: 2**

**3. Trình độ** (dành cho sinh viên năm thứ 3)

**4. Phân bố thời gian:** 30 tiết (*1 TC = 06 tiết lý thuyết hoặc 09 tiết thực hành*)

- Lý thuyết: 10 tiết

- Thực hành: 10 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 05 tiết

- Các hoạt động khác: (*bài tập, trò chơi, đố vui, diễn kịch, xem phim, ...*): 05 tiết

- Tự học:.....tiết

**5. Điều kiện tiên quyết:**

- Môn học tiên quyết: .....

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng:.....

**6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Môn học giới thiệu, giải thích và luyện tập một quán ngữ thường dùng trong quá trình giao tiếp.

## 7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về cách sử dụng các quán ngữ thường dùng trong giao tiếp. Những kiến thức và kỹ năng này giúp sinh viên dễ dàng hiểu và tiếp cận nhanh hơn trong quá trình giao tiếp với người bản xứ.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể hiểu và dùng được một số quán ngữ thông dụng, áp dụng chúng vào những cảnh huống cụ thể, tránh được hiểu lầm và những tình huống ngoài ý muốn trong quá trình giao tiếp. Do quán ngữ là một trong những hiện tượng ngôn ngữ phản ảnh văn hóa, nên việc nắm bắt được quán ngữ cũng góp phần giúp sinh viên hiểu thêm về văn hóa bản địa, qua đó nâng cao trình độ giao tiếp trong cuộc sống và công việc thực tế.

## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp dụng được những kiến thức trong quá trình học vào các cảnh huống cụ thể.</li> <li>- Hiểu thêm về văn hóa bản địa, qua đó nâng cao trình độ giao tiếp trong cuộc sống và công việc thực tế.</li> </ul>	GV thuyết trình và hướng dẫn SV luyện tập theo nhóm và cá nhân nộp lại bài tập cho GV kiểm tra	Kỹ năng sử dụng quán ngữ trong giao tiếp. Kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp dụng được những kiến thức trong quá trình học vào các cảnh huống cụ thể.</li> <li>- Hiểu thêm về văn hóa bản địa, qua đó nâng cao trình độ giao tiếp trong cuộc sống và công việc thực tế.</li> </ul>	<i>GV thuyết trình</i> <i>Thảo luận nhóm</i> <i>SV thuyết trình</i>	<i>Kỹ năng trình bày</i> <i>Ý kiến hỏi đáp</i> <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết cấu, ý nghĩa của quán ngữ</li> <li>- Cảnh huống của quán ngữ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu ý nghĩa của những quán ngữ đã học</li> <li>- Sử dụng được các quán ngữ đã học</li> </ul>	Tích cực học tập

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính: ?????????????, ???, ??????????, 2007

- Tài liệu tham khảo/bổ sung:

1. ?????????, ?????????, ?????????, 2004
2. ????? 10000 ??, ????????? ?, ?????????, 2012
3. ????????? 365?, ????????? ?, ??????????, 2009
4. ??????????, ????????? ?, ??????????, 2006

Và các tạp chí, sách báo khác

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
<i>Giữa kỳ</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ</li> </ul>	1 điểm 9 điểm	<i>Điểm giữa kỳ</i>	30%
<i>Cuối kỳ</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thi cuối kỳ</li> </ul>	10 điểm	<i>Điểm cuối kỳ</i>	70%
				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>

**Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

- Xếp loại đánh giá:

9-10 điểm: giỏi (hiểu và vận dụng nhuần nhuyễn những kiến thức môn học cung cấp, ngoài ra có thể vận dụng những kiến thức cơ bản để tìm hiểu các quán ngữ khác.)



7-8 điểm: khá (hiểu và sử dụng hợp lý những kiến thức môn học cung cấp)

5-6 điểm: trung bình (hiểu những kiến thức môn học cung cấp)

Dưới 5 điểm: không đạt

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Hình thức thi: viết / vấn đáp

Nội dung thi: kiểm tra những kiến thức và khả năng sử dụng các quán ngữ trong quá trình học.

Tiêu chí chấm điểm:

9-10 điểm: hiểu và vận dụng nhuần nhuyễn quán ngữ, nêu được nghĩa của các quán ngữ nằm ngoài nội dung học

7-8 điểm: hiểu và sử dụng hợp lý các quán ngữ đã học

5-6 điểm: hiểu các quán ngữ trong quá trình học

## 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định

- Không được nghỉ học quá 20% số tiết.

- Tuyệt đối không được gây mất trật tự và ăn trong giờ học.

- Thực hành, làm bài tập và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp.

### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ

- Chấp hành đúng quy định trong thi cử

### 11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

- SV có thể trao đổi với giáo viên vào cuối buổi học hoặc đầu giờ trước khi vào tiết học.

## 12. Nội dung chi tiết môn học:

???: ??????????????

?, ??

?, ??: ???...../.....???: / .....???: / ??? / .....???: / ??, ..... / ??, ??, ...../????? /

.....???:/???, ..... / ????? / ?? / .....???? / .....???:/.....???: / ....., ???: / .....????.....

/ .....?.....?..... / .....????.....

?, ??

???: ??????????

?, ??  
 ?, ??: .....??/?/?.....?/?.....?/?.....?/?.....?/?.....?/?.....?/? /.....?/?/  
 .....?/?...../ .....?/?/ .....?/?/? /.....?/?/? / ??,...../ .....?/?/?/? / .....?/?/?/? / ?...  
 .../ ?/?/?/.....?/?/?

**???: ? 60 ????????**

?, ??  
 ?, ??: .....??/?/? ,...../ .....?/?/?...../ ?/?/?...../ .....?/?...../ ?/?/?...../ ?/?...../ ...  
 ...?/?/?/? / .....?/?/?/ .....?/?/? / .....?/?/? / .....?/?/?...../ .....?/?...../ .....?/?/?/?/? / ...  
 ...?/?/?/?/? / .....?/?/? , ?/?/?/ .....?/?/?...../.....?/?/?.....

**???: ????????**

?, ??  
 ?, ??: .....?/?/?/?/? / .....?/?/?/?/? / .....?/?/?/?/? / .....?/?/?/?/?/?/?/?/?/? / ?/?/?...../ ?/?...../ ?/?...  
 .../ .....?/?/? / .....?/?/?/?/? / ?/?...../ .....?/?/?/?...../.....?/?/?/?...../.....?/?/?.....

**???: ????????**

?, ??  
 ?, ??: .....?/?...../ .....?/?/?/? / .....?/?.....?/?/?/?/?/?/?/?/?...../ .....?/?/?/?/?...../ .....?/?  
 ?/?/?/?/?/?/?/? / .....?/?/?/?.....?/?/?/?/? / .....?/?...../.....?.....?/? / .....?/?/?/?/?.....?/?  
 ? , ?/?...../.....?/?/?/? / .....?/?/?/?/?.....?/?/?/?/?.....?/?/?/.....?/?.....

**?????**

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

Buổi / Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	???: ??????????? ??	- GV thuyết trình - SV ghi chép và thảo luận nhóm - Thực hành tại lớp	?????????????, ???, ?? ?????????, 2007
2	5	???: ??????????	- Sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - SV ghi chép và thảo luận nhóm - Thực hành tại lớp	????????????????, ???, ?? ?????????, 2007

3	5	???: ? 60 ????????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV ghi chép và thảo luận nhóm</li> <li>- Thực hành tại lớp</li> </ul>	?????????????, ???, ?? ????????, 2007
4	5	???: ??????????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV ghi chép và thảo luận nhóm</li> <li>- Thực hành tại lớp</li> </ul>	????????????????, ???, ?? ????????, 2007
5	5	???: ????????????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa bài tập về nhà</li> <li>- GV thuyết trình</li> <li>- SV ghi chép và thảo luận nhóm</li> <li>- Ôn tập</li> </ul>	????????????????, ???, ?? ????????, 2007
6	5	????? ?????	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn tập</li> <li>- Thi giữa kỳ</li> </ul>	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 05 năm 2016

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS Nguyễn Đình Phúc TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Phương ThS. Trương Phan Châu Tâm

**\* Ghi chú tổng quát:**

Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

Họ và tên: <b>Trương Phan Châu Tâm</b>	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 10 - 12 Đinh Tiên Hoàng, F. Bến Nghé, Q. 1	Điện thoại liên hệ:

Email:chautam@hcmussh.edu.vn	Trang web:
------------------------------	------------

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	Liên lạc qua điện thoại và e - mail
-------------------------------	-------------------------------------

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

## PHỤ LỤC

\*Ghi chú: Các đề cương chi tiết môn học được sắp xếp theo thứ tự của Mã môn học.